LÊ CAO ĐÀI

Tây Nguyên ngày ấy

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Table of Contents

CÙNG MỘT TÁC GIẢ
LỜI GIỚI THIỆU
CHUẨN BỊ
LÊN ĐƯỜNG
NGÃ BA BIÊN GIỚI
BỆNH VIỆN Ở TÂY NGUYÊN
TẾT MẬU THÂN
SÓNG GIÓ
HỘI NGHỊ QUÂN Y CÁC CHIẾN TRƯỜNG
BỆNH VIỆN DÃ CHIẾN Z25
TRỞ LẠI CÁNH TRUNG
TRỞ VỀ

Tên sách: Tây Nguyên ngày ấy
Tác giả: Lê Cao Đài
Nhà xuất bản: Lao động
Năm xuất bản: 2004
Số hoá: ptlinh, chuongxedap [Nguồn]

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

*** Chẩn đoán học ngoại khoa** - Bài giảng Trường Quân y Trung cấp (cùng tập thể) - Cục Quân y xuất bản 1957.

*** Một số vấn đề cấp cứu bụng** - Cục Quân y, 1961.

*** Chấn thương lồng ngực** (cùng với tập thể) - NXB Y học, 1981.

*** Từ điển Ngoại khoa** 2 tập (cùng với tập thể) NXB Y học, 1982.

*** Sốc chấn thương** (cùng với tập thể) NXB Y học, 1983.

*** Ngoại khoa** (cùng với tập thể) Giáo trình sau Đại học - Trường Đại học Y Hà Nội, 1983.

*** Từ điển Y học sáu thứ tiếng** (Anh - Nga - Pháp - Đức - Latinh - Việt) (cùng với tập thể) NXB Y học, NXB Thống kê, 1993.

*** Cha con tôi** (cùng với tập thể) dịch từ nguyên bản tiếng Anh cuốn "My father, My son" E.Zumwalt. NXB Chính trị quốc gia, 1996.

*** Tây Nguyên ngày ấy** (truyện ký) - NXB Lao Động, 1997, tái bản 2002.

*** Chất da cam trong chiến tranh Việt Nam - Tình hình và hậu quả** - Hội chữ thập đỏ Việt Nam - 1999, dịch sang tiếng Anh "Agent orange in the Vietnam war History anh Consequencess". Người dịch Diana Fox. Hiệu đính Nguyễn Khuyến - Hà Nội 2000.

*** Các nghiên cứu về Ngoại khoa và Ngoại khoa chiến tranh** đăng trên các báo và tạp chí Y học Việt Nam.

*** Các nghiên cứu về hậu quả chiến tranh hoá học**. Báo cáo tại các hội thảo khoa học trong và ngoài nước.

LỜI GIỚI THIỆU

Cuộc sống và chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên đã đào luyện cho tác giả thành một bác sĩ chiến binh.

Hoà mình trong cuộc chiến đấu ác liệt, gian khổ, người bác sĩ chiến binh càng có nhiều sáng tạo trong công tác sinh hoạt và chiến đấu. Người bác sỹ quân y ở chiến trường phải làm tất cả: cầm dao kéo, cầm xẻng đào công sự, cầm cuốc để sản xuất, cầm súng để chiến đấu và cầm bút để viết lý luận...

Thật là xúc động khi đi công tác qua Viện 211, tôi thấy bác sĩ Đài, Bệnh viện trưởng Quân y Viện 211, quần xắn đến đầu gối cầm gậy đứng trên đồi đang chỉ trỏ cho cán bộ nhân viên của mình tìm nương phát rẫy để sản xuất.

Trong chiến dịch mùa Đông năm 1967, trên đường ra mặt trận, tôi cũng thấy các bác sĩ, y sĩ, nhân viên quân y cùng sát cánh với anh chị em vận tải, dân công đang tấp nập gùi, thồ lương thực, đạn dược ra phía trước.

Các bác sĩ quân y Tây Nguyên cũng rất chú ý đến nghiên cứu khoa học về y học quân sự trong chiến tranh. Tôi đã cùng họp với bác sỹ Vinh (Đạo), bác sĩ Tụ, bác sĩ Đài và một số bác sĩ khác bàn bạc xuất bản tờ: "Nội san quân y ở chiến trường Tây Nguyên".

Một thanh niên trí thức người Hà Nội, với truyền thống tinh hoa về tinh thần quật cường bất khuất của Dân tộc, đi theo lời gọi của Tổ quốc, của Bác Hồ đã dũng cảm chiến đấu, công tác trong gian khổ, ác liệt với đầy sức sáng tạo.

Chiến trường là một trường học lớn, chiến đấu là một người thầy tốt đã hun đúc nên những con người chân chính.

Mong tập sách này của tác giả sẽ mang một luồng gió tâm hồn tươi mát cho người đọc.

Thượng tướng, Giáo sư, Nhà giáo nhân dân
Hoàng Minh Thảo

CHUẨN BỊ

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 1965. Từ ngày sơ tán, đã trở thành lệ ở Viện Quân y 103, nơi tôi đang công tác là cán bộ, nhân viên có thể làm việc liên tục các ngày lễ và chủ nhật dồn 3-4 ngày nghỉ đi thăm gia đình ở nơi sơ tán.

Hôm đó, tôi cũng vậy, sau khi mổ thực nghiệm liền 4 con chó trong một ngày để hoàn thành chương trình nghiên cứu cuối năm, tôi lên Bắc Giang thăm Hương và Lộc - vợ và con gái tôi.

Tối chủ nhật, ở Bắc Giang trở về, rời ga Hàng Cỏ đi trên đường Hàng Lọng để về nhà bỗng nghe tiếng gọi ơi ới ở sau lưng, anh Bích, bác sĩ Viện Quân y 103 từ một hàng phở chạy ra, hỏi tôi: "Anh có biết tin gì không?".

Tôi ngạc nhiên: "Không, tin gì?".

Anh Bích nói: "Hôm thứ sáu có điện của Cục Quân y mời anh lên làm việc!". Tôi càng ngạc nhiên hơn: "Tôi không nhận được điện, mấy hôm nay tôi nghỉ về thăm gia đình".

Anh Bích là người đầu tiên cho tôi biết một nhiệm vụ quan trọng đang chờ đợi tôi, nhiệm vụ mà mọi cán bộ quân đội trong giai đoạn hiện nay đang chờ đợi.

Ngày 16 tháng 12 năm 1965. Hôm nay, một bức điện gọi một loạt cán bộ ở Viện Quân y 103-108 lên Cục Quân y nhận nhiệm vụ.

Chúng tôi đạp xe trên đường từ Vân Đình - nơi bệnh viện sơ tán từ đầu năm 1965, về Hà Nội. Đầu mùa Đông, nhưng còn ấm áp, nắng vàng rực rỡ trên những cánh đồng lúa chín đang gặt dở. Một tiếng rít xé lụa trên đầu. Trên bầu trời xanh ngắt, ba chiếc máy bay phản lực Mỹ bay vút để lại phía sau ba vệt khói trắng như ba dải lụa, quẩn quại trên bầu trời rất lâu không tan hết...

Từ hơn một năm nay, chính xác là từ ngày 5 tháng 8 năm 1964, bầu trời miền Bắc sau mười năm thanh bình lại bị xáo động bởi những tiếng rít và những bóng máy bay bất thường như vậy.

Tuy chưa ai biết đích xác nhiệm vụ gì đang chờ đợi chúng tôi, nhưng mọi người cũng đã biết mang máng: đi công tác B!

Đêm hôm đó, trong căn phòng họp rộng rãi rực rỡ ánh đèn của Tổng cục Hậu cần trong thành Hà Nội, đồng chí Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần

kiêm Cục trưởng Cục Quân y Vũ Văn Cẩn chính thức phổ biến quyết định của Bộ Quốc phòng, căn cứ vào yêu cầu của chiến trường quyết định thành lập một bệnh viện chuyên khoa tuyến cuối cùng cho chiến trường miền Nam. Đồng chí nói tiếp: "Tổng cục đã chỉ định Ban chỉ huy Bệnh viện gồm các bác sĩ Võ Văn Vinh - Cục phó Cục Quân y sẽ trực tiếp làm Viện trưởng, Khuất Duy Kính - Chính uỷ, Lê Cao Đài - Viện phó phụ trách Ngoại, Trần Nam Hưng - Viện phó Nội, Lê Công Viện - Viện phó Hậu cần...

Bệnh viện có một đội ngũ cán bộ lựa chọn trong các chuyên viên của hai bệnh viện tuyến cuối cùng của Quân đội là Viện Quân y 108 và Viện Quân y 103.

Về các khoa Ngoại có các anh: Đinh Văn Lạc - Phó Chủ nhiệm khoa Phẫu Thuật thần kinh Viện Quân y 108, Lê Sỹ Liêm - Chủ nhiệm khoa Phẫu thuật bụng Viện Quân y 103 (VQY 103), Trương Công Cán - Phó Chủ nhiệm khoa Chấn thương chỉnh hình Viện Quân y 108 (VQY 108) trước nay chuyển về Viện 5...

Về Nội khoa có anh Nguyễn Văn Âu - Chủ nhiệm khoa Truyền nhiễm VQY 108, Đỗ Xuân Chương - Chủ nhiệm khoa Nội tiêu hoá VQY 103, Vũ Bích - Nội thần kinh VQY 103, Nguyễn Đăng Gia - Nội tim mạch VQY 108, Nguyễn Cảnh Cầu - Da liễu VQY 108.

Về chuyên khoa có Đào Gia Thìn - Tai mũi họng VQY 108, Trần Quang Minh - chuyên khoa mắt, Nguyễn Trung Lượng - Phẫu thuật hàm mặt.

Các khoa Cận lâm sàng có các anh: Phạm Phú Thọ - Gây mê hồi sức VQY 108, Lê Đức Tu - Sinh hoá học Viện Quân y, Nguyễn Quang Huy - Vi sinh VQY 103, Hà Nhưỡng - Giải phẫu bệnh lý VQY 108...

Chúng tôi nhìn nhau tin tưởng với đội ngũ cán bộ chuyên khoa có kinh nghiệm của các Viện Quân y lớn của Quân đội. Bệnh viện đi chiến trường cũng như địa điểm trú quân của bệnh viện sau này được giữ bí mật tuyệt đối vừa để tránh luận điệu tuyên truyền lúc này của địch là "Miền Bắc xâm lược miền Nam" đồng thời cũng để tránh không cho địch phán đoán hướng chiến đấu của bộ đội sắp tới...

Theo thứ tự mật danh quân sự đặt cho các phân đội quân y đi phục vụ chiến trường miền Nam. Bệnh viện của chúng tôi được đặt mã số Đoàn 84. Cán bộ chỉ huy bệnh viện cũng được yêu cầu đổi tên, lấy bí danh. Nhiều anh lấy tên con để làm bí danh cho mình, cũng có anh theo cách gọi của đồng bào miền Nam - lấy thứ tự trong gia đình. Anh Vinh có con trai lớn là Đạo nên lấy bí danh là Đạo, anh Hưng vì là con lớn trong gia đình nên trở thành anh Ba, tôi là con thứ năm trong gia đình nên nhận tên là anh Sáu. Các giấy tờ,

chứng minh thư liên quan đến miền Bắc được yêu cầu để lại miền Bắc, chúng tôi được cấp chứng minh thư của Mặt trận giải phóng miền Nam...

Hà Nội ngày 17 tháng 12 năm 1965. Nhiều gia đình bị chia đôi từ năm 1954, riêng gia đình tôi cũng có ba chị em gái ở miền Nam. Thỉnh thoảng cha mẹ tôi chỉ nhận được những bưu thiếp ngắn ngủi... những cuốn sách nhỏ "*Những lá thư từ miền Nam*", bài thơ của Tố Hữu:

"Phải chi em tới được cùng anh.
Chỉ một ngày thôi, kể ngọn ngành...".

Càng là da diết thêm nỗi đau của một đất nước bị chia cắt...

Từ ngày 5 tháng 8 năm 1964, sau "sự kiện Vịnh Bắc Bộ", máy bay Mỹ bắt đầu cuộc chiến tranh leo thang đánh ra miền Bắc. Tối hôm đó, gia đình tôi vừa đi nghỉ ở Sầm Sơn trở về, loa truyền thanh ở trường Nguyễn Du, bên cạnh nhà, báo tin không quân Mỹ đánh phá nhiều địa phương miền Bắc từ Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, QuảngNinh. Chúng tôi đều thấy một điều nghiêm trọng bắt đầu xảy ra, nhưng không ai nghĩ rằng phải hơn mười năm sau, chúng tôi mới có dịp đi nghỉ mát cùng với nhau lần nữa...

Ngay đêm hôm đó, xe ôtô cấp cứu của Viện Quân y 108 đến đón tôi đi Lạch Trường cấp cứu cho những thương binh đầu tiên của Hải quân. Vừa ở Lạch Trường về, ôtô lại đón tôi sang sân bay Gia Lâm có máy bay trực thăng chờ sẵn đưa tôi ra Hòn Gai, cứu chữa cho một thương binh khác bị vết thương nặng vào ngực, mất hẳn một vạt xương sườn bằng lòng bàn tay, trông thấy phổi phập phồng phía dưới... Lúc này tôi đang là Chủ nhiệm khoa Phẫu thuật lồng ngực của Viện Quân y 108 và là chuyên viên đầu ngành Phẫu thuật ngực của Cục Quân y, nên được gọi đi cứu chữa các trường hợp thương binh nặng vào ngực, vượt khả năng điều trị của các bệnh viện tuyến trước.

Máy bay trực thăng chở chúng tôi đậu xuống bãi cát bờ biển Bãi Cháy giữa rừng người đông nghịt, xúm xít vì lần đầu tiên có máy bay trực thăng đi cứu thương... Vừa xuống tới đất, anh phi công trẻ cười bảo tôi: "Trong khi chúng ta đang bay lại có máy bay Mỹ xâm phạm bầu trời miền Bắc... nhưng em không dám báo cho các anh biết để các anh đỡ sợ...". Chúng tôi thật giật mình vì nếu gặp chúng thì chiếc máy bay chậm chạp, cồng kềnh, không vũ trang của chúng tôi có thể trở thành miếng mồi ngon cho chúng!...

Những tháng đầu năm 1965, đâu đâu cũng căng thẳng không khí chuẩn bị cho cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước. Chung quanh Hà Nội, trên các cánh đồng xuất hiện các khẩu súng cao xạ nòng súng ngẩng cao, chĩa lên trời. Đêm đêm các đoàn xe xích dài ngoẵng chưa từng thấy ầm ỳ kéo theo các lên

lửa cồng kềnh, bánh xe xích hằn và băm nát mặt đường nhựa.

Ven sông Hồng, sông Đuống mọc lên những công trường làm cầu phao qua sông, ánh đèn hàn lấp loé suốt đêm. Trên các đường phố Hà Nội, từng đoàn thanh niên khoác lá ngụy trang, vai mang ba lô tập hành quân chiến đấu.

Từ nhiều năm nay, lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng từ vải vóc, quần áo tới than củi, dầu đốt... đã phải bán theo định lượng. Mỗi gia đình có sổ mua gạo, tem phiếu để mua lương thực, thực phẩm. Những năm trước mặc dầu khẩu phần hạn chế, nhưng vẫn đủ mua theo tem phiếu. Tới cuối năm 1965, có tháng mặc dầu có tem phiếu nhưng vẫn không chắc đã mua được hàng. Hàng đoàn người dài sắp hàng trước các cửa hàng mậu dịch, nhiều gia đình phải dậy sớm từ bốn năm giờ sáng để giành chỗ trước...

Các hàng quà thưa thớt, buổi sáng chỉ còn vài cửa hàng mậu dịch lớn có bán phở, nhưng cũng chỉ trong vòng một hai giờ là hết. Khách xếp hàng dài, các khách hàng cáu kỉnh và các cô mậu dịch viên nhẫn nại. Các quán quà ở chợ Đồng Xuân thu hẹp lại dần. Trên các vỉa hè Hàng Đào, Hàng Ngang phát triển các quầy nhỏ bán túi ny lông các cỡ lớn nhỏ. Khách hàng là những anh bộ đội, cán bộ, có người mua một lúc hàng chục túi to nhỏ.

Một anh bộ đội đưa chiếc hăng-gô đến chữa ở một cửa hàng gần chợ Hôm. Hôm sau đến lấy, ông thợ già đưa lại chiếc hăng-gô đã chữa tươm tất, nhưng nhất định không chịu nhận công chữa. Ông nhìn anh bộ đội cười hóm hỉnh: "Thôi, anh sắp đi xa...".

Hình như tất cả thanh niên khoẻ mạnh, hăng hái của Hà Nội và miền Bắc đều chuẩn bị lên đường công tác B (vào miền Nam), công tác C (sang chiến trường Lào), những mật danh quân sự, nay không còn bí mật với ai nữa. Các bà già Hà Nội nhai trầu bỏm bẻm cũng thầm thì với nhau "cháu nó chuẩn bị đi B... đi C..." một cách vừa tự hào, vừa quan trọng...

Cô mậu dịch cửa hàng dược phẩm Hàng Bài ngạc nhiên thấy bộ đội mua quá nhiều bao cao su tránh thai Primeros mà chọn toàn cỡ to nhất... thì ra không biết từ đâu nẩy ra kinh nghiệm là cho thuốc men, ruốc, đường, nhồi vào bao cao su tránh thai rất tốt, vừa nhẹ, vừa tránh được ẩm ướt... Có anh bạn ngạc nhiên một cách thích thú bảo tôi: cả một ki-lô ruốc nhồi vào bao cao su cũng được anh ạ! Nó chả co giãn mà...!

Nhưng vài tháng sau chặng hành quân băng đèo, vượt suối vào tới chiến trường, cùng anh bạn đó bảo tôi "Chết mẹ rồi anh ơi... ruốc đắng hết cả, không làm sao nuốt được!". Thì ra trong bao cao su có hoá chất để diệt tinh trùng, lượng hoá chất rất ít, chỉ như ít bột dính vào bao, không mấy ai để ý, nhưng cũng đủ để làm hỏng ruốc...!

Từ đầu năm 1965, máy bay Mỹ lại ném bom đánh phá ác liệt miền Bắc, chợ Vân Đình bị đánh giữa phiên, hàng trăm người bị thương khiêng nườm nượp vào bệnh viện.

Các khu phố thưa dần. Cán bộ đến từng nhà để đôn đốc, vận động nhân dân đi sơ tán. Các chuyến tàu xe chật ních ông già, bà già, trẻ con... mang theo hòm xiểng, chăn màn, quần áo... cả lợn, gà, mèo chó... đi về các tỉnh. Các cơ quan cũng được lệnh đi sơ tán ra các vùng ngoại thành, các khu phố vắng bớt người. Chiều thứ bảy, chủ nhật, trên các con đường ngoại thành, hàng đoàn dài xe đạp, xe gắn máy của các ông bố, bà mẹ đi thăm con. Trên tay lái, đèo hàng, đèo gạo, thực phẩm, xoong nồi, kể cả củi đuốc, gà qué…

Ngành xây dựng có mặt hàng mới làm các hầm cá nhân bằng xi măng. Trên những bãi cỏ, vườn hoa, bờ sông, ngổn ngang những ống tròn như những ống cống có nắp bằng xi măng. Ống được chôn hai bên đường dọc các phố. Ống để làm hầm trú ẩn cá nhân thật tuyệt vời, không ngấm nước, không sụt lở... và sau này, khi hoà bình trở lại thì lại có thể dùng làm giếng...

Hà Nội ngày 18 tháng 12 năm 1965. Vợ tôi tiếp nhận tin tôi đi phục vụ chiến trường miền Nam một cách bình tĩnh. Giống như mọi gia đình bộ đội khác, trong lúc này, chúng tôi chuẩn bị tinh thần sẵn sàng đi chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trước đây một năm, chú Tề - em rể chúng tôi (chồng cô Hồng - em gái Hương) là giáo viên, Hiệu phó một trường học sinh miền Nam cũng đã từ biệt gia đình và từ đó đến nay không thấy có tin tức...

Sau kháng chiến chống Pháp được vài năm hoà bình ngắn ngủi, trước tình hình Hiệp nghị Geneve năm 1954 bị phá hoại, thời hạn hai năm Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước trôi qua, rồi những tin tức về những cuộc tàn sát, đàn áp người kháng chiến cũ liên tiếp bay ra, nguy cơ chia cắt lâu dài đất nước... từ những năm 1959-1960 rục rịch có những đơn vị đầu tiên được bí mật đưa vào miền Nam.

Tới năm 1965, sau khi địch leo thang đánh ra miền Bắc thì hầu như việc đưa các đơn vị vũ trang vào miền Nam không còn là điều bí mật như trước nữa. Mọi gia đình và mọi cán bộ chiến sĩ đều được chuẩn bị sẵn sàng. Gia đình tôi, cũng như các gia đình bộ đội khác, bình tĩnh tiếp nhận tin tôi chuẩn bị đi chiến trường. Giáng Hương - vợ tôi, ngoài công tác giảng dạy ở trường Cao đẳng Mỹ thuật ở nơi sơ tán, còn tất bật chuẩn bị cho tôi lên đường.

Chúng tôi quen nhau từ trong kháng chiến chống Pháp, sau Chiến dịch Hà Nam Ninh năm 1951. Trung đoàn 88, Đại đoàn 308 - nơi tôi công tác về nghỉ

ngơi củng cố ở Quần Tín, một vùng quê thanh bình thuộc tỉnh Thanh Hoá. Lúc đó tôi đang làm Chủ nhiệm Quân y Trung đoàn, tôi gặp Hương đang tản cư với gia đình ở đây.

Hương là con gái lớn trong một gia đình văn nghệ sĩ. Cha là nhà văn Vũ Ngọc Phan, mẹ là nhà thơ Hằng Phương.

Lúc này tôi cũng đang thích văn chương. Trong những cuộc hành quân đi bộ dài ngày của Trung đoàn từ Biên giới Cao Bắc Lạng xuống Trung du rồi sang Đông Bắc về đồng bằng Hà Nam Ninh... tối tối, tôi vẫn say sưa dịch từ bản tiếng Pháp sang tiếng Việt cuốn truyện "Tinh cầu" (L'etoile) của nhà văn Liên Xô Kazakevitch. Hương là độc giả đầu tiên và duy nhất đọc bản dịch của tôi và đã rất khen. Hương cũng nhận chép lại bản dịch sạch sẽ cho tôi...

Sau đó tôi theo đơn vị đi tiếp các chiến dịch Hoà Bình, sang Tây Bắc, Thượng Lào... Hương thì từ Khu 4 lên Việt Bắc theo học trường Mỹ thuật. Trên đường đi ngang qua đồn Tu Vũ - nơi trung đoàn chúng tôi vừa tiêu diệt gọn trong một đêm trăng. Đồn còn đang bốc lửa, trên đường Hương viết cho tôi một lá thư trong có chép mấy câu thơ Pháp, hình như của Madeleine Riffaud:

"Par les monts, je vais tout droit.
Par les défilés étroits
Je ne sai par où tu passes
Je n'ai pas trouvé tes traces
Mais je sens que tu es là!..."

Tạm dịch:

"Em đi qua những vùng đồi núi
Trên những con đường hẹp
Không biết anh qua đâu,
Không thấy dấu chân anh.
Nhưng vẫn thấy anh ở đâu đây".

Giữa các chiến dịch, tôi tranh thủ về thăm Hương ở trường Mỹ thuật đang sơ tán trong rừng gần Tuyên Quang. Tình cảm chúng tôi sâu nặng thêm và chúng tôi xây dựng với nhau giữa những ngày chiến đấu ác liệt nhất năm 1954. Lễ cưới thật đơn giản, quần áo cưới cô dâu chỉ may được một áo vét ka ki mới, còn chú rể thì có một bộ quân phục mượn của anh bạn.

Sáng hôm cưới chúng tôi ra đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã, nơi gia đình Hương tản cư, trước sự chứng kiến của cha mẹ Hương, ông Phan

Khôi là cậu mẹ Hương, nhà văn Tô Hoài và đại diện cơ quan bên tôi. Sau đó mọi người về ăn liên hoan. Bữa tiệc cưới có hai con gà, còn củi thì do cô dâu và cô Hằng - em gái của Hương vào rừng kiếm từ hôm trước.

Đêm tân hôn, ở ngay căn nhà tranh nơi gia đình tản cư, cha mẹ Hương sang ở nhà hàng xóm. Giường cưới là một chiếc giường tre ọp ẹp. Đại diện gia đình tôi không lên dự đám cưới được vì đường sá xa xôi và đầy bom đạn. Sau hôm cưới, tôi đưa Hương về chào cha mẹ và các anh chị tôi, lúc đó đang tản cư ở Thanh Cù, Phú Thọ, xuôi thuyền từ ghềnh Quýt Tuyên Quang về Đoan Hùng, Phú Thọ rồi đi bộ tiếp từ Đoan Hùng về Thanh Cù...

Hoà bình lập lại, Hương còn vất vả đi cải cách ruộng đất mấy năm rồi mới được về trường tiếp tục học Trung cấp rồi Cao đẳng Mỹ thuật. Chúng tôi sống được vài năm hạnh phúc bên nhau. Sau khi tốt nghiệp Hương được giữ lại làm cán bộ giảng dạy trường Cao đẳng Mỹ thuật, sau này là trường Đại học Mỹ thuật, còn tôi thì tiếp tục công việc ở trường Sĩ quan Quân y, Viện Quân y 108 rồi 103.

Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 1965. Ngay hôm được giao nhiệm vụ, chúng tôi bàn giao công việc cho người ở lại và bắt tay vào việc chuẩn bị tổ chức bệnh viện mới. Đảng uỷ họp, Chỉ huy Viện họp đề nghị nhân viên chuẩn bị phương tiện, dụng cụ. Nhiệm vụ của chúng tôi được giao là xây dựng bệnh viện tuyến cuối của chiến trường miền Nam, thu nhận thương bệnh binh vượt khả năng điều trị của các bệnh viện phía trước gửi về.

Chưa ai trong chúng tôi hình dung được chiến trường miền Nam ra sao, điều kiện sinh sống và làm việc như thế nào, nhưng tất cả chúng tôi đều rất lạc quan, tin tưởng.

Và chúng tôi cứ theo mô hình của Bệnh viện tuyến cuối của miền Bắc, như Viện Quân y 108 hay 103 để tổ chức và xin trang bị. Các bức điện tới tấp gửi đi các Viện Quân y 5, 9, 10... điều động người. Các bác sĩ trẻ, các y sĩ, y tá, kỹ thuật viên... lục tục kéo về. Một số mới tốt nghiệp các trường. Thuốc men, trang thiết bị là những vấn đề khá lớn. Chưa bao giờ có một bệnh viện lớn như vậy được đưa vào chiến trường miền Nam. Trang bị phương tiện được dự trù tương tự như bệnh viện tuyến cuối cùng của miền Bắc, từ trang thiết bị X quang, hoá nghiệm, dụng cụ mổ, các đèn mổ hiện đại, nồi hấp nặng hàng tạ, tủ lạnh chạy bằng điện và bằng dầu, quần áo cho thương bệnh binh, kể cả cho bệnh nhân trẻ em, giường đệm, chăn màn, sách cho thư viện, sách chuyên môn và truyện cho thương bệnh binh. Thuốc men, hoá chất chuẩn bị dùng cho 3 năm, các nguyên tắc, quy định được xoá bỏ. Chúng tôi được phép trực tiếp vào các kho Quân y để lựa chọn các thuốc men, trang bị cần thiết. Tổng cục Hậu cần và Cục Quân y thống nhất với Bộ Y tế đưa ra nguyên tắc: nếu thứ gì trong các cơ sở Quân y không có thì

được giới thiệu đi tìm ở các cơ quan bạn trong và ngoài quân đội. Nguyên tắc đề ra là trang thiết bị thuốc men, sách vở chuyên môn, nếu có hai thì chúng tôi có thể xin một vào miền Nam, một để lại miền Bắc. Những khuôn mặt khắc khổ khó khăn đầy nguyên tắc cứng nhắc cũng trở thành vui vẻ niềm nở trước mấy câu: Chuẩn bị cho công tác B.

Dược sĩ Bính - Giám đốc kho C trước đống hàng đồ sộ mà chúng tôi xin lĩnh mang đi, khuyên tôi: "Các anh đi chuyến này như người trên cung trăng ấy, không biết trên ấy ra sao, liệu có mang đi được không, mang vào có dùng được không? Sao các anh không đi trước đi, xem trong ấy ra sao rồi hãy đưa vào có hơn không?".

Anh Vinh Viện trưởng, người đã bốn lần vượt Trường Sơn trong kháng chiến chống Pháp, cũng có lúc ghé tai tôi bảo nhỏ: "Ta phải chuẩn bị tinh thần sống như Robinson Crusoé[1] đấy anh à!".

Sau này nghĩ lại, tôi mới thấy đấy là một lời khuyên thiết thực. Nhưng trong không khí đầy lạc quan tin tưởng lúc đó, không ai nghe. Các Chủ nhiệm khoa cứ dự trù xin trang thiết bị đủ mọi thứ theo hình mẫu của một bệnh viện tuyến cuối cùng miền Bắc. Một số vị lãnh đạo cấp trên còn bốc hơn chúng tôi, có đồng chí tuyên bố: Tổng cục sẽ chỉ thị cho Công binh xây dựng bệnh viện sẵn sàng để các đồng chí làm việc. Sẽ có ôtô chuyển thương binh đến bệnh viện cho các đồng chí. Nếu cần có nước máy sẽ xây dựng nhà máy nước. Một đồng chí khác nói: "Nếu cần có ôxy để gây mê hay cho thương binh nặng thì chúng tôi có thể cấp cho các đồng chí máy sản xuất ôxy", có điều là khi có máy thì dùng làm gì cho hết vì mỗi ngày máy có thể sản xuất hàng trăm bình ôxy trong khi nhu cầu của Bệnh viện thì chỉ vài bình là đủ. Cũng có những ý kiến thiết thực hơn, nhắc chúng tôi phải chuẩn bị tinh thần bước vào một cuộc sống cực khổ. Nhưng trong không khí sục sôi lạc quan lúc đó, chúng tôi cũng không suy nghĩ gì nhiều về những ý kiến này.

Hà Nội ngày 25 tháng 12 năm 1965. Từ mấy năm nay, các bác sĩ chuyên khoa mắt phát hiện ra có chuyện bất thường trong mắt của tôi. Mặc dầu bản thân tôi không thấy gì đặc biệt. Tôi không thấy đau, nhức, sức nhìn vẫn bình thường. Là một phẫu thuật viên chuyên khoa về phẫu thuật lồng ngực, vào thời kỳ đầu của sự phát triển chuyên khoa này ở miền Bắc cũng như trong quân đội, tôi thường phải tiến hành những cuộc phẫu thuật đầy sóng gió, càng thẳng trên tim và phổi, có nhiều cuộc phẫu thuật kéo dài 5-6 tiếng liền nhưng mắt tôi vẫn thấy bình thường. Chỉ nhân một cuộc kiểm tra mắt thường kỳ, bác sĩ Viện 108 mới phát hiện ra mắt tôi có điều bất thường, áp lực trong mắt tăng cao. Các anh yêu cầu tôi vào Viện theo dõi và hội chẩn với các Giáo sư nhãn khoa của Viện Mắt trung ương và chẩn đoán tôi bị thiên đầu thống thể đơn thuần và yêu cầu tôi phải nhỏ thuốc làm giảm nhãn

áp Pilocarpine hàng ngày, ngoài ra phải giữ chế độ làm việc chặt chẽ, tránh căng thẳng, không thức đêm.

Bệnh viện miễn cho tôi không phải trực đêm và yêu cầu tôi không học thêm ngoại ngữ ban đêm vì lúc này giống như nhiều cán bộ khoa học khác tôi đang học thêm tiếng Nga và tránh những cuộc mổ căng thẳng, kéo dài.

Từ ba bốn năm nay, tôi vui vẻ chấp hành quy định về dùng thuốc và không trực đêm, nhưng còn các kiêng kỵ khác thì không kiêng được. Đi chiến trường chắc chắn những điều kiêng kỵ trên sẽ không thể thực hiện được. Tuy nhiên để cẩn thận, tôi tới khoa Dược Viện 108 xin thuốc nhỏ mắt Pilocarpine như thường lệ. Nhưng nếu lĩnh thuốc đã pha sẵn thì mang bao nhiêu cho vừa, vả lại thuốc pha sẵn để lâu sẽ bị hỏng, vì vậy tôi đề nghị xin lĩnh dạng bột để vào đó pha chế ra dung dịch. Chủ nhiệm khoa Dược - Dược sĩ Đinh Ngọc Lâm nhăn nhó: Đây là thuốc độc bảng B, phát bột cho cậu làm sao được? Thuyết phục không được, tôi vỗ khẩu súng ngắn mới được phát để đi vào chiến trường, nói đùa: thuốc của anh có nguy hiểm bằng khẩu súng này không, sao tôi được phát mang đi mà không mang thuốc đi được? Cuối cùng chúng tôi thoả thuận là khoa Dược sẽ phát thuốc bột, nhưng không trực tiếp cho tôi mà cho khoa Dược Đoàn 84 cho đúng chế độ quy định.

---

1. Nhân vật trong câu chuyện huyền thoại châu Âu tương tự như câu chuyện An Tiêm của Việt Nam, một mình sống trên hoang đảo.

Hà Nội ngày 4 tháng 1 năm 1966, Lễ Giáng sinh và Tết dương lịch 1966 trôi qua nhanh chóng trong không khí tấp nập chuẩn bị đi chiến trường. Địa điểm tập kết cho đoàn đầu tiên là trường Sĩ quan Hậu cần bên Gia Lâm. Hàng ngày, chúng tôi tập trung ở đây để họp bàn giao nhiệm vụ chuẩn bị rồi phân tán đi các nơi để lĩnh trang thiết bị đóng gói, liên hệ với vận tải quân sự, lập kế hoạch chuyển vào B3-S9, S9 là địa điểm cuối cùng của chúng tôi, lúc này chúng tôi không biết là đâu. Riêng trong chỉ huy Viện, chúng tôi cũng chỉ biết mang máng, đó là vùng thuộc ngã ba biên giới Việt Nam-Lào-Campuchia, là cửa ngõ vào chiến trường Tây Nguyên...

Sau khoảng gần một tháng, thấy ở Gia Lâm không thuận tiện cho việc liên hệ với các cơ quan ở Hà Nội nên chúng tôi được chuyển về Viện Quân y 108. Ban ngày làm công tác chuẩn bị, buổi tối rèn luyện hành quân. Mỗi tối tập hành quân khoảng 10-20 cây số từ 7 giờ tối tới 10 giờ đêm theo hành trình từ Viện Quân y 108, quanh qua Bệnh viện Việt Xô, đi dọc theo bờ sông về phía nam thành phố, rồi quay trở lại.

Những năm trước, các đoàn đi được tổ chức thật bí mật, người đi được lựa chọn kỹ lưỡng, chủ yếu là cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết, sau là các

thành phần cốt cán, lý lịch trong sạch, đảng viên...

Các đoàn đi được bí mật tập kết ở một địa điểm cách Hà Nội khoảng 40 km để học chính trị, tập hành quân, ăn uống bồi dưỡng theo chế độ đặc biệt trước khi đi vài tháng rồi mới lên đường. Đoạn đường miền Bắc đi vào ban đêm trên những xe tải bọc kín, khi vào tới địa phận miền Nam thì càng phải kín đáo, thận trọng hơn theo khẩu hiệu lúc này là: "Đi không dấu, nấu không khói, nói không to, ho không tiếng" có nghĩa là: đi không để lại dấu vết, ngoài những đường mòn trong rừng, nếu phải vượt qua một quốc lộ hay một con đường có dân qua lại phải đi vào ban đêm và phải cử người đi sau cùng xoá hết các vết chân để lại trên đường. Nấu nướng ban ngày không có khói, ban đêm không có ánh lửa, không để cho máy bay quan sát được, bếp Hoàng Cầm - một kiểu bếp có ống khói đào ngầm dưới đất để không toả khói được phổ biến rộng rãi. Trong sinh hoạt, hợp hành nói chuyện cũng không được để lộ ra tiếng động to, đài phát thanh phải vặn nhỏ chỉ vừa người nghe, không được chặt cây mạnh, không nói to, hát to... để tránh sự phát hiện của biệt kích.

Nhưng sang tới đầu năm 1966, các quy định nghiêm ngặt đã được nới lỏng vì vậy đoàn chúng tôi mới được tập kết ngay ở Hà Nội. Buổi tối khi tập hành quân đi ngang qua sân Bệnh viện Việt Xô, bệnh nhân của bệnh viện nhìn chúng tôi đi qua là động viên: "Hoan hô các bác sĩ đi B". Chúng tôi lặng lẽ đi thành hàng dọc trên con đường đê vắng vẻ, trong không khí se lạnh đầu mùa đông. Đoàn chúng tôi gồm nhiều lớp cán bộ thuộc nhiều thế hệ khác nhau. Lớn tuổi nhất là anh Vinh - Viện trưởng, thuộc lớp bác sĩ cuối cùng trước Cách mạng tháng Tám của trường Đại học Y Hà Nội, anh là một sinh viên giỏi, nội trú các bệnh viện, là bác sĩ nội khoa có uy tín trong quân đội. Anh đã 4 lần vượt Trường Sơn ra Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp. Năm 1945, ngày đầu Nam tiến, anh vào Khu 5 công tác. Năm 1951, anh ra Việt Bắc dự hội nghị rồi lại trở lại khu 5. Năm 1954 tập kết ra Bắc. Nay ở lứa tuổi gần 50, đầu đã điểm bạc lại khoác ba lô "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" một lần nữa. Đa số bác sĩ Chủ nhiệm khoa trong Viện là thuộc lớp chúng tôi, lớp sinh viên y khoa đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám được đào tạo trong thời gian kháng chiến chống Pháp, nay đã ở lứa tuổi 35-40 hoặc bác sĩ Đặng Chu Kỷ - Chủ nhiệm khoa Lý liệu, là một trong những cán bộ như vậy. Trong buổi hành quân dọc theo bờ sông Hồng, hình ảnh cầu Long Biên gợi anh nhớ lại một kỷ niệm cũ. Đó là vào năm 1948-1949 giữa những năm đầy thử thách của cuộc kháng chiến chống Pháp, như mọi sinh viên y khoa khác, anh được động viên vào bộ đội, công tác ở Liên khu Việt Bắc, không may bị chó dại cắn. Ngoài kháng chiến lúc đó không có thuốc tiêm phòng dại, phải vào Hà Nội mới tiêm được. Anh Kỷ xin gặp đồng chí Nguyễn Khang - Bí thư Khu uỷ, xin phép vào Hà Nội để tiêm thuốc phòng dại. Gió thổi mạnh dọc bờ sông, các ngọn đèn trên cầu Long Biên nhấp nháy, mọi người lắng nghe anh Kỷ kể tiếp: Anh Khang chỉ

dặn: "Đồng chí công tác ở cơ quan quân khu biết nhiều điều bí mật, vào trong đó nên cẩn thận, đừng làm gì có hại cho người khác!". Sau đó anh Khang giao nhiệm vụ cho cơ quan Công an Vĩnh Phú đưa anh Kỷ theo đường dây vào Hà Nội. Đêm hôm đó, đi thuyền qua sông Hồng, ngang bến Chèm nhìn về Hà Nội bị chiếm đóng, về cầu Long Biên sáng rực bắc qua sông. Địch sợ du kích phá cầu nên bắc đèn trên tất cả thang cầu, anh có cảm giác vừa lạ, vừa quen thuộc, nửa mừng nhưng cũng nửa lo. Sau gần một tháng tiêm thuốc, trong một đêm, anh lại rời Hà Nội, rời thành phố phồn hoa đầy quyến rũ đó theo chân chị giao liên vượt sông, trở lại núi rừng Việt Bắc.

Đêm hôm nay, khoác chiếc ba lô đầy gạch đi hành quân rèn luyện đôi chân cho cuộc chiến đấu mới, nhớ lại lời đồng chí Nguyễn Khang, anh tâm sự: "... có những câu nói có giá trị thật sâu sắc với mình...".

Anh Trần Hậu Tư - Chủ nhiệm khoa X quang cũng kể chuyện về thời gian anh học lớp Y sĩ Đông Dương, thời thuộc Pháp ở Sài Gòn. Bệnh viện nơi anh thực tập có ông bác sĩ giám đốc khá đặc biệt, ông có cách kiếm tiền thật kỳ lạ: đi thăm bệnh, gặp bệnh nhân nặng cần mổ, kể cả trường hợp cấp cứu, ông chỉ nói một câu: "Hà, ca này cần mổ đây!" rồi gật gù, tặc lưỡi quay đi. Sau đó là một y tá đến khuyên bệnh nhân: "Bác sĩ bảo cần mổ đó, thôi cô lo liệu đi. Chiều nay đến nhà bác sĩ, xin ông làm phụ mổ cho...". Ngày Nhật đảo chính Pháp, Mỹ ném bom Sài Gòn, viên bác sĩ giám đốc đi sơ tán mang theo cả một dây thắt lưng đầy vàng lá... Còn hôm nay, bác sĩ Tư, người thầy thuốc của cách mạng cũng mang một thắt lưng nặng bi đông, dao, súng ngắn, túi gạo... rèn luyện đôi chân cho cuộc hành quân vào Nam...

Hà Nội ngày 20 tháng 1 năm 1966. Tranh thủ ngày nghỉ, tôi lên thăm gia đình nơi sơ tán. Mọi người trong cơ quan vợ tôi đều vui vẻ chúc mừng cho tôi "thượng lộ bình an". Cha mẹ tôi tuy lo lắng, nhưng cũng bình tĩnh chuẩn bị cho nhiệm vụ mới của tôi. Nhân tôi được phát mấy củ sâm mang đi tẩm bổ dọc đường, cha tôi cặm cụi mài thật sắc con dao bài, thái sâm thành những lát mỏng rồi rang gạo khô, rang sâm vào gạo, bọc vào túi ni lông cho tôi. Cha tôi nguyên là một giáo viên tiểu học thời thuộc Pháp, ông đã bị điều đi dạy học ở nhiều tỉnh miền Bắc, từ Sơn Tây, Bắc Ninh, Cao Bằng, Nguyên Bình... đi đến đâu đưa cả gia đình đi theo. Là một giáo viên dạy giỏi, cần mẫn, cũng có thể vì sau vụ nổi dậy ở Yên Bái năm 1930 - thực dân Pháp thấy cần phải chuyển một số chức vụ trước đây do Pháp nắm, cho người Việt, nên ông được bổ nhiệm là Kiểm học ở Phú Thọ rồi Đốc học ở Hưng Yên - một chức vụ tương đương như Giám đốc Sở Giáo dục hiện nay.

Trong gia đình, ông là người cha nghiêm khắc, rất yêu thương con cháu,

nhưng ít bộc lộ tình cảm. Khi chúng tôi còn nhỏ, những kỳ nghỉ hè, ông thường trực tiếp dạy học thêm cho chúng tôi. Những buổi ông dạy học thường làm cho chúng tôi lo canh cánh, liếc nhìn cái thước kẻ bằng đồng, sắc cạnh to bằng ngón tay cái, tuy ông cũng rất ít sử dụng tới nó để trị chúng tôi, khi không thuộc bài. Ông giỏi tiếng Pháp lại biết cả chữ Nho. Ông thường đọc truyện: *Tam Quốc, Đông Chu Liệt Quốc*... qua những nguyên bản chữ Nho. Ông dạy cho chúng tôi Pháp văn và có khi cả chữ Nho. Qua chữ Nho, ông dạy chúng tôi đạo đức Khổng Mạnh. Các chị em gái của tôi thì được ông giảng về "tứ đức, tam tòng" về "Công, Dung, Ngôn, Hạnh", còn bọn con trai chúng tôi thì ông nhắc đi nhắc lại:

"Trai thì Trung, Hiếu làm đầu,
Gái thì Tiết, Hạnh là câu sửa mình".

Tôi nhớ mãi những câu như "Quân mệnh thần tử, thần bất tử, bất trung... Phụ mệnh tử tử, tử bất tử, bất hiếu" (Vua lệnh cho bề tôi chết, bề tôi mà không chết là bề tôi không trung thành. Cha lệnh cho con chết, con không chết là con bất hiếu).

Sau Cách mạng tháng Tám, cha tôi đã đến tuổi nghỉ hưu. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, cả gia đình chúng tôi tản cư ra vùng tự do ở bắc phần Bắc Ninh. Năm đầu kháng chiến, năm 1947, ba cái tang bất ngờ ập xuống gia đình tôi: anh thứ hai của tôi - anh Thụ cùng với anh Sinh - anh họ tôi trên đường đi công tác bị máy bay Pháp bắn trong khi đi thuyền dọc sông Thao. Anh Thụ hy sinh ngay tại chỗ, địa phận xã Lãng Hồ, Lâm Thao, còn anh Sinh thì chết trên đường khiêng về bệnh viện, bọc chiếu, chôn sơ sài ở xã Hạ Trạch, gần Phú Thọ. Cha mẹ tôi buồn bã, nhiều đêm không ngủ, tôi đã bắt gặp trong cuốn sổ tay của cha tôi đôi câu đối ông viết tặng con và cháu:

"Thụ ơi, Lãng Hồ con ngậm oán, Ba Mợ dù tím ruột bầm gan, báo thù khôn cách!
Sinh hỡi, Hạ Trạch cháu nuốt sầu, Chú Dì dù thương tiếc không nguôi, tang điếu có gì!"

Cái chết của anh Thụ lại kéo theo một cái tang khác, chị Oanh - vợ mới cưới của anh (lúc này đang tản cư cùng với gia đình ở Chiêm Hoá) tin dữ đến với chị khi chị mang thai ba tháng. Đau đớn và tuyệt vọng, chị mang một rổ quần áo ra bờ sông giặt và trẫm mình trên dòng sông, để lại một lá thư từ biệt gia đình.

Sau cuộc tấn công của Pháp lên Việt Bắc và những trận càn quét của chúng sang vùng tự do, nhiều bạn của cha tôi rủ ông đưa gia đình trở về Hà Nội, nơi bọn chúng tạm chiếm và đang có chính sách mua chuộc công chức cũ trả những khoản phụ cấp, lương hưu hậu hĩnh, nhưng cha tôi bảo tôi: "Ba dù

ăn cơm muối, dù chết ngoài kháng chiến cũng không trở về Thành, không để tiếng xấu cho các con...". Nhưng vì lo cho các con gái và các cháu nhỏ, ở lại vùng tự do có nhiều nguy hiểm, nên ông chia gia đình đông đủ của chúng tôi (11 con cộng với 2 cháu nhỏ con anh cả tôi) ra làm hai: bốn chị em gái, một em trai lên 8 tuổi và hai cháu nhỏ 2-3 tuổi do anh thứ ba của tôi - anh Bách hồi cư về thành; còn cha mẹ tôi và bốn anh em trai chúng tôi đi kháng chiến. Gia đình tôi bị chia đôi kể từ ngày ấy.

Năm 1949, vùng Bắc Ninh bị địch chiếm trở lại, cha mẹ tôi đã rời bỏ quê hương, chống gậy đi bộ từ Bắc Ninh lên Yên Bái - nơi anh cả tôi, anh Hoè đang công tác. Cha tôi thì cặm cụi hàng ngày đạp máy may, may hàng thuê cho Quân nhu, còn mẹ tôi thì ngoài việc gia đình còn cuốc vườn, tăng gia... cho tới ngày kháng chiến thắng lợi mới trở về Hà Nội. Mẹ tôi là một phụ nữ Việt Nam điển hình, yêu chồng, thương con cháu, chăm sóc cha tôi hết mực, chiều ông ngay cả những thứ tưởng chừng như vô lý nhất. Suốt đời bà luôn cặm cụi với công việc gia đình. Có mấy cái áo đẹp của các con tặng nhưng không bao giờ thấy bà mặc. Đến bữa cơm hoặc khi giỗ Tết bao giờ bà cũng kiếm lý do để ngồi ăn sau cùng, chăm sóc cho cả nhà ăn uống xong mới ngồi vào ăn. Bà đặc biệt chiều bọn con trai chúng tôi, ngay từ lúc nhỏ, chúng tôi không bao giờ bị bà mắng, chỉ các cô gái và sau này các con dâu bị bà rầy la khi làm gì sai. Trước việc tôi đi chiến trường, bà vẫn bình tĩnh, nhưng vẻ lo lắng tuy không nói ra miệng, nhiều lúc tôi thấy bà ngồi yên hàng giờ, nhìn tôi chuẩn bị lên đường.

Hà Nội ngày 5 tháng 2 năm 1966. Tết năm 1966, Hà Nội vẫn tấp nập lạ thường mặc dù đất nước đang bị chiến tranh tàn phá. Nhân dân Hà Nội vẫn bình tĩnh thản nhiên, kéo nhau từ nơi sơ tán trở về nhà ăn Tết. Phố Hàng Lược vẫn tấp nập người mua hoa và xem hoa. Các đường Hàng Đào, Hàng Ngang, chợ Đồng Xuân chật ních người đi mua bán. Học sinh, sinh viên đi bộ hàng bốn năm chục cây số từ nơi nhà trường sơ tán về nhà ăn Tết. Từng đoàn người xếp hàng dài rồng rắn trước các quầy mậu dịch để mua tiêu chuẩn Tết.

Như mọi gia đình, cha mẹ tôi cùng vợ chồng chúng tôi - cháu Lộc, cũng từ nơi sơ tán trở về Hà Nội ăn Tết. Từ 29 Tết, mẹ tôi cùng với Hương, cô Hạnh và Lan - em gái tôi cặm cụi gói bánh chưng, trong khi tôi cùng Hạnh - em trai tôi lễ mễ kê bếp ở giữa sân để chuẩn bị nấu bánh. Không ai bảo ai nhưng chúng tôi đều suy nghĩ đến bao giờ mới lại có một cái Tết gia đình đoàn tụ vui như Tết năm nay. Mồng hai Tết, vợ chồng anh Đinh Văn Lạc - Chủ nhiệm khoa Phẫu thuật thần kinh đến thăm chúng tôi, Anh Lạc vừa là bạn cùng khoa Y46 (vào Đại học Y khoa năm 1946, khoá đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám) cùng công tác tại Viện 108 trong nhiều năm, nay lại cùng đi trong đoàn chúng tôi. Sau những lời chúc Tết thường lệ, đột nhiên, chị Lan - vợ anh Lạc tuy đã có bốn con và ở lứa tuổi trên ba mươi nhưng vẫn

rất xinh đẹp, hỏi một câu bất ngờ: Anh có hẹn với chị là anh đi bao nhiêu lâu không?". Tôi hơi lúng túng, nhìn vợ tôi, mặt bần thần ngồi bên cạnh. Muốn cho các chị yên lòng, tôi trả lời giọng quả quyết: "Chúng tôi chỉ 6 tháng là trở về thôi".

Câu nói của tôi gây một tác động hết sức bất ngờ, chị Lan bỗng oà lên khóc: "Thế mà anh Lạc hẹn em những một năm mới trở về!".

Ôi, ngày đó thật không ai trong chúng tôi biết sẽ đi bao lâu! Tôi hẹn đi sáu tháng thì hơn tám năm sau mới trở về Hà Nội. Còn anh Lạc hẹn một năm thì không bao giờ trở về nữa - anh đã nằm lại ở chiến trường...

Hà Nội ngày 12 tháng 2 năm 1966. Hai phái viên của Cục Quân y vừa mới vào chiến trường khu 5 và Tây Nguyên ra báo cáo kinh nghiệm chiến trường với Đoàn 84, ngoài Đoàn 84, chúng tôi được biết các anh còn được mời đi báo cáo ở nhiều học viện, nhà trường, các đơn vị chuẩn bị đi B. Suốt cả ngày, các anh báo cáo những kinh nghiệm thật phong phú và thật tỷ mỷ. Nhìn hai anh người gầy rộc, đen đủi sau một chặng đường dài, chúng tôi thật kính phục. Anh T. báo cáo kinh nghiệm đảm bảo quân y trong Chiến dịch PPlây Me, đây là chiến dịch đầu tiên đánh quân chủ lực Mỹ ở chiến trường miền Nam, xảy ra vào tháng 11 năm 1965, đang còn gây xôn xao dư luận trong và ngoài nước. Báo cáo thật tỷ mỷ: Lực lượng ta, địch, diễn biến của trận đánh, bố trí các trạm quân y trong chiến dịch, tổng số thương vong, số thương binh theo phân loại nặng, vừa, nhẹ, thời gian chuyển thương tới các tuyến quân y, v.v... Những kinh nghiệm phong phú nóng hổi, chúng tôi nghe như nuốt từng lời, ghi chép lia lịa vào sổ tay. Các kinh nghiệm hành quân dọc đường Trường Sơn cũng rất quý giá, các cung trạm bố trí ra sao, cách mắc tăng võng để ngủ rừng, cần chuẩn bị mang theo những gì... Một kinh nghiệm mà chúng tôi rất tâm đắc, đó là kinh nghiệm mỗi người cần chuẩn bị độ hai chục cái nan hoa xe đạp để khi nằm ngoài rừng cắm xuống đất làm cọc xung quanh võng, buộc dây tăng vào, vừa nhanh, vừa căng. Khi trời mưa, nước mưa không đọng trên tăng...

Là những người chưa hề bước chân vào Trường Sơn, chúng tôi thấy kinh nghiệm thật là hay. Trong trang bị mang đi, chúng tôi đều được phát mỗi người một chiếc võng và một tấm tăng bằng ni lông để che khi mưa. Khi thực tập buộc thử ở khu vườn Bệnh viện 108, chúng tôi khó khăn lắm mới tìm được hai thân cây có khoảng cách và kích thước thích hợp để mắc võng, nhưng khi buộc tăng thì thật lúng túng vì không có chỗ buộc. Lúc này những chiếc nan hoa xe đạp thật có tác dụng: cắm xuống đất chúng trở thành những chiếc cọc tuyệt vời để buộc tăng. Tấm tăng được căng phẳng phiu, mưa mấy cũng không sợ. Thế là sau buổi nói chuyện, chúng tôi liền lập tức kiếm nan hoa xe đạp. Có anh còn cẩn thận khâu thêm một túi nhỏ vào ba lô

làm chỗ chuyên đựng nan hoa, để khi cần lấy ra cho dễ.

Mấy tháng sau, khi vào tới Tây Nguyên, nhìn mấy chiếc nan hoa mà bật cười. Suốt cuộc hành quân, không ai trong chúng tôi phải dùng tới chúng để buộc tăng, cả rừng Trường Sơn có đâu trơ trọi như khu vườn Bệnh viện 108. Thiếu gì cành cây, gốc cây để buộc tăng mà phải dùng nan hoa cắm làm cọc!... Thế mà cứ đeo đẳng bó nan hoa xe đạp vì sợ có lúc phải dùng tới. Thì ra các vị phái viên đã sáng tác thêm kinh nghiệm, có lẽ suốt chuyến đi, các vị đều ngủ ở trạm giao liên nên làm gì có kinh nghiệm ngủ rừng. Vào chiến trường, kể lại chuyện này với anh Phúc ở chiến trường Tây Nguyên, một người rất bộc trực, vui tính và là người trực tiếp tổ chức việc cứu chữa thương bệnh binh trong Chiến dịch Plây Me, anh chửi thề: "Hai thằng ấy có thò mặt vào Tây Nguyên đâu mà dám báo cáo kinh nghiệm đảm bảo quân y Chiến dịch Plây Me!".

Hà Nội ngày 20 tháng 2 năm 1966. Từ mồng ba Tết, Giônxơn quyết định ném bom trở lại miền Bắc, sau một tháng tạm ngừng để "đi tìm hoà bình" không kết quả; tranh thủ thời gian ngừng ném bom, trên đường vào Nam xe chạy hối hả ngày đêm. Nhân dân Hà Nội lại đi sơ tán. Chúng tôi đưa gia đình trở lại nơi sơ tán ở một làng nhỏ thuộc tỉnh Bắc Giang, có cháu Thủy đi cùng, cháu gái 5 tuổi con chú Hạnh, bố mẹ cháu mắc công việc ở Hà Nội. Chiều hôm lên nơi sơ tán, Thủy đang ngồi chơi ngoài sân bỗng mếu máo khóc nhớ mẹ, phải bế vào buồng, dỗ cho Thủy ngủ. Sáng hôm sau, Thủy đã tươi tỉnh như thường. Cái tuổi lên 5 là vậy. Tôi sắp xếp ba lô để buổi chiều trở về Hà Nội, Thủy ngồi bên cạnh xem tôi làm, chồm hỗm trên chiếc ghế đẩu nhỏ...

Tôi ngừng tay xếp quần áo, hỏi: "Thuỷ có biết bác đi đâu không?".

Bé Thủy trả lời, giọng còn ngọng nghịu: "Báp Tài đi tánh Mỹ!".

"Đánh Mỹ để làm gì?". Tôi hỏi tiếp.

"Để… để Thủy không phải đi sơ tán nữa!" và như xấu hổ, Thủy ôm choàng lấy cổ tôi.

Câu trả lời của cháu nhỏ chính xác một cách đáng ngạc nhiên. Đúng, bác cũng biết bao các chú, bác khác đi đánh Mỹ để không còn máy bay Mỹ bay dọc ngang trên bầu trời đất nước này, để bé Thủy và hàng triệu em bé khác có giấc ngủ ngon, không còn phải đi sơ tán, không còn phải xa bố mẹ nữa.

Buổi chiều, tôi từ biệt cha mẹ để ra ga về Hà Nội. Lúc này, cha mẹ tôi đã ở tuổi xấp xỉ bảy mươi, người gầy yếu. Tôi ra đi mà phân vân, không biết khi

trở về còn có được gặp lại các cụ không. Mẹ tôi không nói gì, còn cha tôi thì chỉ căn dặn: con giữ gìn sức khoẻ và chóng trở lại với gia đình.

Hương và Lộc - con gái chúng tôi - đưa tôi ra ga. Trên con đường làng, qua những cánh đồng hiu quạnh, vắng vẻ, trời xẩm tối. Lộc líu ríu nói chuyện trong khi bố mẹ trả lời bằng những câu rời rạc. Đã đi xa làng, tôi giục hai mẹ con trở về kẻo trời tối. Hương dừng lại, tôi cúi xuống hôn rất lâu lên hai má Lộc, rồi đứng dậy nhìn quanh không có ai, tôi kéo hai mẹ Hương và thơm lên má mẹ. Lộc tròn lo mắt ngạc nhiên và toét miệng định cười: Ai lại người lớn mà cũng thơm nhau nhỉ? Nhưng con tôi mím môi lại vì thấy mẹ cúi đầu nức nở rồi quay về, trong khi bố cũng xốc ba lô, vội vã quay đi. Lộc trở về nhà với mẹ, hai bóng mẹ con nhỏ xa dần...

Tôi bước đi vẫn như nghe thấy tiếng Thủy líu ríu bên tai " Báp Tài đi tánh Mỹ!"…

LÊN ĐƯỜNG

Chỉ huy sở 559 ngày 12 tháng 3 năm 1966. Sau gần một tháng chuẩn bị, đoàn chúng tôi chia thành ba đoàn nhỏ lần lượt lên đường vào chiến trường. Ngày 19 tháng 1 năm 1966, tức 28 âm lịch. Đoàn đầu tiên, do anh Lê Công - Viện phó Hậu cần chỉ huy rời Hà Nội. Tuy sát Tết, nhưng mọi người đều vui vẻ phấn khởi. Trên đường, anh Công cao hứng, làm một bài thơ gửi lại cho chúng tôi:

Xuân này tạm vắng quê hương,
Ba mươi Tết đến trên đường hành quân...

Đoàn thứ hai đi tiếp ngày 24 tháng 2 năm 1966 do anh Âu làm trưởng đoàn.

Hai đoàn đầu đi ôtô tới Ho, trạm giao liên bộ đầu tiên trên đường vào Nam thuộc địa phận Quảng Bình rồi tiếp tục hành quân bộ theo Đường dây 559. Trang thiết bị của Bệnh viện, gồm hơn một nghìn hai trăm kiện được chuyển bằng ôtô theo đường vận chuyển cơ giới, có một số nhân viên hậu cần đi theo áp tải.

Chúng tôi là đoàn thứ ba và là đoàn cuối cùng rời Hà Nội ngày 27 tháng 2 năm 1966. Theo kế hoạch, hai xe tô Hồng thập tự trang bị cho Bệnh viện sẽ đưa chúng tôi vào thẳng chiến trường. Tiễn biệt ở sân Viện Quân y 108. Chỉ huy Cục Quân y và Viện 108, tiễn chúng tôi. Những cái bắt tay chan chứa nhiệt tình. Những lời hứa hẹn đầy tin tưởng… "sẽ gặp nhau ở Sài Gòn nhé..." "... Hoặc ở Huế, hay Đà Nẵng cũng được".

Sau một tháng ngừng đánh phá miền Bắc, "đi tìm hoà bình". Không có kết quả, có tin Giônxơn lại ra lệnh đánh phá ác liệt trở lại miền Bắc.

Đêm đầu chúng tôi đi yên ổn tới Coòng. Đêm thứ hai, qua cầu Hàm Rồng, qua miền Nam Thanh Hoá, con đường chạy men theo bờ biển, nơi địch thường đánh phá ác liệt, nên anh em lái xe gọi là "cửa tử" … an toàn. Thành phố Vinh chìm trong bóng tối, đây đó còn lại một vài vạt tường đổ nát. Qua phà Bến Thủy yên ổn, xe chúng tôi rời đường số 1, rẽ vào Hương Khê, đoạn đường bị địch uy hiếp nặng, những hố bom chi chít ven đường, những chòi canh gác của dân quân với những ngọn đèn dầu tù mù báo hiệu, và các o dân quân ngồi gác suốt đêm... qua Ngã ba Đồng Lộc, anh em lái xe gọi là Ngã ba thịt chó, để kỷ niệm một bữa thịt chó bị máy bay địch bắn hút chết.

Đoàn chúng tôi gồm một số cán bộ chỉ huy của Bệnh viện và một số nhân viên kỹ thuật cần thiết để làm việc dọc đường với cơ quan chỉ huy Đường

dây 559. Chúng tôi đi trên hai xe Hồng thập tự trang bị cho Bệnh viện. Trong đoàn chỉ có một phụ nữ, cô Thục Oanh, Y sĩ hoá nghiệm, một cô gái xinh xắn được ưu tiên phân công đi cùng xe với Viện trưởng và Chính uỷ. Sau mấy buổi đi đầu cô than thở: Ngồi cùng xe với các cụ, em ngại quá. Suất đêm không dám duỗi chân sợ đạp chân vào các cụ.

Cơm nước dọc đường, do từng xe tự lo. Gạo, xoong nồi thì mang sẵn theo xe thực phẩm, củi đuốc phần mang theo, phần mua của dân các địa phương đi qua. May mắn trên xe chúng tôi có anh Lạc, đã có 4 con nên rất thạo việc chỉ đạo nấu nướng. Mọi người phân công nhau, mỗi người nấu một bữa. Tôi nhận phần chuyên trách rửa bát.

Hôm đó, chúng tôi tới địa phận Quảng Bình. Nghỉ ở một xóm nhỏ ven đường. Anh Lạc mua đâu về được một mớ sắn, tôi nhận phần luộc. Hai mẹ con bà chủ nhà nói chuyện rì rầm với nhau. Tiếng Quảng Bình líu ríu, nghe không rõ. Bỗng cháu bé gái kêu lên: Chú bộ đội... nác... nác! Tôi không hiểu gì cả. Bà mẹ giải thích là tôi đổ quá nhiều nước vào nồi sắn, bà dặn, khi nào sôi thì phải chắt hết nước, nếu không sắn sẽ nát bét. Tôi kiên nhẫn ngồi đun bếp, chờ sắn sôi trước con mắt nhìn tò mò của cháu bé gái. Đến đoạn chắt nước, cháu lại kêu ầm lên gọi mẹ. Bà mẹ tất tả từ trên nhà xuống. Thì ra tôi lóng ngóng trong khi chắt nước, đã để cả nồi lẫn rế lên bếp đun. Tí nữa cháy mất chiếc rế!

Đêm thứ tư tới Khe Tang. Nửa đêm trời bắt đầu mưa to. Tới chân đèo, ôtô dừng lại ở một trạm gác, có một cây tre chắn ngang đường vào Nam. Anh bộ đội gác barie đầu tiên trên đường vào Nam. Anh. bộ đội gác barie cho biết: Nước Khe Tang đang lên cao. Ôtô không qua được. Trong trạm canh barie chật hẹp, tối mờ mờ. Anh bộ đội gọi điện thoại cho trạm gác bên kia suối:

- Mức nước bao nhiêu rồi?

- Một mét hai!

- Có hai con chờ qua khe!

Mật dạng gọi ô tô bằng "con" như con trâu, con bò, nghe thật lạ tai!

Bên kia gọi lại: Con to hay con nhỏ.

- Hai nhóc con thôi!

- Nhóc con thì không qua nổi đâu!

Chúng tôi sốt ruột, xuống đi bộ tới bờ khe xem xét. Cơn mưa tuy nhỏ, nhưng cũng đủ làm cho nước lũ dâng cao trong con suối hẹp. Nước chảy ầm ầm... Một thanh niên xung phong, đi công tác vội, cố lội qua, nhưng mới ra khỏi bờ mấy bước, nước sâu quá, lại phải quay lại. Nước vẫn dâng cao dần. Anh bộ đội gác barie thỉnh thoảng lại cầm một chiếc sào dài cắm xuống suối đo mực nước. Nước lên cao dần: một mét rưỡi... một mét tám... hai mét. Rõ ràng là chúng tôi không thể qua suối tối nay rồi. Phải cho xe lui lại, tìm một chỗ bằng phẳng ven đường, cho xe nấp vào dưới rừng cây, chờ hết cơn lũ mới qua được suối. Qua một đêm, một ngày, rồi một đêm hôm sau nước vẫn chưa rút.

Máy bay địch hoạt động liên tục suốt ngày đêm. Ban đêm có những máy bay cánh quạt bật đèn đỏ bay lượn trên trời như tập lái, ngọn đèn dưới cánh máy bay di chuyển từ từ như ngôi sao đổi ngôi. Ban ngày có chiếc máy bay chở dầu to kềnh càng, có những máy bay nhỏ bay xúm xít chung quanh nhận dầu từ chiếc máy bay mẹ. Một cuộc biểu diễn kỹ thuật của không lực Mỹ, như khiêu khích... Chúng nó biết lúc này chúng ta chưa có cánh tay đủ dài để với tới chúng... Tiếng phản lực, tiếng bom nổ ì ầm suốt ngày đêm...

Ngày 5 tháng 3 năm 1966. Nước vẫn to, nhưng nhờ được một xe cần trục kéo, chúng tôi qua được Khe Tang, qua Khe Ve, lên tới đỉnh đèo, ôtô dừng lại đột ngột. Phía trước một dãy dài ôtô nối đuôi nhau, chật ních trên đường đèo. Sau chúng tôi, xe lại ùn lại ba, bốn mươi chiếc to nhỏ khác nhau của các quân binh chủng, xe chở hàng, xe kéo pháo, kéo tên lửa kềnh càng, xe chở người, xe cứu thương, xe xitéc, xe zíp chở cán bộ đi công tác... Con đường đèo chật chội, lầy lội. Bên trái đường là vách núi đá cao ngất, bên phải đường là vực sâu thẳm có tiếng thác nước rì rào...

Chờ đợi sốt ruột, dưới ánh sao lờ mờ, tôi và anh Tấn quyết định lên đầu đoàn xe xem vướng gì mà xe không đi được. Khó khăn lắm, chúng tôi mới len lỏi qua được những chiếc xe kềnh càng bụi bặm, đỗ sít vào nhau... Tới lưng chừng đèo một đám đông lái, phụ xe xúm xít, bàn tán quanh một chiếc xitéc, trượt một bánh nghiêng một nửa xe trên vực sâu. Mũi xe quay ngang chặn con đường hẹp. Đồng hồ đã chỉ hai giờ sáng. Con đường đèo trống trải. Có ý kiến đề xuất: Đào vách núi, mở rộng đường để xe sau có thể lách qua. Có ý kiến lên barie, cách đấy 6 cây số, xin xe cần trục tới trục xe xăng lên. Cả hai ý kiến đều được thực hiện nhanh chóng. Tiếng xẻng lục cục đào vách đá, nhưng nghe chừng còn lâu mới đào được một chỗ tránh. Tôi quyết định cử anh Tấn quay trở lại báo tin cho đơn vị và cùng một đồng chí bộ đội đi lên barie. Qua được đoàn xe đang ùn tắc, chúng tôi vội vàng đi trên con đường vắng vẻ. Chợt một ngọn đèn pha phía trước một chiếc ôtô đang ì ạch đi ngược lên đèo. Chúng tôi vẫy lại: Xe chở thương binh đã đi một ngày, cơm ăn không có, định đưa thương binh về Hương Khê. Chúng tôi nói như quát với anh lái xe: "Đường bị tắc rồi. Quay lại!". Chúng tôi nhảy lên

xe đến ngã ba Khe Ve tìm được trạm barie, một hầm sâu đào vào vách núi, ở ngã ba đường, chung quanh là hố bom chi chít. Tiếng chuông điện thoại gọi đi, gọi lại. Cuối cùng xin được một chiếc xe cần trục lên chỗ xe đổ. Trời thỉnh thoảng rực lên ánh pháo sáng thả đâu đó ở xa. Tiếng máy bay và tiếng bom ì ầm. Ôtô phóng vùn vụt mặc những tiếng hò hét cạnh đường. Khi lên đèo ôtô tắt đèn nhưng vẫn phóng nhanh. Tới chiếc xe xitéc, đồng chí công binh xuống xe, hạ cần trục, buộc dây vào chiếc xe đang cập kề trên trên bờ vực. Nhưng không dám kéo vì chiếc xe xitéc chở đầy xăng quá nặng, nếu kéo có thể rơi xuống vực cả xe cần trục. Phải hai xe cần trục hoặc phải tháo bớt xăng. Trời đã lờ mờ sáng, chân trời phía Đông bắt đầu ửng hồng. Các xe được lệnh cấp tốc ngụy trang. Người trên xe đi bộ xuống đèo trước khi cấp tốc báo cáo với Tham mưu. Tại phòng Tham mưu R., đồng chí Tham mưu trưởng gày rộc, mặt võ vàng vì mất ngủ. Thảo luận đi lại, cuối cùng lệnh cho trút hết xăng trong xe xitéc. Hơn 4 tấn xăng trong lòng xe chảy ào ào xuống vực như dòng thác. Nhưng anh công binh vẫn lo ngại, điện về, vẫn nguy hiểm lắm: chiếc xe cập kênh trên miệng vực, có thể lôi tuột xe cần trục xuống theo... Mà chậm chút nữa có thể cả đoàn hơn một trăm xe mắc kẹt trên đèo sẽ là mục tiêu cho máy bay địch!

- Thôi! - Đồng chí tham mưu trưởng thở dài quyết định - Hất xe xitéc xuống vực!

Trong giây lát chiếc xe chở xăng mới toanh của LiênXô, lần đầu tiên vào chiến trường, lăn lông lốc như chiếc xe đồ chơi trẻ con xuống vực, mở đường cho đoàn xe bị mắc kẹt rầm rầm xuống đèo, tản mát vào rừng trước khi trời sáng hẳn.

Qua gần một tuần hành quân, chúng tôi đến được Bộ chỉ huy tiền phương Đoàn 559. Đồng chí Tham mưu trưởng, chỉ huy bộ phận tiền phương chúng tôi. Theo ý kiến của anh, chúng tôi chia thành hai đoàn, một bộ phận chuyển qua đường đi bộ qua Ho. Một bộ phận tiếp tục hành quân cơ giới qua Đoàn bộ 555 làm việc. Anh bảo: "Đi bộ sướng hơn đi ô tô nhiều đấy các anh ạ!".

Nghe câu nói đó, tôi nghĩ thầm: "Các bố chỉ động viên suông anh em đi bộ. Chẳng qua không đủ ô tô cho tất cả mọi người. Chứ đi bộ mà sướng hơn đi xe! Thật khó tin!...".

Nhưng sau này, chúng tôi mới thấy sự thật đúng là như vậy.

Nghỉ lại một ngày, tranh thủ thăm bệnh viện của Đoàn ở gần đó. Chúng tôi nhớ mãi một thương binh bị bom Napan, bỏng khắp người quấn băng trắng toát từ đầu tới chân. Khi tới gần, tôi ngạc nhiên nghe thấy từ sau đống băng, có tiếng hát "Quảng Bình quê ta ơi!..."

Tôi hỏi: “Đồng chí có đau lắm không?”.

Anh thương binh ngừng hát.

“Đau lắm chớ!” im lặng một chút anh nói tiếp “Nhưng cũng thích!”.

- Sao lại thích? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Như ri thì đám hắc lào ở bụng chắc phải hết!

Rồi anh lại hát tiếp. “... Xanh tươi bốn mùa...”.

Tôi thật gần như sững sờ vì hai thái cực, cái đau đớn mà tôi hình dung là khủng khiếp của vết bỏng khắp người và sự lạc quan lạ thường của người chiến sĩ...

Sau một ngày nghỉ, chúng tôi bắt đầu vào con đường mòn Hồ Chí Minh mà anh em bộ đội ở đây gọi một cách trịnh trọng và tự hào: “Đường chiến lược xuyên Đông Dương”. Con đường dài hơn một nghìn cây số, len lỏi trong núi rừng Trường Sơn, giữa biên giới ba nước Việt, Lào, Miên. Con đường quân sự làm gấp với những dốc dựng ngược, những ngầm dưới lòng suối, thay cho cầu vượt suối, với những đoạn đường dài hàng trăm cây số lát bằng những thân cây gỗ đặt ngang đường để chống lầy thụt trong mùa mưa, với hàng đàn máy bay địch quần lộn cả ngày lẫn đêm trên đầu, trút bom liên lục xuống các đèo, phà, bến sông. Phụt rốc két, lia hàng tràng đại liên xuống bất cứ vật gì di chuyển trên mặt đất, một tia sáng ban đêm, một làn khói ban ngày. Con đường đi dọc dãy Trường Sơn, cây trơ trụi lá vì bom cháy, chất độc hoá học...

Bước vào con đường là bước vào cuộc vật lộn hàng ngày, hàng giờ giữa ta và địch. Con đường máu vào miền Nam với bao nhiêu gương mặt anh dũng, hy sinh, bao chuyện thần kỳ, cũng như bao điều đau khổ của các lái xe, công binh, pháo binh, thông tin, thanh niên xung phong, các trạm barie, các kho trạm, các giao liên bộ đội, những tập thể kiên cường sống và chết với con đường.

Con đường cũng là nơi chứng kiến các kỹ thuật chiến tranh tân kỳ của nước đế quốc hùng mạnh nhất: hàng đàn máy bay đủ kiểu loại, các loại bon nổ, bom bi, bom khoan, bom cháy, bom phốt pho, bom lân tinh, bom nổ chậm, bom từ trường, mìn la, mìn zíp, mìn cóc, mìn vướng nổ, cây nhiệt đới... bao nhiêu loại vũ khí mà con người có thể nghĩ ra được để giết người... Nhưng đêm đêm hàng đoàn xe vẫn ầm ì nối tiếp đi về... và con đường vẫn dài dần, dài dần, gan góc, và quyết liệt, như một con rồng thần thoại, vươn tới miền Nam Tổ quốc.

Đoàn vận tải quân sự Quang Trung đảm nhận công tác vận tải lên đường. Một đoàn vận tải đặc biệt có cơ cấu giống như một Chính phủ thu hẹp, có pháo binh, công binh, bộ binh, có các đơn vị vận tải cơ giới và hệ thống vận tải với các đường giao liên, có thông tin, có các trường học, bệnh viện, trạm sửa chữa, có những luật lệ riêng và có cả tài chính riêng, những tín phiếu Trường Sơn có giá trị như tờ giấy bạc được sử dụng trong nội bộ Đường dây 559.

Đêm 8 tháng 3. Chúng tôi đi từ R. (tên gọi của Chỉ huy sở tiền phương 559) tới 0-50, nơi đặt Chỉ huy sở chính thức của Bộ tư lệnh 559. Con đường đi qua đèo Mụ Giạ, thuộc miền tây Quảng Bình. Người ta kể lại rằng, ngày xưa có một người đàn bà nghèo, phải bỏ quê hương đi lang thang kiếm ăn. Tới chân đèo thì chết gục. Nhân dân địa phương lấy tên bà để đặt tên gọi cho đèo. Đèo Mụ Giạ có tên trên bản đồ từ đó.

Dưới ánh trăng mờ mờ, chúng tôi đi qua nơi Nguyễn Viết Xuân, người chỉ huy cao xạ kiên cường đã ngã xuống. Qua đồi O Ngà. Một địa danh mới, chưa có trên bản đồ do bộ đội đặt tên. Anh cán bộ trẻ phòng tham mưu đi cùng kể chuyện cho chúng tôi nghe về O Ngà. O là một thanh niênxung phong, quê ở Quảng Bình lên phục vụ cho bộ đội cao xạ ở vùng rừng núi này.

Hôm đó, địch bắn phá con đường. Bộ đội cao xạ bảo vệ đường bắn lại. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Đầu tiên O Ngà, chỉ chạy lên, chạy xuống ngọn đồi tiếp tế đạn cho bộ đội. Đồng chí pháo thủ số 3 bị thương, O Ngà liền thay anh tiếp đạn vào súng. Rồi pháo thủ số 2, số 1 bị thương. Đồng chí Đại đội trưởng ở một quả đồi bên cạnh ngạc nhiên thấy khẩu pháo tuy bị bom địch phá ác liệt, nhưng vẫn bắn trả lại, nhưng tiếng nổ sao khác thường rời rạc. Sau trận chiến đấu mới rõ khẩu đội đã bị thương vong hết. O Ngà đã một mình, vừa ngắm, vừa đạp cò bắn... và những viên đạn của O cũng góp vào lưới lửa bảo vệ bầu trời Tổ quốc.

Đèo Mụ Giạ, đèo O Ngà hai địa danh, cũng là hai cuộc đời của hai người phụ nữ.

Qua đèo Mụ Giạ, chúng tôi mới thực sự bắt đầu vào đường quân sự mới mở. Anh trợ lý tham mưu đi cùng, giới thiệu với chúng tôi: Đây là con đường xóc nhất Đông Dương!

Con đường quân sự làm gấp, lầy lội sau những trận mưa, lồi lõm hố bom, gốc cây chặt dở dang. Những hố trên đường, không còn là những ổ gà như thường gọi mà là ổ trâu, bò, hoặc ổ voi... Để chống lầy cho xe có thể đi được, bộ đội công binh đã chặt những thân cây rừng, to bằng bắp chân rải

suốt dọc con đường, cũng làm cho con đường thêm xóc. Chiếc xe đi rì rì nghiêng ngả. Ngồi trong xe mà như phải lên tấn, hai cánh tay căng, bám chặt, một tay vào thành ghế, một tay chống lên nóc xe, để bảo vệ đầu, nhưng vẫn không tránh được những cú xóc hất bật người, đầu đập vào trần xe đau điếng... Cứ như vậy vật lộn suốt đêm không chợp mắt được chút nào.

Chiếc xe đi mò mẫm trong đêm. Để tránh máy bay phát hiện, đèn phải lắp xuống gầm xe, ánh đèn chỉ loé sáng phía trước xe khoảng hai mét. Nhưng mỗi khi lên dốc lại có tiếng la hét bên đường: tắt đèn đi, tắt đèn đi... vì lúc này mũi xe ngẩng cao, và ngọn đèn dưới gầm xe vẫn chiếu ngược lên trời. Anh em lái xe đường Trường Sơn nói vui với chúng tôi: "Đây là cuộc chiến đấu giữa thằng mù và thằng điếc!".

Với bọn phi công trên trời, nhiều lúc chúng tôi thật ngạc nhiên: Có những đoạn đường đèo, chúng nó kiểm soát suốt ngày đêm. Ban đêm không lúc nào ngưng tiếng máy bay trinh sát OV-10 bay vè vè vòng quanh khu vực.

Hàng loạt pháo sáng thả liên tục suốt đêm, hết đợt này lại đợt khác. Mỗi loạt, hàng chục quả pháo sáng, rọi xuống từ từ, có dù treo lơ lửng trên không, sáng rực một vùng trời, tưởng chừng như chiếc kim rơi trên mặt đất cũng có thể trông thấy. Ấy thế mà hàng đoàn xe pháo nối đuôi nhau thành hàng dài trên con đường đèo trống trải, bọn máy bay vẫn như mù, quần đảo lồng lộn, bắn vu vơ không nhìn thấy. Tất nhiên mỗi xe đều phủ đầy cành lá nguỵ trang.

Còn chúng tôi ở dưới đất, ngồi trong xe, tiếng động cơ nổ ầm ầm, đúng như những anh điếc, không nghe thấy tiếng gì bên ngoài. Chỉ khi nào xe dừng nổ máy, mới lại nghe thấy tiếng máy bay rít, nhiều khi sát ngọn cây trên đầu…

Lính lái xe có lý luận: Đi, chắc gì bị máy bay phát hiện, phát hiện chắc gì chúng đã bắn. Bắn chắc gì đã trúng. Trúng xe, chắc gì đã bị thương. Bị thương chắc gì đã chết...

Với lý luận đó để tự an ủi là xác suất bị thương vong là rất ít, và cứ thế, đêm đêm hàng đoàn xe vẫn rầm rập trên đường.

Nhưng cũng không phải đơn giản, để bảo đảm cho xe đi, phải có một công tác tổ chức đồ sộ dọc đường, ở những trọng điểm có hàng đoàn công binh, thanh niên xung phong ngày đêm túc trực, để sửa đường mỗi khi đường bị phá. Pháo cao xạ canh gác bầu trời, chí ít cũng không để chúng được tự do bắn phá. Công tác tổ chức, nuôi dưỡng động viên lái xe được quan tâm đặc biệt... Có những trọng điểm đánh phá ác liệt. Có thời gian cao điểm phải

vận chuyển gấp gạo ra chiến trường, một Chính uỷ được phân công đứng bên kia đèo, cứ mỗi xe qua được đèo, lái xe được tặng ngay tại trận một Huân chương chiến công và một chiếc đồng hồ Polgeot (loại đồng hồ Liên Xô được ưa chuộng lúc này).

Nhưng cũng không phải không có lái xe mất tinh thần, không dám đi, hoặc gây lộn xộn mất kỷ luật để "được" thi hành kỷ luật, thậm chí chấp nhận bị truy tố ra toà án quân sự, đi tù... để tránh không phải đi chiến trường. Có trường hợp lái cả một xe lương thực trốn vào rừng, làm lán sống trong rừng chờ cho hết mùa khô, tới mùa mưa khi chiến dịch vận chuyển kết thúc, mới ra nhận kỷ luật...

Tha Mé ngày 15 tháng 3 năm 1966. Tới Chỉ huy sở Đoàn 559, cơ quan chỉ huy đầu não của toàn bộ đường giao thông chiến lược vào Nam, đặt ở Tha Mé, trong một vùng rừng núi biên giới Việt Lào.

Cơ quan chỉ huy đều làm dưới hầm, nhưng vẫn có hội trường đủ chỗ cho vài trăm người hội họp. Dưới tán lá rừng bạt ngàn, ba bốn lớp, ngay giữa trưa cũng chỉ lọt những bóng nắng nhỏ bằng bàn tay, các cơ quan chỉ huy vẫn hoạt động nhộn nhịp, đường dây điện thoại chằng chịt khắp rừng.

Dừng lại hai ngày ở đây làm việc với Bộ tư lệnh, cơ quan Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Quân y, Thông tin... bàn các quy ước cụ thể về tiếp tế lương thực, thực phẩm, thuốc men, hợp đồng về chuyên môn, quy ước thông tin... Nghe giới thiệu các chặng đường phải qua, các kinh nghiệm dọc đường...

Đêm 14 tháng 3, chúng tôi tiếp tục lên đường... Khoảng 2-3 giờ sáng, tới một đoạn tương đối bằng phẳng, xe chạy đỡ xóc, mọi người trong xe đang thiu thiu, bỗng chiếc xe chồm mạnh và lật nghiêng. Một phản xạ tự nhiên, tôi căng tay bám chặt lấy thành ghế. Qua kinh nghiệm điều trị nhiều thương binh bị tai nạn đổ xe, tôi có nhận xét là thường trong khi mọi người trong xe bị thương vong nặng, nhưng lái xe lại thường không việc gì, lý do vì anh ta là người đầu tiên biết tai nạn sắp xảy ra, bám chặt lấy tay lái và thường thoát nạn. Tôi cũng làm như vậy, bám chặt lấy thành ghế, lên hết gân cốt, chờ đợi cho chiếc xe lăn vài vòng xuống vực... Nhưng may, xe chỉ đổ nghiêng, ba lô, súng đạn, gạo, xoong, nồi để ở giữa xe, cả mấy anh ngồi ở ghế đối diện, đổ ào lên người tôi và mấy người ngồi ghế bên này, kêu oai oái... Phải một lúc sau, mới bật được cửa xe, chui ra ngoài... Thì ra mới rõ, dưới bóng trăng suông, tới một chỗ đường vòng, lái xe buồn ngủ, nhìn vách ta luy xẻ bên sườn núi, cạnh đường, tưởng chính đó là con đường nên lao xe vào. Xe bị lật nghiêng, nằm chênh ềnh trên đường. Chiếc xe sau vừa tới. Mọi người trên xe nhảy xuống. Đồng chí Chính uỷ đi xe sau hỏi: Cái cây để

làm đòn bẩy đâu rồi?

Từ hôm vào đường Trường Sơn, không biết học tập kinh nghiệm ở đâu, anh quy định cho mỗi xe phải mang theo một thân cây để làm đòn bẩy khi xe đổ. Xe thì chật lại cồng kềnh, nào người, nào lương thực, thực phẩm, hàng hoá, lại thêm một thân cây bằng bắp đùi dài bốn, năm thước, lăn long lóc trong lòng xe, nhiều khi đè cả lên chân chúng tôi... để đề phòng xe đổ... Không dám cãi lại lệnh, nhưng mọi người đều càu nhàu: Kinh nghiệm! Đường rừng, thiếu cha gì cây dọc đường mà phải rước một cây gỗ theo xe. Thế là, chỉ được hôm đầu, hôm sau, tới chỗ nghỉ, mọi người đều lẳng lặng quẳng cây gỗ đi...

Chính uỷ cáu kỉnh, trong khi mọi người chia nhau lên rừng để chặt cây. Đây lại đúng là một trọng điểm, địch mới đánh phá. Bên đường cây gỗ lớn còn cháy leo lét, hoặc trở thành những cột than đỏ lửa... phải mất khoảng nửa giờ sau mới chặt được một đoạn cây vừa ý, thẳng. to bằng bắp đùi, dài khoảng năm mét. Dùng cây gỗ làm đòn bẩy cộng với gần một chục người xúm lại nâng, cuối cùng xe cũng đứng lên được, nổ máy và tiếp tục lên đường...

Ngày 20 tháng 3 năm 1966. *Tới Tà Khống.* Ở *đây con đường quân sự mới mở vòng ra phía Tây Quảng Trị, bắt vào đường quốc lộ số 9. Xe cơ giới bắt buộc phải qua đèo Tà Khống, một trọng điểm bị địch đánh phá ác liệt suốt ngày đêm. Bộ đội đường dây đã có câu ca ai oán:*

"Em về mà lấy chồng đi
Anh ra Tà Khống biết khi nào về..."

Anh em còn gọi đây là "thành phố Tà Khống", vì đêm địch thả pháo sáng liên tiếp làm cho cả vùng sáng rực. Nhìn xa, như nhìn về một thành phố lớn. Khoảng quá nửa đêm, dưới ánh trăng mờ mờ, xe chúng tôi mới đến barie. Anh Tấn, Bí thư của anh Vinh, xuống barie, gọi điện thoại cho Chỉ huy Binh trạm, Chỉ huy Binh trạm cho biết đường thông, có thể đi được ngay. Anh Vinh nhìn đồng hồ: ba giờ sáng, hỏi gặng: Liệu có sang kịp bên kia đèo không?

- Kịp...! - Người ở bên kia đầu dây trả lời.

Nhưng để an toàn anh yêu cầu để đoàn nghỉ lại, đêm mai sẽ qua đèo. Chỉ huy Binh trạm ở bên kia đầu dây, có vẻ miễn cưỡng phải đồng ý, nhưng nói thêm: Hôm nay là may đấy, có khi đường tắc hàng tuần lễ không đi được.

Chúng tôi được đưa vào "bãi khách", là một khu rừng dùng làm nơi nghỉ

tạm cho các đoàn ra vào. Chúng tôi tìm một khúc suối cạn có hai vách cao như một công sự thiên nhiên, để căng lều bạt. Ở đây cũng có một số công sự đào vào vách núi, một bếp Hoàng Cầm đã bị sụt, nhưng sửa lại thì còn dùng được...

Tối hôm đó có bom nổ chậm thả trúng tim đường, công binh và thanh niên xung phong sửa không xong. Không đi được.

Hôm sau nữa, mưa lũ không qua được ngầm...

Anh Binh Trạm trưởng đến thăm chúng tôi cho biết thêm: Hôm trước, có một đoàn của Tổng cục, chần chừ nằm chờ ba tuần bên này đèo, không dám qua.

Rồi cuối cùng quay ra Hà Nội. Cả đoàn đã bị kỷ luật nặng...

Tối thứ tư, đường thông, hai xe chúng tôi lên đường qua đèo, ánh trăng mờ mờ, con đường đất ngoằn ngoèo khoảng một chục cây số lên tới đỉnh đèo. Hai bên đường, một bên là vách núi cao, trơ trụi những thân cây cụt ngọn, lởm chởm đen thui. Đây đó có những cây đang rừng rực cháy, hoặc đỏ rực như những cột than đỏ, vết tích của những trận đánh phá vừa xảy ra vài giờ trước. Một bên là vực sâu thăm thẳm, có tiếng suối réo ầm ầm... Khắp nơi, hàng nghìn hố bom to nhỏ, đất đá vụn như bột.

Trên trời, máy bay địch liên tục ì ầm, đèn hai bên cánh như hai đốm sao di động vòng tròn. Pháo sáng liên tiếp hết chùm này sang chùm khác. Những xe chúng tôi, cũng như nhiều xe khác, phủ đầy cành lá nguỵ trang như những bụi cây di động vẫn lừ lừ bò lên dốc.

Tới đỉnh đèo, con đường xuống đèo cũng ngoằn ngoèo khoảng năm sáu cây số, xuống tới ngầm là con suối Tà Khống rộng chừng hơn trăm mét. Nước chảy ầm ầm giữa hai vách đá cao. bọt tung toé. Cầu qua suối đã bị phá hỏng từ nhiều năm trước. Để cho xe qua, công binh đã xếp đá thành một con đường. Nhưng để tránh bị địch phát hiện nên con đường phải nằm ngầm dưới mặt nước chừng nửa mét. Để lái xe đi đúng đường ngầm, hai bên đường, cách chừng hai mét, có một thanh niên xung phong, quấn quanh người một tấm dù pháo sáng trắng, đứng làm cọc tiêu cho xe qua. Xe chúng tôi, um tùm lá nguỵ trang như một bụi cây, cài số một gầm gừ, lắc lư, nặng nhọc, chồm qua từng tảng đá vượt qua ngầm giữa hàng cọc tiêu sống trắng lốp hai bên.

Trên đầu máy bay không ngớt gầm rú, tiếng bom, tiếng rốc két nổ chát chúa bên phải, bên trái, phía trước, phía sau... Pháo sáng toả ánh sáng trắng chói trang, như những chiếc đèn măng sông treo giữa bầu trời. Mỗi chiếc pháo

soi sáng được khoảng một chục phút, loạt pháo sáng này vừa xuống thấp, lại tiếp loạt khác, tròng trành, lắc lư, bị gió thổi dạt. Bóng cây cối, người, bóng xe lung linh khi dài khi ngắn, trên sườn đồi, vách núi, mặt đường...

Qua được ngầm chưa phải đã là thoát nạn. Xe phải vượt tiếp con đường đèo bên kia ngầm. Lại nặng nhọc leo hàng chục cây số lên xuống đèo. Vẫn con đường đất trống trải, đầy hố bom, đất, gỗ, đá, mảnh bom đạn trộn với nhau.

Suốt đêm, ngồi trên xe mà chúng tôi cảm thấy như ngồi trên đống lửa. Ánh sáng chói chang của pháo sáng tưởng chừng như nhìn thấy chiếc kim rơi trên mặt đất. Cảm giác đang đi dưới bom đạn địch, không biết có thể chết bất cứ lúc nào.

Tuy nhiên trong cảnh hoang tàn, chết chóc như vậy, nhưng hai bên đường vẫn rậm rịch có tiếng người đi lại, làm việc bên đường. Chốc chốc lại có tiếng quát: tắt đèn đi. Ánh đèn pin che kín, trong các công sự đào vào trong vách núi bên đường và những cọc tiêu sống đứng chỉ đường, hai bên ngầm và ở những đoạn đèo có cua gấp...

Qua ngầm Tà Khống, chúng tôi vượt đèo, đi thêm khoảng hơn một chục cây số nữa và nghỉ lại ở Xê-pôn, một thị trấn nhỏ của nước bạn Lào đã bị phá huỷ hoàn toàn. Đã qua trọng điểm, ở đây đã tương đối an toàn... Bỏ xe lại ở bìa rừng, chúng tôi theo đồng chí liên lạc đi bộ sâu vào rừng tìm chỗ ngủ. Dọc đường, anh liên lạc đột ngột tạt vào một bụi cây cạnh đường, leo lên cây, kéo xuống một chiếc dù pháo sáng mắc trên cây, đưa tặng cô Oanh, cô gái độc nhất trong đoàn để làm kỷ niệm. Hỏi chuyện anh cho biết quê ở Thái Bình, đã công tác ở đây hơn năm năm. Hơn năm năm, trong gian khổ, và ác liệt như vậy... Tôi nhìn anh xúc động và kính phục...

Bản Đông, ngày 25 tháng 3 năm 1966. Rời Xê-pôn, chúng tôi vào đường quốc lộ số 9. Con đường ngày xưa trải nhựa nhưng đã hàng chục năm không được tu sửa, qua kháng chiến chống Pháp, rồi chống Mỹ, nhiều đoạn đã bị sụt lở, hư hỏng nặng, nhưng dù sao vẫn còn tốt hơn quãng đường quân sự làm gấp vừa qua.

Vào cua chữ S, một đoạn đường vòng vèo quanh sườn núi. Ở đây mới xảy ra một cuộc bắn phá ác liệt vài hôm trước. Một đoàn xe quân sự của ta, tiếp tế cho mặt trận A Sầu bị máy bay địch phát hiện. Hơn hai mươi xe bị phá huỷ. Khi chúng tôi đi qua, người chết và bị thương thì đã được đưa đi, nhưng các xác xe cháy, gạo, đạn, vũ khí bị phá huỷ vẫn còn ngổn trang bên đường, trên một đoạn dài vài cây số.

Tới Bản Đông, cầu bắc qua suối Bản Đông bị phá huỷ chưa chữa kịp. Trạm

barie khuyên chúng tôi nên vào nghỉ ở bãi một đại đội công binh đóng trong rừng, trong khi chờ sửa cầu. Trên đầu vẫn tiếng máy bay ầm ì. Có tiếng nổ lác đác trong rừng. Đã hai giờ sáng, chúng tôi quyết định tạt vào rừng, nghỉ tạm chờ trời sáng sẽ vào đơn vị công binh. Mọi người đang rẽ lá, tìm đường mòn vào rừng, thì cậu An, chiến sĩ thông tin bỗng kêu to: Rắn. Chúng tôi xúm lại, soi đèn pin. Con rắn đã chạy mất, nhưng để lại vết cắn còn rớm máu trên chân An. Không biết rắn có độc hay không, nhưng tôi vẫn thắt chặt cổ chân An, một tay lần lưỡi dao cạo râu trong ba lô. Không sát trùng, không gây tê, rạch dài vết rắn cắn và nặn cho máu túa ra, rồi băng lại trong khi An rên rỉ vì đau... Đây là phẫu thuật đầu tiên chúng tôi làm trên đường Trường Sơn. Cũng may, An chỉ bị tập tễnh mấy hôm rồi khỏi, không bị biến chứng gì...

Mờ sáng, chúng tôi gọi nhau dậy, thu tăng võng cho vào ba lô rồi trở lại đường mòn vào đại đội công binh. Đột nhiên, từ trong rừng, khoảng hơn một tiểu đội công binh rầm rập chạy ra. Mặt người nào, người nấy đều sát khí đằng đằng. Người chỉ huy chạy đầu, lăm lăm trong tay khẩu súng ngắn, các chiến sĩ chạy theo sau đều mang tiểu liên AK, chĩa ngang trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Gặp chúng tôi, anh chỉ huy quát hỏi: Có thấy toán biệt kích ở đâu không?

Chúng tôi ngạc nhiên hỏi lại: Có biệt kích à? Và trả lời: Không, chúng tôi không gặp.

Toán công binh chạy qua chỗ chúng tôi một chút rồi quay trở lại, đi theo sau chúng tôi, súng vẫn trên tay như kiểu giải chúng tôi về trụ sở của đại đội.

Trụ sở của đại đội công binh là một dãy lán bằng tre nứa, dựng trên một ngọn đồi thấp có cây cao che phủ, cách đường khoảng hai, ba cây số.

Chúng tôi ngồi chờ ở một dãy ghế bằng hai cây tre ghép lại đặt trên cọc chôn xuống đất làm chân ghế. Không khí nghi ngờ, căng thẳng. Trong nhà, một vài người lấp ló, nhìn chúng tôi từ xa, không ai chuyện trò, thăm hỏi... Một lúc sau, từ trong lán bước ra một chiến sĩ, quần áo rách tả tơi đầu tóc bù xù, mặt mũi và cả người như vừa trong bụi rậm chui ra, đầy vết xước rớm máu. Anh đi một lượt, nhìn chằm chằm chúng tôi... Anh Kính Chính uỷ bỗng nhận ra: đó là cậu An, chiến sĩ của đoàn chúng tôi được giao nhiệm vụ đi áp tải các xe hàng. Tại sao cậu lại ở đây, và sao như người mê hoảng không nhận ra chúng tôi.

Phải một lúc sau, chúng tôi mới hiểu ra: Chúng tôi bị nghi là biệt kích! Chả là đêm hôm trước, đoàn xe chở trang bị, thuốc men cho Đoàn 84 do hai anh Sánh và An hộ tống cũng vừa tới Bản Đông. Cầu đổ, nên cả đoàn xe cũng tạt vào rừng nghỉ. Cả đội hộ tống tìm đâu ra được mớ nấm rừng, nấu để

cải thiện. Nào ngờ phải nấm độc. An ăn nhiều bị trúng độc nặng hơn cả, như mê sảng, la hét, chạy vào rừng. Anh em trong đội, sợ An lạc hoặc bị tai nạn, chia nhau đuổi tìm làm An càng sợ, chạy sâu hơn, leo cả lên cây, nhảy xuống suối. Đám đuổi theo bắn súng doạ, đó là những tiếng súng chúng tôi nghe thấy khi mới rời xe đi vào rừng. An càng hoảng sợ, và như vậy náo động cả khu rừng. Có một lúc nào đó, An trông thấy đoàn chúng tôi rồi chạy vào gặp đơn vị công binh và khai bừa là bị biệt kích đuổi và còn nói rõ thêm là toán biệt kích có khoảng một chục người, có ông già, có cả phụ nữ…

Thấy một chiến sĩ máu me đầy người, quần áo tả tơi nói là bị biệt kích đuổi, đơn vị công binh liền lập tức cho cả một tiểu đội truy lùng. Đại đội phó công binh chỉ huy tiểu đội đã hạ lệnh lên đạn sẵn, gặp biệt kích thì bắn ngay... Cũng còn là may, sáng hôm đó, do ở cạnh đường, cảm thấy không an toàn nên chúng tôi đã dậy sớm, đang đi trên đường vào thì gặp tiểu đội công binh. Nếu còn nằm trên võng, trong rừng, thì với tâm trạng hoảng hốt và căng thẳng của chiến tranh, chưa biết có chuyện gì đã có thể xảy ra.

Chúng tôi không khó khăn gì để làm rõ sự thật. Chỉ cần hỏi vài câu là thấy rõ ngay, anh An trong trạng thái tâm thần không bình thường. Tổ gác barie khi trở về trưa hôm đó và anh Sánh, cùng với nhóm hộ tống đoàn xe, kể lại hết đầu đuôi câu chuyện. Mọi người được một trận hú vía và no cười...

Sau gần ba tuần hành quân cơ giới, trải qua biết bao nguy hiểm căng thẳng: Suốt đêm thức trắng, ngồi lắc lư trên xe, suốt ngày nằm cạnh đường ôtô, máy bay gầm rú, dưới cái nóng ngột ngạt, muỗi ve, vắt... đủ loại, chúng tôi mới nhận ra chân lý trong câu nói của anh Tham mưu trưởng Đường dây 559 hôm nào: "Đi bộ sướng hơn đi xe!..."

Chúng tôi điện về và được trên chấp nhận, bỏ xe, chuyển sang đi bộ.

Ngày 26 tháng 3 năm 1966. Chúng tôi nghỉ lại đại đội công binh, một ngày để làm công tác chuẩn bị, sau đó rời đường ôtô chuyển sang đi bộ. Một liên lạc của đại đội công binh đưa chúng tôi nhập vào Trạm 35 giao liên gần nhất. Hai xe hồng thập tự được nhập vào đoàn xe vận tải để vào chiến trường theo đường ôtô.

Đường giao thông quân sự chiến lược, nối liền miền Bắc với miền Nam được thành lập vào tháng 5 năm 1959, do đó được đặt tên là Đoàn 559. Nhiệm vụ chủ yếu của Đoàn là đảm bảo việc giao thông thông suốt từ hậu phương và tiền tuyến, đưa người, vũ khí, lương thực, bệnh binh mất sức chiến đấu, và đoàn cán bộ đi công tác, từ chiến trường trở về hậu phương.

Khi mới thành lập đường dây mới chỉ là một tuyến đường đi bộ nhỏ, len lỏi giữa rừng Trường Sơn, chủ yếu dẫn các đoàn đi bộ và các đơn vị vận tải

bộ. Với sự phát triển của cuộc chiến tranh, bên cạnh đường giao liên bộ, dần dần hình thành một mạng lưới các đường vận tải cơ giới vươn dài ngày càng sâu vào chiến trường miền Nam. Tới năm 1966, khi đoàn chúng tôi vào chiến trường, thì đường vận tải cơ giới đã nối được từ Quảng Trị tới vùng giáp giới ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, cửa ngõ của vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên việc vận tải cơ giới chỉ hoạt động trong các tháng mùa khô. Vào mùa mưa do đường quá lầy lội, nên xe cơ giới phải ngừng hoạt động. Ngược lại với đường giao liên bộ, thì đã thông suốt được tới tất cả các chiến trường miền Nam và có thể hoạt động liên tục quanh năm, không kể mùa khô hay mùa mưa...

Đường dây được tổ chức thành nhiều Binh trạm. Số lượng và quy mô các Binh trạm thay đổi tuỳ theo tình hình phát triển của chiến trường. Vào năm 1966, từ miền Bắc vào tới Ngã ba biên giới, đường dây được tổ chức thành 9 Binh trạm.

Mỗi Binh trạm tương đương với một Trung đoàn, là một đơn vị hoàn chỉnh, có Ban chỉ huy Binh trạm, các cơ quan Tham mưu, Chính trị, Hậu cần. Hệ thống các Trạm giao liên các đơn vị vận tải bao gồm vận tải thô sơ, thồ gùi bộ, hoặc xe đạp thồ, và vận tải cơ giới. Để bảo đảm cho công tác vận tải, mỗi Binh trạm còn có các đơn vị bộ binh, công binh, phòng không, các kho, trạm, xưởng sửa chữa, các trường học, bệnh viện, các trại tăng gia...

Để tiện cho việc tiếp tế lương thực thực phẩm, đường giao liên luôn đi song song với đường ôtô, và chỉ cách đường ôtô vài cây số, nhưng vì là một con đường mòn nhỏ len lỏi trong rừng già, kín đáo nên các đoàn hành quân bộ có thể đi an toàn ban ngày, đêm nghỉ lại ở các trạm giao liên.

Những năm 1965-1966, các trạm giao liên được bố trí cách nhau khoảng 8-9 giờ đi bộ. Những năm từ 1969-1970 trở đi, để giữ sức khoẻ cho bộ đội hành quân dài ngày, các trạm được bố trí gần hơn, cách nhau khoảng 5-6 giờ đi bộ. Đường xá được sửa chữa, dễ đi hơn, tránh những dốc đá cheo leo, có gỗ chống lầy vào mùa mưa, có cầu qua suối…

Ở các trạm giao liên, các đoàn ít người, thường là các đoàn cán bộ đi công tác, thì được ngủ trong trạm, có nhà, có công sự để trú ẩn khi bị oanh tạc, có giường cá nhân hoặc các sạp dài bằng tre để ngủ qua đêm. Được phục vụ ăn uống khi nghỉ lại tại trạm. Buổi sáng, trước khi lên đường, mỗi người được phát một nắm cơm để ăn bữa trưa.

Nếu đi thành đoàn đông, từng đại đội hoặc tiểu đoàn thì phải nghỉ tại "Bãi khách", là một khu rừng kín đáo, bằng phẳng, gần trạm giao liên, gần nguồn nước. Các bãi khách cũng được chuẩn bị sẵn, có hầm trú ẩn, có bếp Hoàng Cầm, có hố vệ sinh. Một số trạm còn có cả chỗ mắc võng, căng bạt sẵn.

Nếu ở bãi khách thì phải tự lo việc ăn ở. Sử dụng thực phẩm mang sẵn theo người để nấu cơm lấy mà ăn, tự làm lấy lều võng mà ở...

Sau khi đã đi qua một chặng đường bằng ôtô, chúng tôi mới thực sự cảm thấy thoải mái khi chuyển sang đi bộ. Tuy đi bộ mệt do hành quân, mang nặng, ngày này qua ngày khác, nhưng ngược lại tinh thần đỡ căng thẳng, sinh hoại đều đặn hơn và ban đêm còn được ngủ yên giấc...

Tuy nhiên chúng tôi vẫn phải luôn đề phòng vì kẻ thù vẫn luôn rình rập đâu đó bên mình. Bầu trời, ngay cả ban đêm cũng không lúc nào ngớt tiếng máy bay. Nếu chỉ để lọt một tia sáng ban đêm, một làn khói ban ngày, cũng có thể lập tức nhận được một quả rốc két, một băng đạn đại liên bắn từ một máy bay trinh sát nào đó. Tại các trạm giao liên, chúng tôi thường được thông báo có những toán biệt kích thả đây đó trong đường dây. Đài không được vặn to, bộ đội khi sinh hoạt cũng không được hát to, vỗ tay to... Những chặng đầu, chúng tôi còn mang theo đèn pin, phải dán một miếng giấy đục thủng một lỗ tròn như hạt ngô ở giữa, dán lên mặt kính để khi soi, chỉ có một luồng ánh sáng như chiếc đũa lọt qua...

Khi đi bộ, chỉ qua một vài chặng đầu, mỗi người, không ai bảo ai, đều tự mình xem xét các thứ mang vác của mình, mọi thứ đều ở trên đôi vai hoặc buộc quanh bụng, từ quần áo, chăn màn, tăng võng, gạo, muối, lương khô, tới thuốc men, vũ khí... Tuỳ theo tình hình các kho trạm dọc đường, mà số gạo phải mang theo, thay đổi từ một tuần, tới 10-12 ngày. Cũng là tuỳ, muốn đi nhẹ, mang ít gạo cũng được thôi, nhưng chuẩn bị khả năng bị đói do không có gạo tiếp tế dọc đường. Quả thực đây là một bài toán khó giải quyết. Muốn ăn no phải vác nặng, đó là điều mà không bao giờ chúng tôi thấy sâu sắc bằng lúc này. Vì vậy, dù nặng đến mấy, chúng tôi cũng phải cố vác hết tiêu chuẩn được phát theo quy định của giao liên... và sau này, chúng tôi còn hiểu thêm rằng có gạo để mang còn là một điều thật hạnh phúc!...

Trọng lượng phải mang vác trên người, thường từ 25-30 kilô. Trọng lượng chủ yếu đè nặng lên hai vai, một phần đeo quanh bụng, móc vào thắt lưng, bao gồm khẩu súng ngắn, con dao găm, bình tông nước uống. Bao gạo nặng khoảng từ 3-4 đến 10 kilô, lúc thì được vắt trên vai, lúc thì đeo quanh thắt lưng. Do mang vác nặng nên mỗi người tìm một cách để giảm bớt trọng lượng. Hai bên đường giao liên, nhất là ở các trạm đầu mối từ đi ôtô chuyển sang đi bộ, có thể thấy vứt bừa bãi dọc đường các trang bị mà lính cảm thấy nặng từ chăn màn, quần áo ấm, bao muối dự trữ, thậm chí cả đường, sữa được phát để sử dụng dọc đường và chỉ mang theo trong ba lô những đồ dùng tối thiểu không thể thiếu trong cuộc sống ở rừng.

Ở một chặng nghỉ, có lần tôi bắt gặp mấy chiến sĩ ngồi trên võng, đang lục tung ba lô, xem xét kỹ lưỡng từng thứ trong ba lô, vẻ mặt tần ngần. Có cậu

ngắm nghía quyển an bom dán ảnh gia đình, rồi tặc lưỡi bóc các tấm ảnh để riêng ra rồi vứt cuốn an bom vào gốc cây. Một cậu khác lấy lưỡi dao cắt các khuy ở cổ tay áo. Tôi hỏi, cậu chiến sĩ có vẻ lúng túng, trả lời: "Chả khi nào cài tới các khuy áo này cả, thủ trưởng ạ", rồi nói thêm "Con ruồi đậu nặng đồng cân mà, thủ trưởng!". Gương lược, là những thứ không thể thiếu đối với đám con gái, thế mà tôi ngạc nhiên thấy chiếc gương con bằng bàn tay, cũng bị bẻ làm đôi, cái lược cũng vậy, bị bẻ mất một nửa, chỉ còn khoảng chục chiếc răng.

Với đám thanh niên thì khỏi nói, hình như không ai có gương lược. Nhiều người trong chúng tôi, sống hàng chục năm ở chiến trường, mà hình như không lần nào nhìn thấy mặt mình trong gương và trừ những khi cắt tóc, cũng rất hiếm có dịp chải mớ tóc bù xù.

Ngày 6 tháng 4 năm 1966. Chúng tôi chuyển sang đi bộ đã được hơn một tuần. Từ Bản Đông, chúng tôi rời đường quốc lộ số 9, để đi về phía Nam, ven theo con đường anh em giao liên gọi là đường Nava dọc theo biên giới Việt - Lào. Nghe đâu con đường do tướng Nava cho xây dựng trong thời gian kháng chiến chống Pháp.

Qua Trạm 40, trong khi đang đi trên một đoạn đường rừng bằng phẳng, đoàn chúng tôi gặp một đoàn cán bộ từ chiến trường trở ra miền Bắc. Tôi bỗng phát hiện trong đoàn có Hoài Tuân, em vợ tôi. Hai anh em gặp nhau thật bất ngờ. Tuân đi vào chiến trường trước tôi mấy tháng, trong một đoàn chuyên viên vào nắm tình hình chiến trường của Bộ. Tuân gầy và xanh đi, nhưng vẫn mạnh khoẻ. Hai anh em chỉ kịp ngồi lại trên một gốc cây, trao đổi với nhau vài câu chuyện về tình hình gia đình, chừng mười phút rồi lại vội vã theo đoàn lên đường. Tuy vội, nhưng anh Lạc, cũng đã viết kịp bức thư gửi về nhà. Anh Lạc là người chăm viết thư nhất trong đoàn chúng tôi. Thường tới các trạm, anh đều chú ý tìm gặp các đoàn ra để gửi thư. Mỗi khi có dịp, anh lại thường giục chúng tôi viết thư về gia đình. Thư từ, từ chiến trường gửi về hậu phương, có thể chuyển theo qua giao liên. Nhưng chắc chắn và nhanh nhất là nếu gặp người quen gửi theo ra.

Hàng ngày, chúng tôi dậy sớm sau khi ăn sáng, lĩnh một nắm cơm để ăn trưa. Trong nắm cơm có một cục mắm tôm to bằng đầu ngón tay út để thay cho thức ăn.

Đến giờ lên đường, mọi người tập hợp cạnh bờ suối, chờ giao liên dẫn đi. Cũng có khi anh giao liên chỉ cho đầu mối đường và chúng tôi tự đi. Đường độc đạo, nếu thỉnh thoảng có ngã ba, ngã tư thì đã có một cành lá rấp sẵn những lối không đi... nên không sợ lạc. Đến quãng gần trưa là tới chỗ giao trực. Giao liên từ trạm ngoài đưa khách vào bàn giao cho giao liên ở trạm trong ra để đón khách đưa về trạm trong... Tôi cho đây là cách làm việc thật

thông minh đỡ sức cho giao liên: Người giao liên sáng đi từ trạm mình, chiều lại trở về trạm của mình. Ăn ở, sinh hoạt được ổn định, không phải mang đồ đạc cá nhân đi đường nên đỡ nặng.

Trong khi giao liên trực là lúc ăn trưa. Anh Bích, bác sĩ Chủ nhiệm Y vụ, thường rủ tôi đi tìm một chỗ khuất, một thân cây đổ, xa mọi người, rút bát đũa trong ba lô ra, rồi lấy dao găm gọt nắm cơm, ăn phần cùi bên ngoài với ruốc mang theo từ miền Bắc, còn cục mắm tôm thì vứt đi. Chúng tôi giống nhau ở chỗ không thích ăn mắm tôm. Bích nháy mắt bảo tôi: "Ngồi xa thế này hay hơn, không có mấy cha chính trị lại bảo tụi mình là tiểu tư sản!".

Đường giao liên qua nhiều đèo dốc, suối, nhiều khu rừng trụi lá vì chất độc hoá học. Một buổi sáng, trong khi đang đi trên một dãy đồi có cây lúp súp. Bỗng có tiếng máy bay rít ở bên, chúng tôi ngồi sụp xuống nấp sau một bụi cây. Một, rồi hai, rồi ba chiếc máy bay C-123 bay sát ngọn cây trong thung lũng bên trái chúng tôi thấp hơn chỗ chúng tôi ngồi. Các máy bay vút đi rất nhanh, phụt ra phía sau một làn bụi mỏng như sương, toả dần xuống khu rừng rậm rạp. Đó là chiến dịch "khai quang" mà quân đội Mỹ đang tiến hành ráo riết ở miền Nam Việt Nam... Chúng tôi biết, chỉ trong vòng vài ngày, lá cây rừng xanh tốt sẽ vàng úa rồi rụng hết, để lại những cành cây khẳng khiu trụi lá, khô cằn...

Theo quy định cứ đi khoảng 4-5 ngày, lại được nghỉ một ngày. Nơi nghỉ thường do binh trạm quy định, là nơi tương đối an toàn, gần kho. Ngày nghỉ là ngày tắm giặt. Giải trí độc nhất trên đường giao liên là đánh cờ và nghe đài.

Cờ tướng là loại cờ duy nhất thịnh hành trên dọc đường hành quân, bàn cờ được vẽ trên giấy, quân cờ là những mảnh bìa. Tuy nhiên, kiểu đánh cờ này không "sướng" vì không chặt được quân đối phương, đánh bốp một cái khi thắng cuộc... Vì vậy những anh nghiện cờ, dù có ngại nặng đến mấy, có "giản chính" mọi thứ cần thiết trong ba lô đến bao nhiêu. cũng vẫn có mang theo một bộ quân cờ nhỏ xíu. Mỗi quân cờ chỉ bằng đầu ngón tay út, cả bộ cờ đựng trong một bao diêm...

Sau này vào chiến trường, tới các binh trạm tương đối tĩnh lặng, tôi lại thấy những bàn cờ thật to, đục sâu vào mặt cắt của nguyên một thân cây gỗ to bằng người ôm. Hai bên có ghế ngồi cũng là một khúc gỗ cưa bằng mặt. Bàn cờ và quân cờ, sau khi chơi cứ việc bỏ mặc mưa nắng ngoài trời. Quân cờ to bằng nắm tay... để khỏi rơi ướt, thất lạc, dễ nhìn, và khi chém đánh bốp thật sướng tay!

Trước khi vào chiến trường, các đơn vị và chỉ huy Bệnh viện chúng tôi được phát mỗi người một chiếc đài bán dẫn để theo dõi tin tức. Riêng tôi

được cấp một chiếc đài National xinh xắn của Nhật. Từ đó, chiếc đài đã trở thành người bạn thân thiết, không thể rời, trong suốt những năm đầy gian khổ ở chiến trường...

Dọc đường hành quân, chúng tôi nghe đài suốt ngày, từ tinh mơ bắt đầu bằng nhạc quốc thiều, và kết thúc ban đêm bằng buổi đọc truyện đêm khuya, nghe tất cả các chương trình, không bỏ sót chương trình nào, từ thời sự đến ca nhạc, thanh niên, phụ nữ, sản xuất... chương trình câu chuyện cảnh giác và kịch vào đêm thứ bảy là những chương trình được theo dõi nhiều nhất.

Trên xe ôtô, chúng tôi mở đài nghe, nhưng những đêm đầu đài cứ rít từng hồi, ù ù sột soạt không sao nghe được. Anh Bích là người có những hiểu biết về điện tử, giải thích cho tôi, đó là hiện tượng hòm kín (Phenomene du caisson) do chúng tôi ngồi trong xe có thành bằng sắt bốn bên bọc kín. Nếu đưa ăng ten ra ngoài trời thì nghe được. Chúng tôi liền buộc dây ăng ten lên nóc xe và chúng tôi nghe được tín hiệu tương đối tốt. Chúng tôi chỉ tiếc là xe thì đi suốt đêm, mà đài chỉ có chương trình tới 11 giờ đêm. Chúng tôi chỉ ước mong đài phát sóng suốt đêm để phục vụ cho bộ đội hành quân đêm.

Khi chuyển sang đi bộ, chúng tôi nghe đài trong khi đi đường, khi ăn, khi nghỉ. Ban đêm, vì không có đèn, không có sách báo để đọc, cũng không có việc gì để làm, vừa để chống muỗi đốt, nên sau bữa cơm chiều, chúng tôi ôm đài nằm lên võng, nghe đủ các chương trình cho tới hết câu chuyện đêm khuya thì thiu thiu ngủ. Nhiều lần khi chợt tỉnh giấc, thấy chiếc đài vẫn rè rè, sột soạt, mới biết là đã quên tắt đài.

Chiếc đài như chiếc cầu nối chúng tôi với hậu phương, và thế giới bên ngoài, giúp cho chúng tôi vơi bớt nỗi nhớ và cảm giác cô độc...

Qua nhiều trạm giao liên do đoàn ít người, nên chúng tôi được nghỉ trong trạm. Nhưng khi trạm đông khách thì cũng phải ngủ ngoài rừng. Chúng tôi đã phải làm quen với công việc mắc võng, căng tăng để ngủ ngoài rừng. Đây là những công việc tưởng như đơn giản, nhưng chúng tôi cũng phải học ở những chiến sĩ đã sống lâu ở chiến trường và phải làm nhiều lần mới quen. Đầu tiên, chọn khu vực bằng phẳng, không có các tảng đá to hoặc nếu có thì phải dọn sạch rồi chặt các cây con. Để buộc võng cần hai gốc cây to vừa phải, không to quá vì sẽ không đủ dây buộc, cũng không bé quá vì sẽ cong, gãy khi người nằm lên võng. Tốt nhất là hai thân cây to bằng bắp chân, cách nhau khoảng trên một sải tay. Phát hết cây con phía dưới võng, chú ý phát sát đất, không để thành mũi nhọn. Không tạo nên những mũi chông có thể xiên vào người khi ngã lên trên.

Để tránh nước mưa chảy vào võng, không được buộc trực tiếp vào gốc cây,

mà phải dùng hai cọc phụ, một đầu cắm chặt xuống đất, đầu trên buộc vào gốc cây đã chọn. Võng sẽ buộc vào cọc phụ. Như vậy nếu trời mưa, nước mưa sẽ theo các tán lá cây, chảy theo thân cây xuống đất, nếu có thấm thì cũng chỉ chảy vào cọc phụ mà không chảy vào võng.

Cách buộc võng cũng có nút buộc riêng, để vừa chắc chắn, khi nằm không bị tuột, nhưng cũng lại rất dễ tháo, đề phòng khi có biệt kích, hoặc khi bị lộ phải di chuyển cấp tốc, có thể chỉ cần giật nút là tháo được võng ngay. Những việc tưởng chừng đơn giản như vậy, nhưng đều đã phải trả giá bằng xương máu: Đã có người chết hoặc bị thương do ngã từ trên võng hoặc võng bị tuột, đập đầu vào tảng đá, gốc cây nhọn như những mũi chông ở dưới võng. Cách mắc tuy đơn giản hơn nhưng cũng phải làm đúng kỹ thuật.

Trước hết, buộc một cây sào giữa hai thân cây được chọn để buộc võng. Vắt tấm nylon dùng làm tăng qua sào. Dùng dây, tốt nhất là dây chun, buộc bốn góc tăng ra bốn phía thật căng, nước mưa mới trôi đi hết. Mọi chỗ trùng lên tấm tăng sẽ trở thành những bọc đựng nước mưa, và tới một lúc nhất định, cả bọc nước sẽ đổ ào vào võng.

Ngoài tăng và võng, chúng tôi còn thường làm thêm giá, ở phía chân võng để kê ba lô, bao gạo... cho khói ướt.

Để tránh muỗi đốt, mọi chiến sĩ khi vào chiến trường, đều được phát màn. Nhưng màn chỉ phù hợp khi nằm giường, có chiếu để có chỗ gài màn. Còn nằm võng thì màn không tiện và không kín.

Bộ đội ở chiến trường đã khéo lợi dụng các dù pháo sáng của địch, nhuộm đi thành màu nguỵ trang, rồi khâu thành chiếc bị chung quanh võng, vừa kín, chống muỗi tốt, vừa nhẹ, vừa giữ ấm với khí hậu thường hơi lạnh vào ban đêm của rừng Trường Sơn. Khi tháo hoặc mắc, cũng như khi sử dụng, chui vào và chui ra khỏi võng cũng rất nhanh.

Tăng và võng thực sự là sáng kiến trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; là phương tiện tối cần thiết trong hành trang người lính ở chiến trường; là ngôi nhà che chở họ khi hành quân chiến đấu. Nếu bị thương thì võng sẵn sàng trở thành cái cáng khiêng họ về nơi điều trị. Nếu chẳng may họ chết thì tấm tăng nilon trở thành tấm vải niệm đưa họ về cõi vĩnh hằng... thay cho tấm da ngựa của các hiệp sĩ thời xưa!...

Ngày 12 tháng 4 năm 1966. Càng vào sâu, việc tiếp tế lương thực, thực phẩm càng khó khăn. Nhớ hôm còn ở Hà Nội, trước khi lên đường, một hôm anh Tấn, Bí thư của anh Vinh, Viện trưởng Bệnh viện chúng tôi, sau buổi làm việc ở Tổng cục Hậu cần trở về, có vẻ rất phấn khởi, đưa cho các

Chỉ huy Viện, và cán bộ từ cấp thiếu tá trở lên, tấm chứng minh thư cán bộ cấp thiếu tá có đóng dấu 3 chữ C liền nhau "CCC". Riêng anh Vinh, lúc đó cấp Thượng tá và anh Kính, Chính uỷ, Trung tá, thì được đóng hai con dấu có ba chữ C thành sáu chữ: "CCC CCC". Anh Tấn thì thầm bảo tôi: Con dấu này quan trọng lắm đấy nhé. Khi vào đường dây, sẽ được ưu tiên. Anh còn thêm: Đúng ra, cấp Trung tá cũng chỉ có ba chữ C thôi, tôi phải nói mãi, mới được sáu C cho cụ Kính đấy!

Trên đường vào, mỗi lúc rỗi rãi, chúng tôi móc chứng minh thư ra xem và tò mò bàn tán không biết ba chữ C: CCC là gì? Và sáu chữ C: CCC CCC là gì? Không ai giải thích được ổn.

Anh Lạc là người hay hài hước, dí dỏm phán đoán: ba chữ C là Cung Cấp Cơm, còn sáu chữ C là Cung Cấp Cơm, Cung Cấp Canh.

Thời gian đầu, trên đoạn đường đi xe ôtô, chúng tôi chưa phải dùng tới tấm bùa hộ mệnh này vì thực phẩm mang theo xe còn khá phong phú. Tới khi chuyển sang đi bộ, đêm đầu tiên tới trạm, trời vừa mưa, vừa rét, khi làm việc với Trưởng trạm, anh Tấn khéo léo giới thiệu: Đoàn chúng tôi là đoàn ba C và sáu C... Chỉ huy trạm hiểu ý ngay nhưng vẫn thản nhiên và lễ phép: "Báo cáo các đồng chí, hoàn cảnh trạm còn có nhiều khó khăn, không có điều kiện ưu tiên được, mong các đồng chí thông cảm...". Ngừng một chút, anh nói tiếp: Hôm nay trạm lại quá đông, không có chỗ ở, xin các đồng chí mắc tạm võng ngủ ngoài "bãi khách", - có nghĩa là ngủ ngoài rừng… Nằn nèo mãi, mới được ưu tiên là được nấu bữa tối trong bếp của trạm và còn xin được ít củi khô để nấu cơm.

Sang trạm thứ hai, thứ ba... cũng đều được câu trả lời nhã nhặn tương tự: Hoàn cảnh có những khó khăn... mong các đồng chí thông cảm...

Mãi rồi chúng tôi phát chán, không buồn nói đến chuyện ưu tiên nữa. Cho tới một trạm, khi vào làm việc, anh Trạm trưởng buồn bã thông báo cho chúng tôi biết gạo thiếu... mong đồng chí thông cảm... ăn tạm cháo vậy...

Trở về chỗ ở, leo lên võng nằm, chúng tôi ngán ngẩm nhìn tấm chứng minh thư có con dấu ưu tiên. Một người bình luận ba C, là Cóc Có Cơm... một anh khác chêm vào: Còn sáu C là Cóc Có Cơm, Chỉ Có Cháo...

Ngày 14 tháng 4 năm 1966. Đến sông Bạc vào một buổi chiều tạnh ráo, nắng vàng rực rỡ trên sườn núi đá. Đây là một nhánh sông nhỏ từ sườn phía Tây dãy Trường Sơn chảy về sông Mê Kông. Nước chảy xiết đập vào những tảng đá nhấp nhô giữa dòng sông, bắn tung toé thành những đám bọt trắng xoá như bạc. Có lẽ vì thế mà con sông được gọi là sông Bạc hay sao?

Chúng tôi qua sông trên những con thuyền độc mộc, chòng chành. Lòng sông hẹp, hai bên bờ ở một vài chỗ còn cây cối um tùm, nên qua sông được ban ngày, trong mối lo nơm nớp gặp máy bay địch.

Đoạn sông Bạc ở đây, chảy về hướng Nam, song song với biên giới Lào Việt và đường giao liên. Các đơn vị vận tải đã khéo biết lợi dụng điều kiện thuận lợi này để vận chuyển lương thực qua một trọng điểm đầy nguy hiểm: Gạo được đóng trong các bao 20-30 kilô, bọc trong hai lớp nilon dày, xanh, dán kín để không bị ướt rồi thả trôi sông. Dọc theo dòng sông, có các trạm theo dõi trên bờ, nếu bao gạo dạt vào bờ thì dùng sào dài đẩy ra giữa dòng và như vậy, vượt qua sự quan sát của máy bay địch, hàng trăm tấn gạo được thả lềnh bềnh theo dòng sông, trôi vào phía Nam.

Ngày 18 tháng 4 năm 1966. Qua sông Bạc là tới trạm đầu mới rẽ xuống khu 5. Con đường mòn xuống khu 5 tách ra khỏi trục đường vào Tây Nguyên và Nam Bộ, đi về phía Đông, vượt qua những dốc dựng đứng của dãy Trường Sơn, đã được bộ đội truyền tụng trong câu ví "Dốc Quảng Nam, gan cộng sản". Các đoàn xuống khu 5 tách ra ở đây, trong khi các đoàn vào Tây Nguyên, khu 6 và Nam Bộ thì liếp tục đi về phía Nam, dọc theo biên giới Việt Lào, men theo cao nguyên Bôlôven xuống vùng Ngã ba Biên giới.

Ở một trạm giao liên gần sân bay Chà Vằn, chúng tôi gặp anh Vũ Văn Cẩm, Cục trưởng Cục Quân y đang trên đường từ Tây Nguyên trở ra. Thì ra, sau buổi gặp chúng tôi, tuyên bố quyết định thành lập Đoàn 84, anh đã bí mật cùng một số trợ lý vào Tây Nguyên trước để kiểm tra tình hình chiến trường. Anh đen và gầy đi, nhưng đôi mắt vẫn sáng to thông minh và đầy nghị lực. Từ lâu, trong ngành Quân y, và cả trong Quân đội, anh vẫn được coi như một người Chỉ huy Quân y có uy tín, giỏi về tổ chức, có đạo đức trong sáng và nhân hậu. Tuy không công tác gần anh, nhưng tôi coi anh như người anh lớn. Những báo cáo, tổng kết hay các chỉ thị, ý kiến phát biểu súc tích, mạch lạc, sáng sủa của anh trong các Hội nghị Quân y mà tôi có dịp tham dự luôn làm cho chúng tôi cảm thấy tin tưởng ở anh.

Anh làm việc với chúng tôi một buổi chiều và buổi tối thông báo cho chúng tôi biết những tình hình mới nhất ở chiến trường, những khó khăn chúng tôi sẽ gặp và những kinh nghiệm để khắc phục.

Anh cũng cho biết ở chiến trường, đã có một Trạm giao liên mang số hiệu 84, trùng với phiên hiệu của chúng tôi nên có thể gây nhầm lẫn. Vì vậy, anh đã quyết định đổi tên Viện 84 thành Viện 211, lấy con số của hai bệnh viện 108 và 103 cộng lại, để ghi nhớ nguồn gốc của Viện 211 sinh ra từ hai bệnh viện tuyến cuối cùng của Quân đội.

Ngày 20 tháng 4 năm 1966. Tới dốc Bô Phiên, việc cung cấp càng khó khăn hơn, vì xa cả hai nguồn tiếp tế, từ miền Bắc vào và từ miền Nam ra... Các kho gạo trống rỗng. Thay cho mối lo sợ phải vác gạo nặng trên vai, nay là mối lo không có gạo.

Đã hai trạm liền chúng tôi phải ăn cháo thay cơm, mọi người đều mệt rã rời. Tối hôm đó, tôi và anh Tấn vào liên hệ với trạm xem có được tiếp tế gì không. Bước vào căn nhà tre nứa, chật hẹp của anh Trạm trưởng, vách bằng lá ken dày cho ánh lửa khỏi lọt ra ngoài. Trong bếp, một đống củi nhỏ đang cháy, khói mù mịt. Anh Trạm trưởng đang ngồi một mình trước cái bàn bằng gỗ hòm ghép lại. Trông thấy anh, người gầy gò, mặt võ vàng vì thiếu máu do sốt rét nhiều và thiếu ăn, tôi hiểu ngay là khó có thể hy vọng gì.

Trong khi nói chuyện, tôi cảm thấy hình như anh đang có việc gì bận, nên tiếp chúng tôi thật hờ hững. Tôi cũng rút ngắn câu chuyện và cáo từ lui ra. Ra khỏi cửa, tôi vẫn băn khoăn, không biết ông này bận gì, nên tò mò kín đáo nhìn qua khe vách.

Tôi thấy anh Trạm trưởng, mặt tươi tỉnh hẳn, rút từ ngăn bàn ra một đám gì ngọ nguậy. Anh ngồi xuống trước ngọn lửa, chao từ tay này sang tay kia, cái đám ngọ nguậy đó, với vẻ mặt thật thích thú. Tôi căng mắt nhìn và sững người: thì ra một bầy chuột khoảng tám chín con, còn đỏ hỏn, chưa mở mắt, đang lăn long lóc từ tay này sang tay kia... Chắc chúng sẽ được nướng trên bếp lửa để làm bữa tối cho anh... Và đó là lý do làm cho anh sốt ruột không muốn tiếp chúng tôi. Tôi kéo vai anh Tấn, quay trở về võng nằm. Trong lòng ngán ngẩm và lo lắng. Đến ông Trạm trưởng cũng đói thế này thì còn mong gì!

Ngày 23 tháng 4 năm 1966. Hôm nay, sau khi đi qua một quãng rừng le rậm rạp, đến một chỗ nghỉ, cô Oanh bỗng kêu lên: Một con ve cắm chặt vào bắp tay cô... Rừng Trường Sơn có những loài côn trùng thật đặc biệt. Chúng tôi đã bắt đầu có kinh nghiệm với loại ve này. Con ve màu nâu chỉ bằng hạt tấm, nhưng khi cắn vào chỗ nào thì đầu ve cắm sâu vào thịt, đuôi chổng lên trời. Không thể rút ra được. Nếu dứt mạnh thì đầu ve sẽ đứt ra, nằm lại trong da và trở thành một cục cứng. Khi mới đốt, chỉ hơi nhói một chút, nhiều khi không biết, nhưng đến đêm, chỗ ve đốt mới ngứa ran, gãi chảy máu cũng không hết ngứa và chỗ đầu ve nằm lại thành một cục cứng trong da luôn luôn gây ngứa ngáy khó chịu...

Do có kinh nghiệm trước, nên lần này, chúng tôi không dám dứt mạnh, mà dùng lửa đốt đít con ve nhô ra ngoài mặt da. Phải khéo léo mới đốt trúng con

ve nhỏ xíu, mà không làm bỏng da.

Ngày 25 tháng 4 năm 1966. Sau khi vượt qua sông Xê Ca Mán, một nhánh của sông Mê Kông, chúng tôi đi được vài ngày trên một đoạn đường rừng tương đối bằng phẳng ven cao nguyên Bôlôven thuộc Hạ Lào, sau đó vượt sông Xê Ca Mán tới khu vực có mật danh S9-B3, gần Ngã ba Biên giới, cửa ngõ của chiến trường Tây Nguyên, nơi được quy định là địa điểm tập kết cho đoàn chúng tôi và gặp các đoàn đi trước.

Chúng tôi thật vui mừng gặp lại nhau. Cả hai đều đã tới nơi đông đủ, an toàn. Người nào, người nấy đều gầy rộc, đen đủi sau những khó khăn, gian khổ dọc đường. Một vài người bắt đầu bị sốt rét, đây là điều đã được chờ đợi từ trước. Đây là khu vực có bệnh sốt rét lưu hành vào loại nặng nhất của chiến trường Đông Dương. Đoàn anh Âu có một trường hợp, cậu Hưng y tá bị lạc rừng. Hôm đó, sau một ngày hành quân buổi chiều, ăn cơm xong. Hưng xuống suối, chỉ cách nơi ở độ một trăm mét để rửa bát. Nhưng khi trở về thì mất phương hướng, không biết đi hướng nào, càng đi càng lạc sâu vào rừng... Hưng ngủ suốt đêm trong rừng, rồi cả buổi sáng hôm sau. Cả đoàn phải ở lại trạm một ngày, chia nhau đi các phía tìm kiếm mãi trưa hôm sau mới tìm được Hưng đang lang thang trong rừng.

Lạc rừng là một điều thật đáng sợ với một thanh niên quen sinh sống ở miền Bắc khi vào rừng núi Tây Nguyên. Rừng mênh mông, trùng điệp. Những gốc cây, bụi rậm, khe suối, ngọn đồi nơi nào cũng giống nơi nào. Tiếng chim kêu, vượn hót, bước chân loạt soạt của thú rừng. Cảm giác cô độc, nỗi lo sợ không trở về được đơn vị cộng thêm cái đói, khát mệt mỏi đến rã rời. Một mình trong rừng, bốn bên là những khối cây lá um tùm, không một bóng người, không một tiếng nói quen thuộc. Con người tự nhiên cảm thấy bơ vơ, yếu đuối, cô độc giữa thiên nhiên mênh mông với bao nhiêu nguy hiểm vô hình rình rập bên mình...

Lạc rừng thực sự là mối đe doạ cho người chiến sĩ mới vào Tây Nguyên. Đã có người lạc rừng rồi chết luôn trong rừng, không tìm được lối ra.

Hưng là người đầu tiên trong bệnh viện chúng tôi bị lạc rừng. Sau khi trở về đơn vị, do hoảng hốt, khiếp sợ suốt một đêm ròng. Hưng trở nên ngơ ngẩn, lầm lì như người mất hồn. Tình trạng tâm thần này kéo dài hàng tháng sau mới hồi phục...

Thử thách lớn nhất lúc này với tất cả chúng tôi là đói. Các kho gạo trống rỗng... Mùa mưa đã bắt đầu, các con đường lầy lội, thêm vào đó là sự đánh phá ác liệt của địch làm cho xe chở gạo không vào được. Chúng tôi phải chia nhau lặn lội hai ba ngày đường tìm vào các nương rẫy cũ của đồng bào

để mót từng mẩu sắn nhỏ đã xơ cứng hoặc xanh lè do chất độc hoá học để về chia nhau ăn.

Chúng tôi còn vào rừng hái rau rừng và đào những củ măng chưa kịp nhô lên khỏi mặt đất vì mới vào đầu mùa mưa...

Một hôm, cả đơn vị vui mừng khi một anh đi tắm ở suối về hớn hở sách về một con cá to bằng bắp tay và cho biết con suối Xê Ca Sụ gần nơi chúng tôi đóng quân có nhiều cá nhưng không biết tại sao cá chết nhiều nổi lềnh bềnh khắp nơi. Những con còn sống thì rất lờ đờ, chậm chạp. Tuy nghi ngại có thể cá chết do chất độc hoá học của địch rải trong rừng. Anh em khoa Dược thì phát hiện thấy dọc bờ suối mọc rất nhiều cây Mã tiền, một loại cây thuốc có thể gây ngộ độc mà đồng bào dân tộc thường dùng để ruốc cá. Có thể vì vậy nên cá bị nhiễm độc chăng? Dù nguyên nhân nhiễm độc là gì, nhưng không có sự lựa chọn nào khác, chúng tôi cũng đành ăn liều. Trong tay chúng tôi không có cần câu, cũng không có lưới để bắt cá, nhưng do cá bơi rất lờ đờ nên có thể dùng dao chém và như vậy, chúng tôi có được nguồn thực phẩm đầu tiên do núi rừng cung cấp...

Còn Bệnh viện, hình ảnh của một Bệnh viện khang trang do công binh làm sẵn là một ước mơ không thể thực hiện được. Rõ ràng là trong tình hình này chúng tôi sẽ là người tự xây dựng lấy bệnh viện để có cơ sở làm việc. Bài học "tự lực cánh sinh" trong ý nghĩa triệt để nhất bắt đầu từ đây.

NGÃ BA BIÊN GIỚI

Ngày 2 tháng 5 năm 1966. S9-B3, nơi quy định là địa điểm tập kết cho Viện 211 là một địa điểm gần khu vực giáp biên giới của ba nước Việt Nam - Lào và Campuchia, thường được bộ đội gọi là vùng Ngã ba Biên giới. Hiện nay, đây là điểm cuối cùng của đường cơ giới. Tuy nhiên đường giao liên bộ thì vẫn tiếp tục đi qua Tây Nguyên, để vào Nam Bộ xuống khu 6...

Chính uỷ B3, đồng chí Chu Huy Mân gửi thư cho chúng tôi. Bức thư ngắn gọn nhưng súc tích. Trong thư, đồng chí thay mặt cán bộ chiến sĩ Tây Nguyên tỏ ý hoan nghênh Bệnh viện đã vào tới chiến trường và căn dặn: Từ hậu phương vào tiền tuyến; từ thao trường, Học viện vào chiến trường thì việc nhuần nhuyễn với thực tiễn, thích ứng với hoàn cảnh chiến trường là nhiệm vụ hàng đầu... Cuối cùng đồng chí chúc Bệnh viện thành công, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chúng tôi biết Chính uỷ mặt trận là một chiến sĩ cách mạng lão thành. Trong kháng chiến chống Pháp, và kể cả sau ngày hoà bình được lập lại năm 1954, ông vẫn lăn lộn ở những chiến trường gian khổ ác liệt nhất, ở Tây Bắc, rồi giúp nước bạn Lào. Có một thời gian bẵng tin ông, nhưng vào tới Tây Nguyên lại gặp ông ở đây. Lời ông căn dặn trong thư "Phải đi sâu vào thực tiễn, nhuần nhuyễn với thực tiễn chiến trường" chính là suy nghĩ và cũng là khó khăn của chúng tôi.

Chúng tôi nghỉ ngơi vài hôm, hợp tác với các đoàn vào trước để kiểm điểm tình hình, rút ra kinh nghiệm. Sau đó một đoàn cán bộ gồm Chỉ huy Viện và một số Chủ nhiệm khoa lên Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên, mang mật danh là mặt trận B3 để nghe phổ biến tình hình chiến trường và nhận nhiệm vụ.

Bộ Tư lệnh mặt trận ở trong một khu rừng rậm rạp có 3-4 lớp tán cây che phủ, cạnh một khe suối nhỏ. Chúng tôi ở lại hai ngày làm việc với các cơ quan mặt trận, nghe giới thiệu kinh nghiệm của các đơn vị vào chiến trường từ trước...

Trong khi làm việc với các cơ quan mặt trận, gặp các cán bộ vào chiến trường trước, chúng tôi có cảm giác rất rõ là các anh, một mặt mừng vì chiến trường có thêm lực lượng khoa học kỹ thuật để góp phần bảo vệ sức khoẻ cho bộ đội, nhưng mặt khác, dường như cũng có mối lo ngại, tuy không trực tiếp nói ra, là liệu số "lính cậu" từ Hà Nội mới vào này, có chịu đựng được những khó khăn gian khổ ác liệt của chiến trường để phục vụ bộ đội hay không? Hay ngược lại, trở thành một gánh nặng thêm cho chiến trường đang có không ít khó khăn này?

Và dường như mối e ngại đó, không phải là không có cơ sở…

Trong khi ở lại Ban Quân y mặt trận làm việc, một cán bộ trong đoàn chúng tôi bác sĩ N., bị lên cơn sốt rét. Cơn sốt đầu tiên rung giường chiếu, tới hơn 40 độ, làm cho anh hoảng hốt, tưởng đâu như thần chết đã đến cạnh người, luôn mồm rên la gọi: "Nguyên, Nguyên (tên anh Chủ nhiệm Quân y mặt trận), mày xem "pu" (pouls) - (mạch) của tao có còn hay không? Tao mất hết "pu" rồi, mất "pu" rồi!".

Tất nhiên, sau cơn sốt anh trở lại bình thường, nhưng sự hốt hoảng của anh làm cho chúng tôi thật ngượng ngùng và trở thành câu chuyện cười cho anh em ở chiến trường lâu, sốt rét như cơm bữa hàng ngày.

Ngày 6 tháng 5 năm 1966. Từ khi thành lập, Bệnh viện chia thành 3 khối. Chỉ huy Viện chia nhau phụ trách từng khối: Khối 1 là các cơ quan đoàn Bộ. Khối 2 là các khoa Nội. Khối 3 gồm các khoa Ngoại.

Tôi được phân công chỉ huy khối Ngoại gồm các khoa Chấn thương, Chỉnh hình mang số khoa 31, khoa Phẫu thuật thần kinh (32), khoa Phẫu Thuật bụng ngực (33), Chuyên khoa Tai Mũi Họng, Mắt, Răng (34).

Ngoài các khoa Lâm sàng, khối Ngoại còn có thêm 4 khoa cận lâm sàng là khoa Gây mê hồi sức, khoa X quang lý liệu, khoa Dược và một phòng xét nghiệm.

Trong thời bình, mỗi khoa của Bệnh viện chỉ làm công việc chuyên môn. Nhưng trong thời chiến, các khoa chịu trách nhiệm toàn diện về mọi công việc của nhân viên và thương bệnh binh. Ngoài công tác chuyên môn, còn phải lo rất nhiều việc liên quan đến công tác hậu cần, nuôi dưỡng thương bệnh binh, nhân viên, công tác chính trị tư tưởng.

Khi ra đi từ Hà Nội, chúng tôi mới chỉ có khung cán bộ chuyên môn. Số hộ lý, công vụ, cấp dưỡng thì tuyển ở dọc đường, trong số thanh niên xung phong phục vụ Đường dây 559.

Sau khi tới địa điểm được chừng mười ngày thì anh Mùi, trợ lý chính trị, cũng vào tới nơi đưa theo gần 100 nam nữ thanh niên xung phong, bổ sung cho các khoa. Biên chế của Bệnh viện như vậy là đầy đủ với trên 400 cán bộ nhân viên.

Tuy nhiên, số anh chị em thanh niên xung phong này- phần lớn quê Hà Tĩnh, Quảng Bình, vừa mới rời gia đình đi phục vụ chiến trường, làm công tác vận chuyển, còn rất mới mẻ với cuộc sống bộ đội, càng không biết gì về

việc phục vụ trong ngành Y.

Khoa 32, anh Lạc được bổ sung 5 cô cậu thanh niên xung phong về làm cấp dưỡng. Nhưng khi phân công nấu cơm, một cô bảo:

- Em không biết nấu cơm!

Anh Lạc hỏi: - Thế ở nhà cô làm gì?

- Em đi học!

- Thế ai nấu cơm cho em ăn?

- Mẹ em.

- Thế ngộ nhỡ mẹ em đi vắng thì ai nấu?

- Dạ, chị em...

Thế là Chủ nhiệm khoa lại phải chỉ bảo từng công việc từ vo gạo, rửa rau đến thổi cơm trong các chảo to, tới đào bếp Hoàng Cầm...

Những khó khăn trước mắt thì đầy rẫy... Người tuy vào tới nơi, nhưng toàn bộ trang thiết bị cho Bệnh viện, hơn 1200 kiện hàng còn tan tác trên đường dây, chưa biết bao giờ mới vào tới nơi. Mùa mưa đã bắt đầu. Trong mùa mưa, mọi vận chuyển bằng cơ giới đều đình trệ hết. Thiếu đói, bệnh tật, địa điểm chưa có, anh em làm lán ở tạm trong một thung lũng lầy lội.

Ngày 8 tháng 5 năm 1966. Máy bay oanh tạc đường vào chỗ ở của chúng tôi, bác sĩ Bích Chủ nhiệm khoa Y vụ bị thương!

Hôm đó, anh Bích cùng với một số anh em đang đi từ địa điểm cũ sang địa điểm mới. Đi qua một quãng rừng thưa thì có máy bay OV-10 bay trên đầu. Các anh đã núp xuống dưới bụi cây, nhưng chúng vẫn phát hiện ra. Chỉ vài phút sau, hai chiếc "Thần sấm" đến ném bom và bắn rốc két túi bụi xuống khu rừng. Anh Bích bị một mảnh bom phạt ngang bắp chân phải, trong khi anh em khác chạy tứ tung không ai việc gì.

Chỉ vài phút sau, khu rừng trở lại yên tĩnh như thường. Anh Bích bị thương, máu chảy đầm đìa trong khu rừng bị bắn phá tan hoang, lạnh toát người khi một con trăn đen sì, to bằng bắp đùi, dài bằng cây tre, từ trong rừng trườn ra, bò qua người anh và trườn tiếp sang khu rừng đối diện. Con trăn dường như cũng hốt hoảng vì cuộc bắn phá, chạy tìm nơi ẩn trốn.

Anh Bích là người đầu tiên mổ trong Bệnh viện của chúng tôi.

Vết thương của anh Bích cho chúng tôi nhiều bài học: Đầu tiên là sự cảnh giác với máy bay địch, chúng có thể phát hiện rất tinh và có thể huy động lực lượng, đánh phá rất nhanh. Bài học thứ hai là về cấp cứu. Mặc dầu tai nạn xảy ra ngay ở gần Bệnh viện. Nhưng tính ra, từ lúc bị thương đến khi lên được bàn mổ để xử trí vết thương vẫn phải mất hơn 10 tiếng đồng hồ! Do nhiều lý do, sự hốt hoảng, rối ren sau cuộc oanh tạc, do phải chuẩn bị cáng và huy động người tải thương, rồi đường tải thương len lỏi trong rừng, vướng cây cối, bụi rậm...

Tôi nghĩ đến vết thương mạch máu nếu cầm máu tạm thời bằng cách sử dụng ga rô thì rõ ràng là ở chiến trường rừng núi này và với kiểu tải thương bằng cáng bộ, không thể nào thương binh đến kịp tay phẫu thuật viên trong vòng hai giờ để tháo bỏ ga rô như quy định... và kết quả sẽ thật bi thảm. Nhận xét đầu tiên này, đã là cơ sở cho một quy định sau này ở chiến trường Tây Nguyên là trong những trường hợp cho phép phải thay thế garô bằng băng ép tại chỗ hay băng nút cho các vết thương mạch máu...

Ngày 12 tháng 5 năm 1966. Một chuyện đột xuất xảy ra trong khối Ngoại. Cậu D. một thanh niên xung phong, mới bổ sung về khoa 33, anh em trong khoa còn chưa quen biết nhau. Không biết có phải vì một nguyên do riêng tư nào hay chỉ bởi bế tắc trước những khó khăn gian khổ đầy rẫy của chiến trường. D đã quá bi quan, nhằm lúc đơn vị vắng người, lẻn ra sau nhà, dùng dây dù buộc lên cành cây thắt cổ tự tử. Khi có người phát hiện ra, thì D đã chết, mặt to như nắp tráp.

Sau khi chôn cất cho D. Không khí trong đơn vị thật hoang mang, buồn bã. Tối hôm đó, tôi cảm thấy cần phải làm gì để xoá không khí bi quan trong đơn vị nên tập hợp toàn đơn vị nói chuyện. Trời tối, nhìn không rõ mặt người. Không dám đốt lửa vì sợ máy bay. Anh chị em ngồi trong 4 chiếc lán che tạm lá chuối. Trời mưa rả rích. Không rõ nước mưa hay nước mắt làm ướt gò má chúng tôi. Nghĩ tới D, tôi vừa giận vừa thương. Với niềm thương cảm tràn ngập trong lòng, tôi nói thật say sưa về sống và chết. Tôi nói đến Nguyễn Văn Trỗi, đến "… cái chết làm nên lịch sử, cái chết hoá thành bất tử" và so sánh với cái chết do khiếp sợ trước khó khăn gian khổ, chết để trốn tránh trách nhiệm, để lại đau khổ, tủi nhục cho gia đình, làng xóm... như cái chết của D...

Ngày 15 tháng 5 năm 1966. Đã hơn một tháng, kể từ khi đoàn đi đầu của Bệnh viện vào tới chiến trường mà vẫn chưa tìm ra địa điểm triển khai chính thức của Bệnh viện. Tất cả chúng tôi đều rất sốt ruột. Mùa mưa đã

bắt đầu mà vẫn phải tăng võng ở tạm trong rừng, chờ để di chuyển vào địa điểm chính thức... Theo cách làm quen ở chiến trường, Phòng Tham mưu Mặt trận chỉ xác định địa điểm cho Bệnh viện bằng cách khoanh một vòng tròn trên bản đồ, còn công việc tìm địa điểm trên thực địa là do đơn vị tự lo. Nhưng từ sau khi được Mặt trận chỉ định chỗ triển khai, đã hơn một tháng nay, đoàn đi tìm địa điểm do anh Lê Công, Viện phó phụ trách Hậu cần cùng với một tổ cảnh vệ sáng sáng khoác ba lô ra đi, chiều tối, có khi tối mịt mới trở về, lắc đầu: "Chưa tìm ra địa điểm". Đến buổi họp Chỉ huy Viện, nghe anh Công báo cáo lại cách anh đi tìm địa điểm, mới thấy hết các khó khăn và hiểu ra tại sao anh không tìm ra...

Địa điểm mặt trận quy định cho Bệnh viện là một khu rừng, cách bản Phi Hà khoảng 10 cây số. Nhưng khi tìm đến Phi Hà thì chỉ thấy một bãi trống, những đống tro tàn của những ngôi nhà cũ. Trước chiến tranh, có thể đây là một bản tương đối trù phú đông dân, do đó mới có tên trên bản đồ. Nhưng là bản đồ vẽ từ hơn ba mươi năm trước! Qua hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ, dân đã bỏ bản sống rải rác phân tán thành những tốp nhỏ ven rừng, bên các khe suối nhỏ...

Cách tìm đường của anh Công là hỏi đường nhân dân địa phương. Tuy người dân, kể cả người già, sống suốt đời ở địa phương, nhưng thường chỉ quanh quẩn bên nương rẫy của mình, ít khi đi xa. Nên khi chỉ dãy núi ở gần bản, hỏi đường vượt qua núi, thì đồng bào thường lắc đầu: Mình không biết chỗ, mình chưa sang bên ấy bao giờ!

Và cứ như vậy đã mất hơn một tháng, không tìm được người chỉ đường đi đến địa điểm quy định.

Rõ ràng là ở vùng rừng núi này, tìm đường theo cách "Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ" là không kết quả, phải tìm cách khác.

Nhưng khốn một nỗi cả Bệnh viện chúng tôi, có thể rất quen sử dụng dao kéo, bơm tiêm, với công tác chuyên môn, khám và chữa bệnh, nhưng lại hết sức xa lạ với việc đọc bản đồ, sử dụng địa bàn, hành quân di chuyển trong rừng theo một toạ độ quy định. Cả Viện không có cán bộ quân sự. Cán bộ chuyên môn chúng tôi thì chưa thể học các tiết mục này ở trường Đại học, cán bộ Chính trị và Hậu cần càng không biết. Ở hậu phương, thỉnh thoảng có được tập huấn quân sự, thì cũng chỉ được học các môn lễ tiết, chào hỏi, hoặc duyệt đội ngũ, đi đều, nghiêm nghỉ, quay phải, quay trái... Các tiết mục đó rõ ràng là không giúp gì cho chúng tôi lúc này.

Tôi nhớ trong một buổi họp rút kinh nghiệm cậu Hưng bị lạc trong rừng hôm trước, bàn về cách định hướng trong rừng, một cán bộ chính trị đã "hiến kế": Nếu bị lạc vào mùa mưa, mây mù che khuất không nhìn thấy mặt

trời, thì cứ tìm một gốc cây to. Phía nào có rêu mọc nhiều thì đó là hướng Đông.

Không rõ đây có phải là kinh nghiệm hay không. Tuy nhiên trước tình hình khó khăn của đơn vị, trong buổi họp của Chỉ huy Viện, tôi mạnh dạn xung phong nhận nhiệm vụ đi tìm địa điểm cho đơn vị. Hy vọng với vốn kiến thức quân sự thật ít ỏi của tôi, cộng thêm một số kinh nghiệm tôi thu lượm được từ thời học sinh trong một đoàn Hướng đạo, các trò chơi trốn tìm, tìm bắt kẻ gian trong rừng cũng để lại cho tôi một chút kinh nghiệm về sử dụng địa bàn, bản đồ có thể giúp ích lúc này.

Nhìn quanh trong đơn vị, cũng không thấy ai có khả năng hơn, nên cuối cùng Chỉ huy Viện chấp nhận đề nghị của tôi.

Đầu tiên, tôi chọn anh Cường, y tá, người dân tộc Tày quê ở Cao Bằng và anh bác sĩ Chung khoa Chấn thương là hai người trong tháng đầu ở chiến trường tỏ ra có kinh nghiệm đi rừng, lại giỏi săn bắn cùng với cậu Vi cần vụ của tôi.

Quan trọng nhất trong việc đi rừng là tìm bản đồ của khu vực, một chiếc địa bàn. Tới đây tôi mới thấy hết khuyết điểm của công tác chuẩn bị, trước khi vào chiến trường. Mặc dù chúng tôi đã chuẩn bị mang đi cả một thư viện tài liệu chuyên môn đủ các chuyên khoa... "Thiên kinh vạn quyển" tưởng không thiếu thứ gì... thế mà cái thiết thực nhất là tập bản đồ thì không mang theo.

Nhưng cũng còn may là anh Tấn, thư ký của anh Vinh mang đi được mấy "mảnh" bản đồ, trong đó có mảnh khu vực chúng tôi đang cần. Đây là mảnh bản đồ có tỷ lệ 1/200.000 xuất bản từ năm 1932 tức là hơn 30 mươi năm trước với nhiều mảnh còn để trắng, chưa vẽ. Đường biên giới giữa Việt Nam và Lào cũng như với Campuchia, là vùng chúng tôi đang cần tra cứu thì nhiều vùng in dòng chữ: Biên giới chưa minh định. Tuy nhiên đây vẫn là tài liệu quý đối với chúng tôi lúc này.

Công cụ thứ hai cần cho việc đi rừng là chiếc địa bàn... Cũng như bản đồ, không ai trong chúng tôi nghĩ tới việc mang theo địa bàn khi rời Hà Nội. Hỏi mọi người trong đơn vị, may mắn có bác sĩ Dương, trước khi lên đường, có ông anh họ đến thăm và tặng một chiếc địa bàn... Một chiếc địa bàn nhỏ xíu, bằng mặt chiếc đồng hồ đeo tay phụ nữ và cũng có dây để đeo vào cổ tay. Đây là chiếc địa bàn dùng làm đồ chơi cho trẻ con... Nhưng dù sao cũng thật quí giá đối với chúng tôi lúc này.

Đêm hôm đó, dưới ánh sáng đỏ quạch lung lay, khói mù mịt của cây nến cà bông, một thứ nhựa cây anh em nhặt được trong rừng, bọc lại trong lá

chuối thành một thỏi dài, dùng để đốt thay cho đèn, tôi chăm chú nghiên cứu tấm bản đồ.

Địa điểm mà Bộ Tư lệnh B3 quy định cho chúng tôi, được đánh dấu bằng một chữ thập trên bản đồ là khu rừng thuộc khu vực Ngã ba biên giới cách phía Tây Nam bản Phi Hà khoảng 10 cây số.

Trên bản đồ, đây là một thung lũng hẹp dọc một khe suối nhỏ chạy từ Bắc xuống Nam, giữa các đường bình độ vòng vèo sin sít của các dãy núi cao.

Nhưng rắc rối nhất hiện nay, chúng tôi ở đâu, nói theo danh từ quân sự là "chỗ đứng chân" hiện nay của chúng tôi là chỗ nào trong những khu rừng rậm bao la này? Vì có biết chỗ ở hiện nay thì mới có thể vạch hướng đi tới địa điểm quy định...

Tôi ngắm nghía bản đồ mà lòng phân vân. Trong vùng rừng núi bao la này, chúng tôi đang ở chỗ nào đây? Bản đồ thì vẽ từ hơn ba mươi năm trước, bao nhiêu thứ đã thay đổi, lấy gì làm chuẩn? Căn cứ vào các địa danh thì vùng này rất ít bản làng có tên trên bản đồ. Mà dù có tên cũng không còn ở nơi cũ.

Những địa danh mới do bộ đội đặt tên như bản Măng Tôn cà chua, thì không có tên trên bản đồ. Những con đường mới mở cũng vậy chưa ghi trên bản đồ.

Cuối cùng tôi nghĩ cái ít thay đổi nhất có thể dựa được trên bản đồ là các ngọn núi, các con sông, con suối...

Tôi chỉ đành dựa vào đoạn đường chúng tôi hành quân, những con sông suối lớn để ang áng nơi ở hiện nay, ghi nhận một số ngọn núi cao trên bản đồ để ngày mai quan sát xem sao...

Ngày hôm sau, may mắn là một ngày đẹp trời. Nhưng đứng trong rừng, dưới những hàng cây cổ thụ ngút ngàn, không thể quan sát được các đỉnh núi cao chung quanh. Chúng tôi đặt hết hy vọng vào con suối khá to chảy ở gần đơn vị, may ra có vẽ trên bản đồ chăng?

Chúng tôi phải mất một ngày lội dọc theo con suối. Cổ tay đeo địa bàn, một tay cầm bản đồ. Tìm hiểu hướng đi của con suối, so sánh với những nét vẽ ngoằn ngoèo trên bản đồ.

Cuối cùng, chúng tôi cũng phán đoán một cách áng chừng, vị trí hiện tại chúng tôi trú quân. Và nếu phán đoán đúng thì chúng tôi phải đi đúng hướng Nam, khoảng 3 ô trên bản đồ, vượt qua một dãy núi nằm chắn ngang, tụt

xuống một khe suối, đi theo khe suối khoảng 2km nữa sẽ gặp một con suối chảy ngang theo hướng Đông Tây. Đó là địa điểm quy định để đặt Viện 211.

Sáng sớm hôm sau, bốn anh em chúng tôi lên đường, chỉ mang theo tăng võng, túi gạo, ống coóng để nấu cơm. Mỗi người một khẩu súng AK và vài băng đạn.

Bắt đầu đi từ ngọn đồi sau lưng nơi chúng tôi ở. Thật ngạc nhiên, trên đỉnh các dãy núi nối tiếp nhau, có những con đường mòn thật dễ đi, như có người nào chuẩn bị sẵn. Thực ra đó chỉ do thú rừng đi lâu ngày, thành đường mòn. Thỉnh thoảng gặp một gốc cây to, ở tầm cao hơn đầu người vỏ cây bị bào xơ xác, trơ lớp gỗ, đó là vết tích của những chú voi rừng cọ lưng vào thân cây cho đỡ ngứa... Cạnh đường thỉnh thoảng lại sột soạt tiếng voi đi lại trong rừng làm rung động các lùm cây. Hàng đàn vượn lớn, vượn nhỏ đánh đu, đùa nghịch trên cành cây. Có lúc như ngạc nhiên thấy loại động vật lạ, là chúng tôi mới xuất hiện trong rừng, chúng tò mò, đánh đu chuyển từ cành cây này sang cành cây khác, đuổi theo chúng tôi một quãng dài rồi mới bỏ đi.

Thỉnh thoảng, một con chim kền kền, to như một con chim đại bàng, như giật mình tỉnh sau một giấc ngủ say, nặng nề vỗ cánh phành phạch bay khi chúng tôi đi qua... Thiên nhiên ở đây thật hoang dã. Nhiều khu rừng nguyên thuỷ, hình như chưa từng có bước chân người.

Chúng tôi cứ thẳng hướng Nam mà đi. Cậu Cường đi đầu tay lăm lăm con dao găm, thỉnh thoảng bập ba nhát vào thân cây cạnh đường để đánh dấu đoạn đường chúng tôi đi qua. Buổi sáng đầu tiên chúng tôi đi tương đối thuận lợi, theo con giông đến đỉnh núi đi về phía Nam. Nhưng tới gần trưa, dãy núi chuyển sang hướng Tây, chúng tôi phải cắt rừng, tới sườn đồi, tụt xuống suối, ở chỗ rẽ trên đỉnh đồi. Cường cẩn thận, chặt 3-4 cành cây to chặn đoạn đường không đi và bập nhiều nhát dao trên thân cây để đánh dấu chỗ rẽ.

Chúng tôi giở cơm nắm, nghỉ ăn trưa ở bờ suối, sau đó cứ theo hướng Nam, leo lên sườn đồi đối diện. Ngày hôm sau, chúng tôi vướng vào một rừng giang rậm rạp. Những thân cây giang to bằng cổ tay, chằng chịt đan chặt vào nhau, không thể nào vượt qua nổi. Chúng tôi đi vòng quanh khu rừng leo một đỉnh đồi cao. Ngày thứ ba, tụt sườn đồi, tới một dòng suối nhỏ kẹp giữa hai dãy núi cao, chảy theo hướng tù Bắc xuống Nam. Lội dọc suối độ hai giờ đồng hồ thì gặp một ngã ba suối, có dòng suối to hơn, chảy bắc ngang từ Đông sang Tây. Địa điểm quy định cho Viện 211 đây rồi.

Chúng tôi ở lại địa điểm thêm một ngày, lội lên xuống dọc dòng suối, đi sâu

vào hai bên bờ để sơ bộ bố cục Bệnh viện, phân chia vị trí cho các khoa. Chuyến trở về tương đối thuận lợi, do đã biết đường, chỉ một ngày, chúng tôi đã trở về tới đơn vị. Không biết ngày xưa Christophe Colomb tìm ra châu Mỹ được hoan nghênh như thế nào chứ lần này tôi tìm được đường vào địa điểm cho đơn vị được toàn Viện rất hoan nghênh. Đồng chí Chính uỷ Viện, là một người kín đáo, ít bộc lộ, hơi khó tính, ít khi khen ngợi ai, khi nghe cậu Vi liên lạc của tôi chạy sang báo cáo là đã tìm ra đường vào địa điểm cũng vui mừng nói đùa: "Ta sẽ đặt tên con đường này là đường Lê Cao Đài!".

Ngày 18 tháng 5 năm 1966. Trong khi chuẩn bị di chuyển vào địa điểm mới, một tin vui bất ngờ đến với chúng tôi: Tổ đi săn báo tin trong một ngày hạ được ba con voi rừng!

Ngay từ hôm mới vào, học tập kinh nghiệm của các đơn vị trước, để có thức ăn cho đơn vị chúng tôi đã phải trông vào sự cung cấp của rừng. Trên chỉ có thể cung cấp cho chúng tôi gạo và muối và cũng rất khó khăn. Toàn bộ nguồn lương thực, thực phẩm đều phải trông vào rừng. Rừng cho chúng tôi rau, nhưng quanh chỗ ở dần dần rau cũng hết, phải đi xa mới có. Thịt, cá cũng phải trông cậy vào rừng. Thật may là Tây Nguyên rất phong phú về thú rừng đủ các loại. Súng thì sẵn có AK, CKC... Sau này để tiết kiệm đạn phải có quy định là chỉ được phép bắn những con thú to trên 5kg. Không được bắn chim. Nhỏ nhất cũng phải là vượn, giộc.

Một tổ chuyên đi săn đã được thành lập để kiếm thịt rừng cho đơn vị. Bác sĩ Phát, bác sĩ dinh dưỡng của Bệnh viện, là người thích săn bắn ngay từ khi ở miền Bắc, được giao trách nhiệm là tổ trưởng tổ săn. Tổ săn gồm 5 người, chọn trong số thanh niên khoẻ mạnh, bắn giỏi. Một số là người dân tộc, đã quen với việc đi rừng. Sau gần một tháng hoạt động tổ săn đã mang về cho đơn vị một số vượn, lợn rừng... nhưng chẳng thấm thía vào đâu đối với hàng trăm con người trong đơn vị. Nhiều anh chị em hơn một tháng nay chưa được ăn miếng thịt nào...

Đây là lần đầu bắn được voi mà những ba con trong một ngày. Chỉ huy Viện liền cho ba khối, mỗi khối một con voi.

Tuy chưa bao giờ săn được voi, nhưng tôi hình dung được ngay là phải tranh thủ thời gian, lấy thịt thật nhanh, chế biến thật nhanh, trước khi thịt bị ôi. Tôi lập tức họp các Chủ nhiệm khoa của khối Ngoại, cử bác sĩ Huy Đạo, một phẫu thuật viên trẻ, khoẻ làm chỉ huy và huy động tất cả người khoẻ đi lấy thịt. Để động viên mọi người, tôi đưa ra khẩu hiệu: Khoa nào lấy được thịt nhiều thì ăn nhiều. Lấy ít, ăn ít. Không lấy được thì nhịn!

Khẩu hiệu hành động có tác dụng thật bất ngờ. Không khí trong đơn vị sôi

nổi hẳn lên. Các khoa cứ ùn ùn cử tất cả những người khoẻ mạnh, mang gùi, dao đi lấy thịt voi. Một số Chủ nhiệm khoa tuy không khoẻ lắm, như anh Cán, chị Đậm cũng khoác gùi đi lấy thịt... Còn số ốm yếu ở nhà cũng không chịu nằm yên. Có cậu vừa dứt cơn sốt cũng ra bờ suối mài dao sèn sẹt, hoặc vào rừng hái củi khô chuẩn bị để nấu thịt voi...

Con voi bị hạ ở cách đơn vị khoảng 3 giờ đi bộ. Luồn rừng, lội suối, tụt một quãng dốc sâu mới tới được nơi con voi chết. Tới được con voi mà không biết cách nào lấy được thịt, da nó dày kinh khủng. Thật không sai khi các nhà sinh học xếp voi vào loài da dày (Pachydemle). Anh Đại chỉ huy đoàn lấy thịt nảy ra sáng kiến: Rạch một nhát vào bụng con voi rồi xẻo thịt từ trong ra... Anh đã đứng trong bụng voi như đứng trong cái thuyền, máu voi ngập tới bắp chân, để khoét từng mảng thịt. Đầu tiên mọi người luộc một nồi đầy thịt voi, ăn vã tại chỗ no nê rồi mới xẻo thịt gùi về đơn vị.

Anh Cán, cũng tham gia đoàn lấy thịt, lấy được một gùi nặng, nhưng mệt quá không sao leo nổi dốc để trở về. Vừa may gặp một chiến sĩ đơn vị bạn đi qua. Anh liền nhờ gùi hộ lên dốc và chia cho cậu ta một nửa...

Đêm hôm đó, toàn đơn vị nhộn nhịp như đêm ba mươi Tết, suốt đêm, các bếp đều đỏ lửa. Chỗ thái thịt, chỗ luộc, chỗ kho, chỗ nướng, chỗ kỳ cạch giã thịt làm ruốc để dành ăn dần. Tôi phải đi hò hét suốt đêm, chỉ sợ lộ ánh sáng làm mục tiêu cho máy bay địch. Toàn đơn vị được một ngày ăn thịt thật thoả thuê mà còn có ruốc dự trữ...

Mặc dầu đã lấy thật nhanh, nhưng cuối cùng cũng chỉ lấy được một nửa con voi ở phía trên, còn bỏ lại một nửa ở phía dưới. Theo anh Đạo "phải có một cái cần trục mới lật lên được"...

Đúng hôm đó, có một cán bộ đơn vị bạn đến liên hệ công tác, các anh rất mừng là đến đúng lúc chúng tôi có thịt voi chiêu đãi... Đúng theo quy định của đơn vị, anh là khách của Chỉ huy Viện thì ở trên Đoàn bộ. Cơ quan Đoàn bộ ở trên một ngọn đồi, chỉ cách chúng tôi một con suối. Tôi ngạc nhiên thấy anh lên Đoàn bộ được một lúc lại trở về quanh quẩn với chúng tôi.

Tôi hỏi tại sao anh không lên ở trên ấy với các thủ trưởng của Viện để tiện làm việc. Anh ngần ngại hồi lâu rồi mới trả lời:

- Trên ấy thối quá!

Tôi trố mắt ngạc nhiên:

- Tại sao lại thối?

- Tại thịt voi!

Anh Kính, Chính uỷ cũng xuống thăm khối Ngoại. Anh hỏi thăm chuyện thịt voi, rồi cứ đi đi lại lại trong sân ra vẻ rất suy nghĩ. Cuối cùng anh bảo tôi vẻ rất bực dọc: "Cũng là con voi, mà ở đây ăn uống ngon lành, lại có ruốc dự trữ, thế mà trên kia thì...".

Hỏi kỹ ra, mới biết tất cả chỉ do phương châm hành động. Trong khi chúng tôi đưa ra phương châm: Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít... để động viên toàn đơn vị tham gia lấy và chế biến thịt voi, thì trên Đoàn bộ các anh lại đưa ra chủ trương tiết kiệm, trước hết phải ăn lòng, sau đó ăn tới xương, rồi mới ăn thịt. Tiết kiệm để dành cho thương bệnh binh. Phải làm tập thể, thịt mang về phải tập trung cho cấp dưỡng chế biến. Không được nấu riêng. Chắc rằng khó có thể tranh luận gì trên lý thuyết về phương châm hành động như vậy. Nhưng kết quả thực tế là anh em lấy được thịt mang về đều quẳng lên bàn cho cấp dưỡng, rồi đi ngủ. Cấp dưỡng chỉ có vài người sức đâu mà chế biến kịp hàng tạ thịt mang về một lúc.

Đơn vị chỉ được ăn một bữa cháo lòng voi. Ôi thứ lòng to và dày như cái săm ôtô, nào có ngon lành gì!

Còn hàng tạ thịt không chế biến kịp, thối um cả khu đồi đứng ngồi chỗ nào cũng có mùi. Viện lại phải huy động anh chị em đi chôn?...

Ngày 20 tháng 5 năm 1966. Trong khi mọi người vui vẻ với thịt voi thì một tin dữ dội đến:

Cậu Hùng, chiến sĩ cảnh vệ, bị voi đạp chết!

Hôm đó, tổ săn cho người chạy về báo tin bắn được voi, và bắn bị thương một con voi khác, thì Hùng đội viên đội cảnh vệ, vừa dứt cơn sốt rét, đang nằm trong lán. Nghe tin mừng quá, xách khẩu súng AK chạy về hướng con voi bị thương và sau đó không thấy trở về.

Đơn vị cho người đi lùng khắp nơi không thấy. Một ngày rồi hai ngày trôi qua đã tưởng Hùng cũng bị lạc rừng như cậu Hưng hôm trước. Cuối cùng, trở lại nơi con voi chết mùi thịt voi thối nồng nặc, nhưng vài trăm mét xa hơn lại thấy mùi thối. Thì ra Hùng chạy gặp con voi bị thương đang hung dữ chạy tới. Không biết có kịp bắn phát nào không, nhưng bị con voi trong cơn điên loạn, đạp chết, và quẳng xác Hùng từ sườn núi bên này vượt qua khe suối cạn, nằm vắt trên ngọn cây ở sườn núi bên kia. Khẩu súng AK bị gẫy gập nằm lăn lóc trong lòng suối.

Chúng tôi hết sức đau lòng. Dường như ở chiến trường ác liệt này, mọi việc đều có thể phải trả giá bằng xương máu.

Ngày 22 tháng 5 năm 1966. Di chuyển vào địa điểm chính thức. Cả khối Ngoại hơn một trăm người, ba lô, quang gánh lỉnh kỉnh, với toàn bộ trang bị, gạo nước, vũ khí trên lưng, rời địa điểm ở tạm để lên đường. Tổ tiền trạm đi đầu dẫn đường, tiếp sau là các khoa, thành một đoàn dài...

Lúc khởi hành, đáng lẽ đưa đơn vị đi theo đường cũ, từ đỉnh đồi ngay sau chỗ ở, thì tôi lại cho lội qua suối, theo giông đồi đối diện. Đó là vì sau chuyến đi tìm đường trở về, nghiên cứu lại bản đồ, chúng tôi cho rằng đi theo con dốc bên kia suối sẽ thẳng hơn và ít dốc hơn. Nào ngờ con đường giông lên đỉnh đồi, sau một hai giờ đi đúng hướng Nam, bắt đầu chếch dần sang hướng Tây. Khi chỉnh lại cắt qua suối sang ngọn núi bên kia thì bị lạc... Đoàn người cứ rồng rắn suốt ngày, leo núi lại xuống đèo...

Anh Lạc, đi cạnh tôi, luôn ôm bụng, nhăn nhó do cơn đau dạ dày. Anh chị em đều mệt vì mang vác nặng, lại phải luồn lách trong rừng. Tôi thì hoang mang, nhiều đoạn không còn biết chỗ đang đứng là chỗ nào trên bản đồ. Có nhiều đoạn phải theo cách làm cũ, tụt xuống suối rồi lội theo dòng suối để so sánh với nhiều đường ngoằn ngoèo vẽ li ti trên bản đồ. Khổ một nỗi, nhiều chỗ bản đồ để trắng, hoặc ghi dòng chữ "... không minh định".

Tới một đỉnh dốc, anh Lạc mệt quá, ngồi phịch xuống cạnh đường văng tục: "Tao đếch đi nữa... Sao mày không cho liên lạc xuống xem là con suối nào, mà lại lôi cả đơn vị xuống rồi lại lôi lên là làm sao?".

Tôi cũng mệt lử, bực mình nhưng phải đấu dịu: "Khổ quá, con suối ở Tây Nguyên này, có đâu giống như phố Trần Bình Trọng, nhà mày ở Hà Nội, có biển ghi tên phố treo ở cột đèn đầu phố mà bảo liên lạc chạy xuống nhìn một cái là biết ngay là con suối nào?...".

Ngược lại, anh Tu, Chủ nhiệm khoa X quang thì thật hồn nhiên, lạc quan, từ sáng anh bị đau bụng vì ăn phải thịt voi ươn thỉnh thoảng lại quăng vội ba lô, ôm bụng chạy vào rừng... Nhưng vẫn vui vẻ. Vừa đi vừa kể chuyện vui, làm cho đơn vị cười rộ lên từng hồi. Những lúc nghỉ anh lại rút trong túi ba lô ra gói ruốc thịt voi, nhúm một chút cho vào miệng nhai tóp tép và tuyên bố "cái miệng ưng thì cái bụng cũng ưng!...".

Tới một lúc gặp một ngã ba của đường giông lên đỉnh núi, tôi đang phân vân, cùng mấy cậu dẫn đường, trải bản đồ trên mặt đất, ngắm nghía, so sánh với địa hình chung quanh, chưa biết nên đi theo hướng nào, thì anh Tu đề nghị rất to, cho mọi người nghe thấy: "Tôi có cách này..." và nói, anh vừa nhổ một miếng nước bọt to vào lòng bàn tay, rồi lấy tay kia đập đánh

bốp lên trên thật mạnh. Nước bọt bắn tung toé ra tứ phía. Anh chỉ theo hướng có giọt nước bắn xa nhất và tuyên bố: "Đi hướng này!".

Tôi điên cả người vì cách đùa của anh. Nhưng mọi người ồ lên cười làm cho không khí đỡ căng thẳng.

Đêm hôm đó, mọi người phải mắc võng nằm lại giữa rừng. Nhưng dù sao, có đông người, có gạo, thịt voi mang theo nên cũng đỡ lo.

Cả ngày hôm sau lại tiếp tục mò mẫm trong rừng, leo đèo, vượt suối. Tới buổi chiều gặp con suối chạy theo hướng Đông Tây, trông ngờ ngợ quen quen. Lội ngược dòng suối một quãng, gặp một ngã ba suối có dòng suối từ phía Bắc chảy về một vạt rừng bằng phẳng, những cọc phụ buộc vào gốc cây và một bếp lửa cũ còn tro. Đúng là chỗ ngủ đêm của bọn tôi hôm trước. Đúng địa điểm đây rồi!

Như vậy chúng tôi đã phải đi mất hai ngày, đoạn đường đáng ra chỉ phải đi mất khoảng ba giờ...!

Ngày 30 tháng 5 năm 1966. Một tuần liên tục xây dựng nơi ở và cơ sở làm việc cho Bệnh viện. Đầu tiên là làm nhà ở để giải quyết tình trạng tạm bợ nằm võng, căng tăng. Theo kinh nghiệm học được trong chuyến lên làm việc với B3, chúng tôi đưa ra nhiều quy định chặt chẽ cho việc xây dựng.

Để tránh bị máy bay phát hiện, phải chọn những khu rừng thật rậm rạp, có ít nhất ba tầng cây che phủ, ánh nắng giữa trưa cũng không rọi sáng một khoảng rộng hơn cái nia. Không được ở cạnh các con suối to, có vẽ thành nét liên tục trên bản đồ, chỉ được ở cạnh suối nhỏ, thể hiện trên bản đồ bằng những nét đứt quãng.

Để giảm thương vong khi bị máy bay B.52 thả bom rải thảm. B.52 là loại pháo đài bay khổng lồ có khả năng chứa tới ba chục tấn bom. Phải ở thật thưa, lán nọ cách lán kia ít nhất là 30 mét. Mỗi lán không quá sáu người. Chỉ huy đơn vị phải ở mỗi người một lán riêng đề phòng khi trúng bom, không chết tất cả Ban chỉ huy cùng một lúc.

Lán phải làm thấp hơn mặt đất, có một ụ đất cao ngang đầu người che chung quanh để nhỡ có bom nổ gần cũng không bị thương vong. Mỗi lán phải có một hầm kèo, còn gọi là hầm chữ A để nấp khi bị oanh tạc...

Chúng tôi phải có quy định thêm về chỗ lấy vật liệu xây dựng. Không được lấy gần nhà. Không được chặt hết cả bụi tre. Khi chặt phải để lại mỗi bụi vài cây tre, đề phòng khi làm nhà xong, thì có những quãng rừng trắng chung quanh làm mục tiêu cho máy bay địch phát hiện.

Sẵn tre nứa ở gần, nên việc làm nhà ở không gặp khó khăn gì lớn. Toàn bộ ngôi nhà đều làm bằng tre nứa. Tre làm cột nhà, làm mái nhà. Tre để thưng chung quanh nhà, làm giường, ghế, bàn...

Trong việc làm nhà thì việc lợp nhà tốn nhiều công nhất. Vào Tây Nguyên chúng tôi học được cách sử dụng nhiều loại vật liệu để lợp nhà. Phổ biến nhất vẫn là lợp nhà bằng tre. Chặt cây bương thành những đoạn đều nhau, bổ đôi, róc hết các mắt bên trong, dùng để lợp nhà. Một mảnh ngửa, một mảnh sấp úp lên trên, gọi là kiểu lợp "âm dương". Căn nhà trông rất gọn gàng, xinh xắn. Nhưng khi mưa, thì trong nhà bị lâm thâm những hạt mưa nhỏ như bụi.

Một kiểu lợp khác là dùng lá "trung quân" một loại lá rừng dài và dầy, cứng, khó cháy, ghép lại trên những que nứa dài thành những tấm để lợp nhà...

Khoảng một tuần, toàn đơn vị đã có đủ nhà và hầm, trong nhà có giường nằm, bàn làm việc và đã có thể tháo võng để vào nhà ở. Sau đó xây dựng tiếp các cơ sở làm việc nhà và hầm cho thương bệnh binh, phòng điều trị... Các khoa Ngoại còn phải làm thêm phòng mổ, phòng hồi sức, phòng thay băng... Khoảng một tháng, công việc xây dựng có thể tạm coi là hoàn thành.

Lương thực, thực phẩm vẫn luôn luôn là nỗi lo của toàn đơn vị. Từ nơi chúng tôi ở, tới kho gần nhất phải mất 12 ngày, vừa đi, vừa về. Phương tiện vận chuyển duy nhất là gùi bộ. Nếu không tổ chức khéo và năng suất gùi thấp thì số gạo lĩnh được chỉ vừa để nuôi người đi gùi, không có đâu thừa để nuôi thương bệnh binh và nhân viên phục vụ ở nhà.

Chúng tôi phải tổ chức sáu cung trạm, như kiểu giao liên, giao gạo cho nhau ở giữa mỗi cung trạm, đảm bảo cho người gùi gạo có chỗ ăn ngủ ổn định và không phải mang theo tăng võng, giành toàn bộ sức lực cho việc gùi gạo. Lực lượng vận tải chuyên nghiệp không đủ, nên mỗi khoa phải cử một số người khoẻ đi gùi. Mọi người đều phải tham gia công tác vận chuyển, cụ thể là gùi gạo, không kể y tá, hộ lý hay y sĩ, bác sĩ. Số yếu thì ở nhà đảm nhiệm việc xây dựng và phục vụ thương bệnh binh.

Ngày 2 tháng 6 năm 1966. Trong buổi giao ban hôm trước tính toán số gạo còn ở đơn vị, tôi lo lắng không đủ gạo ăn, chúng tôi quyết định điều thêm người ra vận chuyển gạo, đồng thời vận động anh chị em ăn cháo vài bữa để khỏi hụt chân gạo.

Sáng hôm nay, sau một ngày ăn cháo, tôi đói mềm, mệt mỏi chống gậy xuống khoa xem tình hình đơn vị.

Tới bờ suối tôi gặp một nữ hộ lý trẻ của khoa 33 ra bờ suối giặt. Tay ôm một chậu quần áo, vừa đi vừa hát, vừa nhảy chân sáo. Tôi ngạc nhiên: Con bé này không có vẻ gì là đói cả.

Tôi hỏi: "Lịch à, mấy hôm nay khoa cô ăn uống ra sao?".

Cô bé có vẻ ngạc nhiên về câu hỏi của tôi, trả lời điềm nhiên: "Dạ, vẫn như bình thường thôi ạ!".

- Ăn cơm cả ba bữa chứ?

- Vâng.

Thế là tôi bắt quả tang, khoa 33 không chấp hành Nghị quyết chung. Đã giấu gạo không báo cáo. Tôi thẳng thắn phê bình tinh thần bản vị cục bộ của khoa 33 trong buổi giao ban sau. Anh Chủ nhiệm khoa chống chế, nhưng cuối cùng cũng phải nhận khuyết điểm...

Lác đác có một số bệnh binh vào Viện. Một vấn đề khác nảy sinh: Không có giấy để làm bệnh án. Toàn bộ giấy viết, bệnh án, sổ sách đều gửi theo vận tải mà chưa một xe nào vào tới nơi. Giấy viết thiếu nghiêm trọng. Trên mới cấp một số sữa cho thương bệnh binh. Các khoa đã phải bóc nhãn hộp sữa, dùng mặt trắng bên trong để viết, làm bệnh án. Để tiết kiệm giấy, các chỉ thị từ chỉ huy Viện xuống các khoa được viết vắn tắt vào mặt trắng trong các lòng mảnh tre. Một lần xuống khoa 34, tôi thấy tờ bích báo của khoa treo lủng lẳng các mảnh tre trên viết những câu thơ tứ tuyệt, ngắn gọn. Thật cảm động.

Nhân dịp sơ kết thành tích sáu tháng đầu năm 1966, để động viên tinh thần của anh chị em sau nửa năm vào chiến trường, chúng tôi vẫn tổ chức một buổi lễ long trọng, có liên hoan bằng thịt vượn. Nhưng bằng khen, giấy khen thì viết trên các mảnh tre...

Khổ nhất lúc này là các anh nghiện. Gạo không có ăn thì lấy đâu ra thuốc hút. Các anh phải bứt lá rừng, thái nhỏ, phơi khô, để thay cho thuốc lá. Không có cả giấy, cũng phải dùng lá rừng để cuốn. Thế mà cũng phì phèo, có vẻ thoải mái làm: "Cốt có chất khói!".

Anh An, bác sĩ phụ trách truyền máu, là một trong những người lớn tuổi trong bệnh viện. Anh là người nghiện thuốc lá nặng, bị một bệnh rất đặc biệt: Phù do thiếu thuốc lá. Khi có thuốc hút thì hết phù!...

Sau này quan hệ được với đồng bào dân tộc địa phương, các anh nghiện đổi

được thuốc lá dân tộc để hút. Một thứ thuốc thật nặng, khói đặc quánh, hắc xì... Nhưng cũng rất quý, các anh nâng niu từng sợi nhỏ và giấy cuốn thuốc luôn là chuyện khó khăn.

Có lần tôi bắt gặp mấy anh nghiện mơ ước với nhau: "Sau này hoà bình tao phải cuốn một điếu thuốc dài cả mét hút cho đã...".

Ngày 15 tháng 7 năm 1966. Những ngày này, chúng tôi thiếu đủ mọi thứ, kể cả những thứ đơn giản nhất.

Một lần tôi định đóng chiếc đinh lên cột tre để treo cái mũ nhưng không tìm đâu ra được chiếc đinh, lần khác, tôi được mời dự việc phân chia tài sản giữa hai bộ phận Dược. Nguyên trước, họ chung một đơn vị nay tách làm đôi để làm hai nhiệm vụ khác nhau. Khoa Dược phục vụ Bệnh viện, còn xưởng Dược thì làm nhiệm vụ sản xuất thuốc cho chiến trường.

Hai dược sĩ cao cấp, phụ trách hai bộ phận vốn là hai người bạn thân thiết. Việc phân chia tiến hành suôn sẻ. Hai anh vui vẻ chia nhau nhân viên, một ít hoá chất và dụng cụ… Nhưng rồi tình hình trở nên căng thẳng, cãi nhau hồi lâu không giải quyết xong và yêu cầu phân xử của Chỉ huy Viện. Thì ra hai vị giành nhau một miếng kính, đúng ra là một mảnh kính ôtô vỡ. Tôi ngạc nhiên nhìn hai anh mặt đỏ tía tai, không anh nào chịu anh nào.

Anh Lôi, Chủ nhiệm khoa Dược trình bày rất dài dòng nào là anh nhặt được bao giờ, ở trạm nào, có ai làm chứng. Anh Trường, Phụ trách xưởng Dược, cũng không vừa, trình bày về nhu cầu của xưởng cần miếng kính đó.

Tôi sốt ruột ngắt lời hai anh: "Làm gì cái của nợ này mà hai ông tranh nhau? Bẻ nó ra làm đôi có được hay không?".

Một cô dược tá, từ lâu vẫn im lặng ngồi làm việc bên cạnh, nghe hai thủ trưởng tranh luận, bỗng đứng phắt dậy nói xen vào:

"Không được đâu, thủ trưởng ơi! Không có miếng kính thì không làm được thuốc viên, mà bẻ ra thì nhỏ quá…".

Lúc này tôi mới vỡ lẽ. Trong tình hình hiện nay để làm thuốc viên, anh chị em chỉ có cái là vê thuốc thành thỏi dài như con giun rồi cắt ra thành từng khúc nhỏ. Mỗi khúc là một viên. Mà không có một mặt phẳng như mặt kính thì không làm được thật.

Lấy đâu ra một mặt phẳng bây giờ? Bàn thì ghép bằng những thanh nứa gồ ghề, viết lá thư còn khó. Muốn có một mảnh gỗ cũng phải ra kho binh trạm xa vài ngày đường mà cũng chỉ có gỗ đóng thùng là gỗ xẻ thô ráp, không có

cả chiếc bào để bào cho nhẵn. Vả lại mặt gỗ so sao được với mặt kính, không thấm nước, không dính thuốc, lại dễ cọ rửa...

Lúc này, tuy ôtô đã vào lới chiến trường, nhưng bãi đỗ xe cách bệnh viện hai ba ngày đường. Suốt ngày bom đạn. Chiếc nào vào đến đây cũng là loại "xe không kính" do bom đạn dọc đường. Và dù cho còn kính, thì ai dám phá đi để làm bàn vê thuốc viên cho bệnh viện? Cuối cùng tôi nghĩ ra được một cách phân xử. Tuy chia làm hai bộ phận, khác nhau về nhiệm vụ, nhưng cả hai vẫn ở cùng một khu rừng chỉ cách nhau con suối nhỏ. Vậy thì chia nhau thời gian sử dụng, anh dùng buổi sáng, anh dùng buổi chiều hoặc ngược lại. Hai anh dược sĩ, tuy vẫn còn ấm ức nhưng cũng đành chấp nhận phương án giải quyết của tôi.

Sau buổi xử kiện, trên con đường len lỏi trong rừng về nơi ở, tôi chợt nhớ lại câu nói của anh Vinh, Viện trưởng khi chúng tôi chuẩn bị lên đường: "Ta phải chuẩn bị tinh thần sống như Robinson Crusoe thôi!". Không ngờ câu nói đó lại trở thành sự thật. Chỉ có khác Robinson ngày xưa, chỉ phải chiến đấu với thiên nhiên để sống, còn chúng tôi bây giờ, không những phải chiến đấu với thiên nhiên, còn phải chống bom đạn của địch. Không chỉ để tồn tại mà còn để chiến đấu và chiến thắng!...

Ngày 10 tháng 8 năm 1966. Nhận được điện báo lên Bộ tư lệnh mặt trận dự chỉnh huấn, đồng thời xuống tuyến, giúp Viện 2 giải quyết số thương binh còn lại sau Chiến dịch Plây Me, tháng 11 năm 1965.

Trang thiết bị của Bệnh viện chưa vào tới nơi. Nhanh nhất cũng phải hết mùa mưa, sang mùa khô may ra mới vào được và tới lúc đó Bệnh viện mới có thể triển khai hoạt động. Không lẽ để cả đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật "ngồi chơi, xơi nước" mấy tháng trời không có việc làm, trong khi thương bệnh binh ở Viện 2, phía Nam của chiến trường lại đang cần, nên việc xuống tuyến giúp đỡ Viện 2 là rất hợp lý. Đây cũng là dịp để chúng tôi hiểu thêm về thực tiễn chiến trường...

Chúng tôi chuẩn bị lên đường. Đoàn đi gồm có anh Vinh Viện trưởng, anh Kính Chính uỷ và tôi. Các bác sĩ Âu, Lạc, Thọ, Kỷ, Thân, vợ chồng bác sĩ Cán - Đậm và vài chiến sĩ liên lạc.

Đang giữa mùa mưa. Mùa mưa đầu tiên của chúng tôi ở Tây Nguyên. Trời mưa suốt ngày đêm, bầu trời đầy mây nặng trĩu. Hầu như không có ngày nắng.

Đường đi mất 12 ngày, dọc qua ba binh trạm Bắc, Trung và Nam chiến trường Tây Nguyên, vượt nhiều dốc đá, nhiều suối. Anh em gọi là suối

“Giải đế” cách gọi lái của bộ đội khu 5, vì con suối đầy nước, để vượt qua phải tụt hết quần áo. Đi qua Đội điều trị 82 đang triển khai trong một khu rừng nứa, qua những rừng cây săng lẻ, loại cây gỗ to, không thấy ở miền Bắc, cao vút, thân trắng loang lổ những vết sẫm như vết sẹo. Qua những hồ rộng...

Dọc đường đi gặp số bộ đội đi ra phổ biến đến kho được phát 8 món. Anh em chiến sĩ đi cùng reo cười ầm ĩ. Tám món đó là: gạo, đậu xanh, đường, sữa, mắm kem, mắm tôm, chao (một thứ nước chấm làm từ đậu tương) và một ít mỡ. Tiêu chuẩn như vậy coi là thiên đường rồi. Từ khi rời miền Bắc vào chiến trường nhiều anh em chưa được biết mùi miếng thịt. Gạo nhiều khi cũng thiếu. Vào tới đây cán bộ được phát đường, sữa theo cấp bậc. Cán bộ trung cấp từ tiểu đoàn trở lên, được phát hai hộp sữa, nửa cân đường; cán bộ sơ cấp từ đại đội trở xuống được một hộp sữa, ba lạng đường. Chiến sĩ thì không có đường sữa, các tiêu chuẩn khác cũng ít hơn.

Cách cấp phát theo cấp bậc này cũng nảy sinh sự suy bì. Anh em có câu nói mỉa mai: “đường sữa thì phát từ trên xuống, xẻng cuốc thì phát từ dưới lên”.

Tuy nhiên, với tinh thần đồng cam, cộng khổ của chiến trường, chúng tôi đã có cách giải quyết. Tối hôm được lĩnh đường, sữa, chúng tôi nấu một nồi chè đỗ xanh đặc quánh có cả sữa. Cả đoàn xì xụp, thật vui vẻ.

Đi khỏi đơn vị được vài ngày thì tôi lên cơn sốt rét. Chiều nào cũng sốt tới 39-40 độ C. Nhưng không thể ở lại, vẫn tiếp tục đi theo đoàn, người mệt rã rời, bước chân đi như trong mộng... Qua Đội điều trị 82, được tiêm một phát Quinin. Tôi lo lắng nhìn cô y tá bôi lên da cánh tay tôi nước lã đun sôi một cách rất tin tưởng: “Em tiêm như thế này nhiều rồi, không áp xe đâu thủ trưởng ạ!”.

Chiều hôm đó, chỗ tiêm sưng đau, tôi ôm một đống bi đông nước sôi, vào võng để chườm lên chỗ tiêm, giữa cơn rét run người đang ập tới. Sáng hôm sau, thấy cánh tay ran rát, cởi áo ra xem, ngạc nhiên thấy một mảng da bằng bàn tay phồng to, mọng nước do bị bỏng...

Dọc đường lác đác những nấm mồ mới đắp, chưa mọc cỏ, của những đoàn hành quân vào trước.

Qua sông Pô Cô trên một con thuyền độc mộc nhỏ chòng chành. Qua sông sẽ phải qua đường Quốc lộ 19, từ Plây Cu sang Campuchia, một con đường bị địch kiểm soát gắt gao. Anh lái đò là một bộ đội người dân tộc khắc khổ. Qua đò phải bỏ gậy, có lẽ vì sợ gậy chọc thủng sàn đò và vì phải qua một vùng địch thường qua lại, có thể lộ do các vết gậy để lại trên đường. Chị

Đậm có cái gậy mang theo từ ngày đầu hành quân. Dọc đường, tới mỗi chỗ nghỉ, anh chị lại hì hục khắc tên địa phương đi qua lên thân gậy để làm kỷ niệm. Chị nói phải bỏ gậy lại thật lưu luyến như khi từ biệt người con thân yêu của anh chị ở Hà Nội.

Chúng tôi qua Đường 19 lúc chập tối. Đã mấy tháng nay, len lỏi trên những con đường mòn trong rừng, nay gặp con đường nhựa rộng thênh thang, mặt đường hằn vết xích xe tăng vừa quen thuộc, vừa như đe doạ có kẻ địch rình rập đâu đây. Qua Đường 19 là vào tới cánh Nam của chiến trường Tây Nguyên. Cảnh vật ở đây khác hẳn cánh Bắc. Không còn những khu rừng rậm bạt ngàn, giữa những đồi núi nhấp nhô, những con đường đèo dốc, mà là những khu rừng có săng lẻ, bằng phẳng, nhưng trống trải, khô cằn. Đi lại dễ dàng nhưng lại nơm nớp lo sợ máy bay phát hiện...

Ngày 5 tháng 10 năm 1966. Hai tháng nay, chúng tôi làm việc ở Viện 2, Bệnh viện phụ trách khu vực cánh Nam của chiến trường Tây Nguyên. Bác sĩ Luận vào chiến trường trước chúng tôi một năm, nay là Viện trưởng. Tôi quen anh Luận từ năm 1955, khi chúng tôi cùng dạy giải phẫu ở trường Sĩ quan Quân y.

Bệnh viện xây dựng bằng tre nứa trong một khu rừng khộp. Thiếu nước nghiêm trọng. Cả Bệnh viện chỉ có một khe nước nhỏ. Khí hậu cánh Nam khác xa cánh Bắc. Trong khi ở cánh Bắc đang là mùa mưa, thì ở đây là mùa khô. Nóng hầm hập suốt ngày đêm.

Chúng tôi làm việc như các cán bộ chuyên môn tăng cường cho Viện 2. Hàng ngày, chúng tôi dậy sớm, ăn sáng xong là xuống ban Nội, Ngoại khám chữa bệnh, mổ xẻ tới quá trưa mới về. Buổi chiều lại hội chẩn, sinh hoạt khoa học, dạy học...

Khó khăn lớn nhất ở đây không phải là việc giải quyết vết thương do bom đạn, mà là việc giải quyết các bệnh Nội khoa.

Tây Nguyên là vùng có bệnh sốt rét lưu hành nặng cộng thêm tình hình thiếu dinh dưỡng, sự lao động mệt nhọc triền miên và biết đâu lại có thêm tác hại của các chất độc hoá học mà quân Mỹ rải quanh vùng, làm cho số bệnh binh nhiều vô tả. Anh em người gầy rạc, sốt rét, thiếu máu. Nhiều người lở loét, nằm co quắp trên sàn tre. Nhiều người ỉa chảy, không còn sức đi ra hố vệ sinh. Cả một lán bệnh binh, người ăn uống, chơi cờ, người sèn sẹt ngay ở đầu lán. Có những bệnh nhân ỉa chảy nặng quá, suy kiệt không còn ngồi dậy nổi. Nước phân chảy tong tỏng qua lỗ hậu môn rộng hoác. Chị em hộ lý phải đục một cái lỗ trên mặt giường, đặt một sọt đựng tro ở dưới giường để hứng phân, không thuốc nào ngừng được, cứ như vậy họ suy kiệt dần cho tới chết.

Nhiều người phù thũng toàn thân, đặc biệt hai bàn chân: Hai bàn chân phù to trắng nhợt, ngón tay ấn vào thành một vết lõm sâu. Các nan giường in thành vết hằn sâu trên bàn chân. Nhiều người từ bàn chân phù to, toác ra một vết nứt. Vết nứt loang rộng dần thành một mảng loét to, nhày nhụa mủ trên chân, điều trị hàng tháng trời không khỏi,

Bệnh sốt rét ở đây thật kinh khủng. Đoàn chuyên viên chúng tôi có 11 người thì có tới 8 người ốm. Mà toàn là các bác sĩ trứ danh của miền Bắc. Bác sĩ Âu chuyên gia về truyền nhiễm, cũng cứ mỗi tuần một hai cơn sốt. Hồng cầu tụt còn 2.400.000. Điều trị theo đủ các phác đồ mà vẫn không sao cắt được cơn. Nhiều lần tôi vừa đứng mổ, vừa run người vì sốt rét.

Bệnh viện tràn ngập bệnh binh. Số bệnh binh nằm viện hàng ngày từ 600 người, lên tới 700 rồi 800. Sốt rét ác tính liên tục xảy ra, phải cấp cứu ngày đêm. Hàng ngày 4, 5 người chết. Chúng tôi tính với nhau nếu mỗi ngày chôn 4 người, một tháng, một năm cứ tiếp diễn rồi sẽ ra sao.

Đầu tháng 9, chúng tôi được mời xuống thăm Bệnh xá Nông trường 1, đây là tên bí danh của Sư đoàn 1, mới ở hậu phương vào. Bác sĩ Toán, Chủ nhiệm Quân y Nông trường làm việc với chúng tôi. Tình hình sức khoẻ bộ đội cũng thật bi đát. Bệnh xá Sư đoàn, bình thường chỉ chuẩn bị để nhận khoảng 50 thương bệnh binh, mà hiện nay có tới hàng nghìn. Bệnh nhân hầu hết là sốt rét, nằm la liệt trong rừng. Sốt rét ác tính cũng liên tục xảy ra. Ngày nào cũng có vài trường hợp chết.

Anh Âu phát hiện thấy ở vùng này, ngoài sốt rét, còn có bệnh Tshusugamushi, một loại bệnh sốt do con mò, loại côn trùng sống trong các bụi cây gây ra. Ngoài triệu chứng sốt cao, khám người bệnh nhân có vết loét trên da do mò đốt, các hạch sưng, đau các cơ. Do ở vùng sốt rét nặng nên khi làm xét nghiệm máu có thể vẫn thấy ký sinh trùng sốt rét. Điều trị kháng sinh có kết quả tốt. Nhờ phát hiện này nhiều bệnh nhân trước đây bị chẩn đoán nhầm là sốt rét nay được điều trị tốt hơn và có kết quả hơn.

Là một cán bộ lâm sàng có kinh nghiệm, trước mỗi bệnh nhân, anh Âu thường không dừng ở chẩn đoán mà còn đánh giá tiên lượng. Có lần, anh Chính trị viên ban Nội nói với tôi: “Cái đầu của ông ấy thiêng lắm. Cứ thằng xem xong mà ông ấy lắc đầu là y như thằng ấy chết!”.

Thương binh cũng ở tình trạng bi đát... Những vết thương ứ mủ, những tay khoèo, chân thọt... Trong hai tháng ở Viện 2, chúng tôi xử trí được 89 thương binh của Chiến dịch Plây Me để lại. Đa số là những trường hợp viêm xương, một số bị rò ruột, rò phế mạc, có trường hợp áp xe não được anh Lạc mổ thành công đã gây không khí phấn khởi tin tưởng trong thương

binh và nhân viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 1966. Trên đường ra kho gạo gặp hai con voi đang thồ hàng cho Binh trạm Nam. Hai con vật to kềnh càng đi từng bước chậm chạp trên con đường mòn hẹp, cái vòi đu đưa sang phải rồi sang trái, cái tai to như cái quạt phe phẩy. Mỗi bước đi nặng nề, làm tung một đám bụi mù, lại xủng xoảng chiếc xích sắt to bằng cổ tay nối hai chân voi.

Một tốp lính trẻ đi sau voi, mấy lần định vượt mà không được. Con đường mòn hẹp bị hai con voi cồng kềnh chiếm hết. Chúng tôi cùng tốp lính đành cứ phải lững thững theo sau voi không phải để "ăn bã mía", mà là để hít bụi, chờ tới một quãng đường rộng rãi sẽ tìm cách vượt qua. Đi một quãng dài con đường mòn vẫn kẹt giữa một bên là vách núi, một bên là vực sâu. Đám lính sốt ruột vì cứ phải đi sau voi trong đám bụi, bắt đầu cáu kỉnh, chửi... Không thấy quản tượng. Có thể vì trên những đoạn đường ngắn, quen thuộc, voi đã biết đường cứ tự đi…

Như biết có người mắng chửi phía sau, đột nhiên hai con voi không đi nữa, đứng nép vào bên đường, nhường chỗ cho đám bộ đội và chúng tôi vượt. Các con mắt nhỏ, nhưng tinh nhanh, nhìn chúng tôi chằm chằm. Nhưng thật bất ngờ, khi đám bộ đội đi ngang chúng thò vòi xuống đất, bốc một túm cát phụt vào mấy cậu lính trẻ, lúc nãy chửi to nhất và còn giơ tay đe doạ.

Rõ ràng là hình như con voi hiểu tiếng người và biết đùa nghịch trả thù...

Nhân dân vùng Nam Tây Nguyên có thói quen thuần dưỡng và dùng voi trong nhiều công việc gia đình. Các chiến sĩ ở lâu ở chiến trường kể cho chúng tôi nghe thật nhiều chuyện về voi.

Trong các bản đồng bào dân tộc, có những người chuyên bắt voi rừng để nuôi. Đó là những thanh niên khoẻ mạnh, can đảm. Họ mắc võng, nằm núp dưới bụng hai con voi nhà đã được huấn luyện kỹ, cho voi vào rừng, tìm đến một bầy voi rừng. Họ chọn một con voi rừng con, điều khiển cho hai con voi nhà đến gần, kẹp chú voi con vào giữa và dần dần tách nó ra khỏi đàn voi, dắt về bản... Tới đây đã có sẵn một hố sâu có thành đứng và đẩy chú voi con xuống hố. Mấy ngày đầu, người ta bỏ mặc cho chú voi nhịn đói tha hồ lồng lộn, đập phá. Khi đói lả mới bắt đầu vứt mía, thân cây chuối cho ăn. Chú voi lúc đầu có thể phản ứng, quăng thức ăn trở lại. Nhưng rồi đói quá bắt đầu ăn. Sau một hai tháng, phản ứng bớt dần, chịu ăn, quen dần với người cho ăn. Lúc này người ta mới đào vát thành hố cho voi lên, xích hai chân lại để voi tuy vẫn có thể đi lại nhưng không thể trở vào rừng và đi tới đâu cũng có thể dễ dàng phát hiện.

Ở vùng này, voi được dùng vào nhiều việc trong gia đình. Công việc chủ

yếu là chuyên chở, kéo những vật nặng như kéo gỗ. Voi có thể kéo những thân cây dài, to bằng người ôm trượt trên những con đường mòn trong rừng. Nhưng voi cũng có thể làm cả những việc gia đình: có thể vào rừng dùng vòi, bẻ những cành cây khô mang về nhà làm củi. Voi có thể làm những công việc như trông trẻ. Khi mẹ lên nương, có thể để con nằm trong nôi, ru cho con ngủ. Buổi chiều, voi còn dùng vòi cắp đứa trẻ ra suối, rồi hút nước, phun cho đứa trẻ tắm.

Bộ đội ở cánh Nam cũng nuôi voi, dùng voi chuyển gạo đạn... Có thể sai voi ra rẫy nhổ sắn. Anh quản tượng có thể ra lệnh cho voi: Cứ nhổ năm bụi sắn thì cho mày một bụi. Thế là con voi biết tự mình lững thững ra nương, dùng vòi nhổ sắn và thực hiện đúng mệnh lệnh được giao, nhổ đúng năm bụi sắn để một bên rồi nhổ bụi thứ sáu ăn ngon lành, sau đó tiếp tục nhổ sắn tiếp, cho tới khi đủ số sắn cần thiết thì lại dùng vòi bó lại, mang về cho đơn vị.

Khi đi vận chuyển voi cũng thực hiện rất sòng phẳng nhiệm vụ và định mức hàng gùi. Thí dụ phải cõng trên lưng một tạ hàng đi qua quãng đường dài 5 tiếng thì cứ đều đặn như vậy mà đi. Nếu chất lên lưng voi nhiều hơn một tạ hoặc đi quãng đường xa hơn, thì nó nằm phục xuống đất, tỏ ý phản đối không đi nữa. Phải bỏ bớt hàng xuống hoặc phải cho dừng lại nghỉ.

Tuy nhiên voi cũng không máy móc và biết nghe lời động viên. Anh em kể lại đã có lần trong khi voi nằm phục xuống phản đối như vậy do phải vận chuyển nặng hơn, anh Chính trị viên đơn vị đã đến động viên: "Cố gắng lên, công việc cách mạng cần gấp. Gắng vài hôm sẽ cho nghỉ bù...". Thế là con voi lại nhổm dậy và lững thững tiếp tục làm nhiệm vụ.

Tuy nhiên mối quan hệ với voi không phải bao giờ cũng tốt đẹp. Một năm, nhân dịp tổng tổng kết thành tích sau chiến dịch và Đại hội mừng công, con voi Binh trạm được tặng thưởng. Mọi người đều vui mừng. Nhưng một chiến sĩ mới vào chiến trường, được giao nhiệm vụ giúp quản tượng trông nom con voi thì lại nói chọc tức: "Thưởng thiếc gì... có mà cho vào nồi!".

Một lúc sau, anh đi lại gần con voi. Con voi liền lấy vòi quấn ngang người, nâng lên khỏi mặt đất, dường như cũng để doạ đùa, sau đó lại thả anh xuống đất... Tuy nhiên sau đó, anh chiến sĩ đau bụng dữ dội, người tái nhợt, khiêng tới bệnh viện thì chết... Có thể do anh lính trẻ bị sốt rét nhiều lần và có lá lách sưng to đã bị vỡ khi bị vòi voi quấn chặt bụng.

Mấy hôm liền, con voi như biết có tội, suốt ngày ủ rũ, mắt đỏ ngầu, lông dựng ngược, bỏ không ăn uống. Sang tới ngày thứ ba, thứ tư của tình trạng này thì nó nổi cơn điên, xông vào doanh trại, quật đổ nhà, giẫm đạp, đập phá lung tung. Mọi người phải bỏ chạy toán loạn, nó lồng đuổi theo. Một số chui xuống hầm trú ẩn. Voi còn thò vòi qua cửa hầm, định lôi ra.

Trước tình hình rối loạn có thể nguy hiểm cho tính mạng bộ đội, đơn vị đã phải ra lệnh bắn...

Đồng bào địa phương sau này cho biết, voi nuôi trong nhà, tuy đã ở với người lâu năm, nhưng vẫn có thể có thời kỳ trở lại với bản năng hoang dã cũ. Người có kinh nghiệm nuôi voi có thể phát hiện trước tình trạng này, khi thấy voi thay đổi tính nết, bồn chồn, bỏ ăn, mắt đỏ ngầu, rùng mình, toát mồ hôi, lông dựng ngược... trước những triệu chứng như vậy cần cho nghỉ việc, xích vào một gốc cây to, và cho nhịn đói trước khi voi phát ra điên loạn. Sau khi qua đợt khủng hoảng, cho voi ăn lại dần dần và như vậy sẽ tránh được những điều đáng tiếc như đã xảy ra với voi của Binh trạm.

Ngày 10 tháng 10 năm 1966. Trong bộ đội có danh từ "Bài ca ống coóng" hoặc ngắn gọn là "ca coóng". Ống coóng là cái hộp bằng nhôm tròn, cao, có nắp dùng để đựng ruốc, hay thức ăn. Khi vào chiến trường, ống coóng trở thành một dụng cụ đun nấu cá nhân rất thuận tiện. Bắt được con cá, con cua, hái được mớ rau rừng cho vào ống coóng là có thể "cải thiện" được rồi. "Bài ca ống coóng" có tên từ đó và đồng nghĩa với nhậu nhẹt cá nhân riêng lẻ....

"Bần hàn sinh đạo tặc", câu nói của các cụ thật không sai. Thiếu đói dẫn đến nhiều chuyện tiêu cực, ăn cắp của dân, ăn cắp của nhau. Trong bệnh viện chuyện bệnh nhân ăn cắp lẫn của nhau xảy ra rất nghiêm trọng. Sau một cơn sốt mê man, tỉnh dậy bao gạo đã không còn, mất dao, mất bật lửa, mất dép... Những thứ đó có thể đổi cho đồng bào địa phương, lấy gà, rau, củ sắn, bắp ngô... Có những cuộc ăn cắp có tổ chức. Tập kích vào kho của Bệnh viện, thậm chí cả kho của Mặt trận. Có người tổ chức hẳn một cái kho trong rừng để giấu của ăn cắp vì sợ nếu đem về lán bị anh em phát hiện.

Cuối tháng 9, chúng tôi được triệu tập đi dự cuộc chỉnh huấn của Mặt trận. Cuộc chỉnh huấn này tập trung vào vấn đề củng cố và nâng cao tinh thần chiến đấu. Với cán bộ thì chống hiện tượng bạc tình bạc nghĩa, thiếu trách nhiệm trong công tác tổ chức chỉ huy. Với chiến sĩ thì chống những hiện tượng vi phạm kỷ luật, chính sách, sút giảm tinh thần chiến đấu...

Đồng chí Châu, Chính uỷ mặt trận, người bé nhỏ nhưng sắc xảo, có cách tổ chức chỉnh huấn khá độc đáo. Không lên lớp lý luận dài dòng. Bước kiểm thảo, trong các cuộc chỉnh huấn ở hậu phương, thường rất nặng nề, đao to búa lớn, kéo dài hàng tuần lễ, ở lớp này thì chỉ cần báo cáo: Tôi thông rồi và có thể ra về làm việc. Dư luận cán bộ rất tán thành cách làm mới này.

Chính uỷ có một nương tăng gia không xa đường giao liên. Anh em bộ đội

gọi là nương ông Châu. Nương ở trên một quả đồi trọc, trồng ít sắn, rau, có mấy căn nhà núp dưới gốc cây. Sau này nương trở thành trại an dưỡng cho cán bộ ốm yếu, có nơi nghỉ ngơi, bồi dưỡng, có thể lao động, trồng rau, tắm nắng... Đặc biệt ở giữa nương có trồng một cây dừa. Lúc này ở chiến trường không ai trồng dừa, chỉ trồng sắn, lúa, rau hoặc chuối. Không ai nghĩ tới chuyện ở lâu ở đây. Cán bộ đến an dưỡng nhìn cây dừa, lắc đầu bảo nhau: "Không biết bố này định ở đây đến bao giờ mà trồng dừa thế này...". Có lẽ chính uỷ muốn lấy hình ảnh cây dừa để giáo dục tinh thần chiến đấu lâu dài ở chiến trường.

Chính uỷ có nhiều chủ trương mạnh dạn, táo bạo nhưng cũng có những chủ trương theo chúng tôi có phần thiên về ý chí, không thật sát với tâm lý cuộc sống cán bộ. Như chủ trương vào chiến trường thì chỉ làm việc, không cần đề bạt hoặc chủ trương nếu không sử dụng hết tiêu chuẩn theo quy định thì trả lại Nhà nước... gây thiệt thòi cho bộ đội và làm cho chiến trường B3 càng trở nên gian khổ. Trên thực tế, những chủ trương này không áp dụng được lâu và đã phải sửa vào những năm sau...

Vào tới Viện 2, chúng tôi gặp một cán bộ trung đoàn, bị tâm thần. Hỏi ra thì biết là một phái viên của Bộ gửi vào, bị giữ lại chiến trường.

Hàng năm, Bộ gửi vào nhiều đoàn phái viên để nắm tình hình chiến trường. Theo dư luận, nhiều vị phái viên rất ngán chiến trường B3. Chính uỷ Châu hình như có thành kiến với các phái viên, là chỉ vào chiến trường chớp nhoáng theo kiểu "cưỡi ngựa xem hoa", dự vài cuộc Hội nghị tổng kết, ghi một vài số liệu, xuống thăm một vài đơn vị rồi báo cáo đã làm xong nhiệm vụ để trở về hậu phương đi khắp các Học viện, Quân khu, Quân binh chủng, ba hoa báo cáo kinh nghiệm chiến trường...

Thực ra thành kiến này, nếu có, cũng không oan. Chúng tôi cũng đã có kinh nghiệm với hai vị phái viên Quân y phổ biến cho chúng tôi kinh nghiệm "dùng nan hoa xe đạp để làm cọc căng tăng".

Chính uỷ đưa ra chính sách mới: Rất hoan nghênh các vị phái viên của Bộ gửi vào chiến trường. Nhưng yêu cầu các vị phái viên ở lại chiến trường tham gia chiến đấu một vài chiến dịch. Nếu là cán bộ cấp Trung đoàn thì đưa xuống trung đoàn, nếu là cán bộ Tiểu đoàn thì đưa xuống tiểu đoàn... Cần trở về hậu phương báo cáo ư? Sẽ cử người khác ra...

Cách xử lý bất ngờ này làm cho nhiều vị phái viên choáng váng, tái người. Một số vị tìm cách tránh mặt Chính uỷ, vin lý do này nọ, viết thư chào từ biệt rồi nhanh chóng rút giò. Các vị không tránh được thì đưa ra nhiều lý do: nào là chưa kịp bàn giao công việc cho người khác, nào là chưa chuẩn bị hậu phương, chính sách...

Mỗi lý do đưa ra đều có ngay phương án giải quyết: có thể viết thư ra, có thể điện ra...

Hết ý kiến. Nhiều anh đành khoác ba lô, miễn cưỡng xuống đơn vị. Nhưng có vị cố tình nằn nèo xin ra, thì nắm chắc là ra tới nơi có kỷ luật chờ sẵn và có thể kèm quyết định trở lại chiến trường.

Anh trung tá chúng tôi gặp ở Viện 2 là một trường hợp tương tự. Anh đã hốt hoảng thực sự khi bị "bắt cóc" ở lại chiến trường, kẹt giữa hai con đường, ở lại thì sợ chiến đấu ác liệt gian khổ, mà đi ra thì sợ kỷ luật. Anh phát bệnhtâm thần được đưa vào Viện 2 trong trạng thái trầm cảm. Hàng tháng trời cứ ăn xong lại ngồi xoay mặt vào tường, hỏi không nói, gọi không thưa hoặc hí hoáy viết. Có đêm, anh đột nhiên gọi bác sĩ trực thì thào: "Anh làm chứng cho tôi, tôi có điều này rất bí mật, chỉ nói riêng với anh", rồi lảm nhảm những chuyện đâu đâu...

Tuy nhiên, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hàng đoàn, hàng đoàn bộ đội vẫn rầm rập vào chiến trường và bắt tay vào công tác chuẩn bị chiến đấu.

Ngày 1 tháng 11 năm 1966. Có tin từ Bắc vào cho biết, khoa Dược của Viện 211 đã sản xuất được rượu. Thật là một tin vui với chúng tôi...

Chắc sau này, ai không trải qua hoàn cảnh chiến trường Tây Nguyên những năm gian khổ này, sẽ phì cười mà cho rằng sản xuất rượu thì có gì là ghê gớm mà phải kể?

Đúng là, ở hậu phương, có lẽ bất cứ ở đâu, nông thôn hay thành thị, đều có người làm rượu và bán rượu. Bất cứ bà nội trợ nào cũng biết cách làm rượu nếp cho gia đình trong dịp tết Đoan ngọ. Ấy thế mà cũng thành vấn đề ở chiến trường miền Nam lúc này. Trên đường vào, suốt dọc Đường dây 559, tới trạm nào, chúng tôi cũng ghé thăm trạm Quân y và ở đâu cũng thấy cảnh y tá chỉ dùng miếng bông, đúng là làm phép nhúng vào nước lã đun sôi để nguội bôi qua loa lên da bệnh nhân để gọi là "sát trùng" trước khi tiêm. Nếu hỏi sẽ được trả lời: "Không có cồn để sát trùng".

Cồn từ hậu phương chuyển vào bị "bốc hơi" hết dọc đường. Chữ "bốc hơi" ở đây đúng cả nghe đen lẫn nghĩa bóng, vì bản thân cồn là chất dễ bay hơi, vận chuyển xa chắc cũng hao hụt phần nào. Nhưng cũng còn nhiều cách bay hơi khác, do địch bắn phá, do các kho trạm dọc đường hoặc lái xe lấy ra nhậu nhẹt...

Hậu quả dễ thấy nhất của việc này là các áp xe do tiêm. Nếu khám bất cứ anh bộ đội nào vào chiến trường lâu năm đều có thể thấy các vết sẹo ngang

dọc do chích áp xe để lại trên bắp tay, trên đùi, trên mông...

Áp xe do tiêm đã là tai biến xảy ra hàng ngày ở các cơ sở điều trị, hàng tháng các bệnh viện phải mổ hàng trăm trường hợp áp xe như vậy.

Giải quyết thuốc sát trùng, cụ thể là cồn là công việc đầu tiên do khoa Dược. Muốn có cồn thì phải có rượu. Mà muốn có rượu thì phải có tinh bột và men. Khó khăn ở đây là men để biến tinh bột thành rượu.

Ở hậu phương có thể mua được men để nấu rượu, nhưng ở giữa rừng Tây Nguyên này làm sao có được men? Điện ra Hà Nội xin, thì phải hàng năm, may ra mới có...

Trong lúc đang bí thì một suy nghĩ bất ngờ nảy ra trong đầu chúng tôi trong một bữa cơm liên hoan với đồng bào địa phương. Đồng bào có rượu cần! Tất là phải có men.

Thế là khoa Dược của Bệnh viện cử anh Môn, dược sĩ trung cấp, cùng một dược tá khoác ba lô vào bản gần Bệnh viện, "ba cùng" với nhân dân để học cách làm men của đồng bào.

Một tháng sau, cậu Môn mới trở về, đem theo kinh nghiệm làm men nấu rượu từ lá cây rừng và anh Lôi Chủ nhiệm khoa Dược đem ra ứng dụng.

Anh em vào rừng tìm rễ, lá cây để làm men. Sau đó ra kho gạo tìm "gạo đất" thứ gạo hẩm, vét kho... Trong khi đó thì tổ gò rèn của anh Khum cũng lặn lội vào rừng, tìm nhôm và ống rốc két từ xác máy bay rơi, gò được một nồi cất "thuỷ thượng" để cất rượu và sản xuất thành công mẻ rượu đầu tiên ở chiến trường.

Kinh nghiệm của Viện 211 được phổ biến nhanh chóng. Tuy loại men học được của đồng bào có năng suất thấp, nhưng cũng đã giải quyết được khó khăn bước đầu. Từ rượu, các dược sĩ đã dễ dàng cất lại thành cồn 70 độ dùng để sát trùng và cồn 90 độ cho những nhu cầu đặc biệt.

Những năm sau, chúng tôi nhận được men vi sinh của hậu phương gửi vào, có năng suất cao hơn. Cùng với phong trào tăng gia tự túc lên cao, đơn vị nào cũng có nương, vừa trông nương, vừa sản xuất rượu cho đơn vị.

Từ những năm 1968 - 1969 trở đi, chiến trường Tây Nguyên có thể hoàn toàn tự túc được về rượu và cồn cho chuyên môn, không còn phải xin đưa từ hậu phương vào. Không những thế, còn có đủ rượu để phục vụ cho các buổi liên hoan của bộ đội vào dịp lễ, Tết.

Ngày 10 tháng 12 năm 1966. Chiến dịch Sa Thầy mở từ 18 tháng 10 đến 1 tháng 12 năm 1966 đã kết thúc.

Trận chiến đấu của Trung đoàn 88, một trung đoàn chủ lực mới vào chiến trường được coi như điển hình cho tài thao lược của bộ đội ta.

Trung đoàn được giao nhiệm vụ phục kích ở bờ Tây sông Sa Thầy, trong vùng giải phóng của ta. Xa các căn cứ của địch khoảng 30-40 cây số. Bộ đội được giao nhiệm vụ đánh vào một ngọn đồi không có địch, ở sâu trong hậu phương ta... Mệnh lệnh được giao là cứ bí mật nằm chờ ở bên đồi, đào hố sâu để tránh thương vong khi bị địch oanh tạc, cắt sẵn đường xuất kích lên đỉnh đồi, rải sẵn những vỏ cây có lân tinh và những bẹ chuối rừng trên đường xuất kích để chuẩn bị đánh đêm cho khỏi lạc. Pháo cối đặt sẵn trong công sự, đo sẵn cự ly, chuẩn bị sẵn phần tử bắn. Sau đó ngày ngày chỉ còn việc đi vác gạo, ăn và luyện tập theo giả định có địch nhảy dù đóng trên đồi.

Tâm lý của lính khi ra trận chẳng ai muốn nằm chờ đợi hàng tháng trời ở hậu phương, trong không khí căng thẳng, chịu đựng sốt rét, ăn uống thiếu thốn, đêm ngày tập luyện theo một giả định, là địch sẽ tự dẫn ra đúng ngọn đồi đã chuẩn bị trước để ăn đòn không biết có thực hiện được hay không. Một tuần rồi hai tuần trôi qua, tiếng súng vẫn ì ầm xa xa. Ở đây hoàn toàn yên tĩnh. Cán bộ, chiến sĩ chờ lâu sốt ruột, bắt đầu thắc mắc ầm ỹ... xin được đi chiến đấu.

Nhưng Bộ tư lệnh mặt trận vẫn kiên trì chờ đợi. Nắm chắc tính hung hăng của quân Mỹ trong giai đoạn đầu cuộc chiến tranh đặc biệt này: ỷ vào thế mạnh của không quân và pháo binh, khi thấy xuất hiện quân ta, chúng nhảy cóc sau lưng quân ta để bao vây tiêu diệt.

Một đơn vị nhỏ chọc vào vị trí tiền tiêu của Mỹ trên bờ Tây sông Pô Cô. Chúng im lặng mấy hôm, thăm dò. Máy bay lồng lộn trên trời bắn phá. Lại chọc lần thứ hai. Một đại đội Mỹ nhảy xuống bờ Đông sông Pô Cô, giữa hai sông Sa Thầy và Pô Cô. Chiến thuật "nhảy cóc" bắt đầu. Chọc cú thứ hai chúng nhảy tiếp xuống tới bờ Tây sông Sa Thầy để "chặn đường rút của Việt cộng".

Ngọn đồi bên bờ Đông sông Sa Thầy đang lặng yên, bỗng rung lên vì bom đạn thả xuống ồ ạt. Máy bay như đàn chuồn chuồn, tầng tầng lớp lớp hết đợt này đến đợi khác ngang dọc trên trời.

Ngày 11 tháng 11, sau những trận bom dữ dội tưởng chừng không một sinh vật nào sống nổi, hàng đàn máy bay trực tiếp lên xuống thả một tiểu đoàn Mỹ vào đúng ngọn đồi nơi quân ta chờ sẵn...

Đêm 11 tháng 11, Trung đoàn 88 xuất quân đánh. Nhưng thật bất ngờ, bom đạn của địch rải ồ ạt quanh ngọn đồi làm cây đổ ngổn ngang, dây điện bị cắt, các con đường chuẩn bị trước bị phá không còn vết tích. Không tấn công được lên đồi. May sao Bộ Tư lệnh đã chuẩn bị phương án phụ. Lần đầu tiên ở chiến trường Tây Nguyên cho sử dụng cối hạng nặng 120 ly. Một trận mưa pháo cối làm rung động ngọn đồi. Tiểu đoàn Mỹ bị tiêu hao nặng và sáng hôm sau phải ôm đầu máu rút chạy.

Chiến trường thắng lợi lớn. Theo thông báo, tiêu diệt được 2.400 tên địch. Ta thương vong ít. Không khí chiến thắng phấn khởi dạt dào trong bộ đội Tây Nguyên.

Ngày 15 tháng 12 năm 1966. Từ cuối tháng 10 năm 1966, chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ ở Viện 2, nhận được lệnh quay ra cánh Trung phục vụ chiến dịch Sa Thầy.

Đoàn chia làm hai: Bác sĩ Lạc, Cán, Đậm đi giúp Đội điều trị 4. Tôi và bác sĩ Thọ, Thìn, Kỷ thì ra giúp Đội điều trị 3. Bác sĩ Bích, Thân cũng từ Phi Hà vào tăng cường cho Đội điều trị 3.

Trong suốt chiến dịch, việc giải quyết thương binh không gặp khó khăn gì lớn, nhưng bệnh binh vẫn là đáng lo ngại. Bệnh do thiếu dinh dưỡng phát triển như một bệnh dịch. Hàng loạt bệnh nhân tê phù liệt, ăn gạo hẩm, mốc, dự trữ lâu ngày, không còn sinh tố B1, cộng với lao động nặng nhọc là nguyên nhân gây bệnh. Nhiều trường hợp đột tử do phù tim. Một y tá ban Nội của Điều trị 3 đang giao ban, lăn ra chết. Nhiều trường hợp tưởng chừng như giả vờ. Có người đang khoẻ mạnh ngồi ăn cơm, bỗng nhiên cánh tay thõng xuống và liệt luôn.

Tôi đã cùng với bác sĩ Bích mổ tử thi cho một số bệnh nhân chết đột ngột nói trên, thấy trái tim giãn to như quả bưởi. Thành tim mỏng dính như tờ bìa mỏng, nhợt nhạt, nhẽo không còn chút cường kiện... thật đáng sợ.

Trong có gần một tháng ở Viện 3, anh Bích cùng với anh Huy tổng kết được hơn một trăm trường hợp chết vì phù tim do thiếu sinh tố B1.

Tuy đã làm nghề Y hơn hai chục năm qua kể cả trong kháng chiến chống Pháp, chưa bao giờ tôi chứng kiến một trạng thái bệnh lý đáng sợ như vậy.

Khi hỏi các bác sĩ lớn tuổi, có nhiều kinh nghiệm hơn, như anh Vinh thì anh ghé tai bảo tôi: “Các bệnh này chỉ thấy trong các trận đói”.

Sinh tố B1 lúc này như một thần dược, chỉ cần tiêm một mũi là cánh tay bị

sã xuống do tê liệt lại bắt đầu cử động được.

Và khi Quân y mặt trận phát sinh tố B1 để uống dự phòng cho toàn thể bộ đội trong chiến trường thì bệnh lui dần.

Cũng ở Đội điều trị 3, tôi phải mổ cho một tiểu đoàn trưởng bị một vết thương vào kheo chân. Phòng mổ sơ sài bằng tre nứa. Bốn vách và trần căng vải màn trắng. Sau khi tiêm thuốc gây mê vào tĩnh mạch, dưới ánh sáng của ngọn đèn xe đạp, tôi bắt đầu ca mổ. Vết thương chảy máu nhiều, người thương binh nhợt nhạt... Qua những lớp cơ dập nát, ứ máu cục và mủ. Tôi tìm được động mạch bị đứt đôi. Cũng còn may là máu đã tự ngừng chảy nên thương binh mới tới kịp tay chúng tôi. Tôi suy nghĩ hồi lâu trước ống động mạch đứt to gần bằng cái đũa, đập thình thịch dưới ngón tay tôi... Mảnh đạn đã cắt đứt một đoạn dài. Thương binh đến chậm, các tổ chức xung quanh đã nhiễm trùng. Không còn cách nào khác, chỉ có thể thắt hai đầu mạch máu đắt... Như mọi phẫu thuật viên đều biết động mạch kheo được xếp vào loại mạch máu "nguy hiểm" ít có nhánh bên. Nếu thắt sẽ có tỷ lệ cao thiếu máu, dẫn tới hoại tử đoạn chân phía dưới và sẽ cắt cụt chân.

Đây là một ca mổ đầu tiên của tôi trong chiến dịch mà lại phải kết thúc bằng việc cưa chân cho một cán bộ tiểu đoàn thì thật quá buồn....

Tôi thực sự lo lắng trong những ngày sau mổ... hàng ngày, dù bận mấy, tôi cũng phải ghé qua lán thăm anh thương binh. Xem xét vết thương, sờ nắn bàn chân, bảo anh ngó ngoáy các ngón chân. Tôi dùng mọi biện pháp có thể dùng được lúc này như tiêm thuốc vào động mạch đùi, phong bế giao cảm lưng hy vọng làm giãn mạch và tăng cường sự nuôi dưỡng cho đoạn chân phía dưới.

Hai ba ngày, rồi một tuần trôi qua. Tôi thật ngạc nhiên và vui mừng khi thấy chân vẫn ấm, chứng tỏ máu vẫn xuống đủ nuôi dưỡng cho đoạn chi phía dưới... Vết thương liền sẹo dần, anh thương binh ngồi dậy, đi lại được và ra viện sau hơn một tháng.

Ca phẫu thuật đầu tiên này và những kinh nghiệm tiếp sau đã làm cơ sở cho tôi hình thành một giả định, được các phẫu thuật viên khác ở chiến trường thừa nhận và góp thành một tổng kết về vết thương mạch máu ở chiến trường Tây Nguyên. Giả định đó là dường như do cường độ lao động cao qua các cuộc hành quân đường dài, mang vác nặng, nên trong cơ thể bộ đội Tây Nguyên đã hình thành một mạng lưới phong phú các mạch máu bàng hệ để tăng cung cấp máu cho cơ thể. Nhờ hệ thống này mà khi thắt một mạch máu chính, vẫn có những con đường phụ thay thế, nhờ vậy không gây thiếu máu cho phần cơ thể phía dưới.

Tất nhiên, việc thắt một mạch máu bao giờ cũng là một việc bất đắc dĩ, nhưng trong hoàn cảnh chiến trường, có thể cứu được tính mạng thương binh mà không gây biến chứng như sách vở thường nói...

Kinh nghiệm này làm cho tôi nhớ tới một chuyên gia Liên Xô sang giúp Viện Quân y 108 vào những năm 1958 - 1960, Giáo sư Kratsvitốp. Ông thật sự là một phẫu thuật viên tài năng. Đây là những năm hoà bình đầu tiên sau kháng chiến chống Pháp, ông đã giúp chúng tôi giải quyết nhiều thương binh có những di chứng vết thương chiến tranh thật khó khăn từ các chiến trường gửi về.

Tôi còn nhớ một thương binh bị thông động tĩnh mạch đùi, đã qua nhiều tuyến Quân y xử trí. Vào Viện với một bên đùi to gấp đôi đùi lành. Các mạch máu như những búi giun chằng chịt dưới da đùi. Các giáo sư ở Bệnh viện lúc đó đã mấy lần đưa anh lên bàn mổ. Nhưng vừa rạch qua da máu đã chảy ào ào như suối, không thể nào mổ được đành phải khâu lại. Anh thương binh đã mang một bên chân nặng nề, không tác dụng hàng chục năm, đã chán nản hết hy vọng. Nhiều lần xin cắt bỏ cái chân vô dụng đi. Cắt bỏ thì quá dễ, nhưng không lẽ lại bó tay.

Giáo sư Kratsvitốp đã nhận mổ. Cuộc mổ làm cho mọi người xem phải thán phục. Bằng những động tác nhanh nhẹn và điêu luyện, ông đã vừa dùng các ngón tay, chẹn các mạch máu chảy, vừa đi thật nhanh tới lỗ rò giữa hai mạch máu khâu bịt lỗ rò, rồi quay ra cầm máu...

Đùi anh thương binh xẹp nhỏ lại nhanh chóng và sau một tháng điều trị đã ra Viện, đi lại được trên đôi chân của mình trong niềm vui của cả tập thể thương bệnh binh và các bác sĩ điều trị.

Nhưng với một trường hợp thương binh khác bị một lỗ rò động tĩnh mạch ở cổ động mạch cảnh gốc. Ai cũng biết đây là động mạch duy nhất đưa máu lên não. Các sách vở đều nói đây là động mạch nguy hiểm nếu thắt sẽ có nguy cơ gây thiếu máu não. Giáo sư Kratsvitốp đã mổ, gặp nhiều khó khăn và đã phải thắt. Tuy nhiên ông vẫn bình tĩnh nói với chúng tôi: Các anh yên tâm, tôi đã mổ nhiều trường hợp như thế này trong Đại chiến 2, không việc gì đâu!

Sau mổ, bệnh nhân hôn mê kéo dài, dấu hiệu của thiếu máu não... Mời ông đến, ông thăm lần đầu, lần thứ hai... rồi sau đó, ngồi lỳ trong phòng khách sạn, uống rượu, hết chai này tới chai khác, không ra khỏi cửa...

Kinh nghiệm ở chiến trường giúp tôi suy nghĩ và hiểu thêm Giáo sư Kratsvitốp. Là một phẫu thuật viên của Hồng quân trong Đại chiến thế giới lần thứ hai, có lẽ ông thật sự tin rằng có thể thắt một cách an toàn động

mạch thường được coi là nguy hiểm. Sai lầm của ông là ở đối tượng bệnh nhân.

Khi ông mổ cho Hồng quân, có lẽ lúc đó họ cũng giống như chúng tôi bây giờ, cũng là những đôi chân đồng, vai sắt, hành quân đi bộ hàng nghìn cây số. Còn khi mổ ở Việt Nam vào những năm 60, qua nhiều năm hoà bình, có thể các thay đổi trong cơ thể, trong điều kiện lao động cao độ trước đây nay đã trở lại bình thường... Dù sao đây chỉ là những giả định.

Ngày 20 tháng 12 năm 1966. Ở Hội nghị tổng kết chiến dịch, tôi gặp anh Đạo, anh Kính. Các anh mang cho chúng tôi thư gia đình. Mọi người vui mừng tíu tít. Người nào cũng được hai, ba lá thư cùng một lúc. Riêng tôi nhận được ba lá thư của Hương. Đây là những lá thư đầu tiên nhận được sau gần một năm xa gia đình...

Tôi xúc động đọc thư, phong bì nhàu nát do chuyển qua nhiều trạm giao liên. Gia đình yên ổn tuy địch tăng cường đánh phá ra miền Bắc. Cha mẹ tôi, Hương và con gái tôi sơ tán ở Bắc Giang. Cha tôi tuổi đã gần 70, ông mổ cắt dạ dày năm 1960, nhưng khoẻ mạnh. Mẹ tôi hàng ngày vẫn phải uống thuốc chữa bệnh đái đường. Trước khi vào chiến trường, mẹ tôi phải mổ đục nhân mắt, nay bà đeo kính vẫn đọc được sách, báo. Hương vẫn dạy học ở trường Mỹ thuật, đang chuẩn bị đưa học sinh đi thực tế vào Khu 4, Lộc con gái tôi ngoan, chăm học, khi nghỉ thì ở nhà giúp việc ông bà và mẹ...

Thư được chuyển theo đường giao liên, gùi bộ chuyển từ trạm này qua trạm khác. Mỗi khi có hàng phải chuyển ưu tiên hoặc khi trạm thiếu người gùi thì lại đọng lại ở trạm nhiều khi hàng tuần. Thư viết vào tháng 3, 4, 5 năm 1966, mất từ 7 tới 9 tháng mới tới được tay chúng tôi.

Cậu liên lạc của đơn vị nhận thư của vợ. Chị vợ ở nông thôn lại thích làm thơ viết hai câu thơ lên phong bì: *Xa xôi tình cảm dạt dào. Gửi anh bưu điện chuyển vào tận tay...*

Dưới hai câu thơ viết nắn nót của chị vợ là hai câu thơ khác dáng kiểu chữ đàn ông nguệch ngoạc, hoạ lại: *Thư này tao cóc đưa ngay, Thử xem tình cảm chúng mày ra sao?*

Doạ chơi vậy thôi, lá thư vẫn tới tay cậu liên lạc cùng một lúc với thư chúng tôi.

Ngày 5 tháng 1 năm 1967. Tết Dương lịch trôi qua không ai để ý tới, trong không khí bận rộn tíu tít của chiến trường. Viện 211 được lệnh chuyển từ Phi Hà, Bắc Kontum để vào cánh Trung, ngang Plâycu. Đây là khu vực trung

gian của chiến trường, tiện cho việc tiếp nhận thương binh từ các nơi gửi về, và quan trọng hơn gần đường tiếp tế lương thực, thực phẩm từ đường Campuchia sang...

Chúng tôi kết thúc việc đi công tác tuyến để trở về xây dựng đơn vị. Bắt đầu từ đây Viện 211 mới phục vụ trực tiếp cho chiến trường Tây Nguyên.

BỆNH VIỆN Ở TÂY NGUYÊN

Ngày 10 tháng 1 năm 1967. Trong kháng chiến chống Pháp và những năm đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, Tây Nguyên là một bộ phận của Khu 5. Kể từ năm 1964, để tiện cho việc chỉ huy tác chiến Bộ Tư lệnh đã có quy định tách Tây Nguyên thành một mặt trận riêng.

Về mặt địa lý, Tây Nguyên gồm các tỉnh Kontum, Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Viên. Nhưng trong kháng chiến chống Mỹ, mặt trận Tây Nguyên còn gọi là mặt trận B3, chỉ bao gồm 3 tỉnh phía Bắc là Kontum, Gia Lai, Đắc Lắc và Phú Bổn. Còn Lâm Viên thì được quy định thuộc về Khu 10.

Như vậy chiến trường Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược quan trọng, tiếp xúc trực tiếp với hậu phương lớn miền Bắc và là cửa ngõ đi xuống các tỉnh cực Nam Trung Bộ và miền Đông Nam Bộ.

Chiến trường Tây Nguyên là một chiến trường lớn, rừng núi trùng điệp, vừa dài, vừa rộng. Đi từ Bắc chí Nam Tây Nguyên theo các trạm giao liên dọc mất khoảng 27-28 ngày đường. Nếu đi theo các trạm giao liên ngang theo chiều Tây sang Đông cũng phải mất 15 ngày.

Do điều kiện chiến tranh liên tục hơn 30 năm, suốt kháng chiến chống Pháp, rồi chống Mỹ, để giữ bí mật, các huyện, xã của các tỉnh Tây Nguyên được đổi tên và mang các số hiệu, khiến cho ngay cả nhiều cán bộ, bộ đội chiến đấu lâu năm ở Tây Nguyên cũng không nhớ nổi. Các huyện của tỉnh Kontum mang các số hiệu: Huyện 30 phía Bắc Kontum gọi tắt là H.30, H.40 ở Tây Bắc, phía Nam là H.67, H.16 ở phía Đông đường 14.

Các huyện thuộc Gia Lai được gọi là các Khu: Khu 4, Khu 6... Các huyện thuộc Đắc Lắc có Huyện 1, Huyện 2, 9 và 10...

Sông suối Tây Nguyên chia thành hai hệ thống: Các sông suối ở sườn phía Đông Trường Sơn, đổ về đồng bằng Trung Bộ như sông Ba chảy về Phú Yên, trong khi các sông suối ở sườn phía Tây thì đổ về phía Campuchia, về sông Mê Kông.

Các con sông Tây Nguyên có đặc điểm chung là lưu lượng nước thay đổi rất thất thường: về mùa mưa nước sông lên to, chảy xiết, dòng nước cuồn cuộn. Có những cơn lũ xảy ra đột ngột sau một trận mưa. Một con suối cạn, hiền lành, ngày thường có thể lội qua, chỉ sau một cơn mưa nhỏ, có thể đầy ắp nước. Mức nước lên cao 3-4 mét trong vài tiếng đồng hồ, chảy ầm ầm, kéo phăng nhà cửa, đồ đạc, gà lợn... Nước to kéo trôi theo các thân cây to, phá tan các cầu bắc qua sông. Năm nào ở Tây Nguyên cũng có những vụ

thuyền đắm, người chết đuối do lũ lụt gây ra.

Trái lại đến mùa khô thì nước sông thu lại, nhiều đoạn có thể lội qua, các khu vực phía Nam Tây Nguyên thuộc Gia Lai, Đắc Lắc nhiều khi khô cạn thiếu nước.

Ở Tây Nguyên, trên thực tế các con đường chính quy quốc lộ và tỉnh lộ có vẽ trên bản đồ, đều bị địch chiếm giữ để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược. Trên những con đường này đã diễn ra nhiều trận đẫm máu trong suốt cuộc chiến tranh.

Đường quốc lộ số 14 có những con đường ngang, đi về đồng bằng miền Trung và sang biên giới Campuchia. Trong đó, đường quốc lộ số 19 là con đường chiến lược quan trọng đi từ Plâycu vắt qua dãy Trường Sơn, với những đoạn đường đèo hiểm trở như An Khê, Mang Giang để về Quy Nhơn, Bình Định.

Để xuống đồng bằng, ngoài đường số 19 còn có đường số 7 qua Cheo Reo, xuống Phú Yên, đường số 21 nối Ban Mê Thuột xuống Khánh Hoà.

Trong vùng giải phóng, ta phát triển một mạng lưới giao thông bí mật trong rừng. Tới những năm 1966, 1967 đây chủ yếu là đường nhỏ len lỏi trong rừng cho bộ đội hành quân đi bộ, nối hậu phương lớn miền Bắc với chiến trường Nam Bộ. Có những đường hành lang dọc đi từ Bắc xuống Nam, men theo biên giới Việt Lào và Việt Nam - Campuchia. Cũng có những hành lang ngang, từ Đông sang Tây, nối từ các hành lang dọc xuống các tỉnh đồng bằng miền Trung. Đây là những con đường không tên, hoặc nói đúng hơn, mang những mật danh quân sự như những công thức hoá học: đường C02, C05, C09... Không biết do ai nghĩ ra, cũng không theo quy luật nào. Những con đường không vẽ trên bản đồ, thay đổi tuỳ theo nhu cầu chiến sự, hoặc tình hình an ninh. Năm 1969, sau khi xê dịch một vài trận, lại trở lại tuyến đường cũ sử dụng từ năm 1966. Anh em giao liên phát hiện ra trong rừng còn có chiếc võng, cạnh võng còn đôi dép cao su, khẩu AK dựa vào gốc cây, chỉ còn nòng súng bằng thép, báng súng bằng gỗ đã bị mối xông nát vụn và trên võng là một bộ xương trắng. Không ai biết người nằm trên võng là ai, thuộc đơn vị nào, chỉ có thể phỏng đoán là một chiến sĩ lên cơn sốt rét trên đường hành quân lê vào rừng mắc võng nằm, và có thể chết vì sốt hay vì đói rét và do đường giao liên di chuyển sang tuyến đường khác, không ai đi qua nên hàng năm sau mới phát hiện ra.

Khí hậu ở Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt: Mùa khô bắt đầu từ tháng 11, tháng 12 tới tháng 5, tháng 6. Tiếp sau đó là mùa mưa. Trong mùa khô, hàng tháng liền không có giọt mưa, ngược lại về mùa mưa thì lại mưa "thối trời, thối đất" suối ngày đêm, hết cơn này sang cơn khác. Trời luôn đầy mây che

phủ, hầu như hàng tháng trời không có tia nắng. Độ ẩm lên rất cao, quần áo giặt hàng tuần không khô. Lương thực, thực phẩm bị nấm mốc, dụng cụ quang học như kính hiển vi cũng nhanh chóng bị mốc trong mùa mưa.

Bệnh tật cũng chuyển biến theo mùa. Những tháng cao điểm sốt rét là vào tháng 5-6 và 9-10 giữa lúc giao thời giữa mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa cũng là mùa của viêm phổi, bệnh ngoài da, ghẻ lở, hắc lào, trong khi mùa khô là mùa của các bệnh đường tiêu hoá...

Sinh hoạt của bộ đội cũng phải thay đổi cho phù hợp với thời tiết: Mùa khô là mùa chiến đấu, mở các chiến dịch, vận tải, là mùa phát cây làm nương rẫy. Mùa mưa là mùa chỉnh huấn, hội họp...

Tuy nhiên từng vùng Tây Nguyên cũng khác nhau: ở Kontum mùa mưa đến sớm hơn và kết thúc cũng sớm hơn Gia Lai, Đắc Lắc. Nếu lấy đường 14 làm ranh giới thì phía Đông và phía Tây đường 14 khí hậu thời tiết cũng khác nhau. Có người nói, nếu có điều kiện di chuyển từ vùng này sang vùng khác thì có thể ở Tây Nguyên quanh năm mà không bị dính mùa mưa...

Tây Nguyên có rất nhiều dân tộc (khoảng 30 dân tộc) có phong tục tập quán, ngôn ngữ khác nhau. Riêng tỉnh Kontum có các dân tộc Chiên, Dê, Hà-la, Xê-đăng. D'ra-rê, Pơ-nam...

Ngày mới vào chiến trường, chưa có tý khái niệm gì về các dân tộc Tây Nguyên, lại rút kinh nghiệm những ngày đầu mới lên Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp, tôi cũng kiên trì học tiếng ở số chị em dân tộc trong đơn vị. Vất vả lắm mới học được lõm bõm vài câu chào hỏi, đếm các con số từ một tới mười rồi từ mười tới một trăm... Một lần có công việc sang một bản lân cận, tôi hí hửng mang vốn ngôn ngữ dân tộc thực hành thì chưng hửng. Không ai hiểu tôi nói gì và ngược lại điều họ nói tôi cũng không hiểu nốt. Tôi mới vỡ lẽ là đã sang khu vực của một dân tộc khác, nói một ngôn ngữ khác...

Do hoàn cảnh chiến tranh, các bản tập trung đều bị đốt phá nên đồng bào ở phân tán vào các khe suối nhỏ, vài ba nhà một khe suối. Có khi đi hàng nửa ngày đường mới gặp một nhóm vài ba nhà như vậy.

Hàng ngày, ngoài việc làm nương, hai vợ chồng tha thẩn vào rừng kiếm rau, xuống suối bắt cá, người chồng đi trước, đóng khố, cởi trần, chân đi đất, người đen như đồng hun, tay cầm con dao để chém cá. Người vợ gùi con sau lưng, mặc váy chàm, ngực để trần, lầm lũi theo sau. Hai vợ chồng luôn đi với nhau như hình với bóng.

Đồng bào Tây Nguyên có tinh thần cách mạng rất cao. Trong kháng chiến

chống Mỹ, nhiều đồng bào Tây Nguyên đi bộ đội, du kích, tham gia thanh nhiên xung phong, đóng góp sức người, sức của, lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Tuy nhiên phải biết rõ phong tục tập quán của đồng bào tuyệt đối không được dùng mệnh lệnh, cưỡng ép, thì việc vận động mới thành công.

Đồng bào rất sợ máy bay bắn phá. Nếu nơi ở bị lộ, họ lập tức dọn nhà đi nơi khác, thậm chí bỏ cả nương rẫy đang thời vụ gieo trồng. Có lần chúng tôi đến vận động đồng bào không nên bỏ đi thì được đồng bào trả lời rất tự nhiên: "Bệnh viện quen chết, mình không quen chết!".

Ôi, "Bệnh viện quen đói khổ, bộ đội quen chết!", đó là quan niệm của đồng bào đối với chúng tôi ngày đó.

Tính tình đồng bào rất thật thà, chất phác. Thóc lúa thu hoạch được thì làm kho để ngoài nương. Không cần người canh giữ. Không ai lấy của ai. Khi chết thì mọi đồ đạc trong nhà, từ nồi niêu, bát đũa, quần áo của gia đình đều chia đôi, đưa ra mộ cho người chết một nửa.

Ngày 1 tháng 2 năm 1967. Bệnh viện di chuyển vào cánh Trung, chính thức phục vụ cho chiến trường Tây Nguyên. Sau một năm ở "trường đại học Tây Nguyên", chúng tôi đã phần nào hiểu được tình hình chiến trường và các công việc đang chờ đợi chúng tôi ở đây...

Vào đây, tình hình đơn vị cũng khá hơn. Trong một năm ở Ngã ba Biên giới chúng tôi bắn được 18 voi, từ ba đến bốn trăm khỉ vượn. Sự tàn sát thú rừng, nhất là voi, sau này có thể bị các nhà bảo vệ môi trường lên án là làm cạn kiệt các loài thú quý hiếm... nhưng trong lúc này, với bộ đội Tây Nguyên, là cách duy nhất để tồn tại và chiến đấu...

Bằng con đường săn bắn chúng tôi tự túc được thực phẩm, mặc dù cả năm toàn đơn vị hầu như không được trên cấp một cân thịt nào. Tổng kết cả năm, bình quân đầu người trong toàn Bệnh viện được hai kilô thịt một tháng, có khoa được tới bảy cân thịt thú rừng. Có lần tổ săn sau khi hạ được con voi mẹ, bắt sống được một con voi con đem về nuôi. Con voi to bằng con bê, đã nhanh chóng quen với người. Bác sĩ Phát, đội trưởng đội Săn, đi tới đâu voi con cũng lẵng nhẵng đi theo như một con chó... Voi con lên cả sân khấu trong những đêm liên hoan của đơn vị. Rất tiếc là sau một thời gian, voi con đã chết do không có sữa cho nó ăn...

Do ăn uống khá nên sức khoẻ anh em tốt. Quân số khoẻ bảo đảm được tới 94-95%. Năng suất lao động cũng khá hơn. Gùi gạo, trung bình 35-40 kilô. Đột xuất được tới 70 kilôgam...

Những ngày đầu tháng 2, toàn Viện giành thời gian cho việc xây dựng ở địa điểm mới. Tôi cùng với cậu Vy cần vụ cũng tự xây dựng lấy nhà để ở. Đây là ngôi nhà thứ tư do bàn tay của chúng tôi tự xây dựng lấy từ ngày vào Tây Nguyên. Căn nhà tre lá được làm trên một sườn đồi thoai thoải, dưới các lớp lá rừng rậm rạp, theo một kiểu quen thuộc ở chiến trường này: căn nhà "âm" nửa nổi, nửa chìm xuống dưới đất, lợp ngói "âm dương" có hai gian, một gian là phòng ăn đồng thời là phòng làm việc và tiếp khách, có một bàn và hai ghế dài, chân chôn xuống đất. Một gian là phòng ngủ có hai giường cá nhân cho tôi và Vy, giữa hai giường là một bàn tre nhỏ để đặt chiếc đài bán dẫn...

Nhà âm thông với một hầm chữ A. Nghe nói là kiểu hầm phổ biến ở Triều Tiên trong chiến tranh chống Mỹ. Có các khúc tre hay gỗ lát ở hai bên thành, phía trên có đất đắp cao.

Hầm chữ A khá chắc chắn, bên trong khá sạch sẽ. Hầm có tác dụng chủ yếu để chống mảnh bom, đạn đại bác, đặc biệt rất tốt chống bom bi và các tác hại thứ phát khi bom nổ như mảnh gỗ, đá, cây đổ... Còn nếu bom to rót trúng hầm, thì rõ ràng không hầm đất nào chịu đựng nổi.

Nghe nói ở mặt trận Quảng Trị có sử dụng loại hầm sâu tới hai mươi mét. Chắc là chỉ dùng cho cơ quan chỉ huy chiến dịch và phải dựa vào một địa hình đặc biệt, một vách núi cao... Chúng tôi bảo nhau: Với kiểu hầm này, nếu nói dại, có một quả bom rớt trúng, thì chỉ có nước là thắp bó hương cắm lên trên, vái các cụ nằm bên trong, chứ không có sức nào mà đào bới, cấp cứu nổi.

Cũng như lần trước ngoài việc làm nhà để ở, các khoa còn phải làm nhà cho thương bệnh binh, với chỉ tiêu 100 thương bệnh binh một khoa và các cơ sở làm việc khác theo chức năng mỗi khoa...

Mọi người đều tất bật, khẩn trương trong công tác xây dựng. Chỉ huy Viện và các cơ quan thì luôn phải kiểm tra xem xét. Quy định về an toàn khói lửa, không để lộ địa điểm là quan tâm nhất. Cự ly giữa các ngôi nhà, có khi phải chỉ từng địa điểm làm nhà. Khi lấy vật liệu làm nhà, như tre nứa phải lấy xa nơi ở không được chặt trụi một bụi cây. Những quy định tuy đơn giản nhưng phải luôn luôn có sự đôn đốc kiểm tra. Đã có lần, chúng tôi phải kiên quyết yêu cầu một Chủ nhiệm khoa dừng ngay công việc xây dựng một ngôi nhà đang làm dở vì làm ở một chỗ trống...

Chúng tôi cũng phải rất chú ý tới công trình vệ sinh. Nhớ lại trong kháng chiến chống Pháp, có lần đồng chí Cục trưởng Cục Quân y đến thăm một Bệnh viện đã nhận xét thẳng: "Bệnh viện của các anh xây dựng trên cơ sở một đống phân!"... Trên đường vào chiến trường, nhiều chỗ không cần

người giới thiệu, chúng tôi cũng biết ngay là đang đi qua "bãi khách" bởi mùi hôi của những nơi đông người, sống tạm bợ một đêm.

Dù sao chúng tôi cũng phải chuẩn bị cho Bệnh viện ở lâu ngày một địa điểm, phải tiếp đón hàng ngàn thương bệnh binh. Chúng tôi phải có quy định cụ thể số hố vệ sinh cho từng khoa. Mặt sau của các hố phải tính toán để có thể sử dụng được lâu mà không có mùi hôi. Địa điểm của khu vệ sinh nếu không phối hợp thì hố vệ sinh của khoa này lại kề với nơi ở của khoa khác. Có thời gian khi đi kiểm tra xây dựng, tôi phải mang theo một cái sào dài để đo chiều sâu của hố vệ sinh đang đào, trước khi đồng ý cho lấp và làm các kiến trúc bên trên.

Ngày 20 tháng 2 năm 1967. Tết Đinh Mùi là ngày 9 tháng 2 năm 1967. Tết đầu tiên của chúng tôi ở chiến trường. Tết đến trong khi chúng tôi đang xây dựng cơ sở cho Bệnh viện và tạm trú trong một doanh trại của Vệ binh.

Chiều 30 và mồng một Tết mọi người được nghỉ. Thực phẩm được phát để ăn tết có mỡ, lạc, đậu xanh, đường, thịt trâu mỗi người được ba lạng. Thức ăn trong tháng tính thành tiền được 110 ria (đơn vị tiền Campuchia) cho một người, tương đương khoảng 6 đồng miền Bắc. Đây là tháng phong lưu nhất vì nhiều tháng chỉ được có 20 ria, tương đương khoảng 0,8 đồng miền Bắc. Tổ săn mang về được 6 con vượn, tổ đánh cá được khoảng 7 kg cá. Tạm đủ để tổ chức một cái Tết có thể coi là tươm tất.

Ngày 28 Tết, Viện phân công hai thanh niên đục cối gỗ. Từ ngày vào chiến trường có thể nói việc chế biến gạo thành bột để có thể làm ra bún, bánh là một mơ ước của chúng tôi mỗi khi ốm đau hoặc liên hoan tết nhất. Nhưng làm sao có được bột nếu không có cối chí ít là cối gỗ vì ngay cả một cái đục để đục cối lúc này cũng không có...

Trước yêu cầu làm bún, bánh phục vụ thương bệnh binh, cậu Cường một y sĩ người Cao Bằng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc, đã dùng than củi kiên trì đốt trên một khúc gỗ vát phẳng. Đốt hai, ba ngày liền, hòn than này tàn lại tiếp hòn than khác. Cuối cùng mặt gỗ cháy đen, lõm xuống thành một hố khá tròn trặn. Việc làm chày thì không có khó khăn gì chỉ cần đẽo một cành cây là xong. Cả đơn vị hoan nghênh sáng kiến của Cường và như vậy chúng tôi có được bộ chày cối đầu tiên dùng ở chiến trường.

Còn việc làm cối xay bằng đá thì có khó khăn hơn. Ai cũng biết là muốn xay gạo thành bột thật mịn để làm bún, bánh thì cần có cối đá. Nhưng không ai nghĩ tới việc đưa cối đá từ hậu phương vào chiến trường. Phải tới gần hai năm sau có một thương binh người Thanh Hoá, nơi có kinh nghiệm làm cối đá ở Viện 2. Trong thời gian điều trị, anh đã vào núi đá gần bệnh viện, hì hục đẽo đá thành một cối xay... Sáng kiến của anh được toàn chiến trường

hoan nghênh. Chiếc cối xay đã được đem ra triển lãm trong hội nghị mừng công của chiến trường năm 1967 và được phổ biến rộng rãi.

Suốt hai ngày 27, 28 Tết, khu rừng chúng tôi ở rộn rã tiếng giã gạo làm bột và làm bánh. Lá gói bánh chưng lúc đầu tưởng thiếu nhưng rồi phát hiện ra ngay gần đơn vị một vạt rừng lá dong bạt ngàn, thừa thãi lá cho toàn đơn vị.

Khoa 33-34 đi đầu trong việc làm bánh, bánh rán, bánh tẻ, bánh sữa. Không kể bánh chưng truyền thống.

Tối 29, tức ba mươi Tết, các khoa liên hoan quanh nồi bánh chưng hoặc nồi chè, có ca hát, kể chuyện, nghe đài, đánh cờ tướng, tú lơ khơ, tổ tôm tới giao thừa, có người ngồi nghe nhạc tới ba giờ sáng mới đi ngủ.

Sáng mồng một Tết, có mít tinh toàn đội, sau đó các Khoa đi chúc Tết, trưa có cơm liên hoan. Cả ngày có các cuộc vui, thi thể thao, cờ tướng, vật.

Các cuộc vui rộn rã ngày Tết cũng làm vơi đi phần nào nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, tuy nhiên lẻ tẻ vẫn có người trùm chăn khóc.

Tuy vậy, ngày 29 Tết, cán bộ được triệu tập họp nghe phổ biến nhiệm vụ khẩn trương sắp tới. Tới giữa tháng 2, chúng tôi phải tiếp nhận 500 thương bệnh binh. Và phải cử một khoa Ngoại sang tiếp nhận một khu 250 thương binh của Viện 3.

Ngay sau Tết, chúng tôi lại tiếp tục công việc xây dựng. Từ 10 tháng 2 tới 17 tháng 2 làm xong được phòng mổ, phòng hoá nghiệm, X quang, nhà pha chế dược, ngoài việc xây dựng đủ chỗ ở cho nhân viên và tiếp nhận đợi đầu 47 thương bệnh binh đầu tiên của Viện 3 giao lại.

Ngày 16 tháng 2 đợt 2 chiến dịch Sa Thầy nổ súng. Tin của mặt trận đã tiêu diệt một đại đội Mỹ tại khu D.

Nhận được lệnh cử một bộ phận đi xuống tuyến tăng cường cho Viện 4. Các bác sĩ Dướng, Quát (Ngoại khoa) và Chương, Lợi, Ngọc (Nội khoa) được cử đi trong đoàn này.

Ngày 1 tháng 3 năm 1967. Một thành công trong việc trang bị Bệnh viện là bộ phận X quang đầu tiên hoạt động ở chiến trường Tây Nguyên.

Mấy tháng mùa khô vừa qua, trang thiết bị của bệnh viện gửi theo đường ôtô sau một mùa mưa nằm lại dọc đường, cuối cùng cũng lần lượt vào tới nơi. Chỉ có điều là trong 1028 kiện hàng gửi từ Hà Nội lúc ra đi, chỉ có gần 100 kiện vào được chiến trường. 9/10 số hàng gửi bị mất ở dọc đường,

phần bị máy bay bắn phá, phần do xe đổ, phần thì "bốc hơi" không biết ở đâu, không thể tìm ra được. Khổ một nỗi là thứ chúng tôi rất cần thì không vào, thứ không cần thì lại vào tới nơi. Hơn nữa hàng vào không đồng bộ. Có kiện hàng trăm bộ quần áo trẻ em vào tới nơi. Mà làm gì có trẻ em vào điều trị? Một kiện truyện ngắn, truyện dài, sách chính trị... Một chiếc đèn mổ hiện đại có hàng chục bóng đèn, nặng kềnh càng hàng tạ. Nhà mổ bằng tre nứa làm sao mà treo được đèn và dù có treo được thì lấy điện đâu để thắp sáng?

Trong một kiện khác, khi khui ra, ngoài một số đồ đạc lặt vặt thấy có một đôi guốc cao gót phụ nữ. Chúng tôi vừa ngạc nhiên vừa bực mình, hỏi trong đơn vị thì cô Thục Oanh, y sĩ hoá nghiệm, nhận là đôi guốc của mình. Cô lúng túng giải thích, trước khi lên xe, rời Hà Nội, cô mới rời đôi guốc, xỏ vào dép cao su. Nhìn quanh, không biết vứt guốc đi đâu, nên vứt bừa vào khe hở của một thùng hàng. Bất ngờ, thùng hàng đó vào tới chiến trường, còn bao nhiêu trang thiết bị ở thùng khác thì tan tác dọc đường.

Trong số hàng nhận được quý nhất là mấy kiện máy X quang, nhưng không đồng bộ. Trong bốn máy X quang trang bị cho bệnh viện thì vào được tủ điều khiển của một máy, bóng X quang của máy khác, mấy thước dây điện, một máy nổ. Thiếu thân máy, không có phương tiện để chụp như phim X quang và hoá chất. Cũng không có trang bị bảo vệ, áo chì và các thứ khác. Nhưng như vậy là vẫn quý rồi.

Bác sĩ Trần Hậu Tư, Chủ nhiệm khoa X quang, cùng với tổ công nhân kỹ thuật của Bệnh viện, anh Khuể, anh Sánh, đã lắp ráp được chiếc máy X quang đầu tiên ở chiến trường. Dùng một thân cây làm giá đặt bóng X quang. Đắp một ụ đất dày nửa mét để thay áo chì bảo vệ nhân viên X quang khỏi tác hại của tia X trong khi làm việc. Không có phim và hoá chất nên không thể chụp được mà chỉ có thể soi. Anh em dựng một căn nhà che vải đen kín bưng làm buồng tối.

Xăng để chạy máy nổ cũng là vấn đề khó khăn ở chiến trường này. Mấy năm trước, máy chiếu phim thì có mà xăng thì không. Muốn xem một tối phim, phải tổ chức một cuộc phục kích, đánh xe địch đi trên đường 14 để lấy vài bi đông xăng đổ vào máy phát điện phục vụ cho việc chiếu phim.

Tới nay (đầu 1967) tình hình đã khá hơn, đã có tuyến đường ôtô vào tới Tây Nguyên, xăng không còn khó khăn như trước, nhưng tất nhiên vẫn phải hết sức tiết kiệm.

Ngày máy nổ phát điện sáng rực khu rừng, tiếp sau đó máy X quang phát tia, làm hiện rõ hình các xương bàn tay của bác sĩ Tư giơ ra trước màn huỳnh quang là một ngày vui của toàn đơn vị. Đây là lần đầu trong núi rừng bạt

ngàn, âm u, cổ kính của Tây Nguyên, loé ra tia X, tượng trưng cho ánh sáng của văn minh, khoa học, đóng góp cho việc chẩn đoán và điều trị thương bệnh binh ở chiến trường này.

Ngày 5 tháng 3 năm 1967. Hôm nay tôi đi thăm lò rèn của Bệnh viện. Lò rèn được đặt ở một vạt rừng, cách hơi xa Bệnh viện. Một ngôi nhà tre nhỏ lợp mái "âm dương" bên trong ngổn ngang sắt thép, các vỏ bom lép, các đầu đạn, các ống rốc két... một bễ lò rèn, những sọt đựng than. Đây là nơi làm việc của tổ công nhân kỹ thuật Bệnh viện.

Tuy gọi là "lò rèn" nhưng thực ra các anh làm đủ mọi công việc, từ rèn, gò đến mộc, cả sửa chữa máy móc...

Từ ngày thành lập, tổ công nhân kỹ thuật đã có đóng góp rất lớn trong việc xây dựng Bệnh viện ở chiến trường.

Anh Nguyễn Bá Khuể, kỹ thuật viên X quang, là tổ trưởng. Con người có vóc dáng nhỏ bé, gầy gò đó, lại chứa đựng một ý chí quyết tâm rất cao. Thông minh, khéo léo. Anh là một kho sáng kiến giải quyết những khó khăn trong công việc và thực sự là linh hồn của tổ. Cùng với anh Khuể, có anh Sánh, thợ mộc, anh Đằng, thợ rèn, đều là những người miệng nói, tay làm.

Xuất phát hoàn toàn từ hai bàn tay trắng, các anh đã rủ nhau vào rừng tìm bom, đạn chưa nổ, tháo kíp đập ra lấy gang thép, tìm xác máy bay rơi, ống rốc két, ống pháo sáng để lấy nhôm, chặt cây rừng làm lò nung than để có than hoa nhiệt lượng cao rồi làm lò rèn sản xuất các thiết bị cho Bệnh viện.

Các anh đã lắp ráp máy X quang từ các bộ phận rời, của nhiều máy khác nhau, theo kiểu "râu ông nọ cắm cằm bà kia" để thành một máy sử dụng được và duy trì máy hoạt động đều đặn trong suốt mười năm của cuộc chiến tranh giải phóng.

Các anh cũng đã làm nhiều dụng cụ khác cho các khoa như nồi nấu rượu, nồi cất nước, máy dập viên cho khoa Dược, máy lý liệu, ống nghe hai tai cho các bác sĩ lâm sàng, hộp hấp cho phòng mổ và cho các khoa. Ngoài ra các anh còn sản xuất hàng loạt dao, cuốc xẻng, liềm cho bộ phận tăng gia. Những năm sau, còn xây dựng trạm thủy điện, lò sấy tóc, máy xay xát.

Ngày 5 tháng 4 năm 1967. Bệnh viện đã tiếp nhận hơn 200 thương bệnh binh đầu tiên của chiến dịch Sa Thầy đợt 2 trong đó đa số là bệnh binh.

Chiến dịch Sa Thầy đợi 2 bắt đầu từ cuối tháng 2 năm 1967 đã giành được nhiều thắng lợi giòn giã. Địch phải rút khỏi khu vực phía Tây sông Sa Thầy, rồi rút phía Đông sông Đắt đỏ Plâygirang, bỏ Sùng Thiện, Sùng Lễ sau một

trận pháo kích ác liệt.

Từ các chiến trường bạn, liên tiếp có thông báo nhiều tin thắng lợi. Tây Ninh phá cuộc càn Giônxơn Citi diệt hơn 13 nghìn địch. Quảng Trị pháo kích từ bờ Bắc khu phi quân sự Đà Nẵng tên lửa lần đầu bắn vào sân bay phá huỷ hàng trăm máy bay. "Tin mừng thắng trận nở như hoa".

Từ chỗ chúng tôi ở, cuộc chiến đấu xa dần: Những ngày đầu chiến dịch, tiếng bom đạn, tiếng pháo, tiếng máy bay gầm rú suốt ngày đêm. Những ngày gần đây tiếng súng xa dần và thưa thớt, tiếng máy bay chỉ còn văng vẳng.

Bộ đội tiến lên phía trước, các đơn vị hậu cần tiến theo sau. Tiểu đoàn quân y Sư đoàn đã di chuyển theo bộ đội, các Đội điều trị 3, 4 cũng đang rục rịch di chuyển theo. Thương bệnh binh, nếu nhẹ thì cho ra Viện bổ sung trở lại cho đơn vị còn nếu cần điều trị tiếp thì chuyển cho chúng tôi. Đầu tháng 4 năm 1967, anh Quang Thọ hoạ sĩ, bạn của vợ tôi vào công tác. Đọc thư của Hương, tôi được biết gia đình vẫn yên ổn. Bác Cả, chị của mẹ tôi bị ngã. Ba mợ bình thường vẫn ở nơi sơ tán với Hương. Câu đầu tiên Quang Thọ gặp tôi là: "Anh thay đổi nhiều quá, giá gặp anh trên đường giao liên, có lẽ tôi không nhận được anh mất!...".

Gặp tôi, anh than phiền đi mấy tháng trời vất vả, vào tới Tây Nguyên chỉ mong vẽ được cảnh gì đặc sắc của Tây Nguyên, thế mà đi đến đâu cũng chỉ thấy bộ đội miền Bắc, không tìm đâu ra một chiếc nhà rông, đồng bào dân tộc cũng mặc quần áo bộ đội, không thấy gì là đặc sắc của Tây Nguyên để vẽ cả...!

Tôi thú thực với anh là tuy tôi vào đây đã một năm, đã đi suốt dọc chiều dài chiến tuyến của Tây Nguyên, nghe tiếng đàn t'rưng trong các buổi biểu diễn của văn công, chứ thực tình chưa lần nào thấy đồng bào múa hát... Quang Thọ ở lại với tôi vài ngày, ghi một số ký hoạ về Bệnh viện. Tôi cũng ngồi một buổi để anh vẽ. "Để hôm này ra, làm quà cho Giáng Hương..." anh vừa vẽ vừa nói.

Xem bức ký hoạ, tôi không dám nói ra, sợ hoạ sĩ tự ái vì chính tôi cũng không nhận ra tôi nữa. Trên trang giấy là hình một ông già gầy gò, hốc hác, râu tóc xồm xoàm như một tên biệt kích mới bắt được trong rừng. Chỉ có nhận ra nhờ đôi kính. Từ ngày vào chiến trường, đến nay đã tròn một năm, tôi không trông thấy mặt tôi. Làm gì có gương soi? Nên tôi không đánh giá được là bức ký hoạ có giống tôi hay không?

Tôi chỉ rụt rè đề nghị với Quang Thọ: "Có lẽ, anh đừng cho Hương xem. Cô ấy mà thấy tôi như thế này có lẽ ngất đi mất!...".

Trước khi ra đi, tôi tặng anh một bi đông rượu "cây nhà, lá vườn" do Bệnh viện sản xuất, để anh ngâm thuốc. Anh nhận một cách rất thích thú.

Ngày 10 tháng 4 năm 1967. Hôm nay tôi ra thăm một bản của đồng bào dân tộc ở gần Viện. Do hoàn cảnh chiến tranh đồng bào đã phải bỏ bản cũ vào sinh sống thành từng nhóm nhỏ ba bốn gia đình thành một nhóm trong rừng.

Đồng bào vùng này có tục cà răng, căng tai. Các răng cửa bị cưa sát tận lợi, còn dái tai thì bị đục một lỗ to đeo lủng lẳng một khúc nứa to bằng cổ tay. Hai bên mặt xăm những hình hoa đối xứng trên hai gò má và trên trán.

Chị em người dân tộc đi thanh niên xung phong, được bổ sung làm hộ lý cho Bệnh viện kể lại cho tôi nghe: Đồng bào tin là có cưa răng đi thì mới có cuộc sống khoẻ mạnh. Thế là khi đứa trẻ lên 9-10 tuổi, bố cháu liền đưa cháu vào rừng, trói vào gốc cây, rồi dùng liềm cưa đứt bốn răng cửa hàm trên sát tận lợi mặc đứa trẻ giãy giụa, kêu khóc, máu me đầy mồm. Có cháu sau đó đã chết vì nhiễm trùng.

Còn tai thì cũng giống như các cô gái miền xuôi, bị đục một lỗ ở dái tai để đeo hoa tai, khác là thay vì luồn một sợi chỉ hay một que tăm qua lỗ để ngăn lỗ thủng liền sẹo, thì ở đây đồng bào cho xuyên qua lỗ một chiếc que to làm cho dái tai giãn rộng cho tới khi đút lọt một khúc nứa to bằng cổ tay, nếu nhà giàu thì thay bằng một khúc ngà voi, cũng to như vậy.

Hàng ngày chúng tôi thỉnh thoảng gặp đồng bào lên nương làm rẫy hoặc vào rừng kiếm thức ăn. Cuộc sống của đồng bào lúc này thật gian khổ và thô sơ. Trẻ con không có trường học. Chưa có kinh tế hàng hoá. Không có chợ, không có cửa hàng, không tiêu tiền. Chỉ lấy hàng đổi hàng. Bộ đội đem quần áo, quân trang đổi cho đồng bào lấy lợn gà, củ sắn, bắp ngô.

Hình như cuộc chiến tranh và hàng đoàn bộ đội vào chiến trường, ngoài việc chiến đấu mà dường như còn đem cả một nền văn hoá mới vào đây, cả cái tốt lẫn cái không tốt. Các phong tục cũ bắt đầu thay đổi. Các trẻ nhỏ không còn bị cà răng căng tai nữa. Các cô thanh niên xung phong dân tộc khi được đưa ra Bắc để học văn hoá và chuyên môn, đều xin đi làm răng giả và vá lại vành tai.

Đồng bào dân tộc thật thà, chất phác, có trường hợp làm cho chúng tôi phải ngạc nhiên. Một lần tôi qua kho gạo trong khi bộ đội đang tấp nập ra vào lĩnh gạo. Tôi chợt để ý tới một cô gái dân tộc, đứng ở một góc kho. Cô gái khá xinh xắn nhưng có vẻ đang bực tức, nói lẩm bẩm điều gì. Ở chiến trường này, làm cho đồng bào tức giận là điều rất không hay, nên tôi đến gần chú ý nghe. Tôi thấy cô gái nhắc đi, nhắc lại một câu bằng tiếng Kinh

còn ngượng nghịu: “Một cái cũng một cái, hai cái cũng hai cái...”.

Tôi ngạc nhiên, không hiểu cô gái nói gì, bèn gọi cô ra một chỗ để hỏi cho rõ. Cô gái đỏ mặt, lúng túng, ấp úng: “Cái chú bộ đội... cái chú bộ đội...”.

Gặng mãi mới rõ đầu đuôi câu chuyện, thì ra có một thanh niên gạ cô bé cho bóp vú một cái thì cho một cái kim băng. Nhưng anh lại thuận tay bóp liền hai cái. Mà vẫn chỉ đưa một chiếc kim băng! Nên cô con gái giận, cho là bị lừa dối.

Tôi liền hỏi: “Cậu nào? Cậu nào thế?” và đưa mắt nhìn quanh.

Người con gái nhất định giấu tên thủ phạm, nhưng tôi đã nhận thấy trong số bộ đội đang ra vào có một cậu lấm lét nhìn chúng tôi.

- Có phải cậu kia không? - Tôi chỉ cậu thanh niên.

Cô gái đành gật đầu.

Tôi vẫy anh thanh niên lại gần, tuy không biết ở đơn vị nào, và nhận ra ngay đây là bạn “đồng hương” Hà Nội.

Các thanh niên Hà Nội vào chiến trường hầu hết đều có một dáng vẻ khá đặc biệt. Không ai bảo ai mà cậu nào cũng để một tý ria mép, mặt trắng trẻo thư sinh, bị sốt rét trở nên trắng bệnh, hay chơi với nhau, ăn nói ba hoa.

Tôi bắt đầu hỏi: “Hà Nội hả?”. Cậu thanh niên lúng túng gật đầu.

Tôi giảng giải một hồi về chính sách dân tộc, về thái độ tôn trọng phụ nữ nhưng hơi bực mình thấy mặt cậu ta vẫn nhơn nhơn không tỏ vẻ gì là hối hận cả.

Tôi liền hỏi sang tội thứ hai: “Người dân tộc, nói một là một, hai là hai... Tại sao cậu hẹn với người ta một cái, trả một kim băng, mà đằng này cậu làm liền hai cái mà cũng chỉ trả một chiếc kim băng là nghĩa lý làm sao? Ăn gian à?”.

Tới đoạn này, cậu thanh niên vẻ xúc động thật sự. Mặt đỏ bừng mắt chớp chớp như muốn khóc, ria mép rung rung, cái cục ở cổ chạy lên chạy xuống, nghẹn ngào một lúc mới nói được: “Báo cáo thủ trưởng, em... em... em chỉ còn có mỗi một chiếc kim băng thôi!”.

Thì ra hắn không có ý định ăn gian. Chả qua là sự bất đắc dĩ, và chắc cũng không ngờ cô con gái hiểu chữ “một cái” của anh theo nghĩa đen và đếm

từng động tác bàn tay của anh.

Dù sao, cô gái cũng có vẻ bớt giận khi thấy cậu thanh niên đã bị mắng.

Ngày 15 tháng 4 năm 1967. Sau những cơn sốt rét đầu tiên khi mới vào Tây Nguyên, tôi ngừng sốt được hai tháng, nhưng từ hơn một tháng nay lại sốt trở lại: Tuần nào cũng sốt, dùng đủ loại thuốc mà không dứt được cơn.

Từ hôm 10 tháng 4 cơn sốt lên cao, người hầm hập như một lò lửa. Đợt sốt này kéo dài 3 ngày liền. Đầu nhức như búa bổ, uống Nivaquine, mất ngủ suốt đêm, trong đầu như có một lỗ thủng lớn, một khoảng trống lớn lên dần có tiếng oang oang, tôi đi vào hôn mê lúc nào không biết.

Trong đầu như một cuộn chỉ rối mù chằng chịt rồi những hình ảnh như một cuốn phim đứt đoạn thấy cả nhà như trong một ngày lễ lớn. Ba mợ thật trẻ và tươi cười, các anh chị, các em trong những bộ quần áo đẹp... có cả các cô em đã gần hai mươi năm nay không gặp, nhưng vẫn trẻ như các nữ sinh trường Đồng Khánh. Hương bé nhỏ và mũm mĩm như một con búp bê... Hương cùng tôi chạy trên một bãi biển dài, vắng vẻ, cát trắng mịn, sóng dạt dào... rồi lại thấy đang nằm trong căn lán tối, có một cây nến cà bông, ánh sáng đỏ quạch toả khói mù mịt, kêu lép bép, có người tranh luận bên cạnh, cánh tay mình bị bóp chặt trong một túi vải của huyết áp rồi đau nhói ở đầu ngón tay vì một mũi kim tiêm, rồi thấy trong đêm tối mình bị khiêng lắc lư trong một chiếc võng chật chội bó chặt lấy người. Một cái huyệt đen ngòm bên cạnh. Tưởng người ta đem mình đi chôn sống... Mình hét to, giãy giụa. Tiếng anh Bích nói bên tai: "Anh uống đi. Andaxin đấy..." ba chữ an đa xin vang vang trong tai, trong khi đó như có bức màn đen toả xuống quanh mình.

Khi tôi tỉnh dậy thì thấy đang nằm trong một lán bệnh nhân khoa 40 - khoa cán bộ của Bệnh viện. Cậu Vy đang lúi húi cho thêm củi vào bếp ở giữa nhà. Lửa cháy bập bùng trong bếp. Tháng 4 nhưng về đêm vẫn hơi lạnh. Đêm yên tĩnh, chỉ văng vẳng tiếng máy bay xa xa. Cơn sốt đã qua, một cảm giác thật thoải mái nhẹ nhõm trong đầu.

Cơn sốt rét ác tính của tôi kéo dài hai ngày đêm. Tôi hôn mê hoàn toàn, chỉ thỉnh thoảng giãy giụa ú ớ gọi tên người. Các anh Âu, Chương, Bích, các bác sĩ Nội khoa có kinh nghiệm nhất của Bệnh viện tập trung cứu chữa cho tôi.

Nhân viên trong Bệnh viện cũng ốm lu bù. Mới hy sinh thêm một nữ y tá trẻ, cô Phương Như. Chỉ ốm sơ sơ một tuần trước, nhưng đã khoẻ, cô đang ngồi nói chuyện với bạn về may quần áo, đứng định ra sau, nhưng mới đi được vài bước thì ngã và đi vào hôn mê, lên cơn giật. Một nửa tiếng sau thì

ngừng thở. Trong một năm, từ ngày Bệnh viện vào chiến trường, riêng trong nhân viên đã có 11 người chết. Ở chiến trường ác liệt này, cái chết đến thật dễ dàng. Anh em đã tổng kết có 32 kiểu chết ở Tây Nguyên: Chết do ốm, chết do bom đạn, chết đuối, chết do rắn cắn, chết do cây đổ, chết do ăn phải nấm độc, chết do voi giày, chết do bắn nhầm nhau.

Ăn uống dạo này có khá hơn. Tiêu chuẩn của bộ đội được bảo đảm 3,5 đồng/một ngày (tính ra tiền miền Bắc). Ngoài tiêu chuẩn, các cán bộ Trung cấp còn được phát thêm hàng tháng 2 hộp sữa, 1,5kg đường, 1 kg đỗ xanh, 1 kg lạc. Nhưng bộ đội vẫn ốm liên tục.

Không khí trong đơn vị có chuyển biến khá hơn. Năng suất lao động lên cao. Anh em thương binh vào Viện, sau giai đoạn cấp tính, phải nằm liệt giường, khi nhúc nhích được lại bắt đầu tham gia công việc xây dựng Viện: giúp cấp dưỡng nấu cơm, lấy củi, đào hầm, làm nhà, thưng nhà, làm cầu qua suối, đào giếng.

Lần đầu tiên, một số thương binh mất sức chiến đấu được Hội đồng giám định sức khoẻ của Bệnh viện cho trở về miền Bắc. Bệnh viện tổ chức một đại đội thu dung (C3) chịu trách nhiệm chuyên lo việc tổ chức cho anh em trở về hậu phương.

Nhân có đoàn ra, chúng tôi gửi thư về gia đình.

Ngày 15 tháng 6 năm 1967. Sau mấy tháng sốt liên tục hầu như tuần nào tôi cũng lên một hai cơn sốt rét, tôi được cử đi đi an dưỡng để hồi phục lại sức khoẻ. Khu an dưỡng cho cán bộ ốm, yếu ở trong một khu rừng bằng phẳng, cạnh nương, có vài ngôi nhà nhỏ dựng giữa rừng. Mỗi nhà 2-3 người ở. Ngoài nương, có một nhà sàn nhỏ. Đó là nhà đồng chí Chính uỷ mặt trận.

Ăn uống tốt, có thịt, cá tươi, rau tươi, thịt cá hộp. Về giải trí có bàn bóng bàn, cầu lông. Sách có một tập truyện Tam quốc.

Cán bộ an dưỡng có khoảng 17-18 người. Mỗi người ở một tháng. Khi mới đến có cân, thử máu. Khi về lại cân. Cân bằng chiếc cân treo móc thêm cái quang để người ngồi vào. Hôm mới đến tôi cân được 57 kg. Hôm về lên được 1 kg, nhưng vẫn còn sụt 7 kg so với ngày ở Hà Nội.

Ngày 26 tháng 6 năm 1967. Việc xây dựng Bệnh viện đã hoàn thành và Bệnh viện đã đi vào hoạt động. Số thương bệnh binh nằm Viện hàng ngày xấp xỉ 950-1000. Nhà cửa khá khang trang, đường xá bằng phẳng dễ đi dưới rừng cây. Máy nổ chạy đều đều hàng ngày, tuy nhiên cũng chỉ đủ cung cấp điện cho máy X quang. Phòng X quang được xây dựng bằng tre nứa, căng vải đen che kín ánh sáng, vì lúc này chỉ có thể soi, chưa có điều kiện

chụp X quang.

Phòng mổ đã làm xong. Đó là một ngôi nhà sàn có hai phòng mổ vô trùng và hữu trùng cách nhau một gian nhỏ làm nơi rửa tay và chuẩn bị mổ. Trần phòng mổ và bốn bên vách đều căng vải trắng. Phía ngoài có một rèm vải đen để mổ ban đêm che ánh sáng khỏi lọt ra ngoài. Đèn mổ là một chiếc đèn xe đạp. Nói là xe đạp nhưng thực ra chỉ là một nửa chiếc khung xe, dựng trên một giá gỗ, có bàn đạp, xích và chiếc bánh xe sau có gắn bình phát điện. Nửa xe phía trước: bánh xe và tay lái không cần thiết cho việc phát điện bị tháo đi cho nhẹ.

Khi mổ, một cô hộ lý quê ở Hà Tĩnh chịu trách nhiệm đạp xe. Anh em trong phòng mổ động viên cô bằng một câu nói đùa: "Này, cứ coi như đạp xe về thăm quê hương Hà Tĩnh là được!"... Cô kiên nhẫn và bền bỉ đạp xe 2-3 giờ liền phục vụ cho phẫu thuật.

Điện phát ra từ bình điện được truyền qua hai sợi dây nhỏ, tới chiếc đèn gắn vào một giá gỗ cạnh bàn mổ hoặc do một hộ lý khác cầm soi vào chỗ mổ.

Trong trang bị cho các đơn vị quân y đi chiến trường của Cục Quân y có chiếc đèn mổ cũng dựa trên nguyên tắc của chiếc đèn xe đạp: một bình điện đạp, chuyển động bằng một hệ thống bánh xe răng cưa và tay quay. Tất cả đặt gọn gàng trong một hòm gỗ như hòm thợ cạo. Tuy nhiên, chỉ dùng một thời gian ngắn, các bánh xe răng đã mòn, rêu rạo, không ăn khớp vào nhau. Vả lại quay tay cũng không tiện bằng đạp chân. Nên chẳng bao lâu, chúng tôi đã bỏ chiếc "hòm thợ cạo" và quay lại với chiếc khung xe đạp, có cải tiến một chút cho nhẹ gọn.

Chiếc đèn xe đạp đã được sử dụng ở tất cả các phân đội quân và dân y miền Nam trong chiến tranh. Vì phương tiện vận chuyển chủ yếu ở chiến trường cũng là bằng xe đạp nên nó còn có ưu điểm là sẵn phụ tùng thay thế. Cung cấp đủ ánh sáng, có thể soi sâu cho một khu vực mổ hẹp, lại dễ tắt và không sợ lọt ánh sáng ra ngoài khi có máy bay địch đến gần.

Thương binh về tới chúng tôi trong thời gian này phần lớn là các thương binh mãn tính từ các chiến dịch trước, ứ đọng ở các bệnh viện tuyến trước chuyển về. Có cậu bị cụt cả hai tay do bom B52, nhưng vẫn lạc quan vui vẻ. Hôm qua bó bột cho một thương binh, người Hà Nội, bị gẫy hai xương cẳng tay. Tôi vừa làm vừa động viên: "Cậu cứ yên tâm, chỉ hai tháng liền xương là lại làm việc được bình thường thôi!". Anh thanh niên láu lỉnh trả lời: "Nhưng khi trở về nhà, ôm cô em không được chặt thủ trưởng à!".

Trong mấy tháng qua, chúng tôi đã làm được một số phẫu thuật lớn, mổ

phụ mạch máu cho một số di chứng vết thương mạch máu, mổ vết thương bụng, đóng hậu môn nhân tạo. Tôi cũng mới mổ ca mổ lồng ngực đầu tiên ở chiến trường: bóc vỏ phổi cho một thương binh bị mủ màng phổi. Trước đó, đã dẫn lưu nhưng không khỏi. Phẫu thuật không khó khăn lắm nhưng cũng là phẫu thuật lớn ở chiến trường này. Gây mê chủ yếu theo đường tĩnh mạch. Không có ôxy, dùng khí trời khi cần viện trợ hô hấp. Trong vấn đề này, những cuộc mổ thực nghiệm trước khi vào chiến trường làm cho chúng tôi yên tâm hơn.

Cho tới hôm nay, một tuần sau mổ kết quả mổ tốt. Bệnh nhân cũng như nhân viên đều tin tưởng. Ngày mai tôi mổ ca thứ hai.

Khó khăn nhất cho các phẫu thuật lớn ở đây là vấn đề hồi sức: không có máu để truyền. Không có phương tiện dự trữ máu. Các tủ lạnh từ miền Bắc không vào được nhưng chúng tôi gửi mua được một tủ lạnh chạy bằng dầu từ Campuchia. Tuy nhiên chỉ dùng được vài tháng, tới khi Bệnh viện di chuyển, tủ lạnh bị hỏng do khiêng len lỏi trong rừng.

Để phân loại nhóm máu, anh Ân, bác sĩ truyền máu đã lên một danh sách các nhân viên trong Bệnh viện có nhóm máu được xác định từ trước khi vào chiến trường. Anh dựa vào những "ngân hàng máu sống và biết đi" là số nhân viên này để xác định nhóm máu cho người khác, và phương pháp này dường như đã có hiệu quả vì trong suốt cuộc chiến tranh cho tới ngày thắng lợi năm 1975 không gặp tai biến nào do nhầm nhóm máu, tất nhiên do số lượng truyền chúng tôi cũng ít.

Khó khăn nhất là nguồn cho máu. Lấy đâu ra người cho máu trong vùng rừng rú hầu như không có dân này. Bộ đội thì ở rất phân tán lại bận nhiệm vụ chiến đấu và đều là người ốm yếu thiếu máu. Nguồn cho máu duy nhất là số nhân viên Bệnh viện. Bản thân tôi cũng đã nhiều lần sau những ca mổ nặng do chính tay tôi mổ, lại nằm xuống giơ tay ra cho anh Ân lấy máu của mình để truyền cho bệnh nhân. Anh em đang thiếu máu nặng. Không đành lòng nhìn anh em chết do không có máu truyền. Chúng tôi nói đùa với nhau, "nợ máu phải trả bằng máu". Câu khẩu hiệu sát khí đằng đằng ngày nào, không tý nào phù hợp với hoàn cảnh chúng tôi lúc này.

Tất nhiên không thể cầu toàn, nếu đòi hỏi người cho máu phải là những người khoẻ mạnh thì chắc không ai trong chúng tôi có đủ tiêu chuẩn để cho máu. Mỗi lần chỉ có thể cho được một lượng nhỏ 1-200 ml. Thế mà góp gió thành bão, trong mười năm ở chiến trường toàn Bệnh viện của chúng tôi cũng đã truyền được hàng trăm lít máu. Số máu này đã góp phần trong việc cứu sống một số thương binh nặng, mà không thể có máu chắc không qua khỏi.

Nói chung, với đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, chuyên khoa, chúng tôi không gặp khó khăn gì lớn về Ngoại khoa. Các vết thương, di chứng vết thương phức tạp được xử trí tốt. Tuy nhiên chúng tôi cũng phải đấu tranh với nhau về những quan điểm muốn áp dụng nguyên xi các kỹ thuật ứng dụng ở miền Bắc, mà không tính đến hoàn cảnh thực tiễn của chiến trường, sức chịu đựng hạn chế của thương binh, khả năng gây mê hồi sức, nuôi dưỡng hạn chế v.v...

Một số phẫu thuật thất bại đáng tiếc như mổ đóng đinh xương đùi... mổ cắt ruột thừa sớm ở bệnh nhân có đánh quánh ruột thừa... đã là những bài học sâu sắc cho chúng tôi về việc ứng dụng kỹ thuật một cách máy móc chỉ dựa trên những chỉ định chuyên môn đơn thuần không tính đến điều kiện để thực hiện chúng.

Bệnh binh vẫn nhiều. Hôm nay quân số thương, bệnh binh toàn Viện là 1100, nhưng đa số là bệnh binh. Hàng ngày có từ 40 đến 50 bệnh binh vào Viện. Phần nhiều ốm trên đường hành quân. Mệt nhọc gầy yếu, suy kiệt. Nhiều người bị sốt dọc đường nhưng vẫn cố theo đơn vị hành quân đến khi mệt quá, đưa vào Viện thì đã suy kiệt.

Bệnh ở Tây Nguyên thật phức tạp: Ngoài sốt rét và các biến chứng là bệnh chủ yếu; còn gặp nhiều trường hợp lỏng lỵ kéo dài tháng này qua tháng khác, không loại thuốc nào giải quyết nổi, bệnh nhân suy kiệt dần rồi chết. Một số trường hợp giải phẫu thi thể thấy toàn bộ ruột non và ruột già mỏng dính như tờ giấy bóng kính, thành ruột bị bào mòn, mất hết lớp cơ chỉ còn lớp thanh mạc... Một số trường hợp do lỏng lỵ kéo dài mà dẫn tới thủng ruột, viêm phúc mạc và tử vong...

Bệnh cao huyết áp ở các thanh niên trẻ, đây là điều ít gặp ở miền Bắc, đưa đến nhiều biến chứng và tử vong do đứt mạch máu não, phù phổi cấp v.v... Viêm thận, cầu thận cấp, khi giải phẫu thi thể thấy có mủ trong bể thận... Nhiều vấn đề đặt ra phải suy nghĩ và giải quyết. Nhiều bệnh về dinh dưỡng; các bệnh lý cấp tính do thiếu sinh tố B1, thiếu sinh tố A... gây mù loà. Đồng chí Như. Viện phó Hậu cần mới chết vì đái tháo đường... Tất cả, tổng kết lại có thể viết thành bộ sách về Bệnh Nội khoa của chiến trường Tây Nguyên trong chiến tranh chống Mỹ.

Kẻ thù nguy hiểm nhất ở đây không kém bom đạn địch là bệnh tật, ốm đau... Nhiều trận đánh tiêu diệt 200- 300 địch, thương vong rất ít nhưng trái lại sức khoẻ bộ đội hàng ngày, hàng giờ bị mòn mỏi dần do bệnh tật, ốm đau.

Trong Bệnh viện số thương binh, người bị thương do bom đạn chỉ chiếm 1/10 số bệnh nhân điều trị. Số chết do vết thương chiến tranh chỉ chiếm

1/15 tổng số chết. Riêng nhân viên trong Viện trong một năm ở chiến trường đã chết 11 người trong đó 9 do bệnh, 2 do biệt kích và tai nạn.

Đảng uỷ và Chỉ huy Viện vừa họp chuyên đề tìm nguyên nhân chết chóc trong nhân viên. Thật là đau đớn... Vì đâu ốm đau nhiều như vậy? Vì đâu có những loại bệnh thật bất thường mà trên miền Bắc, cả trong những năm gian khổ của cuộc kháng chiến chống Pháp cũng không hề thấy? Phải chăng chỉ là do môi trường có bệnh sốt rét lưu hành. Thật vậy, các tài liệu cho biết vùng chúng tôi ở có bệnh sốt rét lưu hành nặng vào loại nhất của toàn Đông Dương... Phải chăng là do thiếu dinh dưỡng trong điều kiện lao động ở cường độ cao?

Một lần tôi nói chuyện với một cán bộ hoạt động cũ ở Tây Nguyên. Anh cho biết, khi anh mới vào Tây Nguyên năm 1963 và chỉ huy một đại đội: Lúc đó tình hình còn khó khăn hơn bây giờ nhiều chứ. Chúng tôi làm gì có màn mắc chống muỗi, ăn uống cũng rất kham khổ. Nhưng có ốm như bây giờ đâu?

Môi trường sốt rét, điều kiện thiếu dinh dưỡng thì đã rõ. Tuy nhiên từ hơn một năm nay tình hình ăn uống của bộ đội cũng được cải thiện nhiều, nhưng bệnh tật vẫn không thuyên giảm. Liệu có nguyên nhân gì khác nữa không?

Trong những ngày này, máy bay địch vẫn thường xuyên quần đảo, rải chất khai quang. Hôm trước, trên đường ra thăm nương tăng gia của Bệnh viện trong khi đi trên một đỉnh đồi, tôi được chứng kiến cảnh chúng rải chất khai quang. Mới khoảng 7-8 giờ sáng, ba chiếc máy bay C130 bay thành hình tam giác tít trên cao. Khi tới gần chỗ chúng tôi, chúng bỗng chuyển thành đội hình dọc sà xuống sát ngọn cây, rú ầm ầm, rung chuyển cả ngọn cây. Chúng tôi chỉ kịp nấp vào gốc cây bên cạnh, đã thấy một làn sương mù từ trên cao, từ từ toả dần xuống khu rừng. Có tiếng người kêu to: Chúng thả chất độc hoá học đó. Chúng tôi vội gỡ tấm ni lông, che lên người, rút chiếc khăn úp lên mặt, chờ cho đám sương mù mùi khen khét tan đi hết, rồi lại tiếp tục đi. Ra tới nương, thấy anh em đang tíu tít hô nhau mang dao ra nương, chặt phăng những ngọn sắn đang xanh tươi mơn mởn. Anh em ở chiến trường lâu cho biết có chặt đi như thế này mới cứu được những củ sắn ở dưới đất. Nếu không, chỉ vài ngày sau, khi lá sắn bị tác dụng chất khai quang làm rụng hết thì củ sắn dưới đất cũng trở thành xanh lét, đắng ngòm không thể ăn được.

Mấy hôm sau, khi trở về, tôi hầu như không còn nhận được con đường vừa mới đi qua vài hôm trước: Cả khu rừng xanh tươi rậm rạp đã xơ xác, lá úa vàng, rụng đầy trên mặt đất, chỉ còn những cành cây trụi lá như những bàn tay khẳng khiu chĩa lên trời...

Ngày 27 tháng 7 năm 1967. Sau nhiều tháng có dư luận dai dẳng về những thay đổi cán bộ trong Bệnh viện, đến nay đã có quyết định chính thức. Anh Đạo chuyển lên B3 phụ trách Quân y mặt trận cùng với anh Luận, thay anh Nguyên và anh Đào (Trưởng và Phó ban Quân y mặt trận cũ) về hậu phương. Trong Viện thì anh Kính (Chính uỷ), Tư (X quang), Kỷ (Lý liệu), Bích (Y vụ), Hoài (Dược), Hiền (Bác sĩ phòng dịch) ra A. Anh Trần Nam Hưng và chị Hồ, vợ anh vào Hải Yến (Nam Bộ). Anh Lê Sỹ Liêm (Phẫu thuật bụng), Quát (Tiết niệu) xuống khu 5...

Chỉ huy Viện thay đổi lại: tôi thay anh Đạo làm Viện trưởng, anh Lê Công Chính uỷ thay anh Kính, anh Lạc làm Viện phó Ngoại, anh Âu làm Viện phó Nội.

Bữa liên hoan tiễn các anh về hậu phương cũng như đi các chiến trường khác diễn ra vui vẻ. Người ra đi cũng như người ở lại không ai băn khoăn, thắc mắc gì. Mọi người đang mang máng có nhiều nhiệm vụ trọng đại đang chờ đợi.

Qua ba tháng xây dựng, đến nay nhà cửa coi như đã tạm ổn, đang sửa chữa đường sá giữa các khoa, ban, làm cầu qua suối, làm giếng cạnh suối để có nước sạch ăn.

Thương bệnh binh đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng Bệnh viện. Hải, một thanh niên nhỏ nhắn người Hải Hậu Nam Định, mặt non như còn hơi sữa. Hôm trước khiêng vào Viện trong tình trạng sốt cao 39-40 độ, nước tiểu đỏ như máu. Nhưng chỉ một tuần sau đã đứng trong lòng giếng sâu ba mét, đào đào, cuốc cuốc, phải hét mãi mới chịu leo lên.

Hội trường đã làm xong, bên sườn đồi, đủ chỗ cho 200 người ngồi rộng rãi, có bậc tam cấp, trước thấp, sau lên cao dần để người ngồi sau vẫn có thể trông rõ sân khấu khi có chiếu phim hay văn công.

Bệnh nhân vào vẫn đều đều. Quân số điều trị đã lên đến 1200. Nhiều trường hợp nặng mệt lả. Nhưng trừ những bệnh nhân nặng nằm tại giường, còn lại các khoa đều có không khí sôi nổi, hoạt động. Bệnh nhân khi đã nhóc nhách đi lại được đều tìm việc để làm, đan lát rổ rá, vào rừng hái củi, hái rau cho cấp dưỡng, hoặc đan liếp, thưng nhà, làm cầu hoặc đánh cờ, chơi tú lơ khơ. Không còn cảnh bê tha, ăn bừa, nói ẩu như năm trước ở viện 2. Lúc đó tình hình thật bi đát: Có người tự động vào rừng tìm thức ăn, có người chết vì ăn phải nấm độc, có người lạc hàng nửa tháng trong rừng, trên người chỉ mang theo một cái bật lửa và một ống coóng. Cứ thế bẻ măng nấu ăn, sống được nửa tháng rồi ngã quỵ cạnh một đường mòn nhỏ, may có người bắt gặp, khiêng về Viện. Tình hình lúc ấy khó khăn

tưởng chừng không thể vượt qua được.

Đến nay đã thay đổi nhiều. Ngay trong Bệnh viện cũng có không khí vui vẻ lạc quan. Trên các đường hành quân vẫn rầm rập bộ đội ra vào trong những bộ quần áo xanh mướt, ba lô tương đối nhẹ nhàng, không phải mang súng ống nặng nề như những năm trước. Ô tô rì rầm trên các đường trục lớn xuyên Đông Dương vươn dài sâu dần vào chiến trường. Khi qua bãi trống, ô tô chạy thục mạng bất tử, gặp máy bay địch thì vừa chạy vừa bắn trả lại.

Từ hậu phương lớn đưa vào từ bánh thuốc lào Tiên Lãng, tới sợi chỉ, cái kim, lưỡi dao bào. Bọc đồ riêng của tôi gửi theo ô tô cũng vào tới nơi: có một bộ quần áo giải phóng, một đôi pin, hai bánh xà phòng, một hộp thuốc đánh răng. Tất cả gói trong một cái mũ đi mưa đã rách. Tôi thật ngạc nhiên và bất ngờ.

Ngày 3 tháng 9 năm 1967. Đi chỉnh huấn về. Trong một tuần từ 15 đến 22 tháng 8 học Nghị quyết mới của Quân uỷ Trung ương về tình hình và nhiệm vụ. Trong khu rừng rậm rạp, bằng phẳng, dưới những rặng cây cao ngất dựng một hội trường rộng, chứa được trên 300 cán bộ. Đêm đêm máy nổ cung cấp điện sáng trưng. Đêm nào cũng chiếu phim "Nguyễn Văn Trỗi", "Nổi gió"… Một số phim xem lại như "Lửa hận rừng dừa" phim Trung Quốc, tôi đã xem ở Hà Nội cùng với Hương và Lộc ở rạp Công Nhân. Đó là phim cuối cùng tôi xem với gia đình trước khi đi B.

Quyết tâm cuối cùng sau chỉnh huấn, với cán bộ quân sự là trong Đông Xuân 1967-1968, tiến tới diệt gọn lữ đoàn Mỹ - Nguỵ, với Quân y là trả nhanh quân số cho chiến đấu...

Hôm qua mùng 2 tháng 9, kỷ niệm Quốc khánh, liên hoan văn nghệ ở các khối Nội, Ngoại. Tôi dự liên hoan với khối Ngoại. Một chương trình khá phong phú có kịch, chèo, đồng ca, đơn ca, độc tấu, dưới ánh sáng của hai ngọn đèn xe đạp do một đồng chí gò lưng đạp. Đồng chí đạp xe thỉnh thoảng mỏi chân đạp chậm lại, ngọn đèn tối đi thì tiếng la ó lại nổi lên trong khán giả.

Tháng này tiến hành một đợt điều trị đột kích. Tiêu chuẩn của thương bệnh binh được tăng lên 10đ/ngày với định suất khá, có thịt, mỡ, đỗ xanh.

Chỉ tiêu đề ra đầu tháng là ra Viện trả về đơn vị 400 người. Các khoa đều thấy khó khăn, nhưng cuối tháng tổng kết có 513 thương bệnh binh ra viện.

Tháng này chúng tôi cũng tiếp một đoàn khách đặc biệt: đội quay phim của xưởng phim Quân đội. Các anh có một tâm sự: Vào chiến trường chủ yếu là để quay cảnh chiến đấu của Tây Nguyên, trong đó ít ra cũng phải có cảnh

một trận chiến đấu, xác Mỹ - Nguỵ chết hoặc bị bắt làm tù binh. Thế mà vào tới chiến trường mấy tháng, không quay được cảnh nào. Các trận chiến đấu phần lớn diễn ra ban đêm, lấy đâu ra ánh sáng để quay phim? Đành quay ra các hoạt động ở hậu phương, trong đó có các hoạt động của Quân y. Mà mùa mưa sắp tới rồi, nếu không khéo thì các thước phim nhựa sẽ ẩm mốc hết.

Ngày 5 tháng 6 năm 1967. Từ đầu tháng 8 năm 1967 tôi họp với các anh Khuể, Sánh bàn việc xây dựng trạm thủy điện nhỏ.

Giữa Bệnh viện có một con suối, nước chảy không mạnh, nhưng có độ dốc cao. Đã đi nghiên cứu địa hình dọc suối. Tổ công nhân kỹ thuật nhiệt tình, anh em thanh niên rất hào hứng. Dự định thứ sáu này sẽ khởi công đắp đập ngăn suối.

Nếu có được thủy điện thì sẽ giải quyết được nhiều khó khăn cho máy X quang. Phòng mổ, lý liệu, hoá nghiệm vì tuy đã có máy nổ nhưng công suất yếu và việc giải quyết xăng cho máy nổ vẫn có nhiều khó khăn.

Ngay ngày đầu, khi mới nói đến việc tổ chức một Bệnh viện tương đối hiện đại cho chiến trường miền Nam, ý nghĩ đầu tiên đến với tôi là: Phải có điện. Thật vậy, tất cả máy móc trong Bệnh viện, từ máy X quang, lý liệu, phòng mổ, đều cần có điện. Tôi cứ day dứt với ý nghĩ làm sao giải quyết được điện cho chiến trường.

Trong một buổi họp ở Hà Nội trước khi ra đi. Khi bàn tới việc cung cấp điện cho Bệnh viện, một chuyên viên của Tổng cục, đã có thời gian công tác ở khu 5 trong kháng chiến chống Pháp, gợi ý khả năng làm thủy điện ở Tây Nguyên.

Ý kiến làm thủy điện loé ra như một tia lửa trong óc tôi và trong suối thời gian gần hai tháng chuẩn bị trước khi đi, ngoài những công việc chuẩn bị khác tôi giành nhiều thời gian tìm hiểu về cách làm thủy điện. Tôi hoàn toàn không có khái niệm gì về việc này. May có anh Lâm, anh ruột tôi là kỹ sư Thủy lợi công tác ở Vĩnh Phú, nghe tin tôi chuẩn bị đi chiến trường, anh về Hà Nội thăm tôi. Anh có nhiều kinh nghiệm xây dựng các trạm thủy điện nhỏ cho địa phương. Trong hai ngày ở chơi với tôi, anh đã giảng cho tôi biết những nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng trạm thủy điện nhỏ. Anh khuyên tôi nên lên tham quan một trạm thủy điện hiện nay đang hoạt động ở Vĩnh Phú và khuyên tôi nên liên hệ với khoa Thủy điện trường Đại học Bách Khoa để hỏi thêm kinh nghiệm.

Do thời gian chuẩn bị rất gấp nên tôi không lên tham quan Vĩnh Phú được, nhưng tôi xin gặp và được các giáo viên khoa Thủy điện trường Bách khoa

giới thiệu rất nhiệt tình cho tôi các tài liệu, bản vẽ một tuyếc-bin thủy điện nhỏ, khuyên tôi liên hệ với một nhà máy cơ khí ở Hà Nội để đặt làm. Thấy tôi có ý định sẽ làm ở chiến trường, thậm chí các anh còn gợi ý cho tôi xin một kỹ sư thủy điện cùng đi Bệnh viện để giúp chúng tôi trong việc xây dựng trạm thủy điện...

Tôi không dám đặt vấn đề xin kỹ sư, nhưng mất một số buổi chạy tới các cơ quan và nhà máy ở Hà Nội để xin làm tuyếc-bin.

Việc đặt làm tuyếc-bin có nhiều khó khăn. Nhiều nhà máy từ chối vì kế hoạch quá nặng. Có nhà máy nhận làm nhưng đòi hỏi phải cung cấp nguyên liệu. Cuối cùng tôi xin làm việc với Sở Công nghiệp Hà Nội. Tôi gặp đồng chí Phó Giám đốc Sở. Sau khi xem giấy giới thiệu, nghe trình bày và xem bản vẽ, do các kỹ sư ở trường Đại học Bách khoa cho tôi, anh tỏ vẻ thông cảm với yêu cầu phục vụ chiến trường và giới thiệu với Nhà máy Cơ khí Mai Động. Tới đồng chí Giám đốc Nhà máy, lúc đầu không nhận làm thêm kế hoạch đột xuất. Điện đi lại với Sở. Cuối cùng nhận làm với điều kiện chúng tôi phải cung cấp nguyên liệu. Tôi tới kho C, xin được nguyên liệu. Những thanh sắt chữ T, chữ L và đồng... chở tới nhà máy. Hợp đồng được ký. Công việc sẽ hoàn thành sau 3 tháng. Sau đó chúng tôi đi chiến trường, để lại bản hợp đồng cho kho C giải quyết tiếp và chuyển tuyếc-bin vào chiến trường cho chúng tôi.

Hơn một năm qua, chiếc tuyếc-bin chờ đợi đó vẫn không thấy tăm hơi. Không biết nó đã nằm ở đỉnh đèo, ven suối nào trên con đường đầy bom đạn vào đây...

Nhưng những bài giảng vỡ lòng về thủy điện của anh tôi và các buổi thảo luận với các giáo viên trường Đại học Bách khoa không uổng. Tôi đã có khái niệm về chiếc máy thủy điện.

Ngay thời gian ở Phi Hà, tôi đã đi xem địa hình, Bệnh viện ở cạnh một con suối tuyệt vời, cạnh một thác cao chừng 3 mét, đổ nước chảy ào ào. Tôi đã thảo luận với anh em trong Bệnh viện. Các bác sĩ thì nghe chừng ngại ngần, cho là phiêu lưu, sợ không thành công. Nhưng bộ phận công nhân kỹ thuật, anh Khuể, anh Sánh thì rất hào hứng, hoan nghênh nhiệt liệt. Nhưng lúc đó, do chúng tôi phải đi công tác tuyến nên việc chưa thực hiện được.

Đến địa điểm hiện nay ở cánh Trung, lúc đầu, nhìn con suối nhỏ chạy ngang qua Viện làm cho tôi thất vọng. Nhưng mưa tới, nước chảy to dần, réo ầm ầm.

Lúc này máy nổ đã có. xăng đã có, nhưng chiếc máy thủy điện vẫn ám ảnh trong đầu tôi. Mỗi khi nhìn cô Xuân hộ lý miệt mài đạp xe để cung cấp điện

cho phòng mổ và khi ký bản dự trù xin 500 lít xăng một quỹ riêng cho nhu cầu rất hạn chế của hai khoa X quang và lý liệu. 500 lít xăng không phải là chuyện nhỏ đối với chiến trường lúc này.

Tôi khá ngại khi đưa ra bàn việc làm thủy điện. Nhiều anh cười hoài nghi, có anh đã chế giễu gọi tôi là "ông giám đốc thủy điện".

Tôi cố thuyết phục, lại được sự ủng hộ của tổ công nhân kỹ thuật và đoàn Thanh niên nên tập thể chỉ huy Viện và các Chủ nhiệm khoa cũng đồng ý. Lúc đầu nhân có sẵn một máy phát điện nhỏ, chúng tôi chỉ có ý định làm thí điểm một trạm thủy điện nhỏ để không tốn công.

Công trình thủy điện được khởi công từ gần hai tháng nay. Việc đầu tiên cần làm là đắp đập, giữ nước. Huy động anh em thanh niên làm ngoài giờ, vào buổi trưa. Tuy chỉ là con suối nhỏ dốc ngược, nhưng khi đắp đập dâng mức nước lên 50 cm đã mất khá nhiều công. Ngoài các buổi trưa phải làm thêm hai buổi chiều.

Đến máng dẫn nước, lúc đầu định dùng ống tre, nhưng nhỏ quá, trưa hôm đó, đi ngang qua một thân cây săng lẻ bị vỡ ở cạnh đường, tôi nẩy ra ý kiến là dùng một thân cây săng lẻ. Vùng này của Tây Nguyên mọc rất nhiều loại cây săng lẻ. Cây cao hàng chục mét, gốc cây to, một hai người ôm, thân cây thẳng, trắng và có các vết vá loang lổ như những vết sẹo. Đặc biệt thân cây thường rỗng dọc suốt thân cây làm nơi cho ong dài, cho chim muông, thú rừng, ong rừng làm tổ. Có thể dùng thân cây này để dẫn nước cho máy thủy điện của chúng tôi. Một thanh niên mách có một cây săng lẻ rỗng to ở cạnh xưởng dược. Thật là một cây thích hợp: thẳng tắp, cao 15 mét, thân rỗng có đường kính khoảng nửa mét, tròn trĩnh, suốt dọc chiều dài của thân cây, thật là một ống cống thiên tạo tuyệt vời cho chúng tôi. Hạ cây, huy động thanh niên khiêng. Khiêng cả cây không được đành phải cưa làm hai đoạn. Khiêng ì ạch ba buổi mới đưa được ống tới cạnh suối. Đến hôm nay đã đưa được ống đến cạnh suối, còn ráp ống, làm cánh quạt.

Ngày 10 tháng 9 năm 1967. Công trình thủy điện vẫn tiếp tục. Công trình, lúc đầu tưởng là nhỏ, nhưng đến nay trông thật đồ sộ. Một cái đập chặn ngang suối, dâng nước suối lên cao hơn một mét, nước ngập lênh láng cả một vạt rừng. Thân cây săng lẻ, trắng lốp, to hơn một người ôm, như một quả tên lửa, nằm dài trên những giàn giáo. Nước suối chảy ào ào qua lòng cây rỗng rơi xuống chân thác thành một cột nước cao gần hai mét, bọt nước trắng xoá bắn tung thành những chùm hoa bạc.

Nhìn quang cảnh nhộn nhịp chuẩn bị cho việc khởi động máy, tôi vừa mừng, vừa sợ, dặn anh Khuể, người chỉ huy công trường thủy điện: "Khéo máy bay chúng nó trông thấy lại tưởng mình đang lắp ráp tên lửa thì bỏ mẹ!

Ông cho nguỵ trang kín đi nhé!”.

Nước qua ống máng chảy vào tuyếc-bin. Tuyếc-bin quay ầm ầm rung cả sàn gỗ bắc qua suối.

Anh Khuể và anh Sánh phấn khởi bảo tôi: Có lẽ đến trên 4000 vòng phút. Nhưng đến lúc cho chạy vào máy điện 1,5 kilô-oát, điện loé sáng lên một phút thì tuyếc-bin chạy chậm hẳn lại, có lẽ chỉ còn 5-600 vòng phút, ngọn đèn điện chỉ còn tù mù như con đom đóm đực. Làm thế nào giữ được cho tuyếc-bin quay nhanh liên tục? Thảo luận dân chủ tới lui: Có ý kiến đặt thêm vô-lăng vào tuyết-bin, có ý kiến mở rộng và nâng cao đập để có nhiều nước hơn, có ý kiến đặt tuyếc-bin nằm ngang. Mọi người đều sốt ruột. Mỗi lần thay đổi kế hoạch là mất thêm hàng tuần lễ mà mùa mưa thì đã gần kề. Chưa ai trong chúng tôi hình dung được mùa mưa, trạm thủy điện sẽ ra sao? Cuối cùng chúng tôi quyết định đặt một máy công suất ít hơn 125 oát để phục vụ kịp thời cho lớp tập huấn sắp tới. Cũng đồng thời để lấy khí thế. Cũng may là trong mùa khô vừa qua, chúng tôi nhận được mấy chiếc máy phát điện, trong đó có máy nhỏ 125 oát, dùng cho phòng mổ. Khó khăn nữa là thiếu dây dẫn điện từ trạm về tới hội trường. Đơn vị duy nhất ở chiến trường có dây điện là cơ quan thông tin. Cử người lên Ban Thông tin B3 xin. Sau khi nghe trình bầy, các đồng chí Thông tin rất sốt sắng cho ngay 2 kilômét dây điện thoại cũ, đứt nhiều đoạn phải nối chi chít. Nhưng như vậy cũng đã rất quý rồi... Có ý kiến phân vân liệu điện trở cao như thế này thì có tải được điện không? Trong khi đó thì mưa lũ là một đe doạ thường xuyên...

Ngày 20 tháng 9 năm 1967. Trạm thủy điện sau hai tháng xây dựng đã hoàn thành. Dây điện xin về, đủ để chăng từ chỗ đặt tuyếc-bin đến hội trường. Bắt đầu cho chạy, tuyếc-bin kêu vo vo, hai ngọn đèn sáng rực.

Đúng hôm đó đồng chí Châu, Chính uỷ mặt trận đi công tác ngang qua Viện, nghe nói Quân y đã làm được thủy điện, đồng chí rất vui, đến tận công trình đứng im lặng một hồi lâu, không nói, nhưng vẻ mặt rất vui mừng, xúc động. Lại cũng đang có đội quay phim của Xưởng phim Quân đội đang ở bệnh viện, các anh liền mang ngay máy ra hiện trường ghi lại những thước phim nóng hổi về trạm thủy điện của Tây Nguyên.

Hôm đó thật là một ngày vui vẻ. Tối hôm đó, đội văn nghệ của Viện là những người đầu tiên được sử dụng điện từ trạm điện: “cây nhà, lá vườn” để diễn tập, chuẩn bị cho đêm liên hoan sắp tới.

Nhân gặp Chính uỷ mặt trận, tôi sực nhớ ra điều băn khoăn của Đội quay phim là chưa có dịp quay cảnh chiến trường có xác lính Mỹ nguỵ. Đồng chí Chính uỷ à một tiếng rồi nói: Có khó gì! Rồi đồng chí dặn anh đội trưởng đội quay phim: Cậu lên Phòng tham mưu mặt trận xin đưa ra chốt ở cao

điểm X... Hiện nay ở đó yên tĩnh không có gì đâu. Cứ đào một cái hố thật sâu rồi nấp ở đó. Chờ chiến dịch tới sẽ tha hồ mà quay xác Mỹ nguỵ. Từ chiến dịch Sa Thầy, Chính uỷ Châu đã nổi tiếng trong bộ đội Tây Nguyên về cách dụ địch tự dấn thân đến nơi ta đã chuẩn bị trước. Chính uỷ còn dặn thêm: Đào hố cho thật sâu, chuẩn bị tinh thần cho tốt. Nhưng sẽ ác liệt đấy.

Ba tháng sau, tôi có dịp gặp lại đoàn quay phim trong Hội nghị tổng kết Chiến dịch Đắc Tô. Mới có vài tháng mà các anh trông xơ xác, gầy tọp hẳn đi. Các anh cho biết: "Đã theo đúng lời dặn của chính uỷ Châu, lên đào công sự, chốt trên một ngọn núi của dẫy Ngọc Bờ Biêng. Thật kinh khủng! Chúng tôi tưởng chết. Nhưng cuối cùng cũng đã quay được cảnh trận địa có ngổn ngang xác Mỹ nguỵ...".

Ngày 22 tháng 9 năm 1967. Niềm vui của chúng tôi về thành công của trạm thủy điện không được lâu. Chỉ được vẻn vẹn có một ngày một đêm. Đêm hôm qua, anh em thanh niên trong đội văn nghệ nghiệp dư của Viện, hào hứng diễn tập dưới ánh sáng rực rỡ của hai ngọn đèn do thủy điện thắp sáng. Đang tập thì trời bắt đầu mưa, mưa to dần. Ngọn đèn phụt tắt. Nước lênh láng lên tới nền hội trường. Con suối nhỏ trong vài giờ bỗng trở thành con sông rộng, nước chảy ầm ầm. Chiếc cầu bắc ngang suối trôi băng đi mất. Anh em khoa 33 ở bên kia bờ suối không về được phải ngủ nhờ bên này suối.

Qua đêm, dòng nước hung dữ lại trở lại bình thường. Hình như cơn lũ hôm trước chỉ nằm trong giấc mơ.

Như thường lệ, sáng hôm nay, chúng tôi vẫn giao ban tình hình trong ngày. Anh Đằng, một công nhân trong tổ thủy điện chạy vào phòng họp, ướt lướt thướt từ đầu đến chân như chuột lột. Đồng chí nói líu cả lưỡi báo tin chẳng lành: Lũ đã kéo trôi trạm thủy điện và xin thêm người ra giúp đỡ...

Cả phòng họp xôn xao. Một Chủ nhiệm khoa, ngay từ đầu anh đã không tán thành việc làm thủy điện, chép miệng, phán một câu: "Thế là nước sông, công lính!...", ông khác thì cho rằng, bây giờ làm được gì? Chờ đến chiều cho nước rút đi đã. Tôi sốt ruột, bỏ dở cuộc giao ban, chạy theo Đằng lên công trình. Cảnh tan hoang bầy ra trước mắt: Công trình đồ sộ do sức lao động trong hai tháng trời, nào đập, nào máng dẫn nước dài hàng chục thước, nào tuyếc-bin. Tất cả cũng giống như một giấc mơ, không còn một vết tích. Tất cả sạch bong, chỉ còn dòng suối đầy ắp nước, chảy ào ào giữa hai vách đá. Cậu Sánh và một cậu nữa, đứng trên bờ, mỗi người chỉ mặc độc có một cái quần đùi ướt lướt thướt. Hai anh vừa lội tìm chiếc máy phát điện chìm sâu đâu đó trong lòng suối.

Thấy tôi ra, các anh báo cáo: Chúng tôi đã vớt được chiếc máy con, còn

chiếc máy lớn thì còn đang chìm dưới đáy suối, cần có thêm người để kéo lên. Tôi điên cả người: bao nhiêu công sức của anh em trong hai tháng qua, nay trở thành công cốc, thật đáng tiếc, đập và máng mất đi cũng đáng tiếc. Nhưng chiếc máy phát điện, nếu mất thì là một khuyết điểm rất lớn. Mang được chiếc máy phát điện từ miền Bắc vào đây đâu phải là chuyện đơn giản.

Hai đồng chí công nhân ướt sũng, rét tím tái người, đứng co ro trên bờ suối, tay cầm sợi dây lòng thòng xuống suối. Nước suối đục ngầu, chảy réo ầm ầm... Các đồng chí cho biết đã buộc được dây vào máy điện chìm ở dưới cát nhưng nặng quá kéo không lên. Nếu có thêm người thì người ngụp xuống suối đẩy máy lên, người kéo từ trên bờ, may ra mới kéo lên được. Tôi không ngần ngừ, tụt quần áo dặn: Các cậu kéo, tớ đẩy ở dưới xem có được không nhé!

Hít một hơi dài, nhảy ùm xuống dòng nước lạnh, lần theo sợi dây lặn xuống đáy suối, nước sâu hơn đầu người, ngực tôi như bị ép chặt muốn vỡ bung ra. Sờ thấy chiếc máy bị chôn dưới nhiều lớp đất đá đè lên trên. Lay mấy hòn đá ra bên, nhưng quá ngột ngạt, không chịu nổi, tôi đành ngoi lên mặt nước, thở phì phò, dặn hai cậu thanh niên đứng trên bờ: Khi nào tớ giật dây thì các cậu kéo nhé!

Hít một hơi càng ngực, lặn theo sợi dây xuống chiếc máy. Dùng hết sức bình sinh đẩy máy lên. Sợi dây căng lên do hai người ở trên bờ cũng ra sức kéo. Từ đáy nước sâu khoảng hơn hai mét, ngực tôi tức như muốn vỡ ra. Tôi lấy hết sức lật mấy hòn đá còn đè lên máy và nâng máy lên. Chiếc máy nhúc nhích và nổi lên dần. Bốn bàn tay trên mặt nước, kéo chiếc máy lên bờ. Dù sao cũng còn may,máy chỉ bẹp mất một chút, trục bị cong, nhưng anh Khuể cho biết có thể uốn lại được.

Ngày 13 tháng 10 năm 1967. Nhiều việc làm dồn dập trong tháng qua: tổ chức lớp tập huấn cho quân y các sư đoàn, trung đoàn, bệnh viện, đội điều trị học tập các kinh nghiệm điều trị nội ngoại khoa. Làm lương khô cho bộ đội. Toàn Viện tổ chức một bộ phận hơn 60 nhân viên tham gia làm lương khô cho chiến trường. Hai lò bánh làm việc suốt ngày đêm. Mỗi ngày làm được khoảng 600 suất lương khô, nhưng vẫn còn chậm so với yêu cầu.

Tổ chức một đợt vận chuyển 135 người để vận chuyển đột kích lương thực, thực phẩm cho mặt trận từ 27 tháng 9 đến nay vẫn chưa về. Tin cho biết năng suất vận chuyển khá, bình quân đầu người 32kg.

Tổ chức một khung bệnh xá 7 người tăng cường cho đường dây C09. Cử 4 bác sĩ tăng cường cho Viện 1.

Hôm nay liên hoan tiễn đoàn cán bộ đi khu 5 trong đó có các bác sĩ Liêm, Quát, Phán... và bác sĩ Đại đi Đội điều trị 3.

Mấy tuần nay, chúng tôi phát động trong bệnh nhân phong trào làm chiếu cót. Từ khi triển khai Bệnh viện, nhận bệnh nhân, mỗi lần đi xuống các khoa, thăm bệnh, nhìn anh em nằm trên các giường tre ọp ẹp, trên trải tấm ni lông xộc xệch vừa chóng rách ni lông, vừa không kín; tuy căng màn nhưng muỗi vẫn lọt từ các khe giường lên đốt, tôi lại mơ ước tới một tấm chiếu cói. Thật không dám mơ ước cao xa, giường nệm làm gì, chỉ dám mong có một tấm chiếu cói bình thường để cho bệnh nhân trải chỗ nằm. Nhưng làm sao có được tấm chiếu cói đây?

Có lần, trong một buổi đi điểm bệnh với khoa 33, tôi bàn với anh Chủ nhiệm khoa động viên anh em thương bệnh binh tự đan lấy chiếu. Đồng chí Chủ nhiệm khoa chỉ gật gù, không ra hưởng ứng, không ra phản đối. Trong tư tưởng lúc này tôi chỉ nghĩ tới chiếc chiếu như của đồng bào đan bằng lá nón. Nhưng vùng này cũng khó tìm ra lá nón, muốn lấy phải đi khá xa. Nên câu chuyện cũng dừng lại ở đây.

Giữa tháng trước, tôi xuống thăm khoa 24, bác sĩ Nguyễn Cảnh Cầu, Chủ nhiệm khoa cho tôi biết đã vận động thương bệnh binh tự đan lấy và đan cho nhân viên mỗi người một chiếc chiếu bằng cót. Ngắm nghía chiếc chiếu vuông vắn, phẳng phiu. Đúng là một lá cót bình thường bằng tre nứa nhưng nan vót mỏng hơn, nhẵn nhụi hơn, tôi thấy ngay đây là một sáng kiến giải quyết khó khăn.

Tất nhiên lá chiếu bằng cót đan không thể mềm mại và nhẹ nhàng như chiếu cói nhưng rõ ràng là tốt hơn nhiều so với giải bằng ni lông. Hơn nữa ngay cả ni lông cũng không có đủ. Mỗi người khi vào chiến trường chỉ được phát một tấm ni lông che mưa, một tấm để làm tăng. Qua năm tháng, có người đã mất, rách, không được bổ sung, nên khi vào Viện không có gì mà trải.

Tấm chiếu cót trải trên giường, vừa êm, ấm, vừa bền, lại che kín các khe hở của nan giường, vừa có chỗ cài màn kín đáo không bị muỗi đốt, lại tiết kiệm được ni lông hay bạt trải giường. Nguyên liệu làm là tre nứa thì rất sẵn, ngay cạnh nhà, kỹ thuật thì đơn giản, anh em thương bệnh binh khéo tay đan được ngay.

Thế là trong buổi họp Viện, có đông đủ các Chủ nhiệm khoa, tấm chiếu cót của khoa 24 được long trọng giới thiệu. Chúng tôi phát động trong toàn Viện phong trào đan chiếu cót học tập khoa 24 và tổ chức các đoàn đến khoa 24 tham quan.

Phong trào làm chiếu cót nhanh chóng và sôi nổi lan nhanh ra toàn Viện. Đi đến đâu cũng thấy anh em bệnh nhân, người thì chặt tre, người chẻ nan, vót nan, người thì cặm cụi đan đan, lát lát. Người biết đan chỉ vẽ cho người không biết đan. Chỉ trong vòng một tháng anh em đã đan được hơn một nghìn tấm cót, đủ cho toàn thể bệnh nhân mỗi người một tấm. Anh em còn đan tặng cán bộ nhân viên Bệnh viện. Chiếu cót còn được dùng để căng làm trần, trải làm nền phòng mổ, phòng tiêm băng, thưng chung quanh nhà che mưa nắng.

Ngày 20 tháng 10 năm 1967. Cho tới nay, chúng tôi đã ở yên ổn địa điểm hiện tại được 6-7 tháng. Bộ phận tăng gia của Bệnh viện, do anh Đủ, một cán bộ người Quảng Nam tập kết, phụ trách, đã trồng được nhiều rau xanh, cải bắp, xúp lơ, cà chua... cung cấp cho thương bệnh binh và nhân viên. Vườn tăng gia là một khu đất hoang, cỏ lác, lau sậy mọc đầy, nhưng bằng phẳng, vuông vắn, có một dòng suối nhỏ chảy qua, cách Bệnh viện khoảng nửa giờ. Anh em dựng một ngôi nhà lá nhỏ làm nơi ở rồi bắt tay vào việc vỡ hoang. Trong khi các khoa trong Bệnh viện xây nhà và cơ sở làm việc thì ở đây, đất được đào xới, vun lên thành những luống vuông vắn và chỉ trong vòng hai tháng sau đã bắt đầu có rau chia cho các khoa. Nguồn phân bón là phân lợn phân bắc của Bệnh viện. Tổ tăng gia có quy định rất nghiêm khắc với các khoa phải mang phân ra để đổi lấy rau.

Nhiều thứ rau mà trong năm đầu, chúng tôi tưởng chừng chỉ có trong giấc mơ, nay đã được trồng và cung cấp thoải mái, không những cho nhân viên, thương bệnh binh mà cả cho những đoàn khách qua đường đi qua rẽ vào, cũng xin được bữa rau...

Cùng với việc tăng gia rau, các khoa đều phát triển chăn nuôi lợn, gà. Giống gà thì đổi của đồng bào. Gà nuôi ở đây khá đặc biệt, vì hầu như không phải cho thức ăn. Trong rừng không thiếu gì những ụ mối cao bằng đầu người. Chỉ cần vác cái cuốc, bổ vài nhát là hằng hà sa số mối con, mối mẹ, trứng và những con nhộng trắng nung núc. Đàn gà tha hồ ăn và lớn lên nhanh chóng. Các khoa đều có đàn gà hàng chục con cung cấp, trứng, thịt. Khó khăn là việc giữ bí mật cho đơn vị. Mới tờ mờ sáng gà trống thi nhau gáy vang động cả khu rừng có thể làm cho bọn biệt kích rình mò trên các đỉnh núi cao quanh Viện phát hiện ra chúng tôi. Chúng tôi phải có quy định thịt bớt gà trống. Mỗi khoa chỉ được giữ lại một con gà trống để làm giống. Với những chú gà trống có may mắn không bị thịt thì cũng phải có biện pháp nghiêm ngặt không cho gáy. Trong viện này cũng có nhiều sáng kiến: có khoa có nhận xét khi gà gáy thì phải vỗ cánh, vươn dài cổ rồi mới gáy, nên đã buộc túm các lông cổ gà để không vươn được cổ. Có khoa triệt để hơn, dùng dây buộc cánh vào với cổ. Không vỗ cánh, không vươn cổ được thì hết gáy! Có những thời kỳ cao điểm nghi ngờ địch thả biệt kích gần đơn vị, chúng tôi phải quy định nhốt gà trống trong hầm để tiếng gà gáy không

vang đi xa. Là một phẫu thuật viên, có lúc tôi đề nghị làm phẫu thuật mở khí quản cho gà. Hơi không đi qua thanh quản nữa thì gà hết gáy. Nhưng chủ trương quá mạnh bạo này không được ai hưởng ứng, sợ làm gà chết.

Việc chăn nuôi lợn cũng khá phát triển ở các khoa. Nguồn thức ăn là thức ăn thừa của thương bệnh binh và nhân viên... Phong trào tăng gia phát triển nhất là khi đưa tổ nấu rượu ra nương để vừa tận dụng sắn nấu rượu cho nhu cầu chuyên môn, vừa trông nương, thì chúng tôi đưa lợn ra nuôi ngoài nương. Nhưng mặc dầu ngoài nương có thừa thãi sắn và bã rượu, nhưng đàn lợn vẫn còi cọc, không sao lớn lên được. Có thể vì chúng bị thiếu chất đạm?...

Ngày 23 tháng 10 năm 1967. Ở chiến trường này không có chợ búa, không có buôn bán, không có quan hệ tiền tệ, chỉ lấy hàng đổi hàng và có tiêu chuẩn đo lường, đánh giá giá trị một thứ hàng theo một tiêu chuẩn riêng: ở đây một con lợn to hay nhỏ được đánh giá bằng nắm tay. Con lợn ba nắm tay hay bốn nắm. Có nghĩa là đo từ mặt đất đến bụng con lợn được ba hay bốn nắm tay chồng lên nhau. Tiêu chuẩn đo lường này khá đúng với loại lợn địa phương thuộc loại lợn rừng có chân cao, bụng thon. Con lợn to hay nhỏ tuỳ vào chân cao hay thấp và như vậy lợn bốn nắm tay to hơn con ba hay hai nắm tay. Nhưng nếu đem tiêu chuẩn đo lường này áp dụng vào loại lợn sề đồng bằng thì sẽ mắc sai lầm vì con lợn càng to thì bụng càng sệ xuống sát đất.

Về khoảng cách thì ở đây, quãng đường xa không được đánh giá bằng cây số mà bằng tay dao. "Đi một tay dao, hay hai tay dao". Bà con dân tộc khi đi trong rừng, bao giờ cũng có một con dao quắm dài trong tay. Thời gian của một tay dao có nghĩa là quãng đường, tay cầm dao bị mỏi phải chuyển con dao sang tay bên kia. Có lần, khi hỏi đường vào bản, được một chị dân tộc vui vẻ trả lời: "Không xa đâu, chỉ một tay dao thôi vớ!". Chúng tôi đã mừng, tưởng đã gần tới nơi, thế mà đi hết một buổi chiều vẫn không tới!

Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng một mặt hàng cũng có nhiều bất ngờ thú vị. Một lần, anh em đổi chiếc áo len để lấy thức ăn. Chiếc áo len dài tay còn tương đối mới. Ông già dân tộc xem xét rất kỹ, giơ cả áo lên trời xem. Cuối cùng từ chối không đổi. Cậu chiến sĩ cùng đi liền đưa ra chiếc áo dệt kim Đông xuân đề nghị đổi. Ông già cũng xem xét, soi lên trời và chấp nhận. Ra khỏi nhà, cậu chiến sĩ giải thích: chiếc áo len, khi soi lên trời có những lỗ thủng lốm đốm, trong khi áo dệt soi lên thì kín như bưng, nên đồng bào thích hơn.

Trong suốt thời gian chúng tôi ở vùng giải phóng này của Tây Nguyên không sử dụng đến đồng tiền. Bà con dân tộc ở đây cũng không có khái niệm gì về đồng tiền. Năm 1969, thực hiện chính sách đào tạo cán bộ người

dân tộc, chúng tôi gửi một số chị em thanh niên xung phong ra Hà Nội để học văn hoá và để đào tạo y tá. Khi ra tới miền Bắc, được phát tiền đi mua hàng. Chị em rất ngạc nhiên kể lại cho anh cán bộ phụ trách: Mình có một đồng cụ Hồ, đưa cho chị mậu dịch. Chị cho mình miếng vải rồi lại còn cho mình 5-6 đồng cụ Hồ nữa. Không hiểu ra sao cả!

Chủ yếu ở đây là dùng hàng đổi hàng: cái quần dài, cái áo sơ mi bộ đội đổi lấy con gà, cái quần đùi đổi lấy củ sắn, bắp ngô.

Trên nguyên tắc thì chỉ có các đơn vị được trên cấp hàng hoá, thay cho tiền, để đổi cho đồng bào lấy thực phẩm cho đơn vị. Từng người không được đem quân trang cá nhân đi đổi, nhưng trên thực tế thì bộ đội vẫn tự động đổi. Thậm chí, có tổ 3 người, đáng lẽ mỗi người phải giữ hai bộ quần áo để thay đổi thì thoả thuận với nhau chỉ giữ 4 bộ, 3 bộ cho 3 anh mặc trên người, một bộ luân phiên giặt, còn thừa bao nhiêu đem đổi lấy thức ăn...

Bộ đội vào chiến trường ngày càng nhiều thì trang phục của đồng bào cũng thay đổi dần: thanh niên dân tộc cũng dần dần mặc áo quần bộ đội.

Việc đổi chác dần dần phát sinh những chuyện tiêu cực: ăn cắp rồi lừa dối. Có người, có chiếc đồng hồ hỏng, đem đổi cho đồng bào lấy lợn. Đến cửa nhà đồng bào, anh phải đứng lại hồi lâu, lắc cho chiếc đồng hồ chạy vào rồi gạ đổi. Đồng bào thật thà tưởng đồng hồ tốt đồng ý đổi, đổi xong cậu bộ đội biến thẳng không trở lại nữa.

Ngược lại, tiếp xúc với những thói ma mãnh của các thanh niên miền Bắc, người dân tộc cũng tinh khôn lên dần. Những năm 1969-1970 dọc đường hành quân của bộ đội, hàng ngày có từng nhóm đồng bào dân tộc ngồi thành hàng dài, mang đủ thứ gà, sắn, rau, chuối, ngô... như một cái chợ để đổi cho bộ đội. Đặc biệt có cả mật gấu! Giao liên qua lại nhiều ở địa phương phải dặn chúng tôi: Mật lợn chứ không phải mật gấu đâu.

Một lần khác, trên đường hành quân, chúng tôi rẽ vào nhà đồng bào cạnh đường đổi chiếc quần dài lấy gà. Nhưng khi nhận quần xem rất kỹ lưỡng, bà già dân tộc đưa ra con gà to bằng nắm tay. Chúng tôi lắc đầu, chỉ con gà to đang ăn cục cục ở giữa sân: "Mình ưng con gà kia cơ!". Bà già thản nhiên trả lời chắc nịch: "Thì rồi nó cũng to bằng con gà kia mà!".

Một lần khác, chúng tôi được Cục Quân y xuất bản tập công trình nghiên cứu khoa học của chiến trường Tây Nguyên và gửi cho tiền nhuận bút. Ở chiến trường, không làm gì bằng tiền nên chúng tôi xin cho mua một số đồng hồ để gửi vào cho nhẹ. Đồng hồ vào tới nơi, chúng tôi giao cho đồng chí quản lý mang vào bản đổi. Mấy hôm sau, anh quản lý mang đồng hồ trở về, lắc đầu, không đổi được. Anh cho biết: "Qua mấy bản đồng bào đều

chê không bắt được cá!". Tôi ngạc nhiên: Thế nào là đồng hồ "bắt được cá?".

Cậu quản lý giải thích: "Đồng bào hàng ngày đi bắt cá nếu để đồng hồ trên bờ suối thì sợ mất cắp, nên phải vừa đeo đồng hồ vừa bắt cá".

Thì ra loại đồng hồ Waterproof không thấm nước. Đúng là loại đồng hồ của chúng tôi là loại đồng hồ Polgeot không chịu được nước. Cách thử của đồng bào đơn giản là thả chiếc đồng hồ vào một ống đựng đầy nước.

Ngày 22 tháng 10 năm 1967. Theo quyết định của Ban Quân y mặt trận, Bệnh viện chúng tôi được giao thêm nhiệm vụ chủ trì tờ báo chuyên môn của chiến trường, tờ "Nội san Quân y Tây Nguyên". Tờ báo có trách nhiệm giới thiệu các công trình nghiên cứu khoa học và là nơi trao đổi các thông tin, kinh nghiệm về y học ở chiến trường. Ban Biên tập gồm chủ yếu các Chủ nhiệm khoa Viện 211 và các cán bộ của Ban Quân y Mặt trận. Báo ra hàng quý, in roneo, mỗi số khoảng trên dưới 100 trang, phát hành tới tuyến Quân y trung đoàn. Không có quyết định chính thức, nhưng tôi, Viện trưởng 211 mặc nhiên được coi như người chịu trách nhiệm chính của tờ báo và anh Lê Đức Tu, Chủ nhiệm khoa Hoá nghiệm là Thư ký toà soạn.

Tờ báo ra được là nhờ sự quan tâm của đồng chí Hoàng Minh Thảo, Tư lệnh trưởng mặt trận Tây Nguyên. Ông vừa là một nhà quân sự đồng thời là một nhà khoa học rất quan tâm đến công tác nghiên cứu khoa học ở chiến trường. Đây cũng là cố gắng của ngành Quân y, lúc này do đồng chí Võ Văn Vinh (bí danh Đạo) làm Trưởng ban Quân y mặt trận.

Bài vở cho tờ báo thì không khó. Các cán bộ của Viện 211 đều đã là cán bộ giảng dạy và quen với công tác nghiên cứu. Anh em đều rất hào hứng với công việc nghiên cứu, ghi chép các kinh nghiệm sống ở chiến trường. Tờ báo là diễn đàn để anh em có điều kiện trao đổi các công trình nghiên cứu của mình...

Khó khăn là cơ sở vật chất cho tờ báo hoạt động, nhưng nhờ quyết tâm của cấp trên những khó khăn cũng được giải quyết nhanh chóng. Khó khăn lớn nhất là giấy viết và giấy in báo. Nghĩ lại, một năm trước, chúng tôi thiếu giấy đến mức phải viết bích báo trong lòng những thanh tre. Thế mà nay đã có đủ giấy cho công tác chuyên môn hàng ngày mà còn có thể ra báo. Có lẽ sự ra đời của tờ báo cũng phản ánh sự tiến bộ trong việc cung cấp hậu cần cho mặt trận. Máy chữ và máy in roneo cũng được Phòng Hậu cần cho nhập từ Campuchia. Còn người đánh máy, thì chúng tôi phát hiện trong thương bệnh binh đang điều trị ở Bệnh viện có đồng chí Cầm, một đồng chí đánh máy chữ giỏi và say mê với công việc. Suốt trong cuộc chiến tranh, nhân viên toà báo cũng chỉ có một mình anh Cầm vừa là người trình bày, đánh

máy, in roneo, đóng thành tập, rồi vừa là nhân viên phát hành báo tới các đơn vị.

Ngày 30 tháng 10 năm 1967. Ban Biên tập tờ "Nội san Quân y Tây Nguyên" họp phiên đầu tiên. Chả có gì để bồi dưỡng ngoài bi đông nước chè rừng. Tuy nhiên chúng tôi cũng thảo luận sôi nổi và thông qua được 8 bài báo đầu tiên. Gửi lên Ban Quân y cho anh Đạo duyệt. Ngày 7 tháng 11 gửi tiếp 7 bài báo nữa.

Trong suốt cuộc chiến tranh sau này, mặc dàu qua nhiều cơn sóng gió. Bệnh viện bị địch bắn phá, di chuyển cán bộ thay đổi, tờ "Nội san Quân y Tây Nguyên" vẫn xuất bản đều đặn hàng quý. Tới ngày chiến thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam tháng 5 năm 1975, xuất bản được 27 số, tờ báo góp phần thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong ngành Quân y ở chiến trường Tây Nguyên, bảo đảm sức khoẻ cho bộ đội. Sau chiến tranh tờ báo còn giúp nhiều tài liệu chân thực cho việc tổng kết chiến tranh.

Ngày 3 tháng 11 năm 1967. Một chuyện đột xuất mới xảy ra trong đơn vị. Đêm hôm ấy, cô Bình hộ lý đã lên giường ngủ bỗng thấy có tiếng lạch cạch bất thường ở giường cô bạn bên cạnh, hỏi thì D, cô bạn trả lời: "Không, có gì đâu!".

Lát sau lại thấy tiếng lạch cạch của chiếc giường tre. Bình nhổm dậy, bật lửa: Thấy ở chân giường có hai đôi dép, Bình nhặt đôi dép to, cất đi rồi trở lại giường nằm. Nhưng phía bên kia, tiếng lạch cạch càng mạnh hơn. Bình bật dậy, tung màn cô bạn. D nhổm dậy, Bình thấy bóng một người đàn ông thu mình dưới chiếc chăn vải dù. Bình nói to: "Ai, ra ngay, không tôi kêu to lên bây giờ!...".

Người đàn ông, mặc quần đùi lổm ngổm bò dậy. Dưới ánh đèn lập loè, nhìn kỹ thì ra là ông T. cán bộ của khối Nội. Bình hốt hoảng: Thủ trưởng làm thế này thì chết chúng em!

T. xua xua bàn tay, ý muốn để Bình nói nhỏ, van nài: "Cho tôi xin đôi dép!...".

Bình đi lấy dép, nhưng đồng thời báo cho Bí thư chi bộ xuống chứng kiến. Mấy hôm nay, T. ủ rũ như mèo bị cắt tai, không nói không rằng, đang ngồi viết bản kiểm điểm...

Trong khi đó thì Chi đoàn thanh niên của khoa cũng có việc là họp, kiểm điểm cô, người bị coi như tòng phạm... Chả mấy khi có chuyện ly kỳ như thế này, các cô cậu thanh niên đặt nhiều câu hỏi tò mò... Trong khi D. chỉ ôm mặt khóc... Tới một câu hỏi hóc búa của một thanh niên trong khoa: "Mày

để ông ấy làm như thế, không sợ có chửa à?". D. vừa nức nở vừa trả lời: "Thủ trưởng bảo... thủ trưởng đã có cách!"

"Thủ trưởng đã có cách!..." sau này trở thành câu nói đùa trong Viện mỗi khi chúng tôi ở trong tình thế khó xử. Và cũng xuất hiện một câu vè:

"Thủ trưởng nhìn em, thủ trưởng cười,
Đau lòng em lắm thủ trưởng ơi!"

Thật không đẹp mặt cho các "thủ trưởng" tý nào... Thực ra, suy cho cùng, sự việc cũng chẳng có gì là ghê gớm và cũng dễ hiểu trong hoàn cảnh biền biệt xa gia đình vợ con... Nhưng đáng tiếc là lại xảy ra ở chiến trường khắc khổ này mà mọi tình cảm yêu đương đang bị coi như là một điều phạm pháp, hơn nữa lại xảy ra đúng với con người vẫn hàng ngày tỏ vẻ rất mô phạm thường lớn tiếng lên lớp cho cán bộ, nhân viên và đám thanh niên về rèn luyện đạo đức...

Ngày 5 tháng 11 năm 1967. Đoàn vận chuyển 135 người gồm học sinh trường Quân y, học sinh lớp Dược và 40 nhân viên của Viện, đi từ cuối tháng 9 đã trở về đạt thành tích tốt, 90 người được bầu là kiện tướng vận chuyển và chiến sĩ quyết thắng.

Việc làm lương khô cho mặt trận cũng đã xong. Đã sản xuất hơn 17.500 khẩu phần lương khô chuẩn bị cho chiến dịch sắp tới.

Khoa Dược sản xuất được Goudron và Kaolin. Từ ngày triển khai, khoa Dược đã tự túc sản xuất được nhiều loại thuốc từ những nguyên liệu tại chỗ giải quyết được nhiều khó khăn cho Bệnh viện như học tập cách làm men của đồng bào sản xuất rượu và cồn, từ xương voi làm ra cao voi. Từ củ Buman đào được trong rừng sản xuất ra thuốc an thần. Tháng qua, nhân có cụ lang của Viện Đông y Hà Nội vào công tác chiến trường Nam Bộ đi ngang qua và nghỉ lại vài hôm ở Viện, chúng tôi đã cử cô Mai, hoá nghiệm, người dân tộc Cao Bằng và cô Tỉnh dược sĩ trung cấp theo cụ học lại bài thuốc chữa sốt rét từ lá rừng.

Đội phẫu thuật lưu động gồm 25 người, chuẩn bị phục vụ chiến dịch được lệnh tập trung, mang theo đủ trang thiết bị, dụng cụ mổ xẻ. Mấy hôm nay đang học chuyên môn, quân sự, chính trị, chuẩn bị ráo riết để chờ ngày lên đường.

Từ ngày 4 tháng 11, Chiến dịch Đắc Tô nổ súng. Tin đầu tiên gần 1800 tên Mỹ bị diệt.

Nhận được điện của Ban Quân y cử 3 bác sĩ và hộ lý xuống công tác ở E40.

Có tin Trung đoàn này đang chuẩn bị đi chiến trường khác.

Từ mấy năm nay, Tây Nguyên trở thành nơi rèn luyện cho các đơn vị từ hậu phương vào các chiến trường miền Nam. Nhiều Trung đoàn, Sư đoàn chủ lực, từ miền Bắc vào tới Tây Nguyên dừng lại, đánh một hai chiến dịch lấy kinh nghiệm, rồi củng cố, bổ sung quân số, sau đó hành quân tiếp xuống khu 5 hoặc vào khu 6, miền Đông Nam Bộ, rồi lại có thể từ đây toả xuống đồng bằng hoặc miền Tây Nam Bộ...

Trong tháng 10 địch nhiều lần đánh phá Hà Nội. Ngày 6 tháng 11, miền Bắc bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 2.500.

Mới nhận được thư viết ngày 10 tháng 10 của Hương và gia đình. Như vậy chỉ gần một tháng thư đã vào tới nơi, một tốc độ kỷ lục, nhờ gửi tay qua đồng chí Năm Minh, Chính uỷ mới vào chiến trường.

Hương đã được kết nạp Đảng, Lộc con gái chúng tôi đã lên lớp bốn, chữ viết của con đã cứng cáp hơn trước rất nhiều. Ba mợ tôi sơ tán lên Phú Thọ với anh Lâm. Chị Lâm đi học Đại học Giao thông trong năm năm. Anh cả tôi, anh Hoè sau đợt đi khảo sát tuyến đường mới cho Đường dây 559 đã trở về công tác ở Hà Nội. Anh là một kỹ sư giao thông giỏi có nhiều kinh nghiệm. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, anh đã thiết kế đoạn đường đi từ Yên Bái, vượt đèo Lũng Lô, sông Đà lên Điện Biên. Lần này anh lại cùng một đoàn cán bộ của Bộ Giao thông khảo sát con đường mới qua Trường Sơn. Các cháu con anh, Uyển đi học Cuba, Trà đi học Liên Xô. Như vậy hậu phương cũng như tiền tuyến, mỗi nơi một việc vừa chiến đấu, vừa chuẩn bị cho việc xây dựng đất nước sau này.

Ngày 10 tháng 11 năm 1967. Hồi tháng 6 năm 1967, trong những ngày cuối ở an dưỡng, tôi gặp anh Bàn, bác sĩ của Ban Quân y B3 đi cùng đoàn chuyên gia Trung Quốc. Đoàn vào được một tháng, đã đi thăm các đơn vị, bệnh viện, nay chuẩn bị ra về.

Mấy năm nay, năm nào cũng có đoàn chuyên gia Trung Quốc vào chiến trường "học tập kinh nghiệm chiến đấu của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam". Họ được giới thiệu tình hình chiến trường, đi thăm các đơn vị, bệnh viện, xưởng quân giới. Đoàn bay từ Trung Quốc sang Phnôm Pênh, rồi đi ô tô từ Phnôm Pênh đến biên giới, chỉ đi bộ khi vào tới chiến trường.

Thường thì đoàn đi đến đâu cũng được đón tiếp rất nồng hậu, được tạo mọi điều kiện về ăn, ở, sinh hoạt, được thăm và giới thiệu tỉ mỉ các kinh nghiệm. Ngược lại về phía đoàn thì tới đâu cũng trầm trồ khen ngợi hết lời, hỏi han rất tỉ mỉ và ghi chép rất cẩn thận.

Lần này, đoàn vào đúng lúc cuộc Cách mạng văn hoá tư tưởng đang trong giai đoạn cao trào ở Trung Quốc. Hàng ngày Đài phát thanh Bắc Kinh đưa tin: hôm thì Hồng vệ binh đã chiếm được chính quyền ở Bắc Kinh, mai lại chiếm chính quyền ở Thượng Hải... Trong khi chúng tôi chiến đấu ác liệt ở tiền tuyến, những cuộc đấu đá ở nơi được coi như "hậu phương lớn", đối với chúng tôi thật khó hiểu và không làm cho chúng tôi vui chút nào!

Qua câu chuyện bác sĩ Bàn cho tôi biết đoàn vào lần này không hài lòng lắm vì loại thuốc sốt rét mới của đoàn mang vào, theo bạn thì đã dùng có kết quả ở Hải Nam, định xin dùng thử ở Tây Nguyên, nhưng không được chấp nhận.

Do đi an dưỡng xa đơn vị gần một tháng, tôi không biết việc này nên ngạc nhiên hỏi anh Bàn: Thuốc gì, mà tại sao không cho thử?

Anh Bàn cũng chỉ biết rằng khi hỏi ý kiến các bác sĩ Nội khoa của Viện 211 thì các anh không đồng ý dùng vì cho rằng thuốc không có tác dụng và có khi còn có hại.

Anh Bàn cho biết thêm là họ rất buồn và đang đóng gói số thuốc không được dùng để mang về nước.

Tôi suy nghĩ rồi hỏi gặng thêm: "Thế một tháng nay anh đi cùng với họ, họ có dùng thuốc này không và tác dụng ra sao?".

Anh Bàn cho biết: "Trong một tháng được giao nhiệm vụ đi làm việc với đoàn thấy tự họ uống loại thuốc này và cho cả số bộ đội cảnh vệ Việt Nam đi theo cùng uống".

"Anh thấy kết quả ra sao?". Tôi hỏi thêm.

Anh Bàn lưỡng lự: "Khó nói lắm, nhưng hình như thuốc có tác dụng. Trong một tháng rất ít người trong đoàn bị sốt rét".

Quả thật, thuốc mới dùng trong một tháng trên một số ít người thì cũng khó đánh giá tác dụng. Tuy nhiên giữa lúc này tôi vẫn hàng tuần lên cơn sốt rét mà các loại thuốc hiện có ở chiến trường đều không có tác dụng... Nên tôi đắn đo hỏi anh Bàn: "Liệu anh xin hộ tội một ít có được không?".

Anh Bàn gật đầu: "Để tôi thử xem".

Chiều hôm đó, anh mang cho tôi một hộp thuốc tiêm có 10 ống, mỗi ống 2 ml, một thứ dung địch trong vắt. Trên ống và ngoài hộp in loằng ngoằng những chữ Trung Quốc.

Anh thấy họ đang đóng thuốc vào ba lô. Thuốc viên thì đã cho vào hết, chỉ còn chừa một hộp thuốc tiêm không nhét hết. Anh xin họ cho ngay...

Trở về đơn vị, tôi mới rõ đầu đuôi: Khi đoàn Trung Quốc đặt vấn đề xin thử loại thuốc chống sốt rét mới. Phòng Quân y B3 liền giới thiệu họ xuống Viện 211, nơi tập trung các chuyên gia đầu ngành về Nội khoa của chiến trường để cho ý kiến. Đây là loại thuốc có thành phần DDS, nhưng theo các chuyên gia Trung Quốc thì họ đã dùng để dự phòng và điều trị sốt rét có kết quả ở Hải Nam, vùng có bệnh sốt rét lưu hành như Việt Nam.

Từ ngày vào chiến trường, bị cắt các thông tin Y học từ bên ngoài, nên sau khi thảo luận các bác sĩ Nội khoa của Bệnh viện cho rằng DDS chỉ dùng để chữa bệnh hủi. Chưa nhận được thông tin nào nói có thể dùng để chữa sốt rét. Hơn nữa khi điện ra hỏi Cục Quân y thì Cục cho biết đã có trường hợp phản ứng quá mẫn chết người do dùng DDS. Vì vậy đã quyết định không cho dùng.

Hơn một tháng trời sau khi đi an dưỡng trở về đơn vị, tôi cất hộp thuốc trong ba lô mà thật phân vân. Trong thời gian tôi ở an dưỡng có thêm một nhân viên nữa hy sinh, đưa số chết trong Viện lên 12 người. Cô nhân viên chết vì phản ứng quá mẫn với thuốc Streptomyxin. Tới lúc này, trong chế độ của ngành Y mới chỉ nói tới các phản ứng với Penexillin chưa ai nói tới phản ứng với Streptomyxin cả. Bệnh viện đã kiểm điểm, rút kinh nghiệm. Bác sĩ điều trị bị kỷ luật.

Cũng thời gian này tôi tiếp tục sốt rét. Đều đặn mỗi tuần lên một hai cơn, các loại thuốc chữa sốt rét đều đã nhờn, uống và tiêm đều không tác dụng. Sau đợt an dưỡng, sức khoẻ khá lên một chút, thì nay đâu lại hoàn đó. Người tôi võ vàng, gầy sút. Anh em bác sỹ nhân viên khác trong Bệnh viện cũng tương tự như tôi. Bác sĩ Liêm Chủ nhiệm khoa 33 sang thăm tôi, cũng giơ hai cánh tay gầy guộc chằng chịt các tĩnh mạch nổi thành những đường gân xanh, buồn bã, nói một câu ngạn ngữ Pháp: "Qui voit ses veines, voit ses peines"... (tạm dịch: "Thấy đường gân xanh, thấy đời gian khổ").

Tôi giữ hộp thuốc sốt rét Trung Quốc mà tự hỏi "Liệu loại thuốc mới này có cứu tôi ra khỏi tình trạng ốm đau này không?". Sử dụng nó là trái với ý kiến của tập thể, nếu tốt thì không nói gì, nếu ngộ nhỡ tai biến thì có phải vừa thiệt thân vừa mang tiếng là vô tổ chức, vô kỷ luật không?...

Cuối cùng tôi quyết định, cứ liều dùng thử thuốc.

Vì một ống thuốc có thể dùng cho hai người, nên anh Quảng, Chính trị viên của khối Ngoại, cũng đang trong tình trạng sốt liên miên, không dứt nổi

cơn, tình nguyện dùng cùng với tôi. Tôi giao hẹn với anh Quảng: "Tôi tiêm trước, nếu sau nửa giờ tôi không chết vì phản ứng thuốc thì sẽ tiêm cho anh". Anh Quảng bằng lòng. Thuốc tiêm an toàn, cả hai chúng tôi đều không có phản ứng gì đặc biệt.

Kết quả thật bất ngờ: Hơn ba tháng liên tục trước khi tiêm không tuần nào tôi không bị một hai cơn sốt, thế mà sau khi tiêm, một tuần, rồi hai tuần rồi ba tuần lặng lẽ trôi đi êm ả. Không cơn sốt nào trở lại. Anh Quảng cũng như tôi, hết hẳn sốt. Sức khoẻ của chúng tôi khá hẳn... thật là mừng.

Trong khi đó thì anh em trong Bệnh viện vẫn ốm nhiều. Mặt anh nào cũng vêu vào, gầy gò và thiếu máu.

Tin tôi dùng loại thuốc mới, ngừng được sốt lan trong Bệnh viện. Một số nhân viên tìm tôi, đề nghị được dùng thuốc. Tất cả tôi chỉ có 10 ống thuốc. Trong mấy tháng, tiêm hết 8 ống cho 16 người. Trong đó có các bác sỹ Chủ nhiệm khoa, có y tá, hộ lý. Các anh Lê Sỹ Liêm, Chủ nhiệm khoa Ngoại Bụng, anh Lê Tuấn Hưởng, anh Trương Côn Cán, Chủ nhiệm khoa Chấn thương và chị Đậm, bác sĩ gây mê, đều bị sốt rét dai dẳng kéo dài mấy tháng nay không dứt, đã tiêm an toàn, không ai bị phản ứng bất thường và sau khi tiêm, cơn sốt chấm dứt hoặc thưa hẳn. Mọi người đều thừa nhận tác dụng của thuốc rất rõ ràng, nhưng chỉ phân vân đây có phải là chính loại DDS chúng tôi vẫn dùng cho bệnh nhân hủi, hay có thêm thành phần gì khác. Bác sĩ Cầu, Chủ nhiệm khoa Da liễu là người cho rằng không phải là loại DDS dùng cho bệnh nhân hủi vì trong khoa của anh, từ ngày vào chiến trường, vẫn thường dùng loại thuốc này nhưng bệnh nhân phong vẫn sốt rét như thường.

Ngày 15 tháng 11 năm 1967. Bệnh tật, chết chóc luôn rình rập chúng tôi.

Ngày 5 tháng 11, đồng chí Thuyết, y tá được cử theo đội phẫu thuật lưu động bị sốt rét, phải cáng trở về đơn vị. Tối hôm đó xuất hiện các dấu hiệu một bệnh chứng nặng của bệnh sốt rét, đái ra huyết cầu tố, nước tiểu màu đen như mực. Cho tới nay, chúng tôi đã gặp biến chứng quái ác này 4 lần, chết hai. Một nhân viên khác đi công tác vào cánh Nam cũng bị bệnh đó trong khi đi dọc đường và chết khi vào tới Viện 2.

Chúng tôi tập trung cứu chữa, nhưng không cứu được. Đồng chí Thuyết hy sinh ngày 15 tháng 11. Đây là nhân viên thứ 15 chết từ ngày vào chiến trường. Chôn cất Thuyết xong thì sáng sớm ngày 17 tháng 11, một nhân viên hốt hoảng lên báo tin bác sĩ Đinh Văn Lạc, Viện phó Ngoại cũng có dấu hiệu đái ra huyết cầu tố! Vừa hôm trước anh Lạc cùng với chúng tôi hội chẩn tìm cách cứu chữa cho Thuyết. Chiều thứ tư, anh Lạc còn lên hội ý chỉ huy Viện. Trong buổi họp, anh kêu hơi sốt và lấy thuốc ra uống. Ngày

thứ năm, tôi xuống khối Ngoại và rẽ vào thăm anh. Anh đang lên cơn sốt nằm trong màn. Tôi bảo anh: "Thôi khỏi đợt sốt này, cậu cũng tiêm DDS đi thôi". Anh vừa rên, vừa gật đầu đồng ý.

Từ mấy tháng nay, nhờ tiêm DDS, tôi đã rút hẳn được cơn sốt, các anh chị em khác tiêm sau tôi, người thì cắt được hoàn toàn sốt, người thì thưa bớt các cơn sốt một cách rõ rệt. Thấy anh Lạc sốt nhiều, tôi đã mấy lần khuyên anh nên tiêm và giành cho anh một ống thuốc cuối cùng. Nhưng vốn tính cẩn thận anh vẫn chần chừ.

Sáng thứ sáu ngày 17 tháng 11, tin dữ đến với chúng tôi. Vội xuống nơi anh ở, anh em đưa cho tôi xem ống bơ đựng nước tiểu đen kịt màu máu bị phá huỷ. Dấu hiệu không thể nghi ngờ của bệnh "Đái ra huyết cầu tố".

Nửa giờ sau một cuộc hội chẩn được triệu tập.

Tất cả chúng tôi đều thấy đây là vấn đề rất nghiêm trọng. Một tổ gồm 6 bác sĩ có kinh nghiệm nhất trong Viện được chỉ định chuyên trách việc điều trị cho anh Lạc gồm có anh Nguyễn Văn Âu, Đỗ Xuân Chương, Vũ Bích (Nội khoa), Phạm Phú Thọ (Hồi sức), Nguyễn Văn Ân (Truyền máu) và tôi. Kế hoạch điều trị được bàn tỉ mỉ. Ngoài ra, chúng tôi điện ngay lên Ban Quân y báo cáo với anh Đạo về tình hình anh Lạc và xin thêm ý kiến của anh về kế hoạch điều trị. Để tiện cho việc theo dõi và điều trị, anh Lạc được chuyển sang khoa 40. Khoa điều trị riêng cho cán bộ.

Bốn hôm nay là những ngày điều trị căng thẳng. Nhiều lúc chúng tôi đã tưởng vĩnh biệt anh bạn thân yêu của chúng tôi. Anh là một bác sĩ tài năng, thông minh, có phong cách làm việc tỉ mỉ, một phẫu thuật viên có kiến thức rộng và có bàn tay khéo léo, có một trí nhớ đặc biệt. Gia đình đông con, anh rất thương yêu và rất chăm viết thư về gia đình.

Ngày hôm đầu nhiệt độ cao liên tục, lên 40^0C, có lúc lên tới $41,5^0$C. Đêm đến huyết áp tụt ở mức báo động chỉ còn 50/30. Sang tới ngày hôm sau, như chúng tôi đã dự kiến trước, anh chuyển sang trạng thái vô niệu. Nước tiểu đặc quánh, đen xì. Trong một ngày đêm số lượng nước tiểu giảm dần từ 500, còn 200 rồi 100 ml. Đồng thời Urê máu tăng dần.

Ngày và đêm, chúng tôi liên tục trực bên anh, mắc võng bên giường anh nằm. Những thứ thuốc quý hiếm nhất ở chiến trường được đem ra dùng. Sách vở được đem ra tra cứu. Điện lên Ban Quân y đề nghị điện ra Hà Nội xin ý kiến thêm.

Anh Đạo đang bận chỉ huy Quân y chiến dịch, nhưng điện về nhất trí với kế hoạch điều trị của chúng tôi.

Toàn viện theo dõi căng thẳng tình hình sức khoẻ anh Lạc. Anh Công, Chính uỷ Viện cũng thường xuyên lui tới nơi anh điều trị. Các bác sĩ, y sĩ, y tá các khoa lúc nào rỗi lại tới bên cửa sổ nghe ngóng tình hình giúp đỡ những công việc điều trị hay hộ lý.

Sau bốn ngày phấn đấu căng thẳng, huyết áp từ chỗ rất thấp, bấp bênh, đến nay đã tương đối ổn định. Nhưng vô niệu đã sang tới ngày thứ ba mặc dầu mọi biện pháp gây lợi niệu.

Mấy hôm đầu, anh hoàn toàn tỉnh táo, nhưng sang tới hôm nay anh bắt đầu mê sảng. Chúng tôi quyết định dùng loại thuốc lợi niệu mới. Sau hai giờ anh tự đi tiểu được khoảng 100 ml, nước tiểu màu hơi sáng hơn. Anh Âu mừng rối rít, chạy đi báo tin cho mọi người. Nhưng từ hôm qua tới nay, không đái được thêm...

Ngày 21 tháng 11, ngoài chiến trường, Chiến dịch Đắc Tô sang tới ngày thứ 18. Ở đây cuộc chiến đấu cứu anh Lạc sang tới ngày thứ năm. Urê huyết, sáng hôm nay đã lên tới 5,9 gr/1ít, cao gấp mười lần mức bình thường. Hồng cầu chỉ còn 1.1000.000.

Hôm qua là một ngày tương đối yên tĩnh, huyết áp ổn định, nhiệt độ không cao, nhưng tối đến lại đột ngột ập tới một cơn sốt kéo dài hai giờ liền. Nhiệt độ lên 38,5^{0}C. Huyết áp tụt chỉ còn 70/50. Bệnh nhân mê man, nói lảm nhảm. Đêm hôm qua là đêm trắng thứ năm, chúng tôi thay nhau thức bên giường anh. Ngọn nến lụi dần lại thay ngọn nến khác. Nhìn những giọt nến chảy dần, chúng tôi tự hỏi phải chăng, sức khoẻ của anh giống như ngọn nến kia đang lụi tàn dần không?

Hôm nay, chúng tôi quyết định phải dùng thêm hai biện pháp: truyền máu và thẩm phân dạ dày. Truyền máu là vấn đề được đề cập từ lâu, nhưng chúng tôi do dự chưa dám làm vì bệnh nhân vỡ hồng cầu, urê cao, vô niệu. Truyền vào có sợ tăng biến chứng lên không? Tuy nhiên đến hôm nay, hồng cầu của anh đã quá thấp, không thể lui được nữa rồi.

Thẩm phân dạ dày cũng đã được đề cập từ hôm trước, nhưng bệnh nhân nôn, quá mệt, không chịu đựng được. Nhưng urê huyết đã quá cao, phải cố gắng làm dưới gây mê tại chỗ.

Ngày 22 tháng 11. Sang ngày thứ 6 của cuộc chiến đấu. Đêm hôm qua, bệnh nhân yên tĩnh, ngủ được suốt đêm. Huyết áp ổn định nhưng vẫn không đái được. Anh tỉnh táo và còn muốn tham gia ý kiến vào công tác điều trị. Anh nấc nhiều. Khi châm cứu kêu đau và chỉ lên cổ muốn được phong bế phế vị giao cảm cổ. Có lúc anh bảo: “Nếu urê huyết ở mức 0.80-0.90 thì

không đáng sợ...".

Chúng tôi vẫn giấu, không dám cho anh biết là urê-huyết của anh lên tới 6 gr. Mỗi khi anh em lấy huyết áp mạch, anh vẫn hỏi bao nhiêu?

Thẩm phân dạ dày không được phải thẩm phân ruột.

Việc truyền máu được tiến hành tốt. Hôm nay chúng tôi tiếp tục truyền thêm.

Chiến dịch Đắc Tô đã sang tới ngày thứ 19. Địch thừa nhận đã bị bao vây, không đưa thương binh ra được. Lính dù nhảy xuống định giải vây nhưng bị thiệt hại nặng. Máy bay trực thăng bị hoả lực mặt đất bắn không xuống được.

Bộ đội ta thắng lớn...

Ngày 27 tháng 11 năm 1967. Cuộc chiến đấu của Viện chúng tôi đã cầm cự được 11 ngày, trong đó bệnh nhân hoàn toàn vô niệu 10 ngày! Hôm nay, thông đái sau 4 ngày không thông vì sợ nhiễm khuẩn thêm, chỉ ra được 200 ml nước tiểu màu vàng. Theo tài liệu có người vô niệu tới 20 ngày vẫn cứu được. Liệu có thể kéo dài cuộc sống của anh tới ngày đó không?

Mấy hôm nay tình hình huyết áp, mạch ổn định trở lại, không sốt, người tỉnh táo. Nhưng hai hôm nay anh có vẻ đờ đẫn hơn, tuy hỏi vẫn biết và trả lời được nhưng có vẻ mệt. Khi ngủ rên nhiều.

Máu đã truyền được 500 ml. Hồng cầu vẫn chỉ ở quãng 1.200.000-1.300.000. Huyết cầu tố 25-30%, urê huyết mấy hôm đầu lên tới 6,10 gr, sau khi thẩm phân ruột, xuống được 2,6 gr, hôm qua lại lên tới 5,5 gr/lít.

Như vậy là tất cả các cách điều trị có thể làm được, chúng tôi đã làm hết... chỉ trừ chạy thận nhân tạo. Mà thận nhân tạo thì hoạ may chỉ có thể làm được ở Hà Nội.

Ngày 28 tháng 11 năm 1967. Mấy hôm nay, địch tăng cường đánh phá Hà Nội, Hải Phòng. Trong một ngày Hà Nội bắn rơi 12 máy bay địch, trong đó có chiếc thứ 200 của địa phương và chiếc thứ 2572 của toàn miền Bắc.

Khắp nơi đang chiến đấu và chiến thắng. Liệu chúng tôi có giành được chiến thắng trong cuộc chiến với bệnh của anh Lạc không?

Hôm qua anh Cao Văn Khánh, Tư lệnh phó mặt trận đi công tác ngang qua

Bệnh viện. Trong kháng chiến chống Pháp, anh Khánh là thủ trưởng của tôi ở Sư đoàn 308, nay anh mới vào lại chiến trường Tây Nguyên. Vợ anh, bác sĩ Ngọc Toàn là Chủ nhiệm khoa Sản Viện Quân y 108 và là bạn của gia đình chúng tôi.

Tôi sang thăm anh và báo cáo với anh, tình hình anh Lạc và đề xuất xem có cách nào chuyển anh Lạc bằng con đường nhanh nhất ra Hà Nội.

Anh Khánh có vẻ rất suy nghĩ. Nhưng tôi hiểu rằng có rất nhiều khó khăn dù cho trên có đồng ý cho đi đường Phnôm pênh để bay ra Hà Nội nhưng tình trạng của anh Lạc có còn chịu đựng được chuyến đi dài như vậy không?

Tình hình đang ở thế cầm cự mà thế cầm cự thì yếu dần.

Ngày 27 tháng 11, tôi nhận được điện triệu tập dự Hội nghị Quân y sơ kết đợt 1 Chiến dịch Đắc Tô - Tân Cảnh. Sáng hôm nay tôi phải đi sớm. Trước khi đi, tôi ngồi một lúc lâu bên giường anh Lạc, anh rất mệt, bắt đầu vào trạng thái hôn mê. Hỏi rất lâu mới trả lời. Hơn 800 ml máu đã được truyền cho anh... Các anh Âu, Chương, Bích, Thọ, Ân vẫn ngày đêm bên anh. Nhưng tình hình của anh đã quá nặng. Tôi sợ trở về không còn được gặp anh...

Ngày 5 tháng 12 năm 1967. Vào Hội nghị được một ngày, có tin từ đơn vị lên cho biết: anh Lạc đã đi vào trạng thái hôn mê sâu. Hỏi không biết gì. Tới hôm sau có điện báo cho biết hồi 3 giờ sáng ngày 30 tháng 11 năm 1967, anh Lạc đã hy sinh. Hôm nay trở lại đơn vị. việc đầu tiên của tôi là ra thăm mộ anh Lạc. Nhìn nấm mộ mới đắp, đất còn đỏ, giữa rừng cây cao, rậm rạp và hoang vắng, phủ đầy những vòng hoa rừng với những băng tang đề dòng chữ "Kính viếng hương hồn anh Đinh Văn Lạc", tôi không sao cầm được nước mắt. Cuộc đời chiến đấu hy sinh miệt mài học tập, rèn luyện nghiên cứu của anh đã kết thúc ở chiến trường Tây Nguyên đầy khó khăn gian khổ này. Gia đình, vợ con anh, bây giờ ở đâu, có biết tin này chưa? Anh chết đi để lại biết bao thương nhớ cho gia đình, bè bạn, các thương bệnh binh, những người được bàn tay anh cứu chữa.

Chúng tôi cảm thấy gánh nặng của nhiệm vụ ở chiến trường, sau cái chết của anh, càng đè nặng lên vai chúng tôi, những người còn sống...

Chiến dịch Đắc Tô - Tân Cảnh đã kết thúc đợt 1, Hội nghị sơ kết công tác Quân y ở Viện 1, nơi tiếp nhận hầu hết thương binh của chiến dịch. Về dự Hội nghị có các đại biểu quân y các Trung đoàn, Sư đoàn, Bệnh viện 1-2, Đội điều trị 3-4, các đội phẫu thuật lưu động, quân y các Tỉnh đội, đội phẫu thuật đi theo K6, đóng chốt ở sườn núi cao sát Đắc Tô.

Hội nghị tràn ngập không khí vui mừng chiến thắng, nhưng ai cũng bùi ngùi thương tiếc khi nghe tin anh Lạc hy sinh. Nhìn các bè bạn chiến đấu trở về phấn khởi, vui vẻ, đông đủ không ai thương vong, càng thương anh Lạc.

Ngày 20 tháng 12 năm 1967. Sau cái chết của anh Lạc, cuộc tranh luận chung quanh việc sử dụng DDS trong việc phòng sốt rét vẫn dai dẳng trong Bệnh viện tới gần một năm sau mới kết thúc...

Đến nay sau khi tiêm DDS, 6 tháng tôi ngừng sốt được hoàn toàn. Sáu tháng không lên cơn sốt là một kỷ lục với chúng tôi lúc này ở Tây Nguyên. Tôi đã tiêm cho anh em trong đơn vị hết cả 10 ống DDS. Kết quả thật rõ ràng. Tất cả những người được tiêm đều hết sốt, ít nhất cũng thưa được nhiều các cơn sốt. Tuy nhiên chúng tôi vẫn phân vân, liệu trong thuốc chỉ đơn thuần có DDS hay còn có chất gì khác?

Cậu Hưng, y tá, đến tìm tôi nhăn nhó: "Dạo này em ốm quá, tuần nào cũng sốt. Nghe nói anh có loại thuốc gì trị sốt tốt lắm, anh cho em tiêm với". Tôi băn khoăn bảo Hưng: "Thuốc tiêm thì hết mất rồi, nhưng cậu thử uống thuốc viên xem!".

DDS để chữa hủi thì trong Viện vẫn có, tuy không nhiều. Nhưng anh Cầu, Chủ nhiệm khoa Da liễu, chuyên trị bệnh nhân hủi thì cho biết: bệnh nhân hủi thường xuyên dùng DDS vẫn sốt rét như thường. Vì vậy ý kiến cho rằng trong thuốc của Trung Quốc, có chất gì khác ngoài DDS, càng được củng cố.

Bẵng đi một thời gian, một hôm gặp lại Hưng trên đường thồ, Hưng vui vẻ bảo tôi: "Thuốc anh cho em uống hay quá. Từ hôm đó em hết sốt hẳn!".

Trong buổi sinh hoạt khoa học của Bệnh viện hàng tuần, khi trở lại vấn đề DDS, anh Cầu mới thừa nhận: Trong hai tháng qua, do thiếu DDS, bệnh nhân hủi trong khoa bị sốt nhiều lên rõ rệt.

Tác dụng của DDS trong việc phòng ngừa và chữa sốt rét như vậy đã được thừa nhận. Tuy nhiên, giống như mọi loại thuốc khác, nếu dùng nhiều và kéo dài thì sẽ xảy ra hiện tượng nhờn thuốc, hiệu lực thuốc sẽ giảm. Kết luận này được báo cáo lên Ban Quân y Mặt trận. Từ Quân y mặt trận Tây Nguyên báo cáo ra Cục Quân y. Cũng thời gian này, trong số chiến lợi phẩm bắt được của địch, cũng thấy loại thuốc Dapsone, của quân đội Mỹ dùng để phòng sốt rét. Dapsone chính là DDS.

Mùa khô năm 1968, DDS được chở ùn ùn từ Hà Nội vào chiến trường. Chiến dịch Đông Xuân 1969, DDS được sử dụng rộng rãi để dự phòng sốt

rét cho bộ đội. Sau chiến dịch, nhiều cán bộ chỉ huy sư đoàn và trung đoàn khi gặp chúng tôi đều nói: "Trong chiến dịch này, Quân y cho bộ đội uống loại thuốc phòng gì hay quá. Sốt rét giảm hẳn!".

Ngày 1 tháng 1 năm 1968. Anh H.S., Tư lệnh phó Mặt trận mới vào chiến trường. Tôi biết anh từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp, khi anh còn là một chỉ huy trung đoàn của Sư đoàn 308.

Gặp lại anh chúng tôi thật rất vui. Anh như mang vào không khí mới ở miền Bắc. Câu đầu tiên của anh khi gặp chúng tôi là: Ôi, tưởng Tây Nguyên xa xôi thế nào chứ có đâu mà xa. Chỉ đi vài giờ máy bay, gần một ngày đi ôtô, vài giờ đi bộ là tới Viện 211 đây rồi!

Đúng thật có đâu là xa với các cán bộ ra vào qua con đường công khai bằng phương tiện hiện đại. Còn với đa số bộ đội bình thường khi nghĩ về hậu phương có cảm giác như ở bên kia trái đất.

Bữa cơm chiêu đãi anh có thịt lợn, thịt gà tăng gia, có rau tươi, làm cho anh càng hào hứng: "Tưởng các anh khổ lắm, nhưng như thế này thì có gì là khổ nhỉ?". Chúng tôi chỉ nghĩ thầm: Chỉ xin mời thủ trưởng ở với chúng tôi ít năm thì thủ trưởng thấy ngay thôi.

Anh mang vào cho chúng tôi nhiều thư của gia đình. Anh thật thà cho biết, quý nhất với các cậu ở trong này là tin tức gia đình, nên trước khi đi mình cho anh em đi quanh một vòng thu thập thư cho các cậu.

Anh cũng cho biết nhiều tin tức đầy phấn khởi của hậu phương. Nghe báo cáo tình hình Bệnh viện, anh mạnh dạn hứa sẽ giải quyết nhiều yêu cầu của chúng tôi đề xuất: như cử người ra Hà Nội xin thuốc men, trang thiết bị, vào Bắt đầu trao đổi kinh nghiệm. Nhưng không biết khả năng sẽ giải quyết được tới đâu?

Ngày 7 tháng 1 năm 1968. Có lệnh điều 104 nhân viên đi vận chuyển. Như vậy tổng cộng có 180 nhân viên đi công tác vận chuyển tăng gia, chưa kể 9 người được điều đi phục vụ lớp Văn hoá dân tộc, gồm các chị em thanh niên xung phong người dân tộc, đi phục vụ chiến trường từ mấy năm nay, nay được tập trung để học văn hoá. Chúng tôi gọi đùa là Trường Trưng Vương của Tây Nguyên.

Thương bệnh binh trong Bệnh viện vẫn ở mức xấp xỉ 1100-1200. Người phục vụ thiếu nghiêm trọng. Tuy nhiên các khoa đều có cách giải quyết lấy bệnh nhân nhẹ, đi lại được giúp đỡ bệnh nhân nặng và gọi là "rèn luyện lao động".

Có lần đồng chí Chủ nhiệm Hậu cần mặt trận có vẻ phấn khởi bảo tôi: "Anh xem, ngoài Bắc cứ đấu tranh đòi biên chế 1.2 hoặc 1.1 phục vụ 1, ở đây mình có hàng nghìn thương bệnh binh mà biên chế chỉ có 350 nhân viên cũng xong! Mà đâu có được đủ 350. Hiện nay một nửa đi vận chuyển, tăng gia, chỉ có một nửa phục vụ bệnh nhân!

Tôi thì không hào hứng với cách tính toán như vậy chút nào vì chất lượng điều trị là một thứ rất co giãn lấy gì mà đo được? Xuống các khoa tôi đã thấy chỉ riêng việc cho thuốc bệnh nhân, đáng lẽ phải cho theo giờ, có nước uống bảo đảm thuốc đến từng người. Nhưng do thiếu nhân viên, nên nhiều khoa phát thuốc cả ngày. Đưa cho bệnh nhân cả vốc thuốc tự chia ra mà uống. Có khoa huy động số y sĩ y tá trong số bệnh nhân vào điều trị giao cho công việc chuyên môn thay cho số nhân viên chuyên môn của khoa đi tăng gia hay vận chuyển.

Hôm nay xuống khoa 24, bác sĩ Cầu, Chủ nhiệm khoa cho tôi biết : Trong khoa đang có 120 bệnh nhân điều trị. Nhưng do phải đóng góp người đi vận chuyển nên số cấp dưỡng thì đã cho đi hết. Cả khoa chỉ còn có một cậu quản lý, nhưng anh cũng đang tính sẽ cho đi vận chuyển nốt. Tôi ngạc nhiên: Thế anh lấy ai nấu cơm cho bệnh nhân? Anh đưa tôi xuống thăm bếp, thì ra anh đã huy động gần hai chục bệnh nhân nhẹ hoặc đã điều trị khỏi ở lại khoa gọi là "rèn luyện lao động", cho tập trung ở hai dãy lán cạnh bếp. Số anh em này rất tự giác, dậy từ năm giờ sáng vo gạo, nhặt rau, vào rừng kiếm củi, kiếm măng nấu cơm, đủ mọi việc thay cho cấp dưỡng.

- Anh em đi điều trị mà lại phải nấu cơm như vậy, có thắc mắc gì không? - Tôi hỏi.

- Việc gì mà thắc mắc, họ thích là đằng khác - Anh Cầu thản nhiên. Rồi anh nói thêm: - Tôi cũng không giữ họ lâu. Chỉ một hai tuần, gọi là để rèn luyện rồi lại thay đám khác.

TẾT MẬU THÂN

Ngày 30 tháng 1 năm 1968. Tuy chưa được chính thức phổ biến, nhưng chúng tôi cũng cảm thấy có sự chuẩn bị cho một chiến dịch lớn. Các Tư lệnh chiến trường được điều động từ chiến trường này sang chiến trường khác và từ hậu phương vào chiến trường. Các con đường mới mở, các đoàn ôtô, ngày đêm rầm rập chạy. Các đoàn xe thồ kéo dài trên những đoạn đường len lỏi trong các rừng cây. Các kho trạm tạm thời mọc lên như nấm. Bộ đội đoàn này tiếp đoàn khác rầm rập vào chiến trường.

Hôm 26 tháng 1, có điện khẩn từ Phòng Hậu cần mặt trận triệu tập anh Công, Chính uỷ Viện lên họp gấp. Theo hẹn, chiều 27 phải có mặt ở Phòng: như vậy có nghĩa là phải đi trong hai ngày, chặng đường bình thường đi mất ba ngày.

Tết Mậu Thân 1968 - Tết thứ ba ở Tây Nguyên: Tết năm nay đúng là "Hơn hẳn mấy Xuân qua..." như câu thơ Bác Hồ đọc trên Đài từ hôm mồng Một Tết dương lịch.

Trưa ngày Ba mươi Tết, liên hoan toàn Viện, sau đó tôi sang trường Quân y rồi sang khối Ngoại. Đâu đâu cũng náo nức không khí Tết: Bánh trái la liệt, bánh chưng, kẹo, mứt rượu rôm rả. Khoa 40, nhân viên và bệnh nhân ca hát, gõ kẻng, đài phát thanh mở oang oang, trong khi mấy đồng chí khác thì chăm chú cạnh bàn cờ đến Giao thừa.

Trở về Viện bộ, liên hoan với anh em Y vụ, Đài phát thanh truyền đi chương trình Tết và ca nhạc suốt đêm.

Sáng mồng Một Tết, tôi còn đang lơ mơ ngủ thì đoành đoành. Tiếng súng nổ liên hồi bên cạnh. Bật dậy, tôi chạy sang Y vụ, anh em bên đó cũng nhốn nháo không hiểu tại sao. Anh Tấn chỉ huy bộ phận hành chính, cảnh vệ tay lăm lăm khẩu súng ngắn chạy tới kêu to: "Có biệt kích đột nhập vào Viện!". Tiếng súng nổ dữ dội bên phải, bên trái. Anh Hựu trợ lý chính trị cũng từ ban Chính trị chạy sang: "Dứt khoát biệt kích tới đây rồi...".

Cử 4 tổ cảnh vệ đi về phía có tiếng súng nổ. Báo động cho các khối. Tổ tự vệ khối Ngoại, Dược, mang súng ra nấp sau các gốc cây, ven con đường vào Viện.

Một lúc sau một đồng chí cảnh vệ về báo cáo: Bên khoa 23 mấy bệnh nhân bắn súng tếu, mừng Xuân. Tiếp sau đó, phòng Khám bệnh, Đại đội thu dung, khoa Nội 22 nghe thấy tiếng súng, "tưởng trên cho phép bắn mừng Xuân", cũng nổ súng bắn chơi. Liên tiếp sau đó, như một bệnh dịch, cả

ngoài nương rẫy cũng đòm đòm mấy loạt lên trời.

Chương trình Tết tiếp tục. Tôi sang chúc Tết khối Nội trong một buổi họp cán bộ, sau đó long trọng khánh thành triển lãm sáng kiến cải tiến của khối Nội, rồi đi chúc Tết khối Ngoại. Trưa liên hoan với nhân viên khoa 34. Chiều thăm khoa da liễu rồi trở về liên hoan với khoa Dược.

Chiều mồng Hai nhận được điện điều 8 cáng đi đón thương binh cách Bệnh viện 6 ngày đường và điều 6 học viên y sĩ ra tăng cường cho đội phẫu thuật của bác sĩ Lượng ở T30.

Tối mồng Hai Tết (ngày 30 tháng 1 năm 1968) anh Công đi họp về phổ biến lệnh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng về cuộc Tổng công kích, Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968. Tiếp sau đó, Đài phát thanh liên tiếp đưa những tin tức làm náo nức lòng người. Từ đêm mồng Một Tết, quân Giải phóng đã tấn công quyết liệt vào hàng loạt căn cứ Mỹ nguỵ, đánh vào Sài Gòn, Huế, Quảng Trị, Ban Mê Thuột...

Ở Sài Gòn, quân Giải phóng đánh vào Sứ quán Mỹ, Sân bay Tân Sơn Nhất. Ở các nơi khác quân ta chiếm được khu thành nội Huế, làm chủ thị xã Quảng Trị, tấn công Sân bay Đà Nẵng, chiếm Đài phát thanh Quy Nhơn, tấn công Thị xã Kon Tum, giải phóng Thị xã Ban Mê Thuột... Tất cả 40 thị xã, thị trấn bị đánh, nhiều sân bay bị tấn công, ngừng hoạt động. Đài Sài Gòn im bặt, không đưa tin.

Sáng hôm nay có tin Liên minh dân tộc dân chủ vì Hoà bình ra đời đòi Mỹ rút ra khỏi miền Nam Việt Nam, đòi thương lượng với Mặt trận dân tộc giải phóng.

Trong buổi giao ban sáng, mọi người bàn tán rất sôi nổi, các tin tức thời sự. Đâu đâu, nhân viên và bệnh nhân cũng xúm xít quanh chiếc đài phát thanh, nghe đi, nghe lại như nuốt từng lời các tin tức. Một thương binh gẫy xương đùi, mọi ngày nằm bẹp trên giường, hôm nay cũng cố cử động chiếc chân bó bột "Để còn đi duyệt binh ở Sài Gòn chứ!".

Thấy nhân viên tiếp tục các công việc như thường lệ, xây dựng thêm nhà, theo chỉ tiêu được giao, có bệnh nhân hỏi: Sao còn làm nhà nữa, sắp xuống đồng bằng rồi cơ mà?

Nhà ở nhân viên khoa Dược mấy hôm liền không ai quét nhà: Sắp xuống đồng bằng, quét nhà làm gì?

Mọi người cứ náo nức cả lên. Xen với nhiều tư tưởng lạc quan tếu... thì một số thương binh tàn phế có vẻ ngậm ngùi: Vui là vui vậy đấy thôi, chứ

mình thì thiệt thòi rồi.

Chiều hôm qua họp Chủ nhiệm khoa bàn việc thực hiện chỉ thị của Phòng về việc chuẩn bị chia đôi Bệnh viện: Một nửa ở lại hậu phương tiếp tục chăm sóc điều trị số thương bệnh binh hiện tại. Một nửa chuẩn bị theo các đơn vị tiến lên phía trước.

Trong chỉ huy Viện phân công tôi sẽ ra phía trước cùng với 4 khoa: 3 khoa Ngoại, một khoa Nội.

Ngày 2 tháng 2 có điện báo chuẩn bị bộ phận 101- đây là bí danh của phân Viện đi phía trước - sẵn sàng. Nếu có lệnh thì sau 4 giờ có thể lên đường được ngay. Ngay tối hôm đó. họp cán bộ để chuẩn bị cho bộ phận ra đi. Mọi người đều nô nức. Nhiều đồng chí không trong danh sách đi phía trước nằn nèo xin đi. Bàn giao thương bệnh binh cho bộ phận ở lại, đổi nhau nhân viên ốm. Mọi việc được giải quyết nhanh chóng, gọn gàng.

Hôm nay 200 thương bệnh binh ra Viện, ồn ào, nhộn nhịp bắt tay nhau, hẹn gặp lại ở Plâycu, Kontum hay một nơi nào khác dưới đồng bằng.

Tuy nhiên mấy hôm nay, nghe đài chỉ nhắc lại những tin chiến thắng của mấy hôm trước, đã có người băn khoăn: Sao không có tin gì mới nhỉ. Cuộc tấn công hình như chậm lại rồi hay sao?

Ngày 13 tháng 2 năm 1968. Tối 2 tháng 2, có điện gọi tôi lên Phòng nhận nhiệm vụ. Sáng hôm sau ra đi từ 5 giờ sáng, đi miết tới 6 giờ chiều thì tới Q8. Ngủ lại cạnh bờ suối. Hôm sau, qua Q9 vượt sông Đắc Mế, tới nương tăng gia của Phòng. Anh em sản xuất cho biết còn phải đi thêm 3 giờ nữa mới tới nơi, tới một đỉnh đồi con đường nhỏ tách ra hai hướng. Hướng bên trái có một cành lá đặt lên đường, dấu hiệu là đường cấm, chúng tôi liền đi theo đường rẽ sang tay phải. Xuống một dốc cao, gặp hai anh bộ đội đi ngược lại, mới biết là bị lạc. Phải đi đường rẽ sang tay trái mới đúng. "Có lẽ đơn vị Vệ binh đóng trong này đi lấy gạo, rạp lại đường...". Một anh giải thích. Chúng tôi quay lại. Trở lại chỗ cũ, tụt một dốc cao, lội một quãng suối sâu. Tới 11 giờ trưa mới vào tới Phòng Hậu cần Mặt trận. Cơ quan cấp trên của chúng tôi.

Không khí ở đây có vẻ bình tĩnh. Anh Đạo phàn nàn: Các anh chuẩn bị hấp tấp quá, không thấm nhuần "tính giai đoạn" của Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa... ý anh muốn phê bình việc chúng tôi cho bàn giao để một nửa Bệnh viện có thể sẵn sàng khi có lệnh. Tôi xác định nhận nhiệm vụ rồi ra ngay, nhưng phải ở lại làm việc. Sáng 7 tháng 2, định về sớm, nhưng rồi lại phải nghe anh thuyết hồi lâu về công tác nghiên cứu khoa học, tới 11 giờ mới về được. Tối ra ngủ ở khe suối ngã ba đường thồ. Ngày hôm sau về tới Q7 và

hôm sau nữa về tới nhà. Dọc đường đi. nhận được ba, bốn tin liên tiếp là anh em ở nhà đã tập trung luyện tập và mong tôi về để lên đường.

Khu ở của khoa 22 vừa mới dọn đi đã bị các khoa bên cạnh sang phá phách, dỡ giường, bàn ghế, lấy cửa. Trường Văn hoá thì thập thò chờ xin cả khu vực Viện cho nhà trường. "Các anh sắp về đồng bằng rồi còn giữ làm gì!".

Chưa có lệnh di chuyển gì cả. Tôi chỉ được giao nhiệm vụ ra kiểm tra tình hình đội phẫu của bác sĩ Lượng ở T30, đồng thời xem địa điểm để sau này có thể triển khai. Nếu đánh mạnh Plâycu thì Viện 211 mới xuất quân. Hiện nay hãy cứ chờ.

Ngày 15 tháng 2 năm 1968. Chúng tôi 16 người lên đường ra T30, từ sáng 13 tháng 2, kết hợp mang theo thuốc, lương thực, thực phẩm tiếp tế cho đội phẫu của anh Lượng.

Đường đi mất khoảng mười ngày vừa đi, vừa về. Phải qua hai sông Sa Thầy và Pô Cô đi về hướng Plâycu. Đã chuẩn bị tinh thần cho anh em trong đoàn, có thể ăn bom B52, có thể bị trúng pháo bầy, nhưng mọi người đều hăng hái và quyết tâm. Cậu Vy đã chuẩn bị cho hai anh em một gô thịt gà kho mặn và một gô dưa chua.

Qua sông Sa Thầy. Giữa mùa khô, nước cạn nên có thể lội qua được. Lòng sông lô nhô đá, nước chảy ào ào như thác. Đường đi qua những rừng cây săng lẻ, thân trắng, qua các bãi bom B52 dài hàng cây số, đi hàng tiếng đồng hồ không hết, với những hố bom sâu hoắm như những cái ao, đất đỏ lòm... Nhưng cây cối chung quanh vẫn xanh um. Đêm qua ngủ lại ở đội thổ của Viện 211 do đồng chí Hoà làm đội trưởng, anh em đều gầy nhưng vui vẻ. Trong số nữ có cô Nguyệt, bị bệnh Ozen ở mũi đang chuẩn bị cho về hậu phương điều trị nhưng vẫn gùi được 62 kg. Uân, một thanh niên trẻ, đẹp trai, bị huyết áp cao, thỉnh thoảng có những đợt nhức đầu, nhưng vẫn gùi 82 kg. Trông anh chị em vất vả quá, thật là thương. Nói chuyện tình hình cho anh em nghe. Đêm nằm trên sạp tre, giữa trời không có mái. Trải tấm ni lông làm chiếu, căng màn che sương. Qua kẽ lá rừng, thấy những ngôi sao lấp lánh trong đêm. Dọc đường đi, suốt ngày mở đài ra nghe, con đường quanh co hết lên lại xuống giữa rừng già. Gặp Trung đoàn 18 đang hành quân. Toàn lính trẻ, má còn lông tơ, mặt bấm ra sữa, thỉnh thoảng xen kẽ một cán bộ đứng tuổi mang súng ngắn. Gặp đồng chí Châu, Chủ nhiệm Quân y E18 cho biết đơn vị đang bao vây Kontum thì được lệnh vào cánh Trung.

Bộ đội chạy rầm rập qua cầu tre. Đồng chí Trung đoàn phó tính toán không qua kịp sông rồi. Nếu cho đóng quân cả Trung đoàn sít với nhau ở đây, nhỡ B.52 nó chơi cho thì toi. Anh gọi cậu chiến sĩ trinh sát đi cùng: "Này! Quân

sự dân chủ... Cậu nghĩ thế nào?... Cho các tiểu đoàn đóng quân ở đâu?".

Vượt qua sườn dốc, thấy cậu Mạnh, y sĩ của đoàn, nằm dài cạnh đường. Hỏi: "Cậu sao thế, sốt à?".

Mạnh trả lời: "Không, mệt quá anh ạ".

Bắt mạch, mạch đập nhanh nhưng không sốt. Lo quá, anh em đều mang nặng cả. Nếu một người ốm thì lấy ai cáng đây... Đến chỗ nghỉ cho người quay lại đón, nhưng chỉ một lúc sau đã thấy Mạnh xăm xăm tới... Đã khỏi rồi...

Ngày 17 tháng 2 năm 1968. Đã gần tới sông Pô Cô. Trèo qua những ngọn núi đá tai mèo, trời sập tối, chúng tôi phải qua sông đêm. Con đường dài hun hút, hết lên dốc lại xuống dốc, khấp khểnh men theo sườn núi đá, có lúc vướng đất ngã dúi dụi, dép tung đi một phía, ba lô, đài đứt quai đeo, tung đi phía khác, lại lổm ngổm bò dậy, tìm dép, buộc lại ba lô và đài, phủi đất tiếp tục đi.

Đây là vùng trận địa năm ngoái, các bãi bom B52 chạy dài như những nương mới phát, thân cây đổ ngổn ngang, không ai dọn dẹp, lỗ chỗ những vết đạn. Có tiếng nổ lốp bốp cạnh đường, có người nói: Đồng bào đốt rừng. Nhưng rồi một tràng đại liên nổ giòn: Có biệt kích! Chúng nó đóng trên một ngọn đồi chỉ cách đường vài chục phút. Nhưng chúng nó chốt ở đó, không dám đi đâu cả. Bên này sườn đồi bộ đội vận tải vẫn đi rầm rập.

Trời tối hẳn, chúng tôi vẫn chưa tới bờ sông. Đang đi trên đỉnh núi bỗng người đi đầu quát to: "Ai!" và rút chốt lựu đạn. Dưới ánh đèn pin, thấy một người đeo chiếc thắt lưng Mỹ, tưởng gặp biệt kích, nhưng không phải, chỉ là một anh công binh, ngồi cạnh một công sự cạnh đường.

8 giờ tối, dừng lại ăn cơm, sau đó tiếp tục đi dưới ánh trăng mờ mờ, vượt qua một dốc, nghe thấy tiếng nước chảy rào rào phía dưới: sông Pô Cô đây rồi. Xa xa về phía Nam một vài quả pháo sáng vọt lên trời, đồn địch ở phía đó.

Sát bờ sông, tiếng nước chảy êm hơn. Một toán bộ đội ngủ cạnh bờ, nghe tiếng chân người nhỏm dậy hỏi: Đơn vị nào? Rồi lại nằm xuống ngủ tiếp.

Qua sông trên một con thuyền độc mộc chòng chành, lòng thuyền đầy nước, phải ngồi xổm, không được cựa quậy, tay bịt lỗ thủng ở mạn thuyền để ngăn không cho nước chảy vào thuyền. Trên đầu tiếng máy bay trinh sát ì ì hai ngọn đèn đỏ nhấp nháy ở hai bên cánh.

Bờ sông phía Đông là một bãi cát rộng. Đường đi chằng chịt không biết theo đường nào. Anh lái đò cho biết phải đi thêm hai tiếng nữa mới tới "bãi khách". Không ngủ được ở đây vì thỉnh thoảng chúng nó bắn pháo bầy. Rồi anh hướng dẫn chúng tôi tỉ mỉ: đi theo hướng này, lên tới đỉnh dốc, có một ngã ba, rẽ tay phải, tới hai thùng hoá học, địch thả cạnh đường thì rẽ tay trái, qua một cái cầu tre, tới một khóm có ba gốc cây to cụt thì lội qua suối. Cứ đường mòn mà đi.

Chúng tôi nhìn nhau, nhìn đồng hồ đã 11 giờ đêm. Lằng nhằng thế này khéo đi suốt đêm mà anh em đã đi cả ngày rồi. Nằn nèo, nói khó, anh lái đò phân vân, lưỡng lự nhưng cuối cùng, gật đầu thông cảm. "Ngủ trên bờ sông không bảo đảm, địch pháo kích luôn... Thôi các đồng chí theo tôi".

Anh đưa chúng tôi men theo bờ sông tới một chỗ vách đứng có một khe sâu như một công sự thiên nhiên, trên mặt đất cát lơ thơ vài bụi cỏ. "Đây, nhà đây", anh nói rồi bỏ chúng tôi lại, quay ra bến tiếp tục chở đò cho bộ đội. "Tối đâu là nhà, ngã đâu là giường". Chúng tôi chỉ kịp dải tấm ni lông lên mặt đất cát mềm như một tấm nệm, rồi lăn ra ngủ một giấc say sưa giữa tiếng đại bác cực nhanh nổ ở gần.

Ngày 22 tháng 2 năm 1968. Sáng ngủ dậy tiếp tục lên đường, qua khu vực địch thả chất độc hoá học. Hai thùng hoá học thả ngay cạnh đường, đi qua, hơi thuốc còn ngột ngạt, chảy nước mắt, nước mũi. Nghe kể lại, lúc mới thả, trong một tuần đầu, không người nào qua lại được. Con đường nhỏ chênh vênh ở sườn núi, không có đường tắt. Bộ đội hoá học đeo mặt nạ định kéo hai thùng đi, nhưng nặng quá không đưa đi nổi, nên nghĩ ra một cách là buộc một sợi dây dài chạy ngang cạnh thùng để cho bộ đội khi đi ngang qua, bịt chặt mắt mũi, nhắm mắt, nín thở, lần theo dây vượt nhanh qua chỗ có hoá chất độc.

Lúc chúng tôi đi qua thấy hai thùng to như hai thùng khuy 200 lít, nằm ềnh cạnh đường đã hơn một tháng mà hơi vẫn còn sặc sụa, phải thấm nước ướt khăn mặt, bịt mồm mũi và đi thật nhanh để vượt qua...

Tới kho T30, gặp đồng chí Trúc, Chủ nhiệm Hậu cần Trung đoàn. Anh Trúc đang lên cơn sốt, đắp chăn kín mít, rên hừ hừ. Thấy có khách cũng cố nhổm dậy, mặt hốc hác, râu tua tủa. Thấy tôi đeo chiếc đài bán dẫn, anh vừa rên vừa hỏi: "Có tin gì mới không đồng chí?". Mọi người đang náo nức chờ tin chiến thắng...

Trung đoàn đang chiến đấu phía trước, anh ở lại kho hậu cứ chỉ huy việc tiếp tế ra mặt trận. Sốt 4 ngày nay mà không có thuốc, không có y sĩ, y tá. Tìm trong kho của hậu cứ, tôi phát hiện ra có mấy kiện thuốc sốt rét mà anh không biết.

Nghỉ lại kho hậu cứ một ngày, ngày hôm sau đi tiếp ra đội phẫu của bác sĩ Lượng. Càng ra gần trận địa, càng nhiều vết bom đạn, cây cối đổ ngả nghiêng. Đường hết lên dốc lại xuống dốc. Phải đi nhanh qua nhiều ngọn đồi trống để tránh đạn pháo của địch.

Đến đội phẫu của bác sĩ Lượng vào buổi chiều. Đội phẫu đóng ở ven sườn một dãy núi đá. Những tảng đá cao hai ba đầu người, xếp chồng chất lên nhau. Thương binh nằm trong những hang đá hẹp. Thấy tôi, anh Lượng rất mừng. Anh ưu tiên cho tôi ở một hang đá đủ chỗ cho hai người, khi ra vào phải lom khom. Trên nền đá, có một sạp tre, vừa đủ người nằm. Ngách hang đá bên trên là chỗ của anh Tấn và anh Lượng. Không mắc được màn vì trần quá thấp, sườn đá nhẵn không có chỗ mắc dây màn. Đêm đến quen như ở nhà ngồi nhổm dậy đầu cục vào vách đau điếng. Thỉnh thoảng một phát đại bác bắn về. Loại đại bác cực nhanh, không nghe thấy tiếng nổ đầu nòng mà đã thấy nổ ngay ở trên đầu. Trước cửa hang còn lơ lửng một cành cây to bằng bắp đùi, lá còn xanh: vết tích của trận pháo kích đêm hôm trước.

Suốt ngày thương binh phải nằm trong khe đá. Nếu không có việc thì rất hạn chế đi ra ngoài. Nằm trong hang nghe tiếng suối chảy róc rách dưới lưng, nhưng không thấy được nước vì có nhiều tảng đá ngóc ngách che khuất. Nếu nhỡ, để rơi một chiếc dép, một cái bật lửa, hoặc một chiếc bút... là mất hút.

Phòng mổ cũng ở trong một hang đá, tối om. Bên bàn mổ ở giữa hang, chỉ vừa hai người đứng hai bên. Ngày cũng như đêm phải thắp nến.

Một bệnh xá huyện phối hợp với đội phẫu. Một nữ y tá quê ở Bình Định, lên đây từ năm 1965, xanh rớt như tàu lá. Từ ngày thành lập, bệnh xá luôn ở vùng tranh chấp, bị địch phục kích nhiều lần, nên anh chính trị viên bệnh xá rất không bằng lòng khi thấy anh em nói to, cười to, sợ lộ địa điểm.

Sáng nay thăm anh em thương binh. Họ nằm rải rác trong các khe đá, chỗ cao, chỗ thấp, có chỗ phải bò mới tới được Nơi một người, nơi hai người. Nơi rộng thì 5-6 người một hang. Nhiều hang quá chật, người nằm kẹt giữa hai tảng đá, xoay người là chạm vào vách. Các gờ đá mấp mô cứa vào da đau nhói. Trong hang bảo đảm được an toàn nhưng rõ ràng là quá mất vệ sinh, mùi hơi người, mùi máu, mủ của vết thương xông lên nồng nặc. Rõ ràng, đây chỉ có thể là nơi sơ cứu tạm thời, không thể giữ thương binh lâu được.

Đa số là thương binh nhẹ, chỉ có vài anh nặng, thở khò khè. Không khí chung vui vẻ, anh em hào hứng kể chuyện tập kích vào Plâycu, quần nhau

với xe tăng địch trên đường 14. Một chiến sĩ đặc công trẻ, hiền lành, nói nhỏ nhẹ như con gái đã cùng với đơn vị đánh nhà tỉnh trưởng, Chỉ huy sở quân đoàn, chuyện ăn bánh mứt Tết và hút thuốc lá thơm trong thị xã Plâycu...

Ngày hôm sau, cùng đi với bác sĩ Lượng thăm các địa điểm chung quanh. Thăm khu C, có thể chứa được 50 thương binh, cũng dựa vào núi đá. Trên đỉnh đồi cao có một bãi trống, chung quanh là những mỏm núi đá mấp mô. Cây chặt đổ ngổn ngang. Đây là bãi đổ bộ của bọn Mỹ mấy hôm trước, vẫn còn ngổn ngang các vỏ đồ hộp, bao thuốc lá, giấy báo, những công sự làm dở.

Qua thăm bản Ta D'răng, mấy túp nhà tre nhỏ cạnh khe núi, ven suối, mấy hố bom ven rừng đồng bào đã bỏ bản đi nơi khác, ở đây cũng có một hang đá nhỏ. Thăm chỗ sản xuất thuốc của đội phẫu. Tổ chỉ có hai người, một dược tá, một dược công. Buồng pha chế là một cái màn nhỏ, có ny lon che mưa phía trên, căng dưới gốc cây. Màn chỉ bằng một nửa chiếc màn cá nhân. Bàn pha chế là một hòm gỗ đặt trên bốn chiếc cọc chôn xuống đất. Anh dược tá đứng ngoài trời, thò hai tay vào trong màn để pha chế. Dụng cụ pha chế chỉ lỏng chỏng một nồi cất nước kiểu "thuỷ thượng", một cái phễu thủy tinh đã vỡ phải dán lại bằng băng dính, một cái chai có khắc mức đo dung tích 50, 100, 150 ml, dùng làm ống đong, cũng bị nứt, băng dính dán dọc thân chai. Chai lọ lèo tèo độ mươi cái. Nước cất đựng trong một lúi ni lông. Hiện đại nhất ở đây là một cái cân tiểu ly, kiểu cân bàn. Chiếc đũa thủy tinh cũng đã bị gẫy, chỉ còn một đoạn độ hơn một gang tay. Anh Đào dược tá, phụ trách tổ Dược cười bảo tôi: Gay go quá. Khi được lệnh chia đôi, tổ Dược của Đội điều trị không có đủ dụng cụ, phải tự tạo lấy một bộ dụng cụ pha chế để phục vụ kịp thời...

Tuy thế mà cũng pha chế được gần hai mươi loại thuốc khác nhau cho đội phẫu, từ các dịch truyền mặn, ngọt, thuốc tê Novocain, sinh tố B1, C, B12, Quinin tiêm... Mỗi ngày khoảng 2 lít thuốc tiêm các loại cho khoảng 100 thương bệnh binh. Theo bác sĩ Lượng, không có áp xe do tiêm, không có phản ứng khi truyền dịch tĩnh mạch. Có lẽ là nhờ "huyết thanh nóng giòn" như anh em dược ở chiến trường thường nói, có nghĩa là dịch truyền vừa pha chế xong, còn ấm đã được sử dụng ngay.

Buổi tối. anh Lượng phấn khởi cho biết: có chất tươi chiêu đãi chúng tôi, đó là một con heo rừng bị bom B52 chết đêm hôm trước, anh em đi lấy măng nhặt được. Bữa ăn cũng có món xào, nấu. Anh Tấn ao ước: giá có tý chất cay thì hay nhỉ. Anh chính trị viên Bệnh xá ngồi bên cạnh "A" một tiếng rồi chui ngay vào hang lấy ra một hộp nhỏ: "Chất cay đây, nhặt được trên bãi đổ bộ của bọn Mỹ đấy. Pha tý nước vào thành rượu uống tốt lắm!" Anh Lượng cảnh giác: Khéo thuốc độc thì bỏ mẹ!

Tôi đọc hàng chữ tiếng Anh ghi trên vỏ hộp: Chết, thứ này uống sao được. Đây là cồn chỉ dùng để đun nấu. Anh chính trị viên cãi: Cũng là rượu, chúng tôi vẫn uống và thế là mọi người vẫn chén tạc chén thù, thật vui vẻ.

Ngày 7 tháng 3 năm 1968. Chúng tôi ở lại đội phẫu bác sĩ Lượng ba ngày, và đã truyền đạt cho anh Lượng những chủ trương của Phòng về việc báo đảm quân y cho mặt trận phía Tây thị xã Plâycu, đồng thời dự kiến được những việc cần chuẩn bị trong tình huống phải triển khai Bệnh viện ở đây.

Buổi chiều chúng tôi về tới sông Pô Cô, đang đứng hứng thú ngắm phong cảnh tuyệt vời của sông Pô Cô dưới ánh nắng chiều thì có tiếng quát từ sau một tảng đá:

- Ai, dừng lại

- Tôi! - Tôi nhẹ nhàng trả lời.

Tiếng quát vẫn gay gắt, giật giọng:

- Tôi là ai? Đơn vị nào?

Tôi cáu, quát lại:

- Anh là ai mà làm ầm lên thế?

Hai anh bộ đội lăm lăm khẩu AK, nhô ra từ sau chỗ nấp:

- Không biết biệt kích vừa mới bắn người ở đây à?

Thấy chúng tôi, các anh dịu giọng một chút cho biết một đồng chí du kích người dân tộc vừa mới bị biệt kích bắn toác chân, cách đây có hai mươi phút. Máu còn loang trên cát. Nhưng sau đó anh nói nhỏ: Nhưng có khi lính mình bắn nhầm cũng nên. Anh du kích dân tộc cũng mặc áo rằn, đội mũ biệt kích...

Chúng tôi phải chờ đến tối mới qua được sông Pô Cô trong không khí căng thẳng có biệt kích quanh đây. Máy bay ì ì trên đầu. Pháo bắn vu vơ. Đêm ngủ ở một sườn núi đá trơ trụi. Không có dây để mắc võng, nằm trên đất, lót ít lá rừng xuống dưới lưng cho êm. Những ngôi sao lấp lánh trên nền trời đen sẫm...

Mấy năm nay, địch tăng cường cuộc chiến tranh bằng các đơn vị biệt kích. Lính biệt kích, có thể là quân ngụy Sài Gòn, nhưng nhiều khi chúng sử dụng

ngay chính những tên trong hàng ngũ ta đầu thú, cho dự một lớp huấn luyện ngắn, rồi dùng trực thăng, thả xuống hậu phương của ta để dò la tin tức hoặc phá hoại... Bọn biệt kích có khi ăn mặc trang phục riêng của chúng, nhưng nhiều khi để trà trộn vào quân ta, ăn mặc cũng đúng như bộ đội Giải phóng: mũ tai bèo, dép lốp, súng AK... Ngược lại một số bộ đội ta và nhất là anh em du kích địa phương lại thích mặc những thứ trang bị bắt được của địch.

Có chuyện một chiến sĩ vận tải trên đường đi công tác trở về đơn vị, dọc đường gặp một anh bộ đội. Hai anh đi cùng một đoạn đường, nói cười vui vẻ. Tới một chỗ nghỉ trên đỉnh đồi. anh chiến sĩ vận tải ngắm nghía anh bạn đồng hành, giật mình: áo rằn ri, giày vải, súng AR 15. Nói năng ngang tàng. Cậu kia cũng nhìn anh lính vận tải vẻ nghi ngại. Rồi đột nhiên hai thằng nhảy bổ vào nhau, cắn xé, vật lộn. Hai khẩu súng văng xa. Hai thằng vật nhau tới men sườn dốc thì lăn cả xuống dốc rồi ù té bỏ chạy, mỗi thằng một phía.

Chiều tối, đại đội trưởng vận tải thấy lính của mình chạy về, thở không ra hơi, quần áo rách bươm, mặt mày sây sướt. Báo cáo gặp biệt kích!

Trong khi đó đơn vị công binh ở cạnh, cũng thấy chiến sĩ chạy về: Báo cáo có biệt kích, em đã đánh nhau với nó.

Cũng còn may là hai đơn vị kịp thời thông báo cho nhau và phát hiện ra sai lầm nếu không, chưa biết câu chuyện còn có thể đi tới đâu.

Trong suốt mấy ngày sau, rải rác khắp dọc đường đi, trong các bụi cây, trên cành cây, trong rừng, trên sườn núi đá, rất nhiều truyền đơn to như tờ báo. Anh em nhặt một tờ đưa tôi xem: Hình một người, ăn mặc chỉnh tề ngồi trước bàn. Kèm theo lời kêu gọi: Việt cộng hãy đầu hàng chính nghĩa quốc gia.

C. đã phản bội! C. là một bác sĩ của Nông trường 1 (Sư đoàn 1), không chịu được gian khổ đã đầu hàng địch. Địch đã nhanh chóng sử dụng C., viết truyền đơn, in rất to rải la liệt bằng máy bay. Đêm đêm, máy bay trinh sát bay rất thấp. Tiếng ca hát ầm ĩ phát ra từ máy bay, xen kẽ bằng những lời của C. kêu gọi, khi thì cán bộ, chiến sĩ Nông trường 71, khi thì kêu gọi anh em quân y Tây Nguyên, hãy ra đầu hàng, sẽ được khoan hồng, được ăn ngon, mặc đẹp, đối xử tử tế, khi thì doạ nạt đã biết hết chỗ ở của các anh rồi, hãy mau ra đầu hàng để tránh bị tiêu diệt.

Đáng lo nhất là C. đã biết khá rõ vị trí các cơ sở hậu cần, các kho trạm, đường đi, các Bệnh viện, C. đã ra vào Bệnh viện chúng tôi nhiều lần khi thì đi điều trị, khi thì họp Hội nghị, nên việc C. đầu hàng có thể rất nguy hiểm

cho chúng tôi.

Ảnh và truyền đơn của địch bộ đội xé nát vứt khắp đường.

Vượt trở lại sông Sa Thầy về đến nhà, tôi cũng nhận được điện khẩn và mật của Phòng thông báo tình hình C. đầu hàng địch và chỉ thị nhanh chóng di chuyển trong Bệnh viện. Anh chị em lại trở lại với công việc "thổ mộc", không hết lời nguyền rủa thằng phản bội làm cho chúng ông khổ! Tuy nhiên đã một tuần trôi qua mà tình hình vẫn yên tĩnh, không thấy địch đánh phá gì...

Ngày 10 tháng 3 năm 1968. Lại một đợt tấn công mới: Cam Ranh, Tân Sơn Nhất, Đắc Tô, Đắc Lắc... bị tấn công và pháo kích.

Nhận được một lúc 6 lá thư của Hương và gia đình. Giở ra xem, thì thật ngạc nhiên, có thư viết từ hơn hai năm trước, khi tôi mới rời Hà Nội, thư mới nhất, viết trước đây hai tháng, tháng 1 năm 1968. Có lẽ là mùa khô, những lá thư ứ đọng ở các trạm giao liên dọc đường, nay mới có điều kiện di chuyển nên thư vào dồn dập.

Tình hình gia đình yên ổn. Mấy tháng trước, chúng nó rải bom bi xuống Hà Nội. Ba quả rơi vào nhà. Chú Hạnh bị thương nhẹ vào chân. Vợ tôi và các em Mân, Hoàng, Hồng được kết nạp vào Đảng, Giao đã đi học Tiệp Khắc, Uyển đã đi học Cuba, Lộc con gái chúng tôi đã lên lớp 4, nặng 31 kilô, chỉ vài tháng nữa con sẽ nặng bằng mẹ. Ba Mợ tôi vẫn khoẻ, vui vẻ. Đó là điều tôi mừng nhất. Không hiểu tại sao, từ khi ra đi, tôi vẩn vẩn vơ lo ngại, khi trở về không biết còn gặp lại được các cụ nữa không?

Vừa có đoàn bác sĩ từ Hà Nội vào chiến trường Nam Bộ, trong đó có anh Bá, gây mê của Viện Quân y 108. Anh quê miền Nam tập kết ra Bắc. Trong rất nhiều năm, không biết vì lý do gì, nghe anh em xì xào, vì chuyện thành phần gia đình, anh không được đề bạt học tập. Mãi gần đây mới được học chuyên tu và được cử vào chiến trường. Gặp chúng tôi và ra thăm mộ anh Lạc, anh khóc nức nở, nhớ những ngày cùng làm việc ở Hà Nội, những buổi mổ căng thẳng trong Bệnh viện...

Cách đây vài ngày, khoa Tâm thần báo cáo có một bệnh nhân tâm thần đi đâu mất. Nhân viên bổ đi tìm khắp nơi, ra nương, ra kho binh trạm, sang cả đơn vị bạn, lùng sục trong rừng, không thấy đâu cả. Hôm nay, khi anh em vào rừng lấy lá lợp nhà thì thấy một xác người treo lủng lẳng trên cây. Anh đã treo cổ tự tử. Thật hết sức đau buồn. Mặc dầu không khí chiến thắng dào dạt trong cả nước, nhưng vẫn không khỏi có những người dao động hoang mang trước những khó khăn trước mắt, không tìm được lối thoát.

Có lệnh điều một khoa Ngoại đi tăng cường cho viện 1. Số thương bệnh binh ở đây trên 1.100 người, vượt quá khả năng thu dung của Bệnh viện. Khoa 31 được điều đi, có 24 nhân viên mà phải chuẩn bị tinh thần nhận 250-300 thương bệnh binh.

Công việc đang túi bụi, hơn một trăm nhân viên đang đi vận chuyển ở Q.7 với chỉ tiêu một ngày 5 tấn hàng. Hôm trước, khi vượt sông Sa Thầy, bị máy bay L19 phát hiện. Chúng lượn sát mặt sông. Tên giặc lái máy bay cởi trần, người đỏ như con tôm luộc, thò hẳn nửa người ra khỏi máy bay nghiêng ngó. Nó phát hiện ra chiếc xe đạp thồ, có vành xe sáng loáng, không thể nguỵ trang được. Anh chị em trong đội vận chuyển đang lội qua sông, đành ngồi thụp xuống giữa dòng sông, như những tảng đá. Anh chỉ huy đã qua được bờ sông bên kia, quay lại nhìn thì rụng rời người khi trông thấy cô nhân viên, ngồi giữa sông, nhưng sợ ướt, vén quần để lộ đôi đùi trắng lốp, anh chỉ kịp hét to: "Che cái đùi đi!". Chúng nó bắn hai loạt rốc két, gẫy tung cái vành xe. May, người không ai việc gì.

Ngày mai lại phải cử sáu cáng ra đón thương bệnh binh ở Q.7, trong khi đó lại phải điều lực lượng ra phát 30 hecta nương. Số lao động thiếu trầm trọng. Phải nghĩ cách làm sao tăng năng suất lao động.

Bệnh viện mới được trang bị một số xe đạp thồ để vận chuyển lương thực, thực phẩm. Đã bàn với đội vận tải dùng xe đạp chuyển thương. Nhưng anh em còn rất ngần ngại, sợ tai nạn, không an toàn, ngã thương binh.

Tâm lý "Xay lúa, khỏi ẵm em" còn nặng. Ai hơi đâu gánh thêm trách nhiệm làm gì. Ngoài kia đang có cuộc vận động: Một người làm việc bằng hai. Trong này có thể nào, vừa xay lúa, vừa ẵm em được không?

Ngày 15 tháng 3 năm 1968. Lần đầu tiên, chúng tôi dùng xe đạp thồ chuyển thương thành công ở Tây Nguyên. Ở miền Bắc thì đây là việc quá đơn giản. Nhưng ở đây là cả một cuộc đấu tranh tư tưởng gian khổ. Mấy năm nay, ở đây đã có đường thồ và sử dụng xe đạp thồ để vận chuyển lương thực, thực phẩm. Rõ ràng là năng suất lao động cao hơn gùi bộ nhiều. Nhưng chưa thấy ai dùng xe đạp để vận chuyển thương bệnh binh. Đã mấy lần tôi bàn với đội vận tải của Viện nhưng anh em vẫn ngần ngại, sợ đường rừng khó đi, không đảm bảo an toàn.

Nhận được lệnh điều sáu cáng lên đón thương binh ở Q7, tôi gọi anh đội trưởng vận tải lên tính toán.

Mỗi thương binh cần bốn người cáng. Sáu cáng vị chi là phải có 24 người, thêm y tá, chỉ huy, dự phòng người ốm. Tất cả mất 27-28 người. Đoạn đường từ Bệnh viện lên Q7 đi bộ mất 1 ngày. Nhưng nếu cáng nặng phải

mất hai ngày. Như vậy để cáng 6 thương binh sẽ mất ngót nghét 80-90 công lao động!

Giữa lúc này, nhân viên bị điều đi khắp nơi: lớp đi vận chuyển, lớp đi phát nương. Lấy đâu ra 90 công lao động bây giờ? Như bị dồn đến chân tường, tôi quyết định trực tiếp đẩy xe thồ đi đón thương binh, vừa để rút kinh nghiệm lần đầu.

Sau một buổi chuẩn bị và bàn bạc, từ sáng sớm, tôi cùng một đội 12 anh chị em nhân viên, phóng xe đạp lên Q7. Đang giữa mùa khô, con đường đất đỏ chạy ngoằn ngoèo trong rừng, tương đối dễ đi. Thỉnh thoảng một con mòng to bằng đầu đũa bay vút vào mặt, rúc rất nhanh vào tóc trên trán, đốt đau nhói. Loại mòng này rất thích đốt vào chỗ tóc ẩm mồ hôi. Đập chết cũng còn khó khăn mới gỡ chúng ra khỏi tóc. Qua một cái cầu treo qua suối là đã tới Q7, đi tiếp một đoạn đường thồ men theo vách núi đá là tới Q7. Tới nơi mới 9 giờ sáng. Như vậy chúng tôi chỉ mất ba giờ đi xe đạp để vượt chặng đường mà lẽ ra phải mất một ngày đi bộ.

Thương binh đã chờ sẵn trong một chiếc lán ở ven đường. Chúng tôi nhận bàn giao. Một anh thương binh nhỏ bé được mấy cô tranh nhau chọn. Còn các anh to béo thì đùn đẩy, không ai chịu nhận. Tôi phải đứng ra phân xử, phân công trách nhiệm cho từng người, rồi chuẩn bị ra về.

Trong số 6 thương binh, thực sự chỉ có hai là nặng phải nằm, còn bốn anh, có thể ngồi trên yên xe đạp cho một người đẩy. Một chiến sĩ vận tải, áp dụng kinh nghiệm thồ bệnh nhân ở miền Bắc, buộc chiếc cáng vào hai cọc thồ của hai xe đạp cho hai người đẩy xe, thật nhẹ nhàng. Một cậu khác đề xuất cách giải quyết chỉ cần dùng một xe đạp buộc chiếc cáng một đầu lên cọc xe thồ, đầu bên kia có người cáng bằng vai. Cách làm này, chỉ cần hai người và một xe đạp là cáng được một thương binh. Nếu khéo buộc để cho trọng lượng người nằm đè lên xe đạp thì người cáng rất nhẹ, không vất vả bằng cáng bộ.

Trên đường đi, các thương binh ngồi được trên xe đạp do các cô hộ lý của chúng tôi thồ, tới những đoạn đường khó đi, lên dốc thương binh xuống đi bộ để chị em đỡ nặng. Tới chặng cuối thì cả bốn anh đều đi bộ tập tễnh cạnh các cô nói chuyện như khướu, tay đẩy cái xe đạp lăn bon bon trên đường. Thì ra dù bị thương, nhưng sĩ diện của mấy đấng mày râu cũng không cho phép các anh ngồi trên xe để cho các cô em bé nhỏ gò lưng đẩy...

Cả đoàn chúng tôi về tới Viện lúc sáu giờ chiều... ưu thế của việc chuyển thương bằng xe đạp thật đã rõ ràng. Vừa nhẹ nhàng, vừa tiết kiệm được nhiều sức lao động. Để chuyển 6 cáng thay vì mất 90 công trong ba ngày, chúng tôi chỉ mất 12 công trong một ngày, mà anh em thương binh cũng về

được nơi điều trị sớm hơn.

Điều quan trọng hơn cả là chúng tôi giải quyết được tư tưởng sợ không an toàn.

Sau mấy chuyến chuyển thương tiếp sau tôi đúc kết được thành một quy chế "Chuyển thương bằng xe đạp" trong đó ghi rõ, các hình thức chuyển thương, các chỉ định và phản chỉ định theo loại vết thương và theo tình trạng toàn thân thương binh. Cách chuẩn bị xe đạp, người tải thương. Kinh nghiệm này được giới thiệu trên Nội san Quân y Tây Nguyên và được phổ biến để ứng dụng trên toàn chiến trường.

Mấy năm sau, trên cơ sở những kinh nghiệm ban đầu này, cơ quan Hậu cần mặt trận cho sản xuất những xe đạp chuyên dùng để chuyển thương. Chuyển thương bằng xe đạp được phổ biến khắp chiến trường.

Ngày 28 tháng 4 năm 1968. Đêm đêm tiếng bom B52 nổ liên tục. Tiếng máy bay trinh sát vo ve suốt ngày đêm trên đầu. Đội vận chuyển được rút về cho biết ngoài bờ sông Sa Thầy đang làm đường ôtô nên chúng nó đánh phá dữ dội. Như vậy đường ôtô đã vòng qua chỗ chúng tôi ở. Tiếng ôtô ì ì suốt đêm.

Bộ đội vẫn tiếp tục vào chiến trường. Những bộ quân phục mới màu xanh thẫm. Một sư đoàn cơ giới mới vào, tập kết ở Q7, kín đáo dưới rừng cây chờ ngày xuất kích. Anh em còn chỉ cho tôi một quả đồi cạnh đường giao liên, có bộ đội ngày đêm canh gác, thì thào: một tiểu đoàn tăng đang "chôn" ở đó. Các xe tăng được giấu kín trong các công sự, nắp công sự và cửa vào đắp đất kín, trên còn trồng sắn. Các cây sắn đã bén rễ xanh tươi mơn mởn. Người không biết đi ngang qua tưởng chỉ là một nương sắn bình thường.

Trung đoàn 320 bộ binh "quả đấm thép" của Bộ, cũng mới vào, ai cũng khoẻ mạnh, đội mũ sắt. Họ chủ quan, đốt lửa nấu cơm, toả khói mù mịt. Anh em cũ có nhắc nhở thì vỗ ngực: "Lính Khe Sanh đây!"...

Trong những khu rừng rậm rạp, đang thầm lặng chuẩn bị cho một đợi tấn công mới.

Tuần trước, hai chiến sĩ công binh bị thương được khiêng vào Viện. Mới từ miền Bắc vào, còn ăn tiêu chuẩn miền Bắc, to béo lực lưỡng. Một anh bị hai vết thương vào bụng và vào khớp gối. Hồi sức rồi mổ. Hai kíp mổ một lúc. Một kíp mổ bụng, một kíp mổ khớp gối để cho nhanh. Đến nay, diễn biến tốt.

Ngày 15 tháng 5 năm 1968. Từ đầu tháng 4, Mỹ tuyên bố hạn chế việc ném

bom miền Bắc. Hai bên bàn bạc dai dẳng về địa điểm Hội nghị. Cuối cùng đã chọn Pari. Đồng chí Xuân Thủy được cử làm trưởng đoàn đại biểu phía ta.

Từ 3 tháng 5, lại một cuộc tấn công đồng loạt ở 26 vị trí, thị xã, thị trấn miền Nam trong đó có Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng.

Ở chiến trường. những con đường ôtô công khai mở dọc theo bờ sông Sa Thầy đỏ loét. Máy bay địch lồng lộn đánh phá nhưng những tuyến đường vẫn dài mãi ra... Ngoài những con đường công khai, còn có những con đường bí mật trong rừng. Cây bị cưa một nửa để giữ cho lá cây vẫn xanh tốt... Khi cần mở đường thì chỉ cần nổ bộc phá là sẽ hất cây sang hai bên, mở đường cho xe đi.

Cuối mùa khô, nắng gay gắt, suối đá cạn từ lâu, giếng đào giữa dòng suối để lấy nước ăn, cũng cạn dần. Hôm nay xuống khoa 22, anh em mời uống nước. Nhấp chén nước, thấy có mùi gừng, ngạc nhiên hỏi: Sao các cậu "sang" thế này? Anh Chủ nhiệm khoa giải thích, phải cho thêm gừng để át mùi thum thủm của nước.

Khối Nội hết sạch nước phải đi mất nửa giờ để gánh nước. Khối Ngoại cũng chỉ còn vài khe nước nhỏ ri rỉ. Tắm giặt là cả một vấn đề. Phải đi hơn một tiếng đồng hồ ra suối to mới có nước tắm. Mọi người gặp nhau chỉ nói chuyện nước và mong mưa.

May tối hôm qua trời bắt đầu mưa. Trận mưa đầu mùa, tuy khá to những cũng chỉ ngấm đất. Khe suối bắt đầu có dòng nước nhỏ, chảy ngoằn ngoèo.

Ngày 10 tháng 6 năm 1968. Giữa tháng 5 phải huy động 135 nhân viêu đi vận chuyển cho mặt trận, chưa kể số 40 người vận chuyển ở cánh Bắc chưa về...

Lương thực, thực phẩm có khó khăn, phải ăn độn sắn. Nhân viên ăn 350 gam gạo độn 1 kg sắn một ngày, thương bệnh binh được ưu tiên hơn, ăn 500 gam gạo cộng với 800 gam sắn. Vận chuyển đủ sắn ăn hàng ngày cho hơn một nghìn bệnh nhân và bốn trăm nhân viên là một khối lượng rất lớn. Nương cách hai ngày đi, hai ngày về. Trung bình phải có một trăm người trên mặt đường mới vận chuyển đủ sắn ăn.

Nhân viên phục vụ thiếu nghiêm trọng. Có khoa chỉ có một y tá phục vụ cho 100-150 thương bệnh binh. Phòng mổ chỉ còn ba nhân viên chuyên môn, kể cả bác sĩ gây mê, hồi sức.

Sau mấy tháng cắt được sốt rét nhờ DDS, tuần trước tôi sốt lại ba hôm liền.

Sau đó lại mất ngủ, thức trắng đêm, đầu cứ vang vang trống rỗng, mắt chong chong, không sao ngủ được...

Mới mổ một thương binh bị một túi phồng động mạch to bằng quả bưởi ở trên cổ, đe doạ vỡ. Lúc đầu còn phân vân giữa động mạch dưới đòn và động mạch cảnh gốc. Giá chụp được X quang động mạch thì quý biết bao! Sau đó, căn cứ vào đường đi của vết thương, phán đoán là động mạch đòn. Tình hình không thể lùi được buộc phải mổ. Tuy biết rằng việc mổ, trong điều kiện không có đầy đủ máu truyền như hiện nay là rất nguy hiểm.

Đầu tiên đi trực tiếp theo đường mổ động mạch dưới đòn. Nhưng rất khó khăn vì chạm tới đâu là chảy máu tới đó. Phải lui ra ngoài, tìm động mạch nách, đi lần dần lên trên. Mất rất nhiều thì giờ, đi lấn từng li thật nhẹ nhàng để giảm bớt chảy máu. Tới được túi phồng to như quả cam, đập bình bịch rất mạnh. Không làm sao tới được đầu trên của túi phồng. Chạm đâu là chảy máu ào ào tới đấy. Cuộc phẫu thuật đã kéo dài 5 giờ. Thật tiến thoái lưỡng nan... Tiếp tục thì liệu thương binh có chịu đựng được không? Mà rút lui thì ổ động mạch bị phồng như một cái săm xe đạp phình to có thể vỡ bất cứ lúc nào. Tôi nhìn anh Thọ, bác sĩ gây mê đang lúi húi lấy huyết áp. Anh Thọ cho biết huyết áp mạch vẫn ổn định, có thể mổ tiếp được. Chuyển qua rạch đường lồng ngực. Qua kẽ sườn, lá phổi phập phồng phía dưới, tim đập thình thịch trong sâu. Trong ngực tối và sâu thăm thẳm. Ngọn đèn xe đạp không đủ sáng. Các mạch máu nhỏ ngoằn ngoèo dưới lá màng phổi trung thất. Nhưng cuối cùng tôi luồn được chiếc kìm có mũi cong vào quanh mạch máu. Kéo được một sợi chỉ to vào gốc động mạch dưới đòn. Thắt chỉ. Tiếng đập thình thịch của túi phồng tắt hẳn. Túi phồng xẹp hẳn xuống. Toàn bộ thời gian mổ mất 8 giờ.

Tôi chỉ còn kịp tháo bỏ đôi găng cao su đẫm máu ra và ngã phịch trên tấm sạp tre cạnh buồng mổ.

Đến hôm nay đã qua được một tuần, thương binh hồi phục rất tốt. Nhưng lại mới vào một trường hợp hóc búa khác, một trường hợp nôn ra mật, đái ra huyết cầu tố y hệt trường hợp anh Lạc. Hôm đầu sốt cao, đái ra nước tiểu đen như cà phê đặc. Huyết áp dao động trong một ngày. Hôm sau huyết áp ổn định, nhưng lại vào trạng thái vô niệu, không có nước tiểu. Trong 24 giờ mà chỉ nhỏ giọt được khoảng 30 ml nước tiểu. Bệnh nhân nửa mê, nửa tỉnh.

Ngày 25 tháng 6 năm 1968. Hôm qua trạm chuyển thương của Bệnh viện ở Q7 báo cáo về có 13 cáng, trong đó có một thương binh vào bụng lòi ruột, không khiêng về được xin đội phẫu thuật lên mổ cấp cứu. Tôi cùng với tổ phẫu vội vã lên đường. Mùa mưa đã bắt đầu, đường lầy lội, không còn dùng xe đạp được nữa, lại phải trở lại việc dùng sức người, gánh bộ.

Lên tới Q7 thì đã sẩm tối. Thương binh là một chiến sỹ của kho Q7 bị thương trong khi đánh biệt kích. Mổ ngay trong đêm trong một lán của kho, trên một chiếc giường tre đặt trên bốn chiếc cọc. Cũng còn may, vết thương chỉ rách thành bụng, lòi một quai ruột lấp ló ở thành bụng. Mở rộng vết thương, kiểm tra các phủ tạng bên trong không bị tổn thương, chỉ phải rửa sạch quai ruột và khâu lại thành bụng... Anh em coi kho phấn khởi được chúng tôi lên tận nơi cấp cứu, giết một con gà chiêu đãi đội. Thật là "Phúc chủ, lộc thầy!".

Trong rừng, các cây chôm chôm, giậu gia đã chín. Các khoa rủ nhau đi hái về ăn. Có người chặt cả cây để lấy quả. Khoa Dược cũng cử nhân viên đi lấy để về làm cao chua. Một cô y tá trong khi đi lấy lá lợp nhà, gặp một cây, không biết là cây gì quả to và thơm như mùi chuối chín. Hái mấy quả cho vào túi. Ăn thử một quả thấy rất ngọt và ngon nhưng không dám ăn nhiều một lúc, sợ ngộ độc. Một lúc sau không thấy gì, ăn tiếp quả thứ hai rồi quả thứ ba vẫn thấy yên. Sáng hôm sau, trở lại khu rừng, thì không thấy cây đâu nữa. Cây rừng, làm sao mà tìm lại được, cứ tiếc ngẩn ngơ mãi.

Ngày 10 tháng 7 năm 1968. Địch đã rút Khe Sanh từ hôm qua. Mấy tháng nay ta bao vây Khe Sanh, pháo kích dữ dội đến nỗi chúng nó đã phải gọi Khe Sanh là "Đồi thịt băm".

Mới có lệnh cho ngừng việc ăn sắn. Thật may. Hàng ngày chúng tôi mất bao nhiêu công vào việc đào và vận chuyển sắn. Nhưng nghĩ cho cùng sắn cũng rất có công. Văn công B3 có bài hát "Cây sắn tấn công" thật khí thế. Đúng là cây sắn đã giúp cho bộ đội đỡ đói, bám trụ được ở chiến trường. Ưu điểm của cây sắn là không cần mùa vụ thu hoạch. Nếu chưa cần ăn thì cứ để mặc cây sắn trên rừng. Tất nhiên sẽ giảm phẩm chất, nhiều xơ hơn. Nhưng không cần mất công canh giữ. Địch không đốt phá được. Khi nào cần ăn thì lên rừng lấy. Như vậy tiện hơn lúa gạo nhiều.

Nhưng khổ nhất là mất nhiều công vận chuyển. Đã tổ chức thái sắn khô, nhưng lại phải phơi nắng, mà phơi trắng lốp lại trở thành vấn đề, thu hút máy bay và bom đạn. Ngoài ra còn vấn đề năng suất. Chúng tôi đã tổ chức một tổ 40 người làm sắn khô. Mỗi ngày chỉ làm được hai tạ sắn khô có nghĩa là có 5 kg một công lao động. Năng suất như vậy quá thấp. Thà chuyển hẳn sắn tươi còn hơn!

Nhờ có lệnh miễn ăn độn sắn cho thương bệnh binh nên đội vận chuyển sắn từ 120 người có thể rút bớt 60, chỉ để lại 60 người, 30 trồng sắn mới và 30 chuyển vận sắn cho nhân viên.

Số nhân viên vận chuyển sắn chưa về tới nhà thì số thương bệnh binh từ

phía trước như cơn lũ tràn về. Cuộc tấn công đợt 2 đã kết thúc, nghe chừng có nhiều khó khăn. Các sư đoàn, trung đoàn phờ phạc sau các trận chiến đấu ác liệt đang dần dần rút về hậu cứ mang theo số thương bệnh binh ứ đọng ở phía trước.

Trong một tuần số thu dung trong Bệnh viện tăng từ 1100 lên 1200 rồi 1600.

Ở chiến trường, không giống như các bệnh viện hậu phương, khi thương bệnh binh đến đông, chỉ đơn giản trả lời "hết chỗ" hoặc hẹn ngày sau sẽ nhận là xong! Ở đây, có bao nhiêu bệnh nhân đến, phải tạo điều kiện nhận bằng hết. Không thể nói hết chỗ. Phải làm thêm nhà, làm thêm giường. Hoặc nhân viên nhường nhà, để có đủ chỗ cho thương bệnh binh.

Đợt này, nhân học sinh trường Quân y tập trung ra rẫy tăng gia, phải mượn địa điểm nhà trường tổ chức một khoa mới, nhận 120 bệnh nhân. Các khoa cũ trong Viện cũng phải làm thêm giường chen vào các chỗ trống, không để thương bệnh binh phải mắc võng, che ni lông nằm ngoài trời... Tới hôm nay tuy số bệnh nhân lên tới 1600 nhưng chỗ ở vẫn tạm đủ, không đến nỗi nhếch nhác quá.

4 giờ sáng hôm nay, điện của phòng cho biết Đội điều trị 3 bị B52 đánh chỉ cách đơn vị có nửa giờ, yêu cầu cho người cấp tốc sang giúp ĐT3 sơ tán gấp. Tuy đội vận chuyển sắn chưa về tới nhà, nhưng vẫn phải rút 90 người tới giúp ĐT3... Nếu số thương bệnh binh của ĐT3 về thêm thì thu dung sẽ lên tới 1700-1800. Tình hình thật căng thẳng...

Ngày 20 tháng 7 năm 1968. Khoa Dược đã sản xuất được thuốủ an thân từ cù Bu-man! Đây là một loại củ rừng mà đồng bào thường ăn để chống đói, nhưng phải thái nhỏ, ngâm xuống dòng suối một tuần sau mới nấu ăn. Hôm đó anh em Dược đào được một củ. Vì đói nên ăn bừa mà không ngâm. Ăn xong, cả khoa ngủ li bì, hơn một ngày mới tỉnh và như vậy phát hiện ra tác dụng gây ngủ của củ Bu-man.

Trong rừng Việt Bắc có củ bình vôi, đã chiết xuất được chất Rôtunđin dùng làm thuốc an thần. Nhưng anh em Dược đã tra cứu tài liệu thấy đây là một loại cây khác không phải là cây bình vôi. Trong khi chế biến chỉ giã bột Bu man cũng thấy buồn ngủ. Anh em hy vọng tìm được một loại cây thuốc mới trong rừng Tây Nguyên chưa có trong dược điển.

Các khoa Ngoại cũng đang triển khai hai đề tài nghiên cứu khoa học: dùng mật ong và Lân-tơ-uynh điều trị vết thương nhiễm trùng.

Mật ong có khá nhiều trong rừng. Có những tổ ong to bằng cái nia trên ngọn cây. Nhiều tài liệu y học cổ cũng đã nói tới việc dùng mật ong để chữa vết

thương.

Lân-tơ-uynh là loại cây leo mọc nhiều trong rừng Trường Sơn. Đồng bào dân tộc băm nhỏ sắc thành thuốc để rửa và đắp vết thương. Tiếp thu kinh nghiệm này, các khoa Ngoại đã thử dùng trên vết thương nhiễm trùng và thấy kết quả tốt. Khoa Dược đã cử người vào rừng chặt Lân-tơ-uynh về chế biến thành cao cung cấp cho các khoa... Có thể có tác dụng như một thuốc kháng sinh thảo mộc diệt vi khuẩn.

Chúng tôi đã gửi bột Bu-man, Lân-tơ-uynh ra Hà Nói nhờ các Viện nghiên cứu ngoài đó nghiên cứu.

Ngày 22 tháng 8 năm 1968. Nhiều thương binh nặng vào Viện. Vết thương cột sống, từ tuyến trước chuyển về đã loét mông, ăn uống, ỉa đái đều phải phục vụ tại chỗ. Hết sức vất vả. Một thương binh bị vết thương lớn vào mông. Mất hẳn một bên mông, đứt trực tràng, phải làm hậu môn nhân tạo cho phân chảy tắt ra đường bụng.

Các thương binh khi về tới Viện đều phải qua nhiều tuyến phía trước. Vết thương đã nhiễm trùng. Nhiều vết thương có dòi. Những con dòi thật khủng khiếp mà trước đây tôi chưa từng thấy bao giờ. Những con dòi to và dài như ngón tay, người đầy lông lá, nhung nhúc trong vết thương. Ban đêm trong rừng thỉnh thoảng lại có tiếng kêu thất thanh: "Anh y tá ơi, anh y tá!"... Khi đã có kinh nghiệm, chúng tôi gọi đó là "tiếng kêu dòi!". Đúng như vậy, đó là những thương binh bị dòi đục khoét trong vết thương, đau quá không chịu nổi phải kêu cứu. Chỉ cần anh y tá xách đèn đến, mở băng, gạt dòi đi là anh thương binh lại ngủ được.

Theo sách vở kể lại kinh nghiệm chiến tranh du kích ở Tây Ban Nha vào những năm 30, người ta cho rằng dòi không có gì đáng sợ, trái lại, chúng sẽ giúp làm sạch các tổ chức huỷ hoại ở vết thương và làm cho vết thương mau lành. Nhưng với lương tâm người thầy thuốc thì chúng tôi thấy không thể đang tâm nhìn những vết thương có dòi kèm theo những nỗi đau đớn của thương binh như vậy. Chúng tôi dùng nhiều cách để loại trừ dòi ra khỏi vết thương, đổ Ether vào vết thương. Áp dụng kinh nghiệm của Giáo sư Tôn Thất Tùng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, thay băng bằng dung dịch Quinacrin. Anh em còn dùng cây lá rừng Lân-tơ-uynh, nước lá sắn tươi rửa vết thương. Nhưng hiệu quả nhất có lẽ vẫn là thay băng hàng ngày và kiên trì nhặt dòi ra khỏi vết thương.

Mới hy sinh một thương binh cột sống nặng. Khi vào Viện đã lở loét khắp người, gầy rộc da bọc xương. Chúng tôi bọc anh trong tấm ni lông đưa anh ra nghĩa trang của Viện. Áo quan là một hòm bằng những cây bương ghép lại, mà anh em trong Bệnh viện gọi là "ô tô bương".

Nghĩa trang của Viện là một bãi rừng bằng phẳng tập trung đến nay khoảng ba chục nấm mồ trong đó có mộ của cán bộ nhân viên Bệnh viện, anh Lạc, anh Nhữ, cô Như. Do điều kiện phải giữ bí mật, không được phép làm mộ chí, chúng tôi chỉ có thể ghi tên, địa chỉ người chết vào một mảnh giấy nhỏ, bỏ vào lọ Pênixilin, đóng nút kín, cho vào mộ trước khi lấp đất. Ngoài ra, anh em còn phạt một hốc cây cạnh mộ, ghi một số hiệu, phù hợp với số hiệu ghi trong sơ đồ mộ chí của cơ quan chính trị Bệnh viện để cùng với di vật của liệt sĩ gửi về hậu phương.

Mới một năm mà khu rừng đã mọc lại um tùm, các dấu vết trên gốc cây mờ nhạt dần do vỏ cây mới mọc ra, không biết sau này có còn đọc được không?

Ngày 5 tháng 9 năm 1968. Sau đợt hai, mặt trận yên tĩnh được một thời gian ngắn, nhưng chỉ tạm thời. Tiếp sau đó lại các trận đánh lớn ở Đà Nẵng, Nha Trang, quanh Sài Gòn. Trong dịp sắp bầu cử Tổng thống Mỹ, đài Hà Nội tăng các chương trình phát thanh thêm ba buổi vào lúc 6 giờ sáng, 3 giờ chiều, 1 giờ đêm.

Ngày 1 tháng 10 năm 1968. Trong tuần qua tôi lại bị một cơn sốt kịch liệt ập tới. Bắt đầu chỉ là một cơn sốt nhẹ, người thấy ong ong khó chịu trong khi đang ngồi họp bàn công việc tháng tới. Sau buổi họp, sang khối Ngoại xem anh Hưởng mổ một ca dính ruột. Một đêm mất ngủ. Uống thuốc vẫn không ngủ được. Có tiếng oang oang trong đầu. Hai ngày sau, cơn sốt tăng lên, rét run người rồi nóng vã mồ hôi, rồi lại thấy những ảo ảnh. Trong đầu như máy quay phim chiếu những đoạn phim đứt quãng, nhưng bao giờ cũng là hình ảnh của gia đình. Ba, Mợ, Hương, Lộc, các anh chị, những ngày nhỏ ở nơi tản cư, những ngọn cây cao, những đồi thông, những câu thơ tình của Nguyễn Đình Thi:

"Anh yêu em như anh yêu đất nước…
Vất vả, đau thương, tươi thắm vô cùng…"

rồi lại xì xồ tiếng Pháp, đọc thơ Lamartine...

Jevenez, revenez ômes tristess pensées...
Je veux rêver et non pleurer..."

"Hãy trở lại đi những ý nghĩ buồn
Tôi muốn mơ, mà không muốn khóc…"

Như sống trong một câu chuyện cổ tích, vừa vui, vừa buồn, cười cười, khóc khóc. Anh em lo sợ, khiêng sang Viện điều trị, lại nghĩ là anh em đem mình đi chôn. Thẳng thốt hỏi anh em: Tôi là Đài hay là Lạc? Nằm trong

võng tưởng như nằm trong áo quan, rồi bóng tối ập tới như chìm trong một cái huyệt đen ngòm sâu thẳm và êm ái. Không còn tiếng máy bay vo ve trên bầu trời, tiếng bom nổ ì ầm ở xa, tiếng người lao xao bên cạnh, bóng đèn lấp lánh. Tất cả chìm trong bóng tối và im lìm... Tôi chìm sâu vào một giấc ngủ dài. Một đêm và một ngày. Hình như các viên thuốc ngủ uống từ mấy hôm trước mà không ngủ được bây giờ mới đồng loạt phát huy tác dụng. Khi tỉnh dậy tôi thấy đầu quang đãng hẳn. Tiếng những giọt mưa lốp bốp trên mái nhà. Cơn sốt đã qua. Hôm nay đã ra Viện và trở về nhà. Nhận được hai thư của Hương, thư của Ba Mợ, của Lộc và chú Hoàng, ngoài ra một lá thư có nét chữ hơi lạ, thì ra thư chị Lan, vợ anh Lạc... Cả ngày tôi viết thư trả lời. Thư chị Lan làm cho tôi xúc động chảy nước mắt. Chắc tin anh Lạc mất đã ra tới Hà Nội làm cho Hương lo lắm.

Ngày 15 tháng 10 năm 1968. Trời bắt đầu hửng nắng từ hơn một tuần nay. Mùa khô đã bắt đầu, nhưng đêm vẫn mưa, những cơn mưa cuối mùa. Đã qua mùa mưa thứ ba ở Tây Nguyên với bao nhiêu tai hoạ do mưa gây nên. Thiên nhiên ở đây thật dữ tợn, trong bốn tai hoạ lớn: "thuỷ, hoả, đạo, tặc" không phải ngẫu nhiên mà người coi "thuỷ" tức là nước, đứng hàng đầu. Một con suối thật hiền lành nhỏ bé thế mà chỉ sau một cơn mưa trong vài giờ bỗng trở thành một con sông lớn hung dữ, nước đỏ ngầu, chảy ầm ầm, kéo phăng nhà cửa, lợn, gà ở hai bên bờ. Những thân cây to bị kéo theo dòng nước như những cỗ xe tăng bất kham, không người điều khiển, húc tung mọi cầu cống. Con người trở nên hết sức nhỏ bé và bất lực trước sức mạnh của thiên nhiên.

Nay mùa mưa đã qua nhưng tác hại của mưa thì vẫn còn. Cây đổ là mối đe doạ thường xuyên trong mùa mưa "Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù". Nhưng rừng cũng luôn đe doạ con người sống trong rừng bằng nạn cây đổ. Những cây cổ thụ gốc to hai ba người ôm không hết, cao ngút ngàn, gây một cảm giác thật vững chắc. Những cây có những cành ngang dọc tít trên cao. Thật khó mà trèo lên kiểm tra từng cành xem có bị mối mọt đục ruỗng bên trong hay không. Chỉ sau vài cơn mưa, lá cây nặng trĩu nước. Đất rừng dường như cũng bị mềm đi không còn đủ sức giữ trọng lượng của cây. Thế là chỉ cần một làn gió thoáng qua, hoặc thậm chí không có gió, giữa trời quang mây tạnh, cây cũng có thể đột ngột lăn kềnh, kéo theo hàng chục cây con bên cạnh. Cũng có khi cây gẫy ngang thân, hoặc một cành to trên cao gẫy sập, quật tan nhà cửa, công sự, người, súc vật phía dưới. Tai nạn có thể ập tới bất cứ lúc nào, đang nằm trong nhà giữa đêm khuya thanh vắng hay đang lao động ngoài trời, đang hàng quân trong rừng, không biết đường nào mà tránh. Mấy hôm trước, giữa nửa đêm, một cây cổ thụ đột nhiên gẫy ngang thân. Một cành cây to bằng bắp đùi quật xuống lán thương binh trong lúc mọi người đang ngủ. Một người chết ngay tại chỗ. Y sĩ Đạt, học viên trường Quân y bị một mảnh gỗ to bằng ngón cái xuyên ngược từ gò má lên nền mắt. Mê man, bất tỉnh, máu mồm, máu mũi chảy giàn giụa. Khiêng tới

phòng mổ đã ngừng tim, ngừng thở. Mở ngay khí quản, hút máu trào vào đường thở. Hô hấp nhân tạo, bóp tim ngoài lồng ngực, tim đập lại được. Nhưng khi rút khúc gỗ ra khỏi vết thương thì máu chảy chan hoà. Phải mổ, thắt động mạch ngoài mới cầm được máu.

Hai hôm sau một nhân viêu khoa 22 đang đi trong rừng cũng lại bị cây đổ, may chỉ bị rách da đầu. Tiếp sau đó lại xảy ra một trường hợp khác: Một cây to bằng bắp đùi trên cao khoảng ba chục mét, đột nhiên gẫy rắc, vụt xuống trúng đầu một cán bộ tiểu đoàn đang ngồi chơi trước lán. Họp khoa, họp Viện, kiểm điểm rút kinh nghiệm. Khoa xin nhận kỷ luật. Nhưng kỷ luật gì? Chỉ có điều là phải thường xuyên quan sát các cây quanh nhà. Tìm các ổ mối mọt có thể đục ruỗng cây. Nhưng làm sao xem được hết cây rừng trong khu vực đóng quân và lân cận. Sức đâu mà trèo hết các cây, kiểm tra từng cành cây. Tốt nhất là chọn rừng tre nứa mà ở, nhưng lại không kín đáo.

Do các tai nạn vừa qua nên có chỉ thị không được cho thương bệnh binh vào rừng lấy củi, không được vác tre, không được lấy lá, không được làm bếp, v.v… Trong khi công việc vẫn bê bối, số thương bệnh binh trong Viện vẫn xấp xỉ 1.600-1.700. Vẫn phải huy động người đi lên phía trước chuyển thương, khi 5 cáng, khi 10 cáng. Rồi vận chuyến sắn, vừa đi vừa về mất hai ngày. Lại phải làm lại nhà cửa, công sự. Đã qua hai mùa mưa, nhà cửa dột nát, công sự đã sụt lở. Công việc rối tinh. Khoa nào cũng kêu.

Anh Hà, Phó chủ nhiệm chính trị mặt trận, về thăm Viện, động viên anh em: "Thắng lợi cơ bản rồi, chỉ cố gắng một chút nữa thôi!". Rồi anh vỗ vai tôi: Anh em ta chịu khó, chịu khổ một năm nữa là cùng!

Ngày 20 tháng 10 năm 1968. Thư Hương và gia đình là nguồn động viên lớn đối với tôi. Tôi cũng viết thư ra đều đặn mỗi khi có người ra. Cũng may là điều kiện Bệnh viện hầu như tháng nào chúng tôi cũng có thương bệnh binh mất sức chiến đấu trở về hậu phương nên việc gửi thư ra không có gì khó khăn. Tuy nhiên những bức thư của chúng tôi có lẽ rất công thức nhạt nhẽo, không nói được gì. Vì bất cứ điều gì cũng là bí mật, hơn nữa muốn gia đình bớt lo lắng, nên cũng chẳng muốn nói đến những khó khăn gian khổ ở chiến trường làm gì...

Ngày 10 tháng 11 năm 1968. Hội nghị Chiến sĩ thi đua của chiến trường Tây Nguyên được lổ chức trong một khu rừng săng lẻ. Hàng cây cổ thụ cao ngất, uy nghiêm. Hội trường rộng rãi, đủ chỗ cho hơn ba trăm đại biểu, đỏ rực các cờ, băng khẩu hiệu. Máy nổ cung cấp điện sáng rực suốt ngày đêm. Có nhà triển lãm, có căng tin, có bóng bàn, cầu lông. Đêm nào cũng có văn công, xi nê. Ăn uống theo tiêu chuẩn bồi dưỡng. Ngoài lợn gà, còn có thịt nai, bò, lợn rừng săn bắn được, ngoài tiêu chuẩn.

Các đại biểu ăn ở ngay khu vực hội trường, trong những dãy lán do công binh mới xây dựng. Đại biểu đến từ các Sư đoàn, Trung đoàn quân chủ lực, các đơn vị dân quân du kích các tỉnh đội, huyện đội. Các cán bộ dân chính, Đảng, các cơ quan bệnh viện, đường dây giao liên, các kho trạm, trường học. Các chị cán bộ dân tộc răng cưa sát lợi, nói tiếng Kinh không sõi, phải có người phiên dịch. Không biết bao nhiêu tuổi, chỉ biết là bao nhiêu cái rẫy. Đủ các dân tộc Tây Nguyên, ngoài dân tộc Kinh, còn có các thanh niên xung phong dân tộc Êđê, Bana, Hơmông. Trong một bản báo cáo, các chị nói tới thành tích bắn hạ máy bay "chưa làm xong"... Tôi ngạc nhiên: máy bay "chưa làm xong" là loại máy bay gì? Hỏi ra mới biết, đó là loại máy bay trực thăng - mà bộ đội ta gọi là máy bay xương cá - thành máy bay bằng mi ca trong suốt, trông thấy rõ khung máy bay và tên phi công ngồi bên trong. Loại máy bay này xuất hiện lần đầu trong chiến dịch Plây-me. Anh chị em dân tộc reo lên: "Thằng Mỹ chết đến nơi rồi, chúng nó đã hết máy bay, phải đem cả máy bay "làm chưa xong" ra đánh nhau!"

Báo cáo tổng kết của Chính uỷ mặt trận cho biết: Tây Nguyên nổ phát súng đầu tiên trong cuộc Tổng công kích trên toàn miền Nam vào lúc 6 giờ 30 ngày 28 tháng 1 năm 1968. Liên tiếp mở các đợt tấn công và nổi dậy vào tháng 2, tháng 5, tháng 8... đánh thị xã Kontum, Gialai, Ban Mê Thuột, Đức Lập, Đắc Tô, Cơ-ti-pơ-rông, đánh giao thông tiêu diệt và bắt sống 5.632 địch, 1.000 hàng binh, phá trên 3.000 xe cơ giới, 195 khẩu pháo, giải phóng thêm 6 vạn dân.

Sau hội nghị Chiến sĩ thi đua, các cán bộ từ tiểu đoàn trở lên, ở lại dự chỉnh huấn cán bộ. Gặp lại cụ Trí, một cán bộ đã lớn tuổi, hom hem, vui tính chỉ huy đơn vị VQ5 - cửa khẩu tiếp nhận hàng từ Campuchia sang - năm ngoái, trước Chiến dịch Đắc Tô, cùng một tổ chỉnh huấn với cụ. Nhớ lại thương cậu Lạc, lúc đó còn gân cổ thảo luận "cú quyết định" suốt một buổi sáng. Thế mà đã xanh cỏ rồi!

Sáng 1 tháng 11 đài phát thanh báo lên sẽ truyền đi một tin quan trọng vào lúc 10 giờ sáng: Giônxơn xuống thang, tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc. Một thắng lợi lớn trên con đường giải phóng miền Nam. Tin chiến thắng làm cho mọi người nô nức vui mừng phấn khởi. Cuộc chiến chưa kết thúc, nhưng thắng lợi dường như đã đến gần.

Mấy hôm nay, Đài liên tục công bố lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tuyên bố của Chính phủ, lời kêu gọi của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, lệnh của Bộ Quốc phòng. Chính quyền Thiệu, Kỳ phản đối lệnh ngừng ném bom mà không chịu cử phái đoàn đi dự Hội nghị Pari. Nhân dân Sài Gòn sôi sục đấu tranh, đòi đánh đổ Chính quyền Thiệu, Kỳ, Hương, đòi thành lập nội các hoà bình.

Bên Mỹ, Nichxơn thắng cử Tổng thống: đảng Dân chủ chiếm đa số ở cả Thượng và Hạ nghị viện.

Kết thúc chỉnh huấn. mọi người ra về với quyết tâm mới chuẩn bị gấp rút cho đợi hoạt động cao điểm mới.

Ngày 20 tháng 11 năm 1968. Sau chỉnh huấn, chúng tôi trở về với công việc hàng ngày, chuẩn bị cho anh em ở nhà đi chỉnh huấn đợt hai.

Hoạt động của Bệnh viện tốt. Số bệnh nhân ra Viện vượt chỉ tiêu đề ra đầu tháng. Các khoa Ngoại làm được sân tập thể dục, có xà đơn, xà kép, thang... trên một bãi trống bằng phẳng, dưới những cây cao. Khoa 34 có sân đánh cờ người. Không thật đúng như ở các lễ hội nông thôn miền Bắc. Mỗi quân cờ là một người. Vì lấy đâu ra ba mươi hai người để chơi cờ. Ở đây sân chỉ hai người chơi, nhưng thay vì một bàn cờ nhỏ, ở đây, bàn là một cái sân rộng, các quân cờ cắm vào các hố bằng ống nứa chôn xuống đất. Chơi cờ trở thành một kiểu thể dục. Người chơi cờ không còn ngồi rung đùi nhổ râu, mà luôn phải đi lại lại trên sân, rút quân cờ từ chỗ này sang chỗ khác. Chơi xong ván cờ, coi như đi bộ một quãng đường dài.

Tôi cũng mới ra thăm rẫy xem tình hình thu hoạch lúa. Thu hoạch đã gần xong, lúa không tốt lắm. Hơn 15 hecta mà chỉ được gần mười tấn thóc.

Biết làm thế nào! Ở đây chúng tôi buộc phải áp dụng cách sản xuất thô sơ từ hàng trăm năm nay của đồng bào dân tộc. Đầu tiên là phát nương. Công việc bắt đầu từ mùa khô: Chọn một khu rừng tương đối bằng phẳng, gần suối. Mỗi người một con dao, ra sức phát trụi hết cây rừng, cả cây to lẫn cây nhỏ. Tai nạn dễ gặp lúc này là bị cây đổ làm chết người. Sau đó để phơi cây cho khô dưới nắng. Khi bắt đầu hết mùa khô thì đốt nương. Phân chia người đứng trên chiều gió để gió thổi đốt hết nương, biến khu rừng thành một biển lửa. Từ xa hàng cây số có thể thấy mặt trời bị lửa và khói che phủ, ánh nắng từ màu vàng trở thành màu đỏ quạch. Đã có đơn vị tổ chức không tốt, người đốt ở nương giữa, người đốt ở bìa nương. Khi lửa cháy to, bị vây trong biển lửa và chết cháy. Một khi rừng bắt đầu cháy thì không ai ngăn được lửa cháy lan sang các khu rừng khác. Lúc này, chỉ có mưa hoặc một sự may rủi nào đó mới tắt được ngọn lửa. Công việc tiếp sau là dọn nương. Khi lửa đã tắt, phải chia nhau ra thu dọn, chặt các bụi cây, hoặc những cành cây chưa cháy hết, vun thành đống rồi đốt cho cháy nốt. Sau đó chờ những cơn mưa đầu mùa để gieo hạt. Cứ từng đôi hai người một, một người đi trước, tay cầm hai cây gậy nhọn đầu, vừa đi vừa chọc que xuống đất thành những hố nhỏ, đều nhau. Người thứ hai đi sau, đeo một rọ thóc, thả vào mỗi lỗ một vài hạt thóc rồi lấy đầu ngón chân bịt miệng lỗ cho chim khỏi ăn mất thóc. Rồi chờ trời mưa, thóc nẩy mầm và mọc thành cây lúa,

cho tới khi thu hoạch.

Tới đầu mùa khô là bắt đầu mùa thu hoạch. Tôi ra thu hoạch với anh em. Anh em phát cho tôi một cái gùi để đựng thóc, đeo sau lưng và khuyên tôi lấy giẻ băng ngón lay cái và ngón tay trỏ bàn tay phải. Ra tới nương, mọi người phân chia nhau mỗi người một góc nương để đề phòng máy bay oanh tạc thì giảm bớt thương vong. Thu hoạch lúa đơn giản là tuốt bông lúa giữa hai ngón tay, hứng các hạt thóc vào lòng bàn tay rồi bỏ vào gùi ở sau lưng. Cứ như vậy, đi suốt buổi. từ cây lúc này sang cây lúa khác, chỉ cần chú ý không bỏ sót. Đến trưa thì hai ngón tay bị xây xát, rớm máu, phồng lên, mọng nước, đau rát như bị bỏng. Thấy tôi nhăn nhó, anh em tăng gia cười bảo tôi: Ai đi tuốt lúa lần đầu cũng đều như vậy cả. Mãi rồi quen đi, hai ngón tay chai cứng như hai cái gót giày, lúc này mới coi như đạt yêu cầu, tối nghiệp Đại học tuốt lúa ở Tây Nguyên.

Ở với anh em tăng gia được một ngày rồi trở về Viện, trong lòng nặng trĩu những suy nghĩ làm gì để cải tiến được công tác tăng gia đây?

Chủ trương chiến lược "bóp cổ và chọc thủng dạ dày Việt cộng" của tướng Oét-mo-rơ-len đang được thực hiện. Chúng đánh phá ác liệt con đường tiếp tế của ta từ hậu phương vào. Nguồn tiếp tế ngày càng khó khăn, chỉ có một con đường là tăng gia sản xuất tự túc. Tuy chúng tích cực phá sản xuất bằng rải chất độc hoá học, nhưng rừng núi bao la, chúng rải sao cho xuể?

Về tới nhà, lại có chuyện đột xuất: Anh Th. bệnh nhân khoa 40 đi đâu không biết. Anh Th. là một trợ lý của phòng Hậu cần bị kỷ luật vì hủ hoá. Trước khó khăn gian khổ của chiến trường, tư tưởng có phần hoang mang dao động. Nay đột xuất bỏ đi, mang thco tăng võng, súng, địa bàn... được tin, anh V. phó chính uỷ phòng lập tức xuống Viện chỉ đạo việc tìm kiếm, sợ Th. "nhảy". Nếu Th. "nhảy" - có nghĩa là dầu hàng địch - thì hết sức nguy hiểm, vì anh nắm rất rõ các cơ sở hậu phương của chiến trường. Một tổ vệ binh được phái đuổi theo đường CO5, đi về phía Plâycu. Viện chỉ thị cho các khoa củng cố công sự, đề phòng bị oanh tạc, chuẩn bị phương án di chuyển.

Sau hai ngày đột nhiên thấy Th. trở về. Hỏi thì anh cho biết: đang ngủ thấy có tiếng người gọi: "Thủ trưởng phòng gọi đi kiểm tra đường dây giao liên". Thế là vùng dậy, cuốn tăng võng đi luôn ra trạm T8 rồi ra T9 gặp anh em vận tải gạo bảo: "Về đi, ở nhà đang tìm!", thế là anh lại quay trở về.

Mấy hôm nay địch hoạt động nhiều. Hôm trước ba chiếc C130 bay ầm ầm như một đoàn xe bay ngang qua khu rừng... Chúng nó rải chất độc hoá học. B52 rải thảm ầm ầm ở phía Bắc. Đại bác nổ phía bờ sông Sa Thầy.

Lại một bệnh nhân nặng vào Viện. Nôn ra máu. Trong mấy ngày nôn liên tiếp ra hàng lít máu tươi. Hồng cầu tụt chỉ còn hai triệu. Người nhợt nhạt, toàn thân rất yếu. Gan to, lách to. Nghĩ tới chảy máu do tăng áp lực tĩnh mạch cửa. Truyền máu. Huy động hết máu của nhân viên mà không giải quyết được. Hội chẩn, quyết định giải pháp cuối cùng là mổ cắt đôi dạ dầy theo phương pháp Ta-ne. Đến nay đã được năm hôm. Diễn biến bước đầu tương đối tốt.

Các khoa xây dựng được nhiều nhà mới. Khoa 33 xây một bếp to như hội trường, cao rộng. Nhà pha chế của khoa Dược xây hai tầng, tầng trên dùng để pha chế, tầng dưới là nơi cấp phát và hành chính. Đêm đêm anh chị em thức cài lá để lợp nhà, dưới ánh lửa đất rừng rực tới mười một giờ khuya. Không khí chung hồ hởi. Phấn khởi trước các tin chiến thắng ngoài mặt trận.

Ngày 27 tháng 11 năm 1968. Một sự kiện lịch sử của Viện. Sau hơn năm tháng mày mò, Bệnh viện đã sản xuất thành công mẻ thủy tinh đầu tiên ở chiến trường Tây Nguyên.

Lễ khánh thành lò thủy tinh được tổ chức khá long trọng. Anh Vinh, Trưởng ban Quân y B3, đại diện thủ trưởng Phòng Hậu cần xuống dự, có chụp ảnh, liên hoan.

Năm tháng trước, anh Thạch dược sĩ - trợ lý Dược của Mặt trận, xuống làm việc với Viện. Sau khi nghe chúng tôi báo cáo tình hình hoạt động của khoa Dược, tình hình sản xuất, pha chế, thuốc men của Viện. Anh truyền đạt các chủ trương của ban Quân y về công tác Dược trong thời gian tới. Trong đó chủ trương thu hồi tất cả các ống tiêm đã sử dụng để giao cho Xưởng Dược đóng thuốc trở lại. Tôi ngạc nhiên: Làm như vậy thì được bao nhiêu ống tiêm, mất biết bao nhiêu công sức để cọ rửa, và liệu thuốc tiêm có bảo đảm an toàn hay không?

Anh Thạch với vẻ quan trọng thường ngày, nhấn mạnh: "Được bao nhiêu thì được. Bây giờ một ống cũng quý. Các đơn vị cần rất nhiều thuốc tiêm mà Hà Nội chuyển vào không đủ!". Anh cho biết Ban Quân y đã phải chỉ thị cả cho các Bệnh xá, các Quân y Binh trạm, đường dây triệt để thu hồi vỏ ống tiêm sau khi sử dụng. Dù có vứt xuống đất cũng phải nhặt để dùng lại.

Nghĩ tới những vỏ ống tiêm nhỏ tý, làm sao mà cọ rửa nổi, làm sao bảo đảm an toàn cho thuốc tiêm... Tôi hỏi anh Thạch: "Tại sao không làm một xưởng sản xuất thủy tinh?". Anh Thạch gật gù: "Chúng tôi đã nghĩ tới vấn đề này. Nhưng điện ra Hà Nội một năm nay mà vẫn chưa được!" Tôi suy nghĩ một lúc rồi đề nghị: "Nếu Ban Quân y giao, thì chúng tôi xin tổ chức

một xưởng làm thủy tinh...".

Anh Thạch mắt sáng lên, vồ vập: "Nếu các anh làm được thì hay quá. Sẽ giải quyết được một khó khăn rất lớn cho chiến trường!".

Ý kiến làm thủy tinh được Ban Quân y nhiệt liệt hoang nghênh. Chỉ một tuần sau, tôi nhận được thư của anh Vinh, Trưởng ban Quân y mặt trận, chính thức giao nhiệm vụ cho Viện 211 nghiên cứu việc xây dựng xưởng thủy tinh cho chiến trường.

Tới lúc này, trong toàn Viện, chưa một ai trong chúng tôi có chút kiến thức gì về việc sản xuất thủy tinh. Nhưng tôi vẫn tin là có thể làm được. Kinh nghiệm làm thủy điện năm trước, tuy chỉ thành công một phần, nhưng cho tôi thấy khả năng rất lớn của bộ đội... Nhiều việc khó khăn, tưởng chừng như không thể vượt qua, trang thiết bị cho Bệnh viện, xây dựng các khoa chuyên khoa X quang, hoá nghiệm, gần như từ hai bàn tay trắng, rồi việc làm Nội san Quân y Tây Nguyên, làm lương khô cho bộ đội, đã cho tôi một suy nghĩ là nếu có quyết tâm, có biện pháp và chủ trương đúng, biết phát huy được sáng kiến của quần chúng thì mọi việc dù khó khăn đến mấy cũng có thể làm được.

Nhưng lần này, thông báo cho các khoa trong Viện, nhưng không khoa nào phát hiện ra người biết làm thủy tinh. Khi một cán bộ điều trị ở khoa 40 cho tôi một thông tin: Sư đoàn 1 mới được bổ sung một Trung đoàn mới vào chiến trường, toàn là thanh niên Hà Nội, chắc có thể có thợ thủ công biết nghề thủy tinh. Tôi liền cử anh Khâm, trợ lý Quân lực, mang theo giấy giới thiệu xuống Sư đoàn.

Anh Khâm đi ba ngày rồi trở về với hai thanh niên đeo ba lô theo sau. Công việc của anh khá thuận lợi. Khi xuống Sư đoàn, sau khi xem giấy giới thiệu và nghe anh Khâm trình bày, anh Tham mưu trưởng Sư đoàn liền cử ngay một trợ lý quân lực đưa anh Khâm xuống Trung đoàn. Lúc này Trung đoàn vừa đi chiến đấu về quân số đang hao hụt, chờ bổ sung. Nhưng sau khi nghe nhu cầu của Bệnh viện. Đồng chí Trung đoàn trưởng nói: "Quân có thiếu thật, nhưng nếu Bệnh viện chỉ cần vài người chuyên môn thì chúng tôi cũng xin cung cấp...". Thế là phát hiện được hai đồng chí Đàm và Sơn, một anh là thợ thổi thủy tinh đã ba năm, còn một mới vào nghề được một năm.

Khi báo cáo với Sư đoàn, trên nguyên tắc, muốn lấy quân của đơn vị phải có lệnh điều động của Ban Quân lực Mặt trận, nhưng chờ thủ tục thì lâu quá. Thế là đồng chí Tham mưu trưởng Sư đoàn đồng ý cho anh Khâm dắt hai thanh niên về Viện trong khi Sư đoàn báo cáo lên trên.

Tôi làm việc với hai thanh niên một buổi, và chính hai anh đã giảng cho tôi

những khái niệm đầu tiên về công nghệ sản xuất thủy tinh thủ công, và giúp tôi hình dung ra những khó khăn phải giải quyết.

Muốn nấu được thủy tinh thì việc đầu tiên là phải có cái nồi. Nồi nấu thủy tinh là cái khó nhất, là bí quyết của nhà sản xuất thủy tinh. Phải có gạch chịu lửa. Phải có than đá mới có đủ nhiệt lượng nấu chảy thủy tinh. Toàn những thứ ác ôn, tìm đâu ra ở chiến trường này.

Khó khăn nhất là cả hai thanh niên đều không biết cách đắp nồi, và làm lò. Hai anh chỉ được đào tạo một khâu chuyên môn là thổi ống thủy tinh, còn việc đắp lò là công việc của thợ chuyên môn khác.

Một tin nghe được bất ngờ qua Đài Tiếng nói Việt Nam, giới thiệu kinh nghiệm của một xưởng Quân giới ở chiến trường Nam Bộ dùng đất tổ mối để đắp lò luyện gang. Đất tổ mối thì la liệt trong khu rừng chúng tôi ở. Nhưng khó khăn nhất vẫn là có người kinh nghiệm đắp lò trong điều kiện thô sơ ở chiến trường.

Trong một lớp chỉnh huấn của Mặt trận đầu tháng 5, anh Ngô, Chính trị viên Đội điều trị 3 bất ngờ gặp tôi: "Nghe nói các anh định sản xuất thủy tinh, tôi xin giới thiệu một người biết cách nấu thủy tinh". Đó là đồng chí Song, nay là Đại đội trưởng đội vận tải Binh trạm. Anh Thuyên, Trưởng ban Quân giới mặt trận cũng nói cho tôi nghe kinh nghiệm làm lò đúc gang ở khu 5 trong kháng chiến chống Pháp. Anh cho biết: Cơ bản là phải có đất "chết". Một loại đất khi nung không nở để làm gạch chịu lửa. Còn than thì không nhất thiết phải than đá, than củi cũng được. Anh còn giới thiệu cho tôi cách đắp lò.

Vô hình chung, việc sản xuất thủy tinh của Viện 211 đã được sự quan tâm của các cán bộ quân y cũng như quân chính toàn chiến trường. Nhiều người từ các đơn vị xa cũng viết thư hoặc nhắn cho chúng tôi những thông tin liên quan đến việc làm thủy tinh.

Trong số người được giới thiệu là biết công nghệ sản xuất thủy tinh, tôi chú ý nhất tới anh Song, một công nhân lâu năm đã nấu thủy tinh từ trong kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc. Anh là người biết toàn bộ công nghệ làm thuỷ tinh theo cách thủ công. Nhưng tôi dự kiến có thể có một khó khăn: Anh Song nay đã là đại đội trưởng, chỉ huy một đại đội, liệu anh có chấp nhận trở lại về làm một công nhân hay không?

Chúng tôi dự kiến nếu anh không chịu, thì sẽ mời anh làm chuyên gia để dìu dắt đám thợ trẻ, khi nào công việc trôi chảy sẽ trả anh trở lại đơn vị cũ.

Nhưng khi đề nghị lên trên thì thủ trưởng Phòng Hậu cần ra quyết định

chính thức điều anh về thẳng Viện. Hai tuần sau, anh Song đeo ba lô về Viện và vui vẻ nhận công tác.

Có anh Song công việc sản xuất thủy tinh tiến triển nhanh chóng. Anh biết mọi công việc của công nghệ làm thuỷ tinh thủ công từ khâu đầu tiên là đắp nồi, làm lò, đến khâu thổi ống, làm ra sản phẩm...

Công việc đầu tiên sau khi anh về là cử một tổ vận tải lên kho cánh Bắc lấy gạch chịu lửa. Không biết tại sao, do đơn vị nào yêu cầu mà bất ngờ lại may mắn có mấy chục viên gạch chịu lửa chuyển từ Hà Nội vào chiến trường và nằm lay lắt trong kho từ mấy năm nay, không ai nhận. Nay kho đã di chuyển đi nơi khác nhưng gạch chịu lửa thì vẫn nằm trong rừng ở địa điểm cũ. Cây rừng đã mọc lại um tùm. Phải đi tìm khá vất vả. Trong khi lần tìm gạch chịu lửa trong rừng, một chiến sĩ vận tải giẫm phải một quả mìn do biệt kích gài không biết từ bao giờ, cụt mất một bàn chân phải. Chúng tôi đưa anh về Viện 1 điều trị. Nhưng cuối cùng anh em cũng gùi được gạch chịu lửa về cho đơn vị.

Bắt đầu vào việc đắp lò. Mỗi buổi sáng tôi đều tạt qua thăm tổ thủy tinh. Tôi ngạc nhiên thấy lò đắp quá chậm. Mỗi ngày chỉ cao lên được vài xăng ti mét. Nhưng anh em cho biết đó là yêu cầu của kỹ thuật. Có được lò lại phải huy động người làm than. Sáu người trong mười ngày, chỉ đốt được sáu tạ than.

Hôm nay thì lò cũng đắp xong, nồi cũng làm xong, trông giống như một chiếc lọ độc bình to. Lò rừng rực lửa, nồi cũng đỏ rực, gần như trong suốt. Trong nồi là các mảnh thủy tinh vỡ, chai lọ vỡ thu thập từ khắp nơi trong bệnh viện và các đơn vị bạn. Thủy tinh đỏ rực, dính vào nhau và vào đầu ống thổi. Hai anh công nhân, một người kéo, một người thổi, ống thủy tinh dài dần, dài dần, thành một ống dải và nhỏ như ống sậy. Từ những ống này sẽ cắt thành từng khúc ngắn để thành ống đựng thuốc tiêm.

Sau ngày khánh thành, lò thủy tinh của xưởng Dược B3 tiếp tục hoạt động cho tới ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trong năm đầu xưởng còn gặp khó khăn do thiếu nguyên liệu là các chai lọ vỡ. Nhưng sang những năm sau, với việc mở rộng vùng giải phóng sang Campuchia, nguyên liệu rất dồi dào. Lò thủy tinh cung cấp đầy đủ các vỏ ống tiêm cho chiến trường. Ngoài ra, còn sản xuất được một số dụng cụ cho phòng xét nghiệm các Bệnh viện, sản xuất cả cồn kế cho các tổ sản xuất rượu và cồn của các đơn vị.

Ngày 8 tháng 12 năm 1968. Mấy hôm nay họp hội nghị bàn kế hoạch tăng gia cho sang năm. Tình hình tiếp tế từ hậu phương vào gặp nhiều khó khăn. Các tuyến đường đều bị đánh phá ác liệt. Muốn trụ bám và hoạt động được ở chiến trường, chỉ có một cách là sản xuất, tự cấp, tự túc. Theo quyết định

của B3, sang năm 1969, các cơ sở hậu phương, trong đó có Bệnh viện phải tự túc sáu tháng, cả lương thực, thực phẩm bao gồm cả rau xanh, với tiêu chuẩn 12 kg gạo, 12 kg sắn khô một đầu người, một tháng. Rau 200 gam một người, một ngày. Toàn Viện tính ra phải gieo trồng 63 hecta và phải có một đội tăng gia chuyên nghiệp 70 người.

Vấn đề bàn luận sôi nổi nhất là tổ chức sản xuất như thế nào: tổ chức tập trung toàn Viện hay phân tán từng khối như vẫn làm từ trước tới nay. Cho tới nay chỉ mới sản xuất rau xanh nên chia việc sản xuất cho từng khối Nội, Ngoại, và cơ quan Viện bộ, tỏ ra thích hợp. Nhưng nay, khi phải sản xuất lớn hơn thì hình thức tổ chức này biểu lộ nhiều điều không hợp lý: Do lấy nhân viên chuyên môn đi luân phiên làm nhiệm vụ tăng gia rồi lại về làm chuyên môn. Từ đó nhân viên tăng gia không ổn định, năng suất không cao. Các Chủ nhiệm khoa cũng mất nhiều thời gian cho công việc sự vụ, không tập trung được vào công tác chuyên môn. Tuy nhiên một số Chủ nhiệm khoa vẫn luyến tiếc cách làm ăn cũ. Có anh chép miệng: "Riêng rẽ khoẻ ăn...". Có anh hỏi thẳng thừng: "Liệu sau này, tập trung về Viện thì chúng tôi có rau ăn thoải mái như hiện nay không?".

Tuy nhiên, khi nghe chúng tôi trình bày chỉ tiêu tăng gia nặng nề sắp tới, nghĩ tới việc phải lo toan mọi việc từ khâu tổ chức chỉ huy tới thời vụ, kỹ thuật, bảo đảm khi anh em ốm đau, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu v.v... cuối cùng các đơn vị đành đồng ý với phương án tổ chức tăng gia tập trung toàn Viện. Thành lập một đội tăng gia chuyên nghiệp có biên chế riêng, cắt từ biên chế các khoa, như vậy đỡ rối bận cho các khoa, tổ chức ổn định, có điều kiện tăng năng suất lao động, tổ chức sẵn sàng chiến đấu cũng thuận lợi hơn.

Ngày 12 tháng 12 năm 1968. Mấy hôm nay địch quần đảo nhiều vùng này. Hôm trước đang họp ở Binh trạm Trung, thấy hai máy bay trinh sát và bốn trực thăng bay lượn, rà sát xuống thấp ở khu vực rẫy. Cảnh vệ Binh trạm Trung chạy lên gặp cảnh vệ Viện 211 chia nhau truy lùng khắp các khu rừng nhưng không thấy địch. Có thể chúng nó nghi binh.

Tuần trước, biệt kích xuống cửa khẩu VQ5, bắn chết một chiến sĩ đang đánh cá ở bờ suối. Cảnh vệ VQ5 bắn rơi một máy bay trực thăng. Ở trường Quân chính thì một chiến sĩ đi hái rau trong rừng hai ngày không thấy trở về. Đơn vị cho đi tìm thấy nằm trần truồng, mê man bất tỉnh cạnh bìa rừng. Khiêng vào Viện, khi tỉnh lại, anh cho biết bị biệt kích đánh chết ngất rồi lột hết quần áo.

Hôm qua lại có tin biệt kích xuống khu vực nương, các Viện chừng ba tiếng, phải cử một tổ cảnh vệ đi truy lùng.

Có chỉ thị của Mặt trận, phải tăng cường cảnh giác sẵn sàng chiến đấu. Trong buổi họp Chủ nhiệm khoa bàn về việc sẵn sàng chiến đấu khá sôi nổi. Chúng tôi nhắc nhở anh em củng cố công sự trong toàn Viện, đào thêm công sự cho bộ phận tăng gia ngoài nương, vũ khí phải mang luôn bên mình. Kỷ luật yên lặng trong đơn vị: không chặt cây, không hát tập thể, không vặn đài to. Một vấn đề lại bàn tán khá sôi nổi là cách xử lý với lũ gà trống. Anh em cảnh vệ tuần tra quanh Viện đều phàn nàn là gà gáy to quá. Vào buổi sáng, ở cách Viện vài cây số đã có thể nghe thấy tiếng gà gáy om sòm, có thể làm lộ chỗ trú quân của đơn vị. Quả thật, sau gần hai năm ở địa điểm hiện nay, đàn gà của các khoa đều phát triển, có tới hàng trăm con gà trống. Các kinh nghiệm làm giảm bớt tiếng gáy của gà trống lại được đem ra áp dụng.

Chúng tôi phải tiếp tục nhắc nhở kỷ luật khói lửa, thống nhất mật hiệu, ám hiệu, tăng cường tuần tra canh gác, chuẩn bị địa điểm dự bị v.v...

Biệt kích là một hình thức chiến đấu của địch, vừa đánh phá hậu phương của ta, vừa thám báo điều tra tình hình. Được đối phương sử dụng khá phổ biến ở chiến trường miền Nam. Đầu những năm 1965-1966, số biệt kích thường được chọn trong số nguỵ quân Sài Gòn, được huấn luyện chu đáo, trang bị y hệt như quân Giải phóng, mũ tai bèo, dép lốp, súng AK, quần áo ka ki, thả xuống vùng Giải phóng. Chúng có thể lẩn lút trong rừng, dò la tình hình hành quân, trú quân của ta để báo tin về cho máy bay oanh tạc. Có những toán, táo tợn hơn, đi từng tên lẻ, vào đường giao liên, mắc võng nằm cạnh suối giả vờ như bộ đội hành quân bị ốm không theo kịp đơn vị để thu thập tin tức hoặc bắt cóc cán bộ, bộ đội đi lẻ để lấy tình hình, hoặc gài mìn... Số này, vì không quen sinh hoạt của quân Giải phóng, khi ăn nói, xưng hô có sơ hở, hoặc trang bị không thật đúng nên dễ bị phát hiện. Tới những năm 1967- 1968, chúng dùng ngay một số bộ đội mất tinh thần chiến đấu, đầu hàng, đầu thú. Chúng tuyển chọn vào các đơn vị biệt kích, hứa hẹn trả lương cao, cho ăn chơi xả láng một vài tuần, cho học một lớp đào tạo cấp tốc, giao nhiệm vụ rồi thả trở lại hậu phương của ta với trang bị quần áo y nguyên như khi ra đầu thú. Vì là quân Giải phóng cũ, nên mọi sinh hoại hoạt động của chúng, từ cách ăn nói, xưng hô, cư xử đều dễ dàng trà trộn vào bộ đội, rất khó bị phát hiện...

Mỗi toán biệt kích thường có vài lính Mỹ đi kèm để vừa kiểm tra, đôn đốc, vừa để giữ liên lạc với các căn cứ Mỹ và máy bay trực thăng, thường do lính Mỹ lái.

Nhiệm vụ chủ yếu của biệt kích là tình báo tìm hiểu lực lượng vũ trang, cơ sở hậu phương mọi kinh doanh của ta trong một khu vực nhất định, thường là một số ô trên bản đồ. Nhiều lần chúng tôi ngạc nhiên khi phát hiện vết giày của biệt kích đến sát Bệnh viện chúng tôi, chỉ cách một con suối nhỏ

rồi quay đi. Có thể do chúng cũng sợ. Nhưng khi nghiên cứu lại bản đồ thì thấy chúng có thể máy móc đi đúng các ô trên bản đồ mà chúng được giao nhiệm vụ điều tra, còn ô bên cạnh thì mặc kệ.

Mỗi toán biệt kích được trang bị vũ khí: mìn, điện đài, thức ăn khô, đủ cho một đợt hoạt động, thường là một tuần.

Chúng lợi dụng ưu thế tuyệt đối về không quân ở chiến trường miền Nam. Chúng xuống đất bằng máy bay trực thăng và rút đi cũng bằng máy bay trực thăng. Khi thả biệt kích, máy bay trinh sát, phản lực, trực thăng hoạt động ầm ĩ để uy hiếp quân ta và bảo vệ cho toán biệt kích. Máy bay trinh sát quần lượn trên cao, trong khi máy bay phản lực gầm rú bắn phá các khu vực chung quanh nghi có quân ta. Chúng tạo một bãi đỗ cho biệt kích bằng cách thả một quả bom nổ vào giữa rừng, tạo một khoảng trống độ vài chục mét vuông, đủ cho trực thăng hạ cánh. Sau đó trực thăng xuất hiện hạ cánh để thả biệt kích. Xuống tới mặt đất, bọn biệt kích nhanh chóng lẩn ngay vào rừng, chọn một nơi kín đáo để ẩn nấp và bắt đầu công việc điều tra khu vực được giao. Khi cần di chuyển, chúng đi theo những con đường ít có khả năng gặp bộ đội ta nhất: không đi trên đỉnh núi, cũng không đi dọc theo suối, mà đi vào những chỗ thật ngóc ngách khó đi, như men theo lưng chừng vách núi dựng đứng.

Trong những ngày biệt kích hoạt động, trái với sự chờ đợi của ta, máy bay hoạt động rất ít. Có lẽ cũng để giữ bí mật cho bọn đang hoạt động dưới mặt đất, để đánh lạc sự chú ý của ta, thường thì máy bay im bặt không xuất hiện trên bầu trời hoặc chỉ có máy bay trinh sát ở xa. Nhưng khi đã điều tra xong, hoặc bị ta phát hiện tấn công, thì lại ồn ào các kiểu máy bay yểm trợ cho chúng rút.

Để đối phó với biệt kích, ở mỗi nơi Bệnh viện đóng quân, chúng tôi đều chọn một cây cao, làm đài quan sát, kéo một đường dây điện thoại từ đài quan sát tới nhà chỉ huy Viện. Hàng ngày có một tổ Vệ binh leo lên cây và ở suốt ngày trên đài quan sát. Nhiệm vụ của đài là theo dõi tình hình hoạt động của máy bay trực thăng ở quanh khu vực chúng tôi ở. Do cây rừng che khuất nên thường không thấy được chúng có thả biệt kích hay không mà chỉ có thể báo cho chúng tôi biết có mấy máy bay hạ xuống ở hướng nào. Như vậy cũng đủ cho chúng tôi cử các tổ đi chiến đấu. Nhiệm vụ của các tổ chiến đấu là nếu có điều kiện thì tiêu diệt, nhưng nếu không có điều kiện thì chỉ cần nổ súng để đánh bật chúng đi. Khi bị phát hiện, bọn biệt kích liên lạc ngay với sở chỉ huy của chúng và rất nhanh, chỉ vài phút sau, hàng tốp máy bay đã xuất hiện trên bầu trời theo một kịch bản thống nhất: Máy bay trinh sát bay vòng rất cao trên trời. Máy bay phản lực lồng lộn ném bom, bắn rốc két đại bác 20 ly và đại liên vào những chỗ nghi ngờ có quân ta, trong khi bọn biệt kích bắn pháo hiệu chỉ nơi chúng đang ở cho máy bay

trực thăng sà xuống thấp câu chúng đi.

Có khi vội vàng, không kịp chuẩn bị chỗ hạ cánh, chúng chỉ kịp thả thang dây cho bọn biệt kích bám vào rồi bốc lên cao. Chúng tôi đã trông thấy bọn biệt kích bám vào dây, lủng lẳng như một chùm táo, lắc lư dưới bụng chiếc trực thăng bốc vội lên trời. Nhiều lần, anh em vệ binh gặp xác của những tên biệt kích nằm trong vũng máu. Do bốc vội lên cao nên tên biệt kích đã bị cành cây rừng gạt ngã trở lại xuống đất!

Ngày 15 tháng 12 năm 1968. Hôm qua nhận được một lúc ba thư và một bộ tranh tứ bình vẽ nữ anh hùng Nguyễn Thị Song do vợ tôi vẽ, mẹ vợ tôi viết thuyết minh bằng thơ. Bức tranh làm cho tôi càng nhớ tới gia đình. Gia đình vợ tôi là một gia đình văn học. Bố vợ tôi, ông Vũ Ngọc Phan là một nhà phê bình văn học có tác phẩm nổi tiếng là tập *Nhà văn hiện đại...* Bà mẹ vợ tôi là bà Hằng Phương là một trong số nữ sĩ hiếm hoi, trước Cách mạng tháng Tám. Bà đã dành những vần thơ tha thiết nhất của mình viết về chồng, con và cháu...

Bộ tranh do bác sĩ Bích mang vào cho tôi. Thật là cảm động khi nghĩ tới công sức của anh gùi bộ tranh trên lưng từ Hà Nội vào... Tôi treo bộ tranh lên vách nứa, ngay cạnh bàn làm việc. Cả chiến trường có lẽ tôi là người duy nhất có tranh treo tường. Anh chị em trong Viện rất thích thú, rủ nhau lên xem tranh. Bộ tranh hình như đem hơi ấm cho căn phòng, làm vợi bớt không khí căng thẳng của chiến tranh, với bao nhiêu nỗi lo toan, vật lộn hàng ngày.

Thư Hương viết:

… Em đã nhận được thư và khăn rằn anh gửi cho em. Tiếc rằng mùa đông đã qua rồi, nhưng có lẽ trời cũng chiều em nên chiều qua có một đợt gió mùa Đông Bắc. Và em đã quàng khăn để đi làm.

Mùa đông năm nay rét nhiều vào tháng Giêng. Mưa kéo dài hàng tháng, đúng vào tháng em đi họp rất nhiều. Ngày nào cũng lội bùn đi sang xã bên cạnh để họp.

Cả nhà vẫn bình thường. Em rất mừng thấy anh vẫn mạnh khoẻ. Còn em thì không ốm nhưng gầy đi. Lộc thì lớn lắm, bây giờ được 31 kg. Khi đi con học lớp hai mà bố vẫn tưởng lớp 1. Thế mới biết Bố trước khi đi chả nghĩ đến mẹ con em nhiều đâu nhé!

Em viết thư cho mình toàn sự thật 100%. Không tô hồng đâu. Nghĩ đến Hà Nội đánh Mỹ lắm lúc buồn cười... Có đợt nó đánh 5 ngày liền, có ngày 10-12 lần báo động. Năm ngày bắn rơi 35 máy bay Mỹ. Thế mà Bộ Đại học

vẫn họp xét duyệt tổ Lao động Xã hội chủ nghĩa. Em về họp phải xuống hầm 3 lần. Vẫn thấy ông Tạ Quang Bửu đến họp bình thường. Ngoài phố chiều đền đông vui lắm. Người ta vẫn xếp hàng dài xem xi nê... Báo động, chạy hết. Báo động xong lại vào rạp tiếp tục xem...

Ba Mợ đang ở Phú Thọ với anh Lâm. Em nhận được thư Ba Mợ luôn và cũng luôn viết thư cho các cụ, nhưng chưa lên thăm hai cụ được vì em bận quá, chứ còn đi xe đạp 100 cây số em cũng đi được.

Em đã in ảnh của anh 4 cái để gửi Ba Mợ và anh chị Bách, ảnh này chụp khá hơn, trông anh không gầy lắm nhưng mặt có vẻ phờ phạc và cũng hơi già đi. Làm sao được, chúng ta đều phải già đi chứ, nhưng trong tâm hồn còn trẻ là được rồi. Em sắp 40 tuổi rồi còn gì, nhưng em vẫn thấy mình khoẻ, say mê làm việc và có nhiều mơ ước. Nhiều mơ ước "lãng mạn" nữa...

Chúc anh khoẻ, nhớ anh nhiều...

SÓNG GIÓ

Ngày 6 tháng 1 năm 1969. Đã sang năm mới, một năm tấn công và nổi dậy đã qua. Từ hôm 29 tháng 12 anh em truyền tay nhau thơ chúc Tết của Bác Hồ:

"Năm qua thắng lợi về vang
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to,
Vì Độc lập, vì Tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào
Tiến lên chiến sỹ đồng bào,
Bắc Nam sum họp Xnân nào vui hơn…"

Tuy chưa nghe chính thức trên đài, nhưng không biết ai đã chép được từ báo nào, *Báo Tây Nguyên.*

Tết Dương lịch ngày 1 tháng 1 năm 1969 được tổ chức rôm rả. Nhân dịp Viện được tặng thưởng Huân chương Chiến công Giải phóng hạng 3 và ngày kỷ niệm ba năm ngày thành lập Viện 211.

Tối 31 tháng 12 có chiếu phim. Ngày mùng 1 mít tinh có múa lân và liên hoan văn nghệ. Đông đảo thương bệnh binh, nhân viên, đội văn công xung kích, hơn 50 đại biểu các đơn vị bạn, phòng Hậu cần, Ban Quân y, có đại biểu rất nhiệt tình từ xa như anh Thanh, Chính uỷ trường Quân chính, cách hai ngày đường và tuy đau lưng, cũng chống gậy đến dự. Nhiều nhân viên đi công tác ở các đơn vị như DT4, trường Văn hoá dân tộc, khoa 31 đi tăng cường cho Viện 1 từ tháng 8, cũng trở về đơn vị dự liên hoan.

Đã có quyết định giảm biên chế Bệnh viện... Một số cán bộ yếu sức được về hậu phương trong đó có anh Quảng - Chính trị viên khối Ngoại. Anh Quảng mất ngủ mấy đêm liền, nhớ tiếc đơn vị. Hôm qua, quanh nhà anh Quảng tấp nập anh em đến tiễn đưa, tới khuya mới dứt ra về.

Mặc dầu khó khăn gian khổ còn đầy rẫy trước mắt, nhưng không ai muốn rời chiến trường trong lúc này.

Mấy hôm nay có không khí chờ đợi cuộc bàn giao chính quyền giữa hai Tổng thống Mỹ Giônxơn sang Nichxơn, vào ngày 20 tháng 1 năm 1969. Nhưng theo nhận định của Bộ Chính trị khả năng Mỹ ký một hiệp định tổng quát về việc rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, chắc không xảy ra.

Từ hai tháng nay, bộ đội đã được nghỉ ngơi, củng cố, chỉnh huấn, học tập quân sự, nay lại rục rịch lên đường. Trong khi chủ lực nghỉ thì du kích và

bộ đội địa phương tiếp tục hoạt động. Đang chuẩn bị cho một khoa đi phục vụ tuyến trước. Có tin một trung đoàn địch nhảy xuống T30. Trung đoàn 24 được lệnh xuất kích.

Từ chủ nhật 2 tháng 1, bắt đầu việc phát nương. Đội tăng gia tập trung của Viện có 56 người, bắt đầu phát cây con. Chỉ huy Viện có quyết định hàng tuần giành một ngày vào ngày chủ nhật cho công tác tăng gia. Ăn cơm trưa ở nương. Cơm độn khoai. Mọi người đều vui vẻ.

Chủ nhật vừa rồi là ngày lao động nhưng tôi không đi được vì phải mổ cấp cứu cho một bệnh nhân tắc ruột. Một cục cứng to bằng nắm tay làm tắc một đoạn ruột non. Đoạn ruột phình to gần hoại tử. Rạch ruột lôi ra được một cục xơ quấn chặt như một hòn đá to trong ruột. Anh bạn này mấy năm trước, gặp một cây hồng chín trong rừng, ăn một bữa hồng thoải mái, nuốt cả vỏ lẫn hột. Sau đó bị đau bụng quằn quại nên Quân y đơn vị chuyển về Viện điều trị.

Sau ca mổ vừa về tới nhà, lại dự hội chẩn một trường hợp sốt nôn ra mật, đái ra huyết cầu tố. Đây là trường hợp thứ 4 trong năm qua, sau trường hợp anh Lạc. Cứu được 3 trong đó có trường hợp rất nặng, có lúc tưởng không cứu được, nhưng rồi cũng khỏi. Kinh nghiệm điều trị được xây dựng dần dần.

Ngày 4 tháng 2 năm 1969. Nhận được thư của trường Quân chính. Ngoài bì đề: "Thư riêng, đưa tận tay". Tôi hơi ngạc nhiên, ngờ có chuyện bất thường, lo lắng mở thư ra xem. Thư cho biết cậu Y, giáo viên của trường, hồi 8 giờ ngày 31 tháng 1 mang một khẩu súng AK vào rừng đi săn. Sau đó khoảng 1 tiếng, dân địa phương đến báo có biệt kích xuống khu vực. Nhà trường liền cho lực lượng truy lùng. Bọn biệt kích bị đánh bật, phải rút chạy bằng trực thăng. Nhưng từ hôm đó không thấy Y trở về. Anh Hân, viết thư để hỏi xem Y có sang Viện chơi hay không?

Y là em họ tôi, là một giáo viên trường Văn hoá Dân tộc, vừa học vừa làm ở Hoà Bình. Năm 1968, Y đi bộ đội và vào B3, bị ốm vào Viện 211 điều trị và tôi gặp bất ngờ trong một buổi điểm bệnh. Gặp nhau ở chiến trường nên hai anh em đều rất mừng. Y kể lại cho tôi nghe tình hình gia đình sau khi tôi rời Hà Nội. Vì là giáo viên văn hoá cũ nên sau khi ra Viện, Y được điều về dạy văn hoá ở trường quân chính của Tây Nguyên, và thỉnh thoảng khi nào rỗi rãi vẫn sang Viện chơi với tôi.

Nhưng lần này thì Y không sang. Trường Quân chính đã cho đi tìm trong rừng nhưng không thấy tăm hơi, chỉ còn hy vọng là Y sang Viện nếu không thì có thể bị biệt kích bắt cóc đưa lên máy bay. Để đề phòng trường Quân chính đã phải tạm thời di chuyển đi chỗ khác. Tuy nhiên 3 ngày, 5 ngày rồi

một tuần trôi qua, tình hình vẫn yên tĩnh.

Ngày 23 tháng 2 năm 1969. Tết Nguyên đán thứ 3 ở chiến trường. Đêm 29 Tết, tổ săn bắn được một con nai nặng hơn 100 kg thêm vào tiêu chuẩn Tết khá đầy đủ, có thịt bò, thịt lợn, có gà tăng gia. Chiều Ba mươi và sáng mồng Một đi chúc Tết trong đơn vị. Trưa mồng một Tết, chúng tôi rủ nhau lên Phòng Hậu cần chúc Tết. Ba lô súng ngắn, trời nóng, cởi quần dài, mặc quần đùi, áo may ô đi. Dọc đường gặp anh em trên Phòng xuống chúc Tết Bệnh viện, chụp ảnh kỷ niệm... Trong tháng Giêng có tin quân Mỹ rút 5 vạn quân, bắt đầu chiến lược phi Mỹ hoá cuộc chiến tranh, rút dần quân Mỹ về nước. Nhưng đây là số quân đã hết hạn phục vụ ở Việt Nam. Tuy nhiên chúng rút về mà không bổ sung quân thay thế.

Về phía ta, từ đầu tháng 2, bắt đầu một đợt tấn công và nổi dậy mới, đồng loạt tấn công hơn 100 thị xã, thị trấn, đô thị.

Ngày 25 tháng 4 năm 1969. Từ đầu tháng 4, như thường lệ sau mỗi đợt chiến đấu là các Hội nghị tổng kết: Hội nghị tổng kết chiến dịch Xuân 1969, Hội nghị toàn chiến trường, Hội nghị Hậu cần, Hội nghị Quân y.

Hôm 21 tháng 4 năm 1969 kết thúc Hội nghị Quân y trên đường trở về đơn vị, thấy có tiếng máy bay và tiếng bom, súng bắn phá ở xa xa về phía trước mặt. Lúc đầu nghĩ có lẽ là nương tăng gia của Viện. Nhưng về đến Q5, gặp đội phẫu của DT3 cho biết: địch đang bắn phá vào Viện. Tiếng máy bay, tiếng bom, rốc két, đại liên nổ liên tục, càng ngày càng rõ. Chúng tôi sốt ruột như điên, vừa đi vừa chạy để chóng về nhà. Tới nương rau của Viện, tiếng nổ càng to, máy bay quần lượn sát ngọn cây. Mỗi khi máy bay tới gần, phải nấp sau những gốc cây to chờ cho chúng qua đầu lại vọt sang một gốc cây khác. Cứ như vậy vừa tránh máy bay vừa tiến dần về đơn vị.

Về đến đơn vị thì cũng vừa lúc chúng chấm dứt cuộc bắn phá. Cây rừng hai bên đường còn cháy nghi ngút, cây, cành lá gẫy đổ ngổn ngang trên đường. Một cây cổ thụ, thân to bằng hai người ôm, đứng giữa rừng cháy bùng bùng như một bó đuốc. Nhà cảnh vệ mới xây dựng, to đẹp nay chỉ còn là một đống than. Ở lán bên cạnh, anh Tấn Trưởng ban Hành chính của Viện, đang ngồi trước cửa hầm gọi điện tíu tít đi các nơi.

Thấy tôi về anh Tấn dừng gọi điện thoại, báo cáo tóm tắt tình hình đơn vị và cho biết các anh chỉ huy Viện đang hội ý ở nhà Y vụ.

Từ lúc 9 giờ sáng, máy bay trực thăng đến hoạt động ở khu vực Viện. Chúng hạ xuống để thả biệt kích. Các tổ chiến đấu của các khoa, khoảng hơn 40 tay súng, triển khai dọc đường giao liên bên cạnh Viện, bắn máy bay, thu hút hoả lực của chúng ra ngoài Viện để tránh thương vong cho

thương bệnh binh. Một máy bay trực thăng bị rơi ngay trong khu vực Viện. Cuộc chiến kéo dài tới 6 giờ chiều. Qua trận đánh, phía ta, có đồng chí Bảy ở xưởng Dược và Ngoạn, y tá khoa 24 hy sinh, 10 đồng chí bị thương trong đó có 2 bị thương nặng. Cũng còn may là gần 1000 thương bệnh binh đang điều trị trong Viện không ai việc gì. Về tài sản bị cháy 5 nhà và 3 kho, mất khoảng 7 tấn gạo, đường, khoảng 100 bộ quần áo.

Ta bắn rơi tại chỗ một máy bay trực thăng, một chiếc HU1F, theo báo cáo có thể bắn cháy một chiếc khác nhưng chưa được xác minh. Thu 3 đại liên, 2 trung liên, 1 máy bộ đàm, một số bản đồ và quân trang, quân dụng, thuốc men.

Trong đêm hôm đó, để đề phòng địa điểm đã bị lộ, chúng có thể cho máy bay B52 đánh phá, chúng tôi quyết định cho cấp tốc sơ tán bệnh viện. Khối Nội nhờ được cơ sở của một tiểu đoàn vận tải K23, tuy không đủ chỗ ở, nhưng như vậy đã là thuận lợi rồi. Khối Ngoại chuyển ra một khu rừng, mắc võng để ở tạm.

Trong một đêm chuyển được toàn bộ 1000 thương bệnh binh ra khỏi địa điểm cũ an toàn. Sáng hôm sau, trước khi ra nơi sơ tán, tôi rẽ ra khe suối cạn bên cạnh khoa 34 xem chiếc máy bay trực thăng rơi. Thật ngạc nhiên, chiếc máy bay hầu như hoàn toàn nguyên vẹn, đỗ gọn gàng trong lòng suối. Chúng tôi leo lên máy bay, nhặt được một số tài liệu còn sót bên trong khoang. Xem xét kỹ chỉ thấy một vết đạn tròn, bằng đầu ngón tay, thủng từ sàn lên nóc máy bay. Không một vết máu, không có vết tích người chết hay bị thương trong máy bay. Anh em cảnh vệ cho là có thể chiếc máy bay đang hạ xuống để thả bọn biệt kích thì bị trúng đạn. Có thể viên đạn chỉ gây tổn thương cho một sợi dây điện gì đó trên máy bay nên không bay lên được. Nhưng vì hốt hoảng chúng không kịp sửa chữa, gọi đồng bọn đến ứng cứu, lại bị hoả lực mặt đất cản trở, nên cuộc chiến đấu kéo dài cho tới chiều, khi chúng câu hết được bọn dưới đất lên thì cuộc chiến đấu mới kết thúc.

Chúng tôi chụp ảnh kỷ niệm và dặn anh em cảnh vệ nguỵ trang chiếc máy bay và đào công sự gần đó, sẵn sàng đánh nếu chúng trở lại câu chiếc máy bay rơi. Tôi cũng nói đùa với anh em: “Cố giữ chiếc máy bay nguyên vẹn, để sau này, khi nào giải phóng xong miền Nam, Bệnh viện về thành phố, ta sẽ xây một cái bệ ở cổng Bệnh viện, đặt chiếc máy bay lên làm thành cái tượng đài kỷ niệm cuộc chiến đấu của Bệnh viện...”.

Tả lại trận đánh này, đài Tiếng nói Hoa Kỳ và BBC hôm sau đưa tin: từ vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, phía Tây Plây-cu, lực lượng Việt Nam Cộng hoà đã đụng độ và tiêu diệt một tiểu đoàn Việt cộng đang hành quân xâm nhập vào miền Nam: Có lẽ chúng không phát hiện ra Bệnh viện chúng tôi.

Trong ngày hôm đó và các ngày sau, tình hình trở lại yên tĩnh.

Ba tuần sau, tình hình vẫn yên tĩnh, chúng tôi được lệnh trở về nơi ở cũ. Còn chiếc máy bay trực thăng rơi ở khe suối thì bị bộ đội hành quân qua lại trên đường giao liên, rẽ vào xem và vặt dần. Lúc đầu là mấy chiếc bóng bán dẫn, sợi dây điện, rồi tiến tới đục đẽo thân máy bay, cánh máy bay... mỗi người một mảnh duy-ra để làm chiếc lược chải đầu hay cái ca đựng nước. Anh em cũng tặng tôi một chiếc ê-ke làm từ một mảnh mi ca của cửa máy bay. Nhân có người ra Hà Nội, tôi gửi được ra cho con tôi làm kỷ niệm.

Chiếc máy bay, chẳng mấy chốc đã không còn dấu vết.

Ngày 5 tháng 5 năm 1969. Đợt 4 Tổng công kích Tổng khởi nghĩa bắt đầu. Đồng loạt tấn công hơn 160 thị xã, thị trấn. Tại Hội nghị Pa-ri, ông Trần Bửu Kiếm đưa ra 10 điểm giải quyết hoà bình cuộc chiến tranh Việt Nam. Ngược lại, Nichxơn đưa ra đề nghị 8 điểm. Cuộc đấu tranh ngoại giao chắc còn lâu dài, gay go.

Tình hình tiếp tế lương thực, thực phẩm có nhiều khó khăn, tiêu chuẩn ăn của bệnh nhân bao giờ cũng được ưu tiên hơn các thành phần khác, bị giảm từ 10 đồng một ngày xuống còn có 6 đồng. Gạo phải chuyển từ Q9, cách Viện 4 ngày vừa đi vừa về. Phải tổ chức một lực lượng vận chuyển 80 người, chia làm 3 cung. Mỗi ngày chỉ lấy được 1 tấn gạo, vừa đủ ăn, không có dự trữ.

Ngày 30 tháng 5 năm 1969. Tình hình tiếp tế ngày càng khó khăn.

Từ đầu tháng 5 đã có chỉ thị phải đưa các lực lượng không thật cần thiết ở Tây Nguyên đi các chiến trường khác hoặc về hậu phương để giảm bớt miệng ăn ở chiến trường. Trường Quân chính, trường Quân y, trường Văn hoá dân tộc được lệnh rút ra miền Bắc. Phải giữ tuyệt đối bí mật. Chỉ được phổ biến cho học viên là đi vận chuyển.

Từ 15 tháng 5 có chỉ thị gấp rút giám định số thương bệnh binh mất sức chiến đấu, cho về hậu phương. Cho đi một cách rộng rãi. Mới tháng trước Viện 211 còn bị phê bình là cho đi quá rộng rãi. Thế mà bây giờ không những sổ được xếp vào loại 3, mà cả số loại 2 cũng cho ra đi. Một phái đoàn viện của 3 phòng Tham mưu, Chính trị, Hậu cần xuống Viện trực tiếp giải quyết thủ tục cho nhanh. Các giấy tờ được giảm đến mức tối thiểu: chỉ cần một bệnh án và một quyết định cho ra. Các giấy tờ khác như giấy giới thiệu sinh hoạt Đảng, Đoàn, giấy chứng nhận khen thưởng, chứng nhận huân chương v.v..., trước đây phải làm từ cơ sở, nên mất rất nhiều thời gian, nay được miễn tất, (sẽ gửi ra sau...). Một số cán bộ yếu sức cũng

được giám định để về hậu phương.

Cuối tháng 5, tôi và anh Công, Chính uỷ Viện được triệu tập lên Phòng Hậu cần mặt trận họp. Tình hình rất nghiêm trọng: Các cuộc tấn công và nổi dậy liên tiếp trong năm qua đã tiêu thụ hầu hết số gạo, thực phẩm dự trữ.

Mặt khác, đường tiếp tế từ miền Bắc vào bị địch đánh phá ác liệt, lại gặp mùa mưa bắt đầu nên hầu như không hoạt động được, đường phía Tây, từ Campuchia sang do hoạt động của Khơ me đỏ nên cũng gặp khó khăn.

Theo tính toán, số dự trữ không còn đủ cho tới đầu mùa khô và tới vụ thu hoạch.

Đã phải tính đến việc rút toàn bộ lực lượng của Mặt trận B3 sang chiến trường khác, có điều kiện tiếp tế tốt hơn. Có thể phải rút nhanh. Đã có kinh nghiệm của khu 6, do chần chừ, mà để bộ đội chết đói dọc đường, không tới kịp nơi có gạo.

Bộ Tư lệnh Mặt trận đã quyết định trước mắt cho rút các đơn vị không thật cần thiết ở chiến trường như các trường học, số mất sức chiến đấu về hậu phương. Chuyển một số Trung đoàn vào cánh Nam. Giản chính thêm nữa các cơ sở hậu phương. Giải thể Viện 2. Chuyển Viện 1 vào binh trạm Nam, sát với Nam Bộ để ăn gạo từ phía Nam chuyển ra. Viện 211 chuyển ra cánh Bắc thay chân Viện 1. Từ 10 đến 15 tháng 6 phải tiếp nhận hai ban của Viện 1, sau đó đến 20 tháng 6 hoàn thành việc bàn giao.

Ngày 25 tháng 6 năm 1969. Sau hội nghị ở Phòng hậu cần Mặt trận, anh Công về viện trước để chuẩn bị cho đơn vị, còn tôi ở lại một ngày đi thăm cơ sở của Viện 1 và lên phương án di chuyển thay chân Viện 1.

Viện 1 ở trong một thung lũng hẹp gần bờ sông Đắc Mế, bao bọc chung quanh bởi những dẫy đồi cao, trong một khu rừng vầu, tre, nứa thuộc cánh Bắc mặt trận Tây Nguyên. Rừng tre nứa, trong nhà tối, nhưng về mùa rét lại dễ sưởi ấm, không sợ lộ ánh sáng ra ngoài. Mùa khô, cũng tức là mùa đông ở cánh Bắc lạnh hơn ở cánh Trung nhiều. Viện 1 có truyền thống làm nước. Khi di chuyển đến bất cứ địa điểm nào, anh em cũng đều tìm được một dòng suối ở trên cao, dùng các máng tra, dẫn nước về đến bếp ăn rất thuận tiện và sạch sẽ. Nhưng ở đây cũng có khó khăn về củi. Không có củi gỗ. Củi tre nứa chỉ cháy vèo một lúc là hết. Những bộ phận dùng nhiều củi như Dược sẽ khá vất vả. Cây lá Đông y ở đây cũng hiếm. Cây săng lẻ, đầy rẫy ở cánh Trung, nhưng ở đây bói không ra.

Nương rẫy ở đây nằm dọc theo bờ sông Đắc Mế. Đất đai màu mỡ, rừng tre nứa, phát nương rất nhanh, không phải chặt cây trong rừng già như cánh

Trung.

Ngày 5 tháng 6 bộ phận tiền trạm rời cánh Trung, nơi chúng tôi ở hơn 2 năm nay, để lên đường ra cánh Bắc. Ngày 7 tháng 6, sau khi bàn giao, 4 khoa lâm sàng cùng các khoa phi lâm sàng lên đường tiếp, dồn thương bệnh binh đang điều trị cho ba khoa ở lại cánh Trung, khi giải quyết hết sẽ lên sau.

Chỉ huy Viện chia nhau, tôi, anh Âu, anh Công chỉ huy bộ phận ra cánh Bắc. Anh Bích, anh Toản ở lại cánh Trung.

Sau hơn hai năm ở cánh Trung, các khoa đều có nhiều đồ đạc lỉnh kỉnh. Đặc biệt mỗi khoa đều có đàn lợn, gà phải giải quyết làm thịt, liên hoan và làm lương khô, một số còn lại phải đưa lên cánh Bắc tăng gia.

Làm xong công tác chuẩn bị, tôi bị sốt mất hai ngày, phải nghỉ lại. Ngày 12 tháng 6 mới lên đường. Anh em ưu tiên cho mượn một xe thồ. Đẩy xe đi. Đường đi khá vất vả. Dốc nhiều, đường trơn. Lên tới Q7 gặp đội thồ, thấy tôi đẩy xe, anh em thương hại cử một đồng chí đẩy hộ lên tới Viện 1. Ở Viện 1, từ mấy hôm nay các khoa đã nhận bàn giao. Quân số thương bệnh binh hiện nay của Viện 1 là 1100, trong đó quá nửa là thương binh. Ở cánh Trung vẫn còn xấp xỉ 600 thương bệnh binh. Như vậy toàn Viện đang phải điều trị cho khoảng 1700 thương bệnh binh.

Công tác tăng gia khá bê bối. Phải tiếp tục quản lý 50 hecta ở địa điểm cũ. Lên đây lại phải tiếp nhận của Viện 1, 130 hecta nữa. Nương ở dọc sông Đắc Mế, lúa ngô đang mọc rất đẹp, nhưng không biết có giữ được đến vụ thu hoạch hay không. Trong cánh Trung, cỏ mọc ngập đầu nên hai khoa 32, 23 còn phải ở lại làm cỏ vài ngày rồi mới lên đây được.

Ngày 15 tháng 6, Giải phóng báo tin đặc biệt: Thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Đợt 4 sắp kết thúc, các cơ quan chỉ huy bắt đầu rút về phía sau. Mấy hôm nay đang vây ép Plây-cần. Máy bay trực thăng không xuống được. Địch phải dùng máy bay C-130 thả dù nhưng bị bắn rơi mấy chiếc. Tuy nhiên sức ép của ta quanh Plây-cần cũng bị lỏng dần do thiếu gạo, phải rút bớt quân, mặc dù thời cơ chiến đấu vẫn còn.

Chưa bao giờ thấm thía ý nghĩa và sức mạnh của "Tư lệnh Gạo" như lúc này. Mọi kế hoạch ở chiến trường từ chiến lược, chiến thuật, bố trí lực lượng, lựa chọn hướng đánh đều do "Tư lệnh Gạo" quyết định một phần lớn.

Có quyết định của cấp trên tập trung số chị em phụ nữ trước đây ở rải rác

các đơn vị về Viện 211. Năm 1966, lúc mới vào Viện có 84 chị em nữ, đa số là thanh niên xung phong quê ở Hà Tĩnh, Quảng Bình. Đến nay, một số ốm đau, bệnh tật được giải quyết cho về hậu phương. Nói chung, chị em làm việc rất tốt, chịu đựng gian khổ, thiếu thốn có khi còn hơn cả nam giới. Vào chiến trường nam giới đã khổ, nhưng chị em phụ nữ còn khổ nhiều hơn. Những năm đầu 1966-1967, thiếu cả xà phòng, nhiều chị em có chấy, phải vận động chị em cắt tóc ngắn. Nhiều cô vừa khóc vừa cắt mớ tóc dài mượt mà của mình. Chị em tham gia mọi công việc của Bệnh viện, từ chuyên môn, đến tăng gia sản xuất, vận chuyển, xây dựng hay chiến đấu. Trong lần máy bay địch bắn phá Bệnh viện vừa qua, o Vân, khoa 40 đã dũng cảm nhảy lên dập tắt lửa đang bùng bùng cháy trên nóc nhà, trong khi máy bay địch đang bắn phá.

Phụ nữ trong chiến trường như những bông hoa tươi mát làm dịu bớt không khí khắc khổ, ác liệt của chiến tranh. Tuy nhiên không phải là không có chuyện. Khoa 24 có cô y tá xinh xắn, Chủ nhiệm phàn nàn: Thanh niên nó đến chơi đông làm mất thì giờ quá. Tôi khuyên: Anh cứ bắt mỗi thằng đến chơi phải vác cho khoa một cây tre là anh có đủ tre xây dựng đó!

Mặc dầu có chủ trương vận động "ba khoan", nhưng vẫn không thể tránh được những mối tình vụng trộm.

Vừa lên tới địa điểm mới, tôi đã có công việc phải làm: Cô X. Y tá, có thai đã gần ba tháng. Phải thuyết phục phá thai. Lại phải làm kín đáo để tránh tiếng tăm, ảnh hưởng đến hạnh phúc lâu dài của chị em sau này. Công việc khá vất vả. Không có bàn sản khoa, phải dùng một bàn tre, bốn chân chôn xuống đất, buộc thêm hai cọc tre để treo hai chân. Đèn soi vẫn là chiếc đèn xe đạp. Bộ dụng cụ nong cổ tử cung bị thiếu một số cây. Phải dùng những chiếc đũa tre vót thành những cỡ to nhỏ khác nhau bọc các ngón găng cao su và luộc lên để sát trùng.

Tội nghiệp cô bé biết khuyết điểm nên đành nghiến răng chịu đựng không dám phàn nàn kêu ca...

Ngày 25 tháng 6 năm 1969. Chiến tranh kéo dài và ác liệt không thể không có một số trường hợp mất tinh thần, tìm cách trốn tránh nhiệm vụ. Số tự thương, giả ốm để tránh phải đi chiến đấu ngày càng nhiều.

Ngay năm đầu, mới vào chiến trường, dọc đường giao liên, chúng tôi đã gặp một số trường hợp, lúc đó được gọi là "bê quay", tức là số đi B nhưng bỏ ngũ, trốn trở về.

Họ bị giao liên giải ngược ra thành từng tốp, năm, mười người. Đa số đi lầm lũi, mặt cúi gằm, ý thức được sai lầm của họ. Nhưng cũng có người

nhơn nhơn, cười nói ba hoa về những dự định sau này, khi trở về nhà.

Tới những năm 1969-1970 tình hình còn nghiêm trọng hơn cùng với chủ trương cho rộng rãi những người mất sức chiến đấu về hậu phương, một số có tư tưởng chờ đợi… một số khai tăng bệnh.

Trong bệnh viện có danh từ dí dỏm nửa tây nửa ta, cũng là để giữ bí mật khi các bác sĩ bàn bạc với nhau trước mặt bệnh nhân. Từ "maladie OV" tức là bệnh ốm vờ. Một số giả vờ điếc, khi bác sĩ đến khám bệnh thì ngơ ngơ ngác ngác, giả vờ như không nghe thấy gì, nhăn nhó "em bị sức ép bom B52". Nhưng bác sĩ vừa quay lưng đi thì tán chuyện như sáo với các o hộ lý.

Ngày 30 tháng 6 năm 1969. Khó khăn về lương thực ngày càng đè nặng lên cuộc sống.

Tiêu chuẩn gạo rút xuống còn 150 gam gạo độn với 1 kg sắn cho một đầu người một ngày. Thực phẩm tính theo tiền Ria (tiền Campuchia) từ 130 đồng rút xuống còn 25 đồng/một tháng.

Từ mấy năm nay, chúng tôi vẫn ăn độn sắn. Trước đây là cơm cõng sắn, có nghĩa là cơm chiếm phần chính, sắn chỉ là độn thêm. Nhưng bây giờ, muốn tìm một hạt cơm nguyên vẹn để dán bì thư trong rổ cơm độn sắn cũng khó khăn. Mà vẫn không đủ no! Đám thanh niên, ăn xong, vươn vai chép miệng: Coi như chưa ăn!

Ở các khoa, bệnh nhân bắt đầu có nhiều tiếng phàn nàn chia cơm không đều. Hiện tượng mất gạo trong khi đi lĩnh gạo ở kho thường xảy ra. Mỗi chuyến đi lĩnh gạo về, cân lại, khoa thiếu 10 kg, khoa thiếu 15 kg. Phải tổ chức cho Hội đồng thương bệnh binh cùng đi lĩnh gạo. Giao nhận ở kho, mang về tới nhà lại cân đong lại.

Ở kho gạo thì nhốn nháo, thương binh, bệnh nhân khoa này lĩnh gạo của khoa khác. Có bộ đội qua đường, thấy đang lĩnh gạo cũng chen vào chìa ruột nghé ra lĩnh gạo. Quản lý không nhớ hết mặt thương bệnh binh trong khoa, thế là phát nhầm. Buổi chiều, trên đường về, có hàng hai ba chục vị tụt lại ngồi nấu cơm thành hàng dài, "Bài ca ống chóng" diễn ra ngay cạnh đường.

Tiêu chuẩn muối cũng bị giảm. Thực thà mà nói, trước đây, tôi chưa bao giờ phải suy nghĩ đến lượng muối ăn cần thiết hàng ngày. Nhưng bây giờ muối bắt đầu trở thành vấn đề phải suy nghĩ và tính toán. Tiêu chuẩn muối hàng tháng giảm dần. Trước đây, ngoài muối, còn có mắm kem, cá khô, dưa, cà muối cũng cung cấp một lượng muối đáng kể. Nhưng nay thì những thứ đó không còn nữa. Tiêu chuẩn muối theo đầu người hàng tháng tụt từ 8 lạng xuống còn 6 lạng, rồi 5 rồi 4 lạng rưỡi... Anh em bắt đầu kêu nhạt,

người mệt rã rời. Xuống thăm một bếp nhân viên sau khi lĩnh muối, tôi thấy chị cấp dưỡng đang lúi húi chia tiêu chuẩn muối cả tháng thành các gói nho nhỏ. Mỗi gói nhỏ lại chia thành ba gói con bọc lá rừng. Chị giải thích cho tôi: "Mỗi bữa cơm, em chỉ việc đổ gói muối này vào chảo canh cho cả đơn vị, mặn nhạt mặc kệ. Chắc chắn là chỉ có nhạt chứ không làm gì có mặn. Như vậy mới có đủ cho cả tháng. Nếu nghe các vị cho muối vừa miệng thì tiêu chuẩn cả tháng sẽ veo trong 15-20 ngày. Mất vài ngày hoàn toàn ăn nhạt thì thật chết!".

Mỗi người đi công tác, ngoài tiêu chuẩn gạo, thực phẩm như thường lệ còn được phát một gói muối con để ăn dọc đường.

Chúng tôi đang chuẩn bị ra tập Nội san Quân y số 5. Họp ban Biên tập, mọi người đều vêu vao vì đói và thiếu muối. Mỗi vị được bồi dưỡng một củ sắn, nhưng vẫn rất hăng hái tham gia ý kiến cho từng bài.

Mắt tôi dạo này hình như có vấn đề: đọc sách chóng mỏi, nhiều lúc nhìn không rõ. Mấy tháng trước ở cánh Trung, hướng dẫn phẫu thuật thực hành cho lớp y sĩ, tôi còn khâu được những mạch máu nhỏ đường kính chỉ khoảng 1 milimét trên tai thỏ. Thế mà bây giờ người đứng cách vài mét mà không nhìn rõ mặt, có lúc cứ phải đoán. Phải chăng bệnh Glô-côm của tôi đang tiến triển. Từ ngày vào chiến trường, tôi vẫn giữ chế độ nhỏ thuốc giảm nhãn áp hàng ngày, nhưng có thời kỳ không có thuốc. Không đo được nhãn áp vì không có dụng cụ... Tôi cũng có phần chủ quan vì cảm thấy mắt vẫn bình thường... Mỗi khi hành quân trời tối, anh em vẫn cười bảo tôi là đi theo toạ độ. Giống như kiểu máy bay ném bom toạ độ, theo toạ độ trên bản đồ. Tôi cũng vậy, không trông rõ đường, nhưng cứ theo người đi trước bước bừa.

Nhưng cũng không có cách nào khác, chả lẽ kêu ca về bệnh của mình sao? Tôi thầm tự an ủi khi nhìn bao nhiêu chiến sĩ cụt chân, cụt tay hàng ngày vào Viện, bao nhiêu thanh niên trai tráng khoẻ mạnh đang hy sinh cuộc đời cho cuộc chiến đấu này. Nếu tôi có phải hy sinh con mắt thì cũng xứng đáng.

Ngày 5 tháng 7 năm 1969. Đợt 4 Tổng công kích và Tổng khởi nghĩa đã kết thúc. Chỉ huy sở tiền phương rút về hậu cứ, bộ đội đã lục tục trở về. Chỉ huy các đội Phẫu lưu động, đội điều trị, Bệnh viện dã chiến về họp rút kinh nghiệm và nhận nhiệm vụ mới.

Thương bệnh binh ứ đọng ở các cơ sở điều trị phía trước, dồn dập chuyển về Bệnh viện. Sau những ngày chiến đấu căng thẳng, bệnh tật phát triển, số bệnh binh tăng cao. Trong 1 tuần, hơn 600 thương bệnh binh vào Viện. Nâng số thương bệnh binh ở cánh Bắc lên tới 1400. Bộ phận ở cánh Trung

cũng lên tới 700, nên việc rút các khoa còn nằm ở cánh Trung không thực hiện được theo kế hoạch. Ở cả hai khu vực, toàn Viện thu dung tới 2200 thương bệnh binh, thật là một con số kỷ lục!

Mưa vẫn rơi dầm dề. Ở cánh Bắc Tây Nguyên này, mùa mưa kéo dài hơn cánh Trung. Ban đêm đã lạnh, phải đắp chăn bông. Chả trách Viện 1, có kinh nghiệm ở đây mấy năm nay phải làm nhà thấp và thưng kín mít để chống rét.

Ngày 18 tháng 7 năm 1969. Đang dự Chỉnh huấn thì anh Tụ, Trưởng ban Quân y Mặt trận đến cho biết là có điện từ Binh trạm Trung báo: anh Ba Đường, cán bộ của Khơ me đỏ, đang điều trị ở bộ phận Viện 211, còn ở Binh trạm Trung, bị sốt và đau vùng mổ túi mật cũ, xin bác sĩ Ngoại về hội chẩn và giải quyết. Theo ý của trên, vì đây là cán bộ lãnh đạo của bạn, tôi nên về trực tiếp giải quyết.

Mười giờ đêm, tôi cùng với ba đồng chí liên lạc rời Hội nghị ra đi. Đêm khuya, trời mưa tầm tã, đường dốc lầy lội. Dưới ánh đèn pin, chúng tôi vượt một dốc cao, ra tới đường thồ, lát những tấm phên nứa chống lầy. Qua "Cổng Trời" tới Q7 thì đã hai giờ sáng. Vào ngủ nhờ kho Q7. Sáng hôm sau mượn kho 4 chiếc xe đạp, về tới khoa 40, nơi đang điều trị cho anh Ba lúc 12 giờ trưa.

Tôi ra suối rửa mặt, rửa chân tay rồi vào thăm anh Ba. Anh người tầm thước, hơi đậm, da ngăm đen, ít nói. Anh đã mổ túi mật cũ, còn một vết sẹo chéo dưới mạn sườn phải. Mấy hôm trước, anh bị sốt, đau lại vùng mổ cũ. Nhưng sau đợt điều trị bằng kháng sinh, đến hôm nay đã tạm thời ổn định, bụng mềm, không đau, hết sốt. Tôi thật mừng, không phải làm gì thêm, chỉ cần tiếp tục theo dõi.

Từ ngày vào chiến trường, do Bệnh viện của chúng tôi ở gần hậu cứ của Khơ me đỏ, nên ngoại nhiệm vụ điều trị cho bộ đội, nhân dân, chúng tôi còn có nhiệm vụ quốc tế là săn sóc, điều trị cho bạn.

Lúc này, lực lượng của họ đang còn rất yếu ớt, nên họ gần như hoàn toàn phải dựa vào ta, từ trang bị, vũ khí, đến lương thực, thực phẩm, săn sóc y tế.

Tuy nhiên, đã thấy xuất hiện những dấu hiệu dân tộc cực đoan bất thường, những khẩu hiệu và hành động chống lại gây khó khăn cho ta. Số cán bộ Campuchia sau năm 54, tập kết ra miền Bắc, khi trở về Campuchia, bị coi như "thân Việt Nam", không được giao nhiệm vụ, bị phân biệt đối xử, thậm chí bị đàn áp.

Một xã ven biên giới, là cơ sở của ta bị họ đàn áp. Một số cán bộ bộ đội của ta đi lẻ, bị tấn công tước vũ khí. Có kho vũ khí của ta bị họ cướp. Những tình hình này, báo cáo lên trên, không hiểu sao dường như bị coi là hành động lẻ tẻ của địa phương và bỏ qua...

Bác sĩ Bích, Chủ nhiệm khoa, cũng vừa bị một trận sốt cao, lên một cơn thần kinh, nói lảm nhảm. Sang ngày hôm sau vẫn chưa thật bình thường. Vẫn lúc mê, lúc tỉnh.

Tôi ở lại khoa 40 hai ngày, vừa theo dõi tình hình anh Ba Đường, vừa theo dõi tình hình anh Bích. Sau khi thấy cả hai đã ổn định, tôi mới lên chỉnh huấn tiếp, vừa kịp dự phần thu hoạch.

Ngày 31 tháng 7 năm 1969. Để sẵn sàng chiến đấu, chúng tôi tổ chức một đoàn gồm cán bộ phụ trách các khoa đi xem địa hình chung quanh Bệnh viện. Mất tròn một ngày. Leo qua các mỏm đồi dưới trời mưa tầm tã. Bệnh viện nằm gọn trong một thung lũng hẹp có các đồi núi bao quanh. Chỗ ở của Viện tương đối bằng phẳng, nhiều nước. Nếu giữ được bí mật thì tốt. Nhưng nếu bị lộ thì có thể trở thành một túi hứng bom, không có lối thoát.

Mấy hôm nay, tổ chức chỉnh huấn cho cán bộ sơ cấp và chiến sĩ trong đơn vị, nhưng không yên do chuyện gạo. Hôm trước theo kế hoạch Viện được phát 54 tấn gạo ở điểm 5. Như vậy là tương đối gần. Nếu lĩnh được hết thì đủ ăn tới cuối tháng 9. Nhưng chậm chân, khi ra tới nơi thì không còn hạt nào. Như vậy sẽ phải đi lĩnh ở Cung 3, đi về mất 5 ngày. Tính ra phải huy động 100 người để gùi gạo mới đủ một ngày một tấn vừa đủ ăn hàng ngày cho thương bệnh binh và nhân viên, không có dự trữ. Anh Toản Phó chính uỷ Viện phải cấp tốc lên Phòng mới xin được 20 tấn lĩnh ở điểm 5, đủ ăn hết tháng 8. Nhưng ra tới điểm 5 thì kho cũng rỗng, vẫn phải lấy gạo ở Cung 3 mà nếu chậm không có người ra nhận sớm thì Cung 3 cũng hết nốt và sẽ phải ra T34, cả đi và cả về 15 ngày! Đành cấp tốc cử người ra Cung 3 nhận gạo, đồng thời cấp tốc mở lớp chỉnh huấn trong 5 ngày sau đó, tổng huy động lực lượng đi lấy gạo. Trong Viện gạo dự trữ chỉ còn đủ ăn tới 15 tháng 8 nếu không kịp sẽ đói to.

Ngày 5 tháng 8 năm 1969. Nhận được thư Hương viết ngày 6 tháng 1 năm 1969. Thư mất 7 tháng mới tới được tay tôi. Thư Hương viết:

"Anh thân yêu,

Tối nay em đến 108 xem phim quay nơi anh làm việc năm 1967. Mợ, anh chị Hoè, Hằng Nga cũng đi xem.

Trông thấy anh mạnh khoẻ, cả nhà rất vui. Sao cái đầu Bố húi xấu lắm. Ai

lại đằng sau nhẵn thín! Anh Vinh trông tóc bạc hết cả. Chị Vinh, chị Âu cũng đi xem. Trông cảnh đẹp, anh nhỉ. Em muốn được vào đấy vẽ anh ạ. Vậy anh tạo điều kiện cho em trở thành hoạ sĩ của Viện đấy nhé.

Các anh, các chị Viện 108 đều luôn săn sóc và thăm hỏi gia đình mình nên em vào chơi Viện 108 nhiền hơn khi anh ở nhà.

Có thể tháng 2 em sẽ vào Quảng Bình, Vĩnh Linh công tác và như vậy có thể năm nay không ăn Tết ở nhà. Mỗi lần đi xa về thấy nhà yên ấm quá. Con ngoan và biết thương mẹ, anh chị em trong gia đình đối với em rất tốt. Nhưng nghệ thuật lại buộc em không thể tách rời cuộc sống nên năm nào em cũng phải đi ít lâu.

Em luôn luôn nhớ anh từng ngày. Ba năm nay, không một ngày một đêm nào em không nghĩ tới anh. Nhiều khi bận quá nhưng trước khi đi ngủ vẫn nghĩ tới anh ở xa. Rất mong ngày thắng lợi chúng ta sẽ lại có một cái Tết vui như ngày xưa khi anh đến thăm em đúng ngày Tết ở Việt Bắc...".

Ngày 15 tháng 8 năm 1969. Tôi vừa rời phòng mổ sau một ca mổ nặng, trên đường về nhà thì có tiếng gọi phía sau. Quay lại thì ra anh An, trợ lý y vụ tay cầm một mảnh giấy. Công văn của xưởng Dược cho biết trong đơn vị có một trường hợp tai nạn nổ súng chết người, xin cho người sang khám nghiệm tử thi. Anh cho biết thêm, người bị nạn là H., một chiến sĩ mới về đơn vị được xếp vào loại "tụt, tạt", như anh em thường gọi, đã đào ngũ để trốn về gia đình, qua Binh trạm bị giữ lại, giáo dục rồi bổ sung về xưởng Dược.

Anh Diệp, y sĩ giải phẫu bệnh lý được cử sang xưởng Dược khám nghiệm tử thi. Khi về, báo cáo với tôi. Hôm trước cậu H, nạn nhân, bị ốm. Sáng hôm nay hết sốt nhưng H. vẫn nằm ở nhà, anh em đi làm hết, bỗng nghe thấy tiếng súng nổ.

Khi anh Diệp tới nơi, hiện trường vẫn nguyên. Nạn nhân nằm úp sấp mặt xuống đất, một chân duỗi vào trong gầm giường, một chân co dưới bụng, tay giơ ngang cằm. Viên đạn CKC xuyên từ cánh mũi trái ra sau gáy, xuyên lên nóc nhà làm thủng một miếng ngói tre trên nóc. Lỗ đạn vào ám khói đen, chứng tỏ đạn nổ sát gần. Cạnh xác chết là khẩu súng CKC nằm trên mặt đất. Cái tút đạn văng ra bên phải, cách xác chết chừng một mét, chứng tỏ hộp đạn đã quay về phía người. Trên giường có giẻ và lọ dầu lau súng. Như vậy anh H. ngồi trên giường, súng đặt đứng trên mặt đất, mặt ghé trên miệng súng.

Diệp kết luận dè dặt: Không biết đây là một vụ tự sát hay là tai nạn trong khi lau súng!

Tôi đã thu thập các thư từ và tài liệu riêng của anh H. mang về để nghiên cứu thêm. Tôi lật từng trang nhật ký, cùng mấy bức thư của H. mà trong lòng thấy thương người chiến sĩ này vô hạn. H. là một thanh niên trẻ hai mươi tuổi đời.

Trang đầu cuốn nhật ký là dòng chữ nắn nót: *Thân tặng Ph Q H. ngày lên đường làm nhiệm vụ về vang đánh Mỹ. Xiết chặt tay bạn... Ký tên Ngọc Bích.*

Trang hai là chữ của H ghi hai câu thơ:

"Một bước xa nhau, ngàn thương nhớ
Một lời lưu luyến vạn lần mơ"

Những trang sau ghi lộn xộn các địa chỉ và mấy câu thơ:

"Xa quê đã mấy tháng rồi
Lòng con thương mẹ vô cùng mẹ ơi!"

Rồi những câu: *Rau vài ba cọng ăn vào như không. Cơm thì bữa thất, bữa thường. Sáng ăn một bát chiền thời ăn hai. Ăn xong rồi lại nằm ỳ, cán bộ gọi họp không đi, cứ nằm kêu ốm kêu đau suốt ngày. Lý do ra Bắc chứ còn làm sao? (Ngày 17 tháng 8 năm 1968).*

Giữa quyển sổ là hàng chữ to nguệch ngoạc: *Không biết nên chọn con đường nào. Đi hay ở, vào hay ra, khó suy nghĩ quá mẹ ơi!*

Sang trang sau là hàng chữ nguệch ngoạc: *Đời tôi xuống dốc không phanh rồi. Bạn hỡi, đào ngũ là chuyện không vừa. Tương lai chính trị thế là như không! Hy vọng đã tan thành mây khói, nhục nhã vô cùng! Tại sao tôi lại đào ngũ? Tại sao không hoàn thành nhiệm vụ? Sợ chết chăng? Sợ Mỹ chăng??? Đời tôi rồi sẽ ra sao? Phong ba bão tố... Tôi tự dìm đời tôi xuống bùn đen rồi. Không còn hoài bão hy vọng, ước mơ như tôi nghĩ trước đây nữa.*

Như vậy diễn biến sự việc khá rõ ràng: Một thanh niên trẻ, lòng tràn ngập tình yêu thương mẹ, nhớ quê hương, vào tới chiến trường đầu tiên là sợ khó khăn gian khổ, rồi trong một lúc không đấu tranh nổi, đào ngũ bị bắt, sinh ra bi quan, xấu hổ rồi tự kết thúc cuộc đời. Những tài liệu để lại và khám xét hiện trường, chứng minh rõ điều đó…

Ngày 31 tháng 8 năm 1969. Mổ xong một ca bóc vỏ phổi do mủ phế mạc khu trú thành kén, chọc hút nhiều lần không hết.

12 giờ trưa mổ xong, đang đi về nhà thì máy bay trinh sát và tiếp sau đó là máy bay trực thăng bay ầm ầm trên khu vực. Chạy về tới nhà, điện thoại từ đài quan sát báo tin: có ba trực thăng hạ cánh xuống khu vực kho Q11, chỉ cách Viện một ngọn đồi. Báo động. Các tổ chiến đấu của các khoa được lệnh lên chốt các cao điểm quanh Viện, theo kế hoạch đã được phân công từ trước. Viện cử một tổ cảnh vệ vượt sườn núi sau lưng Viện bộ sang Q11 để phối hợp chiến đấu với lực lượng bảo vệ kho.

Máy bay hoạt động rầm rộ một lúc rồi yên tĩnh trở lại. 4 giờ chiều, tiếng súng, tiếng mìn nổ chát chúa sau lưng nhà tôi ở. Cử thêm một tổ 5 người của sản xuất và cảnh vệ lên tiếp ứng. Nhưng tiếng súng chỉ rộ lên một lúc rồi yên.

6 giờ chiều, kho Q11 báo tin một chiến sĩ liên lạc gặp 2 tên biệt kích đi ngang qua đường mòn trong rừng, nhưng không đánh, chạy ra trạm gác gọi người. Khi quay trở lại, chúng đã mất hút vào rừng.

Tổ cảnh vệ sang tới Q11, nghe tin, liền lập tức truy lùng theo hướng đi của bọn biệt kích lên núi. Đồng chí Thông đi trước bị chúng phát hiện, bắn bị thương vào vai và chân. Anh em phát hiện thấy trên các thân cây có khắc chữ 7/24 và một mũi tên chỉ về phía Tây.

Đêm 25 tháng 8 họp Thường vụ, thủ trưởng Viện quyết định tạm thời sơ tán Bệnh viện. Khối Ngoại, khoa 33 ra C3, khoa 34 ra C2 và thu dung. Khối Nội ra T3. 11 giờ rưỡi đêm, tôi đi kiểm tra tình hình sơ tán. Qua khoa 34, thấy đang phân công khiêng cáng thương bệnh binh. Một số cáng đã sẵn sàng dựng cạnh nhà Hành chính. Trong đêm hôm đó và sáng sớm hôm sau, 938 thương bệnh binh đang điều trị ở các khoa đã được phân tán đi các nơi.

Sáng 26 tháng 8 yên tĩnh, tôi và anh Hà Nhưỡng, Chủ nhiệm Y vụ ra C3 xem tình hình sơ tán của khối Ngoại. Trên đường còn thấy mấy thương binh nặng đi nạng lộc cộc leo dốc. Một chiếc cáng lặc lè lên dốc. Một đầu cáng là cô Liệu y sĩ Lý liệu, đầu cáng bên kia là anh Bao, Chính trị viên khoa 33. Thấy hai người đã mệt, cậu liên lạc của tôi ghé vai khiêng giúp cô Liệu, anh Nhưỡng cũng ghé vai khiêng giúp anh Bao.

Lên tới đài quan sát trên đỉnh dốc, vừa đúng lúc máy bay trực thăng lại pầm pập ầm ầm tới. Chúng bay vòng rất thấp sát ngọn cây. Gọi điện về cho anh Công, Chính uỷ, trực chỉ huy ở nhà, đề nghị cho dùng đại liên 12 ly 7 đang bố trí ở rẫy, bắn.

Ra tới C3 gặp bác sĩ Hưởng, Chủ nhiệm khoa 33. Anh cho biết toàn bộ số thương bệnh binh của khoa 33 đã sang tới chỗ sơ tán, trừ 4 trường hợp nặng, bất động còn phải để lại săn sóc ở địa điểm cũ. Phòng mổ cũng đã

chuyển được hết số dụng cụ ưu tiên. Tình hình tương đối ổn. C3 có một số nhà và công sự đủ cho thương bệnh binh và nhân viên.

Vừa xem xét tình hình xong thì tiếng súng nổ dữ dội ở phía Viện, điện thoại réo liên tục. Đài quan sát báo: "4 trực thăng..., 4 trực thăng... rồi 6 trực thăng... 6 trực thăng đang lượn xuống thấp. Có khói bốc lên từ bãi cỏ gianh sau khoa 34".

Sau đó báo cáo tiếp: Chúng nó kéo lên 3 thằng lủng lẳng trên thang dây... Tiếp sau đó lại báo cáo: Một trực thăng khác câu lên 6 thằng thành một xâu.

Ở C3 chúng tôi cũng thấy chiếc trực thăng bay ngang qua bầu trời với một xâu biệt kích lủng lẳng ở dưới bụng, bay vút về hướng Đông. Sau đó tiếng máy bay, tiếng súng im ắng dần.

Chúng tôi tiếp tục sang khoa 34. Tụt một khe núi, sang quả núi phía bên kia là vị trí của một đại đội vận tải nhường chỗ cho Bệnh viện. Thương bệnh binh đang ngủ mê mệt sau một đêm thức trắng. Gặp bác sĩ Minh, Chủ nhiệm khoa, anh cho biết toàn khoa đã di chuyển an toàn sang địa điểm mới. Đi thăm một số lán thương bệnh binh, qua lán cán bộ, các cán bộ điều trị hoan nghênh chủ trương của Chỉ huy Viện kịp thời phân tán Bệnh viện. Ít nhất thì cũng đã tránh được cho bệnh nhân trận oanh tạc vào Bệnh viện sáng hôm nay.

Trên đường quay về nhà, chúng tôi gặp một nhân viên khoa 22. Đồng chí cho biết, chúng nó bắn phá khu vực các khoa 33, 34. Đồng chí Kính - y sĩ X quang hy sinh. Tôi choáng váng. Đồng chí Kính ư! Kính, một y sĩ trẻ, có khuôn mặt thông minh, hơi xanh vì sốt rét, công tác tích cực, xông xáo, săn bắn giỏi, mà hy sinh sao? Cậu nhân viên nói tiếp, ngoài ra còn một đồng chí nữa hy sinh, vết thương vào mặt nên không nhận ra là ai. Có thể là Chương, quản lý khoa 34. Đồng chí Chương ư? Vô lý, chúng tôi vừa gặp Chương ở chỗ sơ tán vừa rồi.

Chúng tôi vội vã trở về theo đường tắt qua rừng, tụt một dốc sâu rồi lội theo dọc suối. Đi qua khoa 34. Vắng vẻ, khoa đã sơ tán hết. Còn đàn lợn chạy nháo nhác tìm thức ăn. Gặp một nhân viên đang thu dọn đồ đạc, xác nhận tin đồng chí Kính hy sinh.

Qua phòng mổ gặp bác sĩ Hưởng mới từ nơi sơ tán trở về, vừa mổ xong các nhân viên bị thương. Nặng nhất là đồng chí Bái, bị vết thương ngực mở, thở phì phò qua miệng vết thương, đã được mổ khâu kín, tình hình ổn định. Anh Hưởng cho biết người hy sinh thứ hai là anh Mùi, không phải là Chương như mọi người lúc đầu tưởng nhầm. Anh Mùi, trợ lý bảo vệ, một cán bộ cần mẫn, lúc nào cũng đeo theo người một xắc cốt to phồng tài liệu.

Sáng hôm nay, theo phân công, các trợ lý cơ quan toả đi các khoa kiểm tra tình hình sơ tán và sẵn sàng chiến đấu chống biệt kích. Anh Mùi, đi ngang qua khoa X quang gặp anh Kính, vừa dứt cơn sốt nên chưa sơ tán theo khoa. Anh Mùi liền rủ anh Kính lên thăm chốt của khoa X quang ở đỉnh đồi sau nhà. Trên đồi, hai đồng chí Giáp và Tỵ giữ chốt. Hai anh leo dốc lên chốt. Kính mang khẩu súng các bin, Mùi có khẩu súng ngắn. Bọn biệt kích có lẽ cắt đường rừng theo sườn núi. Hàng loạt tiểu liên nổ, tiếp theo là các tiếng nổ liên tiếp, tiếng nhỏ của tiểu liên cực nhanh, tiếng nổ to của đạn Xì tốc...

Hai tổ chiến đấu nghe tiếng súng đánh sang. Một tổ đánh từ dưới lên, một tổ từ sườn núi phía Tây sang. Tổ chốt trên đỉnh đồi cũng đánh xuống nhưng máy bay đã ập tới bắn phá ác liệt, nên không tiến được. Khi lên tới nơi thì đã thấy Kính nằm trong vũng máu. Đồng chí Mùi nằm bên cạnh, bị một vết thương lớn trúng giữa mặt, một vết thương rộng ở lưng, tay bị gãy nát, khi khiêng về không nhận được là ai. Sau đó xem giấy tờ còn lại trên người xác định là đồng chí Mùi. Súng ngắn và xắc cốt bị chúng nó lấy mất.

Hội ý lãnh đạo Viện trong đêm, xác nhận địa điểm đã lộ, quyết định cử một lãnh đạo Viện lên Phòng xem chỉ thị.

Sáng 27 tháng 8 tôi cùng hai cảnh vệ rời Viện từ 4 giờ sáng để lên B3 báo cáo tình hình và xin chỉ thị. Đi một mạch tới 3 giờ chiều tới Q7, vào kho mượn xe đạp. Tôi và đồng chí Lân cảnh vệ phóng về cánh Trung.

Tới Quân đoàn, nghỉ một chút trên cầu Quân đoàn, pha cốc nước đường uống dưới ánh trăng mờ mờ. Đói, mệt. Buộc đèn pin vào tay lái xe đạp tiếp tục đi nhưng chỉ được từng quãng ngắn. Trời đổ mưa ào ào, cây đổ ầm ầm trong rừng. Chúng tôi tiếp tục đi, nhờ ánh chớp để nhận đường. Tới một thân cây to vừa mới đổ chặn đường, phải luồn qua cành lá, vác xe, người đẩy, người kéo, vượt qua được cây đổ. Tiếp tục đi. Đã tới gần nương gia tăng cũ của Viện, lại một cây to bằng hai người ôm đổ chặn ngang đường. Cạnh đó có một đường rẽ. Đi vào đường rẽ được vài trăm mét, cậu Lân đứng lại phân vân: Có lẽ lạc, thủ trưởng ạ!

Quay lại chỗ cây đổ, hì hục một hồi lâu, một ánh chớp loé, soi mờ mờ một con đường mòn. Đi theo một quãng cậu Lân vẫn phân vân: Đường này đi ra nương tăng gia của Phòng!

Lại quay lại cây đổ. Cực quá, tôi ngồi xệp lên một cành cây, mặc cậu Lân loay hoay tìm đường. Cuối cùng chúng tôi lại hì hục, người đẩy, người kéo, vác hai xe đạp trèo qua thân gỗ cao ngang đầu, cành lá xúm xuê, ướt sũng nước mưa. Về tới nương tăng gia, đã hơn mười giờ đêm, anh em đã chuẩn bị đi ngủ. Thấy chúng tôi về anh em ngạc nhiên: Chưa ai đi được quãng

đường từ cánh Bắc về đây trong vòng một ngày!

Sáng 28 tháng 8 tìm được đồng chí Vĩnh thủ trưởng Phòng đang họp Hội nghị gần nương. Anh cho biết đã nhận được điện của Viện chiều hôm trước và đã báo cáo tình hình với Bộ tư lệnh mặt trận. Đồng chí Hoàng, Tư lệnh trưởng cũng rất lo cho Bệnh viện và đã chỉ thị cho Trung đoàn 40 cử một bộ phận đến bảo vệ Viện. Phòng Hậu cần cũng đã cử đồng chí Lục, phó phòng cùng đại diện các bộ phận xuống Viện giải quyết các khó khăn cho Viện.

Tối 30 tháng 8 về tới đơn vị, họp thường vụ, thủ trưởng Viện bàn kế hoạch di chuyển. Phải tập trung bệnh nhân vào một khoa Nội và một khoa Ngoại để điều trị và rút một số khoa vào địa điểm mới xây dựng. Khi được một số cơ sở mới chuyển dần thương bệnh binh vào và rút nốt các khoa còn lại.

Ngày 2 tháng 9 năm 1969. Sáng 2 tháng 9 tôi được mời dự liên hoan mừng Quốc Khánh với Bệnh xá E40. Có cơm nếp, thịt gà. Buổi chiều khoa 33 điện báo có một trường hợp nặng cần hội chẩn. Chống gậy sang khoa 33 đang sơ tán, đi qua một khu rừng rậm, vượt một dốc cao. Bệnh nhân là một chiến sĩ trẻ đau bụng quằn quại nhưng triệu chứng không rõ ràng, rất khó chẩn đoán.

Sáng 3 tháng 9 triệu chứng bệnh rõ hơn, quyết định mổ. Tôi cùng với bác sĩ Hưởng mổ. Vừa gây mê xong, một y sĩ vào lo lắng báo tin: "Bác Hồ ốm anh ạ!"

Tôi dừng mổ, giật mình hỏi lại: "Sao cậu biết?".

- Đài vừa đưa tin sáng hôm nay.

Từ 5 giờ 15 phút sáng 3 tháng 9 Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin Bác Hồ mệt. Tuy chỉ có một vài người dậy sớm nghe được tin này, nhưng tin dữ đã lan ra nhanh chóng trong đơn vị.

Mọi người lo lắng nhìn nhau, bỏ hết công việc, xúm quanh các đài bán dẫn, chăm chú nghe các bản tin phát vào lúc 10 giờ 30, 11 giờ 15, 16 giờ 30, 18 giờ nhưng bặt không thấy tin tức gì thêm, cũng không thấy nhắc lại thông báo buổi sáng. thậm chí đã có người nghi ngờ hỏi gặng số anh em nghe được bản tin buổi sáng: Có thực cậu nghe thấy tin đó không?... Có đúng là nghe đài Việt Nam hay nghe phải đài nào khác?

Sau ca một cấp cứu, tôi trở về Viện bộ chỗ ở cũ, rồi vào tiếp địa điểm dự bị để bàn phương án bố trí các khoa.

Đường vào khu dự bị mới mở xuyên qua những khu rừng tre nứa rậm rạp, các gốc tre mới phát còn nhọn hoắt. Suốt dọc đường, bước thấp, bước cao, tôi vẫn ôm trong tay chiếc đài bán dẫn, gắn núi nghe vào tai. Rà hết đài này sang đài khác, hết chương trình này sang chương trình khác. Bặt không có tin tức gì thêm về sức khoẻ của Bác. Tuy nhiên, tôi vẫn có cảm giác có điều gì khác thường. Bản tin trên đài, không theo thứ tự như thường lệ. Bắt đầu bằng bản tin tóm tắt rồi đọc bản tin chi tiết, rồi điểm báo, sau đó hình như vì chưa hết giờ, để lấp chỗ trống, lại đọc tiếp tin...

Địa điểm dự bị ở vào một khu rừng tre nứa rậm rạp, giữa hai dãy núi cao có con suối nhỏ chảy. Chúng tôi mắc tăng võng hai bên bờ suối để ở. Đêm mưa rơi lộp bộp trên nóc tăng. Nằm trong võng vẫn ôm chiếc đài bán dẫn, thao thức suốt đêm.

Sáng 4 tháng 9, bản tin sáng, phát thanh viên, với một giọng đầy xúc động, nghẹn ngào đọc bản Thông cáo đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Hội đồng chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chúng tôi linh cảm có điều bất thường, choáng váng, tai như ù lên, chỉ nghe được loáng thoáng các câu "... Hồ Chủ tịch mắc bệnh... trong một cơn đau tim... đã từ trần hồi 9 giờ 47 phút ngày 3 tháng 9 năm 1969".

Nước mắt, tưởng chừng như đã cạn qua bao nhiêu mất mát đau thương của chúng tôi, bỗng trào ra giàn giụa.

Nhiều cán bộ, chiến sĩ cảnh vệ úp mặt xuống võng, khóc nức nở.

Trời vẫn mưa. Mưa Tây Nguyên rơi rào rào trên các tấm nhựa, trên lá cây, trên mặt đất. Nước suối cũng chảy ầm ầm như muốn gào lên cùng nỗi đau đớn của chúng tôi…

Chiều 5 tháng 9, chúng tôi tổ chức lễ truy điệu Bác ở giữa rừng, trên một vạt đất trống nhỏ mới phát. Một tấm ni lông căng làm nệm cho bàn thờ Tổ quốc, có ảnh Bác với hàng khẩu hiệu: "Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại".

Thương bệnh binh và nhân viên, ngực đeo băng tang, đứng tập hợp thành đội ngũ. Anh Công và tôi, Viện trưởng chia nhau đọc Thông cáo đặc biệt và Lời kêu gọi của Ban chấp hành Trung ương Đảng... giữa những tiếng nức nở.

Trời vẫn mưa rả rích, rừng Tây Nguyên bao la tưởng chừng như lạnh thêm, mênh mông thêm. Cuộc chiến đấu đầy khó khăn gian khổ đang kéo dài

trước mắt, mà Bác, niềm tin thiêng liêng của chúng tôi không còn. Chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy cô đơn, lo lắng như những ngày này.

Trong buổi lễ truy điệu, chúng tôi mời đại diện của đồng bào địa phương cùng dự và cũng để thông báo tin buồn cho đồng bào biết. Đồng chí cán bộ dân tộc, to khoẻ, vững chắc, mặc bộ quần áo bộ đội, im lặng trong suốt buổi lễ vẻ mặt bình thản. Sau buổi lễ, trước khi ra về, đồng chí mới nói với chúng tôi một câu chắc nịch: "Bác Hồ còn lâu mới chết!"...

Ôi, thì ra đồng chí không tin là Bác Hồ mất. Trong suy nghĩ của đồng chí và cả của đồng bào dân tộc Bác Hồ là rất thiêng liêng, vĩnh viễn tồn tại, không thể mất. Và chúng tôi nghĩ rằng có lẽ cứ để đồng bào giữ niềm tin đơn giản và vững chắc đó.

Ngày 15 tháng 9 năm 1969. Sau lễ truy điệu Hồ Chủ tịch ở địa điểm mới của Bệnh viện, tôi trở lại nơi sơ tán của khoa 33 để cùng với anh em mổ một số thương binh nặng.

Khoa đang ở nhờ cơ sở của một đại đội thu dung, trên đỉnh một ngọn đồi cao có rừng tre nứa phủ kín. Chỗ ở như thế này là đúng nguyên tắc an toàn. Kinh nghiệm cho biết địch thường chú ý các thung lũng thấp ven suối. Nhà ở tuy đủ cho thương bệnh binh và nhân viên nhưng chật chội. Từ trên ngọn đồi mỗi khi xuống suối lấy nước khá vất vả.

Mới mổ một trường hợp tháo khớp háng trên một thương binh đã mổ cắt đoạn khớp bị nhiễm trùng. Thương binh gầy yếu, chỉ còn da với xương. Sau mổ huyết áp tụt, chỉ còn 50/30, cần truyền máu mà ở nơi sơ tán này, không có người cho máu và cũng không có điều kiện phân loại máu. Mổ xong, tôi lại nằm xuống, giơ cánh tay cho anh bác sĩ hoá nghiệm lấy máu để truyền cho thương binh. Tôi thuộc nhóm máu O, nhóm máu phù hợp với tất cả mọi người. Sau một đêm theo dõi căng thẳng, sáng hôm sau huyết áp của anh thương binh đã ổn định.

Hôm nay, theo kế hoạch, khoa 22 sẽ cho ra Viện nốt số bệnh nhân điều trị khỏi và sẽ rời T3, để vào nơi ở mới.

Máy bay trinh sát L19 lại bay lượn quanh đây, bắn vu vơ vào các khu vực nương rẫy.

Ở địa điểm mới, khoa 34 đã làm được đủ chỗ ở cho 120 thương bệnh binh. Từ 10 tháng 9, khoa 24 đã đưa 50 bệnh nhân nhẹ vào xây dựng. Nếu tới lúc đó, mỗi khoa làm được đủ chỗ ở cho từ 100 đến 120 thương bệnh binh thì có thể rút tất cả vào địa điểm mới. Hơn 100 nhân viên vẫn phải vận chuyển gạo. Phấn đấu đến cuối tháng 9 lấy được 40 tấn gạo, đủ ăn cho tới cuối

tháng 10.

Ngày 20 tháng 10 năm 1969. Nhận được chỉ thị của Phòng, phải giãn rộng đội hình của Bệnh viện khoảng hai giờ về phía Tây. Thế là tôi và các Chủ nhiệm lại khăn gói lên đường đi nghiên cứu địa hình.

Đường đi không có. Cứ một tay cầm địa bàn, một tay cầm dao, phát cây rừng lấy lối đi. Thỉnh thoảng lại dừng lại, nghiên cứu trên mảnh bản đồ địa hình đã nhàu nát.

Qua mấy năm ở Tây Nguyên, chúng tôi đã có kinh nghiệm, không mất hàng tháng mới tìm được địa điểm như khi mới vào. Bây giờ, sau khi nhận được lệnh, có thể chỉ cần một hai ngày là tìm được toạ độ trên quy định cho Bệnh viện.

Sau một ngày luồn lách trong rừng, vượt đèo, vượt suối buổi chiều về tới nơi tạm trú, căng tăng võng, đốt đống lửa để hơ quần áo thì thấy 3 đồng chí du kích dân tộc đến gặp anh Tấn, phụ trách hành chính và cảnh vệ đi trong đoàn chúng tôi, nói bằng tiếng Kinh không sõi: "Đồng chí bộ đội... đồng chí bộ đội... có biệt kích!".

Nhìn anh du kích địa phương, cởi trần đóng khố, người gầy đen đủi, răng rựa sát đến lợi, tay cầm khẩu súng CKC đã mất dây đeo, thay bằng sợi dây rừng, anh Tấn vừa ngạc nhiên vừa lo ngại: Sâu như thế này mà cũng có biệt kích sao? Anh hỏi gặng: "Có đúng là biệt kích không?" Anh du kích gật đầu quả quyết: "Chúng nó đông lắm, đi dọc theo suối, đi nhanh lắm. Có thằng Mỹ, cao to chỉ huy. Mình mấy lần định bắn nhưng không dám bắn vì, mình chỉ có một mình...".

Biệt kích đã tới đây thì thật là nguy hiểm. Nghe anh Tấn báo cáo lại, chúng tôi liền cử một tổ Cảnh vệ, sáng hôm sau, đi truy lùng, theo sự hướng dẫn của anh clu kích dân tộc.

Buổi chiều tổ cảnh vệ trở về cho biết, anh du kích dắt đi theo đúng con đường chúng tôi hôm trước. Vết chân còn hằn rõ trên bùn. Thì ra anh du kích đã nhầm chúng tôi là biệt kích. Còn thằng Mỹ cao to, sau khi hỏi gặng kỹ đồng chí du kích dân tộc, lại chính là... tôi!

Nghĩ lại thật hú vía, nhớ câu anh du kích nói: "Mình mấy lần định bắn nhưng không dám vì chúng nó đông quá!" mà rợn cả người.

Xác định xong khu vực cho khối Nội. Từ khối Ngoại sang khối Nội phải qua hai dốc cao, đi mất 4 tiếng. Viện bộ ở giữa hai khối Nội và Ngoại. Tuy gần khối Ngoại hơn nhưng cũng phải vượt qua một dốc cao. Việc điều

hành trong Viện sẽ có nhiều khó khăn, nhưng ngược lại đảm bảo an toàn. Nếu một khu vực nào của Bệnh viện bị đánh thì khu vực kia vẫn an toàn.

Chúng tôi phải tổ chức lại Bệnh viện, chia hành hai phân viện Nội và Ngoại, hoạt động độc lập. Có chỉ huy riêng, bảo đảm cho mỗi khối Nội, Ngoại có bộ phận cận lâm sàng riêng. Các khoa Dược, Hoá nghiệm, đều phải dành để bên khối Ngoại và xin thêm dây điện thoại để liên lạc giữa các bộ phận.

Khoa 34 xây dựng nhanh hơn các khoa khác. Sau hơn một tháng xây dựng, tới nay đã được khoảng 230 giường cho thương bệnh binh, đủ nhà cho nhân viên. Các khoa Nội vì vào sau lại phải di chuyển, nên làm chậm hơn.

Viện trở lại nền nếp sinh hoạt khoa học hàng tuần. Trường Quân y đã học lại, có 63 học viên. Các Chủ nhiệm khoa thay nhau sang lên lớp. Đang chuẩn bị ra Nội san Quân y Tây Nguyên số 6.

Cùng với đồng chí Lộc, cần vụ, tôi cũng lợp xong nhà và thưng xong nhà ở. Muỗi ở rừng tre nứa, nhiều ghê gớm. Muốn ngồi làm việc ban ngày phải mắc màn hoặc phải lấy bao tải rách cuốn thành bùi nhùi để đốt lấy khói đuổi muỗi.

Ăn uống càng ngày càng kham khổ. Cơm thiu phải lấy măng ăn độn. Chúng tôi giao chỉ tiêu cho các khoa, mỗi người, mỗi ngày phải kiếm 20 kg măng cho thương bệnh binh.

Ngày 10 tháng 11 năm 1969. Vừa họp Hội nghị về sản xuất và đánh biệt kích trở về. Hội nghị mất 10 ngày, đi về mất thêm 4 ngày. Nhiệm vụ sản xuất năm nay rất nặng. Các đơn vị phía sau, kể cả Bệnh viện phải tự túc 75% lương thực, thực phẩm. Nhiệm vụ sản xuất ngang với nhiệm vụ chiến đấu. Dự kiến sẽ phải phát khoảng 14 hecta nương, trồng lúa, sắn.

Sau Hội nghị tôi cùng với anh Tấn, Chới ra thăm nương của Bệnh viện ở cánh Trung, sắn đang mọc tốt. Mới bảy tháng mà đã cao quá đầu người. Nương sắn rộng mênh mông đi mỏi chân một ngày mới hết. Men bìa rừng, bầu, bí, mướp mọc um tùm, leo cả lên cây rừng. Phải lấy sào chọc mới lấy được quả. Chúng tôi lội qua sông Tà Bộp sang bên kia sông là những nương sắn cũ, trồng đã hai năm. Nhổ thử một cây: củ sắn to bằng cổ chân. Cây sắn cao quá đầu người. Quanh gốc sắn, đất nổi thành một cái ụ do củ phía dưới đất đẩy phồng lên. Mỗi gốc sắn phải được từ 15-20 kg củ. Nhưng lãng phí cũng thật lớn: Anh em đi lấy sắn chỉ nắm thân cây mà kéo, củ nào bật lên được thì lấy còn củ ở sâu dưới đất thì bỏ. Những củ lấy được bị chặt đầu, chặt đuôi để lấy chỗ nạc còn thì bỏ lại ngổn ngang từng đống trên nương. Nghĩ tới đơn vị đang đói ở cánh Bắc mà thật xót ruột.

Nương quá xa nên không lấy được sắn về ăn, có một chủ trương cần xem xét lại: Đó là vấn đề buộc anh em chấp hành máy móc chỉ thị về tiêu chuẩn ăn 1 kg sắn một đầu người một ngày. Bắt cân hàng ngày tại bếp. Và như vậy anh em ra nương, chỉ chặt chỗ nạc mang về. Đầu thừa, đuôi thẹo chất đống, bỏ thối ngoài nương. Trong khi ở đơn vị người bị đói, lợn bị đói...!

Ngày 20 tháng 11 năm 1969. Ngày 3 tháng 11, Nichxơn đọc bài diễn văn được quảng cáo từ mấy tuần nay hứa hẹn chung chung sẽ phi Mỹ hoá cuộc chiến tranh, sẽ rút hết quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, nhưng không có chương trình cụ thể. Phong trào đấu tranh phản đối cuộc chiến tranh của nhân dân Mỹ lên cao, hàng vạn người xuống đường biểu tình.

Đợt tấn công mùa khô đã bắt đầu với cao điểm là ngày 6 tháng 11. Tiêu diệt vị trí pháo binh ở Bu-prăng. Chúng buộc phải rút hai vị trí pháo khác ở gần đó. Các chiến trường bạn cũng đánh phối hợp...

Cả tháng 11 dành cho hội họp. Đầu tháng, họp về sản xuất và đánh biệt kích. Sau đó là Đại hội Đảng Viện, rồi Hội nghị quân chính của Viện bàn kế hoạch sản xuất năm 1970. Anh em có quyết tâm cao, tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch rất sôi nổi. Tuy nhiên cũng có ý kiến phàn nàn là mất quá nhiều thời giờ cho công tác lao động.

Kinh nghiệm mấy năm qua cho thấy Bệnh viện ở chiến trường phải làm 5 công việc, không bỏ được việc nào đó là:

- Công tác chuyên môn kỹ thuật.

- Xây dựng.

- Tăng gia sản xuất.

- Vận chuyển lương thực thực phẩm, chuyển thương.

- Chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Trên thực tế bốn công việc sau chiếm đại đa số thời gian của cán bộ, nhân viên Bệnh viện. Tính chung, cả năm, trong cả Viện, thời gian làm chuyên môn chỉ chiếm khoảng 30% thời gian, còn 70% dành cho các công việc lao động.

Trong Hội nghị, có Chủ nhiệm khoa đưa ra câu hỏi khá hắc búa: thời gian làm chuyên môn chỉ chiếm 30% còn 70% thời gian làm các công việc không chuyên môn. Vậy thì liệu có thể rút biên chế chuyên môn xuống còn 30%,

để cho anh em có thể dành toàn bộ thời gian cho công tác chuyên môn. Còn lại 70% là biên chế lao động như vậy có hợp lý hơn không?

Suy nghĩ về câu hỏi đó, tôi trả lời:

"Không thể thay đổi tỷ lệ biên chế như vậy được vì lý đo đơn giản: anh bác sĩ, y sĩ, chị y tá... đi tăng gia hay vận chuyển được, nhưng ngược lại anh chiến sĩ vận tải, tăng gia thì không làm được công tác chuyên môn, mổ xẻ, điều trị bệnh nhân...

Câu trả lời gây ra một cuộc tranh luận khá sôi nổi, nhưng cuối cùng, anh em cũng phải đồng ý với lập luận tuy có phần chua chát của tôi vì đó là thực tế.

Ở chiến trường, mấy năm nay, chúng tôi đã thấy, một bệnh viện muốn tồn tại và làm được công tác chuyên môn của mình thì phải tự tổ chức thành một xã hội. Muốn ăn, phải tăng gia vận chuyển. Muốn có nhà ở, có cơ sở làm việc, xin tự xây dựng lấy. Địch đến phải tự bảo vệ.

Đó là điều khắc nghiệt của chiến trường, cho toàn bệnh viện cũng như cho mỗi thành viên, các bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, y tá trong bệnh viện.

Trong công tác chuyên môn, những năm qua cũng đã nổi lên vấn đề quan hệ giữa chuyên khoa và đa năng.

Ai cũng biết, xu hướng phát triển của khoa học là đi vào chuyên khoa ngày càng sâu. Lịch sử Y học phương Đông lẫn phương Tây, đã cho thấy rõ điều đó. Các khoa Ngoại khoa cũng như Nội khoa, cận lâm sàng đều chia thành những chuyên khoa ngày càng sâu.

Khi vào chiến trường Bệnh viện chúng tôi cũng chia thành các khoa chuyên khoa theo mô hình của các Bệnh viện miền Bắc. Phẫu thuật bụng ngực, thần kinh, chấn thương, các chuyên khoa Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Mắt, Nội chung, Nội thần kinh, Nội truyền nhiễm, Nội da liễu.

Riêng tôi, sau khi tốt nghiệp Đại học, được đào tạo thành một phẫu thuật viên chuyên khoa về phẫu thuật lồng ngực. Nhưng thực tiễn của chiến trường đã nhanh chóng buộc chúng tôi dỡ bỏ "tháp ngà" của các chuyên khoa do nhiều lý do trong đó có lý do về cơ cấu bệnh tật của bộ đội.

Ở đây, các loại bệnh, các loại vết thương đều diễn biến trên nền bệnh sốt rét, thiếu dinh dưỡng... Các cơ sở điều trị tiếp nhận bệnh nội khoa là chính, nhưng trong các chiến dịch lại tràn ngập thương binh. Tổ chức của Bệnh viện và từng người chuyên môn phải thích ứng với điều kiện bệnh tật của chiến trường là như vậy.

Cuộc sống thực tiễn ở chiến trường đã buộc chúng tôi phải xem xét lại cách tổ chức Bệnh viện và phải đặt vấn đề đa năng hoá cán bộ: cán bộ Ngoại khoa phải biết chữa bệnh nội khoa, đặc biệt cấp cứu nội khoa và ngược lại các khoa Nội phải sẵn sàng nhận và điều trị được thương binh nhẹ. Chính nhờ sự đa năng hoá này mà Bệnh viện mới làm được nhiệm vụ.

Các sư đoàn mới vào chiến trường có bác sĩ chuyên khoa truyền máu, chuyên khoa răng. Không phải các chuyên khoa này không cần ở tuyến sư đoàn. Nhưng hàng ngày, có bao nhiêu trường hợp cần truyền máu, bao nhiêu người cần chữa răng? Trong khi công việc lao động đơn giản như vận tải, tăng gia xây dựng thì nhiều, bao nhiêu nhân lực cũng không đủ. Thế là người ta không thể để anh, và lương tâm anh cũng không chấp nhận ngồi chơi trong khi mọi người tất bật với công việc... và như vậy anh bác sĩ răng hoặc truyền máu sẽ được giao thêm một công việc tăng gia hoặc vận chuyển gì đó. Đầu tiên có thể, vài ngày một lần rồi sau đó đi luôn cả tuần, cả tháng. Tới khi đột xuất cần tới bác sĩ truyền máu, thì bác sĩ lại không có nhà! Và cuối cùng mất luôn một bác sĩ chuyên khoa mất bao nhiêu công phu đào tạo. Đó là một sự thật đáng buồn. Nhưng không thể cưỡng lại được. Quá trình phát triển ở đây chưa cho phép tổ chức một xã hội có phân công lao động rạch ròi, bác sĩ chỉ tập trung làm công việc chuyên môn. Còn mọi công việc khác đã có các ngành khác do xã hội phân công lo.

Tây Nguyên có một khu vực khá xa, đó là chiến trường Đắc Lắc. Ở đây, những năm 1966-1967, không có chuyên khoa răng. Bệnh nhân đau răng phải ra Viện 211 điều trị, đi hàng tháng trời, vượt qua hai ba con đường do địch kiểm soát rất nguy hiểm. Chữa khỏi, lại đi bộ hàng tháng, để trở về đơn vị. Trước tình hình này, Ban Quân y mặt trận liền cử bác sĩ răng cho mặt trận Đắc Lắc. Nhưng chỉ vài tháng sau hỏi thăm ông bác sĩ răng lại đi tăng gia mất rồi, không còn làm nghề chữa răng nữa. Không phải ở đây không có nhu cầu chữa răng. Nhưng một chiến khu nhỏ lấy đâu ra đủ công việc để làm hàng ngày. Thế là công việc lao động hàng ngày để tồn tại lại cuốn trôi mất ông bác sĩ chuyên khoa. Tình hình "không có thì thiếu mà có thì thừa" ở chiến trường là như vậy.

Thực tiễn cuộc sống ở đây buộc chúng tôi phải suy nghĩ lại cách tổ chức. Rõ ràng là chúng tôi phải đi ngược lại từ chuyên khoa hẹp, trở lại với công việc của người thầy thuốc đa khoa. Vì vậy, từ năm 1968-1969, chúng tôi đã đề nghị, không đào tạo riêng y sĩ chuyên khoa răng, tai mũi họng và mắt, như ở hậu phương mà đào tạo y sĩ, chúng tôi gọi là "ngũ quan khoa", biết cách dự phòng và điều trị các trường hợp cấp tính của cả ba chuyên khoa.

Ý kiến này được Ban Quân y mặt trận chấp nhận. Những năm 1970, 1971 các bác sĩ này đã ra trường, có nội dung công việc nên đứng vững được và

phục vụ đắc lực cho nhu cầu của bộ đội.

Ngày 1 tháng 12 năm 1969. Nhận được thư Hương.

Hà Nội ngày 15 tháng 4 năm 1969.

"Em viết thư cho anh đúng vào ngày kỷ niệm 15 năm ngày cưới của chúng mình. Em muốn nhớ lại những kỷ niệm ngày xưa vui buồn cũng có và cả những ngày chúng ta sống v[is nhau, nay cũng vì thời gian mà trở thành kỷ niệm.

Anh nhắc em gửi ảnh, em sẽ chụp gửi cho anh, nhưng anh biết rằng em không thích chụp ảnh. Còn nếu không vì có ảnh mà anh quên em thì đành chịu vậy, vì có người có cả một tập ảnh mà vẫn quên, có khi có cả vợ bên cạnh vẫn quên thì biết làm thế nào?

Còn em xa anh chả có gì vui đâu. Chỉ vui trong công việc… Có những điều cay đắng, chua xót, có những suy nghĩ mà em không viết trong thư để anh yên tâm công tác. Đến năm nay, những ngày mong đợi, nỗi mong chờ sao không xa đi, nhạt đi, mà cứ như ngọn lửa cháy âm ỉ, bao nhiêu năm chỉ muốn bùng lên.

Em được nhà trường cho biết là em được cử đi thực tập Liên Xô trong 3 năm. Nhưng em không muốn đi vì lâu quá, không muốn xa thực tế của Việt Nam lúc này, và không muốn xa anh lâu hơn nữa. Lúc này, em chỉ muốn làm con chim nhỏ của rừng Tây Nguyên bay đến nơi anh ở, dù chỉ là trong giây lát. Em không thiết gì cuộc sống đầy đủ, không thiết gì "phồn hoa" cả. Em sẵn sàng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ và xin đi B, nhưng tổ chức không cho đi.

Hôm qua em gặp chị Thanh Ngọc, anh Văn Đa, Quang Thọ về dự hội trường. Quang Thọ gửi lời thăm anh…"

Ngày 10 tháng 12 năm 1969. Từ đầu tháng, một đoàn cán bộ của Viện được triệu tập đi dự Hội nghị Hậu cần, rồi dự lớp chỉnh huấn của B3.

Đoàn rời đơn vị trong lúc công tác xây dựng cơ sở đã tạm ổn ở địa điểm mới. Chúng tôi gọi đây là khu B. Kể từ tháng 6 năm 1969, khi Bệnh viện rời cánh Trung ra cánh Bắc, đây là lần di chuyển thứ 3 trong vòng 5 tháng. Khu A là nơi chúng tôi tiếp quản Viện 1 ở được ba tháng, sau đó là sơ tán để tránh sự oanh tạc của địch, rồi vào địa điểm hiện nay.

Bắt đầu sang mùa khô. Buổi sáng mát mẻ, các khu rừng yên tĩnh. Mọi người vui vẻ sau những đợt thử thách vừa qua. Hội nghị ở chiến trường luôn là

một dịp để gặp gỡ bạn bè ở các đơn vị khác, được thông báo những tình hình mới nhất trong nước và trên thế giới cũng như trong nội bộ chiến trường. Ngoài ra, cũng coi như là một dịp được nghỉ ngơi ăn uống bồi dưỡng, xem phim, xem văn công.

Tới một cây cầu là một thân cây to đổ ngang suối sâu. Loại cầu được gọi là "cầu khỉ", - tên gọi như vậy có lẽ vì chỉ có loài khỉ mới qua được dễ dàng. Qua cầu khá căng thẳng, như người làm xiếc, phải giữ được thăng bằng khi bước trên thân cây không có tay vịn. Phía dưới là suối sâu, nước chảy ầm ầm. Mọi người vượt qua nhanh chóng. Nhưng sang bên kia bờ, chúng tôi phải ngồi chờ anh Cầu, bác sĩ Chủ nhiệm khoa Da liễu. Anh không dám đi qua loại cầu nguy hiểm này mà phải lần mò, chống gậy tìm đường xuống suối, lội qua suối rồi lại lần mò leo lên bờ bên kia.

Tôi tức cảnh nghĩ ra một cách giết thời gian trên đoạn đường dài, đọc một vế câu đối, mọi người đối được: "Anh Cầu không qua được cầu khỉ".

Mọi người sôi nổi hẳn lên, suốt hai ngày, trên đường đi Hội nghị mỗi anh đưa ra một câu đối lại, mà chưa câu nào chỉnh. Khó là ở chỗ hai chữ "cầu", vừa là tên người lại vừa là cái cầu. Cuối cùng, nhớ ra tên vợ anh Cầu là chị Anh Thư, tôi nghĩ ra vế đối lại: "Chị Thư chỉ thích đọc thư anh", được mọi người cho là tạm được vì đối được hai chữ Cầu với hai chữ Thư và ý nghĩa thì nói được sự gian khổ của anh ở chiến trường với sự chung thủy của chị ở hậu phương.

Ngày 20 tháng 12 năm 1969. Lo lắng nhất hiện nay là vấn đề gạo. Đáng lẽ tới cuối tháng 11 Bệnh viện phải được cấp 50 tấn gạo, nhưng tới nay vẫn chưa có hạt nào. Tiêu chuẩn ăn bị tụt dần từ 6 lạng xuống 4 lạng rưỡi, rồi 3 lạng rồi 1 lạng rưỡi độn sắn.

Hiện tượng ăn cắp sắn xảy ra ngày càng nhiều. Mà đâu chỉ có sắn, ngày nào cảnh vệ cũng bắt được vài trường hợp ăn cắp quân trang, quân dụng để đổi cho dân lấy lương thực thực phẩm.

Phải tìm mọi cách chống đói cho đơn vị. Tôi cùng với anh Định Chủ nhiệm Hậu cần của Viện ra nương xem tình hình. Thấy một vạt nương trồng trước, có bốn nghìn gốc sắn đã khá lớn. Đào thử một gốc được 3 ki lô, ước lượng đủ ăn cho cả đơn vị trong một tháng, nhưng đến khi thu hoạch chỉ ăn có một tuần là hết veo.

Mới xin Binh trạm cấp một khu nương có một vạn gốc sắn, nhưng cũng chả thấm tháp vào đâu đối với một nghìn miệng ăn. Nghĩ tới các nương sắn cánh Trung mà tiếc. Giá ở gần thì có thể lấy ăn cho đỡ đói. Đã tổ chức làm sắn khô, nhưng mất nhiều công quá. Dù sao cũng đã chuyển ra được ít sắn

khô chống đói cho đơn vị.

Trên thông báo nếu gạo miền Bắc không vào được thì tới cuối tháng 1 năm 1970 sẽ hết gạo, toàn chiến trường phải hoàn toàn ăn sắn...

Đến nay Binh trạm bắt đầu phân phối gạo nương, huy động của nhân dân, nơi một tấn, nơi vài tạ. Ăn tạm trong khi chờ gạo từ hậu phương vào. Hôm qua có tin vào tới đầu đường dây được sáu xe gạo, nhưng trong đêm lại bị máy bay bắn cháy mất bốn xe.

Từ ngày 7 tháng 12 bắt đầu vào chiến dịch phát nương. Chỉ tiêu cho toàn Viện là 140 hecta nương, chia bình quân cứ hai người phải phát gần một hecta.

Bắt đầu bằng việc làm nhà, đào hầm cho anh em tăng gia. Dự kiến từ ngày 10 tháng 12 bắt đầu phát lại nhưng lại có lệnh đi lĩnh gạo ở kho, cách Viện 5 ngày đường nên phải tạm ngừng việc phát nương. đưa 60 người đi lấy gạo.

Biệt kích lại xuống T3. Hôm đó tôi đang giảng bài ở trường Quân y thì thấy trực thăng pằng pằng, pập pập rất gần. Điện thoại từ quan sát đài báo có 6 trực thăng, trong đó 2 chiếc hạ thấp xuống khu vực nương đồng chí Dủ. Cảnh vệ đi thăm dò về cho biết chúng nó xuống T3, tức là tương đối xa Viện. Bị anh em giao liên đánh, chúng nó chỉ kịp đặt mìn trên đường giao liên rồi trực thăng lại tới câu chúng nó lên.

Từ ngày 20 tháng 12 lại chiến dịch phát nương. Khí thế ra quân tốt, hơn 100 người trên mặt nương.

Cũng may là đúng lúc bệnh nhân ít. Toàn Viện chỉ còn 340 thương bệnh binh, nên có thể dồn bệnh nhân vào hai khoa 32 và 22 để điều trị. Các khoa còn lại từ Chủ nhiệm khoa đến y tá, hộ lý đều tập trung đi phát nương.

Thông qua bài cho Nội san Quân y Tây Nguyên số mới, lập kế hoạch ra một tập *Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học* và một tập *Sáng kiến cải tiến của Quân y Tây Nguyên* nhân dịp kỷ niệm 4 năm ngày thành lập Viện (31 tháng 12 năm 1965 - 31 tháng 12 năm 1969). Đã tập trung được hai mươi công trình nghiên cứu và hơn 80 sáng kiến cải tiến có tác dụng thiết thực.

Thời tiết cánh Bắc thật rét. Hôm chúng tôi đi họp sản xuất về. Như thường lệ ở Tây Nguyên đi đường chỉ mặc quần đùi, may ô cho mát và cũng đỡ tốn quần áo. Về tới nhà thấy anh em đang họp mặc áo len. Chúng tôi ngạc nhiên hỏi: "Các cậu ốm à?". Anh em phì cười: "Rét đấy anh ạ". Quả nhiên được một lúc thì tôi cũng rét run, phải giở áo len ra mặc. Đêm phải đốt lửa. Trên

chăn, dưới đệm mà vẫn rét. Nhà ở phải thưng kín. Trường Quân y lúc đầu làm nhà cao cho có ánh sáng. Nay rét quá, học viên 3 giờ sáng đã dậy, không ngủ được vì rét.

Hôm nay nhận được thư nhà. Thư viết hôm 6 tháng 6 năm 1969. Đọc thư mà không cầm được nước mắt: Ba ốm, vào Viện Quân y 108 điều trị, nghi u phổi. Như vậy sợ không còn được bao nhiêu lâu nữa. Hương có vẻ trách móc, rất mong tôi ra. Nhưng làm sao ra được trong tình hình hiện nay, cuộc kháng chiến đang kéo dài.

Ngày 23 tháng 12 năm 1969. Đang ngồi làm việc, thấy tiếng trực thăng pành pạch. Chuông điện thoại réo: Ba trực thăng xuống khu vực nương. Anh em trên nương bắn lên hai băng AK, chúng nó lại bay lên, bắn trả mấy loạt đại liên rồi cút.

Tới 3 giờ chiều, lại có tiếng trực thăng. Đài quan sát báo tin: có 8 trực thăng, hai chiếc hạ xuống khu vực nương khối Nội, gần khu vực rẫy đang phát. Ngoài ra hai chiếc khác hạ xuống khu vực cao điểm 800 giữa nương khối Nội và Viện bộ. Hội ý chỉ huy Viện tổ chức chiến đấu. Cử 5 tổ truy lùng ở khu vực cao điểm 800, ba tổ ra nương rau khối Nội.

Các tổ truy lùng khu vực mỏm 800 không gặp địch, nhưng tổ truy lùng ở nương rau, phối hợp với đồng bào, bản 10 nhà, thì gặp địch. Từ trưa đến chiều nổ súng 4 lần, thu một trung liên, 6 ba lô. Một đồng chí sản xuất bị thương. Tới 5 giờ chiều một máy bay L19 bay lượn trinh sát, sau đó 7 máy bay trực thăng lượn vòng bắn vung vít xuống nương. Một chiếc sà xuống thấp rồi lại vọt lên vừa bay về vừa bắn dọc theo sông.

Nhận định địch vẫn còn dưới mặt đất. Quyết định trong đêm điều thêm lực lượng tăng cường cho lực lượng ngoài nương. Trong chỉ huy phân công anh Toàn, Phó chính uỷ trực tiếp chỉ huy cuộc chiến đấu ngày mai.

Ngày 24 tháng 12 năm 1969. Hôm nay từ 4 giờ sáng, tôi sang đội cảnh vệ gặp các tổ chiến đấu. Hai tổ thượng liên tăng cường cho ngoài nương, đã về tới Đoàn bộ trong đêm. Tổ cấp cứu cũng đã tập trung. Động viên giao nhiệm vụ xong, 5 giờ sáng anh em lên đường sang khu vực chiến đấu.

Cuộc chiến đấu trên nương diễn ra ác liệt. Các tổ truy lùng theo dấu vết của biệt kích. Ngoài lực lượng cảnh vệ còn tăng cường thêm lực lượng của các khoa đang phát nương, lực lượng của dân quân địa phương. Tới một bìa rừng phát hiện thấy một tên biệt kích cầm vải đỏ làm hiệu cho máy bay. Ta nổ súng, chúng nó bắn lại quyết liệt.

Từ đài quan sát chúng tôi trông thấy rõ máy bay trinh sát, máy bay trực thăng

vũ trang, tất cả 13 chiếc. Vẫn như bài bản thường lệ: Chiếc L19 bay vòng tròn, tít trên cao, các trực thăng nối đuôi nhau bắn rốc két, đại liên ném cối, ào ào vào những khu vực có quân ta.

Các khoa đang phát nương ở gần cũng ra tăng cường. Đồng chí Chới Chính trị viên, bác sĩ Gia Chủ nhiệm khoa 22 cùng với các y tá, hộ lý cũng vác súng ra phối hợp chiến đấu. Một đồng chí nấp sau gốc cây, lia một băng AK lên chiếc máy bay sà xuống gần rồi lăn người sang một gốc cây khác, vừa kịp tránh một quả rốc-két, như một tia chớp từ máy bay bắn trả.

Máy bay chúng nó lồng lộn, trút đạn cối như mưa xuống các ven rừng. Trời mờ tối, một trực thăng vượt qua làn đạn liều lĩnh hạ xuống mặt nương trong làn khói mù mịt. Hai đồng chí y tá và đồng chí Cường, dược tá ở gần, nổ súng liên tục. Mỗi người hết hai băng AK.

Trời tối, tiếng súng yên ắng hẳn. Dưới ánh trăng mờ, ở chỗ chiếc máy bay lúc nãy, thấy một vật to lù lù, sang sáng. Tưởng là chiếc máy bay rơi, nhưng bò tới gần thì ra là một cây gỗ to nằm trên nương. Khi họp rút kinh nghiệm, anh em thấy rất lạ sao ba khẩu AK bắn gần như vậy, trút đạn như mưa mà không trúng chiếc máy bay.

Một năm sau, thắc mắc này mới được giải đáp. Một đồng chí đi săn của đơn vị bất ngờ đi sâu vào rừng, cách chỗ chiến đấu cũ khoảng 3 giờ về phía Tây, phát hiện ra một chiếc trực thăng rơi trong rừng, với khoảng một chục bộ xương nằm ngổn ngang chung quanh. Có xương sọ còn đội mũ phi công. Có những khúc xương bị thú rừng kéo ra xa, có những khẩu tiểu liên cực nhanh đã han rỉ. Có ống xương cẳng tay còn đeo lủng lẳng chiếc đồng hồ Senkô. Nắp sau đồng hồ có khắc dòng chữ kỷ niệm mua ở Ban Mê Thuộc ngày...- tháng 12 năm 1969, còn mặt số ghi ngày thì dừng lại ở ngày 24. Ngạc nhiên nhất là khi nhấc chiếc đồng hồ lên, lắc mạnh thì chiếc đồng hồ tự động lại bắt đầu tích tắc... Chiếc đồng hồ là vật duy nhất còn sống sau khi chiếc máy bay rơi. Như vậy toán biệt kích chắc đã được trực thăng bốc lên, nhưng rồi lại bị rơi giữa rừng. Trong toán có đứa chết ngay, có đứa bị thương nhưng rồi cũng chết dần trong rừng.

Ngày 8 tháng 1 năm 1970. Xuống cánh Trung dự Hội nghị tổng kết chiến dịch mùa khô. Ngoài cánh Bắc tiết trời còn lạnh. Đêm nằm đắp hai chăn, lại phải đốt thêm lửa sưởi vẫn còn rét, thế mà mới vượt qua Cổng Trời sang địa phận cánh Trung đã ấm dần.

Bộ phận X quang của Bệnh viện đã được điều về Hội nghị trước để phục vụ cho việc khám kiểm tra sức khỏe cho cán bộ các đơn vị về dự Hội nghị. Nhìn phòng khám X quang sơ sài, chỉ có vải đen che bốn bên làm phòng tối, hai cọc gỗ nâng bóng X quang. Tôi hỏi anh Tuyến, bác sĩ Chủ nhiệm khoa X

quang:

- Áo chì đâu rồi sao các ông không mặc?

- Nặng quá, nên bỏ lại Viện, anh ạ - Anh Tuyến cười.

- Nặng là thế nào. Nếu cần thì huy động thêm người mang vác giúp các anh chứ! - Rồi tôi nói tiếp: - Cứ làm liều thế này, rồi ông teo dái đi, vợ ông bắt đền thì chúng tôi biết làm thế nào?

Chúng tôi đều biết tia X có thể gây nguy hiểm cho nhân viên X quang, nhất là tới tuyến sinh dục, vì vậy đã phải cố đưa các trang bị bảo vệ vào chiến trường. Năm đầu khi mới triển khai X quang, áo chì chưa vào được, anh em đã phải đắp ụ đất để chắn các tia phụ. Năm nay tuy áo chì đã vào, nhưng anh em lại ngại nặng không mấy khi dùng!

Trước khi vào Hội nghị, chúng tôi được mời sang khám sức khoẻ cho các đồng chí Tư lệnh mặt trận. Nhân dịp anh Hồng, Tư lệnh phó, sắp về hậu phương công tác, tôi nhờ anh chuyển hộ lá thư cho gia đình. Anh cầm lá thư, nhưng đột nhiên bảo: "Thư này tới nơi thì chắc anh cũng ra tới nơi rồi còn gì...". Rồi anh nói thêm: "Ngoài kia có điện gọi anh ra... Hôm vừa rồi họp Đảng uỷ bàn người thay thế anh, nhưng khó quá".

Tôi hơi bàng hoàng trước tin được gọi ra.

Ngày 3 tháng 1 bắt đầu vào Hội nghị Tổng kết chiến dịch Đông Xuân 1969-1970, đánh Bu-prăng - Đức Lập. Buổi sáng đồng chí Biên, Trưởng ban tác chiến B3 báo cáo diễn biến chiến dịch. Buổi chiều, anh Hoàng Tư lệnh trưởng nêu nhận định của Đảng uỷ B3 về ưu khuyết điểm trang chiến dịch. Tối xem phim, tình cờ gặp cậu Nhung, nhân viên cũ của Viện 211, được điều lên cơ quan bộ tư lệnh. Nhung hỏi thăm tình hình của đơn vị, rồi bỗng nhiên nói: "Tình hình thương bệnh binh ít, chắc các thủ trưởng cũng có thay đổi thôi". Tôi ừ ào: "Ít thương bệnh binh thì chúng tớ cũng đi tăng gia chứ còn gì nữa". Nhung nói thêm: "Không, thay đổi công việc chứ đi sản xuất thì nói làm gì!". Hỏi thăm tình hình công việc, tôi biết cậu Nhung đang làm công việc văn thư bảo mật cho cơ quan Bộ tư lệnh. Liên hệ với câu chuyện của anh Hồng buổi sáng, tôi phán đoán chắc có thông tin gì. Nhân lúc nghỉ giải lao giữa buổi chiếu phim, tôi chuyển chỗ ngồi sang cạnh Nhung, kéo tai Nhung hỏi:

- Này, ngoài kia có điện gọi chúng tớ phải không?

- Không, có điện gì đâu...- Nhung lúng túng.

- Này, đừng có mà bí mật với tao. Các anh ấy bảo tao hết cả rồi...

Nhung thú thật: "... Chuyện này rất bí mật. Ngoài Tổng cục có điện gọi anh và anh Âu, anh Cầu ra công tác. Nhưng ra hay không còn tuỳ ở Đảng uỷ B3. Vừa rồi Đảng uỷ B3 đã điện trả lời, các thủ trưởng là các cán bộ có kinh nghiệm ở chiến trường, nếu ra sẽ có nhiều khó khăn cho công việc của Bệnh viện tuyến cuối nên nếu cần rút thì xin có người có trình độ tương đương thay thế!

Liên hệ thư Hương viết cho tôi tháng 8 năm 1969, cũng nói có nhiều tin đồn ở ngoài đó là tôi sẽ ra. Nhưng ra làm gì? Thực thà mà nói, nghĩ trở về hậu phương trong lúc cả nước đang có chiến tranh như thế này cũng không hứng thú gì. Chắc chắn sẽ an nhàn hơn, được gần gũi gia đình, đỡ sốt rét, nhưng nghĩ tới cảnh ngày hai buổi xách xe đạp đi về, xách ga men mua cơm, xếp hàng đi chợ, hoặc chen nhau trên chiếc xe buýt đưa cán bộ vào Bệnh viện ở Hà Đông. Bao nhiêu lo lắng lặt vặt về đời sống, căn buồng ở chật hẹp, lo tem phiếu, gạo thịt, v.v... mà thấy ngán. Công việc ở đây tuy gian khổ, khó khăn nhưng cũng đầy sáng tạo và trách nhiệm. Tôi cảm thấy có thể đóng góp, tuy nhỏ bé nhưng cụ thể vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước...

Đó là suy nghĩ của tôi và có lẽ cũng là suy nghĩ của nhiều cán bộ đang ở chiến trường lúc này. Gần đây, tôi mới viết thư cho Hương: *"... Ở đây, hàng ngày hàng giờ anh em thương bệnh binh đang cần đến bàn tay của anh. Em muốn anh phủi tay, rũ trách nhiệm để ra cầm tay em đi dạo chơi quanh Bờ Hồ hay sao?"*.

Hội nghị tổng kết quân sự xong tiếp đến Hội nghị tổng kết chính trị. Anh em nói xong Hội nghị bản đồ sang Hội nghị khẩu hiệu. Sau đó về Hội nghị tổng kết Hậu cần.

Hai nhiệm vụ cơ bản, ngang nhau trong năm 1970 là: chiến đấu và sản xuất. Chỉ tiêu tăng gia cho Viện 211: lúa 54 tấn, sắn 1300 kg, ngô 60kg/một đầu người.

Ngày 12 tháng 1 năm 1970. Trước đây vài tuần, khi gặp tôi trong Hội nghị chỉnh huấn, anh Tụ, Chủ nhiệm Quân y mặt trận, ghé tai tôi: "Này, cụ N. chỉ thị là từ nay trở đi không được dạy giải phẫu bộ phận sinh dục ở trường Quân y đấy".

Cụ N. là chính uỷ, ý kiến của cụ coi như mệnh lệnh phải thực hiện.

Anh Tụ nói thêm: "Cụ bảo hôm qua trong giao ban...".

Là một trong những người chịu trách nhiệm tổ chức trường Quân y, tôi thấy không thể không có ý kiến. Nhưng tôi cũng hiểu đấu tranh với ý kiến đã trở thành quyết định của một vị Chính uỷ không phải là chuyện dễ dàng. Phát biểu trực tiếp với đồng chí đó, chắc sẽ không thành công mà phải dựa vào áp lực tập thể.

Cũng may là sự việc xảy ra đúng vào dịp Hội nghị Quân chính là lúc cán bộ các ngành có dịp đóng góp ý kiến cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên. Hội nghị tập trung hơn hai trăm cán bộ toàn chiến trường. Đồng chí chính uỷ ngồi trên đoàn chủ tịch.

Tôi xin phát biểu và bước lên diễn đàn. Tôi bắt đầu bài phát biểu bằng việc kể lại kinh nghiệm của ngành quân y trong kháng chiến chống Pháp. Lúc đó, để rút ngắn thời gian đào tạo, trường Quân y đã có khoá học, chủ trương chia học viên ra hai nhóm để học giải phẫu. Một nhóm chuyên học chi trên (tay), một nhóm chuyên học chi dưới (chân). Chủ trương này đã thất bại và sau này trong ngành đã có danh từ "Y sĩ một chi" để châm biếm kiểu đào tạo què quặt này.

Hội trường có tiếng xì xào. Một vài người ngơ ngác, không hiểu tôi đưa vấn đề tới đâu. Tôi nói tiếp tới chỉ thị mới nhận được không cho dạy giải phẫu cơ quan sinh dục ở trường Quân y.

Tiếng xì xào trong hội trường to lên. Tôi tiếp tục: Thưa các đồng chí, thế cô y sĩ mà chúng tôi đào tạo ra đó, trước một bệnh nhân hôn mê, bí đái, cần thông đái mà chuyện này xảy ra hàng ngày ở chiến trường Tây Nguyên, thì cô ấy có cần biết bộ phận sinh dục nam có mấy lỗ hay không? Hoặc anh y sĩ được đào tạo ở trường của chúng ta, gặp một phụ nữ đau đẻ, có cần biết cái đó nó tròn hay vuông hay không?

Mọi người ồ lên cười. Tôi liếc nhìn ông Chính uỷ, thấy mặt ông đỏ, rồi tái, rồi đỏ. Tôi kết luận: Tôi không muốn y sĩ của chúng ta đào tạo ra sau này về Hà Nội bị người ta gọi là "Y sĩ không có cu...!". Và đi xuống trong tiếng cười và tiếng vỗ tay ầm ĩ.

Ngay buổi chiều hôm đó, anh Tụ đến bảo tôi: "Thôi, quên cái chỉ thị về học giải phẫu đi nhé!".

Chưa bao giờ, trong việc đấu tranh để bảo vệ quan điểm với cấp trên, lại có được kết quả nhanh như vậy.

Ngày 11 tháng 2 năm 1970. Đã qua Tết Canh Tuất.

Ngày 28 tháng 1, cũng là ngày 28 Tết chúng tôi họp xong Hội nghị Quân y.

Mọi người trở về đơn vị đón Tết. Trên đường về, chúng tôi ghé vào kho đơn vị mang theo ít bệnh án và sách còn để lại cánh Trung chưa kịp chuyển ra cánh Bắc. Qua nương xin được ít rau ăn dọc đường. Qua Q7, tới Q8 thì trời vừa tối, không có nhà, chúng tôi căng tăng võng, chốt cạnh bờ suối nấu cơm ăn.

Sáng 29 đồng thời là ngày 30 Tết, vượt qua Q9 về tới đơn vị đã hai giờ chiều. Mọi người đang tíu tít chuẩn bị Tết. Đài Giải phóng đang truyền bản kịch "Ấp chiến lược…" Doanh trại được quét dọn sạch sẽ. Chiều 29, khoa Dược mời ăn Tết, có món phở, có cả rau thơm, là thứ khá hiếm ở đây. Tối mít tinh mừng 40 năm ngày thành lập Đảng rồi liên hoan, có đội Văn nghệ của Viện tham gia.

Chương trình giao thừa của Đài tiếng nói Việt Nam có bài thơ "Theo chân Bác" của Tố Hữu, bài thơ chúc Tết năm ngoái của Bác Hồ, lời chúc Tết của Bác Tôn. Giao thừa chúng tôi sang Hậu cần chúc Tết, rồi sau đó sang Y vụ.

Mồng một Tết, Chỉ huy phân công nhau. Tôi sang khối Ngoại chúc Tết. Phải leo qua một dốc cao 350 bậc, xuống một dốc, đi dọc con đường ven suối lát phên. Anh em thương bệnh binh đang ồn ào bên sân bóng chuyền, một bãi tương đối bằng phẳng dưới lùm cây. Lưới đan bằng dây rừng. Luật đánh bóng được bổ sung thêm điều khoản: Không được phát bóng quá cao, bóng sẽ chạm vào cành cây. Đám cờ người cũng thu hút được đông người xem, bàn tán ồn ào. Tối liên hoan văn nghệ. Qua trường Quân y tôi tham gia hai séc bóng chuyền, rồi qua đội thu dung C3, lội ngược dòng suối đến nửa giờ rồi leo một dốc cao. Anh em C3 giữ lại ăn cơm chiều. Tối mịt mới rời C3. Tối quá không thấy đường phải xin bó đuốc vượt dốc 350 bậc về nhà.

Sáng mồng Hai sang chúc Tết khối Nội. Leo ngọn núi 1000 bậc, đi trên đỉnh núi hai giờ, tụt một dốc sâu tới bờ suối là tới nơi trú quân của khối Nội. Tới nơi, tôi được anh em cho biết dân địa phương đang có dịch cúm, đã có người chết. Tôi liền gọi điện về nhà trao đổi với anh Công, nhất trí cử một tổ gồm bác sĩ, y sĩ, y tá, học viên trường Quân y, mang theo một số trang bị thuốc men, ra khám chữa bệnh và vận động vệ sinh phòng dịch cho đồng bào.

2 giờ chiều mồng hai Tết từ khối Nội tôi ra bản 7 nhà ở gần đơn vị. Đây là một bản nghèo, lơ thơ có 7 nóc nhà nên chúng tôi gọi lên là bản 7 nhà, để dễ nhớ và để giữ bí mật nơi trú quân.

Dân bản người nào cũng ho sù sụ. Nhà sàn, lợn, gà, rác rưởi vung vãi khắp nơi. Để lại thuốc và hai học sinh y sĩ khám bệnh phát thuốc cho dân. Tôi tiếp tục sang bản to, bản 60 nhà, tên bản cũng do chúng tôi đặt. Qua một cầu khỉ ọp ẹp bằng 4 cây lồ ô đã dập bắc qua con sông nhỏ, leo một sườn

đồi là tới bản.

Chúng tôi gặp đồng chí Y Rin, du kích ở dọc đường, người to cao, mặt vuông vắn, thông minh, mặc bộ quần áo đen.

Biết bộ đội vào chữa bệnh cho dân, anh không lộ vẻ vui hay buồn hay khó chịu. Anh thản nhiên nói: "Em gái mình chết rồi...".

Gặp đồng chí chủ tịch tôi nhờ thông báo cho dân bản: Bộ đội nghe tin dân ốm, đến chữa bệnh cho dân. Biết phong tục của đồng bào là muốn cái gì cũng chia đều, nên chúng tôi phải nhờ thông báo rõ: Người nào ốm nặng có thuốc tiêm, thuốc uống, người nào ốm nhẹ thì chỉ có thuốc nhỏ mũi thôi. Không chia đều thuốc.

Trong bản đang có người chết quàn trong nhà đã ba ngày. Thầy mo đang làm lễ cúng. Giữa sàn nhà đốt một đống lửa to. Mọi người uống rượu cần, nô đùa, đổ nước vào người nhau, om sòm suốt đêm.

Đêm hôm đó, chúng tôi ngủ trong một ngôi nhà sàn nhỏ, trống trải, bốn bề không có vách che. Hai anh du kích mượn súng và đèn, xin đi săn nai. Trước khi đi, đồng chí hỏi cẩn thận: nếu gặp con cheo mình có được bắn không?

Khoảng 10 giờ đêm, hai đồng chí trở về nói: gặp hai con nai nhưng không bắn được, chúng đã chạy mất.

Tối hôm đó, chúng tôi tranh thủ khám cho một số người ốm nặng, trong đó có con ông trưởng bản. Cháu mới ba tuổi, lách to tới rốn, trần truồng như nhộng, trong khi tôi mặc áo len vẫn thấy rét. Khuyên phải mặc áo cho cháu nếu không sẽ sưng phổi, ông trưởng bản lắc đầu: "Quần áo không có!".

Ở đây nhiều người cũng chỉ có một cái khố, lưng cuốn một mảnh vải màn. Phụ nữ mặc váy cởi trần, cưa răng, chàm mặt, tai có một lỗ to đeo lủng lẳng một khúc nứa để trang sức. Cổ chân và cổ tay đeo một sâu dài hàng chục chiếc vòng bằng đồng, đi lại kêu xủng xoảng.

Sáng mồng Ba Tết, chúng tôi khám bệnh được hơn 80 người. Tất cả đều bị cúm, trong đó khoảng 30 người có biến chứng nặng vào phổi. Từ đầu vụ dịch, trong bản đã có 5 người chết. Mỗi lần có người chết lại ngồi suốt đêm, dưới trời lạnh, uống rượu cần. Mọi người ngồi quanh một bình rượu to, có hàng chục ống tre thả vào trong bình, thay phiên nhau mút rượu qua ống tre. Nếu bình cạn thì đổ thêm nước lã cho đầy bình. Cứ như vậy đêm này qua đêm khác.

Chúng tôi vào rừng hái được một gánh lá sắn, động viên ông trưởng bản tổ

chức xông cho người ốm nhẹ, cho uống thuốc và tiêm cho người nặng.

Chiều mồng Bốn phải trở về để cho các học sinh trường Quân y kịp chỉnh huấn vào sáng mồng Năm. Bác sĩ Lộc và Hùng ở lại tiếp tục vận động đồng bào tổng vệ sinh, quét dọn rác dưới gầm nhà và trên các đường đi trong bản, tổ chức nhỏ mũi bằng nước tỏi, chăm sóc những người ốm nặng. Tôi dặn Lộc: "Không được để người nào chết thêm". Người nào ốm nặng quá thì khiêng vào Viện điều trị...

Ngoài bản 60 nhà còn hai bản nữa cũng có nhiều người ốm. Khi về tới Viện, tôi phải cử thêm hai y sĩ, hai hộ sỹ đi điều trị cho hai bản nói trên, đồng thời viết báo cáo lên Ban Quân y phối hợp với dân y để xúc tiến việc phòng bệnh, điều trị cho dân.

Sáng mồng Năm, trên đường về, tôi rẽ vào thăm khu nương mới phát của khối Nội. Nương phát theo dọc bờ suối, nhưng còn nhiều chỗ làm dối. Nhiều cây tre mới chặt một nửa, tuy cây đổ nhưng lá vẫn còn xanh. Trên sườn đồi anh em vẫn tiếp tục tranh thủ phát nốt buổi sáng để chiều còn về chỉnh huấn. Nương rộng mênh mông cả hai bên sườn núi, dọc bờ sông, nhưng tính mới chỉ được khoảng 13 hecta, chưa đủ chỉ tiêu đề ra. Nhìn cả rừng tre nứa, gỗ quý bị chặt ngổn ngang mà thật tiếc. Phát trụi một hecta rừng để đổi lấy khoảng một tấn lúa rõ ràng là lỗ vốn to. Nhưng làm thế nào. Không có gạo, không chiến đấu được. Vì độc lập tự do, phải hy sinh bao nhiêu thứ còn quý giá hơn rừng cây.

Nhiều anh em phát nương bị ruồi vàng đốt. Một loại ruồi nhỏ như hạt đỗ, thân và cánh màu vàng. Khi mới đốt thì êm ru, không đau xót gì nên nhiều khi không biết, chỉ có một giọt máu nhỏ rỉ ra chỗ vết đốt. Nhưng đêm về mới bắt đầu ngứa và gãi bằng thích mà không hết ngứa. Da hai ống chân và hai cánh tay bị lở loét. Nhiều người bị nhiễm trùng, sốt, nổi hạch ở bẹn. Chỗ ruồi đốt trở thành những sần cục, ngứa ngáy hàng năm không khỏi.

Côn trùng ở Tây Nguyên có nhiều loại thật đáng sợ mà chúng tôi chưa từng gặp bao giờ ở miền Bắc trong kháng chiến chống Pháp. Trong Hội nghị Quân y vừa qua Đội điều trị 3 báo cáo một loại côn trùng, trông giống như con bọ hung, toàn thân màu đen, cánh cứng, nhưng chỉ nhỏ như hạt đỗ xanh. Chúng xuất hiện ban đêm hàng triệu con, như một đám mây, tràn ngập vào hầm thương binh, lăn sả vào các vết thương. Cách chống đỡ duy nhất là nhanh chóng khiêng thương binh sang hầm khác chưa bị chúng tấn công và đốt những bó đuốc thật to để đốt chúng.

Ngày 9 tháng 3 năm 1970. Từ đầu tháng 3 đến nay địch hoạt động liên tục. Suốt đêm tiếng máy bay B52 ì ầm không ngớt. Tiếng bom nổ như tiếng sấm liên tục ở xa.

Mấy năm trước, mỗi lần có B52 đánh phá. Phòng Tham mưu Mặt trận thường thông báo chúng tôi: chúng sẽ đánh vào giờ nào và vào khu vực nào của chiến trường. Trên những nét lớn thì thường các thông báo đều đúng. Nhưng trên thực tế, với điều kiện của một Bệnh viện, chúng cũng không giúp ích được gì nhiều cho chúng tôi bởi lẽ chúng chỉ có thể bảo chung chung một vùng rộng cánh Bắc, cánh Trung hay cánh Nam mà không báo chính xác được địa điểm. Vả lại dù có báo địa điểm thì cũng không làm gì để đối phó kịp.

Sang tới năm nay, có lẽ vì chúng đánh quá nhiều và chuyển căn cứ xuất phát của máy bay sang các căn cứ gần hơn, đường bay ngắn hơn, nên không nhận được thông báo nữa. Dù sao, chúng tôi cũng dần dần có kinh nghiệm: Chỉ cần nghe tiếng máy bay là biết chúng nó có đánh chỗ mình không? Nhiều lần trong buổi họp, nghe tiếng máy bay ì ầm trên đầu, mọi người vẫn bình tĩnh ngồi làm việc. Nhưng cũng có lần khác, nghe tiếng máy bay, mọi người không ai bảo ai, chen nhau nhảy xô vào hầm. Vừa vào tới hầm, bom đã nổ chát chúa bên tai.

Cũng hay, vì nếu cứ nghe thấy tiếng B52 mà chui vào hầm thì có lẽ không còn làm được việc gì vì chúng nó bay suốt ngày trên đầu. Nhưng hình như có một giác quan thứ 6 một tín hiệu âm thanh gì đặc biệt, rất khó tả, cho chúng tôi biết, khi nào chúng nó chỉ bay ngang qua, còn khi nào chúng nó đánh vào nơi chúng tôi ở. Và tín hiệu đó báo cho chúng tôi khá chính xác để kịp ẩn nấp trước khi bom nổ.

Tôi đi thăm đội vận tải của Viện đang làm nhiệm vụ ở Kho cánh Bắc vào mồng 6 Tết. Đi bộ 3 ngày mới ra tới nơi. Nơi Đội làm việc gần đường ôtô. Nhiệm vụ được giao là làm kho và chuyển hàng từ ôtô xuống kho.

Ở đây, không khí thật căng thẳng, bom đạn hết sức ác liệt, suốt ngày đêm, máy bay quần đảo trên đầu. Chỉ cần loé một ánh lửa ban đêm, một sợi khói ban ngày là lập tức ăn ngay một quả đạn rốc két. Đường ôtô đất đỏ lòm không thể nào nguỵ trang được. Bộ đội chỉ có cách là làm trận địa giả, thu hút bom đạn địch đi chỗ khác. Anh em làm việc rất vất vả. Đêm đêm ra mặt đường khuân vác từ sẩm tối đến tờ mờ sáng. Những chiếc xe hàng cồng kềnh, đầy bùn đất, thùng xe móp mép, thủng lỗ chỗ do bom đạn dọc đường. Xe đến chỗ hẹn, dừng lại vài phút, máy vẫn nổ, vừa đủ cho anh em vận tải nhảy lên thùng xe, lăn ào các kiện hàng xuống đất. Sau đó xe lại tiếp tục chuyển bánh làm nhiệm vụ nghi binh, đi theo đường giả vào khu vực giấu xe. Trong khi đó anh em vận tải tiếp tục chuyển nhanh những kiện hàng quý giá, đã vượt biết bao bom đạn để vào tới đây, vào các kho ngầm dưới đất trong rừng, ven đường.

Ban ngày anh em ngủ mê mệt. Giấc ngủ nặng nề trong hầm chữ A chật chội ngột ngạt. Mọi người đều gầy rộc, hốc hác nhưng có hàng vào được là mừng rồi! Đêm hôm đó tôi ngủ lại ở một căn hầm là hậu cứ của đội vận tải cạnh bản "Măng tôn cà chua", tên do anh em vận tải đặt cho một bản hoang, không còn nhà cửa, chỉ còn những cây cà hoang dại có quả ăn chua loét.

Căn hầm được nối bằng một giao thông hào sang một hầm chữ A khác. Nửa đêm thấy căn hầm bên kia vẫn còn ánh đèn, có tiếng người nói chuyện rì rầm, có cả tiếng phụ nữ. Tưởng bộ phận cấp dưỡng của đội vận chuyển còn tán chuyện, chưa đi ngủ. Tôi leo lên mặt đất, xuống cửa hầm bên kia. Qua cửa hầm, ánh đèn chói chang làm tôi loá mắt. Chưa thấy rõ người, tôi hỏi: "Sao bây giờ còn chưa đi ngủ?". Mấy người ngồi trong hầm có vẻ hơi lúng túng: "Chúng tôi còn làm việc". Lúc này tôi mới nhận ra, trong căn hầm có bốn người, ngồi quanh một chiếc bàn. Giữa cắm một ngọn nến sáng chói. Trên bàn ngổn ngang giấy tờ, sổ sách. Tôi mới sực nhớ ra đây là trụ sở Huyện 67, nơi đội vận chuyển của chúng tôi ở nhờ.

Buổi chiều lúc mới đến tôi đã gặp các anh. Anh bí thư Huyện uỷ người Quảng Nam, tóc đã hoa râm. Khi tôi hỏi: "Đồng chí công tác ở đây lâu chưa?". Anh trả lời: "Tôi mới lên năm 1963". Tôi bật cười: "Năm 1963 mà đồng chí còn cho là mới lên à!" và chợt nghĩ thầm: "Mình vào đầu năm 1966 mà đã cảm thấy lâu quá rồi!".

Tôi còn nhớ một cán bộ dân vận vào Viện điều trị mấy tháng trước. Thoạt đầu chúng tôi tưởng là một cán bộ dân tộc: Người gầy gò đen đủi, mớ tóc đã hoa râm búi thành một củ hành trên đầu, răng cưa sát lợi, vành tai đục một lỗ to, lủng lẳng một khúc nứa, cởi trần, đóng khố, tay cầm một con dao quắm, một túi nhỏ đeo tròng teng sau lưng.

Khi nói chuyện, tôi ngạc nhiên thấy anh nói tiếng Kinh rất sõi. Hỏi ra mới biết anh là người Thái Bình, vào Nam trong phong trào Nam tiến, năm 1946 công tác đoàn thể trong kháng chiến chống Pháp. Hoà bình năm 1954 được chỉ định ở lại, nằm vùng tiếp tục hoạt động dưới đồng bằng. Sau khi chính quyền Sài Gòn ban hành luật 10-59, bị ráo riết truy lùng, bật lên Tây Nguyên và phải cưa răng, căng tai, như phong tục của đồng bào Thượng để tránh con mắt dò la của địch và dễ bề hoạt động.

Anh em chúng tôi thật kính phục tinh thần cách mạng tuyệt vời của anh. So với anh, chúng tôi cảm thấy sự hy sinh của mình không có nghĩa gì!

Ở lại đội vận chuyển hai ngày, nắm tình hình. Anh em làm việc tốt, vượt các chỉ tiêu quy định trong điều kiện gian khổ ác liệt. Chúng nó mới ném bom cách nơi ở 100 mét nhưng không ai việc gì. Việc ăn ở tạm ổn, thuốc chữa bệnh thiếu cần bổ sung.

Trên đường về, tôi rẽ qua Binh trạm Bắc, thăm đội phẫu của Đội điều trị 3, nơi mà chúng tôi sắp phải cử một bộ phận ra thay thế để đội phẫu tiến ra phía trước.

Ở Binh trạm Bắc, tôi gặp anh Võ An Dậu, bác sĩ, Chủ nhiệm khoa Truyền nhiễm Viện Quân y 103 và là một chuyên gia về bệnh truyền nhiễm mới vào tới chiến trường. Anh Dậu vừa là bạn học cùng khoá 1946 với tôi ở trường Đại học Y, vừa cùng công tác với tôi nhiều năm ở Viện Quân y 103, 108. Anh Dậu tóc bạc phơ. Thấy anh chống gậy đi trên đường dây, trên đường vào chiến trường, nhiều anh em giao liên tặc lưỡi: Miền Bắc hết người rồi hay sao mà phải cử ông già như thế này vào chiến trường! Thực ra, anh chỉ trạc tuổi chúng tôi nhưng "xấu máu" nên tóc bạc sớm. Anh cũng không cần cải chính: "Mặc chúng nó, chúng nó thương càng tốt". Quả thật trên đường vào, thương người già cả, anh em giao liên bảo nhau đeo ba lô và cõng gạo cho anh.

Chúng tôi thật vui mừng khi gặp nhau. Anh Dậu bảo tôi: "Cậu không khác gì cả! Gặp nhau ở Tây Nguyên, thật là quả đất tròn!". Cả ngày hôm đó, chúng tôi đi tới đâu cũng đều được chiêu đãi. Sáng ở ban Quân y Trung đoàn 40, trưa ở Ban chỉ huy Trung đoàn, chiều lại chiêu đãi ở ban Hậu cần.

Anh Dậu vui vẻ: "Cứ nghe nói Tây Nguyên gian khổ, mình cảm thấy Tây Nguyên có vẻ giơ cao đánh khẽ thì phải!". Chúng tôi đều cười: "Anh yên trí, chỉ vài ngày nữa là anh biết thế nào là Tây Nguyên thôi".

Anh Dậu mang theo giấy giới thiệu vào thay anh Âu Viện phó 211. Có tin Cục Quân y cũng cử một anh nữa vào thay tôi, nhưng đến phút cuối cùng kế hoạch lại thay đổi. Anh Dậu mang vào cho tôi nhiều thư. Thư mới nhất viết vào tháng 11 năm 1968. Thư Hương cho biết có tin là tôi được gọi ra hậu phương. Hương có vẻ rất sốt ruột.

Ngày 12 tháng 3 năm 1970. Tôi đang ngồi làm việc thì thấy bên ngoài có tiếng ồn ào, tiếng điện thoại gọi tới gọi lui. Tiếng quát tháo của mấy đồng chí cảnh vệ.

Đã tưởng có biệt kích.

Một cậu cảnh vệ hấp tấp chạy vào cho biết một bệnh nhân tâm thần vừa lên cơn, kiếm đâu được khẩu súng đang bắn lung tung.

Đó là cậu Hội, nhân viên của Viện, lâu nay vẫn bị xếp vào loại "chậm tiến", lười biếng, không yên tâm công tác. Được cử đi vận chuyển nhưng không chịu làm, đòi đi chiến đấu, tự ý bỏ đơn vị ra đội thu dung rồi lên cơn tâm

thần, vào Viện điều trị.

Trên con đường mòn giữa các lán thương binh. Hội đang đi ngất ngưởng như người say rượu, tay cầm khẩu súng ngắn, vừa đi vừa bóp cò, miệng la hét. Đã bắn chết một con lợn của khoa 22. Hội đi tới đâu mọi người chạy dạt ra tới đó không biết xử trí ra sao.

Hội đi qua nhà chỉ huy Viện, tôi nép vào sau tấm liếp, quan sát tình hình. Đi qua nhà cảnh vệ gặp đồng chí Giang, hắn quát: "Thằng Giang, tao không bắn mày đâu!". Hắn lên nhà chính trị gặp anh Công, Chính uỷ, Hội quát: "A lê, Công đây rồi?". Anh Công hốt hoảng phải luồn ra sau nhà chạy lên rừng tránh. Nó vào nhà hậu cần. Mọi người bỏ chạy tán loạn, trong khi vội vã, để lại một khẩu AK treo trên tường. Hội giật lấy khẩu súng, cười sằng sặc, bắn mấy phát chỉ thiên rồi bắn ba phát đạn vào bản nội quy nhà bếp. Tình hình rất khó xử. Hàng chục vệ binh và nhân viên đang nép sau các gốc cây, đạn đã lên nòng. Nếu là một tên biệt kích, thì không nói làm gì, nhưng đây lại là một đồng đội đang lên cơn tâm thần.

Cuối cùng hắn vào nhà cậu Bình, cảnh vệ, thấy mâm cơm mới bầy ra chưa kịp ăn. Hắn ngồi vào bàn, xới cơm ăn, để hai khẩu súng hai bên, doạ người nào vào sẽ bắn. Trong bếp, một cậu học sinh y sĩ đang lúi húi nấu cơm, bị Hội ngồi chẹn ở gian ngoài, không có lối ra, đành liều vén ngực áo bảo: "Này Hội, mày bắn tao đi!". Hội nghĩ ngợi, không bắn. Trong lúc hắn ăn cơm, anh học sinh lẻn với chộp được hai khẩu súng. Lúc này cảnh vệ mới ập tới, đưa Hội trở lại khoa điều trị.

Ngày 26 tháng 1 năm 1970. Từ ngày 31 tháng 3 bắt đầu chiến dịch mùa Xuân quân ta bao vây Đắc Xiêng, Đắc Pét. Chúng nó tăng cường bắn phá hậu phương. Máy bay B52 đánh liên tục đường giao liên. Đội phẫu của Viện đặt tại T3 bị đánh trúng, đang có 20 thương bệnh binh. Nghe tin, tôi liền nhào ra thăm. Cả khu rừng dài hàng cây số như bị một lưỡi cầy khổng lồ, cầy xới tan hoang, những hố bom đỏ hoác. Nhưng khi gặp tôi, anh em nhân viên vẫn bình tĩnh, đề nghị cứ ở yên tại chỗ, không chuyển đi nơi khác. Kinh nghiệm cho biết sau một trận đánh B52 rất ít khi chúng nó đánh lại đúng chỗ cũ. B52 bắt đầu đánh lúc 10 giờ đêm. Sau loạt bom đầu, các cán bộ phụ trách, anh Lân cùng anh em khác ra khỏi hầm ngay, kiểm tra tình hình, các hầm đều yên ổn, không ai việc gì. Đợt đánh thứ hai vào lúc 12 giờ đêm. Cũng như lần trước, vừa dứt tiếng bom nổ, Lân lại nhao ra khỏi hầm. Một hầm bị vùi kín dưới lớp đất đá. Trong hầm có 4 chiến sĩ của Trung đoàn 28 đi ngang qua, xin ngủ nhờ. Anh Lân liền hô hoán anh em lấy cuốc xẻng ra đào bới. Rất khó khăn vì nắp hầm dày. Cuốc được một lỗ hổng lọt bàn tay, nghe thấy tiếng rên bên trong, thì vừa hai giờ sáng.

Qua hai đợi đánh đầu cho biết, quy luật đánh đêm nay là cách hai giờ chúng

nó đánh một đợt nên anh Lân cho anh em chạy trở lại hầm của mình. Vừa về tới nơi thì thấy ánh chớp của loạt bom thứ ba. Sau đợt này, anh em tiếp tục moi đất trên chiếc hầm bị lấp, cứu được 4 chiến sĩ của đơn vị bạn bị lấp dưới hầm.

Nhân viên và 20 thương binh đang điều trị trong đội phẫu đêm đó đều an toàn. Bốn giờ sáng, chúng đánh tiếp đợt thứ tư và là đợt cuối cùng trong đêm, không gây thiệt hại gì thêm.

Ngày 15 tháng 4 năm 1970. Biệt kích lại xuống nương đồng chí Đích. Cảnh vệ ra truy lùng, đánh bật chúng lên. Trên trận địa nhiều vết máu loang lổ, rải rác, ở chỗ máy bay bốc chúng nó lên còn lại một áo bludông to, 4 túi đẫm máu, cổ áo ghi tiếng Anh. Một lỗ thủng nhỏ trước ngực áo. Một vết toác to bằng cái bát ở sau lưng. Phán đoán là một tên địch đã bị đền tội, có thể là một tên Mỹ vì cỡ áo khá to.

Về phía ta, một chiến sĩ bị thương nhẹ. Chúng tôi thu được một ba lô vũ khí, một ba lô thực phẩm có phở khô, gạo rang. Tôi ra cùng với anh em đi kiểm tra trận địa, đi vòng theo nương, theo đường đi của biệt kích, xuyên qua rừng. Chú ý từng bước chân vì sợ chúng gài lại mìn.

Chiều về, liên hoan một bữa phở biệt kích, loại phở khô đựng trong túi ni lông, chỉ cần đổ nước sôi vào túi lên tới vạch in sẵn trên miệng túi là vừa. Trong túi có sẵn bánh phở, thịt bò xay nhỏ sấy khô, cả hành cũng sấy khô. Lúc đầu cũng sợ chúng nó bỏ thuốc độc nên từ buổi trưa, tôi đã cho con chó đi theo, ăn thử một gói. Đến chiều vẫn thấy con chó chạy theo, đuôi ve vẩy, chúng tôi mới yên tâm tổ chức bữa liên hoan.

Nương rẫy đã đốt và dọn xong. Có đội đã trỉa xong ngô và bắt đầu trồng sắn. Đang chờ mưa để trỉa lúa.

Để phục vụ chiến dịch, Bệnh viện đã phải triển khai tất cả 7 trạm vừa trạm chuyển thương, vừa trạm phẫu từ phía trước trở về. Từ ngày 15-4, phải huy động trường Quân y đi chuyển thương.

Tình hình Campuchia diễn biến phức tạp. Từ tháng 2 năm 1970, Lon-non đảo chính lật đổ Sihanúc. Nhiều khó khăn nhưng cũng có thuận lợi mới. Trung đoàn 24 được lệnh đánh sang Campuchia. Với thế mạnh như chẻ tre, chỉ trong vài tuần lễ. Trung đoàn đã nhanh chóng mở rộng vùng giải phóng tới sát biên giới Campuchia - Thái Lan. Giải phóng tới đâu, quân ta giao lại cho các bạn Khơme đỏ quản lý.

Nhưng dường như có điều gì không ổn. Từ đầu năm, do tình hình rối ren nên một số cơ sở ta ở Campuchia trong đó có các gia đình Việt kiều ở

Stungtreng được đưa về B3 để tránh sự khủng bố của Lon-non. Bệnh viện chúng tôi tiếp nhận một nhân viên mới: chị Đài, thuộc một gia đình cơ sở sinh sống lâu năm ở Stungtreng. Được tin Stungtreng giải phóng, chị rất mừng, chuẩn bị để trở về, thì một tin bất ngờ ập tới: gia đình chị đã bị Khơ me đỏ giết chết! Thật sự chúng tôi không thể hiểu và không biết giải thích với chị ra sao?

Những tin tức về các hành động của Khơ me đỏ gây khó khăn cho ta ngày càng nhiều: Tấn công kho, cướp vũ khí, giết hại cán bộ, bộ đội đi lẻ. Thậm chí gây khó khăn cho ta trong việc vận chuyển trên đường 19 kéo dài từ Stungtreng, Krachiê về Tây Nguyên.

Khó khăn về lương thực vẫn tiếp tục. Gạo thiếu, muối cũng thiếu. Chúng tôi mới hiểu thế nào là "đói cơm, nhạt muối" của đồng bào Tây Nguyên.

Ngày 1 tháng 5 năm 1970. Như mọi ngày thường, buổi sáng trong trẻo, mát mẻ. Tôi sang nhà mổ dự một ca mổ nặng: cắt nửa đại tràng phải cho một bệnh nhân bị u đại tràng. Bác sĩ Minh và Hưởng là phẫu thuật viên chính. Tôi đứng xem. Nhà mổ làm cao trên sàn. Ni lông căng che mái và chung quanh bốn chân tường. Vải màn căng che cửa sổ vừa để chống côn trùng mà vẫn có ánh sáng cho phòng mổ. Trong nhà mổ nhộn nhịp nhân viên, học sinh, y sĩ. Gây mê tĩnh mạch có đặt ống nội khí quản nhưng bệnh nhân không ngủ yên, giãy giụa, rặn thở, ruột luôn đe doạ phòi ra, làm cho cuộc phẫu thuật khó khăn.

Khối u to bằng nắm tay, dính vào thành bụng bên phải vá vào đoạn hai của tá tràng. Đường rạch giữa bụng không đủ rộng để mổ. Phải rạch thêm sang bên. Cuộc mổ kéo dài, tôi phải rửa tay vào cùng mổ với anh Minh. Mổ cắt nửa đại tràng. Khâu xong miệng nối, đang chuẩn bị đóng thành bụng, thì phía ngoài có tiếng máy bay trinh sát lượn thấp.

Có tiếng anh Thìn, Viện phó Ngoại lúc này đang ở ngoài phòng mổ, gọi tổ chiến đấu của khoa lên bố trí, sẵn sàng chiến đấu. Tiếng máy bay phản lực rít trên cao. Đột nhiên tiếng máy bay trinh sát rú, sà xuống thấp rồi ba tiếng nổ bùm bụp bên ngoài.

Bác sĩ Minh kêu lên: "Chúng nó bắn pháo hiệu cho phản lực".

Trên bàn mổ, bụng bệnh nhân còn đang toang rộng, các khúc ruột phì phò.

Tôi gọi cô y tá vô trùng: "Cho tôi ống dẫn lưu, cho kim chỉ, mau lên...". Một tiếng rú như một luồng gió rít từ trên không lao xuống, tiếp sau là một tiếng nổ ầm rung chuyển nhà cửa. Mọi người trong phòng mổ xôn xao: "Chúng nó ném bom ở gần, anh ạ".

Cành cây lắc rắc gẫy trên nóc phòng mổ. Đồng chí Tám, trợ thủ vô trùng vẫn lúi húi tìm kim chỉ. Vất vả mới khâu thêm được vài mũi. Tôi động viên anh chị em: "Kệ cha nó, còn xa đấy".

Lại một tiếng rú thứ hai, Tám và mấy nhân viên gây mê hốt hoảng ngồi sụp xuống. Một người đứng ngoài nằm soài xuống mặt sàn nhà mổ. Bất giác tôi cũng cúi đầu xuống, nhưng hai bàn tay đeo găng cao su vẫn áp chặt trên vết mổ. Một tiếng nổ ầm nhưng xa hơn một chút. Mọi người lại đứng dậy.

Tôi hỏi Tám:

- Còn giữ được vô trùng không?

- Được anh ạ!

Tôi vội vã khâu tiếp, nhưng lại một tiếng rú. Tôi bất giác văng tục: "Mẹ cha chúng mày..." rồi lại nói với anh chị em: "Kệ cha chúng nó! Chúng nó không làm được gì mình đâu. Mổ tiếp đi! Mau lên!".

Tôi cảm thấy động tác của Tám, hộ sĩ vô trùng, sao mà quá chậm chạp.

Có ý kiến đề nghị: "Hay là chuyển bệnh nhân xuống hầm..!".

Tôi liếc nhìn bao nhiêu dây dợ và các dụng cụ chung quanh: dây buộc bệnh nhân vào bàn mổ, dây truyền huyết thanh, cọc truyền ống nội khí quản, máy gây mê v.v... Suy nghĩ rất nhanh, hầm mổ thì ngay bên cạnh nhưng làm sao mà chuyển được và làm thế nào giữ được vô trùng trong khi di chuyển?

Tôi cố khâu thêm một hai nút, đóng thành bụng.

Một tiếng rú nữa và một tiếng nổ rung nhà.

Tôi rời mắt khỏi vết mổ liếc ra ngoài.

Qua khung cửa sổ che vải màn, một thân cây cháy lem lém như một cây đuốc. Lửa tạt tới cửa sổ và bén vào vải màn che cửa. Bom nổ rất gần. Tôi hơi ngạc nhiên cảm thấy người vẫn bình thường, hình như không có mảnh bom nào dính vào người cả.

Phòng mổ làm trên sàn sao cảm thấy cao lêu nghêu. Bom ném gần quá, nếu không xuống hầm có thể hy sinh cả kíp mổ.

Tôi vội vàng nhét một khăn mổ to vào vết mổ và quyết định chuyển bệnh

nhân xuống hầm. Học sinh mọi người một tay, khiêng bổng cả bệnh nhân, cả bàn mổ, cả máy gây mê xuống hầm.

Tôi và anh Minh mỗi người cuốn vội một khăn mổ vô trùng quanh tay chạy xuống hầm sau cùng đúng vào lúc một loạt đạn đại bác 20 ly nổ xé tai, làm vỡ toang một góc phòng mổ. Chúng nó đã ném hết bom và bắt đầu bắn đại liên và đại bác.

Xuống tới hầm tự nhiên thấy cảm giác an toàn hẳn mặc dù máy bay vẫn gầm rú, tiếng đại bác nổ liên hồi.

Tôi chặn tay lên bụng bệnh nhân, hỏi bác sĩ gây mê, tình hình bệnh nhân ra sao anh? Lúc này mới biết đầu ống thông nội khí quản bị tuột ra khỏi máy gây mê. Cũng may bệnh nhân đã tự thở. Huyết áp hơi tụt. Cuộc phẫu thuật tiếp tục dưới hầm.

Ra khỏi hầm, tôi tưởng chừng không còn nhận ra quang cảnh phía trên. Cây cối đổ ngổn ngang. Một quả bom napan nổ cách phòng mổ khoảng ba mét. Nhà hoá nghiệm bị cháy cùng với một phần phòng mổ. Một quả bom khác nổ giữa hai khoa 33-34, khoét thành một hố to như cái ao ở giữa 3-4 nhà bệnh nhân. Nhưng bệnh nhân cũng như nhân viên đều an toàn.

Tối hôm đó, họp thường vụ, Thủ trưởng Viện nhận định khối Ngoại đã bị lộ, đề phòng chúng nó oanh tạc tiếp, quyết định di chuyển khối Ngoại ra địa điểm dự bị.

Trong đêm mồng 1 tháng 5 tới 7 giờ sáng ngày 2 tháng 5, hơn 350 thương bệnh binh của khối Ngoại đã được di tản ra khỏi vùng bị oanh tạc.

Ngày 2 tháng 5 chỉ có máy bay trinh sát lảng vảng trên khu vực Viện.

Ngày 3 tháng 5 chúng đánh lại khu vực bị oanh tạc hôm trước, trúng vào buồng băng, tiêm của khoa 34. Ném bom napan và bắn rốc két, làm què hai con gà.

Ngày 4 tháng 5 chúng đánh nương rau Đ3, đánh vào nhà anh em làm nương. Bom làm vùi mất một vạt rau xanh tươi sắp được ăn.

Ngày 7 tháng 5 chúng đánh tiếp khu vực kho của Viện. Ở đây đang có 90 tấn gạo. Tin cho biết: cùng ngày 1 tháng 5 năm 1970 trên toàn tuyến biên giới Việt Nam, Campuchia, địch mở cuộc tấn công ồ ạt sang Campuchia, huy động trên 5 vạn quân đánh suốt trên một tuyến dài trên 400 cây số từ Lộc Ninh đến Bu-prăng - Đức Lập và từ Đức Cơ đánh sang Bô Keo, ở cánh Trung chúng cũng đánh ra suối đá.

Ngày 3 tháng 5, một phái viên của Phòng xuống phổ biến nhận định của Bộ tư lệnh Mặt trận: khu vực của Viện 211 đã bị lộ, chúng nó có thể còn tiếp tục đánh: đề phòng khả năng chúng nhảy dù, đánh chớp nhoáng rồi rút.

Anh Công, Chính uỷ Viện lên Phòng báo cáo tình hình và nhận được chỉ thị cho một bộ phận của Viện sơ tán xa hẳn, ra Binh trạm 37, ở khu vực Atôpơ, Hạ Lào, trong khi bộ phận còn lại của Viện sẽ di chuyển vào khu vực dự bị.

Ngày 20 tháng 5 năm 1970. Từ ngày 17 tháng 5, bộ phận di tản sang Hạ Lào, Binh trạm 37 bắt đầu hành quân theo thứ tự: C3 (đại đội thu dung) đi đầu vào ngày 16 tháng 5 đưa theo 71 thương bệnh binh. Khoa 34 đi tiếp ngày hôm sau cùng với khoảng 200 thương bệnh binh. Cuối cùng là khoa 22 với 180 bệnh nhân.

Ngày 18 tháng 5, anh Tiểu đoàn trưởng chỉ huy tiểu đoàn bảo vệ khu vực vào, báo tin: Theo tình báo có thể chúng sẽ đánh vào cao điểm 729. Thật nguy hiểm: trên cao điểm là đài quan sát của Viện và ngay dưới chân đài là khoa 32, đang điều trị 150 thương bệnh binh.

Thường vụ Đảng uỷ và thủ trưởng Viện đi vắng cả, anh thì đang lên Phòng chưa về, anh vào địa điểm dự bị, anh thì theo hai khoa sang Binh trạm 37, chỉ còn mình tôi ở nhà. Nếu theo đúng kế hoạch đã thống nhất thì khoa 32 tới ngày 20 tháng 5 mới "cuốn chiếu" chuyển vào khu vực khối Nội (Đ2), ở tạm trước khi di chuyển vào địa điểm dự bị. Nhưng tình hình này thì không chần chừ được. Tôi gọi điện cho bác sĩ Huy Đại, Chủ nhiệm khoa 32, cho Khoa chuyển ngay hôm đó sang Đ2.

Khoa 32 đang có 150 thương bệnh binh trong đó có 39 trường hợp nặng phải cáng. Quyết định huy động toàn bộ lực lượng nhân viên đi cáng.

6 giờ sáng gọi điện hỏi lại: mới đi được 10 cáng. Tôi ra đón đầu đoàn cáng ở dốc 1000 bậc, để bệnh nhân ở lại trên đỉnh dốc và động viên anh em quay trở lại cáng tiếp. Làm sao đưa hết bệnh nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm trước giờ cao điểm là 10 giờ sáng. Trong khi đó điều nhân viên khối Nội lên chuyển tiếp số cáng đang nằm chờ trên đỉnh dốc.

Đúng như thông báo, chiều hôm đó, chúng đánh tiếp bằng phản lực khu vực khối Ngoại cũ, nhưng cáng cuối cùng của khoa 32 cũng đã vượt qua an toàn. Ở khoa lúc này chỉ còn một số nhân viên, cùng với anh Đại đang thu dọn đồ đạc để ngày hôm sau chuyển nốt.

Khu vực khối Nội, xa khối Ngoại và khoa 32 hai dãy núi, bị ùn thương

bệnh binh. Phải nằm cả ở hội trường, không có công sự trong khi máy bay trinh sát L19 bay lượn rất thấp trên khu vực.

Đêm 19 tháng 5, khoảng 8 giờ tối, có tiếng máy bay B52. Những tia chớp nhoáng ngoằng trên trời, rồi tiếng rú, những tiếng nổ rung chuyển đất.

Qua tiếng bom, chúng tôi phán đoán chúng nó đánh khu vực khoa 32. Anh Tấn, trưởng ban Hành chính, gọi điện sang khoa 32, nói chuyện được với anh Đại. Anh Đại xác nhận đúng là chúng nó đánh vào khoa, nhưng bệnh nhân đã được chuyển đi hết từ buổi sáng, chỉ còn một số nhân viên và mấy học sinh trường Quân y đi qua xin ở nhờ qua đêm. Câu chuyện đang dở dang thì anh Đại vội vã: "Chúng nó trở lại đấy. Thôi vào hầm thôi!". Chúng tôi vừa kịp trở lại công sự, hai tay bịt chặt hai tai thì lại ào ào, loằng ngoằng những tia chớp, tiếp sau là những tiếng nổ rung trời.

Suốt đêm hôm đó, đều đặn và chính xác, cách 45 phút một lần, lại một loạt B52 đánh phá. Chúng tôi cũng chỉ liên lạc với anh Đạt được một lần, sau đó đường dây điện thoại bị đứt và bặt tin luôn.

Sáng hôm sau, tôi và anh Tấn vội vã sang thăm khu vực bị oanh tạc. Cả khoa 32, nhà cửa tan hoang, cây cối đổ ngổn ngang, các hố bom như những cái ao đỏ hoác rải rác suốt từ trên đỉnh đồi xuống tới bờ suối.

Nhân viên khoa 32 không ai việc gì, chỉ mất nhiều ba lô, tăng võng. Có một bệnh nhân mới vào chiều hôm đó, chưa kịp chuyển đi, bị hy sinh. Đặc biệt có hai học sinh y sĩ đi vận chuyển về, vào ở nhờ. Loạt bom đầu ở chung hầm với anh Đại. Sau loạt bom thứ hai, hai cậu sợ quá, chạy sang trú ở hầm bên cạnh. Sáng hôm sau, không thấy hai cậu đó đâu, ở vị trí của chiếc hầm hôm trước là một hố bom sâu thành hình phễu. Không một mảnh quần áo, không một giọt máu. Anh em trong khoa, không biết hai cậu bị trúng bom hay đã trở về đơn vị?

Những ngày sau, vẫn không thấy hai cậu trở về đơn vị. Khi làm báo cáo lên trên, đồng chí trợ lý quân lực đề nghị báo cáo là "mất tích". Tôi hỏi lại:

- Tại sao ghi là "mất tích" được?

- Vì không biết hai cậu đó đi đâu? Nếu chết thì phảicó xác!

Tôi phân vân, suy nghĩ. Tất nhiên, nếu ghi là chết thì gia đình sẽ rất đau khổ, nhưng lại được đền bù lại bằng những chính sách ưu đãi cho liệt sĩ. Còn nếu ghi là "mất tích" thì có thể vẫn còn nuôi một chút hy vọng, nhưng ngược lại đẻ ra nhiều nghi vấn: Mất tích đi đâu? Chết chăng, lạc trong rừng chăng? Hay chạy theo địch? Trong khi chờ đợi thì gia đình có thể sẽ không

được hưởng quyền lợi gì.

Cuối cùng tôi nói với trợ lý quân lực: "Chưa báo cáo vội, chờ một vài ngày nữa xem sao...".

Quả nhiên vài ngày sau, khi qua khu vực, có mùi của người chết. Nên xác định hai anh đã hy sinh trong trận bom.

Dù sao cũng còn mừng là đưa kịp thời gần hai trăm nhân viên và thương bệnh binh ra khỏi nơi oanh tạc. Nếu chậm một hôm thì sự thiệt hại sẽ còn tăng lên nhiều.

Sáng 20 tháng 5 di chuyển toàn thể bệnh nhân vào khu dự bị. Có 475 thương bệnh binh, trong đó có hơn 100 cáng.

Trời bắt đầu mưa. Những trận mưa đầu mùa.

Ngày 18 tháng 6 năm 1970. Mất ba ngày mới chuyển hết thương bệnh binh vào địa điểm dự bị. Một khu rừng già, có những cây cao vút, cạnh con suối hẹp kẹp giữa hai dãy núi cao. Có đỉnh tới 1700 mét. Trên bản đồ, khu vực này rất gần với khu vực chúng tôi ở khi mới vào chiến trường, năm 1966. Như vậy sau 5 năm, chúng tôi lại trở về gần chỗ cũ.

Lại bắt đầu công việc "thổ mộc" cuốc đất, đào hầm, làm nhà. Do được trên tăng cường một trung đội công binh, nên công việc xây dựng cũng nhanh hơn.

Chúng nó tiếp tục đánh khu vực Bệnh viện cũ, đánh trúng vào khu kho của Viện. Đồng chí Tâm giữ kho bị trúng bom, hy sinh khi khiêng vào tới đội phẫu. Phải tập trung lực lượng di chuyển kho gạo. Đến hôm nay đã di chuyển được 45 tấn gạo ra khỏi nơi bị uy hiếp.

Rút kinh nghiệm các trận chiến đấu vừa qua các khoa đều làm nhà trên đỉnh đồi. Cơ quan Viện bộ, cũng ở trên đỉnh đồi, nhưng có máng đưa nước vào tận bếp.

Khó khăn về lương thực, thực phẩm đã trở thành bệnh kinh niên. Thực phẩm chính thức được cấp hàng tháng chỉ có muối và ba mươi gam mì chính cho một đầu người. Muối vẫn tiếp tục thiếu. Các bếp đều phải chia tiêu chuẩn muối thành từng gói nhỏ để ăn cho đều tránh những ngày hoàn toàn nhạt muối.

Tháng này bắt đầu có măng. Giao chỉ tiêu cho mỗi nhân viên phải hái 20 kg măng một người một ngày nộp cho cấp dưỡng. Ở Tây Nguyên, măng là

nguồn rau chủ yếu trong suốt mùa mưa. Đầu mùa là măng đào. Mới đầu mùa mưa, măng còn nhỏ, nằm ngầm dưới đất, phải đào sâu xuống đất mới lấy được. Giữa mùa mưa khi măng đã nhô được lên mặt đất thì là "măng bẻ". Cuối mùa mưa, khi măng đã mọc thành cây thì ăn măng "rung": đứng dưới gốc cây, rung cây để ngọn măng còn non ở trên cao gãy xuống, nhặt về ăn.

Cuộc càn lớn sang Campuchia bắt đầu từ ngày 1 tháng 5 năm 1970, ở cánh Trung, chúng đổ bộ 1 tiểu đoàn Mỹ và 5 tiểu đoàn nguỵ, cùng với pháo binh, công binh v.v… gần một vạn quân. Tới ngày 16 tháng 5 thì rút. Nhìn chung cũng chẳng gây thiệt hại được gì lớn cho ta. Một vài kho bị phá. Một số bộ đội tăng gia, cán bộ đi công tác bị thương. Ngược lại, chúng nó bị đánh khắp nơi, hơn 300 tên bị diệt.

Ngày 1 tháng 7 năm 1970. Khai giảng lớp Y sĩ khoá 5. Học viên là các y tá công tác lâu năm ở chiến trường, có đủ trình độ văn hoá theo quy định. Trường Quân y trực thuộc Bệnh viện và xây dựng ngay sát Bệnh viện để thuận tiện cho việc giảng dạy và thực tập lâm sàng cho học viên. Trước khi vào học chuyên môn, anh chị em học viên đã phải tự tay xây dựng toàn bộ cơ sở của nhà trường, từ hội trường, nhà ở cho học sinh, nhân viên, bếp.

Giảng viên của nhà trường đều là các Chủ nhiệm khoa của Bệnh viện. Học theo chương trình của Cục Quân y. Tài liệu và học cụ thì còn nghèo nàn. Anh em nhặt được một bộ xương ở chiến trường về để học giải phẫu. Không biết xương của địch hay của ta.

Khoá học này vất vả nhất. Tập trung từ tháng Hai đến nay mới chính thức bước vào học chuyên môn. Nhiều công việc đột xuất: phục vụ chiến dịch Đông Xuân, tải thương, vận chuyển gạo, đánh biệt kích, di chuyển Viện, tăng gia, xây dựng... Anh em phàn nàn: Bài học số một kéo dài quá. Bài số một ở chiến trường là bài vận chuyển, sau đó sang bài số hai là bài tăng gia rồi mới tới bài số ba, số bốn, số năm mới là bài chuyên môn. Học viên đã có người hy sinh do bom B52. Một đồng chí dân tộc, hai đồng chí văn hoá kém cần bổ túc thêm về văn hoá. Quân số được học là 60.

Bữa liên hoan khai mạc lớp học có thịt trâu do Viện cấp, ngoài ra anh em săn thêm được 5 con lợn.

Lớp Quân y sĩ khoá 4, sau khi đi thực tập ở các đội điều trị, bệnh xá, quân y trung đoàn cũng đã trở về chuẩn bị thi tốt nghiệp. Mắc tăng võng, đào hầm bảo đảm an toàn trong khi ôn thi. Nhưng tư tưởng tạm bợ thể hiện rõ, hầm hào chưa đủ sâu đã lấp. Chúng tôi phát hiện được, bắt các vị dỡ ra đào lại. Cũng lạ, ai cũng biết "Đổ mồ hôi hơn là đổ máu" vậy mà vẫn sợ đổ mồ hôi!

Ngày 19 tháng 7 năm 1970. Đi thăm nương mất ba ngày, nhưng cũng chỉ thăm được những bộ phận chính. Nương khối Ngoại ở ven các sườn đồi, lúa đã mọc xanh. Ngô đã có bắp non. Qua nương sắn, tình hình khá căng thẳng, bộ đội đi ngang qua phá sắn khá nhiều mà không có biện pháp bảo vệ. Chỉ một buổi trưa có đến 4-5 đám ăn cắp sắn. Gần như thành quy luật: đám nào không bắt được quả tang thì chối leo lẻo: em chỉ vào xin rau hoặc xin nước, các anh không cho thì chúng em ra. Nếu bắt được quả tang đang nhổ sắn thì: Chúng em đói quá, xin các anh vài củ!...

Anh em tăng gia đã dùng nhiều biện pháp: doạ ghi tên báo về đơn vị. Nhưng lính giải phóng làm gì có giấy tờ, lấy căn cứ đâu mà ghi tên? Doạ nhốt, chờ đơn vị đến xin thì thả. Nhưng lại mất người canh gác, lại phải nuôi ăn, cũng chết. Doạ tịch thu đồ đạc, quần áo, giày dép, thì chúng mặc quần đùi, cởi trần, đi đất, chả có gì mà lột được cả. Cuối cùng là hoà cả làng. Nghĩ cũng tội, anh em đói!... Nhưng tăng gia mà không bảo vệ được nương thì cũng không hoàn thành nhiệm vụ.

Tình hình thương bệnh binh cũng căng. Tôi đi thăm một khoa Nội, bác sĩ điều trị đưa tôi thăm một lán, giới thiệu: Lán này tập trung anh em thiếu máu nặng. Hồng cầu dưới 2 triệu. Nhìn hơn một chục bệnh nhân xanh mướt như tàu lá, ngồi trên sạp tre, tôi hỏi: "Các cậu có đói không?". Tất cả oà lên: "Đói lắm, thủ trưởng ạ!". Một cậu nói: "Ngày mới vào chiến trường, hễ sốt thì không ăn được, nhưng nay sốt 39-40 độ vẫn ăn tốt". Một cậu khác chen vào: "Sức chúng em, mỗi bữa phải 5-6 bát. Mà bây giờ mỗi bữa được 2 bát thì bõ bèn gì!". Một cậu khác tiếp: "Chả cần thuốc men gì, chỉ cần cho chúng em ăn no là hết ốm ngay!".

Chả cứ thanh niên, ngay cả số cán bộ tuổi xấp xỉ bốn mươi như chỉ huy Viện chúng tôi ăn cũng không đủ. Anh Công, anh Toản lo cho tôi đói, khi ăn cứ giả vờ ăn chậm để nhường cơm cho tôi. Nhưng tôi cũng biết ý, ăn xong một bát là buông đũa. Cuối bữa vẫn thừa một bát cơm không ai ăn. Trong bệnh nhân, một mặt phải khuyến khích anh em đi lấy măng, rau rừng, đào củ rừng để ăn độn, nhưng mặt khác lại không thể để nấu nướng riêng. Củi lửa bừa bãi có thể làm lộ địa điểm. Nên các khoa vận động anh em hái được rau măng thì nộp cho bếp tập thể, người lấy được nhiều, các bếp có thưởng bằng cách chia thêm rau, nhưng để khỏi vi phạm tiêu chuẩn muối, mì chính của tập thể, nên suất "thưởng" chỉ là măng hoặc rau luộc ăn nhạt.

Thiếu muối nên nước muối dưa, trước đây đổ đi, nay lấy lại để nấu canh, nấu thức ăn, lại được khen là ngon vì vừa có vị chua, vừa có vị mặn.

Ngày 31 tháng 7 năm 1970. Sang trường Quân y tổ chức thi tốt nghiệp lớp y sĩ khoá 4. Có 50 đạt yêu cầu, 3 không đạt. Một do chuyên môn quá kém, một do đạo đức, ăn cắp có hệ thống, một do dao động sợ chết, không hoàn

thành nhiệm vụ trong khi đi xuống tiểu đoàn thực tập.

Đêm ngủ lại ở trường Quân y để chấm thi. Đột nhiên trời đổ mưa. Nước mưa chảy ào ào qua nhà làm cho nền nhà nhão nhoét. Đang ngủ bỗng huỵch một tiếng to, giường nằm bị đẩy bật đi đến một mét. Tôi nhỏm dậy thì ra đất núi phía sau nhà bị lở, may có bờ che nên không bị đất vùi.

Sáng hôm sau, điện thoại đứt do cây đổ. Con suối mọi ngày trong vắt, nay đầy ắp, đỏ ngầu, hung dữ cuốn băng các thân cây to.

Từ Hạ Lào, anh Thìn, Viện phó, phụ trách nửa Bệnh viện sơ tán, viết thư về cho biết, ngoài đó có nhiều thú rừng. Hai khoa sơ tán ra ngoài đó trong một tháng đã bắn được 2 voi, 5 gấu, 1 trâu rừng, một lợn rừng. Anh đã tổ chức một tổ săn, làm thịt khô để tiếp tế về cho đơn vị.

Ngày 8 tháng 8 năm 1970. Lên B3 dự chỉnh huấn Nghị quyết Trung ương lần thứ 18 từ ngày 4 tháng 8. Đường lên B3 phải qua lại khu vực Viện cũ.

Đang mùa mưa, nước suối đỏ quạch như nước sông Hồng sau cơn lũ. Cây đổ ngổn ngang hai bên bờ suối. Qua khu vực Viện cũ, những hố bom sâu, những bìa rừng bị bom napan cháy xém. Ra tới Q9, theo đường thồ, tới trạm vệ binh, ngủ lại một đêm. Theo quy định, cần vụ, liên lạc sẽ ở lại đây. Từ đây, có liên lạc của B3 đưa vào nơi chỉnh huấn. Đi thêm một ngày theo con đường len lỏi trong rừng, vượt qua một dốc cao lầy lội khó đi. Anh Âu đi dép lạch bạch, liên tục tuột quai dép. Một lúc lại phải dừng lại để rút quai dép. Tôi đi giày nên cũng dễ đi hơn. Đến lối vào tới khu B. Lớp chỉnh huấn trên một ngọn đồi cây to rậm rạp. Nhà âm thưng kín, tối mịt để tránh lộ ánh sáng ban đêm. Lớp chỉnh huấn dành riêng cho cán bộ trung đoàn được tổ chức khá chu đáo. Có nhà ở, có giường. Có vệ binh mang cơm đến tận nhà. Cơm ăn no, có thịt lợn, thịt trâu.

Về tình hình chiến sự, nghị quyết Trung ương cho biết: có hai khả năng cho cuộc chiến tranh: Khả năng chiến tranh còn kéo dài và khả năng kết thúc sớm, tùy thuộc vào nỗ lực của ta. Chiến trường B3 đã nối liền với khu giải phóng Campuchia, mở rộng sang phía Tây tới biên giới Thái Lan, bao gồm cả hai tỉnh Ratanakiri và Mondonkiri.

B3 thành lập một đoàn sản xuất chuyên nghiệp, Đoàn 670, các đơn vị chỉ phải sản xuất 1.000 gốc sắn một đầu người.

Bộ phận của Bệnh viện sơ tán sang Hạ Lào mấy tháng trước, nay được gọi về. Tình hình đã tạm ổn, có thể tập trung trở lại.

Bệnh viện có thay đổi về nhiệm vụ: chủ yếu làm nhiệm vụ tuyến cuối cùng

của chiến trường, không làm nhiệm vụ tuyến khu vực nữa và di chuyển sâu hơn về phía Tây, giành địa điểm hiện tại mà chúng tôi gọi là khu C - cho kho tiếp nhận hàng từ hậu phương vào.

Trong chỉ huy Viện có một số thay đổi: anh Âu Viện phó ra Bắc, anh Dậu về thay. Anh Công lên làm Chủ nhiệm chinh trị phòng Hậu cần B3. Anh Tiêu Văn Mẫn về thay anh Công.

Ngày 10 tháng 9 năm 1970. Đã đến vụ thu hoạch lúa. Những năm trước, việc thu hoạch lúa làm bằng tay, theo kiểu của đồng bào dân tộc. Anh em gọi là "suốt lúa", có nghĩa là tuốt các bông lúa giữa hai ngón tay cái và ngón tay trỏ, hứng các hạt lúa vào lòng bàn tay rồi bỏ vào cái gùi đeo sau lưng.

Tôi đã tuốt lúa với anh em một ngày. Chỉ một ngày thôi mà hai ngón tay của tôi phồng to, mọng nước, rớm máu, đau nhức như phải bỏng.

Vụ thu hoạch năm nay, chúng tôi quyết thay đổi cách làm ăn. Không "cải tiến" gì nhiều thì ít ra cũng có cái liềm cho anh em cắt lúa.

Hai tháng trước khi thu hoạch, tôi động viên anh em tổ rèn của Viện: "Các cậu có nghe đài nói không? Nichxơn tuyên bố sẽ đẩy chúng ta về thời kỳ đồ đá đấy. Ta cứ tuốt lúa theo kiểu này thì chúng nó sẽ cười vào mũi ta rằng chúng nó đã đẩy ta về thời kỳ đồ đá thật!".

Anh em đồng ý với chủ trương làm liềm và trước vụ thu hoạch, tổ rèn đã chuyển ra nương được 150 cái liềm, đủ cho mỗi người một chiếc.

Sau ngày thu hoạch lúa đầu tiên, tôi nóng lòng chờ kết quả của việc dùng liềm cắt lúa, gọi điện ra nương, hỏi tình hình gặt hái. Anh Đích, phụ trách tăng gia, trả lời tôi ở đầu dây. Anh dềnh dàng báo cáo tình hình quân số các khoa ra nương, tình hình sức khỏe anh chị em, tình hình thu hoạch lúa. Tôi sốt ruột cắt lời hỏi đến việc dùng liềm ra sao. Nghe tiếng anh cười: Vẫn phải suốt tay thôi. Không dùng liềm được đâu thủ trưởng ơi! Tôi vặn lại: Vô lý, không dùng được là thế nào? Chả lẽ dùng liềm lại không bằng suốt tay à!

Anh Đích lúng túng không biết giải thích cho tôi ra sao, nói một câu: "Đúng thế đó, thủ trưởng ra mà xem!".

Tôi thấy bực mình, liền kéo anh Định, Chủ nhiệm Hậu cần ra nương xem sao.

Đi mất một ngày mới ra tới nương. Dọc đường, anh Định cũng rất thắc mắc tại sao không dùng được liềm. Anh bảo tôi: "Mấy thằng cha này nó

bảo thủ thôi anh à, phải trị cho các cậu đó một trận!". Tôi phân vân: "Tại sao nó bảo thủ, cắt bằng liềm thì sướng hơn là tuốt bằng tay chứ nhỉ!". Anh Định giải thích: "Chẳng qua tuốt bằng tay, tuy có vất vả nhưng được hạt gạo nào chắc hạt gạo đó. Chỉ vất vả ban ngày. Còn ban đêm, ăn xong là lên võng vặn đài nghe rồi ngủ thẳng một giấc đến sáng. Còn dùng liềm gặt thì tối lại phải đập, quạt, rắc rối thêm. Chỉ thế thôi, chứ chả tại sao cả!".

Tôi nghe anh nói và thấy có vẻ có lý.

Ra tới nương, cùng với các đồng chí phụ trách tăng gia đi một vòng nương, dùng liềm hái thử mấy bông lúa chúng tôi mới vỡ lẽ: Đúng là với kiểu trồng trọt này thì không thể gặt bằng liềm được thật.

Có rất nhiều lý do: Quan trọng nhất là giống lúa. Trong chúng tôi không có ai chuyên về nông nghiệp, nhưng giống lúa nương dường như khác với giống lúa nước. Lúa nương rất dễ rụng, hễ chạm tay mạnh là rụng. Thêm vào đó, theo cách canh tác của đồng bào, chờ cho lúa chín mới thu hoạch nên lại càng dễ rụng hơn. Chính vì giống lúa dễ rụng như vậy, nên đồng bào mới có thể dùng tay tuốt lúa được. Ngược lại nếu dùng liềm cắt, đứt được bông lúa thì các hạt thóc rụng gần hết.

Hơn nữa nương trồng lúa không giống như ruộng lúa, có bờ ruộng dùng làm đường đi hoặc nếu ruộng khô thì khi thu hoạch có thể gánh thóc ngang qua mặt ruộng. Trên nương, không có đường để đi lại. Sau khi đốt rẫy và tỉa lúa, trong khi lúa mọc thì các cây khác cũng bắt đầu mọc lại. Khi thu hoạch, việc đi lại trên nương rất khó khăn. Các thân cây gỗ đổ ngổn ngang, các cành cây con mọc tua tủa. Vì vậy gánh một gánh lúa, chui rúc qua dưới các cành cây gốc cây, rõ ràng là sẽ rất vất vả và thóc sẽ rụng thêm. Gánh được gánh lúa về đến nhà thì chắc không còn hạt thóc nào!

Ngoài ra, trong điều kiện chiến tranh, còn phải tính đến vấn đề an toàn cho anh em tăng gia. Trong khi thu hoạch, máy bay địch không lúc nào ngừng quần lượn trên đầu. Chúng đã ném bốn quả bom xuống khu vực nương của khối Ngoại, phá hoại gần một hecta lúa.

Đã gặt bằng liềm, tất yếu sẽ phải tập trung lúa để đập quạt và phải có sân phơi. Sân phơi chắc chắn sẽ lập tức là mục tiêu cho địch đánh phá, nếu không gây thiệt hại về người thì cũng thiệt hại về thóc lúa.

Đứng trên ngọn đồi cao, nhìn về phía nương lúa đang thu hoạch, chúng tôi còn nhận được thêm một điều: nếu tuốt hạt thì bông lúa vẫn còn, từ xa khó phân biệt được chỗ nào đã thu hoạch xong, chỗ nào chưa thu hoạch. Anh chị em suốt lúa có kinh nghiệm về các cuộc oanh tạc của địch, nên làm việc phân tán trên nương, lúa cao ngang ngực, khi có máy bay đến gần thì chỉ

việc ngồi thụp xuống là đã được lúa che khuất. Ngược lại, khi dùng liềm cắt lúa, từ trên cao, chúng dễ dàng nhận biết đâu là nơi đang thu hoạch và anh em tăng gia cắt tới đâu sẽ lộ người đến đó, như vậy tự tay mình phá huỷ lớp nguỵ trang.

Rõ ràng là không thể dùng liềm cắt lúa. Trở về nơi ở tôi trách Đích: "Thế sao hôm họp bàn về việc làm liềm cậu không có ý kiến, làm cho anh em làm mất bao nhiêu công!".

Đích trả lời thủng thẳng: "Ai mà biết, thủ trưởng. Cứ nghĩ dùng liềm thì năng suất hơn tuốt tay. Có làm mới biết chứ!".

Việc đưa liềm nào thu hoạch lúa nương thất bại cho tôi một bài học thật sâu sắc về việc ứng dụng khoa học kỹ thuật mới: Cần nghiên cứu thấu đáo tình hình thực tiễn, không thể làm theo mong ước chủ quan.

Ngày 20 tháng 9 năm 1970. Chúng tôi đi nghiên cứu địa điểm mới của Bệnh viện trở về. Chúng tôi gọi đây là khu Đ - Địa điểm thứ 4 trong vòng một năm kể từ khi ra cánh Bắc Tây Nguyên.

Đi mất hai ngày, về hai ngày, ở lại nghiên cứu bốn ngày. Luồn rừng, leo núi, ve, vắt đốt khắp người. Đường lầy lội, trơn ngã, quần áo rách tả tơi bê bết bùn và máu.

Đường rừng mới mở, vắt nhiều vô kể. Thấy bước chân người đi qua, chúng ngóc đầu dậy như tằm đang thời ăn rỗi. Vắt cắn đầy chân, rứt được một con thì hàng chục con khác đã bám vào chân leo thoăn thoắt lên đùi, rồi lên bụng, ngực. Chỉ có một cách là đi thật nhanh như chạy, mặc cho vắt bám. Tới một con suối, lội ra, đứng giữa dòng nước, hoặc trèo lên một hòn đá giữa suối để nghỉ và bắt đầu bắt vắt. Sau đó lại vắt chân lên cổ, chạy nhanh tới một con suối khác.

Hôm đó trong rừng dưới trời mưa xối xả. Chúng tôi đang tìm chỗ để triển khai cho khối Viện bộ. Bỗng thấy loạt soạt trong bụi cây phía trước mặt. Tôi chưa kịp hiểu việc gì thì đã thấy loé một ánh lửa, rồi một tiếng súng nổ. Một con thú giẫy giụa. Cậu cảnh vệ reo lên: "Được một con lợn rồi!". Nhưng tiu nghỉu ngay: "Ôi, con lợn lửng".

Chúng tôi xúm lại xem, một con lợn khoảng trên 20 kg, da màu vàng. Tôi chưa thấy bao giờ. Cậu cảnh vệ có vẻ thất vọng:

- Lợn lửng, không ăn được đâu thủ trưởng ạ!

- Sao không ăn được?

- Thịt nó hôi lắm. Đến đồng bào dân tộc cũng không thèm ăn. Họ bảo ăn vào, người sẽ hôi suốt đời! Vứt đi thôi!

- Vứt là thế nào - Tôi tiếc rẻ - Prôtít đấy. Khiêng về thôi.

Các cậu cảnh vệ ngại ngùng không muốn khiêng. Tôi liền chặt một cành cây rồi tôi và anh Tấn mỗi người một đầu khiêng lủng lẳng con lợn về nơi trú quân tạm trong rừng.

Anh em ở nhà reo mừng khi biết tin bắn được lợn. Nhưng khi nhìn thấy con lợn thì mấy anh tiu nghỉu trong khi mấy anh khác vẫn hào hứng: Sợ gì hôi! Lột da thì hết hôi ngay.

Cả đoàn tiền trạm vui vẻ nấu nấu, nướng nướng. Thịt lợn lửng quả có hôi thật, nhưng anh em nấu thêm với lá sả với gừng kiếm ở bờ suối. Cuối cùng cũng hết sạch.

Ngoài con lợn anh em còn săn được thêm sáu con vượn nên ăn uống cũng khá.

Đã tìm xong được địa điểm cho các khối Ngoại, Viện bộ, trường Quân y tương đối tốt, ở gần nhau. Riêng khối Nội cách hơi xa. Rừng tre nứa, dễ làm nhà, nhưng về mùa khô sẽ trống.

Tôi chỉ lo một điều là địa điểm quá xa các kho và nương. Vận chuyển lương thực, thực phẩm sẽ có nhiều khó khăn. Cách nơi ở cũ, cách nương rẫy bốn ngày đường, vừa đi vừa về. Nếu không giải quyết được khâu vận chuyển sẽ đói hoặc sẽ mất hết người vào việc vận chuyển...

Nhìn trên bản đồ con sông Đắc Mế chảy ngoằn ngoèo từ nơi ở cũ tới chỗ ở mới, cứ ám ảnh tôi. Ở Tây Nguyên, cho tới nay, chưa đơn vị nào khai phá, sử dụng con sông này vào công tác vận chuyển. Mấy tháng trước khi Bệnh viện di chuyển từ khu A vào khu B, ở đoạn trên của con sông, tôi đã đề xuất việc vận chuyển trên sông, nhưng công việc cũng chỉ dừng ở đấy. Chưa ai làm gì thêm.

Nhưng bây giờ, chúng tôi như bị dồn đến chân tường: nếu không dùng đường sông thì chỉ còn cách hoặc tăng biên chế đội vận tải lên một đại đội thay vì một trung đội như hiện nay, hoặc lại di chuyển ra chỗ nào gần hơn, xin thêm biên chế thì rõ ràng là không thực tế. Còn di chuyển Bệnh viện càng là biện pháp không thực tế hơn.

Ngày 10 tháng 10 năm 1970. Từ đầu tháng, hai khoa 34 và 22 ở Hạ Lào trở

về đã được điều ngay vào khu Đ (địa điểm mới) xây dựng. Sau đó bắt đầu nhận thương bệnh binh cho các khoa ngoài này rút vào và xây dựng tiếp. Chúng tôi dự kiến hoàn thành việc di chuyển toàn Viện trong tháng 11 năm 1970.

Sau chuyến đi nghiên cứu địa hình trở về, tôi bắt tay ngay vào việc nghiên cứu khả năng tổ chức vận chuyển đường sông. Bắt đầu bằng việc cho một tổ đánh cá 4 người, đi dọc theo dòng sông, đoạn từ nương tăng gia xuống khu Đ. Anh em lần mò mất một tuần, hôm qua trở về, cho biết một tin mừng. Dọc sông không có ghềnh thác, chỉ có rất nhiều cây đổ chặn ngang sông. Trên cơ sở những thông tin anh em cung cấp, tôi làm một đề án vận chuyển trên sông.

Nếu vận chuyển bộ như hiện nay, năng suất bình quân 30 kg/đầu người/ ngày. Năm ngày mới được một chuyến, sẽ cần một lượng vận tải ít nhất là 200 người.

Nhưng nếu vận chuyển bằng bè, khả năng mỗi bè chuyển được 5 tạ hàng. Mỗi ngày cần 4 bè, 8 người đẩy. Ba ngày đi được một chuyến bè (một ngày xuôi, hai ngày hai người đi bộ ngược về bến) thì chỉ cần lực lượng vận tải 40 người của Viện hiện nay là đủ, không cần phải xin thêm người.

Bản đề án dự kiến những khó khăn, thuận lợi và đề ra kế hoạch thực hiện cụ thể làm 4 bước:

- Bước 1: Điều tra (đã làm).

- Bước 2: Chuẩn bị cử một bộ phận mang theo thuốc nổ, cưa, đi mở đường, dọn các cây gỗ nằm ngang sông. Đào tạo lái bè, chuẩn bị bến bãi.

- Bước 3: Tổ chức đi thử, rút kinh nghiệm. Xây dựng nội quy vận chuyển trên sông. Nội quy bảo đảm an toàn cho người và hàng hoá. Bảo đảm bí mật.

- Bước 4: Tổ chức vận chuyển...

Cả bốn bước sẽ hoàn thành trong tháng 10. Đến cuối tháng sẽ bắt đầu việc vận chuyển trên sông.

Trước nhu cầu thực tế, không có cách nào khác, Đảng uỷ và thủ trưởng Viện nhanh chóng nhất trí với bản đề án và chúng tôi lập tức bắt tay vào việc thực hiện.

Công việc phá cây đổ ngang sông tuy có khó khăn, nhưng được phòng Hậu

cần cấp cho 40 kg mìn, kíp mìn, dây cháy chậm, nên đã hoàn thành và chiều 26 tháng 10 khởi hành đi chuyến đầu trên sông.

Chúng tôi ra bờ sông, mang theo một hòm sách, 6 tạ gạo, đi trên 5 bè. Nước chảy cuồn cuộn, cuốn bè đi nhanh, thỉnh thoảng có thác nước chảy tung toé. Chiếc bè do hai người lái, một đứng đằng mũi, một đứng cuối bè. Thực ra các lái bè chỉ dùng sào đẩy cho bè trôi đúng luồng. Nước sông ào ào kéo bè trôi. Chúng tôi ngồi trên bè rung đùi, thoải mái.

Con sông, thực ra chỉ là một con suối rộng chừng hơn chục mét, cây cối hai bên bờ rủ xuống, che kín bầu trời. Con sông như kẹp giữa hai vách núi cao, có cảm giác như ở dưới đáy của một công sự khổng lồ với hai dãy núi hai bên. Chúng tôi tương đối yên tâm vì tầm quan sát của máy bay địch từ trên cao bị hạn chế.

Bốn bè đi đầu an toàn. Chiếc bè đi cuối, do đồng chí Lai đẩy, qua cây gỗ đầu tiên bị ụp. Đồ đạc trên bè rơi hết xuống sông. Các bè đi trước phải neo lại cạnh bờ. Mọi người lội ngược lên giúp lật lại bè, vớt đồ đạc để lên bè đi tiếp.

Một giờ chiều, bốn chiếc bè đi đầu đã xuống đến bến an toàn. Như vậy quãng đường bình thường đi bộ phải mất hai ngày, nay đi bè chỉ mất 5 tiếng rất nhẹ nhàng.

Nhưng chờ mãi không thấy bè đồng chí Lai tới. Đi ngược theo bờ sông có nhiều khó khăn, rừng rậm rạp mà đường không có.

Mãi trưa hôm sau mới thấy anh Lai cùng với cậu lái phụ, ướt như chuột lột về báo tin: bè lại bị úp lần thứ hai vì vướng vào một cây gỗ nằm ngang, chặn một phần sông. Bốn bè đi trước vượt qua được, nhưng cậu Lai, một lái bè mới đào tạo, không có kinh nghiệm nên để bè vướng vào và bị lật. Một bì gạo chìm dưới nước, mất một ngày. Hai cậu lái chính và phụ bị nhịn đói ba bữa vì bật lửa bị ướt.

Chuyến đi bè đầu tiên cho chúng tôi thêm kinh nghiệm về tổ chức hành quân trên sông, đóng gói hàng hoá, dọn luồng lạch, đóng bè, đào tạo lái bè. Rõ ràng khả năng dùng đường sông để vận chuyển là hiện thực. Tuy nhiên, thất bại bước đầu cũng làm cho một số anh lo ngại. Có anh nói đùa với tôi: "Có lẽ ta phải mở một xưởng làm bún trên bờ sông thôi anh à!".

Ý anh nói đến tạ gạo rơi xuống sông, bị ngâm nước chua chỉ có thể dùng làm bún.

Anh Định, Chủ nhiệm Hậu cần xưa nay vẫn ngại mọi sự đổi mới, khi đi

về, anh em hỏi ý kiến, anh lắc đầu: "Tớ mới chỉ khoái có một nửa thôi".

Nghe anh em kể lại, tôi cười: chỉ có vợ ông ấy mới làm cho ông ấy khoái hoàn toàn, mình làm cho ông ấy khoái một nửa là đạt yêu cầu rồi!".

Trong Hội nghị Thường vụ Đảng uỷ, anh Định gay gắt hơn: "Số gạo bị mất đủ cho một đại đội ăn trong bốn tháng!".

Anh muốn so sánh tạ gạo rơi xuống sông và tiêu chuẩn ăn của bộ đội lúc này là 250g một ngày, một người.

Tuy nhiên anh Mẫn, bí thư Đảng uỷ Viện mới và tập thể Thường vụ rất ủng hộ việc vận chuyển đường sông, nên chúng tôi vẫn tiếp tục.

Trong bước đầu, để đào tạo lái bè, chúng tôi quy định tránh không vận chuyển những thứ có thể bị hư hỏng khi rơi xuống nước. Không vận chuyển gạo, muối v.v... Có thể vận chuyển chăn màn, quần áo, bàn ghế. Phải buộc chặt vào bè để nếu bè bị lật cũng không bị mất. Cần lựa chọn các đồng chí dũng cảm, bình tĩnh để đào tạo lái bè. Có trang bị bảo quản hàng. Xin làm một số bao ni lông để đóng gói gạo khi vận chuyển.

Để giữ bí mật việc vận chuyển trên sông, cần cất giấu bè sau khi tới bến. Không thể nghĩ đến việc chở bè ngược để dùng lần thứ hai vì sẽ quá tốn công. Vả lại rừng tre nứa bạt ngàn trên thượng nguồn là nguồn nguyên liệu vô tận cho chúng tôi làm bè. Tuy nhiên cũng không thể để bè trôi lênh đênh theo dòng nước sau khi sử dụng. Tôi chỉ trên bản đồ, giải thích cho anh em, sông Đắc Mế chảy ra sông Pô Cô rồi đổ vào sông Mê Kông. Nếu không cất giấu bè sau khi vận chuyển, thì chỉ sau vài ngày bè sẽ trôi về Phnôm Pênh, rồi về sông Tiền, sông Hậu. Trong thời gian đầu, chúng tôi quy định: Khi tới bến phải phá bè, kéo các cây lồ ô làm bè lên bờ. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, đống lồ ô trên bờ đã cao như núi. Việc phá dỡ cũng mất khá nhiều công. Về sau, anh em lái bè đề nghị một cách cất giấu khác là "chôn bè" xuống đáy sông. Sau khi tới bến, đưa hàng lên bờ, anh em đẩy bè xuống một quãng sông sâu phía dưới rồi dùng dao quắm, bập vào các mắt cây lồ ô để nước tràn đầy vào các dóng cây: bè sẽ chìm xuống đáy sông. Cách làm này nhanh và đỡ tốn công hơn cách kéo bè lên bờ. Anh em đã dùng cách chôn bè như vậy trong suốt các năm sau và đã giữ được bí mật cho công việc vận chuyển đường sông, cho tới khi Bệnh viện hoàn thành nhiệm vụ ở khu vực này và di chuyển đi nơi khác.

Vụ gặt bắt đầu từ 25 tháng 9 tới nay đã kết thúc. Tuy việc đưa liềm vào sản xuất không thành công, nhưng việc làm lò sấy thóc có kết quả tốt. Trời vẫn mưa rả rích, các lò sấy thóc phát huy tác dụng tốt. Năng suất suốt lúa được 70-80 kg thóc một công. Đột xuất nữ đồng chí Ba suốt được 130-140 kg

thóc một ngày. Một hecta lúa được từ một tấn rưỡi đến hai tấn thóc. Toàn Viện có khả năng đạt 100 tấn thóc, tự túc hoàn toàn lương thực cho nhân viên toàn Viện trong một năm theo tiêu chuẩn hiện nay của B3 (250g gạo/ ngày cộng với hai kilô sắn). Viện tổ chức một bữa liên hoan mừng vụ mùa thắng lợi.

Ngày 29 tháng 11 năm 1970. Từ ngày 17 tháng 11, chuyển toàn Viện vào khu Đ. Tôi vào cùng với anh Mẫn, Chính uỷ. Ra tới nương, chuẩn bị bè để đi.

Đoàn bè ba chiếc lên đường. Tôi đi bè đầu, anh Mẫn đi bè cuối. Trước khi lên bè, tôi hỏi anh Mẫn có biết bơi không? Anh lắc đầu. Tôi dặn cậu lái bè phải chú ý tới anh.

Sắp lên bè, anh Tiên, cán bộ của C3 xin "quá giang". Anh em nể nang nên cũng nhận cho đi. Bè chở nặng, chìm khá sâu. Nước chảy mạnh đẩy bè đi khá nhanh. Mọi người vui vẻ, ngồi xổm trên bè, nhìn cây cối hai bên bờ lui vun vút về phía sau. Mới đi được nửa giờ gặp một cây gỗ mới chặt được một nửa, còn một nửa thò ra giữa sông. Chiếc bè chạm vào cây gỗ, từ từ xoay ngang, rồi lật nghiêng, như một chiếc sa đánh cá của đồng bào, hất mọi người trên bè cùng với đồ đạc xuống nước... Nước sông chảy cuồn cuộn, đẩy chiếc bè ép chặt vào cây gỗ, các thanh nứa làm bè rung lên bần bật.

Mọi người lóp ngóp trèo lên cây gỗ. Đồ đạc mang theo, ba lô quần áo, sách vở, mặc dầu gói trong ni lông vẫn bị ướt sạch. Tai hại hơn là khẩu súng ngắn của tôi, mọi ngày vẫn đeo ở dây lưng, nhưng xuống bè tôi tháo ra, cho thoải mái. Tiện tay, bỏ luôn vào chiếc gùi để trên bè, cùng với dao đục, dụng cụ làm nhà. Tất cả, rơi tuốt xuống sông. Mò tìm mãi không thấy.

Trong khi lúi húi vớt đồ đạc thì chiếc thứ hai lao vù vù tới. Vẫy tay, hét rối rít để báo cho anh em biết bè đi trước gặp nạn. Lái bè luống cuống, đẩy bè vào bờ, nhưng cái bè đã xoay ngang úp sấp, lật hai anh lái bè xuống nước, nhưng không hiểu sao bè lại lật ngửa lên được.

Chiếc bè thứ ba vun vút lao tới. Giống như hai bè đầu, chiếc bè xoay ngang rồi lật nghiêng, các bao tải trên bè rơi xuống sông, trôi lềnh bềnh. Tôi hét to: "Cứu lấy anh Mẫn, cứu lấy anh Mẫn". Cả ba người trên bè rơi tõm xuống sông. May khúc sông này cạn nên anh Mẫn lóp ngóp đứng dậy được.

Mọi người lên bờ nhưng ướt mất một bao xà phòng, một bao mắm kem, hai con gà bị chết đuối. Tai hại nhất vẫn là mất khẩu súng ngắn, chúng tôi lặn ngụp suốt buổi chiều hôm đó ở nơi bè bị úp mà không tìm lại được.

Chúng tôi chốt lại trên bờ. Luộc con gà chết đuối để ăn cơm. Định tiếp tục đóng bè khác để xuôi, nhưng đồng chí trợ lý bảo vệ đi cùng kiên quyết can, nên thôi. Xuyên rừng ra đường mới mở, gặp anh em khoa 33 cũng đang hành quân vào, sát nhập cùng với anh em hành quân bộ vào địa điểm mới.

Mấy hôm nay lại bắt đầu công việc xây dựng. Muỗi, vắt, ve nhiều vô kể. Cả người, chân tay mẩn đỏ, ngứa ngáy. Đêm vẫn mưa. Cuối tháng 11 rồi mà vẫn mưa rả rích. Ở đây rừng gỗ, hiếm tre nứa. Đến hôm nay đã làm xong nền nhà và khung nhà.

Mấy hôm nay họp Chủ nhiệm khoa bàn về biên chế. Biên chế Bệnh viện bị rút gần 50 nhân viên, còn lại 340 người. Bộ phận nào cũng kêu thiếu người.

Từ 20 tháng 11 chúng nó đánh lại miền Bắc để trả đũa việc ta bắn rơi một máy bay trinh sát và để cứu một tên giặc lái, nhưng bị bắn rơi thêm 6 máy bay nữa. Chiến trường Campuchia đánh mạnh ở đường số 4, Phnôm Pênh bị cô lập.

Ngày 3 tháng 1 năm 1971. Tôi đưa anh Vĩnh, Chủ nhiệm Hậu cần mặt trận và các anh Luận, Tụ, cán bộ của Ban Quân y, anh Trứ, phái viên của Tổng cục Hậu cần mới vào chiến trường cùng xuống thăm bệnh viện.

Chúng tôi đi theo một con đường mới mở rất kín đáo trong rừng. Tiếng máy bay trinh sát L19 rì rầm trên cao. Tưởng chúng nó vẫn rình mò như thường lệ. Bỗng máy bay rú xuống thấp. Một tiếng nổ của pháo hiệu phía trước. Sau đó hai phản lực liên tiếp thả hơn chục quả bom. Khói mù mịt. Cành cây gẫy răng rắc trên đầu. Tôi phải nằm nép sau một gốc cây to rồi chạy xuống nấp cạnh bờ một con suối cạn. Bom nổ phía trước độ một trăm mét. Chỉ cần đi nhanh một chút thì cả đoàn bị đánh trúng. Không biết lý do lại sao? Chúng nó đánh hú hoạ hay có thám báo, hay có "cây nhiệt đới" quanh đây?

Gần đây chúng nó hay thả trong rừng những "cây nhiệt đới", là những máy thu phát tự động, trông giống như một cành cây, có mấy ăng ten kim loại, sơn màu xanh xoè ra như những chiếc lá. Từ trên máy bay, chúng thả "cây nhiệt đới" xuống, lẫn trong các bụi cây rất khó phát hiện. "Cây nhiệt đới" có nhiệm vụ ghi âm các tiếng động ở gần để truyền về trung tâm. Chủ yếu chỉ để theo dõi hoạt động của các xe cơ giới đi trên đường.

Đêm hôm đó chúng tôi ngủ lại trên bờ sông. Trời lạnh, hai giờ sáng mọi người đã dậy đốt lửa sưởi, nói chuyện rì rầm.

Các anh xuống làm việc với Chỉ huy Viện rồi họp với Chủ nhiệm khoa, với phụ nữ toàn Viện. Anh chị em phát biểu ý kiến với tinh thần cởi mở và thoải mái.

Anh Trứ kể một số tình hình mới ở hậu phương, cho biết Tổng quân uỷ có nghị quyết luân phiên cán bộ đi chiến trường.

Trong buổi họp với Thường vụ và Thủ trưởng Viện, anh Vĩnh phổ biến kế hoạch X sắp tới. Chủ trương mở một chiến dịch lớn, tập trung toàn bộ lực lượng của chiến trường. Bệnh viện sẽ phải tổ chức một Phân viện gồm ba khoa, hai khoa Ngoại, một khoa Nội đi phục vụ.

Công việc đang nhiều và khẩn trương. Trong tháng Giêng, các khoa vừa phải hoàn thành việc xây dựng vừa phải cử lực lượng để phát 165 héc ta nương. Biên chế mới, khoa nào cũng kêu thiếu người. Tháng 2, sau Tết phải cử đoàn đi tiền trạm cho kế hoạch X.

Ngày 15 tháng 1 năm 1971. Thư Hương viết ngày 18 tháng 9 năm 1970. Thư viết:

"Còn anh, không nên chủ quan về sức khoẻ. Nhất là mắt. Khi ở ngoài này, anh chỉ làm việc có 6 giờ, lại miễn cả trực Viện vì đau mắt. Bây giờ năm năm trời làm việc như vậy hỏi mắt còn tốt sao được? Em lo rằng anh không chịu chạy chữa. Cố gắng làm được việt lúc này đến khi mờ mắt thì chả còn làm được việc gì nữa đâu!

Có những lúc em buồn quá, không thiết gì đến cuộc sống chung quanh, kể cả vẽ là công việc em ưa thích nhất. Bè bạn cũng khuyên bảo, giúp đỡ nhiều.

Em cũng chả thấy cách nào khác là làm việc và làm việc.

Cả một năm qua, mong đợi anh ra. Tiêu chuẩn hàng Tết, em dành cả lại: mực, bóng, miến v.v… để mốc hết cả! Em cũng biết là tình hình công tác anh không ra được. Mà tìm được người vào thay thì khó quá.: Các thứ bệnh dạ dày, thấp khớp, tim, phổi nhiều người mắc lắm nên khó mà đi nổi. Mặt khác, sống yên ổn với vợ thì vẫn hay hơn".

Ngày 28 tháng 1 năm 1971. Hôm nay đã là mồng Hai Tết Tân Hợi. Lại thêm một tết nữa, tết thứ năm ở chiến trường.

Tết năm nay đông đủ, vui vẻ. Nhân viên đi phát nương tập trung đã về hết. Hơn hai chục bè, thành đoàn đi rầm rập trên sông. Anh em bây giờ đã có kinh nghiệm. Bè mảng đi an toàn, năng suất khá. Mỗi chuyến bè chở được 6-7 tạ hàng. Một cô y tá người Bình Định, vui vẻ kể: "Em chưa ra Hà Nội lần nào, chưa được thấy các bến sông ra sao. Nhưng bến của Viện mình thì tấp nập, đông vui quá". Tôi nghe mà giật mình. Không biết anh em ngoài đó

làm ăn ra sao. Lộ thì chết hết.

Tết cho thương bệnh binh được một cân thịt một đầu người. Nhân viên cũng có thịt trâu, thịt lợn đầy đủ.

Chiều Ba mươi, tôi và anh Toản, Phó chính uỷ, đi chúc Tết Đội sản xuất dân tộc, trường Quân y. Sẩm tối, từ trường Quân y về nhà, leo qua một quả đồi cao, bị lạc đường, chúng tôi đã tưởng đón Giao thừa trên đỉnh núi, nhưng may lại về được. Thăm khoa Dược, Hậu cần. Sang ban Hành chính chơi trò hái hoa dân chủ, rồi sang khoa 22 dự mít tinh, đọc thư Bộ Tư lệnh mặt trận chúc Tết. Đón Giao thừa với anh chị em phòng mổ.

Mồng Một Tết thăm thương bệnh binh và nhân viên khối Ngoại, ăn trưa ở khoa 33. Chiều trèo qua một quả đồi, đi theo giông đồi, qua khe suối bên kia thăm anh em thương bệnh binh và nhân viên khối Nội. Chiều ăn cơm với anh Cần ở khoa 27. Tối về nhà họp Chỉ huy Viện bàn về công tác tới.

Sáng mồng Hai, họp Chủ nhiệm khoa bàn việc tổ chức tiền trạm và thành lập Phân viện đi phía trước. Trước mắt phải tổ chức một đội phẫu đi cùng bộ phận tiền trạm. Trong chỉ huy, tôi được phân công đi với bộ phận tiền trạm.

Công việc tăng gia đang căng. Mới phát được 46 hecta, như vậy mới được 1/4 diện tích phải phát. Trường Quân y bị một tai nạn trong khi phát rẫy: Cây đổ đập vào đầu cậu Mai, y tá, một thanh niên trẻ, đẹp trai, nhanh nhẹn, săn bắn giỏi, bị chấn thương sọ não, chảy máu ngoài màng cứng đã mổ, hiện còn liệt một tay.

Ngày mai, hết Tết, phải cử 50 người đi lấy muối và thực phẩm ở kho. Số còn lại tất cả lại ra nương phát tiếp. Cũng may, thương bệnh binh dạo này ít. Toàn Viện chỉ có 250 thương bệnh binh điều trị, nên có thể tập trung việc điều trị vào 2 khoa. Còn lại tập trung đi phát nương.

Ngày 5 tháng 2 năm 1971. Trong lúc công việc đang bê bối thì chúng tôi nhận được chỉ thị của đồng chí Ph. Tham mưu trưởng mặt trận B3: Viện phải dừng ngay việc vận chuyển bằng bè trên sông vì sợ sẽ làm lộ hậu cứ của B3.

Đúng là khó khăn dồn dập tới. Mấy tháng nay, việc vận chuyển bằng bè đã trôi chảy và đã đỡ biết bao nhân lực cho Bệnh viện. Đọc xong bản chỉ thị, tôi và anh Mẫn, Chính uỷ, nhìn nhau lo lắng. Lệnh của trên không thể lơ mơ. Đặc biệt đây là lệnh của anh Ph. Anh nổi tiếng cả chiến trường Tây Nguyên về sự nghiêm khắc, chặt chẽ có khi đến cứng nhắc... Nhưng anh đã ra lệnh thì không thể lơ mơ.

Tôi liền viết ngay thư trả lời, hứa sẽ dừng ngay việc vận chuyển bằng bè theo lệnh của trên, nhưng kèm theo những con số tính toán, nêu lên số thương binh hiện đang điều trị trong Viện, số nhân viên, nhu cầu vận chuyển gạo, sắn hàng ngày, để đi đến kết luận: Xin tăng biên chế đội vận tải của Viện từ 40 người hiện nay lên 150 người. Nếu không lập tức thương bệnh binh và nhân viên sẽ đói ngay!

Tuy gửi thư, nhưng tôi vẫn không yên tâm. Tôi quyết định phải trực tiếp lên Phòng Tham mưu mặt trận để trình bày cho rõ. Đồng thời để cầu cứu, xin được lĩnh lương thực, thực phẩm ở kho gần hơn.

Lên tới Phòng Tham mưu, tôi trình bày rõ ràng với đồng chí Tham mưu trưởng việc vận chuyển trên sông, tình hình tổ chức, năng suất, các biện pháp bảo đảm an toàn... Điều thuyết phục nhất có lẽ là những con số tính toán lượng hàng phải vận chuyển hàng ngày và biện pháp giải quyết trong tình huống thôi vận chuyển đường sông: hoặc phải tăng biên chế đại đội vận tải của Viện hoặc phải di chuyển Bệnh viện đến gần kho và nương sắn...

Cuối cùng đồng chí Ph. đồng ý cho tạm hoãn thi hành lệnh ngừng vận chuyển đường sông và căn dặn viện phải kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành các quy định bảo mật, không được để cho địch phát hiện. Chúng tôi thật mừng. Việc vận chuyển bằng bè được tiếp tục tiến hành an toàn trong gần hai năm cho tới khi Bệnh viện rời khu D chuyển đi nơi khác nhận nhiệm vụ mới.

Ngày 13 tháng 2 năm 1971. Đoàn tiền trạm theo kế hoạch X lên đường vào ngày 3 tháng 2 (mồng Ba Tết). Đoàn có hai bộ phận: đội phẫu thuật gồm toàn bộ số nhân viên khoa 33. Bác sĩ Hưởng phụ trách và bộ phận tiền trạm có các trợ lý hành chính, hậu cần, Y vụ, một tổ cảnh vệ, một tổ trồng rau, tất cả 26 người (15 người đội phẫu và 11 người tiền trạm).

Chúng tôi không ai biết chiến dịch sẽ mở ở đâu. Chỉ biết địa điểm tập kết là Trạm 73, tức là trở ra phía Bắc, ra khỏi địa phận Tây Nguyên, sang những trạm cuối của Đường dây 559, thuộc khu vực Hạ Lào. Không nói ra nhưng chúng tôi không khỏi băn khoăn: đây là vùng đại hậu phương an toàn của ta. Làm gì có địch ở đây, ra đây để đánh nhau với ai?

Qua bản 60 nhà, qua khu vực khoa 27 cũ rồi bắt vào đường giao liên, theo các trạm giao liên đi ngược ra phía Bắc. Phải tuyệt đối giữ bí mật nhiệm vụ nên gặp ai hỏi, thống nhất là chỉ trả lời: Đi công tác! Nếu có ai tò mò hỏi gặng thì nói đùa: Ra A!

Sau 6 ngày đi vất vả, ra tới Trạm 75, trạm cuối của Đường dây 559, thuộc địa phận tỉnh Atôpơ, Hạ Lào.

Ở đây, khí hậu khá khắc nghiệt khác hẳn vùng Binh trạm Bắc, nơi chúng tôi ở, sáng sớm lạnh, phải mặc áo len, khoác thêm áo blu dông. Đi một lúc người nóng dần, cởi áo blu dông, rồi áo len. Đến trưa cởi nốt áo sơ mi, mặc áo may ô. Giá không có phụ nữ thì có thể cởi nốt quần dài, mặc độc một cái quần đùi đi cho mát. Đến chiều lại mặc dần áo sơ mi, rồi áo len. Đêm thì rét run cầm cập, nằm trong võng, mặc tất cả quần áo vào người, đắp chăn dù, phía ngoài đắp thêm màn nhưng vẫn rét, chỉ ngủ được tới ba giờ sáng là mọi người mò dậy, đốt lửa sưởi. Thật là đủ bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông trong một ngày.

Trên đường đi, tôi nghe đài, có tin: từ ngày 6 tháng 2 địch mở một cuộc tấn công lớn, huy động hơn ba vạn quân theo trục đường số 9, từ Quảng Trị đánh ra Nam Lào.

Tới địa điểm tập kết, tôi cho anh em nghỉ tại Trạm 75. Một liên lạc của Mặt trận đưa tôi vào làm việc với Chỉ huy sở tiền phương để nhận nhiệm vụ. Bộ chỉ huy mặt trận Tây Nguyên cũng đã ra đây từ vài hôm trước. Các anh cho biết kế hoạch X đã thay đổi.

Thì ra, theo phán đoán của ta, thực hiện chủ trương của Oétmorơlen, "Chọc thủng dạ dày và chẹn cổ họng Việt cộng", trong mùa khô 1971 chúng sẽ tấn công ra cắt đường vận chuyển chiến lược từ Bắc vào Nam. Hai khu vực phán đoán chúng nó có thể đánh ra là theo trục đường số 9, từ Quảng Trị qua Bản Đông Xê Pôn sang Nam Lào hoặc theo trục đường số 10 từ Đắc Tô sang Ngã ba Biên giới.

Chính vì vậy mà trong mùa khô này bộ đội Tây Nguyên không đi về hướng Đông như mọi năm, mà lại ngược ra hướng Tây, để chờ đánh địch trong tình huống thứ hai, chúng đánh ra khu vực Ngã ba Biên giới.

Bệnh viện chúng tôi cũng hành quân theo.

Nhưng nay, chúng đã đánh ra đường 9 thì khả năng đánh ra đường 10 không còn nữa. Chúng tôi lại dắt nhau quay trở về tiếp tục việc phát nương tăng gia.

Ngày 14 tháng 2 năm 1971. Một đoàn 4 bác sĩ Trung Quốc vào thăm chiến trường, có bác sĩ Phong, Chủ nhiệm khoa của Học Viện Quân y cùng đi.

Theo chỉ thị của B3, đoàn sẽ làm việc trong một tháng để nghiên cứu tác dụng của hai loại thuốc sốt rét mới có lên là Phòng 2 và Phòng 3, đồng thời

nghe kinh nghiệm về quân y ở chiến trường.

Từ ngày chúng tôi vào chiến trường, hầu như cứ một, hai năm, lại có một đoàn cán bộ Trung Quốc vào Tây Nguyên trong một, hai tháng, khảo sát tình hình của chiến trường.

Các bác sĩ Trung Quốc đều trẻ, khoẻ, rất nhiệt tình, luôn luôn nói rất khiêm tốn: "Chúng tôi sang học tập các đồng chí...". Trong khi trao đổi, các bạn khen chúng tôi: "Bệnh viện của đồng chí là một Bệnh viện lớn!".

Tôi cười, trả lời thẳng thắn: "Vâng, về mặt diện tích, thì Bệnh viện chúng tôi đúng là lớn, có lẽ lớn nhất thế giới. Tôi phải mất một tuần lễ mới có thể đi thăm hết các khoa trong Viện".

Do đã có kinh nghiệm bỏ lỡ việc tiếp thu thuốc DDS ở đoàn chuyên gia Trung Quốc vào thăm chiến trường năm 1967, nên lần này chúng tôi tổ chức nghiên cứu các loại thuốc của bạn đưa vào thật chu đáo.

Ngoài thuốc sốt rét, các bạn Trung Quốc còn giới thiệu cho chúng tôi kỹ thuật "mai chỉ". Một cải tiến của phương pháp châm cứu, dùng một sợi chỉ mổ khâu vào huyệt châm cứu, để chữa một số bệnh như loét dạ dày, tá tràng, hen, v.v... Trên nguyên tắc, chúng tôi thấy kỹ thuật này không có hại gì, nên cho làm thử. Anh Phong, bác sĩ đi cùng với đoàn, bị loét dạ dày từ nhiều năm xung phong nhận được là bệnh nhân "mai chỉ" đầu tiên.

Việc tăng gia vẫn là mối lo lắng thường xuyên của chúng tôi. Do địch đánh ra đường 9, khả năng tiếp tế từ miền Bắc vào có thể sẽ khó khăn nên chỉ tiêu phát rẫy tăng thêm 15 hecta, tổng cộng, toàn Viện gần hai trăm hecta để sản xuất 75 tấn thóc, và 45 vạn gốc sắn. Vì vậy, đáng lẽ có thể rút quân vào ngày 5 tháng 3 thì phải kéo dài tới 15 tháng 3 mới rút được.

Ngày 15 tháng 3 năm 1971. Lại mới xảy ra tai nạn lao động trên nương khoa 33. Lúc này, nương đã phát gần xong, chỉ còn một cây to trơ trụi. Anh chị em đã rút đi hướng khác, chỉ để lại một tổ chặt nốt, đề phòng cây đổ gây tai nạn. Đồng chí Đua chặt ở gốc cây, đã dọn sạch một đường để tránh. Dự định cho cây đổ xuôi xuống sườn dốc. Bất ngờ một cơn gió cuốn mạnh qua khe núi, hất cây đổ ngược lên phía đỉnh đồi. Tai nạn xảy ra quá nhanh, hai người không chạy kịp bị cây đè; Đua chết ngay tại chỗ, còn cô Duyên, y tá bị thương nặng, gẫy xương đùi phải, sai khớp háng trái, sai khớp cổ chân trái. Thật vô cùng đau xót. Khi phát nương gỗ là thời gian nguy hiểm nhất thì không việc gì. Đến lúc gần hết vụ phát nương lại xảy ra tai nạn. Duyên được đưa về Viện điều trị, và tổ chức mai táng cho Đua. Đã cứu được Duyên thoát sốc, nhưng phải xuyên đinh kéo liên tục đùi bên phải trong khi nửa người bên trái thì bị bó trong bột cứng.

Đường 9 chiến thắng lớn. Địch đã nhảy vào một cái bẫy lớn giương sẵn. Đến nay, chúng đã bị tiêu diệt gọn một lữ đoàn, ta bắt được cả bộ Tư lệnh gồm một đại tá, một trung tá, nhiều sĩ quan, hơn 400 tù binh. Hôm nay chúng nó đang chuẩn bị rút khỏi Nam Lào.

Mấy hôm nay, Đài Tiếng nói Việt Nam liên tục đưa tin chiến thắng và rộn ràng bài hát: "Từ Đông Hà ra Bản Đông, Đường số 9 lẫy lừng chiến công...".

Ngày 6 tháng 4 năm 1971. Bắt đầu giai đoạn giao thời mùa khô, đầu mùa mưa. Đầu tháng 4 bắt đầu đốt rẫy.

Từ một ngọn đồi cao, nhìn về khu rẫy đốt, quang cảnh thật đáng sợ. Hơn hai trăm hecta nương cháy như một biển lửa. Khói bốc lên mù mịt che khuất hẳn ánh nắng mặt trời. Từ xa hàng chục cây số, giữa trưa mà mặt trời bỗng trở thành đỏ quạch. Nhìn những khu rừng xanh tươi bị chính bàn tay mình tàn phá, thật đau lòng. Nhưng làm thế nào được, có như vậy bộ đội mới trụ bám được ở Tây Nguyên... Bộ đội đốt rẫy, cháy lan sang rẫy của dân, dân đốt rẫy cháy lan sang rẫy của bộ đội... Chúng tôi bị cháy mất một kho thóc ba tấn do tàn lửa rơi vào kho cách nơi đốt rẫy hàng cây số!

Sau kế hoạch X, đón lõng quân địch nhảy ra Ngã ba Biên giới trở về, bộ đội Tây Nguyên mở chiến dịch chung quanh cao điểm Ngọc Rinh Rua. Các đội điều trị đã triển khai ở phía trước tiếp nhận thương bệnh binh. Từ ngày 2 tháng 4 khoa 32 đã được lệnh ra thay chân cho Đội điều trị 3 để đội điều trị tiến ra phía trước. Trong khi đó thì công tác vận chuyển có nhiều khó khăn. Kho ở xa. Phải mất rất nhiều công mới nhận được hàng. Gạo lấy ở T6, đi về mất bốn ngày, đỗ xanh nhận ở kho T7, muối ở B7, thịt hộp ở H10, đi về mất 15 ngày. Viện phải trả lời Quân nhu rằng chịu không có lực lượng đi lĩnh.

Ngày 12 tháng 4 năm 1971. Mỗi lần lên Phòng, tức là lên Chỉ huy sở Mặt trận phải đi về hướng Đông, qua Q9, vượt những dẫy núi cao, theo đường thồ đi về hướng Nam, tới trạm liên lạc của Mặt trận. Sau đó theo liên lạc của Mặt trận lại leo một dẫy núi cao đi về hướng Tây, mất một ngày đường, mới vào tới chỉ huy sở. Tất cả mất hai ngày, để đi một đường vòng chữ U.

Nhiều lần ngắm nghía trên bản đồ, tuy không biết chính xác chỗ ở của cơ quan mặt trận, nhưng vì đã đi lại nhiều lần, tôi cũng ang áng biết nơi cơ quan đóng. Tôi tin chắc cơ quan mặt trận chỉ cách chỗ chúng tôi khoảng 4-5 giờ đi bộ.

Vì tình hình gấp, nên lần này tôi quyết định đi tắt xuyên sơn cho nhanh. Sáng hôm đó tôi rời đơn vị cùng với cậu Sinh, cần vụ, từ Bệnh viện tới bờ sông mất khoảng hai giờ, không có gì trở ngại, do chúng tôi thường xuyên có tổ đánh cá ở bờ sông, chuyên đánh cá mang về cho bệnh viện.

Qua sông là gần tới khu vực cơ quan mặt trận ở. Quy định về bảo vệ không cho phép đưa cần vụ, liên lạc vào cơ quan chỉ huy mặt trận: nên ra tới bờ sông, tôi để cậu Sinh ở lại với tổ đánh cá. Dặn chờ tôi đến trưa hôm sau, nếu không thấy tôi ra tức là tôi đã đến nơi. Lúc trở về, sẽ xin liên lạc của Phòng.

Từ bờ sông, tôi bắt đầu đi một mình trong rừng. Lưng đeo ba lô, khẩu súng ngắn và một bao gạo nhỏ đeo ở thắt lưng, một tay cầm dao găm một tay cầm địa bàn, dự kiến chỉ đi khoảng 3 giờ là tới.

Đúng như dự đoán, đường bên này sông thật bằng phẳng. Tôi đi theo những con đường mòn trong rừng, thỉnh thoảng lại dùng dao bập một nhát vào thân cây cạnh đường để làm dấu, đề phòng bị lạc sẽ theo vết dao để tìm đường về. Nhưng thật không đơn giản, đường rừng cứ quanh co hun hút. Rời bờ sông lúc 10 giờ sáng, tôi đi không nghỉ tới 5 giờ chiều mới tới được một khu vực doanh trại, mấy dãy lán cũ, mái đã xiêu vẹo, vài khẩu hiệu còn dính lại trên trách. Khu rừng vắng ngắt không một bóng người. Tôi mang theo một ngày gạo đề phòng lạc, nhưng buổi sáng đã nấu cơm một bữa, chỉ còn bữa chiều. Thực phẩm không mang theo vì đinh ninh sẽ tới được Phòng.

Tôi bắt đầu cảm thấy lo sợ. Từ ngày vào Tây Nguyên, đây là lần đầu tiên tôi một mình trong rừng. Trời đã sắp tối, đi nữa không chắc đã tìm được cơ quan. Càng đi, càng xa anh em đang chờ tôi trên bờ sông.

Tôi quyết định quay lại. Nhưng rừng rậm mênh mông, đường mòn chằng chịt. Tìm vết dao làm dấu trên thân cây thì mới biết là có rất nhiều vết dao, có thể của anh em đi săn. Không biết vết nào là của tôi, vết nào là của những người khác đã đi qua khu rừng này.

Trời sập tối. Không còn có thể đi nữa, tôi đành chốt lại bên một dòng suối nhỏ. Chọn hai gốc cây, treo tăng, võng. Còn nắm gạo, không dám ăn hết, sợ không biết ngày mai đã về được đơn vị hay chưa. Cắm mấy cành cây lên mặt đất để treo chiếc hăng gô, đốt lửa, đun nước uống và nấu cháo ăn.

Sau đó xuống suối rửa mặt, chân tay. Khi quay lên thì thấy lửa cháy bừng bừng. Chút lửa nhỏ tôi nhóm để đun nước uống và nấu cháo, đã bén vào các cây nứa khô bên cạnh cháy bừng bừng thành một đám lửa to.

Vừa sợ máy bay trinh sát lúc nào cũng rình mò trên trời phát hiện, bắn rốc két, vừa sợ nếu để cháy lan rộng có thể làm lộ cả khu chỉ huy sở mặt trận. Tôi phải vất vả lắm mới dập được đám cháy, nhưng khi tìm không thấy con dao găm ở đâu, không biết trong khi vội vàng dập lửa, tôi để văng nó đi đâu.

Đêm hôm đó, tôi ngủ một giấc ngủ phập phồng đầy lo sợ. Trong cảm giác cô đơn, giữa những tiếng xào xạc của rừng cây, tiếng hú của đàn vượn, tiếng bước chân đi lại của thú rừng. Nghĩ lại những trường hợp lạc rừng của bộ đội: có người lạc rừng đến chết không tìm được đường về.

Sáng hôm sau, thu tăng võng xếp vào ba lô, tìm lại một lần nữa thấy được con dao găm, bị rơi trong đám cháy đêm hôm trước, cán gỗ đã bị cháy, chỉ còn chiếc lưỡi dao. Sau đó lại tiếp tục xuyên rừng tìm đường ra bờ sông với hy vọng anh em trong đơn vị đương chờ.

Đói, khát, mệt. Đã hai bữa nhịn ăn. Những cây rừng bạt ngàn mênh mông như đe doạ. Những con đường mòn của thú rừng chằng chịt, không biết đâu là con đường đúng cần đi. Chỗ dựa duy nhất của tôi là chiếc địa bàn. Tôi cứ thẳng hướng Tây mà đi với hy vọng con sông chảy dọc từ Bắc xuống Nam, cắt đúng hướng Tây thế nào cũng chạm con sông.

Hết rừng nứa bái ngát, sang rừng gỗ. Đến một chân núi. Tôi ngần ngại: con đường hôm nay bằng phẳng làm gì có núi như thế này?

Nhưng không còn cách nào khác. Phải cứ hướng Tây mà đi... Leo qua ngọn núi rồi tụt xuống khe núi. Khát khô cổ. Bỏ cả các quy tắc vệ sinh, gặp con suối nào cũng dừng lại uống nước ừng ực mà không hết khát... Lạc vào một rừng giang, những thân giang to bằng cổ tay, chằng chịt đan vào nhau thành một tấm lưới khổng lồ, không còn đường đi, khi thì trèo, khi thì chui để thoát qua rừng giang.

Leo tới một đỉnh núi khác, nghe thấy tiếng nước chảy ào ào phía dưới đã mừng vì tới bờ sông là gặp anh em liên lạc đang chờ, như đã hẹn hôm trước. Tay cầm con dao, đã cháy mất cán, cứ hướng Tây mà đi, phát những bụi gai chặn đường, chân tay rớm máu. Nhưng rồi tiếng nước chảy bỗng tắt. Tôi vội vã đi liên tục không nghỉ, vì còn thêm nỗi lo đã hẹn anh em chỉ chờ tới trưa nay. Nếu ra chậm anh em có thể rút về mất thì dù có ra tới bờ sông cũng còn rất khó khăn mới tìm được đường về tới nhà.

Lại liên tiếp một ngọn núi nữa. Nhớ tới quy ước với anh em, lúc chia tay. Nếu lạc thì bắn súng làm hiệu để anh em đi tìm. Tôi liền rút súng ngắn bắn chỉ thiên ba phát. Nhưng giữa rừng núi mênh mông, tiếng súng chỉ như tiếng pháo tép lọt thỏm trong cái im lặng đáng sợ của rừng đại ngàn. Không có tiếng súng trả lời. Xem lại băng đạn chỉ còn có vài viên. Không dám bắn

tiếp, đề phòng khi còn gặp rủi ro gì khác.

Lại lao lên đỉnh một ngọn đồi cao nữa, tiếng nước sông lại ào ào chảy dưới chân đồi. Hy vọng sống đây rồi. Tụt sườn đồi xuống dốc ngược, xuống tới bờ sông. Lại một nỗi hoang mang mới: Sông thì đây rồi, nhưng anh em đang chờ ở đoạn nào của con sông, phía trên hay phía dưới? Nhớ lúc chia tay với anh em là ở dưới ngã ba? Cây rậm rạp che khuất không nhìn được bờ sông. Tôi đành cứ đi liều ngược dòng sông, coi như đang ở dưới ngã ba sông. Đi được chừng nửa giờ, vạch cây cối um tùm, lội ra sát bờ sông quan sát. Sao sông hẹp thế này? Đang ở trên ngã ba hay sao? Lại đi xuôi, vẫn thật phân vân. Suy nghĩ một hồi, chỉ có một cách để xác định: ngã ba sông như hình một chữ Y. Nếu cắt ngang mà gặp nhánh sông bên kia thì tức là ở trên ngã ba sông. Tôi liền lội qua sông đi tiếp sang phía Tây, chỉ gặp một bãi lầy. Có lẽ ở dưới ngã ba sông chăng? Lại lội quay trở lại. Gặp chỗ sâu, nước chảy xiết, trượt chân ngã ướt hết ba lô, đồng hồ. Sang được bờ sông bên này. Mệt, đói, khát, uống mãi nước sông cũng không hết khát. Thêm nỗi căng thẳng phải nhanh chóng gặp lại tổ đánh cá. Nếu anh em rút thì việc tìm đường trở về đơn vị sẽ khó khăn gấp bội.

Lại men theo bờ sông đi ngược. Bờ sông lau lách um tùm. Thỉnh thoảng lại phải lách bụi le ra sát mặt nước để quan sát. Đến một quãng thấy ngờ ngợ, hình như có tiếng người lao xao phía trên dòng sông. Hú thật to một tiếng, hai tiếng, nhưng không thấy trả lời. Có lẽ tai ù nên nghe như có tiếng lao xao.

Lại tiếp tục đi. Người mệt rời rã. Nhưng tôi phải đem hết nghị lực để cố bước cho nhanh. Sống hay chết là ở lúc này đây.

Tới một quãng lại rúc bãi le um tùm rủ xuống sát mặt nước. Bước trên những tảng đá cheo leo rồi lội hẳn ra giữa lòng sông. Bờ sông chợt rộng hẳn ra. Phía trên như có một cửa suối to đổ vào. Dụi mắt nhìn kỹ. Có lẽ ngã ba sông đây rồi. Lại hú to. Phía trên xa như có một hình người giơ tay vẫy vẫy.

Hai đầu gối của tôi như đột nhiên như nhão ra, không đứng vững, ngã khuỵu xuống mặt cát. Cơn mệt nhọc như một trái núi từ đâu ập tới, tôi không còn bước đi được nữa. Chỉ nghe thấy những bước chân chạy vội đến gần. Thật vừa may, cậu Sinh cùng với tổ đánh cá chờ tôi đến quá trưa không thấy tôi trở về, đang chuẩn bị rút. Nếu chậm mươi phút anh em rút mất rồi thì tôi sẽ bơ vơ trên bờ sông chưa biết sẽ ra sao.

Ngày 18 tháng 4 năm 1971. Về tới nhà, nghỉ hai hôm rồi lại lên Phòng, giải quyết tiếp việc vận chuyển và cung cấp của Bệnh viện. Lần này anh em không cho tôi xuyên sơn nữa mà phải đi theo đường chính quy mất hai ngày.

Lên Phòng làm việc hai ngày. Thuyết phục được Phòng Tham mưu Mặt trận về sự cần thiết phải dùng đường sông để vận chuyển. Phòng Hậu cần cũng giải quyết được một số nhu cầu cho bệnh viện.

Trước khi trở về, bất ngờ, tôi gặp đồng chí Lượt, y sĩ của Bệnh xá Phòng, cũng đang cần về Viện lĩnh một số dụng cụ chuyên môn. Tôi liền rủ Lượt xuyên sơn trở về. Lần này thành công mỹ mãn, chúng tôi chỉ đi mất có một ngày. Đường bằng phẳng, chỉ phải qua một cái dốc. Thì ra lần trước tôi đã gần tới nơi, chỉ cách Phòng có nửa giờ!

Ngày 22 tháng 4 năm 1971. Sau khi khoa 32 thay cho Đội điều trị 3, có tin báo về cho chúng tôi biết công việc rất bê bối, thương binh ứ đọng nhiều, khoa xin lực lượng chi viện, đặc biệt xin chuyển bớt thương binh về Viện.

Tôi tức tốc ra khoa 32 nắm tình hình. Đường đi mất hai ngày ngược theo bờ sông Đắc Mế.

Ở đây đúng là đang rối ren: Thương bệnh binh về hàng ngày 70-80 người, trong đó có 40-50 cáng. Số thương binh đang ứ tại trạm tăng lên nhanh: từ 40-50 người lúc đầu tăng lên 200, rồi 300 người...

Cơ sở của đội điều trị chỉ đủ cho 150 giường. Thương bệnh binh nằm la liệt trong hầm, trên mái hầm, mắc võng nằm ngoài trời. Nhà thì dột nát. Các vết thương hôi thối đến nhức đầu. Dòi nhung nhúc trên các vết thương. Tình hình thật rối bời. Tiếng rên la, tiếng kêu thất thanh suốt đêm: "Anh y tá ơi!... Anh y tá ơi...".

Nhân viên khoa 32 rất cố gắng, làm việc suốt ngày đêm mà không hết công việc. Công tác chuyên môn, công tác nuôi dưỡng, đi vận chuyển, đi lên phía trước, đi giao trực, rối tinh. Thay băng, hộ lý là công tác chính. Thay băng tới 10-11 giờ đêm mới xong, sau đó lại giặt, phơi, hấp, chuẩn bị cho buổi thay băng ngày hôm sau. Băng thiếu, thuốc men thiếu, quần áo thiếu, nhà ở thiếu.

Khổ nhất là số thương bệnh binh ở dưới hầm. Hầm chữ A bốn người một hầm. Tuy an toàn nhưng tối tăm, chật chội, hôi hám. Giữa ban ngày xuống khám bệnh cũng phải mang theo bật lửa. Đèn pin và nến là những thứ quá xa xỉ không thể nghĩ tới. Mùi hôi thối nồng nặc. Không khí trong hầm không lưu thông. Chỉ cần một người đi ỉa bất động là mùi hôi thối hàng giờ không tan hết. Cộng thêm mùi vết thương, mùi máu mủ. Vào khám bệnh một lúc là không chịu được. Ra khỏi hầm, mùi hôi vẫn như hấp vào quần áo đầu tóc.

Rõ ràng không thể để tình hình kéo dài. Phải cấp tốc chuyển bớt thương

bệnh binh về Viện. Nhưng lấy đâu ra lực lượng vận chuyển?

Cuộc chiến đấu phía trước đang trong giai đoạn cực kỳ căng thẳng. Mọi lực lượng vận chuyển đều phải dồn ra phía trước. Tất cả trông vào nhân viên Bệnh viện.

Tôi lại nghĩ tới con sông Đắc Mế đang chảy ào ào sát đội phẫu.

Tôi cấp tốc ra Binh trạm gặp đồng chí Trọng, Chỉ huy Hậu cần tiền phương, giải quyết được một số việc: Xin được vải làm băng, quần áo cho thương bệnh binh, lương thực, thực phẩm. Nghe báo cáo tình hình khoa 32, anh Trọng cũng nhất trí phương án giải quyết là phải nhanh chóng chuyển về Viện, và hứa sẽ tăng cường lực lượng chuyển thương, nhất là giải quyết cho Viện 50 kg bộc phá, kíp và dây cháy chậm để tổ Vệ binh phá cây, mở đường chuyển thương trên sông.

Ngày 28 tháng 4 năm 1971. Ở với khoa 32 được hơn một tuần, giải quyết được một số công việc cho anh em, tôi lại phải trở về Viện. Trên đường về kết hợp xem tình hình anh em mở đường sông.

Tổ Vệ binh đã phá được một số cây trên sông, nhưng tốc độ chậm. Có nhiều cây to, Viện xin thêm được một tổ công binh của Phòng về tăng cường cho tổ Vệ binh để phá cây cho nhanh.

Tôi đi xuôi bè với anh em được một quãng. Gặp một cây gỗ bằng người ôm đổ ngang sông. Anh em buộc một gói bộc phá ép vào thân cây, nối dây điện, rồi lên núp trên bờ, bịt tai. Một tiếng nổ ầm, một làn khói bốc cao. Những mảnh gỗ bắn tung lên cao rồi rơi xuống rào rào.

Vùng này có một số bản dân tộc ở rải rác ven sông. Trên sông có nhiều sa cá của đồng bào. Đây là những tấm mành đan bằng tre, đặt ngang sông để đánh cá. Tôi bàn với anh em, phải làm sao cho bè đi qua rồi lại đóng lại, không gây khó khăn cho sinh hoạt của đồng bào.

Tới một chỗ, một ông già dân tộc, người gầy đen như đồng mun, đóng khố, nghe tiếng mìn nổ chạy ra bờ sông, tới chỗ bè, chỉ trỏ. Ông ta có một sa cá, làm dựa vào một thân cây to chìa ngang ra sông. Ông tỏ vẻ lo bộ đội phá mất sa cá. Ông nói bằng tiếng Kinh không sõi: đồng bào khó khăn lắm, không có cơm ăn, chỉ ăn sắn thôi. Nhờ sa cá bắt được mỗi ngày vài con cá cho con ăn. Bộ đội phá thì con mình chết mất". Chúng tôi an ủi: "Bộ đội không phá đâu, bộ đội sẽ tìm cách để đi bè được mà đồng báo vẫn đánh cá được!".

Đêm đó, chúng tôi ngủ trên bè, gần chiếc sa cá của ông già. Nghiên cứu

chiếc sa cá anh em phát hiện thấy tuy cây gỗ to. Nhưng thân cây có chỗ vồng lên cao, xa mặt nước, bè có thể đi lọt. Như vậy không phải phá cây.

Trên chiếc bè chật chội, chúng tôi phải ngủ trở đầu đuôi. Đêm mưa, tấm tăng che hứng đầy nước bị bục làm ướt hết chăn màn.

Sáng hôm sau, ông già hôm nay trở lại sớm và đề nghị một phương án giải quyết thật bất ngờ: "Bộ đội cho mình vài cân gạo. Hàng ngày buổi sáng, mình sẽ ra dỡ sa cá cho bộ đội chở bè qua. Tối mình sẽ đóng lại để bắt cá". Chúng tôi thoả thuận ngay và ông già cũng thật vui vẻ. Về đến nhà, nhận được thư của Hương viết tháng 2 năm 1971. Lá thư tràn ngập nỗi mong chờ. Xem thư nhiều đoạn ứa nước mắt.

Hương có vẻ bi quan, chua chát: *"Chúng ta là người trồng cây mà không được ăn quả đâu anh ạ. Còn hai mươi ngày nữa là chúng ta xa nhau trong năm năm. Có ngờ đâu ngày chia tay nhau ở cổng Viện 108 nhẹ nhàng thees mà lại xa nhau lâu như vậy. Em muốn vào Tây Nguyên, dù có để xác lại Trường Sơn"*. Câu này bị Hương xoá, nhưng tôi vẫn đọc được.

Tôi viết thư trả lời nhưng không biết viết thế nào cho em hiểu.
Ngày 2 tháng 5 năm 1971. Vừa mổ xong một thương binh bị vết thương thấu ngực, có mủ phế mạc nặng, đóng thành kén, dẫn lưu không ra, kèm theo có một mảnh đạn to trong phổi. Mổ bóc vỏ phổi, lấy ra một chậu vừa mủ, vừa máu cục, các mảng tơ huyết, lấy được mảnh đạn to bằng đầu ngón tay cái xù xì. Ca mổ khá khó khăn. Một giờ chiều mới xong.

Vừa ra khỏi phòng mổ thì nhận được công văn hoả tốc: Viện 1 có một thương binh bị túi phồng động mạch vùng dưới bụng đe doạ vỡ, không chuyển đi được, yêu cầu được chi viện.

Từ chỗ chúng tôi xuống Viện 1 bình thường đi bộ mất ba ngày. Tôi hiểu khó khăn lắm, anh em mới cầu cứu tới chúng tôi. Trước tính mạng của đồng đội, chúng tôi không thể chần chừ. Ba giờ chiều tôi ra đi, cùng với anh Lượng, y sĩ gây mê và cậu Sinh.

Trời mưa, đường trơn, ngã dúi dụi. Hai bắp chân và đùi đẫm máu và vắt. 7 giờ tối ra tới chỗ tiếp đón của Viện. Ngủ lại. Sáng hôm sau vào đường thồ, đi 12 giờ liền xuống tới Q6, ngủ lại ở một nhà kho bỏ trống, có hầm chữ A. Có tiếng ì ì trên đầu rồi có tiếng rú như một đàn ong bay qua. Tiếp theo là những tiếng nổ chát chúa của bom B52 thả toạ độ phía trước. Bốn giờ sáng lại tiếng ì ì, vừa chui kịp vào hầm bom đã nổ. Hầm và nhà rung chuyển như trong một cơn động đất.

Sáng dậy, lội qua sông, đi ngang qua bãi bom B52 đêm hôm trước. Cây đổ

ngổn ngang, nhiều thân cây to còn leo lét cháy cành mà lá còn xanh tươi, mùi khét của bom lẫn mùi thơm của lá. 7 giờ tối mới tới Viện 1.

Anh Huy Đại, Viện trưởng và anh em rất mừng và ngạc nhiên thấy chúng tôi đến được sớm như vậy.

Thương binh là một chiến sĩ trẻ của Đoàn 631, bị một vết thương đã liền sẹo ở nếp bẹn phải, gây một ổ máu tụ phồng to như một quả bưởi ở phần bụng dưới, từ rốn xuống tới bẹn. Bàn tay sờ thấy rõ những tiếng đập thình thịch của mạch máu. Da phía trên mỏng dính và có những vết bầm tím. Anh thương binh người gầy đét chỉ có da và xương, mặt xanh như tầu lá.

Đúng đây là một ổ máu tụ đe doạ vỡ. Mà nếu vỡ, ở một mạch máu lớn vùng bụng này, chắc máu sẽ chảy như suối, thương binh sẽ chết trong giây lát...

Tôi đồng ý với chẩn đoán của Viện 1 và cũng đồng ý với chủ trương không chuyển thương binh đi mà mời kíp mổ tới. Cuộc mổ sẽ khó khăn. Sức khoẻ bệnh nhân quá yếu. Nhưng không còn có cách nào khác.

Chúng tôi quyết định mổ ngay trong đêm. Tôi và anh Đại mổ, anh Lượng gây mê nội khí quản.

Rạch thành bụng bằng một đường vòng cung trên nếp bẹn phải. Chúng tôi nín thở, hết sức nhẹ nhàng và tỉ mỉ, tách lá phúc mạc thành mỏng như tờ giấy bóng kính, ra khỏi thành bụng sau và túi phồng động mạch, to như quả bưởi, đập bình bịch, luôn đe doạ có thể vỡ bất cứ lúc nào.

Chỉ sau khi luồn được sợi cao su qua gốc của động mạch chậu ở ngã ba động mạch chủ, chúng tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Thành công rồi! Căng sợi cao su để chẹn không cho máu chảy vào túi phồng. Quả bưởi ngừng đập. Tôi không thấy cần phải mất công tìm đầu dưới của túi phồng. Máu cục và máu bầm ào ra đầy vết mổ. Tôi nhanh chóng thò tay vào trong túi phồng, chẹn những nhành mạch nhỏ còn chảy, trong khi anh Đại và trợ thủ vô trùng thì hối hả dùng khăn gạc thấm ướt thanh huyết và máy hút lau sạch trong túi phồng. Thấy trong lòng túi trắng phau, một vài lỗ mạch máu nhỏ còn rỉ máu. Mấy mũi chỉ khâu đặt tên các lỗ thông với mạch máu chính làm ngừng hoàn toàn mọi chỗ rỉ máu.

Lúc này chúng tôi mới có điều kiện xem xét kỹ thấy động mạch chậu ngoài chỉ bị rách một lỗ bằng hạt ngô gây ra túi phồng.

Khâu được chỗ rách; máu lại lưu thông trong mạch máu bình thường xuống phía dưới... Công việc còn lại của cuộc phẫu thuật diễn ra dễ dàng. Tôi buông dao kéo, để anh em trợ thủ làm nốt công việc còn lại.

Chúng tôi ở lại theo dõi thêm hai ngày, thương binh tiến triển thật ổn, mới quay trở về.

Anh em Viện 1 chăm sóc chúng tôi rất chu đáo, nhiệt tình, chiêu đãi một bữa linh đình. Đặc biệt, còn có chuối, chôm chôm, bứa, là những của hiếm, chỉ có vùng rừng này mới có.

Đường về lại phải qua bãi bom B52. Từ hơn một tháng nay, chúng nó liên tục đánh khu vực này. Đây là khu vực tăng gia của bộ đội ở dọc bờ sông. Anh em khuyên chúng tôi đi đường vòng, tránh khu vực bị oanh tạc. Nhưng đi vòng thì mất thêm hai ngày đường. Tôi theo lý luận của các lái xe đường Trường Sơn: "Đi chắc đâu chúng nó đã đánh. Đánh chắc đâu đã trúng. Trúng chắc đâu bị thương. Bị thương chắc đâu đã chết!" để tiếp tục đi theo đường cũ.

Tuy nhiên, tôi nghe ý kiến anh em khuyên là theo quy luật cứ cách khoảng 7-8 giờ chúng đánh một đợt, nên chúng tôi chọn đúng lúc loạt bom B52 vừa nổ xong để vắt chân lên cổ, vượt khu vực bị oanh tạc.

Đêm hôm đó ngủ nhờ nhà của một đơn vị vận tải dọc đường. Nhà cũ dột, đêm mưa phải trải ni lông lên trên đình màn. Nửa đêm lại tiếng ì ì của B52. Nhảy vọt khỏi võng. Rúc vào góc nhà, nhưng không tìm thấy cửa hầm. Khi sờ ra cửa hầm thì cũng vừa hết loạt bom.

Về tới nhà, nhận được tin mừng: Việc chuyển thương bằng bè từ khoa 32 về Viện đã thực hiện được. Các cây đổ trên sông đã được dọn sạch. Chuyến bè đầu tiên gồm 5 chiếc, chở 60 thương bệnh binh đã về tới Viện an toàn. Anh em rất phấn khởi. Đi rất êm. Ngồi bè thật thoải mái. Đi mất hai ngày về đến Viện. Nhưng phải tăng bo một chỗ thác đổ từ trên cao. Như vậy chúng tôi đã kéo dài được việc vận chuyển trên sông thêm một ngày đường phía thượng nguồn sông Đắc Mế.

Ngày 3 tháng 6 năm 1971. Anh Tân, Hiệu trưởng trường Quân y đi họp ở B3 về cho biết: Sắp tới có Hội nghị Quân y Chiến trường ở Hà Nội. Một đoàn cán bộ Quân y của B3 sẽ đi dự trong đó có thể có tôi, và một số đồng chí khác. Cấp trên đang lo là cho đi họp liệu có trở vào hay không?

Nhận được điện mời lên Phòng bàn công việc và báo cáo tình hình. Lên tới Phòng vào một ngày mưa tầm tã. Anh Tự, trưởng ban Quân y Mặt trận chính thức thông báo cho tôi biết Bộ Tư lệnh Mặt trận đã có quyết định cử tôi cùng một đoàn 6 cán bộ ra dự Hội nghị Quân y các chiến trường lần đầu tiên họp ở Hà Nội, cuối tháng 8, có mặt ở Hà Nội. Hội nghị tháng 9, nghỉ phép tháng 10 đầu tháng 11 trở vào để cuối tháng 12 có mặt ở chiến trường.

HỘI NGHỊ QUÂN Y CÁC CHIẾN TRƯỜNG

Ngày 25 tháng 6 năm 1971. Hội nghị Quân y các chiến trường là một Hội nghị lớn của ngành Quân y lần đầu tiên tổ chức tại Hà Nội kể từ đầu cuộc chiến tranh. Đại diện của ngành Quân y ở tất cả các mặt trận Bắc, Trung, Nam, Lào, Đường dây 559, đều được triệu tập về Hội nghị để tổng kết kinh nghiệm công tác những năm qua và bàn về công tác bảo đảm Quân y trong những năm tới.

Đoàn Quân y Tây Nguyên đi dự Hội nghị có tôi, được chỉ định làm Trưởng đoàn, bác sĩ Thiêm Đội trưởng đội Vệ sinh Phòng dịch, bác sĩ Hiếu Đội trưởng Đội điều trị 3, bác sĩ Minh, Chủ nhiệm Quân y Trung đoàn 66, dược sĩ Lôi, Trưởng ban Dược Viện 211, anh Trà dược trung cấp xưởng Dược và cậu Sinh, đi phục vụ chung cho đoàn.

Tin chúng tôi ra Hà Nội họp làm cho anh em trong đơn vị rất xôn xao. Nhiều anh em tỏ ý mừng vì đây là tín hiệu cho thấy là đường liên lạc giữa hậu phương và tiền tuyến được khai thông. Không còn cách biệt như những năm trước. Nhưng nhiều anh em trong Viện cũng lo liệu tôi có quay vào không hay là đi luôn?

Trước khi lên đường còn nhận được chỉ thị yêu cầu khám sức khoẻ cho anh Hiếu. Nếu đủ sức khoẻ mới cho đi. Anh Hiếu bực mình, mỉa mai: "Giá trước khi đi chiến dịch Bu-prăng - Đức Lập, các anh cũng cho kiểm tra sức khoẻ như thế này thì quý quá...".

Tuy nhiên vẫn phải chấp hành chỉ thị của trên. Viện thành lập Hội đồng giám định sức khoẻ, kiểm tra toàn thân, X quang, xét nghiệm. Hội đồng kết luận: Sức khoẻ tốt. Đi được!

Anh Phụng, Trung đoàn trưởng cũng mới ra hậu phương dự Hội nghị trở về, phổ biến cho chúng tôi hai kinh nghiệm. Dọc đường phải đối xử thật mềm dẻo với các ông Trạm trưởng các trạm giao liên, nếu không thì sẽ ngủ rừng ngay lập tức. Còn về tới hậu phương thì phải công tác tư tưởng tốt với cô vợ thân yêu vì nếu không các cô sẽ trở thành Raymonde Dien[1]. Khi trở vào chiến trường, tức là sẽ lăn ra đường chặn bánh xe không cho xe đi...

Anh em trong đơn vị hết sức lưu luyến tiễn đưa. Mấy hôm trước khi lên đường Viện tổ chức lu bù. Y vụ mổ lợn, các khoa 32, 33, 34 đều cử người đi săn, nơi săn được gấu, nơi săn được lợn. Bếp Viện bộ gửi cho cả một tảng thịt lợn nạc để làm ruốc ăn dọc đường. Khối Nội hẹn ngày 27 tháng 6 thế nào cũng sang để liên hoan. Một chiến sĩ tổ săn rụt rè gặp tôi, đưa cho một gói nhỏ: "Được tin thủ trưởng đi họp, em có chút quà tặng thủ

trưởng". Giở ra thì là một miếng mật đã phơi khô. Cậu ta giải thích: Đây là mật con gấu em bắn được. Biếu thủ trưởng để làm quà cho gia đình. Anh em gửi hàng trăm lá thư, hàng chục gói quà về cho gia đình. Những cậu nhà ở quanh Hà Nội, Hà Đông, Bắc Ninh, thì nhất định mời ghé qua thăm nhà.

Hôm qua trong buổi liên hoan tiễn đưa Đoàn có cán bộ Chủ nhiệm khoa, Chính trị viên toàn Viện, tôi đã biểu thị quyết tâm trở vào bằng câu Kiều:

Tiễn đưa nhớ buổi hôm nay,
Gặp nhau xin hẹn ngày này, cuối năm.

Anh em vỗ tay, hoan hô ầm ỹ. Có anh còn bấm ngón tay tính toán và giao hẹn: "Hôm nay là ngày 24 tháng 6 - Ngày này, cuối năm là 24 tháng 12, sẽ gặp lại anh đấy nhé!".

---

1. Raymonde Dien: Nữ chiến sỹ cộng sản Pháp đã biểu lộ tinh thần phản đối cuộc chiến tranh Đông Dương bằng cách nằm ngang trên đường ray tầu hoả, không cho xe lửa chở vũ khí sang Dông Dương chạy.

Ngày 15 tháng 7 năm 1971. Lên đường ngày 2 tháng 7 năm 1971 qua đại đội thu dung C3 dừng lại liên hoan thịt chó. Qua đội tăng gia lại một bữa liên hoan nữa. Tới Binh trạm Bắc, lại chiêu đãi một trận rồi mới thực sự lên đường.

Hai ngày đầu đi yên ổn qua T2, T1, hai trạm của B3, trời nắng ráo. Thật may, đây là những ngày nắng hiếm hoi của Tây Nguyên trong đầu mùa mưa.

Tôi có cảm giác vừa mừng, vừa lo. Cứ nghĩ vẩn vơ tới truyện "Bão táp" của nhà văn Nga Ilya Ehrenburg và những nhân vật trong truyện của ông. Trong tác phẩm lớn này, tác giả dành cho các nhân vật của mình những số phận khá bi thảm: Sau những cuộc chiến đấu ác liệt, qua những thử thách gian khổ nhất, mỗi khi loé ra một tia hy vọng, ngày nghỉ phép, ngày chiến thắng, rời khỏi chiến trường, sắp về nhà, gặp lại gia đình, người yêu, vợ con... thì lại xảy ra tai nạn, chết, bị thương.

Tôi cứ vẩn vơ nghĩ tới những nhân vật này, tới Xécgây và tự hỏi, trên con đường dài trở về liệu có an toàn không? Gia đình có xảy ra chuyện gì không?

Rời trạm T2 được khoảng một giờ, anh Hiếu bỗng hốt hoảng: Bỏ quên thắt lưng ở trạm. Trên thắt lưng có cả dao găm, súng ngắn, bi đông. Phải quay lại. Vừa đi, vừa về mất hai giờ. Nhưng khi đoàn tới T1 nghỉ một lúc thì Hiếu cũng đuổi kịp.

Rời T1 sang trạm 74, trạm đầu tiên của đường dây Xã hội chủ nghĩa[1], trời đổ mưa ào ào. Tới chỗ giao trực, chờ hơn hai giờ vẫn không thấy giao liên của trạm ngoài vào đón. Thì ra nước lũ tràn về, giao liên không qua sông được Buổi trưa ghé vào một ngôi lều bỏ hoang cạnh đường che tạm ni lông lên mái lều, ăn cơm nắm. Hai giờ chiều ra tới bờ sông Xê Ca Mán. Nước sông chảy ào ào, đỏ ngầu phù sa cuốn băng băng theo dòng nước những cây gỗ to hai ba người ôm. Giao liên gọi nhau í ới giữa hai bên bờ. Không qua sông được. Đêm ngủ nhờ một trạm gác bên bờ sông.

Hôm sau, nước đã rút, qua sông bằng thuyền. Tới bên kia bờ, mấy cậu lính trẻ xanh như tầu lá, bước chân run rẩy, đi phải chống gậy, cứ nằng nặc đòi vào chiến trường. Giao liên giữ lại không cho đi, cứ nhảy xuống thuyền. Hai bên giằng co. Giao liên giằng lấy ba lô. Cậu thanh niên bỏ ba lô, nhảy ào xuống thuyền sắp rời bến, một mực đòi đi theo đơn vị. Giằng co hơn nửa giờ trên bờ sông mới dìu được đồng chí trở lại.

Tới trạm 74 lúc 9 giờ sáng, anh Trạm trưởng cho biết có biệt kích nhảy xuống giữa hai trạm 73-74 từ hôm trước. Đang truy lùng. Từ sáng sớm máy bay trinh sát vũ trang DC-10 bay vè vè trên đầu. Đường bằng phẳng, phủ cát, dễ đi. Đến trưa tới nơi giao trực thì phản lực đến bắn, ném bom phía trước mặt.

Có tiếng súng phòng không 12 ly 7 từ mặt đất bắn lên. Trực thăng tới ném cối, bắn rốc két. Phía trước mặt trên trục đường đi, khá gần. Không đi tiếp được. Phải dừng lại trên một ngọn đồi có ít công sự cũ đã mục nát. Tiếng 12 ly 7 bỗng nhiên nổ rộ mấy loạt phía sau lưng về bên trái.

Đồng chí giao liên hốt hoảng: Nguy rồi, chúng nó đánh cả phía trước lẫn phía sau... Mọi người lùi lại, nấp vào một khe suối cạn. Bom cối, rốc két nổ xối xả cả phía trước lẫn phía sau. Bất giác lại nghĩ tới Xécgây. Chớ nên trở thành Xécgây trong lúc này...

Bốn giờ chiều mới ngớt máy bay, tiếp tục đi. Nhưng DC-10 lại vè vè trở lại như tiếc rẻ, bắn tiếp mấy loạt rốc két và đại liên xuống hai bên đường. Đêm không đến kịp trạm 73, chúng tôi vào ngủ nhờ một kho gạo nhưng nguyên tắc không cho khách qua đường ngủ nhờ trong kho. Phải gọi điện thoại lên Ban chỉ huy tiểu đoàn giao liên mới được bố trí ngủ nhờ trong một kho cũ.

Tới trạm 73, đường dây Xã hội chủ nghĩa bắt đầu có không khí mới. Các trạm, nhà cửa tương đối khang trang hơn. Trên tường có trang trí tranh ảnh. Thấy lại cái phích vỏ tre sản xuất ở Hà Nội. Chúng tôi ngắm nghía chiếc phích tre mà trong lòng thấy xốn xang như gặp lại người bạn cũ.

Anh tiểu đoàn trưởng giao liên người Huế, bạn cùng đơn vị cũ của anh Toản, Chính uỷ của Viện, lại biết anh Thìn. Như vậy là chỗ quen biết cũ cả.

Được anh chiêu đãi một bữa có thịt gà, cà bát.

Trạm 73 cũng là ngã ba đường rẽ đi Nam Bộ. Trước đây, đường vào chiến trường Nam Bộ (B2) phải qua B3, nhưng từ ngày Lon-non đảo chính Sihanúc, vùng giải phóng Campuchia mở rộng, nên đường đi B2 tách ra ở đây, qua Stungtreng, Krachiê đi B2 nhanh hơn và an toàn hơn, tiếp tế cũng dễ hơn.

Gặp một đôi vợ chồng cán bộ của B2 trên đường ra hậu phương, cũng vào trạm. Anh đã đứng tuổi, áo sơ mi kẻ ca rô xanh. Chị vợ trẻ, người gầy đét, đôi mắt to. Anh chị cùng là người Hà Nội. Câu chuyện vui vẻ về tình hình Nam Bộ, tình hình Tổng công kích Tết Mậu Thân ở Sài Gòn - Chợ Lớn.

Sáng hôm sau, gặp lại anh chị trên đường ra trạm 72. Hai anh chị có một cậu cần vụ đi theo. Các đồng chí giao liên nhấm nháy, trêu tróc: "Ba cha con nhà kia đi chậm thế!". Chốc chốc hai anh chị lại nghỉ. Chị vợ nhăn nhó bóp chân. Buổi chiều tới trạm 72, hỏi anh em giao liên mới biết đây là vợ chồng nhà báo Thép Mới. Anh vào chiến trường từ năm 1964, đã đi hầu hết các tỉnh miền Nam, khi đi công khai, khi đi bí mật. Anh thích thú kể lại chuyện ăn hủ tiếu trên đường 14. Chúng tôi thường cho cách viết của anh giống cách viết của nhà văn Nga Erenburg. Nghĩ tới thiên phóng sự nổi tiếng của Erenburg trong Đại chiến 2 "Trên những con đường Châu Âu", tôi nói đùa với anh Thép Mới: "Anh chắc có đủ tư liệu để viết "Trên những con đường Đông Dương" rồi đấy!".

Tới trạm 72, anh chị vào Bệnh viện điều trị, chị đau chân quá không đi nổi. Chúng tôi tiếp tục đi. Gặp một đoàn cháu nhỏ miền Nam ra Bắc học. Các cháu tuổi từ 12-13 đến 16-17. Có cả nam và nữ. Mũ tai bèo, áo rằn ri, quần ống nhỏ bằng vải xanh. Mỗi cháu một túi nhỏ đeo sau lưng. Một cháu gái quê ở Sài Gòn. Ba má đi bộ đội chiến đấu ở Sài Gòn. Cháu gầy xanh nhưng đôi mắt sáng thông minh. Tóc chấm vai thật dễ thương. Cháu học lớp năm. Từ hôm ra đi chưa khóc vì nhớ nhà lần nào...

Có thêm những đoàn thương binh từ B2 ra. Nhiều thương binh nằm lại các trạm dọc đường vì không đủ lực lượng cáng. Chuyện dọc đường, chuyện các chiến trường rôm rả. Mỗi lần gặp đoàn từ hậu phương vào, câu đầu tiên hỏi là: "Quê đâu đây? Có ai ở Nam Hà không? Có ai ở Vĩnh Phú không?". Rối rít... "Thanh Hoá, huyện nào?". "Thọ Xuân, xã nào? Thôn nào?". Thế là nhiều lúc bất ngờ gặp đồng hương, giở gói thuốc lá, mời nhau

một điếu, hỏi thăm tin tức một vài người quen. Giở sổ tay, ghi gấp một vài địa chỉ, rồi lại bắt tay nhau, người đi vào, kẻ đi ra.

Ăn uống dọc đường tuy có khó khăn nhưng vẫn bảo đảm 7 lạng gạo một ngày. Qua trạm 71 đã có thịt hộp. Anh trạm trưởng xem giấy giới thiệu biết chúng tôi là đoàn cán bộ đi công tác, nên dặn: "Khi lấy cơm thì lấy cửa sau, được thêm một đĩa thịt hộp". Anh em phấn khởi quá, đến trạm nào cũng hỏi: "Có được lấy cửa sau hay không?".

Thư anh em gửi về gia đình nhiều quá. Đầy một ba lô nặng. Đến một trạm nghỉ, chúng tôi đem ra xem lại: Tất cả hơn năm trăm lá thư! Có người viết mười một lá thư, trong đó có năm lá gửi cho vợ, cùng một nội dung. Cậu Quảng y sĩ, viết năm lá thư, cùng viết một đêm, để năm phong bì khác nhau nhưng gửi cho cùng một địa chỉ. Thì ra, vì sợ thư thất lạc nên nhân có người ra viết cho "ăn chắc". Không nghĩ gì đến công sức của người mang thư gùi chúng trên lưng, đi hàng tháng ròng.

---

1. Đường dây 559.

Ngày 20 tháng 7 năm 1971. Ra tới trạm 51, sau hai lần nghỉ dọc đường. Số hiệu các trạm không liên tục, để giữ bí mật, từ trạm 72-71 nhảy xuống trạm 65, 64.

Ở trạm 63 được xem hai buổi chiếu phim. Một buổi chiếu vào lúc 8 giờ đêm, một buổi vào lúc 4 giờ rưỡi sáng. Tuy giờ chiếu thật bất thường, nhưng mọi người vẫn cố gắng, ngồi xem chật cả một khu rừng.

Nhân ngày nghỉ ở trạm 54, được biết có một đội điều trị ở gần, chúng tôi rủ nhau vào thăm để kiếm một chút prôtít. Kinh nghiệm đi đường cho chúng tôi thấy tình cảm đồng nghiệp rất mạnh mẽ giữa anh em quân y.

Trong đoàn chúng tôi, có người là giáo viên lâu năm học Học Viện Quân y, người là học viên nhà trường, nên đến bất cứ một đơn vị quân y nào, dọc đường giao liên, chúng tôi cũng gặp học sinh cũ hoặc bạn học cũ. Có dịp trao đổi kinh nghiệm hoặc được thông báo tin tức về tình hình trong ngành, và thường kết thúc bằng một bữa liên hoan.

Ở Đội điều trị, gặp bác sĩ Tân, đội trưởng, cũng là Học viên của Học Viện Quân y. Anh Hiếu giới thiệu kinh nghiệm điều trị thương bệnh binh ở B3.

Trong câu chuyện, anh Tân phàn nàn: "Nghe nói ở Tây Nguyên các anh có cây Lântơuynh, chữa vết thương hay lắm. Thế mà ngoài này, chúng tôi kiếm không ra!". Dược sĩ Lôi, trong đoàn chúng tôi "A!" lên một tiếng rồi chỉ lên ngọn cây: "Lântơuynh kia kìa!".

Thì ra các anh ở ngay dưới gốc cây Lântơuynh mà không biết! Anh Lôi giới thiệu hào hứng cách thu hái, bào chế và công dụng Lântơuynh. Chiều hôm đó, chúng tôi được chiêu đãi một bữa thịt gà thật xứng đáng.

Thời gian biểu của chúng tôi trên đường đi trở nên rất đều đặn. Hàng ngày khoảng 4 giờ sáng dậy, rửa mặt, ăn sáng. Nhận mỗi người một gô cơm để ăn trưa. Khoảng 6 giờ sáng lên đường, theo sau một đồng chí giao liên dẫn đường. Khoảng 9 giờ rưỡi - 10 giờ tới chỗ trực giao liên, nơi giao liên trong ra và ngoài vào gặp nhau, bàn giao "khách", tài liệu. Sau đó "khách" tiếp tục theo giao liên trạm ngoài đi ra còn đoàn thì lại được giao liên trạm dẫn vào… 11 giờ trưa nghỉ ăn cơm trưa, 12-1 giờ chiều đến trạm mới. Hai trạm cách nhau khoảng 5-6 giờ đi bộ. Chỉ thỉnh thoảng mới có trạm xa, như trạm 54-55 cách nhau 8 tiếng. Khoảng cách ở đây tính bằng giờ đi bộ, không tính bằng cây số.

So với năm 1966, khi chúng tôi vào, đường đi đã được cải tiến nhiều. 6 giờ đi của khách "lẻ", tức là những đoàn khách ít người, thường tương đương với khoảng 9 giờ đi của khách "đoàn", - tức là những đoàn hành quân đông - đại đội hay tiểu đoàn.

Năm 1966 các trạm xa nhau hơn nên đi rất mệt. Nay đường đi cũng bằng phẳng, tương đối dễ đi hơn. Các cây gỗ to đổ ngang đường được dọn dẹp, chỗ dốc có đánh bậc. Qua suối có cầu, có tay vịn. Về mùa mưa được chống lầy bằng những phên tre hoặc bằng những thanh gỗ đặt ngang đường cách nhau vừa một bước chân để khỏi lội xuống bùn.

Khách đi trên đường giao liên như đi trên một chuyến tầu. Các trạm giao liên như các ga nhỏ. Những thanh gỗ chống lầy, đặt ngang đường như những thanh tà vẹt trên đường sắt. Tới mỗi ga, có người mới lên tầu, có người xuống là những người đi tách sang chiến trường khác hoặc ốm đau phải dừng lại các trạm.

Theo quy định thì mỗi ngày đi một trạm và cứ khoảng 4-5 trạm được nghỉ một ngày, nhưng với đoàn đi ra, với sức "mã hồi" có đoàn đi dồn hai trạm một ngày. Riêng chúng tôi thì vẫn di mỗi ngày một trạm, nhưng có khi 7-8 trạm mới nghỉ một ngày.

Trời khi mưa, khi nắng. Từ hôm ra đi đã có bốn lần báo bão, từ cơn bão số 6 tới cơn bão số 9. Chưa lần nào bão vào tới Trường Sơn, nhưng mỗi lần báo bão thì ở đây lại có mưa to. Chúng tôi cứ theo tin của Nha khí tượng báo bão để định ngày nghỉ.

Tới nay, chúng tôi đã vượt 3 con sông Xê Ca Sụ, Xê Ca Mán và sông Bạc.

Sông Bạc khá rộng. Máy bay địch kiểm soát ngày đêm. Hai bên bờ bị bom đánh phá trụi, không có chỗ ẩn nấp. Hành quân tới gần bờ sông nghỉ lại, chờ tới năm giờ chiều thì vượt sông bằng thuyền. Cũng còn may là do trời nưa nên giao liên cho chúng tôi qua sông lúc trời còn sáng. Đi thêm một giờ nữa tới trạm.

Từ Bắc Xê Ca Mán, ăn uống kém hơn. Thức ăn chủ yếu là nước mắm, thỉnh thoảng mới được bữa canh rau sắn. Khách ra cũng đông lên dần. Sau trạm 75 gặp đường dây Nam Bộ ra, tới trạm 61 gặp thêm đường dây khu 5, từ Quảng Nam - Đà Nẵng ra. Hàng ngày xấp xỉ có 300 khách.

Từ trạm 75 chúng tôi vẫn đi cùng với đoàn các cháu từ Nam Bộ ra. Dọc đường đi, chúng tôi đã trở nên thân thiết. Mỗi cháu như Phương, Hiếu, Tiến là cả một cuộc đời chiến đấu. Cháu Tiến 11 buổi, gia đình có 6 người chết 5, chỉ còn mình cháu được đưa ra Bắc học. Cháu Hiếu, bố mẹ là cán bộ hoạt động ở Sài Gòn, gửi cháu cho ông bà nuôi từ bé. Cháu kể: gặp ba má, không biết kêu là chi! Cháu Nam, bé loắt choắt, mỗi lần leo dốc lại kêu: "Chu cha! Dốc quá trời, quá đất!". Lúc ra đi từ B2, đoàn có 32 cháu. Qua sông Bạc, chỉ còn 12. Ốm nằm lại ở các trạm dọc đường những 20 cháu.

Tới trạm 61, chúng tôi gặp đoàn Quân y khu 5 cùng ra dự Hội nghị Quân y chiến trường. Anh em gặp nhau mừng tíu tít. Biết thêm một số tình hình công tác ở khu 5. Nói chung rất gian khổ ác liệt. Anh em cho tôi biết tin một người cháu đã hy sinh đầu năm 1971, cháu là bác sĩ Hoàng Khâm, con chị họ tôi, chị giáo Sen. Có trạm xá 50 nhân viên hy sinh 25 người trong năm 1970, năm 1971 hy sinh thêm 10. Khâm phụ trách một bệnh xá bám trụ sát vùng địch. Anh em khen là công tác tốt lắm. Rất dũng cảm. Trong một chuyến đi công tác, rơi vào một ổ phục kích và bị bắn chết.

Nhiều đoàn thương binh đi ra, lẻ tẻ. Đoàn 4-5 người, đoàn 2-3 người. Từ trạm 52 bắt đầu có tổ chức chuyển thương binh bằng ôtô. Mất 4 ngày ra tới Quảng Bình. Nhưng gay go ác liệt lắm.

Việc mua bán đổi chác bắt đầu phát triển. Dọc đường giao liên, từng tốp dân địa phương tụ họp 4-5 người một chỗ, ngồi túm tụm cạnh đường, đổi bí, ngô, gà cho bộ đội, lấy muối, bật lửa, quần áo. Trong trạm cũng mua bán đổi chác. Đang ở trạm 54, một nhân viên của trạm vào hỏi: các anh ở chiến trường ra, có bút bi, bán cho tôi một chiếc.

Anh Hiếu trả lời bốp chát: "Chúng tôi vào chiến trường lâu, quên mất chuyện mua bán rồi. Nếu có thì chúng tôi cho nhau thôi chứ không bán!".

Có lẽ cũng vì mua bán đổi chác nên chuyện ăn cắp vặt phát triển. Thỉnh

thoảng lại có người kêu mất cái võng, đôi dép, cái quần, cái áo.

Ngày 24 tháng 7 năm 1971. Đến trạm 51, thấy anh trạm phó vui vẻ báo tin: "Chiều nay, nếu về kịp, các anh sẽ có thịt voi ăn!...".

Trạm bắn được voi, cách trạm ba giờ. Nhưng đến chiều chỉ thấy có cơm với nước mắm. Sáng hôm sau cũng vẫn nước mắm với cơm. Thịt voi chưa về kịp. Từ hôm rời Tây Nguyên đến nay đã gần một tháng. Túi ruốc dự trữ mang theo đã gần cạn. Tôi nảy ra một ý, bảo anh em... "Ta nghỉ đây một hôm thôi".

Anh Hiếu trố mắt: "Ta vừa nghỉ hôm kia, hôm nay lại nghỉ sao?". Trong khi mọi người đang mong từng ngày, từng giờ, nhanh chóng ra tới Hà Nội, thì việc nghỉ lại quả là điều không ai muốn.

Tôi nháy mắt, nói nhỏ với anh Hiếu: "Ông không biết sao? Thịt voi...". Hiếu hiểu ý. Thế là phân công: anh Lôi đắp chăn, nằm trên võng rên hừ hừ, giả vờ ốm. Còn anh Thêm và anh Hiếu lên gãi đầu gãi tai với trạm trưởng "Đêm hôm qua, đoàn chúng tôi có một đồng chí sốt cao quá. Xin cho nghỉ lại một ngày!".

Trạm trưởng phân vân, 7 người ở lại một ngày, tức là trạm mất thêm 7 ngày gạo! "Đây không phải là trạm nghỉ. Hay là các anh cứ để đồng chí ốm ở lại, chúng tôi sẽ chăm sóc rồi đi theo sau. Còn cả đoàn thì cứ đi!".

Hai anh năn nỉ: "Chúng tôi đi chín mười ngày chưa nghỉ rồi. Lại là đoàn Quân y, có đủ thuốc men chăm sóc cho nhau. Để một đồng chí ở lại, anh em không yên tâm. Chúng tôi chỉ nghỉ lại một ngày thôi. Mai sẽ đi!".

Cuối cùng, trạm trưởng phải miễn cưỡng đồng ý cho chúng tôi nghỉ lại.

Kinh nghiệm khi bắn được voi, không bao giờ có thể ăn hết thịt. Nhìn đoàn các cháu miền Nam đi cùng đường với chúng tôi gần nửa tháng nay, cũng không có gì ăn. Cháu nào cũng vêu vào cả. Tôi rỉ tai với anh phụ trách đoàn. Anh đồng ý ngay, cũng lên nằn nèo với trạm trưởng xin ở lại.

Anh Hiếu phát huy tình cảm đồng nghiệp với cậu y tá của trạm. Cậu y tá tiết lộ cho biết một tin quan trọng: "Lúc nữa, em cũng có người ra chỗ bắn voi".

Thế là cậu Sinh cùng với một thanh niên trong đoàn các cháu miền Nam khoác một cái gùi, lưng đeo một con dao găm lẳng lặng đi theo anh y tá trạm xá vào rừng.

Trong khi chờ Sinh đi lấy thịt voi về, chúng tôi phân công nhau, người thì mài dao, người lấy củi, chuẩn bị xoong nồi, thớt... anh Thiêm nhanh chóng chăng một tấm màn che bằng chiếc võng, ngăn đôi căn nhà hầm chúng tôi để lấy chỗ nấu nướng cho kín đáo.

Buổi trưa, Sinh gùi về một gùi thịt voi còn tươi roi rói. Đúng như tôi phán đoán: đơn vị bắn được voi không thể nào lấy hết thịt và sẵn sàng chia sẻ với các đơn vị qua đường.

Thật mừng. Trong căn hầm không khí náo nhiệt hẳn lên. Mọi người tay dao, tay thớt xúm vào thái thái, băm băm. Tôi cũng cầm dao định tham gia lao động với anh em thì anh Hiếu ngăn lại chỉ cho tôi chiếc võng mắc sẵn phía ngoài tấm màn che: "Thôi anh không phải làm gì, cứ mặc chúng tôi. Anh chỉ có một việc là nằm khểnh trên võng, vặn đài thật to, canh cho chúng tôi hoạt động".

Mọi người đang thái thái, băm băm, thì một cậu bộ đội trẻ, bước vào nhà, nói giọng run run: "Nghe nói các anh có thịt voi. Các anh bán cho em 10 đồng! Một tháng nay, em bị ốm mà không có miếng thịt nào. Thèm quá!".

Nhìn cậu thanh niên gầy gò, mặt xanh như tầu lá... thật vừa thương hại, vừa buồn cười trước đề nghị bán thịt của anh. Anh Hiếu liền xẻo một miếng thịt to trong gùi, dúi vào tay anh ta và dặn: "Thịt đây... Nhưng bí mật đấy nhé... Cả cái bãi khách này, mỗi thằng đến xin chúng tao một miếng thì còn gì!... Nếu muốn nhiều hơn thì chúng tao chỉ cho chỗ mà đi lấy! Trong ấy còn khối!".

Bữa chiều hôm ấy, và sáng hôm sau, đoàn chúng tôi và đoàn các cháu miền Nam được hai bữa thịt voi thoả thích. Mỗi người còn có một gói thịt voi khô đeo trên lưng để dự trữ dọc đường.

Ngày 4 tháng 8 năm 1971. Đường đi vẫn hôm mưa, hôm nắng. Qua các trạm 45-44 đường rất lầy lội khó đi. Hôm đến trạm 45, đang mắc võng, chuẩn bị để nghỉ thì có tiếng nổ ở nhà bên. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau: Có lẽ ai đó lau súng bị cướp cò hay sao? Nhưng anh Hiếu ở ngoài về báo tin: Một cán bộ đại đội tự sát bằng một phát súng K54, bắn xuyên tai phải sang tai trái, chết ngay trên giường. Không rõ nguyên nhân. Thật là bi thảm!

Một đoàn cán bộ đặc biệt ra hậu phương công tác. Đoàn của anh Trần Văn Trà, Tư lệnh trưởng mặt trận Nam Bộ. Chúng tôi gặp anh ở một trạm nghỉ giữa đường. Anh người cao, gầy, mặc một bộ quần áo xám. Đội mũ tai bèo, không đeo ba lô. Đoàn đi rất nhanh. Cứ đều đặn một ngày đi hai trạm.

Chúng tôi vẫn cùng đường với các cháu miền Nam. Các cháu gái thuỳ mị,

dịu dàng, giữ dáng điệu của các cô em gái, chị gái. Tới trạm là sà vào bếp, giúp đỡ anh chị em cấp dưỡng, giúp nấu cơm, thái măng. Còn bọn con trai thì nằm khoèo, tán chuyện. Khi đi đường bọn con trai lại mang đỡ ba lô cho bọn con gái. Tới chỗ nghỉ thì rúc vào rừng lấy măng, xách từng xâu măng lủng lẳng về để cải thiện.

Trên đường, một đồng chí thương binh mù cả hai mắt, từ chiến trường Nam Bộ ra. Tiêu chuẩn đi cáng, nhưng vì không có người cáng, nên anh đi bộ. Anh đi rất nhanh. Hai tay cầm hai chiếc gậy. Một chiếc đưa cho đồng chí giao liên dắt. Một chống lên đường. Chân bước rất cao. Anh giao liên thì luôn miệng nhắc: "Có gốc cây nhé! Cẩn thận có hố sâu đấy! Chỗ này bước lên cao..." và anh thương binh nhanh nhẹn đi theo, miệng luôn luôn mỉm cười. Anh quê ở Quảng Ngãi, đã chiến đấu ở khu 5, lên Tây Nguyên, vào khu 6 rồi vào Nam Bộ. Bị sức ép bom trong một trận đánh đồn. Máu mũi, máu tai, máu mắt chảy giàn giụa. Đầu sưng to bằng cái tráp. Hai mắt lồi hẳn ra, đã tưởng chết. Nhưng đi điều trị, khỏi dần, nhưng hai con mắt hỏng hẳn. Ai trông thấy anh cũng chép miệng ái ngại. Nhưng anh thì lại luôn luôn vui vẻ. Miệng lúc nào cũng cười…

Ngày 31 tháng 7 từ trạm 41 sang 40 vượt qua sông. Trạm 40 mới di chuyển nên còn chật chội. Đây là ngã ba đường vào chiến trường Trị Thiên. Có thêm cán bộ, thương bệnh binh từ Trị Thiên ra và cũng có thêm các câu chuyện của chiến trường này.

Buổi chiều tôi mắc võng dưới gốc cây. Trên trời một vài đám mây trắng bồng bềnh... Không khí đang yên tĩnh bỗng bị khuấy động bởi tiếng máy bay địch. Một chiếc DC-10 bắn một phát pháo hiệu xuống đâu đó ở gần. Những chiếc phản lực như những chấm đen tít ở trên cao nhào xuống nhanh như những con chim cắt, tiếng bom rung động nhà, tiếng đại liên rốc két, liên tục. Đêm tối, vẫn còn tiếng bom nổ từng hồi xa xa. Tiếng DC-10 bắn đại bác 40 ly nổ ùng ục từng tiếng một.

Ngày 1 tháng 8 từ trạm 40 sang trạm 36, đường đi mất 7 tiếng. Trời nắng, đường dễ đi. Trạm mới bị B52 đánh cách đây 10 ngày. Mới di chuyển, chưa có nhà cửa. Tất cả nằm rừng.

Dọc đường, nhân dân địa phương ngồi chờ để đổi chác cho bộ đội tương đối đông. Túm tụm đám ba, đám năm người như những cái chợ nhỏ. Ít đá lửa đổi lấy bắp ngô, đôi pin đổi mấy củ sắn. Có người đổi cả dao găm, quần áo... Hàng hoá trao đổi cũng có vẻ phong phú hơn. Ở một gốc cây treo lủng lẳng hai chiếc đài bán dẫn National kêu inh ỏi. Một thanh niên dân tộc chỉ cái kính tôi đang đeo hỏi: "Mình ưng cái kính, đổi cho mình cái kính". Tôi gật đầu giả vờ đồng ý. Tháo kính đưa anh ta. Anh đeo kính vào mắt và vội bỏ ra: "Mình không thấy gì cả".

Đến trạm 15 sau khi qua sông Xê Băng Hiên. Quang cảnh nhiều thay đổi. Đường ôtô dọc ngang như bàn cờ. Ở nhiều đoạn, đường giao liên chập vào đường ôtô, vết bánh xe hằn sâu trên đường.

Qua một trạm sửa chữa ôtô. Một ngôi nhà tre, cao, to lợp toàn ni lông. Không khí đầy mùi xăng dầu khét lẹt. Hàng chục chiếc ôtô, méo mó xiêu vẹo đổ ngổn ngang dưới cây rừng. Đường lầy lội, từng mảng xăng dầu bốc mùi khét lẹt loang lổ trên mặt đất. Các công nhân gầy guộc cầm cụi bên các xe ô tô méo mó, han rỉ. Không chiếc xe nào có kính, thùng xe, mui xe lỗ chỗ vết đạn.

Gặp nhiều đoàn khách vào chiến trường. Có cơ quan chỉ huy các đơn vị mới thành lập: Đoàn 470, 471, các phái viên của Bộ. Một tiểu đoàn pháo 37 ly lên đường vào B3 nhưng vì gặp mùa mưa không đi được. Xe, pháo cất giấu trong rừng, còn lái xe, y tá được điều đi giúp các trạm giao liên làm công tác chuyển thương, chuyển gạo.

Có thể thấy bộ đội đang khẩn trương chuẩn bị cho hoạt động mùa khô 71-72. Các cán bộ, như những ban tham mưu nhỏ, bàn tán sôi nổi hướng chiến dịch năm nay. Mấy anh khu 5 thì quả quyết cho là sẽ đánh ở Tây Nguyên, vì có đánh Tây Nguyên mới mở được đường xuống đồng bằng.

Ở trạm 32 tôi gặp anh Trứ, phái viên của Tổng cục Hậu cần. Mấy năm nay, anh như con thoi đi lại giữa các chiến trường. Năm ngoái, anh đi vào B2 rồi qua B3. Hồi đầu năm, gặp anh ở trạm 74 đi ra chuẩn bị cho kế hoạch X. Sau đó anh ra hậu phương. Nay lại gặp anh đang trên đường vào chiến trường.

Tôi gọi đùa anh là Phái viên Đông Dương của Tổng cục.

Ngồi chơi với anh một buổi chiều. Anh kể chuyện Hà Nội, miền Bắc. Anh đãi tôi một miếng lương khô BA72 của Trung Quốc, có sô cô la, thật ngon. Anh dặn tôi: "Khi qua trạm 12, nhớ mang cho chị Hương một nhánh phong lan ở một bản bỏ hoang gần trạm giao liên. Tôi đã đếm có 7 loại phong lan cả thảy". Anh còn dặn thêm: "Nhưng lấy ít thôi nhé, để dành cho tôi khi trở ra tôi lấy".

Ngày 10 tháng 8 năm 1971. Càng ra các trạm ngoài, càng ít thấy giao liên đi cùng. Buổi sáng, khi chúng tôi lên đường thì giao liên tụt lại sau, chỉ đầu mỗi con đường để chúng tôi tự đi. Có cậu giao liên nói khách ra, chẳng cần dẫn đường cũng tới được trạm. Nhưng thật ngạc nhiên, khi tới chỗ trực đã thấy cậu giao liên ngồi chờ sẵn rồi. Như vậy cậu đã đuổi kịp và vượt đoàn lúc nào mà mình không biết. Lúc đầu, chúng tôi không để ý, chỉ cảm thấy ngạc nhiên, nhưng cũng cho là do mải đi, không để ý, nên anh em vượt lúc

nào không hay. Về sau mới vỡ nhẽ, trong rừng, có đường tắt đi qua rẫy. Giao liên không muốn cho khách đi qua, có thể vì sợ đi đông người dễ lộ, lại cũng có thể sợ khách phá nương. Nên cứ mặc để khách tự đi trên những con đường mòn có đánh dấu sẵn bằng cách rấp lá cây vào các chỗ rẽ. Còn giao liên thì ung dung theo đường tắt, nên đi sau mà lại đến trước. Chính vì thế cho nên mới xảy ra chuyện. Trạm 32 sang trạm 31, cả đoàn có khoảng hơn ba chục người trong đó ngoài các cán bộ đi công tác còn có nhiều thương bệnh binh mất sức chiến đấu. Như thường lệ, không có giao liên dẫn đường. Tới một ngã ba trên đỉnh đồi. Con đường bên phải rấp đầy cành lá. Đó là dấu hiệu quy ước, đường không đi. Chúng tôi đi theo đường bên trái. Nhưng thật bất ngờ, con đường rừng cứ thấy nhỏ dần, càng đi càng rậm rạp. Không thấy bóng người qua lại nên không biết đâu mà hỏi. Đi mất gần hai tiếng đồng hồ mới gặp một đoàn bộ đội đóng trong rừng: "Các anh đi lạc đường rồi. Quay ra thôi!". Lại lần mò hai tiếng nữa dưới trời mưa, đường trơn, mới trở lại chỗ ngã ba bị lạc. Thì ra, có một đơn vị mới đến đóng trong rừng, sáng hôm đó, đi lấy gạo, nên rấp lại đường khỏi lạc!

Mọi người bực lắm. Mấy đồng chí thương binh chửi um. Một thương binh cụt chân, tập tễnh trên đôi nạng, quát to: "Giao liên đâu, giao liên đâu?...". Không ai trả lời. Anh bỏ nạng, ngồi phịch xuống một cây gỗ cạnh đường, nghiến răng: "Tôi mà vớ được khẩu AK thì tôi bắn bỏ mẹ mấy thằng này". Mấy anh cán bộ ngồi gần lên tiếng can: "Thôi, chúng tôi cũng đi lạc đây, cũng bực lắm. Nhưng anh em có khuyết điểm thì báo cho trạm biết để kiểm điểm thôi". Anh thương binh vẫn bực bội: "Ở chiến trường, không chết vì Mỹ khéo ra đây chết vì mấy thằng giao liên này! Tôi mà biết thằng nào dẫn đường hôm nay, tôi phải vụt cho nó mấy gậy".

Quan hệ giữa thương binh và các trạm giao liên trên đường dây những ngày này có nhiều chuyện căng thẳng. Thỉnh thoảng lại có xô xát, đánh chửi nhau... Thậm chí, đã có trường hợp, thương binh nổ súng, bắn chết một cán bộ đại đội giao liên!

Các trạm giao liên thì phàn nàn có thương binh giết lợn tăng gia của trạm. Một trạm trưởng kể lại: "Các tướng ấy tài lắm, cả một con lợn sáu bảy chục ký mà mấy ông ấy lôi vào rừng, chỉ có con dao và một cái hăng gô cũng làm lông, đánh tiết canh, xào nấu ăn hết được!".

Trạm khác thì đưa chúng tôi xem một tang vật là một sợi dây cước dài, đầu buộc một lưỡi câu: "Đây các anh xem. Giữa ban ngày, ban mặt, các ông ấy ngồi trong lán, thả cái lưỡi câu, có móc con giun ra vườn. Thế là con gà mái tơ của trạm đang kiếm ăn gần đó, bập ngay vào. Các bố cứ ngồi trong nhà kéo sợi dây. Con gà khốn nạn, bị mắc vào họng không kêu được một tiếng, chỉ vỗ cánh sành sạch, bị lôi vào nhà". Anh thở dài lắc đầu: "Thương binh mà! Công thần lắm các anh ơi!". Tôi chỉ nhận xét: "Chả phải thế đâu. Ở đây

các anh chỉ có 50-70 thương bệnh binh qua trạm một ngày, chứ ở trong kia, chúng tôi có hàng ngàn thương binh, mà điều kiện còn khó khăn hơn đây nhiều. Căn bản là ở thái độ phục vụ... Trong kia khi họ thấy chúng tôi chịu đói khổ như họ, hàng ngày từ Viện trưởng, Viện phó đều vào rừng hái măng cho họ ăn, thì họ chỉ có thương chúng tôi, không làm gì có chuyện đánh chửi nhân viên. Thậm chí không một ai nói nặng lời với nhân viên chúng tôi... Còn ở đây, trong khi họ phải ăn đói, mà các anh vẫn đổ cả rổ cơm cho đàn lợn hàng chục con béo múp míp của trạm thì họ giết lợn của các anh là không oan đâu".

Từ trạm 31 chuyển sang trạm 15, qua một dốc núi cao, đi trong mây mù mịt. Leo dốc toát mồ hôi nhưng tới chỗ nghỉ, ngồi một lúc là thấy rét. Những bãi bom B52 ở cạnh đường, tiếng máy bay quần lượn suốt ngày trên khu vực.

Ngày 16 tháng 8 năm 1971. Đến trạm 12, gặp đoàn cán bộ của Cục Quân y vào chiến trường, có anh Nguyễn Sỹ Quốc, Cục phó Cục Quân y, anh Bùi Đại, chuyên gia về bệnh truyền nhiễm và là bạn cùng lớp với tôi.

Vui mừng tíu tít, các anh chuyển cho tôi một tập thư của hậu phương. Tôi liếc nhìn qua phong bì, thấy có thư của các bạn, của các anh chỉ huy Viện 108... nhưng không có thư của Hương và gia đình làm cho tôi hơi ngạc nhiên. Chiều và tối hôm đó tíu tít chuyện hậu phương, chuyện chiến trường, nên tôi chưa kịp đọc thư.

Tối hôm đó, tôi nằm ngủ với anh Đại, tiếp tục câu chuyện về tình hình Hà Nội, bạn bè 108, 103, tôi thì kể về các kinh nghiệm đi đường và công tác ở chiến trường. Thỉnh thoảng anh Đại lại hỏi gặng tôi: "Đã lâu anh có nhận được thư của chị không?". Nhưng tôi cũng không để ý.

Sáng hôm sau, các anh chuẩn bị lên đường. Còn chúng tôi là ngày nghỉ nên tiễn các anh lên đường rồi mới quay về nhà, mở thư ra đọc. Thư của anh Lý, Chính uỷ 108, mở đầu bằng một câu làm cho tôi sửng sốt: "Chắc anh đã nhận được thư của chị về tin cháu mất. Chúng tôi đã ra chia buồn với chị...".

Trời ơi, lẽ nào như vậy sao? Con gái độc nhất của tôi, Lộc mất rồi sao?...

Mở vội những thư khác của các anh Vinh, Âu... không có tin gì thêm.

Tôi vứt tập thư lên võng, chạy đuổi theo đoàn anh Đại. Các anh đi chưa xa nên đuổi một đoạn thì kịp. Anh Đại bối rối, nói thực: "Đúng là cháu mất, trong một tai nạn. Cháu lên sân thượng phơi quần áo, trượt chân ngã. Thấy anh đang đi ra vui vẻ, nên chúng tôi không muốn để anh buồn. Chỉ vài ngày nữa về tới nhà, anh sẽ biết tin".

Một ngày liền, tôi nằm bẹp trên võng, cơm không muốn ăn, nước mắt cứ trào ra giàn giụa. Làm sao, làm sao lại như vậy được. Con thân yêu ơi!

Những ngày sau, tôi đi theo anh em mà cứ như đi trong mơ. Có thể như vậy được chăng. Hay là tin nhầm. Nhớ lại lúc ra đi, con khóc réo ôm chầm lấy bố, nhớ tiếng nói ngọng nghịu của đứa con gái nhỏ, khoẻ mạnh, thông minh, xinh xắn. Nhớ buổi chia tay trên con đường làng đất đỏ. Con líu lo kể chuyện, không hiểu gì về việc bố sắp vào chiến trường. Mấy hôm trước vẫn định qua trạm 10 lấy phong lan tặng con gái có chút quà Trường Sơn và sau này, mỗi lần sinh nhật con lại tặng con một loài phong lan mới. Hôm đi, bố hứa sẽ mua cho con một chiếc xe đạp mà chưa thực hiện được. Lại tưởng tượng hình ảnh con đầm đìa trong vũng máu. Trời, cái nhà gác quái ác, cái nhà ba tầng ấy như đè nặng lên tôi. Căn buồng nhỏ chật hẹp, quanh năm thiếu ánh sáng và không khí... và bây giờ thêm một tai hoạ, đứa con gái nhỏ ngã từ tầng thượng xuống.

Những năm dài trong chiến trường, lắm lúc nghĩ khi ra có thể không còn được gặp một vài người thân trong gia đình. Nhưng không bao giờ tôi có thể nghĩ rằng sẽ không gặp lại con gái.

Buổi tối nằm trong võng, sau những chặng hành quân dài mệt nhọc, nhớ tới con da diết và khóc như đứa trẻ. Lắm lúc tôi nghĩ không muốn ra nữa mà muốn quay lại chiến trường.

Những ngày sau tiếp tục đi, trời vẫn mưa sụt sùi. Chân lội bùn, leo dốc. Qua ngã ba sông Tà Lê, nước chảy cuồn cuộn. Tôi vẫn thấy hình ảnh đứa con gái bé nhỏ, ngây thơ, có giọng nói ngọng nghịu vẫn theo tôi như trong cơn mơ.

Trưa 15 tháng 8, chặng cuối cùng của đường hành quân đi bộ. Trên đường ôtô, các đoàn thanh niên xung phong, công binh nam và nữ lao động nhộn nhịp. Tiếng mìn nổ suốt ngày. Máy bay địch vẫn sèn sẹt trên đầu.

Buổi chiều ăn cơm xong, ra bãi chờ ôtô. Lội một quãng đường bùn lầy lội tới bắp chân, leo một dốc cao, qua một khu rừng kín, ra tới ngã ba đường ôtô, ở một bãi phẳng rộng, lầy lội trên một đỉnh đồi, có một vài công sự bên cạnh đường.

5 giờ chiều xe đến. Một chiếc xe Zin loại lớn, mọi người chen chúc nhau trên thùng xe. Một chiếc máy bay DC-10 vè vè đằng xa, chiếc ôtô trơ trụi giữa đường. Không khí căng thẳng, mọi người hồi hộp theo dõi. Chiếc DC-10, đang bay những vòng hẹp như đang quan sát mặt đất rồi lao xuống thấp, chui vào những đám mây đen, cút thẳng về hướng Đông.

Xe chuyển bánh. Sau vài phút đầu phấn khởi được đi ôtô, nhưng niềm phấn khởi không được lâu. Xe chạy băng băng trên con đường đầy ổ gà, ổ trâu, chồm chồm như con ngựa bất kham. Người ngồi chen chúc trên sàn xe, đầu gối, khuỷu tay anh nọ thúc vào ngực, vào bụng anh kia kêu oai oái cãi nhau ầm ỹ. Đôi mông nện thình thình như giã giò trên sàn xe có những thanh sắt ngang dọc, đau điếng. Đầu lắc lư, đập vào thành xe. Chiếc ba lô của người ngồi cạnh, có một thùng sát bên trong đè vào cẳng chân.

Con đường quân sự làm gấp, lại bị bom tàn phá, xe lắc lư chồm lên thụt xuống. Người ngồi trên xe cũng lắc lư, nhảy nhót theo, thúc vào nhau như tra tấn.

Xe cứ chạy băng băng. Tiếng đập ầm ầm lên thùng ca bin, chỗ lái xe ngồi, tiếng các thương binh la thét, chửi rủa ầm ỹ: "Chạy chậm lại, chạy chậm lại! Đ... mẹ chúng mày, chở người hay chở lợn đấy". Một anh kêu to: "Gẫy cha nó cái xương sườn đây này. Đ... mẹ nó, chạy gì mà như đi ăn cướp thế?". Tiếng đập vào ca bin ầm ầm nhưng xe vẫn lao vun vút trong đêm. Con đường chúng tôi đang đi nằm trên biên giới Lào - Việt mà lúc này Giônxơn đã phải ngừng bắn trên địa phận Việt Nam, nhưng tiếp tục đánh phá ác liệt trên đất Lào.

Lái xe biết rõ điều đó, nên phóng xe thục mạng để sớm sang địa phận Việt Nam, thoát khỏi khu vực có thể bị oanh tạc bất cứ lúc nào.

Đến một trạm ba-ri-e cạnh đường, một cây tre chắn ngang đường, ánh đèn dầu tù mù trong trạm. Căn hầm đào sâu vào vách núi. Những xác xe đổ, những mảnh sắt màu sơn còn mới, những hố đầy nước như những chiếc ao to ở cạnh đường.

Biên giới đây rồi. Bắt đầu từ đây sang địa phận tỉnh Quảng Bình. Xe chạy êm hơn. Con đường ngoằn ngoèo trên đỉnh núi, xuống thấp dần. Hai bên đường bắt đầu thấy lấp loáng ánh đèn của nhà dân ven đường, những thửa ruộng với những cây lúa mảnh dẻ như những bàn tay vẫy vẫy người đi xa trở về. Con đường trắng trắng đột ngột đen thẫm. Xe rú ga, chạy vút êm như ru. Đường nhựa đây rồi. Mọi người vui sướng báo tin cho nhau. Con đường như dải lụa phẳng, bánh xe lăn như bay.

10 giờ đêm, tới Cự Nẫm, trời xanh thẫm đầy sao. Chúng tôi hít thở thật sâu, ngửa mặt ngắm bầu trời không chán mắt. Ôi, hơn năm năm nay mới lại được trông thấy bầu trời cao lồng lộng, có những ngôi sao lấp lánh tít trên cao.

Sáng dậy, có cảm giác như một cuộc đời, như bừng tỉnh một giấc mơ dài

khủng khiếp.

Cảnh vật đã khác hẳn. Mới hôm qua còn lội bì bõm, bùn ngập tới bắp chân, trời mưa sụt sùi, dưới những vòm lá rừng nặng sũng, liên tiếp như thiên la địa võng, tưởng không bao giờ hết. Thế mà hôm nay, đã như ở giữa mùa hè, nắng chói chang. Đường khô bụi mù rộng thênh thang. Tầm mắt nhìn hình như bỗng nhiên rộng rãi hẳn ra. Không còn bị các cây rừng chặn lại. Những xóm làng đông vui, những cánh đồng bằng phẳng tít tắp tới chân trời. Thấy một đàn trẻ em ríu rít đi học mà tôi thấy nao nao trong lòng, như thấy một cái gì thật mới lạ mà cũng thật gần gũi. Mới sực nhớ ra là trong hơn năm năm hầu như không trông thấy, không nói chuyện, không nghe thấy tiếng nói, tiếng cười, tiếng khóc của trẻ con.

Trạm giao liên đặt tại xã Cự Nẫm. Máy cày chạy trên cánh đồng, những đoàn dân công hoả tuyến từ Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, tập trung về đây để rồi tiếp tục đi ra phía trước.

Mọi người tranh thủ tắm giặt. Ở đây chỉ thấy thiếu một thứ quen thuộc ở chiến trường; thiếu một dòng suối mát! Ở đây phải tắm giếng, múc nước ở một hố bom. Giặt thoả thích hết quần áo, chăn màn, tăng, võng ba lô... như muốn rũ sạch hết bụi đường. Hưởng cái thú được tự do phơi phóng ngoài trời nắng. Đây là lần đầu tiên trong năm năm, được phơi quần áo ngoài trời mà không nơm nớp sợ máy bay, không bị ai la hét. Những rặng núi đã lùi ra xa, xanh xanh ở phía chân trời.

Chúng tôi ở lại Cự Nẫm hai ngày, chờ xe ra Hà Nội. Mỗi người được phát tiền "cửa rừng" là tiền tiêu vặt hàng ngày. Nhận được những tờ giấy bạc mới tinh còn thơm mùi mực in cũng làm cho tôi xúc động. Đã hơn năm năm nay, chúng tôi hầu như đã quên việc mua bán, không sử dụng đồng tiền, không có cửa hàng, không có chợ búa, chỉ biết lĩnh trên, phát dưới. Sống trong một hình thái kinh tế thật thô sơ, nguyên thuỷ, lấy hàng đổi hàng, không còn biết đến đồng tiền.

Sau hai ngày chờ ở Cự Nẫm, chúng tôi được ưu tiên đi xe. Mất thêm hai ngày đi ô tô ra Hà Nội. Đêm nghỉ ở Vinh, thành phố bị đổ nát, tan hoang. Lúc này tôi mới thật chắc là sẽ về tới nhà nên đi tìm trạm Bưu điện, điện cho gia đình báo tin sắp ra.

Ngày 19 tháng 8 năm 1971 ra tới Hà Nội, trời mưa như trút. Hà Nội đang căng thẳng vì nước to, lo vỡ đê.

Nhận được điện, gia đình tôi ra đón ở trạm 66, đường Lý Nam Đế từ trưa hôm 19, ngóng chờ suốt đến chiều không thấy xe ra. Buổi tối xe mới tới nơi. Hương thấy tôi oà lên khóc. Em gầy hốc hác đi nhiều. Tôi ôm choàng

lấy Hương rồi vỗ vào lưng, cố an ủi: "Anh biết tin con rồi... biết tin con rồi...".

Theo đúng thủ tục đáng lẽ chúng tôi phải ngủ lại trạm đêm hôm đó, học tập nội quy rồi mới được về nhà. Nhưng trước cảnh các gia đình ra đón chồng con tấp nập, trạm đành phải linh hoạt cho về nhà luôn.

Sáng hôm sau, tôi bật dậy trong tiếng máy bay trực thăng nổ phành phạch trên trời. Hốt hoảng, tưởng như biệt kích đổ xuống đâu đây. Phải một lúc tôi mới hiểu ra là đang ở Hà Nội. Thì ra là máy bay trực thăng của bộ đội đang đi hộ đê, chống lụt!

Tối hôm đó và những ngày sau, gia đình tôi tấp nập như ngày hội, các anh chị em, họ hàng, bạn bè... mừng rỡ đến thăm hỏi. Cha mẹ tôi, lúc này đã ở tuổi trên 70. Hai cụ tuy gầy, nhưng mạnh khoẻ, hàng ngày vẫn đọc báo, xem sách. Mấy năm trước để tránh cuộc chiến tranh phá hoại, cha mẹ tôi phải đi sơ tán lên Bắc Giang, nơi vợ con tôi theo trường sơ tán, rồi lại lên sống với gia đình anh thứ năm của tôi, anh Lâm, kỹ sư thủy lợi ở Phú Thọ, rồi lên Đoan Hùng ở với gia đình chú em út, chú Vinh, dạy học ở đó và mới trở về Hà Nội từ khi Mỹ ngừng đánh phá miền Bắc.

Các anh chị tôi, anh chị Hoè, anh cả tôi, một kỹ sư cầu đường có kinh nghiệm. Anh đã khảo sát đường lên Điện Biên Phủ trong kháng chiến chống Pháp và tham gia thiết kế đoạn đường mòn Hồ Chí Minh, từ Quảng Bình qua Lào. Các em tôi ở Hà Nội, đến thăm tôi ngay tối hôm đầu. Các anh em tôi, công tác ở các tỉnh xa từ Hải Phòng, Việt Trì, Đoan Hùng mặc dầu lụt lội, đi lại rất khó khăn cũng tấp nập về Hà Nội thăm tôi ngay ngày hôm sau.

Cũng ngay tối hôm đó, tôi sang thăm gia đình bên ngoại. Cha mẹ vợ tôi, đều vẫn mạnh khoẻ. Các em vợ tôi đều đã trưởng thành, người là sĩ quan quân đội, người thì đã tốt nghiệp các trường Đại học và đang tiếp tục đi nghiên cứu thực tập ở Liên Xô, Trung Quốc, Tiệp Khắc.

Trong chiến tranh gia đình bên ngoại của tôi cũng bị mất một chú em rể, chồng cô Hồng, em út vợ tôi. Là một hiệu trưởng một trường miền Nam, chú được điều động vào công tác ở chiến trường khu 6 năm 1965, khi con gái đầu lòng, cháu Hồng Hà mới được bốn tháng. Sau đó bặt tin luôn. Hai năm sau, nhân có một đoàn cán bộ khu 6 ra hậu phương và nghỉ lại ở Bệnh viện 211, tôi mới hỏi được tin: Chú đã bị hy sinh trong một cuộc bắn phá của máy bay địch vào căn cứ.

Trở lại ngôi nhà cũ, nơi vợ chồng chúng tôi chung sống hơn mười năm nay, trong một căn phòng hẹp, nhìn chỗ con gái tôi trượt chân ngã từ sân thượng gác ba xuống đất mà không sao cầm được nước mắt.

Chúng tôi xuống thăm mộ cháu ở Văn Điển. Sau năm năm xa gia đình. Quà của bố mang về tặng con lại là một vòng hoa trắng? Chúng tôi ngồi bên mộ con một hồi lâu, cắm từng bông hoa lên mộ con. Nhìn nấm mộ con gái tôi mới 14 tuổi đời, nằm thẳng hàng giữa các ngôi mộ các cụ già 70-80 tuổi, thật là vô cùng đau xót.

Ngày 10 tháng 9 năm 1971. Chúng tôi thật bận rộn với việc đưa thư và quà của các anh em trong chiến trường gửi ra cho gia đình. Chúng tôi phải chia nhau. Một số thư ở xa thì đành phải gửi bưu điện. Còn các gia đình ở gần, khu vực Hà Nội, Hà Đông... thì cố gắng đến tận nhà đưa thư và thăm hỏi.

Những ngày này, nhà tôi tấp nập khách khứa ra vào. Ngoài anh em, bạn bè, họ hàng, số đông nhất là gia đình các anh chị em đang còn ở chiến trường. Biết tôi đi đã hơn năm năm, nhiều bà con, họ hàng bảo tôi rất chân thành: "Thôi đi thế là đủ rồi, để lượt người khác". Có người nói ý tứ hơn: "Thôi hoa thơm, dành cho mỗi người hưởng một chút, các anh hưởng như thế là đủ rồi".

Tới đâu cũng được mời ăn uống chiêu đãi. Tôi không còn đủ thời gian để đi dự hết các bữa liên hoan.

Đi họp về đến nhà, bữa nào cũng có ba bốn đám khách ngồi chờ. Không ai bảo ai mà mọi người đều đến thăm tôi vào đúng bữa cơm chiều, vì đúng lúc đó là tôi mới có mặt ở nhà.

Nhiều gia đình sau khi nhận được thư do chúng tôi chuyển ra, tìm tới tận nhà để hỏi thăm tin tức cho thật rõ. Có gia đình ở Nghệ An, Hà Tĩnh cũng ra, có chị ở Nam Định, Thái Bình về. Có anh em trong đơn vị tôi biết rõ có thể nói tỉ mỉ tình hình sức khoẻ, tình hình công tác. Nhưng cũng có người ở đơn vị khác, tôi không biết mặt, biết tên. Không hiểu sao gia đình cũng biết chúng tôi từ Tây Nguyên ra và đến hỏi thăm. Trong những trường hợp này, tôi cũng chỉ đành kể chuyện chiến trường chung chung. Cố gắng tìm những chuyện vui để bà con yên lòng.

Thăm các gia đình có người thân đi chiến trường lâu ngày, tôi thấy thật tội nghiệp. Nhiều chị héo hon vì chờ đợi. Nhiều lúc tôi nghĩ tới những hòn vọng phu. Có lẽ không phải không có lý do mà khắp trên đất nước mình, suốt dọc theo chiều dài biên giới, trên đất liền cũng như trên biển, đâu đâu cũng có những hòn vọng phu, những nàng Tô Thị! Chờ chồng đi xa đến hoá thành đá! Phải chăng đó là truyền thống đã trở thành huyền thoại của người phụ nữ Việt Nam?

Chắc chắn, những cảnh nhỡ nhàng, không chịu nổi nỗi cô đơn xa cách,

không phải là không có. Nhưng đa số gia đình mà tôi gặp thấy đều thủy chung, chờ đợi.

Các chị kể lại cho chúng tôi nghe những cảnh gia đình thật éo le, những khó khăn do người chồng đi xa, và nỗi mong chờ ngày đoàn tụ. Nhiều gia đình chứng minh cho hình ảnh, được anh em ở chiến trường tổng kết tóm gọn ở 3 chữ d: "Vợ già, nhà dột, con dốt", thật đáng buồn!

Đoàn chúng tôi, được coi như rất may mắn so mới anh em còn ở trong chiến trường, là dù sao cũng còn có dịp được thăm gia đình, sau năm năm xa cách. Tuy nhiên cũng gặp nhiều chuyện bất ngờ. Anh Hiếu khoác ba lô về khu tập thể, nơi anh chị ở, thấy quang cảnh đổi thay nhiều. Gặp một đám trẻ con đang chơi bi dưới sân, bỡ ngỡ hỏi thăm nhà, thì được một cháu chỉ một đứa đứng cạnh: "Đây con nhà bác ấy đây". Anh trố mắt nhìn đứa trẻ mà anh không nhận ra đây là con mình. Khi ra đi cháu mới lên hai mà nay đã lên bảy, lên tám. Các anh khác cũng tương tự. Nhiều anh có hoàn cảnh khá éo le.

Ngày 17 tháng 9 năm 1971. Nhân có việc phải lên Bắc Giang dự đám cưới của cậu Sinh, cần vụ của tôi, tôi nhận mang thư của anh em ở chiến trường gửi các gia đình ở Bắc Ninh.

Trong số thư có lá thư của một anh Binh trạm trưởng, gửi qua anh Thiêm đưa về cho vợ là một bác sĩ ở Bắc Ninh. Nhân tôi về anh Thiêm gửi tôi chuyển hộ.

Tôi và anh Hiếu đạp xe từ Hà Nội, gần trưa mới tới Thị xã Bắc Ninh và mất khá nhiều thời gian mới tìm ra nhà.

Căn nhà tềnh toàng, hiện rõ ra cảnh thiếu thốn của một gia đình bộ đội đi xa. Chị người bé nhỏ gầy gò. Chị tỏ ý rất vui mừng khi nhận được thư, vội vàng mở ra đọc ngay. Nhưng sau khi đọc, có vẻ tư lự, băn khoăn điều gì mà không nói ra.

Ngay cả khi biết chúng tôi đạp xe từ Hà Nội sang, chị cũng quên không mời uống nước. Câu chuyện nhạt nhẽo rồi chúng tôi cáo từ ra đi.

Tôi rất băn khoăn và ngạc nhiên. Cách cư xử của chị thật khác với biết bao gia đình mà tôi đến thăm.

Sau này trên đường vào lại chiến trường, tôi kể câu chuyện cho anh Thiêm nghe. Anh mới vỗ tay lên trán một cái rồi nói: "Chết rồi, bây giờ, tôi mới nhớ ra. Khi ông ấy gửi lá thư, có nhờ tôi cầm hộ cho chị một miếng cao voi! Nhưng vì nặng, nên tôi chỉ nhận thư. Có lẽ thư viết từ trước trong đó nói có gửi quà về cho gia đình. Anh ấy đã không kịp sửa lại khi tôi không

nhận mang quà. Nên chị ấy đợi anh đưa quà mà không thấy, cũng không dám hỏi vì nể".

Ngày 30 tháng 9 năm 1971. Từ hôm 20 tháng 9, chính thức vào Hội nghị. Họp liên tiếp một tuần rồi đi tham quan các cơ sở Dân y, Quân y viện 108, Quân y viện 9, Đại học Quân y, trường Quân y trung cấp, kho C, kho B, Bệnh viện Việt Đức, Viện Đông y... chương trình làm việc khá căng, trong khi đó tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng của Bộ, Cục Chính sách, Cục Quân y... đồng thời chuẩn bị dụng cụ, phương tiện để đưa vào chiến trường.

Tình cảm của hậu phương với tiền tuyến thật là cảm động. Tới đâu, chúng tôi cũng được tiếp đón thật là ân cần, niềm nở. Tiệc tùng, liên hoan, biểu diễn văn nghệ. Nhiều nơi muốn mời đoàn đến trao đổi kinh nghiệm, nói chuyện chiến trường.

Nhân dịp các cán bộ ở chiến trường ra. Các cơ quan của Tổng cục giành một số buổi nghe chúng tôi phát biểu ý kiến.

Sau gần một tháng về gia đình và thăm gia đình anh em còn ở chiến trường, tôi thấy một số điều bất công. Trong buổi họp với Cục chính sách, tôi phát biểu thẳng một số ý kiến về chính sách ở cán bộ bộ đội đi B. Các chính sách đề bạt, bồi dưỡng, đi học nước ngoài... hình như quên anh em đi B, kể cả lương bổng... sự bất hợp lý của chính sách "Bê trọc" với người đi không có gia đình, việc trừ lương theo bình quân thu nhập gia đình... Tôi nêu: "Trong 5 năm ở chiến trường, không một cán bộ nào ở chiến trường được gọi ra đi học trong khi hàng năm, hàng trăm cán bộ ở hậu phương được cử đi bồi dưỡng học tập nước ngoài"... "5 cán bộ trung cấp trong đoàn chúng tôi, về hỏi gia đình mới biết mỗi tháng bị trừ từ 50 đến 75 đồng". Tôi hỏi: "Chúng tôi ăn gì ở chiến trường mà trừ của gia đình chúng tôi như vậy. Trong khi mọi người đi học Liên Xô, Đức... chỉ bị trừ 27 đồng?". Tôi kết luận: "Chúng tôi không cần chính sách ưu đãi cho chúng tôi, mà chúng tôi chỉ đề nghị có sự công bằng".

Nghe câu nói đó Cục trưởng Cục Chính sách đỏ mặt, giẫy nảy lên: "Chúng tôi ưu tiên cho các anh nhiều chứ!". Sau đó ông giải thích: "Các anh bị trừ lương nhiều là vì các anh ít con, bình quân thu nhập gia đình cao. Chứ những người 8-9 con thì Nhà nước phải bù bao nhiêu?". Tôi vặn lại: "Thế tại sao không lấy tiền của tất cả mọi người bù cho người đông con, mà lại lấy tiền của anh đi B bù cho anh đi B đông con?".

Ngay trong Hội nghị, anh em cũng chỉ vào cổ áo tôi. Sau năm năm ở chiến trường tôi vẫn giữ nguyên cấp bậc khi ra đi, một sao, hai gạch. Trong khi các cán bộ ở hậu phương, cùng cấp với tôi khi đi, nay đã đeo hai sao!

Đoàn khu 5 còn có chuyện vô lý hơn. Đó là trường hợp một bác sĩ khi ra đi mang cấp thượng uý, vào chiến trường phiên thành đại đội bậc trưởng. Sau sáu năm ở chiến trường được đề bạt lên tiểu đoàn bậc phó. Khi ra Bắc được phiên trở lại thành thượng uý! Tóm lại vẫn nguyên như cũ! Thật hết sức vô lý!

Sau này trở vào chiến trường, chúng tôi báo cáo lại các vấn đề này với các anh Tư lệnh chiến trường. Các anh cũng đồng ý với chúng tôi là cần có những kiến nghị về chính sách với cán bộ đi B, và thực tế, trong những năm sau 1972-1973, một số chính sách không hợp lý đã được thay đổi.

Ngày 5 tháng 10 năm 1971. Trong buổi đi tham quan Bệnh viện Việt Đức, tôi gặp lại Giáo sư Tôn Thất Tùng, thầy học của tôi. Ông vừa là một nhà khoa học đầy sáng tạo, một phẫu thuật viên có bàn tay vàng, vừa là một người anh và một người thày, thẳng thắn bộc trực, đôi khi nóng nảy khi uốn nắn những sai sót của chúng tôi.

Tôi còn nhớ những kỷ niệm về anh khi lần đầu gặp anh năm 1947-1948, trong kháng chiến chống Pháp, ở trường Đại học Y lúc đó sơ tán ở Ngòi Quãng, Tuyên Quang. Anh lội qua Ngòi Quãng để sang lên lớp cho chúng tôi, đeo trên thắt lưng lủng lẳng một thanh kiếm Nhật... Những lần anh ra chiến trường mổ cho thương binh trong chiến dịch Trần Hưng Đạo, Vĩnh Yên, năm 1951 và Điện Biên Phủ năm 1954. Rồi sau này về Hà Nội khi tôi làm Nội trú ở Bệnh viện Việt Đức, đôi khi trong chẩn đoán, điều trị hoặc phụ mổ cho anh, bị anh quát cho đến ngượng mặt trước những sinh viên trẻ và các cô y tá. Nhưng anh vẫn lộ ra lòng nhân ái, mong muốn sự tiến bộ cho thế hệ trẻ.

Gặp lại anh, tôi rất mừng, thấy anh vẫn khoẻ mạnh. Anh cũng rất vui gặp lại tôi, mời tôi và vợ tôi đến nhà, ăn cơm với anh chị. Anh chị Tùng tiếp vợ chồng chúng tôi trong căn buồng nhỏ, đầy sách vở. Trong bữa cơm, ngồi chung quanh một chiếc bàn dài còn có hai bác Hồ Đắc Di, cũng là một thầy học nữa của chúng tôi trong trường Y. Bác Di tuy tuổi đã cao nhưng rất sắc xảo và hóm hỉnh.

Trong bữa cơm, bác Di và anh Tùng hỏi tôi rất nhiều về tình hình chiến trường, công việc chăm sóc thương binh. Anh Tùng hỏi tôi: "Trong ấy các cậu mổ các thương binh nặng, lấy máu đâu mà truyền cho anh em?". Tôi lắc đầu: "Không làm gì có máu... Nếu cần lắm thì lấy máu của chính chúng tôi để truyền cho thương binh nặng!".

Anh cho tôi biết sự giúp đỡ quốc tế đối với cuộc kháng chiến của ta. Các nước lập ngân hàng máu cho ViệtNam và hỏi: "Có thể nào chuyển máu vào

chiến trường được không?".

Tôi nghĩ tới quãng đường từ chiến trường về Hà Nội, nên nói: "Không thể nào chuyển được đâu anh ạ?". Anh tỏ vẻ rất bản khoăn, hỏi gặng thêm: "Từ Luân Đôn, Pari, người ta còn chuyển sang đây được mà từ đây nào Nam không chuyển được sao? Có thể đặt các frigidaire (tủ lạnh) từng trạm để chuyển".

Tôi vẫn lắc đầu: "Anh không thể tưởng tượng được đường đi kinh khủng như thế nào đâu. May ra có thể chuyển cho chiến trường gần ngoài này. Còn trong sâu, như khu 5, Tây Nguyên... thì chắc không thể được".

Một lúc khác anh lại hỏi tôi: "Trong ấy cậu có gặp ung thư gan không?". Tôi trả lời: "Có, thỉnh thoảng tôi có gặp!".

Anh lại hỏi: "Có thể nào cậu gửi ra cho tôi một miếng gan ung thư hay không?". Tôi ngạc nhiên: "Để anh làm gì?".

- Để xét nghiệm tìm dioxin.

Đây là lần đầu tiên tôi nghe nói đến chất dioxin, từ chất Da cam - Tôi biết anh đã là nhà khoa học Việt Nam đầu tiên nêu lên vấn đề về tác hại của chất Da cam với sức khoẻ nhân dân ta.

Hơn 15 năm sau, năm 1986, Hội nghị Quốc tế lần thứ sáu về Dioxin họp ở Nhật Bản - một nhà khoa học Hoa Kỳ, ông J.Constable - người đã cộng tác nhiều năm với Giáo sư Tôn Thất Tùng trong vấn đề này. Trong một lúc rỗi rãi giữa phiên họp, chỉ hội trường đông nghẹt các nhà khoa học của thế giới và Nhật Bản, Constable, nói với tôi một cách rất tự hào: "Anh thấy không. Hai mươi năm trước, khi chúng tôi và Tôn Thất Tùng nói tới hiểm hoạ của dioxin và chất Da cam thì chúng nó không đứa nào nghe mà còn chửi chúng tôi là tuyên truyền cộng sản. Bây giờ thì anh thấy đấy, chúng nó phải thừa nhận chúng tôi đã dự kiến chính xác như thế nào!".

Ngày 10 tháng 11 năm 1971. Hôm trước, chị Trạch, vợ anh Minh, bác sĩ khoa 33, đến tìm tôi, chị là bác sĩ Nhi, hiện công tác ở một bệnh viện Hà Nội.

Sau nhiều câu hỏi đắn đo, chị có vẻ rất bối rối, nước mắt chạy quanh, đột ngột hỏi tôi: "Anh có tin gì mới về Bệnh viện của anh ở Tây Nguyên không?". Tôi ngạc nhiên: "Không, không có tin gì cả, chắc không có gì đặc biệt".

Chị hỏi gặng: "Anh nói thực đi, có điều gì xảy ra với anh Minh không?".

Nhìn vẻ mặt lo lắng, đau khổ của chị, tôi càng ngạc nhiên hơn: "Không, không có tin gì cả. Anh vẫn bình thường. Hôm mới ra, tôi chả đã mang mấy lá thư của anh cho chị rồi là gì?".

Chị khóc thực sự: "Nhưng mấy đoàn vừa ra, không thấy có thư anh ấy".

Tôi an ủi: "Ôi, Tây Nguyên là một chiến trường rất rộng. Có đoàn ra gặp thì gửi được thư. Nếu không gặp thì làm sao anh Minh gửi được?".

Chị có vẻ không yên tâm lắm, nhưng cũng đành lau nước mắt ra về...

Ngày hôm sau, rồi hôm sau nữa, chị lại quay lại nằn nèo: "Anh đừng giấu tôi có điều gì xảy ra với anh Minh không?", làm tôi cũng đâm ra lo.

Tôi vào Cục Quân y xin điện vào Chiến trường, hỏi thăm tình hình Viện 211, Cục Quân y trả lời: "Bình thường, không có gì xảy ra cả!".

Lần gặp chị Trạch sau, sau khi báo cho chị câu trả lời của Cục quân y, tôi hỏi: "Chị nói thật cho tôi biết, có điều gì làm cho chị lo lắng đến thế?". Chị ấp úng mãi, cuối cùng mới nói cho tôi biết: "Có ông chú ở Nam Định, bất ngờ nghe đài Sài Gòn, thấy báo tin: bác sĩ Đinh Quang Minh Viện 211 Tây Nguyên nhắn tin cho gia đình là ông... Ở số nhà... Hàng Quạt Hà Nội biết tin là anh đã bị bắt trong một trận càn ngày... tháng... năm... Vậy báo tin để gia đình biết".

Nghe tin tôi thật bàng hoàng, không hiểu tại sao. Nhưng hỏi Cục Quân y thì vẫn được trả lời, từ hôm tôi rời chiến trường, tình hình Bệnh viện vẫn bình thường. Không có bác sĩ nào bị địch bắt cả...

Mấy tháng sau, gặp lại anh Minh, kể lại chuyện này, anh Minh cũng rất ngạc nhiên, vội viết thư ra cho gia đình yên tâm.

Sau này, chúng tôi mới hiểu. Một lá thư của anh Minh gửi về gia đình, ngoài bì ghi rõ địa chỉ của cụ thân sinh. Trên đường chuyển ra hậu phương, anh em giao liên gặp biệt kích, vứt lại trên đường cả gùi thư. Thế là Đài tâm lý chiến của chính quyền Sài Gòn cứ việc theo các địa chỉ ghi trên thư để nhắn tin bịa đặt, gây hoang mang cho các gia đình ở hậu phương.

Ngày 20 tháng 11 năm 1971. Mặc dầu thời gian rất ngắn, nhưng tôi vẫn phải dành một tuần vào kiểm tra mắt ở Viện Quân y 108.

Từ trước khi đi B, tôi đã được khám và chẩn đoán là bị thiên đầu thống thể đơn thuần, và đã phải điều trị bằng các loại thuốc giảm nhãn áp.

Hai năm cuối ở chiến trường tôi cảm thấy mắt trái của tôi nhìn không rõ.

Nếu bịt mắt phải, tôi không nhìn rõ mặt người ở cách xa vài mét.

Hơn năm năm, tôi mới có dịp kiểm tra mắt cẩn thận. Kết quả cho thấy, trên bảng đồ thị trường mắt trái, có một vòng đen to ở giữa... Một khu vực của mắt không nhận được ánh sáng và về thị lực thì mắt trái không còn được 1/10.

Anh Vũ Văn Cẩn Cục trưởng Cục Quân y, rất thông cảm bảo tôi: "Thôi kỳ này, có lẽ sẽ để cậu ở lại ngoài này làm việc thôi".

Tuy nhiên, Cục trưởng Cục cán bộ lại bảo tôi, nửa đùa, nửa thực: "Anh làm thế nào mà ở trong ấy, người ta "mê" anh quá. Mới ra có hơn một tháng mà đã hai ba bức điện ra nói thế nào cũng phải để Lê Cao Đài trở vào". Đến hôm trước khi lên đường, anh còn gặp tôi nói: "Thôi anh cứ yên trí. Chúng tôi sẽ cho người vào thay anh". Tôi đề nghị: "Nếu anh cho ai vào thì xin đề nghị cử người có thể thay công việc phụ trách Bệnh viện của tôi... Nếu cho anh em trẻ quá, chiến trường sẽ không đồng ý đâu".

Cục trưởng gật đầu: "Thì chúng tôi cử anh T. vào thay anh là được chứ gì?". Tôi biết anh T. là một cán bộ có trình độ và năng nổ, nên đồng ý ngay:

"Nếu được anh T, thì hay quá còn gì!".

Ngày hôm sau, có dịp gặp anh T. ở cơ sở anh đang làm việc. Tôi mau miệng kể lại câu chuyện với Cục trưởng, nhưng tôi thấy vẻ mặt anh T. thật lạnh nhạt, không nói câu nào. Và sau khi tôi khoác ba lô trở lại chiến trường độ một tháng, các đoàn vào sau cho tôi biết anh T. đã bay sang học ở nước ngoài. Câu chuyện người vào thay thế không còn thấy đặt ra nữa.

Ngày 10 tháng 12 năm 1971. Ba tháng trôi qua thật là nhanh. Cuối cùng lại lĩnh quân trang để trở vào chiến trường.

Ngày 11 tháng 12 năm 1971, chúng tôi rời Hà Nội. Từ hôm trước, anh trạm trưởng trạm 66, phổ biến cho chúng tôi: "Ngày mai, sẽ có ôtô đưa các anh đi. Khởi hành từ trạm 66 lúc 6 giờ sáng. Xin các anh đến đúng giờ. Việc tiễn đưa, từ biệt với gia đình, xin làm ở nhà. Xin đừng để các chị đến trạm".

Tôi ngạc nhiên: Tại sao lại như vậy?

Anh trạm trưởng giải thích: Lôi thôi lắm, đã có trường hợp, các chị giữ không cho xe đi. Có chị nằm lăn cả trước xe.

Từ bốn giờ sáng cả nhà tôi đã trở dậy. Khi ra cửa, cha mẹ tôi cầm tay tôi không nói được câu nào. Tôi đã dặn gia đình làm đúng yêu cầu của Trạm, không ai đưa tôi ra đến trạm, mặc dầu trạm ở ngay phố Lý Nam Đế, trong nội thành Hà Nội.

Vợ tôi nước mắt chạy quanh, cũng đành ở lại nhà. Chú em trai đèo tôi bằng xe đạp ra trạm để tôi lại rồi cũng quay về. Các anh trong đoàn cũng lần lượt tới. Chúng tôi ngồi chờ xe trong phòng khách của Trạm. Các cán bộ Cục Quân y, Tổng cục đến đông đủ tiễn đưa chúng tôi. Bỗng một bóng xe đạp phóng vào trạm. Nhìn ra là vợ tôi. Hương lúng lúng giải thích: "Anh bỏ quên cái địa bàn!". Và đưa cho tôi cái địa bàn mà tôi bỏ quên trong lúc xếp ba lô. Đưa xong, cô vẫn không ra về mà cứ loanh quanh ở lại trạm. Một lúc sau thì vợ anh Thiêm, vợ anh Minh, anh Lôi... cũng lục tục tới. Chị thì có lý do anh quên cái khăn mặt, cái bàn chải đánh răng. Cuối cùng thì các chị đều có mặt đông đủ. Cũng không ai nỡ giục các chị về.

6 giờ sáng, chiếc xe ca chở khách đến. Chúng tôi lục lục lên xe... Có chị oà lên khóc, có chị mím môi, nức nở. Chúng tôi giơ tay vẫy vẫy trong khi xe chuyển bánh. Qua cửa xe, phố phường Hà Nội như nhoà đi trong sương...

Đoàn vào thiếu anh Hiếu bị ốm đột xuất hôm trước khi chúng tôi lên đường. Anh đi sau chúng tôi mấy ngày nhưng cũng đuổi kịp khi chúng tôi vào tới chiến trường. Nhưng đoàn lại có thêm một anh, anh Tạ Thực, trợ lý hậu cần của Viện, được cử ra công tác mấy tháng trước, nay hoàn thành công việc theo chúng tôi vào. Anh Trà, Dược sỹ trung cấp ở lại nhận trang thiết bị cho xưởng Dược và sẽ áp tải hàng vào sau. Như vậy khi ra chúng tôi có 7 người, nay vào còn 6.

Trong các đồ đạc đeo trên người, tôi còn mang theo chiếc đài bán dẫn để theo dõi tin tức dọc đường, chiếc máy ảnh của Cục Quân y cấp cho Bệnh viện. Trong ba lô của tôi ngoài quần áo, tăng võng, chăn màn, ruốc, thuốc men như thường lệ còn có thêm một bộ quân cờ nhỏ bằng đầu ngón tay để giải trí dọc đường, một gói đường hoá học nhỏ thay cho đường, để có vị ngọt mà lại nhẹ. Một gói sâm Triều Tiên do chính tay cha tôi xao cho tôi, tuy bị cháy vì cụ không có kinh nghiệm làm bếp, nhưng cụ vẫn giành lấy làm cho tôi. Ngoài ra còn một bó kim băng và một gói bóng bay, dùng để làm "lương khô" dọc đường.

Đường vào vẫn náo nức các đoàn quân ra tiền tuyến. Mấy hôm đầu trời còn mưa. Các trạm T5, T6 lầy lội, dốc. Các trạm sau, khô ráo dễ đi hơn. Mấy tháng không đi bộ nên mới bị đau chân.

Tôi đi cùng ngày với đoàn Quân khu 5. Anh Ích, trưởng đoàn, người cao

gầy. Đoàn anh lúc ra đi cũng có 5 người, dọc đường có một cô dược tá cũng vào khu 5 nhưng bị ốm tụt lại và được gửi đi cùng đoàn của anh thành 6 người.

Lần này vào, chúng tôi cũng có giấy giới thiệu ưu tiên. Nhưng thay cho mã số CCC - CCC - của lần trước thì lần này mã số thay đổi: Trên giới thiệu có đóng hai chữ QL mà chúng tôi cố phán đoán, anh thì bảo là Quân Lực: anh thì bảo là Quân Lẻ. Không ai biết chính xác là gì. Tuy nhiên kinh nghiệm của hai chuyến đi trước cho chúng tôi biết là nếu trung đoàn có phụ nữ thì thường được ưu tiên hơn.

Đi mấy hôm, cùng đoàn khu 5, cùng ở một trạm giao liên. Chiều hôm đó, anh Ích, trưởng đoàn khu 5, sang chơi với đoàn chúng tôi bỗng thắc mắc hỏi tôi: "Quái nhỉ, sao anh cũng QL, tôi cũng QL mà hôm nào tôi đến cũng được ở nhà tốt hơn, cơm nhiều hơn và có thêm thức ăn hơn các anh?".

Tôi im không trả lời. Qua mấy trạm liền đều thấy vậy anh lại hỏi lại tôi.

Tôi nháy mắt, trả lời: "Có gì đâu anh ơi. Đoàn anh có cả Cu lẫn Lờ, còn đoàn tôi chỉ có Cu là Cu thì làm gì nó ưu tiên cho tôi được!".

Anh phì cười, hiểu ý tôi ám chỉ chính sách ưu tiên không thành văn của các trạm giao liên với phụ nữ. Và sau không hỏi lại nữa.

Ngày 20 tháng 12 năm 1971. Tới trạm 17 thấy anh trạm trưởng niềm nở một cách khác thường. Anh xem giấy giới thiệu và hỏi ngay: "Anh là anh Đài?". Hơi ngạc nhiên, tôi hỏi: "Vâng, có gì đấy anh?".

Anh vồn vã hỏi thăm tình hình đi đường rồi nói tiếp: Chả là chúng tôi có một đồng chí bị ruột thừa, mà đưa Bệnh viện thì xa quá. Chúng tôi chờ đồng chí suốt từ hôm qua đến hôm nay!".

Tôi ngạc nhiên: "Sao các đồng chí biết chúng tôi qua mà chờ?".

Anh trạm trưởng giải thích: "Chả là hỏi đoàn đi trước, biết đồng chí sắp qua nên bố trí người thường trực chờ".

- Thế bệnh nhân ở đâu?

- Ở đơn vị cách đây hai giờ, có liên lạc đưa đồng chí đi luôn!

Thế là chúng tôi phải đi thêm hai giờ nữa, đến kho của Binh trạm đóng ở giữa rừng. Đoàn bác sĩ đi trước chẩn đoán đúng: Triệu chứng viêm ruột thừa rõ. Anh em cho dùng kháng sinh, nên nhiễm trùng chưa lan rộng.

Ngay chiều hôm đó chúng tôi phải mổ trên một nhà sàn. Bàn mổ là một chiếc bàn bằng tre ghép tạm. Dụng cụ mổ là cả một bộ đại phẫu thuật còn nguyên mỡ va-dơ-lin bảo quản, lôi ở trong kho ra, anh y sĩ đơn vị cho cả vào một nồi to đun sôi sùng sục. Áo và khăn mổ cũng luộc, ướt lướt thướt. May kho thuốc ở gần đó cũng có thuốc gây mê tĩnh mạch và cồn sát trùng. Chúng tôi mổ dưới ánh sáng của đèn pin.

Hôm sau chúng tôi nghỉ lại một ngày. Bệnh nhân ổn định mới lại tiếp tục lên đường.

Trên dọc đường vẫn gặp những thương binh mất sức chiến đấu, trở ra, tập tễnh trên những đôi nạng gỗ. Những đoàn em bé khu 5, Nam Bộ ra Bắc học. Một vài thanh niên quần áo, ba lô, mũ mới tinh, len lét đi theo giao liên quay trở lại. Đó là mấy tên "Bê quay", mất tinh thần không dám vào chiến trường.

Đông hơn là những đoàn quân nối nhau ra tuyến lửa. Từng đoàn dài bộ binh, công binh, trinh sát, thông tin, quân y. Có những cô thanh niên trẻ măng quân phục mới, ríu rít nói cười. Các trung đoàn, tiểu đoàn đi nườm nượp gặp nhau vui vẻ, nhận đồng hương... ồn ã trong những tiếng cười đùa. Có những đoàn cán bộ đứng tuổi, có anh tóc hoa râm, phái viên của các cơ quan Bộ, Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Hậu cần. Các cán bộ địch vận, các đoàn văn công tới các trạm họ dừng lại nói chuyện tình hình thời sự hoặc biểu diễn.

Có các đoàn dân chính, giáo viên, lâm nghiệp, hoạ sĩ, thủy lợi, cả ngân hàng, giáo viên mẫu giáo mang ba lô xanh đi lẫn với bộ đội.

Đường đi vẫn ngoằn ngoèo, hết lên đèo lại xuống dốc. Những con đường mới mở, chưa chặt hết gốc cây, kín đáo dưới rừng cây. Thỉnh thoảng lại có một đường xe con cắt ngang.

Tin chiến thắng náo nức đường số 6, đầu tháng 12. Cánh Đồng Chum trong bốn ngày tiêu diệt và làm tan rã hai mươi tiểu đoàn Vàng Pao. Đài BBC đưa tin có máy bay Mic của Bắc Việt xuất hiện trên vùng trời Cánh Đồng Chum.

Cuối tháng 12 có tin Mỹ lại cho máy bay đánh các vùng Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, quân ta bắn rơi, ngày 5 chiếc, ngày 9 chiếc. Chúng nó đưa tin Việt cộng đưa 200 Mic từ Hoa Nam vào các sân bay miền Bắc.

Những đoàn quân vẫn tấp nập và kín đáo di chuyển dưới lá cây rừng như những thòng lọng thép quấn quanh cổ kẻ địch.

Những câu chuyện xì xào trong cán bộ: Năm nay sẽ giải phóng một số vùng, buộc Mỹ phải ngừng bắn rút quân...

Đang giữa mùa khô, nên đường đi cũng thuận lợi, sau mấy ngày đầu đau chân, chúng tôi đi quen dần hàng ngày theo thời gian biểu định sẵn. Sáng đi đến khoảng 1-2 giờ chiều tới trạm mới. Tắm giặt, rồi giở bàn cờ ra đánh vài ván, cho tới bữa cơm chiều. Ôn xong, mắc võng nằm nghe đài. Đủ tất cả các buổi phát thanh của đài Hà Nội, đài BBC, đài Mỹ. Tuy có chỉ thị cấm không được nghe đài địch, nhưng trong cán bộ tôi thấy hình như không ai không nghe đài BBC, đài Mỹ, vì tin của các đài này nhanh hơn. Chúng tôi sống trong tình trạng khát tin tức và có những tin tương đối khách quan. Ngược lại chúng tôi hầu như không bao giờ nghe đài Sài Gòn vì những luận điệu chống Cộng quá thô kệch và nhiều tin bịa đặt.

Trên đường vào bắt đầu lại gặp lại những tốp đồng bào địa phương mang những nông sản họ sản xuất ra cạnh đường giao liên để đổi cho bộ đội.

Tới một chỗ, tôi lấy ra một quả bóng bay, thổi căng và buộc toòng teng vào đầu một cái que. Đi ngang qua một đoàn bộ đội đang ngồi nghỉ cạnh đường, mấy cậu lính trẻ cười bảo nhau: "Các bố này mang bóng bay vào chiến trường làm gì nhỉ?".

Chúng tôi im không nói gì. Gặp một đoàn ông già, bà già dân tộc ngồi cạnh đường với một rổ sắn và mấy quả dưa. Cậu Sinh chìa quả bóng ra gạ đổi. Cả đoàn tò mò nhìn, nhưng lắc đầu không đổi. Qua một quãng rừng, một cành cây móc vào quả bóng làm nó nổ đánh bốp. Chúng tôi thất vọng nhìn nhau: "Thất bại rồi!". Sinh tần ngần nhìn mảnh cao su còn lại rồi vui vẻ: "Không sao đâu!" và ghé mồm thổi, vẫn còn phồng lên được một quả bóng to bằng quả bưởi. Anh Lôi giằng lấy quả bóng từ tay Sinh "Để tao thổi cho!". Qua hai ba toán đồng bào gồm đàn ông, đàn bà, thanh niên, anh vẫn lẳng lặng đi qua không nói gì. Chưa phải là đối tượng. Tới một đám có mấy chị dân tộc ngồi với mấy đứa trẻ. Anh Lôi chìa quả bóng cho một cháu bé, cháu thích quá ôm choàng ngay lấy thứ đồ chơi mới mẻ, chưa từng thấy bao giờ, nhất định không chịu bỏ ra, và bà mẹ thì tần ngần đành đổi một quả bí cho chúng tôi... Vừa lúc này, toán bộ đội lúc nãy đi ngang qua. Thấy chúng tôi đổi được bí, reo lên thán phục: "Các bố khôn quá!". Anh Thiêm quay lại trả lời: "Dù sao, bọn anh đã ba lần vượt Trường Sơn mới có kinh nghiệm đấy các chú em ạ!".

Ngày 6 tháng 1 năm 1972. Đến trạm 56, đường giao liên di chuyển theo tuyến đường mới. Nhiều trạm không có đủ nhà nên phải ngủ rừng. Ở trạm 51, đang nghe buổi phát thanh ca nhạc tối thì địch thả bom B52 nổ ầm ầm. Tiếp sau là bom bi nổ lốp bốp kéo dài hơn nửa giờ.

Đến trạm 53 gặp bác sĩ Lê Sỹ Liêm ở khu 5 ra. Anh cùng vào với chúng tôi năm 1966, tới năm 1967 thì được điều xuống khu 5. Anh gầy, già, tóc lốm đốm bạc. Hàn huyên tình hình khu 5, Tây Nguyên, Hà Nội, chuyện nghiên cứu khoa học. Buổi tối anh Liêm mời sang nhà, ăn xôi lạc. Gạo nếp có được nhờ anh đổi chiếc quần cho đồng bào.

Tới trạm 54, một trạm mới di chuyển, không có nhà phải mắc võng, ngủ rừng. Khi đi ngang qua lán mấy đồng chí thương binh. Một anh ngồi trên võng ngoài trời, thấy tôi đi qua, nhìn tôi chằm chằm rồi hỏi: "Có phải thủ trưởng Đài đấy không?". Tôi ngạc nhiên lại gần hỏi: "Đồng chí ở đơn vị nào mà biết tôi?".

- Tôi ở Tây Nguyên.

- Có phải điều trị ở Viện 211 phải không?

- Không, tôi điều trị ở Viện 1 - Ngừng một chút, anh nói tiếp: - Tôi cùng đơn vị với đồng chí!

Tôi ngạc nhiên nhìn kỹ anh thương binh: Một chân cụt tới gần bẹn, chưa nhận ra là ai.

- Đồng chí là gì nhỉ?

- Tôi là Tiệm...

- Ôi đồng chí Tiệm, có phải Tiệm lái xe không? - Tôi bàng hoàng.

- Phải!

Tiệm, đồng chí lái xe của đơn vị đã lái chiếc xe Hồng thập tự đưa chúng tôi từ Hà Nội vào tới Bản Đông trên đường số 9. Sau khi chúng tôi bỏ xe, chuyển sang đi bộ, anh tiếp lục lái xe vào tới Tây Nguyên. Anh là một người đứng tuổi, chắc chắn, điềm tĩnh, anh dũng... mà nay như thế này sao? Một bên ống quần lủng lẳng, lụng thụng, hai cây nạng gỗ để bên tay. Anh cho tôi biết. Từ ngày vào chiến trường, anh được điều sang đường dây VQ5, tiếp tục lái xe. Tới năm 1970 vào mùa mưa, ôtô không chạy được, anh chuyển sang đơn vị thồ bằng xe đạp. Qua một cầu tre, cầu sập, ngã từ trên cao 7 mét xuống vực. Lúc tỉnh dậy thấy cả chiếc cầu, tre nứa, gỗ đổ úp lên người. Một bên chân dập nát. Chuyển về Viện 1 điều trị, phải cưa chân tới đùi. Đến nay, thỉnh thoảng thấy ngứa ở cổ chân, thò tay định gãi mới sực nhớ ra là chân đã cụt. Mỗi lần ngã, chiếc chân cụt vẫn giơ ra để đỡ nhưng rồi lại co ngay lại. Anh vẫn có cảm giác như chiếc chân vẫn còn.

Anh phàn nàn: Đi đã bảy tháng, mà mới được nửa đường. Nhiều trạm không có người cáng, phải nằm chờ. Sốt ruột đành chống gậy đi dần. Lúc ra đi, tưởng sắp về tới hậu phương nên cho anh em bộ quần áo, chỉ còn độc nhất một bộ mặc trên người. Mỗi lần đi tắm ở các trạm nghỉ, phải tìm chọn một quãng suối vắng, phơi khô rồi tìm một bụi cây chui vào, ngồi chờ cho quần áo khô thì mặc lại.

Sáng hôm sau, trước khi lên đường, tôi đem tặng anh Tiệm một bộ quán áo để anh mặc thay đổi dọc đường.

Trên đường, những đoàn quân vẫn tấp nập vào chiến trường. Một đoàn pháo 37 ly do đường ôtô bị đánh phá ác liệt nên pháo thủ chuyển bớt sang đi bộ, ôtô chỉ dùng để kéo pháo. Đêm đêm máy bay liên tục ì ì. Tiếng bom B52, bom bi nổ ầm ầm, tiếng pháo phòng không 37 ly bắn từng loạt 5-6 phát một.

Đường hành quân qua những bãi bom B52, cây đổ ngổn ngang, những rừng cây xơ xác lá, những hố bom bi như những chiếc bát, chi chít trên mặt đất. Đến một chỗ trống, thấy một chiếc gậy cắm trên mặt đất. Đầu gậy có một mảnh giấy ghi hai chữ "Chú ý!". Mọi người xúm lại đọc tờ giấy, không hiểu chú ý cái gì, bỗng một người phát hiện, chân chiếc cọc là một quả bom bi chưa nổ. Mọi người vội vàng tản ra.

Ở trạm 55, địch thả "cây nhiệt đới" loại máy thu phát tiếng động đứng giữa cây rừng rất khó phát hiện. Ở lại đây không an toàn nên chúng tôi phải đi tiếp sang trạm sau. Như vậy buổi sáng đã phải đi 5 giờ, vượt một dốc, lại phải đi tiếp thêm 4 giờ nữa và vượt một dốc cao.

Ngày 10 tháng 1 năm 1972. Tới trạm 71. Càng vào sâu khó khăn, gian khổ càng tăng. Từ bốn hôm nay, trạm này liên tiếp bị đánh B52. Hôm đầu, đánh vào lúc chập tối, anh trạm trưởng là một cán bộ mới vào chiến trường, không có kinh nghiệm, hốt hoảng, đưa tất cả khách trong trạm đi tránh. Cả đoàn mò mẫm trong rừng. Loạt B52 thứ hai trúng đội hình, chết mất hai người, bị thương 5. Sáng hôm sau quyết định di chuyển trạm. Sang một bãi mới chưa có công sự. Một tiểu đoàn bộ binh hành quân 5 giờ chiều tới bãi khách. Hai giờ đêm, chúng nó đánh tiếp, hy sinh 4, bị thương 27. Đêm hôm trước khi chúng tôi đến trạm, chúng nó lại đánh nhưng không có thương vong.

Đêm ngủ căng thẳng. Nhà chưa có. Mắc võng ngủ cạnh hầm, giao hẹn với trạm trưởng: "Chúng tôi sẽ bám chắc vào hầm. Dù có bom B52, chúng tôi cũng sẽ không đi đâu!". May đêm hôm ấy yên ổn. Nhưng sau khi chúng tôi đi qua, chúng tiếp tục đánh vào trạm hai ngày nữa.

Các trạm phía Nam sông Bạc cách nhau khá xa, 7-8 giờ đi bộ để tránh

đường dốc. Gạo thiếu, chưa chuyển vào kịp. Nhiều trạm bị đói, có trạm ăn cháo. Thậm chí, ở trạm 72, gần 4 giờ chiều chúng tôi mới tới trạm, được đồng chí trạm trưởng tập hợp lại, hai tay xoa vào nhau tỏ vẻ rất băn khoăn, tuyên bố: "Trạm hết gạo, các đồng chí thông cảm. Xin phát cho mỗi người một bi đông nước gạo rang uống cho ấm bụng để đi ngủ.".

Sáng hôm sau, lại một bi đông nước gạo rang nữa, để đi đường sang trạm 73.

Các trạm đều mới di chuyển. Nhà ở chưa có. Phải mắc võng nằm ngoài rừng hoặc tìm những ổ lót lá cây của những đoàn đi trước để nằm cho ấm. Trời rét. Đêm nằm, mặc nguyên cả áo quần dài, áo len, áo blu dông, quấn hết các chăn màn võng vào người cũng không hết rét. Chỉ ngủ được đến khoảng 11-12 giờ đêm. Sau đó là cựa quậy, thao thức. Đến 2-3 giờ sáng là trở dậy đốt lửa sưởi, nói chuyện rì rầm hoặc bật đài nghe chờ sáng.

Gặp nhiều đoàn đi ra, phần lớn là các thương bệnh binh đã điều trị tạm thời ổn định. Gặp anh Bích, Chính trị viên khoa 34, bị ung thư gan. Anh Bích khá yếu, đi theo diện cáng nhưng cũng cố chống gậy đi bộ để giao liên đỡ phải cáng. Không biết anh có ra tới nơi được không(l).

Ngày 31 tháng 1 năm 1972. Vào tới chiến trường. Như vậy đi mất đúng hai tháng.

Sau này chúng tôi được biết anh Bích không ra kịp miền Bắc mà hy sinh ở bờ sông Bạc. Như vậy trên bờ sông Bạc có hai anh hi sinh, cùng tên là Bích. Anh Bích, Chính trị Viện 211 và anh Bích bác sĩ, Phòng tham mưu B3. Cả hai đều ung thư gan.

Chiến trường đang náo nức chuẩn bị cho những trận chiến đấu mới. Nhiều đơn vị mới vào, trang thiết bị vũ khí vẫn vượt qua hàng rào lửa ùn ùn kéo vào.

Tôi qua Phòng Hậu cần và Bộ Tư lệnh mặt trận báo cáo tình hình. Các anh đều rất vui thấy Đoàn ra công tác trở về chiến trường đông đủ. Và tất cả đều khoẻ mạnh. Anh Hoàng, Tư lệnh trưởng Mặt trận, mặc dầu đang họp Hội nghị bàn kế hoạch cho chiến dịch sắp tới, cũng ngừng họp một buổi, tiếp chúng tôi, nghe báo cáo tình hình Hội nghị Quân y các chiến trường và đánh giá Đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Anh em trong Viện náo nức chờ Đoàn vào, mang theo tin tức của hậu phương và gia đình.

BỆNH VIỆN DÃ CHIẾN Z25

Ngày 10 tháng 2 năm 1972. Về tới Viện, tổ chức một buổi họp cán bộ toàn Viện, nói chuyện tình hình miền Bắc, tình hình Hội nghị Quân y các chiến trường, sau đó một tuần lễ liền, tôi phải bận rộn tiếp khách, nói chuyện hậu phương, phát thư và quà của các gia đình.

Anh em nhận được thư, biết tin tức gia đình người thì vui, nhưng cũng có người tỏ vẻ buồn, có anh nhớ nhà, mất ngủ. Có lá thư dài đầy những lời than vãn, trách móc. Anh Tân, Hiệu trưởng trường Quân y không nhận được thư vợ mà chỉ nhận được thư con, mặc dù chúng tôi đến tận nhà để lấy thư.

Tôi kể lại cho anh Minh nghe những nỗi lo lắng của vợ anh và giục anh viết thư ngay về nhà.

Một trăm ngày trên miền Bắc qua đi như một giấc mơ. Lại trở lại những công việc bộn bề, sôi nổi ở chiến trường.

Sáng ngày 3 tháng 2, họp Thường vụ, Thủ trưởng Viện để bàn việc phục vụ chiến dịch Đông Xuân sắp tới. Công việc chuẩn bị khá khẩn trương. Hướng chiến dịch được giữ tuyệt mật, chỉ phổ biến trong chỉ huy Viện.

Để phục vụ cho chiến dịch, Viện 211 sẽ tách làm hai phân viện: Một nửa tổ chức thành Bệnh viện dã chiến, với phiên hiệu "Z25", ra sát hoả tuyến cứu chữa thương bệnh binh. Nửa Bệnh viện còn lại tiếp tục làm nhiệm vụ ở hậu phương của chiến trường.

Trong chỉ huy Viện phân công tôi ra phía trước, phụ trách Z25 cùng với bác sĩ Bích, Viện phó và anh Toản, Chính uỷ Viện. Bộ phận phía sau do bác sĩ Thìn phụ trách, cùng với anh Chí, Phó chính uỷ Viện...

Tết Nhâm Tý tới gần, chúng tôi sẽ ăn Tết như Quang Trung ngày trước: Cho bộ đội ăn Tết trước để giành những ngày Tết ra trận địa.

Z25 sẽ có khoảng hai tuần để chuẩn bị cơ sở điều trị trước ngày N, ngày nổ súng.

Không khí chuẩn bị cho chiến dịch thật náo nức. Tuy còn có nhiều khó khăn: Gạo vào nhỏ giọt. Xe tăng đã vào được nhưng pháo chưa vào được. Pháo 122 ly nòng dài chưa có đủ đạn.

Đã quyết định, Bệnh viện dã chiến Z25 sẽ gồm ba khoa lâm sàng: hai khoa Ngoại (khoa 32 và 34), một khoa Nội (khoa 22), các bộ phận Cận lâm sàng,

X quang, lý liệu, dược hoá nghiệm, phòng mổ. Tất cả 104 nhân viên. Cơ quan hậu cần phải đưa một tổ trồng rau ra trước cùng với bộ phận tiền trạm để trồng rau. Khi có thương binh về điều trị là bắt đầu có rau xanh. Các vườn rau sẽ xen vào các nương của đồng bào và phải tương tự như kiểu trồng trọt của đồng bào để trồng được rau mà không để lộ địa điểm của Bệnh viện, nhất là không để lộ hướng hoạt động của bộ đội.

Một tổ săn bắn, đánh cá cũng được tổ chức. Mối quan tâm với bộ phận này là sau khi săn được, phải làm sao chuyển nhanh được thịt về cho đơn vị.

Từ đầu tháng 1 năm 1972, chúng tôi đã cử một bộ phận đi nghiên cứu địa hình nơi sẽ triển khai Z25. Ngày 8 tháng 2 bộ phận này trở về báo cáo tình hình. Khu vực triển khai Bệnh viện dã chiến ở phía Nam dãy núi Chư Mom Ray, cách chỗ ở hiện nay 4 ngày đường. Nơi triển khai Bệnh viện có rừng cây to, đất đá khó đào công sự. Đường hành quân phải vượt qua sông Sa Thầy. Đường đi bằng phẳng, nhưng khá trống trải, qua những bãi trống đầy lau sậy, không có cây to.

Hình dung trước là tình hình sẽ rất ác liệt, dự kiến Bệnh viện sẽ phải triển khai dưới công sự, nên chúng tôi phải giành một ngày để bàn chuyên đề về việc triển khai Bệnh viện dưới tầm hoả lực pháo và bom đạn của địch. Bác sĩ Thuyên là người đã công tác nhiều năm ở Đội điều trị có nhiều kinh nghiệm làm việc trong điều kiện ác liệt của tuyến trước, được mời để giới thiệu về các kiểu hầm: hầm mổ, hầm cho thương binh bất động, hầm cho hoá nghiệm, cho dược, cho thương binh nhẹ và nhân viên.

Địch đang mở một chiến dịch đánh bom B52 trên khắp chiến trường Tây Nguyên. Các trạm giao liên 73, T2, đường dây CO2, quanh binh trạm Bắc đã bị B52 đánh nhiều trận bằng bom phá và bom bi, nhưng chủ yếu chỉ gây tổn thương cho cây rừng.

Ngày 25 tháng 2 năm 1972. Đã qua Tết Nhâm Tý. Như kế hoạch đã định, chúng tôi ăn Tết "Quang Trung" vào ngày 24 Tết.

Sau đó chúng tôi lần lượt lên đường. Tôi và bộ phận đi đầu lên đường ngày 25 Tết (10 tháng 2). Bộ phận tiền trạm đi ngày 27 Tết (12 tháng 2). Khoa 34 xuất phát ngày 14 tháng 2 (30 Tết). Khoa 32 đi ngày 15 tháng 2 (mồng 1 Tết) và khoa 22 đi cuối cùng ngày 16 tháng 2 (mồng 2 Tết).

Sáng 10 tháng 2 sau bữa liên hoan với Chỉ huy Viện chúng tôi lên đường. Trời mưa một trận đột ngột. Con đường đất ven bờ sông nghiêng nghiêng, trơn như đổ mỡ. Tôi bị ngã mấy trận nên thân, có một lần ngã xuống sông. Chiếc đài bán dẫn đeo trước ngực thúc mạnh vào ngực đau điếng, lịm đi mất một lúc mới dậy được. Cho đến mấy ngày sau, chỗ ngực vẫn còn đau.

Đêm ngủ ở trại chăn nuôi lợn của Viện.

Hôm sau qua binh trạm Bắc gặp anh Vĩnh, Chủ nhiệm Hậu cần mặt trận để nhận nhiệm vụ. Liên hoan Tết với Binh trạm Bắc, các thủ trưởng binh trạm hè nhau đổ rượu cho anh Vĩnh say mèm, làm cho tôi mất một buổi chiều không làm việc được.

Sáng hôm sau, làm việc với Binh trạm xin được một số hàng cho Bệnh viện, ni lông chống mưa, xẻng cuốc để đào công sự, hợp đồng vận chuyển lương thực thực phẩm.

Sau đó ra Đội vận chuyển ăn Tết với anh em vận tải. Chiều 30 Tết ra điểm 5 lại được các đồng chí đại đội vận tải ôtô của Binh trạm C141 mời liên hoan Tết cùng với một đồng chí tiểu đoàn trưởng người Cao Bằng, vừa mới áp tải một tiểu đoàn xe vào bổ sung cho chiến trường.

Nichxơn tuyên bố ngừng bắn từ 6 giờ chiều 30 Tết tới 6 giờ chiều mồng 1 nên chúng tôi quyết định tranh thủ thời cơ, đi ôtô ra vị trí triển khai cho nhanh.

4 giờ chiều, chúng tôi ra điểm 5. Máy bay địch vẫn quần lượn ném bom ầm ầm về phía Đông Bắc. Một cán bộ vận tải chăm chú quan sát hướng máy bay đánh nhận xét: "Chúng nó đánh ngầm điểm 6. Chúng nó đánh rốn thêm một trận trước khi ngừng bắn.

Đêm Ba mươi tết nhưng trời đầy sao. Chúng tôi đi theo một đoàn 5 xe "Vọt tiến" hai cầu, của Trung Quốc sản xuất. Xe chạy một quãng lại dừng lại để chờ xe sau và để nghe ngóng máy bay. Mỗi lần xe ngừng lại lâu, lái xe lại yêu cầu tôi mở đài nghe buổi phát thanh đêm Giao thừa. Hai bên đường, những bóng cây chạy loang loáng lùi về phía sau. Đằng xa, về phía Tây, một vùng trời ửng sáng do ánh điện hắt lên từ các căn cứ của địch.

Giao thừa, xe ngừng lại, nghe tiếng pháo qua đài phát thanh và lời chúc Tết của Bác Hồ ghi âm từ năm 1969, lời chúc Tết của Bác Tôn. Sau đó là buổi phát thanh ca nhạc. Tâm hồn tôi như bay về Hà Nội, nhớ gia đình da diết.

Bỗng nhiên, hai đồng chí lái xe và phụ lái cãi nhau um lên vì lúc lên xe dọc đường, đánh rơi mất quyển nhận ký cùng một số tài liệu về xe. Xe lại chạy, qua những bãi bom, những đám rừng có những cây to còn cháy rừng rực như những cây đuốc khổng lồ cắm giữa đồi. Ánh điện của các vị trí địch trên các đỉnh núi Ngọc Rinh Rua, Ngọc Bờ Biêng sáng rực. Thỉnh thoảng một quả pháo sáng vọt lên trời, rồi từ từ, lắc lư rơi xuống, rọi một ánh sáng xanh biếc vào màn đêm.

Xe vẫn gầm gừ, lăn trên con đường chi chít ổ gà, ổ trâu, vượt các ngầm, các hố bom. Những bóng người cầm đèn pin đi nép ven đường, những toán công binh hì hục sửa những đoạn đường mới bị bom phá.

Tới một ngã ba, anh bộ đội gác ba-ri-e chỉ cho xe chạy sang con đường bên trái. Chúng tôi ngờ ngợ. Theo bản đồ mà chúng tôi được xem ở đại đội vận tải thì phải rẽ bên phải mới đúng. Xe chạy được một quãng, đường ngổn ngang những thân cây, những đoạn tre nứa. Con đường mới làm còn nguỵ trang, chưa có xe chạy. Bỗng có tiếng gọi ơi ới phía sau. Đồng chí gác ba-ri-e lúc nãy chạy đuổi theo, vẫy gọi. Anh vừa thở, vừa giải thích: "Theo lệnh trên, các đồng chí chỉ chạy một đoạn theo hướng này để nghi binh. Thôi, quay lại, đi đường kia mới đúng".

Xe chúng tôi quay lại theo con đường bên phải vào kho. Bốn giờ sáng mới vào tới nơi. Kho tạm thời cũng do đơn vị công binh C131 vừa làm đường, vừa giữ kho. Vừa vào tới nhà, đã thấy anh em bưng lên một đĩa to đầy bánh rán, kẹo, tiếp sau đó lại một bữa cỗ linh đình. Ngủ lại kho tới trưa. lại một bữa liên hoan nữa.

Chúng tôi ăn Tết Quang Trung lại hoá hay, từ hôm ra đi, liên tiếp 5 bữa liên hoan mừng năm mới!

Mồng Hai Tết, tôi vào thăm địa điểm cùng với anh Chí, Phó chính uỷ Viện đã ra đây từ mấy hôm trước cùng với đồng chí Cầm, trợ lý kế hoạch của Phòng để nghiên cứu địa hình cho Bệnh viện.

Địa điểm triển khai Bệnh viện dã chiến là một dẫy núi nhánh của dẫy Ngọc Rinh Rua, có cây cao, kín đáo, nhưng khá dốc, nhiều đá. Gay nhất là khá gần kho. Xa kho quá cũng khổ vì sẽ mất nhiều công đi lĩnh gạo, thực phẩm. Nhưng gần kho quá thì cũng nguy hiểm vì kho rất dễ là mục tiêu bị địch oanh tạc. Ôtô, bộ đội ra vào kho tấp nập suốt ngày đêm, nên rất dễ bị lộ. Có khi cháy thành vạ lây.

Tôi bàn với anh Chí, Phó chính uỷ Viện đi trước để tìm địa điểm, và thống nhất là không dùng khu A mặc dầu khu này khá đẹp, tương đối bằng phẳng, kín đáo, có suối nước tốt, nhưng chỉ cách kho khoảng 1 cây số theo đường chim bay.

Mồng Ba Tết, tôi cùng bộ phận tiền trạm đi sâu hơn về phía Nam, dọc theo sườn núi, nghiên cứu địa hình và bố trí địa điểm cho các khoa. Trong khi chúng tôi đang lần mò trong rừng thì có tiếng máy bay trực thăng phành phạch, tiếp sau đó là máy bay trinh sắt, phản lực đến ném bom, bắn pháo 40 ly, 20 ly ầm ầm phía Tây Bắc, khá gần. Đến chiều có liên lạc vào báo: kho bị đánh, một ôtô bị cháy, ba đồng chí công binh hy sinh, 5 bị thương trong

đó có 3 trường hợp nặng đưa vào chúng tôi điều trị.

Đây là những thương binh đầu tiên của chiến dịch, đưa đến chúng tôi trong khi chúng tôi vừa mới chân ướt chân ráo đến địa điểm, còn đang mắc võng nằm rừng, chưa có nhà cửa, công sự...

Đêm mồng Ba Tết, B52 đánh hai lần vào khu vực kho bị lộ.

Mồng Bốn Tết, các khoa 32, 34, một bộ phận cơ quan Viện bộ cùng với anh Toản, Chính uỷ Viện đến địa điểm. Các anh hành quân qua một bãi le trống. Hai hôm trước, một đoàn tân binh bổ sung cho đoàn Sơn Mỹ bị đánh, 11 hy sinh, gần 20 bị thương. Anh Thuyên, bác sĩ Chủ nhiệm khoa 32 phải ở lại giải quyết hậu quả cùng với Quân y đoàn Sơn Mỹ.

Chúng tôi phân chia ngay các khoa vào địa điểm triển khai. Hai khoa Ngoại cùng với phòng mổ ở ngoài. Khoa Nội 22 ở trong cùng, đúng vào một chốt cũ của Mỹ, còn lại một số công sự, túi cát có thể sử dụng được, nhưng lại sợ mìn chúng gài lại...

Chúng tôi tập trung lực lượng xây dựng cơ sở. Trước tiên làm hầm nằm. Sau đó nếu còn thời gian sẽ làm tiếp nhà âm. Mỗi khoa sẽ phải làm từ 30 tới 35 nhà và hầm cho thương bệnh binh và nhân viên. Tính ra, tới ngày N, ngày nổ súng, thương binh về dồn dập, mỗi khoa thiếu tới 300-400 công, chưa kể những trường hợp đột xuất, chưa triển khai mà đã có thương binh vào điều trị... Ở chiến trường, chỉ nghe tin đâu có bệnh viện là anh em khiêng vào, không thể từ chối.

Sau hơn một tuần xây dựng, hầm cá nhân đã tạm đủ. Đồ đạc các khoa gửi ôtô cũng đã vào tới nơi. Phải ra kho lấy, nhưng mỗi lần tổ chức đi lấy hàng là một lần phải suy nghĩ, tính toán căng thẳng để tránh bị thương vong.

Mấy hôm nay, địch vẫn hoạt động thường xuyên quanh vùng. Kho bị đánh đã rời đi chỗ khác, nhưng toàn khu vực vẫn liên tục bị đánh phá. Phản lực, trực thăng đánh ban ngày, B52 đánh ban đêm, chỉ có một lúc buổi chiều là tương đối an toàn.

Phát hiện ra quy luật đánh phá của địch, chúng tôi tổ chức đi từng tổ nhỏ. Xuất phát ra kho lúc bốn giờ chiều. Ra thật nhanh, lấy hàng rồi về thật nhanh, tránh giờ cao điểm máy bay hoạt động. Cũng may, trời bắt đầu có trăng non, nên đi đêm cũng dễ đi. Mấy hôm nay lấy hàng đều an toàn cả.

Từ 21 tháng 2, Nichxơn sang thăm Trung Quốc, đồng thời đưa thêm hàng không mẫu hạm vào Vịnh Bắc Bộ, đưa thêm máy bay B52 vào đảo Guam và Thái Lan, tăng cường đánh phá miền Bắc...

Trên toàn chiến trường miền Nam dường như công việc chuẩn bị vẫn thầm lặng. Đài phương Tây đưa tin bốn sư đoàn Bắc Việt đã vào vùng Trị - Thiên. Chúng nó phán đoán cuộc tấn công sẽ bắt đầu vào dịp Tết và cũng đang băn khoăn sao đến nay vẫn chưa bắt đầu.

Ngày 5 tháng 3 năm 1972, các khoa đã xây dựng gần đủ các cơ sở phục vụ, buồng băng, tiêm, buồng mổ, dược, bếp. Nhưng mấy ngày liên tiếp gần đây, địch hoạt động mạnh chung quanh Viện. Ngày 29 tháng 9 chúng đánh cách Viện khoảng 1 giờ. Sau đó đánh lấn dần, cách Viện 15 phút, liên tục từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều bằng nhiều đợt phản lực xen kẽ với trực thăng, máy bay cánh quạt. Ngày 3 tháng 3, B52 đánh liên tục ngoài đường xe. Suốt đêm tiếng bom rú trên đầu. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy khu vực hiện nay không an toàn. Nương rẫy chỉ cách chỗ chúng tôi 15-20 phút, ở đây vẫn gần kho và đường ôtô, gần trục đường hành quân của bộ đội ra phía trước. Kho đã bị lộ và bị đánh, nhưng xe vẫn hàng ngày ra vào.

Mặc dù công việc xây dựng đã gần hoàn chỉnh, nhưng để bảo đảm an toàn chúng tôi vẫn quyết định đề nghị trên cho di chuyển địa điểm sâu hơn nữa xuống phía Nam.

Ngày 3 tháng 3, tôi ra kho, nơi có máy điện thoại duy nhất ở khu vực này, để liên lạc với Phòng, báo cáo tình hình và xin di chuyển.

Không khí trong kho thật căng thẳng. Cánh rừng, mới gần một tháng trước xanh tươi, kín đáo là thế mà nay xơ xác cây cối đổ ngổn ngang.

Có tiếng trực thăng nổ pành pạch trên đầu. Tôi và cậu liên lạc nhảy được xuống một chiếc hầm trống. Chiếc máy bay trực thăng to lù lù như một chiếc thuyền đỗ ngay trên ngọn cây. Cánh quạt quay tít, tạo thành một luồng gió xoáy như có cơn lốc. Cành cây nghiêng ngả, lá cây rụng rào rào.

Chiếc máy bay đứng im một lúc, rồi nhích lên, lui xuống, dịch sang phải, dịch sang trái. Một thằng Mỹ cởi trần, thò hẳn nửa người đỏ như con tôm luộc ra ngoài cửa máy bay, nghiêng ngó...

Chúng tôi chen chúc nhau ở cửa hầm quan sát. Tiếng súng AK lên đạn lách cách. Nổ súng vào bụng chiếc trực thăng thì ngon quá. Nhưng trên cao, còn ba bốn chiếc nữa bay vòng. Và tít trên bầu trời, hai máy bay trinh sát vè vè lượn thành những vòng hẹp...

Tiếng anh chỉ huy kho quát: "Chưa lộ, chưa được bắn". Một anh khác gọi: "Kéo lá nguỵ trang che nắp hầm, lộ quá". Nhưng ai dám ra khỏi hầm... Hình như nó chưa phát hiện được gì. Giây phút căng thẳng. Nó dời chỗ, dịch theo

giông đồi lên phía đỉnh núi. Trên ấy là nơi kho sơ tán sau khi lộ bị đánh ở dưới thấp. Tiếng quạt gió vẫn ào ào bằng không có tiếng nổ.

Cuối cùng chiếc trực thăng bốc lên cao và cút thẳng. Mọi người thở phào, nhẹ nhõm: Chúng nó mù thật!

Ra tới chỗ đặt máy điện thoại, ở hầm của chỉ huy kho. Chiếc máy như một cái hộp, đựng trong bao da cũ kỹ. Quay mỏi tay nhiều lần, mà không bắt được liên lạc. Đường dây bị đứt.

Buổi trưa, ăn cơm với anh em ở kho, rồi chui vào hầm ngủ với anh trợ lý hậu cần và cậu liên lạc. Ba người chen chúc nhau trên một cái sạp nhỏ trong hầm. Trên nóc hầm treo lủng lẳng ba lô, súng đạn, bi đông nước. Buổi chiều tiếp tục liên lạc không được, đường dây vẫn chưa nối được. Tới 5 giờ chiều, đành để lại một bức điện ngắn báo cáo tình hình, nhờ anh trợ lý hậu cần chuyển hộ khi nào nối lại được liên lạc với chỉ huy sở...

Hôm qua, đi xem địa hình, chỗ sắp tới vào sâu hơn chỗ hiện nay khoảng 2-3 cây số. Rừng kín, bằng phẳng nhưng suối nhỏ, hơi thiếu nước. Chiều về vẫn không thấy Phòng trả lời.

Tôi rất băn khoăn về việc thay đổi địa điểm, chưa được sự chuẩn y của cấp trên, định trực tiếp lên báo cáo, nhưng anh em cơ quan chính trị kiên quyết can không cho đi vì sợ không an toàn. Các anh phân tích đi về mất 5 ngày lại phải qua những vùng địch đang đánh phá. Hơn nữa khu vực mới vẫn nằm trong toạ độ quy định. Chờ nữa sẽ mất thời gian vả lại tôi cũng đã điện lên báo cáo rồi.

Cuối cùng tôi quyết định, khoa Nội 22 hiện đang ở trong cùng vẫn ở nguyên tại chỗ, lật cánh cho hai khoa Ngoại 32 và 34, Đoàn bộ, cận lâm sàng vào chỗ mới, các khoa này sẽ lại phải bắt đầu xây dựng từ đầu.

Ngày 10 tháng 3 năm 1972. Đã di chuyển sang khu vực mới. Trong ba ngày đã ổn định nơi ăn ở. Giao chỉ tiêu tới 26 tháng 3 phải hoàn thành cơ bản việc xây dựng. Cơ quan kể cả thủ trưởng Viện tạm thời không làm nhà ở vội, tập trung giúp các khoa lâm sàng đào đủ hầm cho thương bệnh binh sau đó mới xây dựng tiếp các cơ sở khác.

Bộ phận tăng gia sau một tháng, đã bắt đầu tỉa rau cung cấp cho đơn vị. Anh em đã làm đúng kế hoạch: Các luống rau làm xen với nương của đồng bào, kiểu cách gieo trồng cũng tương tự. Cho tới nay, chưa thấy có biểu hiện địch nghi ngờ rau của bộ đội.

Được vài ngày không thấy chúng nó hoạt động. Bầu trời yên tĩnh một cách

lạ thường. Đài phát thanh cho biết chúng nó đánh Hà Tĩnh, Quảng Bình, bị hạ hai máy bay... Có tin chúng nó tăng quân lên vùng Ngã ba Biên giới, chốt thêm trên cao điểm Ngọc Bờ Biêng, định ngăn chặn công tác chuẩn bị của ta.

Ngày 14 tháng 3 năm 1972. Hôm qua, máy bay đánh kho rồi thả một trung đội biệt kích xuống đường xe đặt mìn phá xe. Suốt đêm qua hai chiếc C130 bay vè vè trên trời thả từng chùm pháo sáng. Sáng hôm nay B52 thả ba loạt bom toạ độ. Tiếng nổ rung chuyển cả hầm, nhà. Cả ngày hàng đàn máy bay trực thăng và phản lực đánh phá liên tục vào vùng kho và đường ôtô.

Anh Toản, Chính uỷ Viện, đi họp Phòng mới về, đúng vào hôm địch thả pháo sáng, mang theo một xe ôtô lương thực thực phẩm. Đang phải huy động người ra gùi.

Ngày N, trước định vào ngày 10 tháng 3 nhưng do khó khăn về vận chuyển lương thực nên phải lùi lại. Đêm hôm qua tiếng pháo nổ nhiều, nhưng không phải pháo của ta.

Ngày 18 tháng 3 năm 1972. Tiếp tục xây dựng. Anh em cả ngày hát bài "Mẹ vẫn đào hầm... Từ lúc tóc còn xanh... nay mẹ đã phơ phơ đầu bạc... Mẹ vẫn đào hầm trong tầm đại bác...". Có người hát chệch thành: "Bố vẫn đào hầm" để cười với nhau, nhưng cũng có ý ngán ngẩm với công việc "thổ mộc" kéo dài này.

Tuy nhiên, khí thế làm việc chung vẫn tốt. Tới ngày 20 có thể đủ hầm cho chừng 150 thương bệnh binh.

Hôm 16 tháng 3 phải ra kho Đ27 để dùng điện thoại báo cáo tình hình triển khai bệnh viện với Chỉ huy sở tiền phương. Đường đi khá căng. Máy bay trinh sát, máy bay trực thăng bay ầm ầm trên đầu. Đến 12 giờ trưa, phản lực đến, ném bom, bắn pháo 20 ly, 40 ly ầm ầm. Địch có thể thả biệt kích. Vượt được quãng nương trống, ra tới kho sau khi vượt qua một bãi B52, cây cối đổ ngổn ngang, lá xanh rụng đầy mặt đất. Những hố bom chi chít.

Gặp một đoàn cáng thương binh đi ngược lại, anh em cho biết: Buổi sáng chúng nó thả một trung đội biệt kích xuống đúng kho, bị đánh, chúng nó đã phải bốc lên, nhưng dùng trực thăng và phản lực đánh. Ta hy sinh 1 bị thương 3. Có khả năng chúng nó tiếp tục nện B52 vì lộ kho rồi.

Đến kho không khí căng thẳng. Các đồng chí giữ kho, AK cầm ở tay, nép dưới các gốc cây, canh chiếc hầm. Bỗng nghe thấy liếng gọi: "Thủ trưởng! May quá, thủ trưởng đây rồi". Thì ra cậu Thận, chiến sĩ vận tải của Viện đi áp tải hàng, theo xe ôtô tới kho từ đêm hôm qua. Trong đêm, cậu đã bị một

trận bom B52. Sáng hôm nay, lại bị tiếp biệt kích, trực thăng, máy bay quạt gió, bom phản lực. Không liên lạc được với Viện, cậu ta đang ngồi cạnh đống hàng, rất lo lắng, không biết xử trí ra sao. Bỏ về thì sợ mất hàng, không hoàn thành nhiệm vụ, mà ở lại thì đe doạ bom B52 trong đêm. Hàng mang ra có pin, giấy, ni lon, lương khô. Phải khoảng hai chục người mới gùi hết. Nhìn đồng hồ: đã hơn hai giờ chiều. Tôi ngồi xuống gốc cây suy nghĩ. Nếu cho người về đơn vị huy động lực lượng ra gùi thì rõ ràng là không kịp trước đêm. Mà chỉ một vài giờ nữa, cầm chắc B52 sẽ đánh.

Tôi bảo Thận: Thôi cậu chọn các hàng quý như mỡ, pin đèn, ny lon, giấy, đóng vào ba gùi để tớ, cậu và Sinh, mỗi anh một gùi, mang về trước. Còn lương khô, thực phẩm thì gửi lại kho. Mai cho người ra gùi.

Sau đó tôi tiếp tục lên chỗ đặt máy điện thoại. Trên đỉnh đồi, trợ lý hậu cần, liên lạc, cảnh vệ đang đi lại, người hì hục khoét sâu thêm chiếc hầm đang đào dở. Máy điện thoại quay liên tục. Hầm đặt điện thoại không có nắp. Hai chiến sĩ thông tin cho biết không dám chặt gỗ vì sợ lộ. Biệt kích vẫn lẩn quất quanh đây. Liên lạc được với Phòng tham mưu, nhưng Tham mưu trưởng đi vắng, chỉ có đồng chí trực ban tác chiến. Đọc báo cáo cho đồng chí đó ghi lại rồi quay về. Qua chỗ Thận. Mỗi anh gùi một gùi hàng. Tôi nhận gùi thùng mỡ nước. Leo dốc, mỡ chấy ướt cả lưng. Gùi nặng, leo dốc, chúng tôi khát khô cổ, uống cạn mấy bi đông nước.

Mấy hôm nay, ban đêm, chúng tôi liên tục ngủ hầm. Hôm đầu thấy ngột ngạt, thiếu không khí, chật chội, đất trên nóc hầm rơi lả tả lên mặt. Nhưng rồi cũng quen và yên tâm, mỗi khi B52 đánh cứ nằm thẳng cẳng không còn nơm nớp, lo lắng như nằm ngoài.

B52 hôm nào cũng đánh. Loạt phía Đông, loạt phía Tây, loạt phía Bắc, loạt phía Nam. Khói bom lùa vào hầm khét lẹt sau mỗi đợt B52 tôi lại chui ra khỏi hầm, quan sát, gọi sang hầm bên hoặc gọi điện thoại đi các khoa hỏi thăm tình hình xem chúng nó có đánh trúng đơn vị không.

Trông chờ ngày nổ súng. Hy vọng khi nổ súng, chúng nó sẽ bị hút ra phía trước và ở phía sau sẽ yên hơn.

Bộ binh vẫn đang bí mật, im lặng tiến ra trận địa. Đêm hôm qua và hôm nay, theo kế hoạch, tăng và pháo lớn sẽ ra chiếm lĩnh trận địa. Trong đêm tình hình im ắng. Có lẽ họ đã đi trót lọt.

Các chiến trường khác cũng tăng cường hoạt động. Đêm 15, trên toàn miền Nam, pháo kích hơn 40 vị trí. Chiến trường Lào đánh mạnh ở Mường Sủi, Long Chẹn diệt 4 tiểu đoàn quân Vàng Pao.

Ngày 29 tháng 3. Sáng 24 tháng 3 có điện hoả tốc của Phòng Hậu cần báo tin địch sẽ đánh khu vực Viện. Tất cả thương bệnh binh và nhân viên phải xuống ngủ hầm.

Tuy nhiên tối 24, ngày 25 yên tĩnh. Anh Toản ra tăng gia về bắt được một con ba ba to, làm một bữa liên hoan với các Chủ nhiệm khoa.

Đêm 25 lúc 9 giờ tối, một loạt B52 đánh, nhưng tiếng nổ hơi xa, về phía kho. 12 giờ đêm lại một loạt nữa, gần hơn. Không nằm gan ngoài nhà được, đành chui xuống hầm mắc võng, vừa nơm nớp sợ rắn. Buổi sáng phát hiện có rắn trong hầm nhưng không đánh được vì nó chui xuống hang, dưới sạp nằm. Một giờ rưỡi sáng lại một loạt bom, rung chuyển nhà. Rõ ràng là chúng đánh rất gần, nhưng trong đêm không biết đích xác đánh vào đâu.

Sáng hôm nay các khoa báo cáo cho biết: các loạt B52 đã rơi trúng khu vực Viện dời đi hôm trước, trong đó có 10 quả trên giông đồi khoa 22, nhưng không ai việc gì. Thật hú vía, nếu không di chuyển thì rõ ràng là bom sẽ trùm lên toàn bộ đội hình của Viện.

Ngày 30 tháng 3 năm 1971. Hôm nay vừa mới mở sổ tay ghi chép tình hình B52 đánh, để làm tài liệu, thì lại ầm ầm bom B52 nổ ở khu vực phía Tây.

Từ mấy năm nay, tôi nảy ra ý kiến làm một công trình nghiên cứu về tác hại của các cuộc oanh tạc toạ độ bằng máy bay B52 ở chiến trường Tây Nguyên, để rút kinh nghiệm về tác hại và cách phòng chống chúng. Đây chả là thứ vũ khí lần đầu tiên chúng nó dùng ở chiến trường Đông Dương hay sao?

Mà lần này, chúng tôi có điều kiện thực tiễn để lấy tài liệu.

Mấy hôm nay, tôi chăm chú ghi chép các vụ đánh để làm tư liệu cho đề tài nghiên cứu. Chỉ trong vòng gần một tháng và chỉ tính những trận đánh trong phạm vi bán kính khoảng một cây số quanh Viện đã ghi được 10 trận đánh của khoảng 30 lần B52.

Đọc nhật ký Lêningrát của nữ văn sĩ Vêra Inbe càng thúc giục tôi trong ý nghĩ viết một cuốn hồi ký về Viện 211 trong những năm ở Tây Nguyên. Cũng vì vậy tôi cố ghi đều đặn nhật ký, mặc dầu nhiều lúc thiếu giấy, thiếu bút mực, kỷ luật bảo mật không cho ghi chép hết tình hình chiến trường và những suy nghĩ riêng tư. Thêm vào đó, những mùa mưa dài lê thê, ẩm ướt, làm nhoè nhoẹt những dòng chữ. Những cuộc hành quân đường dài, mang nặng, buộc chúng tôi phải luôn soát xét lại, bỏ bớt những thứ nặng nề không cần thiết trên lưng. Mặc dầu vậy, bỏ gì thì bỏ, nhưng tôi vẫn giữ trong đáy ba lô, cuốn sổ nhật ký, chữ viết nhỏ xíu để tiết kiệm giấy, gói kỹ

lưỡng trong miếng nilon để tránh ẩm ướt.

May dịp ra miền Bắc vừa rồi đã cho phép tôi cất lại trong tủ sách của gia đình những cuốn sổ ghi chép những năm đầu. Hương sẽ giữ gìn cho tôi những tài liệu quý đó.

Ngày 10 tháng 4 năm 1972. Từ 5 giờ sáng 30 tháng 3 đã bắt đầu nổ súng, mở màn chiến dịch trên toàn chiến trường miền Nam và Tây Nguyên.

Tây Nguyên bắt đầu cuộc tấn công lên cao điểm 1015 ở chếch về phía Bắc Bệnh viện.

Quảng Trị đánh mạnh. Theo các đài phương Tây, ta pháo kích mạnh vào các tiền đồn của địch, phía Nam sông Bến Hải. Hơn 10 vị trí phải rút về Quảng Trị. Tướng nguỵ, Hoàng Xuân Lãm tuyên bố: Có ba sư đoàn quân Bắc Việt đã vượt sông Bến Hải kèm theo có 3 trung đoàn pháo và các đơn vị tên lửa.

Máy bay Mỹ chưa can thiệp vì "thời tiết xấu", chúng hy vọng "quân Cộng hoà sẽ chống cự được với quân Cộng sản". Trong khi đó quân Mỹ tiếp tục rút.

Chúng bàn giao quân cảng Phan Rang cho quân nguỵ.

Từ ngày nổ súng, chỗ chúng tôi yên tĩnh một cách bất thường. Có lẽ chúng nó bị hút ra tuyến trước.

Thương binh bắt đầu từ chiến trường chuyển về. Có nhiều trường hợp nặng, nhưng anh em rất hào hứng kể lại nhiều chuyện chiến đấu ở phía trước.

Tôi nhận được gói kẹo của Hương gửi vào, mang ra liên hoan trong buổi họp Chủ nhiệm khoa để mừng chiến thắng.

Hôm trước, tôi được mời lên Chỉ huy sở tiền phương bàn công việc với Phòng Hậu cần, Ban Quân y và thăm sức khoẻ Bộ tư lệnh mặt trận.

Đường lên chỉ huy sở dốc đá cheo leo.

Nhà làm việc của cơ quan và thủ trưởng đều ở trong những hầm bằng. Trong hầm tối. Vào ngồi một lúc mới nhận ra được đồ đạc bên trong. Những cây gỗ to bằng bắp đùi đặt ngang làm nóc. Giữa nóc có một cửa sổ nhỏ để lấy ánh sáng rọi vào mặt bàn đặt ở giữa hầm. Một cái giường tre đặt cạnh một cửa sổ như một lỗ châu mai. Một tấm ni lon căng trên nóc vừa che đất lọt qua khe gỗ, vừa che những giọt mưa thấm qua nóc rơi tí

tách xuống hầm. Mảnh vải bạt trải trên giường, thay cho chiếu. Trên mặt bàn, chiếc đài bán dẫn, một bộ cốc chén, một số giấy tờ ghi chép. Một góc tường ăn thông với một hầm chữ A bên cạnh. Các đoạn giao thông hào nối nhà này với nhà khác.

Anh Hoàng Tư lệnh trưởng, người cao, gầy, trán hói, đôi mắt to, xếch, đầy nghị lực và thông minh tiếp chuyện tôi. Anh nói chuyện sôi nổi về tình hình Quảng Trị, về tình hình Tây Nguyên. Anh gật gù: "Tây Nguyên hơi chậm hơn các mặt trận khác rồi đấy, Quảng Trị, Tây Ninh đánh tốt. Quảng Trị đánh như chẻ tre... Hôm 4 tháng 4 ta đánh tiểu đoàn 2 dù, nhưng diệt không gọn, còn khoảng 30-40 tên cùng với tên tiểu đoàn trưởng vẫn chốt được trên đỉnh 1049"

Anh Hoà, Tư lệnh phó, người to béo, vui vẻ, đang phàn nàn vì anh em cần vụ đánh vỡ mất cái phích nước. Anh nói: "Tại dốt mà thôi, ai lại nước sôi mà đổ đầy phích rồi nút chặt lại thì làm gì không vỡ! Thế mà toàn các cậu lớp 8, lớp 9 cả đấy". Anh nói chuyện rất lâu về trình độ kiến thức của học sinh cấp hai, ba.

Về tình hình chiến sự, anh nói: "Chúng nó cho rằng Tây Nguyên chỉ nghi binh thôi", và anh cười to, thoải mái "Có nghi binh đâu, muốn đánh quá đấy chứ".

Chiều 4 tháng 4, B52 đánh 4 loạt ở phía Tây Bắc, khá gần Viện, có thể vào khu Đ27. Trưa và chiều hôm nay, chúng giáng tiếp hai loạt nữa. Nhưng nói chung, phản ứng yếu ớt hơn là ta chờ đợi. Hai hôm ở Sở chỉ huy thấy khá yên tĩnh, một sự yên tĩnh đáng ngạc nhiên.

Các cuộc chiến đấu quyết liệt diễn biến cách đây chỉ khoảng 10-15 cây số. Tiếng đại bác 122 ly của ta dồn dập, nhưng tiếng phản pháo của địch hầu như không thấy, chỉ thỉnh thoảng máy bay phản lực đánh một vài loạt ở xa.

Quảng Trị đánh mạnh: Một lữ đoàn, một thiết đoàn bị tiêu diệt, hai trung đoàn bị thiệt hại nặng, Trung đoàn 56 ra hàng. Phòng tuyến Đông Hà, Gio Linh, Cồn Tiên, Dốc Miếu bị chọc thủng. Địch rút vào thị xã Quảng Trị, chúng định phá cầu Đông Hà nhưng không kịp. Xe tăng T54 của ta đã vượt qua cầu.

Ngày 9 tháng 4 năm 1972. Mấy hôm nay, trời mưa liên tục. Nhà cửa, hầm hố ướt át. Đáng lo là mùa mưa đến sớm, đường trơn, lầy lội sẽ gây khó khăn cho công tác vận chuyển giữa lúc nhu cầu phục vụ cho chiến dịch đang khẩn trương.

Thương binh tiếp tục về nhiều. Một tiểu đoàn dự bị của Trung đoàn 46 chịu

trách nhiệm chuyển thương, nhưng không tính đúng cung đường, không chuẩn bị cơm trưa cho thương binh dọc đường. Về tới Viện, thương binh và tải thương đều đói, mệt. Phải nấu cơm cho cả thương binh và tải thương. Hôm sau lại phải cấp gạo cho tải thương trở về.

Hôm qua, một thương binh được khiêng vào Viện, trên người chỉ có một chiếc áo. Quần không có, nằm trần truồng trong võng, cứt đái bê bết. Bị vết thương do B52 vào mông. Lúc vào khoa 34 không có huyết áp. Truyền dịch, huyết áp lên được một chút rồi lại tụt, thương binh hy sinh lúc 9 giờ đêm. Đến hôm nay số thương binh trong Viện đã lên tới 152. Lo nhất là không đủ chỗ ở. Vẫn vừa phải phục vụ, vừa tiếp tục đào thêm hầm, làm thêm nhà để có thêm chỗ ở.

Việc phục vụ khá vất vả. Anh Thuyên Chủ nhiệm khoa 32 vừa sốt, vừa đứng mổ. Tuy vất vả nhưng không ai kêu ca phàn nàn. Gặp nhau chỉ sôi nổi bàn tin chiến thắng.

Chiến thắng lớn ở khắp nơi Quảng Trị. Địch phải rút Cửa Việt. Ta bao vây Quảng Trị từ ba phía.

Bình Long tiêu diệt một lữ đoàn, một trung đoàn thiết giáp, bức hàng một chiến đoàn, bao vây Lộc Ninh.

Đồng bằng Nam Bộ nổi dậy rầm rộ, tiêu diệt nhiều chi khu quân sự.

Tây Nguyên đánh cũng khá. Trong 10 ngày diệt 1500 quân địch, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 23 biệt động quân, tiểu đoàn 2 dù, nhưng chưa diệt gọn.

Lo nhất là mưa, xe pháo cơ động khó khăn.

Ngày 16 tháng 4 năm 1972. 6 giờ sáng, tiếng máy bay B52 ì ì, rồi những tiếng nổ chát chúa, mảnh bom bay viu viu qua nhà. Tôi nhảy vội vào hầm.

Mấy hôm nay B52 đánh liên tục, hôm trước đánh kho Đ27, hôm sau đánh kho Đ26 giữa lúc bộ đội đang vào kho tấp nập lĩnh hàng, bị thương một số.

Mấy hôm nay, trời nắng trở lại, thật là mừng. Tuần trước có 6 ngày mưa, đường lầy lội. Tăng pháo không ra được. Mấy hôm nay nắng, chắc đi được rồi. Chiều hôm kia tin điện cho biết ta đang bao vây tiểu đoàn 11, lữ dù 3. Chiếm được 2/3 quả đồi 1015. Chúng nó xin pháo bắn trùm lên đồi. Đến đêm có tin ta đã làm chủ ngọn đồi, diệt gọn tiểu đoàn 11, bắt 100 tù binh, trong đó có 3 đại uý. Phía Đông đường 14, đoàn 20 phục kích đánh đoàn xe thu được hai mươi tấn gạo. Thật mừng, bên ấy đang thiếu gạo.

Giữa buổi giao ban hôm nay có tin chúng nó đánh vào Hà Nội và Hải Phòng. Hải Phòng bắn rơi 6 chiếc máy bay, trong đó có một chiếc B52. Hà Nội bắn rơi 5 chiếc. Nghe tin này mọi người đều im lặng hồi lâu. Tuy từ hôm bắt đầu nổ súng, mọi người đều chuẩn bị tinh thần là chúng nó sẽ đánh lại miền Bắc. Nhưng dùng bom B52 đánh vào các nơi đông dân cư thì thật dã man, khốn nạn.

Cũng trong những ngày này, đoàn bóng bàn Trung Quốc sang thăm Mỹ đang đánh biểu diễn ở Detroy!

Thương bệnh binh vào dồn dập. Mỗi ngày 20-30 cáng. Hôm 3 tháng 4 trong Viện mới có 95 thương bệnh binh, nay đã lên tới 300, trong đó có đồng chí Tham mưu trưởng Trung đoàn mới đưa vào, bị vết thương sọ não, hôn mê. Cấp cứu suốt đêm không cứu được, anh hy sinh sáng hôm sau.

Mấy hôm nay, thức suốt đêm để mổ. Hôm qua mổ một vết thương thấu bụng cùng với anh Thuyên.

Mắt tôi dạo này kém quá. Mổ khó khăn, thay hết kính này sang kính khác vẫn không nhìn thấy rõ hơn. Những mũi khâu trên ruột, phải đưa kim cho Thuyên khâu.

Thương binh vào nhiều, việc xây dựng nhà cửa, hầm hố đủ cho anh em đang trở thành vấn đề. Trên tăng cường cho Viện một tiểu đội vận tải 10 người và một tổ công binh 7 người để giúp xây dựng. Từ nay đến cuối tháng cố phấn đấu được 600 chỗ. Hiện nay đã được 400 chỗ rồi.

Từ hôm mở màn chiến dịch, ngủ liên tục trong hầm, đề phòng B52 đánh. Cũng quen dần. Cứ chập tối, đốt củi cho khói mù mịt trong hầm để xua muỗi. Sáng dậy cũng không cần tháo màn, gấp chăn. Trong hầm thấp và chật hẹp, đứng lom khom, tháo được chiếc màn, gấp được cái chăn cũng khó khăn. Cứ để kệ, tối lại chui vào ngủ. Chỉ có điều, có hôm, đang giữa buổi họp chủ nhiệm khoa, máy bay B52 đánh, mọi người xô nhau vào hầm, giẫm cả giày dép lên chăn màn, bẩn quá.

Hàng ngày, công việc đã thành lịch. Sáng dậy, đánh răng, rửa mặt, ăn sáng: một bát cơm độn sắn. Rồi mỗi anh chỉ huy Viện đi một nơi: tôi sang khoa Ngoại, anh Bích sang khoa Nội 22, anh Toản, Chính uỷ Viện đi một khoa nào đó.

Sang tới khoa, tôi cùng bác sĩ Chủ nhiệm khoa thăm thương binh mới vào hoặc thương binh nặng cần theo dõi, hội chẩn, sau đó xuống phòng mổ, xem anh em mổ hoặc trực tiếp mổ những ca nặng mà anh em yêu cầu, hoặc sang khoa X quang, cùng xem những trường hợp cần thiết, qua khoa Dược

hoặc Hoá nghiệm xem xét tình hình. Có lúc rỗi rãi, ngồi tán chuyện tình hình thời sự. Buổi chiều, ghi chép, viết tài liệu, hội họp. Cứ cách một ngày giao ban một lần, có đông đủ Chủ nhiệm khoa và cơ quan. Họp chỉ huy hàng tuần.

Buổi tối, những hôm không có hội họp hoặc thương bệnh binh nặng cần xử trí, thì mỗi anh lại về hầm của mình. Không có đèn dầu, nên chui vào màn sớm, vặn đài, nghe các buổi phát thanh tới khuya rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Nhiều khi quên cả tắt đài, nửa đêm tỉnh dậy vẫn thấy tiếng đài sèn sẹt.

Trong chiến dịch, chúng tôi được trên tăng cường Đội điều trị X. Đội mới vào chiến trường, chưa có kinh nghiệm. Để xây dựng truyền thống cho đơn vị, đội điều trị triển khai ở một khu rừng riêng, xây dựng hầm, tiếp nhận thương bệnh binh như một khoa của Viện.

Hôm qua tổ săn bắn được hai con nai, đã cho hoả tốc đi lấy thịt. Sáng đi, chiều về tới nhà. Thịt còn tươi, mọi người thật phấn khởi.

Kinh nghiệm nhiều năm nay đã cho chúng tôi thấy, săn được thú rừng đã là việc khó, nhưng tận dụng được hết con thú săn được và đưa được nó về cho đơn vị sử dụng trong khi thịt còn tươi tốt, nhiều khi khó hơn. Nhất là khi săn được con thú to như lợn rừng, nai, voi... Lý do thật đơn giản: anh em đi săn thường phải lần mò sâu vào trong rừng xa đơn vị hàng ngày đường mới gặp được thú rừng. Hạ được con thú, nếu là thú nhỏ như con vượn, con cheo thì còn có thể gùi luôn về đơn vị. Nhưng nếu là một con thú to, thì phải quay về báo tin, đồng thời dẫn đường để đơn vị cử người ra gùi về. Việc đi lại chỉ có thể vào ban ngày, không thể đốt đuốc đi đêm do máy bay địch hoạt động, và như vậy nhiều khi phải mất một hai ngày thịt mới về tới đơn vị trong tình trạng đã ôi thiu. Giữ thịt khỏi ôi trong điều kiện chiến trường cũng là một điều nan giải. Muối không có, chỉ có cách sấy khô, mà sấy thì phải đốt lửa, lại sợ bị lộ, hơn nữa chất lượng thịt cũng sẽ giảm.

Từ hôm tổ chức Bệnh viện dã chiến, tôi đã suy nghĩ đến vấn đề này, và thấy chỉ có một cách giải quyết việc thông tin thật nhanh giữa tổ săn với đơn vị.

Thông tin nhanh cũng là yêu cầu của công tác chỉ huy tổ chức, nên khi ra trận bộ đội thông tin rải một mạng lưới điện thoại rộng rãi từ chỉ huy sở tiền phương về hậu phương.

Sau ngày nổ súng, Bệnh viện chúng tôi cũng được trang bị điện thoại, nối với đường dây trục của mặt trận để nhận chỉ thị và báo cáo tình hình Bệnh

viện với Chỉ huy sở.

Như vậy nếu bắn được thú rừng thì có thể tận dụng đường dây thông tin này, báo về cho đơn vị. Vừa đỡ mệt cho tổ săn không phải chạy bộ về báo tin mà việc lấy thịt cũng nhanh hơn. Nhưng có điều cần suy nghĩ là đường dây thông tin để dùng cho công tác chỉ huy chiến đấu. Ngộ nhỡ, trong một lúc nước sôi, lửa bỏng nào đó ông Tham mưu trưởng, nổi tiếng là nguyên tắc ở chiến trường - phát hiện ra là đường dây bị mắc vào việc thông tin săn bắn thì có khi lôi thôi! Nên tôi dặn kỹ anh em, nếu gọi điện thoại thì phải nói vắn tắt và chớ có nói là săn được con gì mà chết với ông. Chỉ nói:

"Có mấy gùi hàng, cần cho người ra gấp" là tôi sẽ hiểu.

Quả nhiên, nửa đêm hôm đó, điện thoại réo làm tôi bật dây. Có tiếng của cậu tổ trưởng tổ săn ở đầu dây báo tin có: "5 gùi hàng cần ra lấy gấp", thế là ngay trong đêm, tôi điện cho các khoa sáng sớm hôm sau cho người đi lấy thịt.

Hai con nai nhưng bình quân đầu người cả thương bệnh binh và nhân viên chỉ được trên một lạng thịt. Nhưng như vậy cũng đã quá mừng. Nhà đông con, vả lại từ sau Tết, anh em chưa được miếng thịt nào! Các nơi đều làm bún. Khoa 22 mời sang, nhưng tôi không sang được vì phải leo hai ba quả đồi mới được bữa bún nên ngại quá.

Tổ tăng gia cũng bắt đầu cung cấp được rau ăn. Anh em thương binh thích lắm. Có thương binh nặng, đã báo ăn sữa. Nhưng nghe tin có rau cải liền xin đổi sang ăn cơm. Anh nói: "Từ Quảng Bình vào đến đây, ba bốn tháng nay mới được ăn rau".

Trên chiến trường, sau khi tiêu diệt lữ dù 3, bộ đội đang chuẩn bị mở cuộc tấn công mới vào Tân Cảnh và Kontum. Có lệnh chuẩn bị gấp đội phẫu tiến ra phía trước.

Ngày 24 tháng 4 năm 1972. Sáng hôm nay đồng chí Năm, Chính uỷ Mặt trận điện trực tiếp từ Chỉ huy sở báo tin chiến thắng lớn: "Ta vừa diệt gọn hai trung đoàn ngụy 42 và 45 giải phóng hoàn toàn Đắc Tô và Tân Cảnh. Địch phải rút khỏi các cao điểm Ngọc Bờ Biêng, Ngọc Rinh Rua, bỏ hết xe pháo, chạy tán loạn về Kontum". Tiếng anh cười sảng khoái trong điện thoại: "Nhất Tây Nguyên rồi đấy nhé: Đường 9, Nam Lào, Lộc Ninh cũng bắt sống đại tá, nhưng chỉ là đại tá chỉ huy lữ đoàn, hoặc chiến đoàn chưa có đại tá chỉ huy sư đoàn".

Chúng nó phản ứng lồng lộn. Chiều hôm qua B52 lại đánh khu vực kho, đến đêm, lại thả bom toạ độ 3-4 lần gần Viện. Cây đổ ngổn ngang, chặn cả

đường đi ra kho, phải cho người ra dọn dẹp.

Mấy hôm nay không khí phấn khởi. Đi tới đâu cũng nghe anh em bàn tán sôi nổi về tin chiến thắng. Các Chính trị viên đến từng hầm báo tin chiến thắng cho các thương binh bất động. Tới đâu, anh em cũng xúm lại hỏi, có tin gì mới hay không.

Đêm hôm trước, đang nghe ca nhạc trên Đài Hà Nội, bỗng loé một tia chớp và một tiếng nổ rung chuyển hầm. Cành cây, đất đá rơi lốp bốp trên mái nhà: Chúng nó đánh B57 rất gần; 3 giờ sáng, chúng nó đánh tiếp B52 ba loạt ở gần. Hầm rung lên từng hồi.

Sáng ra, anh Gia, Chủ nhiệm khoa 2 báo cáo, B57 đánh trúng khu vực khoa 22, người không ai việc gì. Anh Thuyên, khoa 32 cũng báo cho biết: "Bom B52 rơi sát nhà nhân viên nữ của khoa, vẹo một bên hầm". Anh nói tiếp: "Tôi dặn anh em giữ bí mật, không để chị em biết!".

Tôi ngạc nhiên: "Bom nổ sát nhà mà anh giữ bí mật được sao?".

Thuyên giải thích: "Đây là một quả bom khoan, nổ dưới sâu. Trên mặt đất chỉ có một lỗ bằng cái nia".

Quả thật, gần đây chúng nó dùng loại bom mới, dường như để phá công sự hoặc kho tàng đặt sâu trong lòng đất. Bom khoan như một cái giếng sâu xuống đất vài chục mét mới nổ tạo thành một khoảng trống như một quả bóng trong lòng đất. Trên mặt đất chỉ có lỗ bom tròn như miệng thúng và những vết nứt rạn. Vài tháng sau, vào mùa mưa, toàn bộ mảng đất phía trên mới sụt xuống thành một cái ao thật sâu. Lần này, nếu là bom thường thì cả 5 chị em nhân viên khoa 32 đã tan xác pháo, nhưng cũng thật may lại là bom khoan hiện đại, nên không ai việc gì. Dù sao, chị em cũng biết. Trong đêm thấy hầm bật lên một cái thật mạnh. Sáng dậy thấy cái hầm méo hẳn đi. Tuy nhiên, chị em vẫn như bình thường, dậy rửa mặt, chải đầu, ăn sáng rồi đi làm việc như thường lệ. Không ai nghĩ tới cái chết đã lướt sát đầu giường trong đêm hôm trước.

Hai hôm nay, tình hình yên tĩnh trở lại. Đêm hôm trước có một trường hợp tắc ruột sau mổ, phải mổ lại. Đến 12 giờ đêm mới xong. Mổ dưới hầm máy nổ phát điện sáng trưng. Mổ xong, được bồi dưỡng chè đỗ xanh. Mọi người đều tấm tắc: Như miền Bắc!

Sáng hôm qua lại một thương binh bị vết thương động mạch dưới đòn, chảy máu thứ phát. Phải mổ thắt động mạch qua đường lồng ngực. Tới ba giờ chiều mới xong. Đói và mệt!

Chiến trường chuyển biến nhanh. Hôm nay Bộ tư lệnh Mặt trận triệu tập lên họp. Anh Tụ, trưởng ban Quân y Mặt trận, qua điện thoại báo cần chuẩn bị gấp cho mục tiêu 3. Tôi hiểu mục tiêu 3 là đánh vào thị xã Kontum.

Có tin chúng nó có thể rút Võ Đinh và Kontum. Bộ tư lệnh đã có lệnh cho bộ đội chặn địch trên đường rút.

Nichxơn tuyên bố rút thêm hai vạn quân trong hai tháng 5 và 6, nhưng vẫn tiếp tục đánh Thái Bình, Nghệ An và bị bắn rơi 7 máy bay.

Ngày 5 tháng 5 năm 1972. Tin chiến thắng dồn dập: Ngày 1 tháng 5, giải phóng Quảng Trị tiêu diệt 6 trung đoàn bộ binh có 4 trung đoàn thiết giáp. Địch trong thị xã Kontum cũng đang rất rối ren. Ta đang chuẩn bị đánh Plây Cần, Đắc Xiêng.

Đội phẫu thuật của ĐT X lên đường ra thay thế cho tiểu đoàn quân y Trường Sơn. Mới chỉ có 50 thương binh mà đã rối tinh. Anh chị em mới vào chiến trường chưa quen công việc. Đội có 24 nhân viên mà phân công trực, không ai chịu trực, người nào cũng kêu ốm, mệt. Hai bác sĩ, 4 y sĩ mà đã điện về xin thêm cán bộ. Mang theo 3 cơ số thuốc, đủ dùng cho 300 thương binh, mà mới một tuần đã báo cáo thiếu thuốc. Qua điện thoại anh đội trưởng nói với tôi: "Chúng tôi đã phải dùng đến thuốc "riêng" của anh em nhân viên".

"Thuốc riêng" thực ra là thuốc của đơn vị được phát lúc ra đi ở miền Bắc. Dọc đường giao cho mỗi người giữ một ít. Nhưng rồi mỗi người tự coi như là của riêng của mình. Kể cả chỉ huy đơn vị cũng quan niệm như vậy. Nghe thấy chữ "thuốc riêng" tôi bực mình, nói qua điện thoạt: "Thế nào là thuốc riêng? Anh ơi, ở chiến trường này, ngay máu chảy trong người, cũng không phải là của riêng anh đâu! Anh cứ thử nhìn anh em thương binh mà nghĩ xem có cái gì là của riêng không? Một cẳng chân, một cánh tay, thậm chí tính mạng, anh em không tiếc. Anh em quân y ở đây lấy máu mình truyền cho anh em thương binh cũng là chuyện bình thường. Đừng nói đến chuyện thuốc "riêng" nữa, anh ơi!".

Hôm qua Nichxơn tuyên bố: Phong toả các cảng các cửa biển miền Bắc, cắt đứt đường tiếp tế từ nước ngoài vào Việt Nam và bắt đầu cho thả thủy lôi xuống cảng Hải Phòng.

Hôm qua quân ta đã tiêu diệt đồn Kleng. Ngày 5 tháng 5 đánh Plây Cần.

Bộ binh đã vượt sông Pô Cô, pháo đã vào công sự, chuẩn bị đánh Kontum.

Ngày 14 tháng 5 năm 1972. Lên họp trên Ban Quân y và sang thăm anh

Hoàng, Tư lệnh trưởng bị ốm. Anh gầy hơn hôm trước, cười bảo chúng tôi: "Giá Plây Cần đánh tốt hơn thì mình cũng đỡ ốm!".

Các đồng chí cần vụ kể lại: Mấy hôm nay, anh gần như không ngủ tý nào. Suốt ngày, anh ở trực ban tác chiến. Tới hơn 12 giờ đêm mới về nơi ở. Ngồi nghỉ một lúc, uống cốc nước rồi lại xách túi xuống trực ban. Một giờ rưỡi sáng mới trở về, ngủ chưa được năm phút lại nhỏm dậy bảo cần vụ: Mình xuống ngủ dưới trực ban.

Đồng chí cần vụ chạy theo, mang theo chiếc võng, nhưng anh không nằm võng, để nguyên giày, ngả lưng lên sạp. Mỗi khi có tiếng chuông điện thoại lại trở dậy. Bốn giờ sáng về nhà, nghỉ một tý. Năm giờ sáng, trở dậy rửa mặt. Một ngày chiến đấu lại bắt đầu.

Trận đánh Plây Cần đang gặp khó khăn. Có ba mỏm đồi đánh chiếm được một mỏm. Chúng nó chui hết vào công sự. Công sự bọn Mỹ xây dựng hơn chục năm qua, dầy năm mét bê tông. Anh Hoàng nói: "66 đánh giỏi đấy, mới vào được một mũi, nếu không thì không vào được. Nhưng cũng chủ quan. Sau Tân Cảnh Đắc Tô, tưởng chừng chúng nó suy sụp cả rồi. Pháo bắn chưa xong đã xin xung phong".

Họp ở Ban Quân y bàn việc bảo đảm quân y cho trận đánh Kontum sắp tới. Nhưng đang có khó khăn về vận chuyển đạn dược, lương thực, thực phẩm.

Từ sáng hôm nay bắt đầu đánh ngoại vi Kontum.

Bệnh viện phải tổ chức thêm một đội phẫu thay chân cho Quân y Duy Xuyên tiến lên phía trước. Phải tổ chức thêm một bộ phận tiếp nhận thương bệnh binh đã ổn định để bổ sung cho chiến đấu. Quân số thương bệnh binh điều trị hôm nay đã lên tới 550.

Ngày 31 tháng 5 năm 1972. Một tên biệt kích mới trà trộn vào Viện điều trị. Hai tuần trước tải thương khiêng về một người "dân" bị thương vào chân. Qua báo cáo, đây là "dân" làm rẫy ở Tân Cảnh, không vợ con, bị thương do máy bay bắn, được bộ đội băng rồi cáng thương của Tiểu đoàn 2 đưa thẳng vào Viện.

Nhưng ngạc nhiên là không có đường dây tải thương từ Tân Cảnh về đây mà làm sao anh ta về được? Cùng với một số biểu hiện bất thường khác làm cho anh em khoa 34 sinh nghi, báo lên bảo vệ Viện và từ Viện báo lên bảo vệ Phòng.

Khoa cũng bố trí người theo dõi, nhưng chủ quan cho rằng hắn bị thương ở chân, chắc cũng chả đi đâu được. Đêm 14 tháng 5 hắn bỏ trốn lúc 3 giờ

sáng.

Rõ ràng không phải là dân mà ít nhất cũng là một lính nguỵ bị thương mà bộ đội đã cáng nhầm vào trạm Quân y rồi theo đường chuyển thương đưa dần về tới Viện. Cũng có thể là một tên thám báo, như vậy thì nguy hiểm hơn.

Báo cáo cấp tốc lên B3. B3 lập tức thông báo cho tất cả các đơn vị trong khu vực đồng thời chỉ thị cho Viện phải tích cực truy lùng bằng được. Ngoài ra phải sơ tán ngay thương bệnh binh về tuyến sau.

Trong ba ngày đã chuyển được 350 thương bệnh binh về Bệnh viện hậu phương. Việc truy lùng thật vất vả. May, hôm qua có tin tiểu đoàn 9 đã bắt được tên này trong khi hắn tìm đường về Kontum. Mọi người thở phào, dù sao cũng được bài học về cảnh giác.

Trận đánh Kontum bắt đầu từ hôm 26 tháng 5. Máy bay địch hoạt động suốt ngày đêm. Hôm qua có tin đã chọc thủng phòng tuyến bảo vệ Kontum về phía Đông Bắc do trung đoàn 52 của địch giữ. Trong thị xã đã chiếm được biệt khu 24, sân bay, đài phát thanh, dinh tỉnh trưởng.

Mọi người rất phấn khởi, mong chờ tin chiến thắng. Nhưng mấy hôm nay dường như sức tấn công đã bị chậm lại. Nghe như một số đơn vị phải dừng lại, củng cố, nhưng quyết tâm vẫn là dứt điểm Kontum.

Trong thương binh, tin đồn có thêm nhiều đơn vị mới vào chiến trường. Nhưng vấn đề hiện nay không phải là quân số mà là gạo và vận chuyển. Bao nhiêu năm nay, gạo vẫn luôn là Tư lệnh tối cao ở chiến trường này.

Nhiều thương binh nặng vào Viện. Hôm qua là một vết thương thực quản có ổ mủ sau thực quản, hôm nay là vết thương cột sống. Thương binh bị liệt cả hai chân, tình hình rất nặng.

Ngày 1 tháng 6 năm 1972. Tiêu chuẩn gạo phải rút từ 6 lạng xuống 5 lạng một ngày. Với nhân viên thì không thành vấn đề gì lớn, nhưng với thương bệnh binh, nhất là với đơn vị mới vào chiến trường thì đáng lo hơn. Các đoàn thương bệnh binh chuyển về tuyến sau, đi ngang qua hậu cứ các đơn vị lại đã gây ra nhiều chuyện rắc rối: phá sắn, ăn cắp cá khô, thịt khô...

Sáng hôm nay, tôi lại mới mổ một ca nặng, bị vết thương động mạch dưới đòn kèm theo có mảnh đạn trong phổi. Việc mổ tiến hành thuận lợi. Qua lồng ngực thắt động mạch dưới đòn và lấy mảnh đạn cắm vào phổi. Hôm trước một trường hợp khó khăn hơn cũng vết thương động mạch dưới đòn gây một ổ tụ máu to đe doạ vỡ. Đi qua xương đòn, cắt xương đòn, đi lần từng tý như người thợ kim hoàn. Mất 5 giờ mới xong. Về nhà mệt nhoài,

ngủ thiếp đi từ lúc 6 giờ chiều. Thương binh đến nay diễn biến tốt…

Con mắt của tôi cũng gây nhiều khó khăn trong lúc mổ. Tôi phải chọn trợ thủ là những phẫu thuật viên có kinh nghiệm vì có lúc phải nhờ trợ thủ làm hộ. Đáng lo nhất là con mắt trái. Nếu nhắm mắt phải, thì nhìn một chậu thau cách khoảng bốn mét cũng không thấy rõ.

Từ ngày tôi vào chiến trường, Hương được cử đi triển lãm tranh ở Trung Quốc. Mới nhận được thư Hương viết từ Quảng Châu. Hương béo ra. Trong thư Hương nhắc, còn một tuần lễ nữa là giỗ đầu của con. Lá thư làm cho tôi trào nước mắt. Nhiều đêm nằm mơ thấy con vẫn thấy hình dáng bé nhỏ, xinh tươi của con lúc ra đi, mới lên sáu tuổi. Không phải là hình ảnh của cô gái mười ba tuổi, hơi xa lạ như khi về nhìn thấy ảnh con trên bàn thờ. Trở về không nhận được mặt con đó là tình cảnh chung của anh em trong đoàn chúng tôi khi trở về nhà.

Ngày 5 tháng 6 năm 1972. Trời mưa liên tục. Mấy hôm nay xe bị lầy, không chạy được. Thương bệnh binh chuyển đường ôtô bị kẹt lại dọc đường, đi không được mà quay trở lại cũng không được vì có nhiều thương binh nặng cần cáng. Lấy đâu ra người cáng ở giữa đường ôtô? Hôm nay anh Vinh y sĩ phụ trách chuyển thương, đưa một số thương binh đi bộ được vào Viện và yêu cầu Viện giúp đỡ. Bộ đội vẫn bao vây Kontum nhưng nghe chừng, sức tấn công yếu dần. Một số lực lượng đã phải rút ra củng cố. Gạo khó khăn. Số thương bệnh binh đi đường bộ vẫn tiếp tục về hai ba chục người một ngày.

Hàng ngày vẫn tiếp tục mổ số thương binh nặng. Các bác sĩ Chủ nhiệm khoa giải quyết tốt các vết thương thuộc chuyên khoa, nhưng những vết thương ngực và những trường hợp nặng vẫn gọi tới tôi.

Hôm qua mổ một thương binh bị vết thương xuyên qua ngực từ sau ra trước. Cả lỗ vết thương sau lưng cũng như phía trước phì phò như cái bễ. Mỗi khi ho mủ phụt ra tung toé. Tình trạng chung rất yếu. Không dám mổ lớn, chỉ khâu bịt, đặt ống dẫn lưu và hút liên tục.

Mấy ca mổ vừa qua tiến triển tốt. Chăm sóc sau mổ khá vất vả. Thương binh nằm dưới hầm bằng, bốn bề đều là đất, che ni lông. Máy để hút liên tục không có. Chỉ có máy hút đạp chân. Phải giao nhiệm vụ cho một hộ lý thỉnh thoảng đi qua đạp vài nhát để tạo sức hút.

Gay go nhất là việc bảo đảm vô trùng. Nằm trong hầm bốn vách tường đều là đất. Trần hầm cũng đất. Trời mưa, nước mưa thấm qua nóc, rỉ qua các rễ cây, rỏ ròng ròng vào trong hầm đọng lại thành từng vũng nước trên nền.

Nhưng anh chị em y tá đã có nhiều cố gắng dùng đủ mọi cách có thể làm được trong hoàn cảnh dã ngoại để bảo đảm sạch sẽ, vô trùng. Căng che ni lông bốn phía và trên nóc hầm. Hấp toàn bộ quần áo, chăn màn, vải bạt, lau rửa vệ sinh giường nằm. Trước khi mổ, tắm rửa, làm vệ sinh toàn thân và cọ rửa xà phòng quanh chỗ mổ, thay quần áo hấp. Nhờ vậy số trường hợp mổ nặng đều bảo đảm vô trùng. Những vết mổ ngực, bụng, mổ mạch máu đã không bị nhiễm mủ và liền sẹo kỳ đầu.

Anh chị em y tá, hộ lý có rất nhiều cố gắng. Cô Đức, nữ y tá, một mình phụ trách bảy hầm thương binh nặng. Suối ngày cô đi lại như con thoi, giặt quần áo, thay băng, cho ăn uống, giúp họ vệ sinh. Có thương binh như anh Toàn, bị vết thương bụng, phân chảy dầm dề suốt ngày. Một ngày thay ba bốn bộ quần áo, ba lần thay băng mà vẫn ướt. Hội chẩn có ý kiến đề nghị mổ. Nhưng rõ ràng là yếu quá không thể mổ được. Phải nuôi dưỡng, nâng đỡ sức khoẻ cho khá lên. Tôi kết luận cuộc hội chẩn: "Cứu được đồng chí Toàn bây giờ không phải là tôi hay bác sĩ Thuyên, mà là cô Đức, cô Sa. Phải nuôi dưỡng hộ lý cho tốt".

Những ngày đầu Toàn rất bi quan, thỉnh thoảng lại hét vang rừng: "Đồng chí y tá ơi, đồng chí y tá ơi!...". Nhưng có lúc lại tươi tỉnh hát, đọc chuyện "Hồi tưởng và suy nghĩ". Đồng chí quê Thanh Hoá, huyện Hoằng Hoá, quê hương của các "cụ già bắn rơi máy bay". Chúng tôi cứ nêu chuyện các cụ già bắn rơi máy bay để động viên anh Toàn. Mấy hôm nay anh đã khá, đã đi ra khỏi hầm, lúc tạnh mưa, tự động lên buồng băng. Ăn uống cũng khá hơn.

Các bác sĩ cũng làm đủ mọi việc: khi xây dựng thì cũng hì hục đào hầm, vác tre nứa hoặc vắt vẻo trên nóc nhà để lợp mái. Khi có thương binh thì mổ xẻ, mổ xong, nếu không có cáng thương, thì ghé vai cáng thương binh về hầm.

Nếu bệnh nhân cần soi X quang mà không tự đi được, thì bác sĩ tìm một cây đòn, cùng với anh y sĩ khiêng thương binh lên hầm X quang để soi. Soi xong lại khiêng về.

Với chúng tôi, đây là những công việc thật bình thường, nhưng lại là lạ lùng với người mới vào chiến trường, quen làm việc theo chức trách, chế độ. Anh y sĩ một đơn vị công binh vào Viện để học gây mê, nói với chúng tôi: "Ở đây các anh vất vả quá. Tôi không thể tưởng tượng được. Một phẫu thuật viên sau khi mổ lại phải cáng thương binh về hầm!".

Đây là việc bình thường, bác sĩ kiêm y tá, kiêm hộ lý, kiêm luôn cả tăng gia, xây dựng, khi có biệt kích thì vác súng luôn ra bắn nhau với địch. Có thể có ai đó sau này chê chúng tôi làm ăn luộm thuộm. Nhưng đơn giản, không ai bảo ai mà chúng tôi tự thấy chức trách cao nhất ở chiến trường là làm việc gì cần nhất cho thương bệnh binh.

Ngày 6 tháng 7 năm 1972. Chiến dịch Kontum đã kết thúc. Bộ đội đã quay về, đưa theo thương bệnh binh ứ đọng ở các tuyến quân y phía trước.

Z25 cũng được lệnh rút về hậu cứ ở Binh trạm Bắc, cùng với bộ phận ở hậu phương, trở lại với nhiệm vụ bệnh viện tuyến cuối của chiến trường với chỉ tiêu thu dung khoảng 1200- 1500 thương bệnh binh. Hiện nay tại khu cũ đã có khoảng 500 chỗ, phải xây dựng thêm cho đủ.

Sáng hôm nay đã họp cán bộ bàn việc di chuyển. Nghĩ tới việc di chuyển, xây dựng giữa mùa mưa, ai cũng ngại. Binh trạm Bắc được bộ đội gọi là "Binh trạm dốc" vì ở vào vùng nhiều đồi núi. Nhiều gian khổ đang chờ đợi trước mắt.

Khi đi chiến dịch, một số anh em lạc quan tếu, thề đi thẳng không quay về chỗ cũ nữa. Có anh đốt lán ở trước khi ra đi. Nay có lệnh trở về, có anh chép miệng. "Cóc chết ba năm quay đầu về núi". Nhưng nhiệm vụ đã giao thì cũng phải chấp hành.

Từ hôm nay, bắt đầu tổ chức đường dây chuyển thương về phía sau. Mỗi ngày chuyển 30-40 thương bệnh binh, đi bộ, dìu, và khoảng 10 thương binh đi cáng.

Tới 13 tháng 7 giải phóng khoa 34 để khoa này rút về trước, sau đó khoảng 20 tháng 7 rút khoa 22, khoa 32 sẽ rút sau cùng khi đã giải quyết hết thương bệnh binh.

Ngày 21 tháng 7 năm 1972. Đang lúc chúng tôi chuẩn bị rút về thì nhận được điện của bác sĩ Nho Đội trưởng Đội điều trị 3 cho biết đang có một thương binh nặng cần mổ, xin chi viện. Đội điều trị 3 đang phục vụ chiến dịch ở hướng phía Bắc. Không ai biết vị trí cụ thể của đội. Trong Viện, may có anh Thanh, cán bộ chính trị mới bổ sung về Viện, biết đường. Hôm xuống Viện anh đi lạc sang ĐT3, vòng vèo thế nào mà mất 5 ngày mới về tới đây. Nhưng anh em cho biết nếu đi đúng đường thì chỉ một ngày là tới. Vì công việc đã vãn, tôi thấy có thể đi được nên nhờ anh Thanh đưa đi. Sáng hôm sau ra đi, có tôi, anh Lưỡng, y sĩ gây mê, anh Thanh và một đồng chí cảnh vệ.

Đường vòng vèo trong rừng. Nhiều đoạn bị B52 đánh xơ xác. Trời mưa, đường lầy lội. Ngồi nghỉ cạnh một hố bom to. Cảnh tượng tan hoang, chiếc áo may ô còn treo lơ lửng trên một cành cây ở gần, một chiếc đèn pin bẹp rúm, nhiều tấm liếp bằng tre đan vứt ngổn ngang trên mặt đất. Đây là những tấm liếp để vứt lên hàng rào dây thép gai khi xung phong qua rào. Anh Thanh cho biết đây là trận B52 đánh trúng đường xuất kích của một

đơn vị bộ binh. Qua một bãi chốt của bộ đội chiến đấu trở về, còn vứt lại một chiếc chiếu dệt bằng sợi ni lông xanh đỏ mà bộ đội bắt được trong vùng địch.

Buổi chiều tới Đội điều trị 3. Đồng chí thương binh gầy guộc, chỉ có da và xương, bị một túi phồng động mạch to bằng cái mũ ở vùng bụng dưới bên trái, đã vỡ mủ và máu. Toàn thân rất yếu. Da xanh như tàu lá. Hồng cầu chỉ có 1.200.000. Anh là cháu bác sĩ Nho đội trưởng. Anh Nho cho biết, sau khi điện lên Phòng xin phẫu thuật viên xuống giúp, anh đã điện lại lần thứ hai, bảo thôi, không cần nữa vì thương binh quá yếu, chắc không chịu được cuộc phẫu thuật. Không hiểu sao, bức điện thứ hai không tới chúng tôi.

Trong đêm hôm đó, chúng tôi hội chẩn với các bác sĩ trong đội điều trị. Kết luận, nếu không mổ thì thương binh chắc chắn hy sinh. Trên tinh thần còn nước còn tát thì nên cố gắng mổ, may ra có chút hy vọng gì không. Cần có máu để hồi sức. Không có điều kiện thử nhóm máu, nhưng có 4 nhân viên tương đối mạnh khoẻ trong đội có máu nhóm O, tình nguyện cho máu.

Sáng 18, cuộc mổ khá căng thẳng. Rạch một đường trên bụng để chẹn đầu trên động mạch, rồi rạch tiếp ở vùng bẹn để chẹn đầu ngoài. Nhưng khi mở ổ máu tụ, gần một chậu mủ và máu cục, máu bầm ào ra. Thít chặt mạch máu cả hai đầu mà vẫn còn máu từ trong sâu dâng lên. Huyết áp tụt, còn 50/30. Anh gây mê liên tục bóp cho máu tươi trong bình phun thành tia vào mạch máu bệnh nhân. Kẹp được hai đầu của động mạch chậu ngoài bị đứt làm đôi, nhưng máu vẫn dâng từ trong sâu. Kiểm tra thấy động mạch chậu trong cũng bị thủng một lỗ bằng hạt đỗ xanh. Khâu cầm máu. Huyết áp lên được 70/40 rồi 80/50 rồi 100/60.

Hôm sau, thương binh tương đối ổn định, chúng tôi ra về.

Ngày 25 tháng 7 năm 1972. Thương bệnh binh tiếp tục được chuyển về tuyến sau theo kế hoạch. Khoa 34 đã rút. Đến hôm nay, còn 205 thương bệnh binh, tập trung cho khoa 32 điều trị, còn khoa 22 rút nốt.

Khoảng đầu tháng 8, giải quyết xong số thương bệnh binh còn lại, khoa 32 sẽ rút sau cùng. Công việc của bệnh viện dã chiến Z25 phục vụ Chiến dịch giải phóng Đắc Tô - Tân Cảnh như vậy là đã hoàn thành.

TRỞ LẠI CÁNH TRUNG

Ngày 15 tháng 8 năm 1972. Toàn Viện đã tập trung trở lại Binh trạm Bắc, nhưng ở địa điểm mới tương đối gần đường vận chuyển hơn khu D. Chúng tôi vẫn phải tiếp tục ở thật phân tán đề phòng máy bay oanh tạc. Trở lại với nhiệm vụ tuyến cuối của chiến trường, chúng tôi phải tiếp nhận thường xuyên các thương bệnh binh nặng của tuyến trước chuyển về. Hôm nay tổng số thương bệnh binh điều trị trong Viện đã lên tới 1700. Hai mối lo toan lớn nhất là làm nhà và vận chuyển...

Ngoài nương khoảng giữa tháng 9 phải thu hoạch thóc, mà kho chưa có, thúng mủng, cót chưa đan...

Ngày 22 tháng 9 năm 1972. Họp Hội nghị Quân y B3. Hội nghị ở cánh Trung. Rời nhà đi hôm 10 tháng 9 đi mất ba ngày, tới 12 tháng 9 mới xuống tới Q3, tới bờ sông Tà Rạt, trời mới mưa xong, nước lũ cuồn cuộn, kéo trôi mất cầu qua sông. Chờ nước rút thì bao giờ qua được sông? Cả đoàn hơn 30 người đi họp gặp nhau ở bờ sông, phải bơi qua sông. Người không biết bơi bám vào một sợi dây mây còn sót lại của chiếc cầu treo căng ngang sông. Người biết bơi thì bơi. Tất cả bỏ hết quần áo, tài liệu, đài, nhét hết vào ba lô, bọc tấm tăng ni lông ra ngoài, buộc túm, giơ lên đầu cho khỏi ướt. Nước sâu tới cổ, chảy ào ào. May, tất cả qua sông an toàn.

Tới khu vực Hội nghị còn phải leo một dốc cao, mất 40 phút. Tới nơi, mệt, đói và rét.

Hội nghị có mặt hơn 60 đại biểu các trung đoàn, sư đoàn, bệnh xá, bệnh viện, đội điều trị, các tỉnh đội Gia Rai, Kontum, Đắc Lắc. Hai ngày đầu báo cáo về tổ chức, chiến thuật quân y trong chiến dịch. Tôi báo cáo kinh nghiệm tổ chức bệnh viện dã chiến. Hai hôm sau nghe báo cáo khoa học. Sau đó Hội nghị thảo luận bản dự thảo điều lệ xử trí vết thương chiến tranh và bệnh thông thường ở chiến trường Tây Nguyên. Đây coi như là bản tổng kết các kinh nghiệm về điều trị thương bệnh binh ở chiến trường trong những năm qua.

Tình hình cán bộ trong Viện có thay đổi, anh Toản Chính uỷ, anh Bích Viện phó Nội được điều lên Phòng. Anh em đều lo, anh Toản đi thì công tác lãnh đạo trong Viện gặp khó khăn. Riêng tôi cũng lo. Anh là một Chính uỷ xông xáo, năng nổ, hết lòng với công việc. Ngoài công tác Đảng, công tác chính trị, anh còn lo công tác chiến đấu bảo vệ Bệnh viện, công tác tăng gia, chăm lo đến đời sống nhân viên và thương bệnh binh. Anh biết giữ vững nguyên tắc, nhưng lại vừa linh hoạt. Anh có cuộc sống gương mẫu, miệng nói, tay làm. Chúng tôi làm việc rất ăn ý với nhau.

Ngày 3 tháng 10 năm 1972. Vừa kết thúc Hội nghị Quân y thì nhận được giấy mời lên Phòng bàn công việc và dự chỉnh huấn. Lại vượt những dốc cao, những khu rừng rậm rạp dưới trời mưa không ngớt để lên Chỉ huy sở Mặt trận.

Các cơ quan mặt trận đang bận rộn trong kế hoạch giành thời cơ chính trị. Đồng chí Chính uỷ đang điều hành lớp chỉnh huấn đợt đầu cho công việc đi công tác trước.

Đồng chí Chính uỷ Mặt trận chỉ vào quyển lịch để bàn nói với tôi: Còn đúng một tháng nữa là đến ngày bầu cử Tổng thống Mỹ. Có hai khả năng, cũng có khả năng chúng nó chịu ký kết, thì theo kinh nghiệm của Giônxơn, ngừng bắn trước 5 ngày thì không đủ để xoay chuyển tình thế. Nếu Nichxơn chịu ký thì phải chịu ký sớm hơn... Nhưng cũng có khả năng chúng nó còn ngoan cố chưa chịu ký kết. Quyết định là ở chiến trường. Đang thành lập một sư đoàn mới gồm các trung đoàn đã lăn lộn nhiều năm ở chiến trường. Tích cực chuẩn bị cho đợi hoạt động mới. Công việc chuẩn bị tiến hành tốt, gạo, đạn đã đầy đủ ở vị trí tập kết. Đến nay vẫn giữ được bí mật hoàn toàn. Không có trường hợp thương vong trong giai đoạn chuẩn bị. Bộ đội đang lặng lẽ tiến vào vị trí. Pháo đã sẵn sàng. Khoảng từ 5 đến 7 tháng 10 sẽ nổ súng.

Các phân đội Quân y đang phải bố trí lại cho phù hợp với tình hình mới. Viện 211 sẽ vào cánh Trung thay thế cho Viện 1.

Khó khăn hiện nay là Viện 211 đang còn có 1500 thương bệnh binh. Sẽ chuyển về hậu phương một số. Một số cho ra viện. Số còn lại sẽ bàn giao lại cho Đội điều trị 25. Cuối tháng 10 phải có một bộ phận vào nhận thương bệnh binh cho Viện 1 để Viện 1 chuyển ra phía trước.

Ngày 22 tháng 10 năm 1972. Kết thúc cuộc chỉnh huấn nhằm chuẩn bị tư tưởng và tổ chức cho các giai đoạn sắp tới của cuộc chiến tranh, các công việc phải làm để chuyển từ chiến tranh sang hoà bình.

Không khí chung rất phấn khởi và tin tưởng. Trở về đơn vị, lại leo qua những dốc cheo leo, lầy lội. Đã biết bao lần tôi đi lại con đường này. Lần nào cũng tự nhủ, đây là lần cuối, nhưng vẫn cứ phải leo trở lại.

Về tới Viện bắt tay vào việc chuẩn bị di chuyển Viện xuống cánh Trung và bàn giao bệnh nhân cho ĐT25.

Đêm 20 tháng 10 vừa bàn xong với anh Thanh đội trưởng ĐT25 về việc bàn giao, thì 1 giờ sáng nhận được công văn hoả tốc của Phòng báo hoãn việc

bàn giao. Tình hình có thay đổi. Có khả năng thực hiện được việc ký kết mà nếu như vậy thì chuyển thẳng thương bệnh binh ra Bắc.

Thư của anh Nhiệm, Chính uỷ Phòng, cho biết thêm, chúng nó đã phải ngừng bắn phá miền Bắc từ 7 giờ sáng hôm nay, 20 tháng 10, Kissinger sẽ đến Hà Nội...

Ngày 27 tháng 10 năm 1972. Hôm qua 26 tháng 10 mổ một túi thông động tĩnh mạch đốt sống cổ to bằng quả cam ở gáy. Đây là một trường hợp hiếm, tôi mới gặp lần đầu từ ngày vào chiến trường. Bắt đầu bằng đường rạch tại chỗ. Định bóc tách túi phồng tìm tới cổ túi nhưng không được vì rất dính. Máu phụt ra từ một lỗ thủng bằng hạt ngô ở ngay đốt sống. Dùng kìm kẹp không được, kim khâu cũng không được vì bốn bên đều là xương cứng nhắc. Máu cứ như một dòng suối từ khe đá phụt ra.

Tôi toát mồ hôi, chưa biết xử trí ra sao, đành nhét tạm một miếng gạc vào vết mổ để cầm máu tạm thời.

Đang giữa lúc mổ căng thẳng nhất thì ngoài phòng mổ có tiếng xôn xao ầm ầm. Oang oang tiếng đài phát thanh. Vài đoạn loáng thoáng lọt vào phòng mổ. Đàm phán hoà bình... ký kết... Anh bác sĩ gây mê, ra ngoài nghe ngóng rồi trở vào hớn hở: "Hoà bình rồi, anh ạ! 31 tháng 10 sẽ ký kết, sau đó 24 giờ sẽ ngừng bắn".

Tôi đang luống cuống với ca mổ trong giai đoạn căng thẳng, cáu kỉnh cắt ngang sự vui mừng của anh: "Phải cứu bằng được anh thương binh này đã. Nếu không thì hoà bình cũng không yên đâu!". Câu nói của tôi làm cho anh cụt hứng.

Rõ ràng không thể xử trí tại chỗ được. Phải tìm đến gốc của động mạch mà chúng tôi biết động mạch đốt sống bắt nguồn từ động mạch dưới đòn. Có nghĩa là phải lật thương binh sang tư thế nằm ngửa. Cắt xương đòn, phẫu tích, tìm động mạch dưới đòn, lần dần tới gốc động mạch đốt sống.

Cuộc phẫu thuật căng thẳng và tỉ mỉ vì phải tiết kiệm từng giọt máu của bệnh nhân. Cuối cùng, tôi luồn được chiếc kìm nhỏ đầu cong, quanh chỗ tách của động mạch đốt sống. Thắt một sợi chỉ và quay trở lại vết mổ cũ ở vùng gáy, rút dải gạc nhét để cầm máu tạm thời. Máu ngừng chảy. Cuộc phẫu thuật đã thành công!

3 giờ chiều, mổ xong, tôi mới được nghe toàn văn bản tuyên bố của Chính phủ tố cáo phía Mỹ lật lọng, không chịu ký kết vào ngày 31 tháng 10 như dự kiến.

Hai hôm nay, đài đọc di đọc lại bản tuyên bố quan trọng nói trên. Trong Viện, khắp nơi xôn xao bàn tán. Các Chính trị viên họp nghe phổ biến tình hình và phương hướng lãnh đạo tư tưởng, đẩy mạnh công tác điều trị, chuẩn bị mọi mặt cho nhiệm vụ mới.

Ngày 13 tháng 11 năm 1972. Nichxơn được bầu lại! Tuy đã chuẩn bị tư tưởng cho khả năng này, nhưng trong tâm tư của công việc cũng có phần ngao ngán.

Trên chiến trường, chiến thắng giòn giã, ngày 12 tháng 10 diệt Plây Cần, 27 tháng 10 diệt Đắc Xiêng, 2 tháng 11 diệt Đức Cơ. Ba căn cứ biệt kích lớn mà những năm trước đánh nhiều lần không thành công.

Đang xúc tiến công việc di chuyển Viện: ĐT25 đã vào tiếp nhận thương bệnh binh. Ngày 25 tháng 11 khoa 32 là khoa đầu tiên vào cánh Trung thay chân cho Viện 1.

Việc di chuyển lần này dù sao cũng có thuận lợi. Viện 1 để lại một số cơ sở, nhà và hầm tuy không đủ, nhưng vẫn còn hơn là không có gì. Đường ôtô đã kéo dài tới cánh Trung nên khoảng 500 gùi tài liệu, trang thiết bị được vận chuyển bằng ôtô. Chúng tôi chỉ phải gùi từ đường ôtô về Viện.

Ngày 19 tháng 11 năm 1972. Trong khi đang bê bối về việc di chuyển bệnh viện thì một việc đột xuất không may mới xảy ra: Y Thu đi đâu mất tích từ hai hôm nay.

Y Thu một nữ y tá người dân tộc Tây Nguyên, là một cô gái trẻ, xinh xắn. Thoát ly gia đình đi thanh niên xung phong, được đưa ra miền Bắc để học văn hoá và chuyên môn, mới trở về chiến trường mấy tháng trước. Tham gia đội văn nghệ nghiệp dư của Viện, dự hội diễn văn nghệ của Phòng.

Khoảng hơn một tháng nay, được báo cáo là ốm. Chị em có dư luận xì xào. Cách đây có một tuần vào Viện điều trị. Hôm kia Thu lên gặp anh Kế - Chính uỷ mới của Viện - thú nhận là đã nhỡ nhàng có thai. Trên đường trở lại chiến trường ba tháng trước cô bị ốm phải ở lại dọc đường và đã bị một thanh niên trên đường dây lợi dụng. Anh Kế, Chính uỷ mới về Viện thay anh Toản, chưa kịp xử trí, cũng chưa cho chúng tôi biết, thì buổi chiều, anh em gặp Thu vừa đi, vừa khóc, và không thấy trở về khoa vào giờ cơm chiều, đến đêm cũng không thấy trở về.

Anh em trong khoa cho biết, trước khi đi, Thu đem ba lô ra sắp xếp lại, mang quần áo mới ra mặc, đi đôi tất mới, sắp xếp các thứ lưu niệm. Sau khi không thấy Thu về mới phát hiện tiếp mất khẩu súng ngắn của Y Bắp, một nữ y tá dân tộc khác cùng khoa. Anh thông tin trực máy điện thoại thì cho

biết nghe thấy một tiếng nổ phía rừng lúc khoảng 6 giờ chiều.

Sau ba hôm lùng sục trong rừng mới tìm thấy Y Thu ở trong rừng, cách khoa 32 khoảng 10 phút, nằm cạnh bờ suối, tay phải vắt ngang qua ngực. Khẩu súng ngắn ở cạnh. Một vết đạn xuyên ngang qua đầu.

Thật là bàng hoàng, sửng sốt, đau xót trước sự liều lĩnh dại dột ghê gớm của người con gái dân tộc trẻ tuổi này. Chị em dân tộc khóc nức nở...

Rõ ràng là về phía chỉ huy, lãnh đạo đã có khuyết điểm nặng. Không nắm chắc tình hình đơn vị và đặc biệt tình hình tư tưởng của Y Thu. Khi cô báo cáo với lãnh đạo thì không nhạy bén giải quyết để Y Thu đi vào chỗ bế tắc...

Ngày 5 tháng 12 năm 1972. Cuối tháng 11 và đầu tháng 12, tập trung vào việc di chuyển Viện từ cánh Bắc vào cánh Trung. Đến nay, đại bộ phận đã vào cánh Trung, còn hai khoa phải ở lại giải quyết tiếp công việc ở cánh Bắc.

Vị trí của Viện hiện nay ở cánh Trung hơi chếch về phía Đông so với địa điểm ở những năm 1967-1968, trên dãy núi - bộ đội gọi là núi Hổ, trên đường biên giới Việt Nam - Campuchia.

Nhờ gửi ôtô nên đến nay, cơ bản tài sản đã chuyển xong. Bốn khoa 32, 33, 22, 40 đã triển khai phục vụ. Cơ sở thiếu và dột nát nhiều, phải tốn nhiều công sửa chữa. Bệnh viện mới được cấp một máy xay bột để xay đậu tương. Đang cử người ra học ĐT25 cách làm đậu phụ.

Đường giao thông chiến lược bằng ôtô từ miền Bắc tới chiến trường Tây Nguyên, sau những chiến thắng vừa qua, đã được kéo dài qua cánh Trung vào cánh Nam Tây Nguyên, men theo bờ sông Sa Thầy chỉ cách Bệnh viện khoảng hơn một chục cây số.

Được sự đồng ý của Phòng, trong tháng này, chúng tôi đang huy động lực lượng nhân viên làm một đoạn đường ôtô nối với đường trục. Hy vọng với việc vận chuyển ôtô sẽ đỡ được công sức gùi lương thực, thực phẩm cho thương bệnh binh.

Chúng tôi cũng đã tổ chức một tổ cưa xẻ. Gỗ rừng không thiếu, lưỡi cưa thì dùng các đai thùng phuy cắt ra. Từ ngày vào chiến trường đây là lần đầu có các tấm ván gỗ xẻ, nhẵn nhụi, phẳng phiu, để làm ván sàn nhà mổ, nhà băng tiêm, nhà sản xuất dược. Không còn cảnh sàn nhà ọp ẹp, bồng bềnh như trước.

Tại Hội nghị Pari, đồng chí Lê Đức Thọ mới kết thúc một vòng hoà đàm với Kissinger. Điện của trên cho biết, có thể chúng nó sẽ ký trước lễ Giáng sinh. Nhưng hôm qua Kissinger họp báo đổ tội cho phía ta kéo dài cuộc đàm phán. Ngược lại ta tố cáo phía Mỹ thiếu thiện chí.

Ngày 5 tháng 1 năm 1973. Trong khi dư luận đang xôn xao về việc sắp có ký kết hoà bình thì đêm 18 rạng ngày 19 tháng 12 lại ì ầm tiếng máy bay B52.

Anh em ở ngoài nương trông thấy, dưới ánh trăng, từng đoàn máy bay B52 bay thành đội hình hàng ngang 3 chiếc một, nối đuôi nhau, bay từ phía Tây, phía Thái Lan sang, tới ngang vùng trời Tây Nguyên thì quay ngoắt sang hướng Bắc. Những ngọn đèn dưới cánh máy bay, lấp lánh như những ngôi sao di chuyển từ từ... Những dải khói trắng sau đuôi máy bay như những khăn tang, kéo dài quấn quanh bầu trời rất lâu không tan. Chúng nó đi gieo tang tóc ở đâu đây? Bao nhiêu cuộc sống sẽ bị chúng cướp đi trong đêm nay?

Sáng ngày 19 tháng 12, những anh em hay dậy sớm nghe đài, ngạc nhiên không bắt được đài Hà Nội. Phải tới hơn một giờ sau mới lại có tín hiệu. Những tiếng nói rè rè, yêu ớt, đưa một tin làm mọi người sửng sốt: Hà Nội bắn rơi bốn máy bay B52, kèm theo tin chúng nó đánh phá có tính chất huỷ diệt thành phố.

Từ hôm đó, ngoài công việc, ngày và đêm, chúng tôi bám chặt chiếc đài bán dẫn, nghe như nuốt từng lời hết đài này sang đài khác, hết bản tin này sang bản tin khác. Gia đình, bạn bè, người thân của chúng tôi ở cả Hà Nội. Phố nào bị đánh, thiệt hại ra sao, ai còn, ai mất?

Liên tiếp trong 12 ngày đêm liền, chúng nó đánh Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố khác trên miền Bắc. Chúng nó biến ngày lễ Giáng sinh, ngày mừng Chúa Hài đồng ra đời thành những ngày đẫm máu và tang tóc cho bao nhiêu gia đình. Cả chiến trường, cả miền Nam đau xót và căm thù.

Chúng tôi theo dõi từng tín hiệu trực tiếp và gián tiếp nhỏ nhất trên đài, theo dõi tỉ mỉ từng buổi phát thanh, từng bài phóng sự để phán đoán khu vực bị đánh phá... Một bài phóng sự mô tả trận đánh vào phố Khâm Thiên, một cô giáo cấp ba, tìm những quyển sách trong đống gạch đổ nát của ngôi nhà bị sập, làm cho chúng tôi lo lắng: Gia đình anh Huy Đại, Chủ nhiệm khoa của Viện cũng sống ở phố Khâm Thiên, chị cũng dạy cấp ba. Nhưng một bài tuỳ bút khác của Nguyễn Tuân, tả tỉ mỉ hơn, dãy phố bị đánh ở bên trái con đường theo hướng Hà Nội xuống làm cho chúng tôi bót lo. Nhà anh Đại trong ngõ Văn Chương, bên dãy phố bên phải.

Số máy bay B52 bị bắn rơi tăng lên dần từ 4 lên 6, 10… rồi tới 37 chiếc! Cho tới một đêm cuối tháng, tiếng B52 đột nhiên im bặt, rồi đài đưa tin chúng nó buộc phải tuyên bố ngừng bắn từ vĩ tuyến 20 trở ra.

Tiếp sau đó, một bức điện từ Hà Nội vào cho biết chi tiết những khu vực bị đánh và tình hình gia đình chúng tôi an toàn cả, làm cho chúng tôi yên tâm.

Ở đây, các công việc tiếp tục theo kế hoạch đã định. Chỉnh huấn cán bộ cuối tháng 12, nhiều ý kiến thắc mắc cho rằng ta bị lừa, không còn khả năng giải quyết sớm cuộc chiến tranh... Chuẩn bị hội nghị mừng công, bình bầu thi đua. Tôi được bầu là chiến sĩ thi đua của Bệnh viện, nhưng khi đưa ra duyệt trong tập thể thường vụ và thủ trưởng, tôi xin rút vì câu chuyện của Y Thu, dù sao tôi cũng có trách nhiệm, không nắm vững tình hình, để xảy ra chuyện đột xuất trong đơn vị.

Ngày 15 tháng 1 năm 1973. Đang bàn việc cưới xin cho cặp Trưng và Hạnh. Hai nhân viên vào chiến trường từ đầu cùng với Viện. Sau một thời gian tìm hiểu đã chính thức xin xây dựng với nhau. Đây là đám cưới thứ hai từ ngày vào chiến trường.

Những năm mới vào chiến trường, các thanh niên nam nữ được yêu cầu "ba khoan": khoan yêu, khoan cưới. Với các cặp vợ chồng đã xây dựng từ trước thì khoan có con.

Trong hoàn cảnh khó khăn, ác liệt của chiến trường và cũng với hy vọng chiến tranh sẽ không kéo dài, nên mọi người vui vẻ chấp nhận, coi như tạm thời gác tình riêng cho sự nghiệp chung.

Chính sách "ba khoan" được áp dụng thật chặt chẽ. Thanh niên nam nữ chỉ một lá thư, một chút biểu lộ tình cảm với nhau là bị đưa ra chi đoàn thanh niên phê bình, đấu tranh. Một số đã bị kỷ luật.

Nhưng rồi chiến tranh kéo dài. Ba năm rồi năm năm, rồi bảy năm, chưa biết ngày nào kết thúc. Với nam giới, ba khoan không thành vấn đề. Con trai lúc nào cũng có thể lấy vợ được. Nhưng với phụ nữ thì thành chuyện. Khoan mãi thì con gái trở thành bà cô hết. Viện 211 lại là nơi tập trung nhiều phụ nữ nhất ở chiến trường.

Từ đầu năm 1970, trong những buổi làm việc với cấp trên, tôi đã đề cập đến việc cho chị em được xây dựng gia đình. Nhưng lại bị phê phán: "Các anh không có việc gì làm hay sao mà cứ đề nghị mãi việc cho con gái lấy chồng?".

Như vậy là ngoài nhịn đói, nhịn khát, chiến trường Tây Nguyên còn phải

nhịn yêu. Tất nhiên đây là tình yêu nam nữ để tập trung cho tình yêu Tổ quốc. Tôi thì nghĩ: nhịn đói, nhịn khát thì chỉ khổ vài ngày. Nhịn yêu, có thể khổ suối đời… Vả lại suy cho cùng, tình yêu nam nữ có bao giờ mâu thuẫn với tình yêu Tổ quốc hay không?

Rồi cuộc sống có quy luật của nó, không thể vì chiến đấu mà ngăn cản sự yêu đương. Bắt đầu có những tình yêu vụng trộm dẫn đến những hậu quả không hay phải xử lý. Từ cuối năm 1972, chính sách ba khoan được nới lỏng dần. Mở đầu là đám cưới của anh Giá, Tham mưu phó Mặt trận với chị Liệu y sĩ. Đám cưới được tổ chức đơn giản và vui vẻ. Sau khi xây dựng cả hai anh chị vẫn tiếp tục công tác ở chiến trường.

Đôi Hạnh và Trưng là đôi thứ hai xin xây dựng nhưng có nhiều ý kiến rắc rối. Ngay trong cả lãnh đạo Viện. Đảng uỷ phải bàn mất một buổi. Chỉ vì hai đứa đã yêu nhau từ trước. Một số cho thế là "hỗn", một số đưa lên nguyên tắc, cho là vô tổ chức kỷ luật, đặt tổ chức trước việc đã rồi!

Ngay trước hôm cưới, anh Kế Chính uỷ đề nghị tôi không dự. Chỉ để anh Chân, Viện phó Hậu cần dự. Tôi phải thuyết phục anh: "Không được đâu anh ạ. Anh chị em có khuyết điểm thì đấu tranh phê bình. Còn việc xây dựng hạnh phúc cho họ, khi tổ chức đã đồng ý thì phải tạo điều kiện tốt nhất cho họ. Tôi đã sống cùng anh chị em trong 7 năm nay. Sống chết có nhau. Đến ngày vui của chúng nó mà không dự thì không được đâu...".

Anh Kế vẫn không chịu, anh còn dặn chủ nhiệm khoa, chủ trì buổi lễ: "Không tuyên bố công nhận hai đồng chí lấy nhau...".

Thật vô lý!

Tuy nhiên đám cưới của Hạnh và Trưng không phải vì thế mà kém vui vẻ...

Trước ngày cưới, anh chị em trong khoa hoá nghiệm - nơi hai cô cậu công tác, đã dành một số ngày công, xây dựng cho đôi vợ chồng trẻ một ngôi nhà riêng có đủ giường, bàn ghế, xinh xắn, khang trang.

Đến ngày cưới, các Chủ nhiệm khoa, y, bác sĩ, thanh niên nam nữ đến đông đủ chúc mừng cho đôi vợ chồng trẻ.

"Phòng cưới" là một vạt rừng bằng phẳng, trang trí bằng hoa và lá cây rừng. Bàn ghế bằng tre nứa đặt trên những cọc chôn xuống đất. Có bàn thờ Tổ quốc, có ảnh Bác Hồ. Có mít tinh, liên hoan văn nghệ. Có liên hoan mặn bằng thịt lợn, gà tăng gia, và thịt vượn của tổ săn gửi tặng.

Ngày 18 tháng 1 năm 1973. Trại tù ở gần Viện có trường hợp cấp cứu, mời

chúng tôi sang giúp xử trí. Từ ngày vào chiến trường, đã nhiều lần chúng tôi được mời đi cứu chữa lại các trại tù binh hoặc nhận các tù binh, cả Mỹ và nguỵ, bị ốm, bị thương, vào Bệnh viện chúng tôi để cứu chữa. Đây là một trường hợp bị chấn thương, có thể cần phẫu thuật, nên tôi cùng một y sĩ gây mê, một hộ lý vô trùng, mang theo dụng cụ mổ, lên đường sang trại.

Trại ở gần Viện. Chúng tôi đi theo anh liên lạc, vượt qua hai quả đồi, xuống một dốc sâu. Trại ở trong một thung lũng hẹp. Hai hàng rào tre, cách nhau chừng hai mét, giữa hai hàng rào còn nguyên các bụi cây rậm rạp. Qua một cửa cũng bằng tre, có một trạm gác nhỏ. Một chiến sĩ vệ binh trẻ đang ngồi gác cạnh một cái bàn. Một khẩu súng AK để ngang trên bàn.

Đồng chí vệ binh đang chơi với một cháu gái nhỏ chừng 3-4 tuổi, cháu xinh, tóc cắt ngắn, mặc áo lụa xanh làm nổi mầu trắng của hai cánh tay bụ bẫm. Đôi mắt đen láy tò mò nhìn chúng tôi rồi hỏi anh vệ binh: "Bác nào đây? Bác nào đây?".

Cháu là con một tù binh. Trong sân trại một cháu khác đang chơi tha thẩn. Trong trại tù khắc khổ này, các cháu bé như một nét làm dịu bớt không khí căng thẳng trong trại. Anh trại trưởng vui vẻ tiếp chúng tôi. Anh cho biết, trong các trận chiến đấu vừa qua, ta bắt được nhiều tù binh. Nhất là các đồn biệt động Plây Cần, Đức Cơ, Đắc Xiêng. Chúng nó tổ chức cho cả gia đình binh lính sống trong đồn. Khi bắt được tù binh, vợ con đi theo. Cũng có trường hợp, đứa bé bơ vơ trong đồn, không bố, không mẹ, không biết giao cho ai, đành đưa cả về trại nuôi. Cháu bé đang chơi với anh vệ binh là con một tên ác ôn. Trại Đức Cơ bị đánh, nó đưa vợ và hai con, một đứa lên năm, một còn ẵm ngửa, chạy trốn. Dọc đường, đứa bé khóc, vợ ẵm con đau chân không đi nhanh được, nó rút súng ngắn, bắn chết vợ và đứa nhỏ. Vừa đúng lúc bộ đội ập tới cứu được đứa con lớn và bắt thằng ác ôn đưa về trại. Cháu bé lên năm kể lại rõ ràng câu chuyện cho mọi người nghe. Từ khi về trại, bố nó gọi, nó cũng không vào, chỉ quanh quẩn chơi với các chú giải phóng.

Anh than phiền: giữ phụ nữ và trẻ con ở đây phiền phức lắm, đang đề nghị với tỉnh uỷ cho đưa về địa phương.

Tù binh đứa mặc áo đen, đứa mặc áo rằn ri, chúng được ăn theo tiêu chuẩn gạo của bộ đội, 2 lạng rưỡi gạo cộng với 2 kg sắn, còn thức ăn thì bằng một nửa tiêu chuẩn của bộ đội. Nhiều đứa bị sốt rét. Khó khăn nhất là công tác canh giữ. Hôm trước trốn mất ba tên, nhưng. không đi được đâu xa, chỉ quanh quẩn các nương rẫy ở gần nên hôm sau túm lại được. Hôm nay đang lùng bốn tên mới trốn.

Trại tương đối gần Viện nên cũng đáng lo, nếu một đứa trốn thoát thì cả

khu vực sẽ không an toàn. Gã tù binh mà trại yêu cầu chúng tôi khám, bị vết thương nhỏ ở mông, có thể do chính mảnh bom bi của chúng. Có dấu hiệu xuyên vào bụng. Tôi đề nghị trại cho chuyển sang Viện mới có điều kiện mổ và săn sóc sau mổ dễ dàng hơn.

Ngày 17 tháng 1 năm 1973, anh Nhiệm, Chính ủy Phòng Hậu cần đi công tác ghé qua Viện. Anh đi vội, chỉ ở lại buổi trưa. Anh cho biết có khả năng tới 23 tháng 1 nó phải chịu ký tắt hiệp nghị đình chiến. Sau đó, 27 tháng 1 sẽ chính thức ký, 30 tháng 1 ngừng bắn trên toàn chiến trường miền Nam, sau đó 15 ngày ngừng bắn ở Lào. Tuy nhiên, cần cảnh giác, đề phòng chúng lật lọng, đề phòng oanh tạc trở lại. Mấy hôm nay vẫn có tiếng B52 đánh xa.

Một số cán bộ được điều động cấp tốc đi công tác đặc biệt. Anh Thuyên khoa 32 được cử đi phụ trách giải quyết tù binh, anh Minh, trường Quân y cũng được điều đi công tác gấp.

Mấy hôm nay tại Hội nghị Pari, các chuyên viên họp liên tiếp, kể cả ngày chủ nhật, Nichxơn vừa đọc diễn văn nhận chức tổng thống nhiệm kỳ mới với những lời hứa hẹn chung chung giữa nhưng cuộc biểu tình phản đối chiến tranh rầm rộ trên đất Mỹ và trên khắp thế giới.

Ngày 24 tháng 1 năm 1973. Trên thông báo theo dõi tin tức trên đài, từ 10 giờ sáng hôm nay, sắp có tin quan trọng. Đêm hôm qua các đài trên thế giới đưa ra nhiều tin khác nhau: Cuộc họp kín giữa ông Lê Đức Thọ và Kissinger tiếp tục trở lại. Bà Bình cũng trở lại Pari. Đại diện của chính quyền Sài Gòn cũng bay sang Pari họp tại Hội trường lớn điện Elysêe. Sau buổi họp Kissinger bay ngay trở về Mỹ. Nichxơn sẽ nói trên đài Vô tuyến truyền hình vào ngày 24 tháng 1 về vấn đề Việt Nam. Cũng đêm 24 tháng 1 đồng chí Lê Đức Thọ sẽ họp báo ở Pari...

Sáng hôm nay đang mổ một trường hợp mủ phế mạc, bỗng nghe tiếng ồn ào, reo cười bên ngoài. Đúng 7 giờ sáng 23 tháng 1 đã ký tắt Hiệp định Pari.

Một đồng chí y sĩ chạy tới từng lán thương bệnh binh báo tin. Đài đọc đi, đọc lại bản thông cáo của Bộ Ngoại giao. Tiếng reo cười xôn xao vang dậy khắp nơi.

Lần thứ hai tin hoà bình đến trong lúc tôi đang mổ. Có cảm giác cồn cào muốn bay ra khỏi phòng mổ, để nghe tận tai cho rõ bản tin quan trọng này. Nhưng cứ phải tập trung tư tưởng vào cuộc mổ đang trong giai đoạn phức tạp.

Lịch sử cách mạng miền Nam đã sang trang mới. Ôi biết bao nhiêu công sức, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, bao nhiêu xương máu mới có ngày hôm

nay.

Ngày 25 tháng 1 năm 1973. Đêm hôm qua thương bệnh binh, nhân viên nhiều khoa thức tới một giờ sáng để nghe đài đọc các văn kiện của Hiệp định ngừng bắn, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình và các văn kiện kèm theo...

Hơn bảy năm ở chiến trường của chúng tôi đã trôi qua, bao nhiêu gian khổ hy sinh, bao nhiêu máu và nước mắt nhưng tự hào đã góp phần cho ngày thắng lợi hôm nay...

Hôm qua Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh đã đi Pari để ký hiệp định chính thức. Suốt đêm hôm qua, không sao chợp được mắt, nghĩ da diết tới gia đình, ba mợ, Hương, các anh, các chị, các em... chắc mấy hôm nay cũng đang náo nức vui mừng. Chiến tranh gian khổ đã qua. Hoà bình đã lập lại, gia đình lại sắp được đoàn tụ.

Ngày 30 tháng 1 năm 1973. Từ 7 giờ sáng hôm nay đã ngừng bắn trên toàn chiến trường miền Nam.

Hôm qua ở Pari đã ký kết hiệp định ngừng bắn chính thức.

Mấy hôm nay, mọi người thao thúc mất ngủ. Đài liên tục đọc 9 văn kiện của Hội nghị. Cả thế giới hướng về Hội nghị Pari và hoan nghênh thắng lợi của Việt Nam.

Trong bệnh viện đi đến đâu cũng sôi nổi bàn tán. Nhiều anh theo dõi các buổi phát thanh đọc chậm, hí hoáy chép các văn kiện vào sổ tay.

Chính uỷ Viện đi họp ở Phòng về thông báo cho anh em viết thư về gia đình. Sắp có chuyến máy bay đầu tiên đưa thư ra Hà Nội.

Tuy nhiên, ở phía trước cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục. Bộ đội đang tranh thủ thời cơ, mở rộng vùng giải phóng. Đường số 14, 19 bị cắt đứt, quân ta áp sát Plâycu, Kontum. Sáng hôm nay, tuy đã có lệnh ngừng bắn, nhưng máy bay vẫn tiếp tục hoạt động. Từ đây vẫn nghe rõ tiếng máy bay và tiếng bom ở xa...

Một cảm giác chung là mặc dầu ước vọng từ bao nhiêu năm nay, nhưng sao mọi người vẫn không thấy thật thoải mái. Vẫn còn nhiều điều canh cánh bên lòng. Triển vọng chấm dứt chiến tranh chưa thật rõ ràng. Nhiều điều khoản chưa thật dứt khoát.

Ủy ban quốc tế chưa tới. Khoảng 15 ngày nữa các tổ giám sát quốc tế mới

vào được hết. Tới khi đó và có thể cả sau khi đó nữa vẫn phải tiếp tục giữ vững và mở rộng vùng giải phóng. Ta nghĩ thế và chắc địch cũng nghĩ thế. Cuộc đấu tranh chắc còn kéo dài.

Vẫn phải tiếp tục cảnh giác đề phòng chúng nó đánh ra.

Một số cán bộ được điều đi tham gia đoàn liên hiệp đình chiến. Đoàn của B3 đã được tổ chức và sẵn sàng vào Plâycu nhận nhiệm vụ. Mọi người đều thích thú với ý nghĩ là ta sẽ có mặt ở cả 64 thị xã, thị trấn toàn miền Nam.

Ngày 7 tháng 2 năm 1973. (Mồng 4 Tết). Đã qua Tết âm lịch. Tết hoà bình đầu tiên ở chiến trường.

Từ trưa 27 Tết, xuống binh trạm Trung liên hoan Tết với thủ trưởng binh trạm rồi qua tiểu đoàn xe chúc Tết. Sau đó đi một vòng qua nương, thăm và chúc Tết anh em tăng gia...

Chiều 29 Tết, tổ chức một bữa liên hoan mừng Xuân với các Chủ nhiệm khoa, Chính trị viên, đại diện các khoa, ban, thương bệnh binh, tất cả hơn 90 người. Làm một dãy bàn giữa sân, ăn bánh chưng, bánh cuốn và phở. Thịt con lợn tăng gia của chỉ huy Viện. Đây là lần đầu tiên từ ngày vào chiến trường, có điều kiện tập trung anh em đông vui như vậy.

Nhờ ngừng bắn, mấy hôm nay yên tĩnh, không thấy máy bay địch hoạt động. Nhất là B52 thì im ắng hẳn. Tuy nhiên vẫn phải nhắc nhở anh em chớ chủ quan, sơ hở có thể gây ra tổn thất. Nhất là không để bắn súng bừa bãi như Tết Mậu Thân.

Chiều 30, sau khi đi thăm khoa 40, trên đường trở về Viện bộ, qua con đường khấp khểnh, đá tai mèo, lúc lên, lúc xuống. Qua một ngọn đồi, giật mình thấy trên đỉnh đồi, một đống lửa đang rừng rực cháy. Một vụ vi phạm vấn đề an toàn. Hò hét mãi không có người dập lửa. Xuyên rừng lên tới nơi thì ra một đồng chí đang canh nồi bánh chưng, lửa cháy rừng rực giữa sân.

Ngọn đồi trước mặt cũng sáng trưng ánh điện. Lại một vụ vi phạm nữa. Sang tới nơi, máy nổ chạy sình sịch, làm sáng rực những ngọn đèn điện chăng giữa sân. Đồng chí Chủ nhiệm khoa và mấy bác sĩ xúm xít quanh bàn cờ. Đến khuya, một tràng AK nổ phía C3, lại một vụ vi phạm thứ ba. Chết thật! Mặc dầu đã nói đi, nói lại nhiều lần về chuyện cảnh giác.

Sáng mồng một, chúc Tết khối Ngoại, chiều sang khối Nội. Sáng mồng Hai thăm khoa 40 thế là hết Tết.

Trở lại các công việc bình thường, họp bàn việc tổ chức tăng gia.

Ngày 10 tháng 2 năm 1973. Nhận được một lúc ba lá thư của Hương, viết vào các tháng 5, 7, 9 năm 1972.

Ngoài Hà Nội có tin tôi bị trúng bom chết! Thực ra là một sự nhầm lẫn. Đúng là có một bác sĩ cũng có tên là Cao Đài ở chiến trường Nam Bộ bị sốt rét ác tính chết. Tin ra tới miền Bắc, nhiều anh em quen biết, tưởng là tôi đến hỏi thăm.

Hương đang ở nơi sơ tán, đột nhiên thấy anh bạn quen đến thăm. Sau những câu chuyện loanh quanh, anh bạn bỗng hỏi lửng lơ, với vẻ mặt ái ngại:

"Lâu nay, chị có nhận được tin gì của anh không?".

Người đầu tiên hỏi, Hương chưa chú ý, nhưng rồi tới người thứ hai, thứ ba hỏi... làm cho Hương bắt đầu lo ngại, nhưng khi hỏi lại: "Anh (hay chị) có biết chuyện gì không?" thì người bạn vội chối: "Không, tôi có biết gì đâu, chỉ là hỏi thăm anh thôi...". Giữa buổi chiến tranh ác liệt, không biết bao nhiêu chuyện bất thường có thể xảy ra, nhân ngày chủ nhật, Hương vội phi xe đạp vượt chặng đường hơn 40 cây số từ nơi sơ tán, gần Sơn Tây về Hà Nội, hỏi tin tức. Tới bạn bè, không ai nói cho biết điều gì cụ thể. Tới nhà anh Vinh, Cục trưởng Cục Quân y. Anh Vinh rất quan tâm hứa sẽ điện ngay vào chiến trường. Hai hôm sau, anh cho biết tôi vẫn bình thường.

Nhưng, giữa chiến tranh, để yên lòng các gia đình có người thân đi chiến trường, các cơ quan thường giấu những tin thất thiệt nên Hương và gia đình tôi vẫn nửa tin, nửa ngờ.

Đây đúng vào thời kỳ tôi đi Bệnh viện dã chiến Z25, nên ít có thư ra.

Hương khóc hết nước mắt. Một chủ nhật khác, lại từ nơi sơ tán về Hà Nội. Cô cháu vui mừng đưa cho Hương một lá thư từ chiến trường gửi ra. Nhưng khi đọc, lại là nhột lá thư viết từ năm 1971, hơn một năm trước, không biết đọng lại ở trạm giao liên nào nên nay mới ra tới nơi. Càng làm cho Hương hoảng hốt.

Tình hình lo sợ căng thẳng kéo dài gần nửa năm trời. Cho tới khi nhận được thư của tôi viết sau chiến dịch, gia đình mới thật yên tâm.

Ngày 22 tháng 3 năm 1973. Đoàn phái viên của Cục Quân y đi kiểm tra tình hình các chiến trường mà tôi gặp trên đường ra Hội nghị Quân y chiến trường tháng 8 năm 1972, nay đã từ chiến trường Nam Bộ ra Tây Nguyên và xuống thăm Viện 211.

Gặp các anh thật mừng. Chúng tôi thịt lợn để chiêu đãi đoàn.

Ngày 30 tháng 3 năm 1973. Hoà bình đã được lập lại gần hai tháng. Ở đây hoạt động của máy bay ít hơn, nhưng phía Campuchia tiếng bom B52 vẫn ì ầm hàng ngày xa xa.

Tình hình cơ bản không có gì khác. Vẫn leo dốc, cơm độn sắn, vẫn bận rộn các công tác xây dựng, tăng gia.

Nhân viên của Viện mới làm xong đoạn đường ôtô nối đường trục từ Binh trạm Trung vào kho của Viện. Đường dài gần ba giờ đi bộ, khoảng 10-12 cây số. Khó khăn nhất là bốn đoạn vượt qua suối, phải làm ngầm. Anh em rất phấn khởi, hy vọng ôtô sẽ chuyển hàng tới tận kho, đỡ được công vận chuyển.

Nhưng làm xong đường thì lại không có xăng cho xe chạy.

Quân Mỹ, quân Nam Hàn tiếp tục rút. Tuy nhiên, việc thi hành hiệp định đình chiến có nhiều khó khăn. Chúng nó tìm mọi cách phá hoại. Riêng việc trao trả tù binh cũng phải đấu tranh vất vả. Phái đoàn của ta bị hành hung ở Ban Mê Thuộc, Huế, Đà Nẵng... Chúng nó tiếp tục lấn chiếm vùng giải phóng. Cuộc đấu tranh còn đang tiếp diễn, không loại trừ khả năng chiến tranh trở lại.

Ngày 15 tháng 5 năm 1973. Một phái đoàn của Trung ương vào thăm chiến trường.

Ở Tây Nguyên đây là lần đầu tiên có phái đoàn như vậy. Đoàn có các đồng chí Tố Hữu, Nguyễn Thọ Chân, Đinh Đức Thiện, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần. Cùng đi có nhiều cán bộ cao cấp, chỉ huy các Cục, trong đó có anh Vinh, Cục trưởng Cục Quân y.

Thật là một luồng gió mới thổi vào chiến trường Tây Nguyên. Tôi được báo lên Phòng để làm việc với thủ trưởng Cục Quân y và nghe phái đoàn nói chuyện. Trong buổi nói chuyện với cán bộ, nhiều nhận định rất rộng rãi, thẳng thắn, nhìn thẳng vào sự thật, những khó khăn, thuận lợi được đánh giá rõ ràng và có cách giải quyết mạnh dạn, dứt điểm. Triển vọng tình hình rất đáng phấn khởi. Nói đến tình hình đói cơm, nhạt muối, thiếu quần áo, thuốc men của Tây Nguyên, anh Tố Hữu nói tới "Chủ nghĩa anh hùng đóng khố" và nói: "Nếu cho sự đói khổ của dân là điều không thể làm gì được hoặc thậm chí có thể làm từ từ cũng được thì không xứng đáng là người cộng sản, thậm chí, không xứng đáng là người Việt Nam...".

Đoàn đã có những giải quyết cụ thể, Chỉ huy Phòng Hậu cần cho biết: Anh Đinh Đức Thiện điện cho Đoàn 559 chuyển ngay 1000 xe hàng, chuyển 4000 tấn gạo cho Tây Nguyên trong điện ghi rõ: "Chỉ chấp hành, không hỏi lại, không bàn bạc...".

Các anh hứa sẽ tổ chức nông trường, nhà máy, máy cưa xẻ, máy giấy vào chiến trường. Với Quân y, có một quyết định cụ thể là chuyển ra hậu phương hơn một nghìn thương bệnh binh mất sức chiến đấu, đang đọng ở các bệnh viện, bệnh xá... bỏ hết các thủ tục giấy tờ phức tạp. Có giấy cũng ra, không giấy cũng ra. Giải quyết các giấy tờ sau. Riêng Viện 211 cho đi được 350 đồng chí đang còn ứ đọng.

Đoàn còn mang vào nhiều thư và quà của gia đình. Trong quà của Hương, do anh Vinh mang vào có mứt hạt sen, kẹo. Mứt sen đi đường dài vào tới nơi đã chua nhưng cũng nhắc cho tôi vị Tết ở hậu phương. Nhiều thư của Hương, của hai gia đình nội ngoại, các anh chị, các em... Qua cuộc chiến tranh ác liệt gia đình nội ngoại của tôi bị tổn thất bốn người: cháu Khánh, con trai thứ ba của anh tôi hy sinh trong chiến dịch Quảng Trị, chú Tề, em rể hy sinh ở khu 6, một cháu, bác sĩ, con bà chị, hy sinh ở Quảng Nam, một chú em họ mất tích ở Tây Nguyên. Không kể con gái tôi, hy sinh do tai nạn... Thư của Hương như những lời than vãn tuyệt vọng.

Ngày 22 tháng 5 năm 1973. Lên Bộ Tư lệnh mặt trận dự Hội nghị chỉnh huấn. Mới dự Hội nghị được buổi sáng thì trong giờ nghỉ trưa đồng chí Kiểu, trưởng ban cán bộ B3 tìm tôi báo tin: "Bộ có điện gọi anh ra!"... Tôi sững người vì bất ngờ và bàng hoàng, hỏi thêm: "Ra hẳn hay ra lại vào?".

- "Ra hẳn".

- "Có ai ra cùng với tôi nữa không?".

- "Có anh Thuyên!" - Anh Kiểu trả lời.

Sau đó anh Kiểu bảo thêm: Tôi đã báo cáo Bộ Tư lệnh, các anh cho ý kiến là anh nên ra gấp vì mùa mưa tới nơi rồi. Hơn nữa có thể trên bố trí để anh đi bổ túc. Nếu chờ đến mùa khô sẽ nhỡ kế hoạch.

TRỞ VỀ

Ngày 1 tháng 6 năm 1973. Thật khó mà tả hết tâm trạng của tôi khi nghe tin, cuối cùng tôi cũng đã được về hậu phương.

Đầu tiên có lẽ là sự sửng sốt bất ngờ vì sau bao nhiêu lần có những tin đồn là trên gọi tôi ra, nhưng cuối cùng vẫn không ra. Lần này, không thấy tin đồn gì trước. Được ra, thực thà mà nói, tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn là luyến tiếc. Tôi đã cảm thấy quá đủ với những sự căng thẳng thường trực, những gian khổ, khó khăn, ác liệt trong hơn bảy năm ở chiến trường. Tôi cũng cảm thấy đã đến lúc làm dịu bao nhiêu lo âu, khắc khoải của gia đình. Với bản thân tôi thấy cũng đã đến lúc phải đi điều trị mắt. Bệnh thiên đầu thống tiềm tàng trong mắt tôi đã dần dần phát triển và bắt đầu cản trở công việc mổ xẻ của tôi. Được ra sau thắng lợi của Hội nghị Pari, cho tôi cảm giác nhẹ nhõm là đã hoàn thành một phần nhiệm vụ. Nhưng tôi vẫn day dứt khi nghĩ tới bao bạn bè, đồng chí, các anh chị em trong Viện, cùng vào chiến trường, chưa được ra như tôi.

Ngay ngày hôm sau, tôi chia lay với các anh em cán bộ đang dự chỉnh huấn. Các anh rất lưu luyến, và đều mừng cho tôi đã hoàn thành công việc ở chiến trường...

Tuy nhiên tôi cũng phân vân chưa biết sẽ ra bằng đường nào? Phòng Hậu cần thì cho biết, theo thông báo thì đường Trường Sơn đang đổi tuyến từ phía Tây chuyển sang phía Đông Trường Sơn. Các trạm giao liên đang di chuyển không nhận khách. Lại bắt đầu mùa mưa. Cần chuẩn bị đối phó với những khó khăn dọc đường. Muốn chờ tuyến đường di chuyển xong thì phải hết mùa mưa.

Trong khi đang phân vân không biết quyết định ra sao thì một trung đoàn trưởng Pháo mới cùng đơn vị vào chiến trường, cho biết một tin quan trọng: Trên đường vào, đơn vị anh có một xe kéo pháo bị hỏng phải để lại gần đường 9. Đơn vị đang chuẩn bị cho một xe khác ra kéo xe bị hỏng vào. Nếu chúng tôi đồng ý thì anh có thể giới thiệu cho đi nhờ ra tới đường 9.

Thật là dịp may hiếm có. Chúng tôi nhận lời ngay và anh viết cho tôi một giấy giới thiệu về đơn vị. Thật mừng vì ra tới đường 9 là đã được quá nửa đường, phần còn lại sẽ lo sau. Sau Hiệp nghị Pari, Mỹ đã phải ngừng bắn phá cả ở chiến trường Lào như vậy việc đi ôtô đã an toàn.

Tôi được phép thôi không dự chỉnh huấn để trở về đơn vị bàn giao và chuẩn bị lên đường.

Về lại Viện, chia tay với anh em thật là cảm động. Liên hoan từ biệt linh đình. Viện tổ chức một bữa cơm chia tay với chủ nhiệm khoa, đại biểu nhân viên, phụ nữ, chỉ huy trường Quân y hơn một trăm người. Đêm hôm đó, ngồi tâm sự tới hơn một giờ sáng vẫn không hết chuyện.

Sáng 28 tháng 5 rời Viện ra đi, qua trường Quân y, các anh bố trí nói chuyện và từ biệt với học viên. Sang Đội Vệ sinh phòng dịch ăn cơm trưa rồi ra đường xe, chờ ở ba-ri-e đón xe lên Phòng. May gặp xe anh Tuệ, Phó chính uỷ Phòng đi công tác ngang qua, đáp xe lên Phòng.

Lên tới Phòng nhận giấy tờ, mới phát hiện ra là ba giấy sinh hoạt Đảng làm sai cả ba! Phải xin liên lạc hoả tốc của Phòng quay về Viện làm lại. Trong thời gian ở Phòng, đi tham các thủ trưởng B3. Các anh chiêu đãi một bữa. Sang phòng Tham mưu, thăm anh Phú Tham mưu trưởng, anh Hồ Đệ, Tham mưu phó, lại được các anh chiêu đãi bữa nữa. Sang phòng Chính trị thăm anh Hà, Chủ nhiệm chính trị, rồi thăm các Ban của Phòng Hậu cần.

Ngày 2 tháng 6 năm 1973. Rời Phòng Hậu cần ra đi. Cùng đi có anh Lạc và anh Đạt, phái viên của Bộ vào công tác chiến trường, và cậu Sinh cần vụ đi cùng với tôi mấy năm nay.

Đón ôtô, ra tới Trung đoàn bộ Trung đoàn Pháo 234 ở chân đèo Ăm-pun. Anh trung đoàn phó niềm nở tiếp chúng tôi, xem giấy giới thiệu và đưa chúng tôi xuống gặp tổ lái chiếc xe đang chuẩn bị gấp để ra đường 9.

Đây là một chiếc xe kéo pháo Liên Xô, nhãn hiệu U-ran, to đồ sộ, tôi chưa từng thấy bao giờ.

Phải chờ anh em chuẩn bị mất một ngày rưỡi. Thật sốt ruột, nhưng không thể bỏ lỡ dịp may hiếm có, có chiếc xe vận tải kéo pháo to như xe U-ran để trở ra.

Cuối cùng 1 giờ chiều 4 tháng 6 mới rời Trung đoàn, rời Tây Nguyên, lên đường về hậu phương. Xe U-ran là loại xe kéo pháo cỡ lớn của Liên Xô, bánh xe cao ngang đầu, chúng tôi phải leo lên bánh xe rồi mới leo được lên thùng xe. Ngồi trên thùng xe cao ngất ngưởng như ngồi trên lưng voi.

Xe chạy cực khoẻ. Đường dốc đèo lầy lội mà xe cứ chạy băng băng. Chúng tôi phải bám chặt vào thùng xe bằng thép, ngồi dựa lưng vào ca bin.

Chiều hôm đầu, qua đèo Ăm-pun, tên đèo do bộ đội đặt. Nghe nói do khi đi khảo sát, anh chỉ huy đội khảo sát đánh rơi một cái ăm-pun thuốc sốt rét ở đây nên lấy đó để đặt tên đèo. Ra tới điểm 5, ngủ lại ở một trạm ba-ri-e cạnh đường, mưa rơi rào rào trên mái.

Ngày 5 tháng 6, xe tới sông Xê Ca Sụ, tới chân đèo 30 gần sông Xê Ca Mán. Không qua được đèo. Đường hẹp, có xe bên kia đèo sang bị chết máy ở đỉnh đèo, làm tắc đường. Phải ngủ lại đêm ở một trạm công binh cùng với một số lái xe.

Sáng 6 tháng 6, qua Xê Ca Mán tới kho K3, K4. Đây là ngã ba rẽ sang Campuchia và đi vào chiến trường Nam Bộ. Trên bãi cỏ bằng phẳng, hàng nghìn người đang chờ đợi: Sau Hiệp định Pari Đường dây 559 có chủ trương, cho anh chị em vào chiến trường lâu về nghỉ phép. Mọi người đang chờ đợi xe ra, xúm xít quanh xe xin đi nhờ. Không biết nhận ai và đừng ai vì trên thùng xe, cao nhất cũng chỉ có thể chứa được 20 người. Gác ba-ri-e và lái xe đột nhiên cãi nhau om sòm. Gác ba-ri-e đỏ mặt đe: "Xe chúng mày còn qua đây nhiều... Rồi chúng ông cho biết tay!". Anh lái xe cũng hùng hổ không kém: "Đ. mẹ chúng mày, đố làm gì được chúng ông...". Thì ra anh gác ba-ri-e định giới thiệu một toán, nhưng anh lái xe thì đã nhận lời một toán khác. Cuối cùng nhận thêm 16 người ra nghỉ phép, thế là trên thùng xe vừa chật.

Đường đi chếch về hướng Tây, đi trên cao nguyên Bô-lô-ven thuộc đất bạn Lào, tương đối bằng phẳng hơn con đường đi bộ, trước đây chúng tôi đi. Qua những khu rừng khộp, cây khô khan cong queo, lá lưa thưa, mọc thẳng hàng như có người trồng. Dưới gốc cây là những bãi cỏ rộng.

Tới sông Bạc, có ca nô đưa qua sông. Con đường, bắt vào một con đường đá của Tây làm cũ, nhưng cầu bị phá, phải đi qua ngầm. Đêm ngủ lại trạm giao liên 62. Như vậy, hai ngày đi xe bằng một tháng đi bộ trước đây.

Sáng 7 tháng 6, xe đi tiếp, men một con sông to, sông Xê Công. Chiều đến một trạm xăng, có những ống dẫn xăng to bằng cổ chân chạy trong rừng. Mái nhà lợp bằng những mảnh cao su lớn là những bể đựng xăng bằng cao su bị thủng. Những thùng phuy ngổn ngang. Chuồng gà cũng bằng phuy xăng, đục lỗ, cầu bắc qua suối cũng bằng những ống dẫn xăng ghép lại. Khắp nơi, mùi xăng khét lẹt.

Xe lấy đầy xăng vào thùng xe, còn lấy thêm một phuy xăng dự trữ. Qua trạm 55, ngừng lại xin thực phẩm, cũng vừa lúc xe bị hỏng: lốp bẹp. Một đinh bù loong to bằng ngón chân cái cắm vào lốp xe khi ở trạm xăng.

Vá được lốp xe thì lại mất điện. Đành ngủ lại trạm giao liên. Trạm mới di chuyển đến đây, nhưng cũng khá chu đáo. Cơm ăn có cà, măng. Đến tối, Chỉ huy trạm pha cà phê mời chúng tôi. Thì ra đây là khu vực đồn điền cà phê. Nhà dân nào cũng có hàng cót cà phê to như cót thóc. Thừa cà phê nhưng lại thiếu gạo. Bộ đội ở đây có kiểu uống cà phê khá độc đáo. Để rang cà phê thì

đổ một mớ cà phê vào chiếc mũ sắt, đổ xăng lên trên. Cạnh đường ống, thiếu gì xăng. Rồi bật lửa, xăng cháy đùng đùng. Khi tắt lửa là cà phê vừa rang cháy, thơm phưng phức, không dính chút mùi xăng. Để xay cà phê, thì cũng vẫn chiếc mũ sắt, một cành cây làm chày, giã một lúc thì tan biến. Còn để pha cà phê thì bộ đội có loại "phin đại đội", "phin tiểu đoàn", tuỳ theo nhu cầu pha cho một đại đội hay một tiểu đoàn thưởng thức. Đó là những chiếc nồi nhôm to đường kính 30-40 cm, dùng đinh nhỏ đục chi chít ở đáy nồi.

Anh trạm trưởng pha cà phê, mời chúng tôi, nhưng anh không uống. Hỏi, thì ra một lần, có một trung đội công binh hành quân qua trạm, anh pha cà phê chiêu đãi. Tính hiếu khách, anh trổ tài, pha thật đặc, "cắm chiếc tăm vào chén cà phê mà không bị đổ", tra đường thật ngọt. Nhưng trung đội vội lên đường, không kịp uống. Đổ đi thì tiếc anh đành một mình uống cả ga men cà phê. Và thế là bị ngộ độc cà phê. Cả một tuần lễ liền không ăn không ngủ được mắt cứ chong chong suốt đêm. Tim thì đập thình thình như trống trận. Tưởng chết. Từ ngày đó, anh phát khiếp, ngửi thấy mùi cà phê là sợ!

Sáng 8 tháng 6, tiếp tục đi, qua đèo 110 khá nguy hiểm. Con đường nhỏ, vắt qua những ngọn núi cheo leo, một bên là vực sâu, một bên là vách núi đá thẳng đứng. Mỗi khi vượt dốc cao, xe thở hì hục. Có lúc sang số không kịp, xe tụt lại xuống ngầm. Ngồi trên xe mà rợn người. Qua ngã ba đường 22A, 22B, tới cây số 114, qua ba-ri-e 94. Hỏi thăm được biết, chiếc xe kéo pháo bị hỏng vẫn nằm ở cây số 63.

Buổi trưa xe dừng lại, nấu cơn ăn bên bờ suối, cạnh một trạm công binh. Nhiều xác xe hỏng rải rác dọc đường. Những máy ủi đất đang hì hục san nền cho một con đường mới, phẳng phiu rộng 12 mét, đất đỏ lầy lội, hai bên có rãnh.

Buổi chiều, tới trạm ba-ri-e 63, gọi nhờ điện thoại được biết chiếc xe hỏng đang ở trạm trung tu của Trung đoàn công binh. Các đồng chí đi nhờ xe xuống trạm giao liên, còn chúng tôi thì cùng với xe vào trạm trung tu. Từ đây ra đường 9 còn khoảng hơn 100 cây số.

Tình hình xe ra khá gay go. Mùa mưa rồi. Không còn xe đi theo kế hoạch. Đường ra còn nhiều đèo dốc khó đi. Vừa xảy ra một tai nạn, may không ai chết. Đường giao liên bộ cũng đang di chuyển không nhận khách.

Thấy chúng tôi lúng túng chưa biết làm sao đi tiếp được, anh lái xe U-ran đề nghị: "Hay là để chúng em đưa các anh ra tiếp!".

Một đề nghị thật hấp dẫn. Chúng tôi đã đi cùng với nhau gần một tuần nay trên chiếc xe U-ran này. Với chiếc xe khoẻ như con voi này, thì chỉ hai ngày

nhẹ nhàng ra tới Hà Nội. Mà ở giữa rừng này, quyết định là ở chúng tôi.

Nhưng rồi chúng tôi suy nghĩ: Nhiệm vụ giao là đón chiếc xe hỏng đưa vào chiến trường. Nay điều xe ra Hà Nội, hoặc Quảng Bình, anh em lái xe tranh thủ về thăm nhà vài hôm, quay lại đúng vào giữa mùa mưa, đường lầy, không hoàn thành nhiệm vụ, thì mất đầu! Chúng tôi đành cám ơn lòng tốt của anh lái xe. Chiều hôm đó, chúng tôi tổ chức một bữa liên hoan từ biệt rồi chia tay nhau.

Vào Trung đoàn Công binh liên hệ. Các thủ trưởng Trung đoàn rất nhiệt tình, cho biết sắp có xe đưa đoàn văn công của Trung đoàn về Sư đoàn ở gần đường 9 dự hội diễn. Nhưng phải chờ đến ngày 12 tháng 6 mới có xe đi.

Ngày 12, chờ sốt ruột mà không có xe. Xe hỏng, hơn nữa trời mưa suốt ngày không đi được. Sáng 13, chờ tới 9 giờ sáng, xe mới tới nhưng đã đầy người trên xe. Chờ xe thứ hai, nhưng cũng đầy người. Điện tới, điện lui, sau đó tất cả leo lên xe. Đi được khoảng hai cây số, chờ xe thứ ba. Đến một giờ chiều xe thứ ba tới, san bớt người, nên cuối cùng cũng đủ chỗ ngồi trên ba xe.

Đi được khoảng 20 phút, chiếc xe thứ hai chết. Xe chúng tôi tới được đèo 36, ngủ lại đêm ở một trạm công binh. Như vậy cả ngày chỉ đi được 20 cây số. Cũng đã là may. Một giờ đêm, chiếc xe hỏng mới tới.

Đường đi đang sửa, nhiều xe ủi chạy hì hục suốt ngày, mìn nổ liên tục, mà không có tín hiệu gì báo trước. Tiếng mìn nổ, từng cột đất đá tung lên trời. Chúng tôi đành cứ phải coi chừng, quan sát hai bên đường. Nếu thấy mọi người chạy dạt là mìn sắp nổ để tránh.

Ngày 14 tháng 6, đi trót lọt đến chiều, nghỉ lại giữa một con suối đá, mắc võng trên thùng xe. Trời vẫn mưa. Thùng xe ngắn, chiếc tăng không che được hết võng, ướt một đầu lại quay đầu lại, xoay chân ra chỗ ướt, đắp chăn, ngủ tiếp ngon lành.

Sáng 15 tháng 6, tới đèo Tha Mé, hàng chục cây số, cây cối hai bên đường bị chất độc hoá học và bom napan đốt cháy như những cột than đen, hai bên đường. Rải rác những đống sắt vụn, xác xe ôtô, xe tăng, pháo, những bánh xe chổng ngược lên trời. Một xác máy bay C130 rơi xuống một khe suối cạn, cách đường vài chục mét, vỏ nhôm còn sáng loáng, chứng tỏ đây đã từng chứng kiến những trận đánh ác liệt.

Qua Tha Mé, là tới đường số 9. Gặp đường nhựa, xe phóng vun vút, quặt sang hướng Tây. Xe dừng lại ở một trạm kiểm soát ven đường. Từ đây vào

sư đoàn bộ còn phải đi bộ 7 cây số nữa mới tới. Đành gọi nhờ điện thoại hỏi thăm tình hình. Đoạn đường này, xe đi lại ít. Hiện nay chưa có kế hoạch về Đoàn 559. Vì xe được lệnh ra Mường Lụm lấy hàng, nên chúng tôi quyết định không vào Sư đoàn bộ nữa mà bám theo xe sang Xê-pôn.

Đường đi qua ngầm Tà Khống, nổi tiếng là Cồn Cỏ trên đất liền. Bảy năm trước chúng tôi đã qua đây. Lúc đó đi đêm, dưới pháo sáng, trong tiếng gầm rú của máy bay và bom nổ liên hồi. Hôm nay qua lại đèo giữa ban ngày, những dẫy trùng điệp, cây rừng trụi lá, như những cột than đen, các cành cây như những bàn tay xương xẩu xoè ra chĩa các ngón lên trời.

Đêm ngủ lại Xê-pôn, một thị trấn huyện thuộc tỉnh Savannakhét của nước bạn Lào. Thị trấn nằm trong một thung lũng hẹp, bằng phẳng có đồi núi cao vây quanh. Nhiều nhà gạch cũ đã đổ nát. Nhân dân sống thưa thớt ở các đồi núi chung quanh.

Đến được đây đã là hạnh phúc rồi. Từ đây về nước có hai con đường: Hoặc theo đường quân sự của Đoàn 559, qua Mường Lụm, ra đường 20 sang Cự Nờm, Quảng Bình, hoặc cứ theo đường quốc lộ số 9 qua Bản Đông, ra Đông Hà, Quảng Trị.

Đường 559 thì về mùa mưa rất lầy lội, không hy vọng gặp được xe. Đi bộ chắc cũng khó khăn. Chúng tôi quyết định đi theo đường số 9.

Bắt đầu từ đây, không có xe. Chúng tôi phải chuẩn bị khả năng đi bộ.

Thu xếp lại đồ đạc, bỏ hết những thứ cồng kềnh không cần thiết mỗi người một ba lô, một bao gạo, lên đường. Đặt kế hoạch đi bộ hai ngày tới Bản Đông. Từ Bản Đông sang Lao Bảo. Hy vọng sẽ gặp xe có thể đi nhờ về Lao Bảo hay Khe Sanh và từ đó đi Đông Hà, vào đường số 1 sẽ dễ dàng ra được Hà Nội.

Đường đi khá tốt, đoạn rải nhựa, đoạn rải đá khá dễ đi. Trời nắng đẹp. Đêm hôm đó chốt lại ngủ trên một bờ suối gần cua chữ S, nơi trên đường vào năm xưa, đoàn chúng tôi bị bom.

Qua ngầm Bản Đông tới một trạm ba-ri-e, một chiến sĩ quân giới cho biết, trên ngọn đồi cạnh đường có một tổ quân giới đang làm nhiệm vụ thu hồi các khẩu pháo của địch bỏ lại trong Chiến dịch đường 9 - Nam Lào. Theo hướng chỉ, chúng tôi lên đồi. Giữa một ngọn đồi trọc cạnh đường một chiếc lều to bằng vải bạt. Trong lều một dãy võng treo thành vòng tròn. Đầu võng buộc chụm vào chiếc cọc giữa lều như nan hoa xe đạp. Nước mưa chảy tràn lên mặt đất lầy lội. Anh em giải thích, ở tạm nên không làm rãnh thoát nước.

Tuy không quen biết nhưng anh em đón tiếp chúng tôi thật niềm nở. Anh tiểu đội trưởng cho biết, đúng là tiểu đội đang làm nhiệm vụ thu hồi xe pháo của địch còn vứt lại ở chiến trường. Đã thu được một khẩu pháo 130 ly. Ngày mai sẽ có xe từ Khe Sanh ra kéo về. Anh thu xếp cho chúng tôi chỗ buộc võng trong lều. Buổi tối uống cà phê Khe Sanh, pha vào bi đông như pha chè.

Sáng hôm sau, chúng tôi rời Bản Đông theo một xe kéo khẩu pháo chiến lợi phẩm. Ngồi ngất nghểu trên xe. Sau xe là một khẩu pháo 130 ly mệnh danh là "Vua chiến trường" nòng dài ngoẵng. Một anh công binh nói: Có khi chúng nó tưởng quân ta kéo pháo đi đánh Quảng Trị cũng nên.

Chiếc xe kéo pháo ì ạch. Đường bằng còn khá. Qua những đoạn đèo, dốc, một bên đường là vực sâu. Khẩu pháo nặng sau xe có lúc kéo chiếc xe tụt hẳn lại, trôi ầm ầm xuống chân dốc mới dừng lại được. Chúng tôi thót người lại, chờ đợi một tai hoạ. Ngồi trên thùng xe, mà nơm nớp như cá nằm trên thớt. Nghĩ thấy hối hận, thật dại, chọn kiểu đi nguy hiểm này. Chả lẽ nhảy xuống xe đi bộ, thoát chết ở chiến trường, lại chết ở đây hay sao?

Đến Khe Sanh, xe dừng lại chúng tôi nhảy xuống đất mới thở phào, thoát chết rồi. Hỏi thăm đường vào Sư bộ 473, được các anh cho xe con đưa sang trạm giao liên ở Tà Cơn.

Ngày hôm sau, từ Tà Cơn, giao liên cơ giới có xe ca đưa chúng tôi theo đường 9 qua Cồn Tiên, Đông Hà. Những lá cờ giải phóng nửa xanh nửa đỏ phấp phới tung bay khắp nơi. Qua cầu Hiền Lương, ra Quảng Bình, ở lại Quảng Bình mấy hôm chờ ôtô, sau đó ra Nghệ An rồi đi tầu ra Hà Nội.

Ngày 27 tháng 6 năm 1973, ra tới Hà Nội vào một buổi chiều hè nắng chói chang. Những năm gian khổ, ác liệt ở chiến trường trôi qua như một giấc mơ. Về Hà Nội, trong lòng như ngân nga câu thơ của Tố Hữu:

"Về đến đây rồi Hà Nội ơi!
Người đi kháng chiến chín năm trời
Hôm nay, trở lại đây Hà Nội.
Giàn giụa vui lên ướt mắt cười..."

Hà Nội 31-3-1997

Hết!